

TÁC PHẨM ĐOẠT GIẢI NOBEL VĂN HỌC

KNUT HAMSTUN

Phúc lành
của **ĐẤT**

Growth of the Soil



you
books

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Phúc Lành Của Đất

Knut Hamsun

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Quyển I

- CHƯƠNG I
- CHƯƠNG II
- CHƯƠNG III
- CHƯƠNG IV
- CHƯƠNG V
- CHƯƠNG VI
- CHƯƠNG VII
- CHƯƠNG VIII
- CHƯƠNG IX
- CHƯƠNG X
- CHƯƠNG XI
- CHƯƠNG XII
- CHƯƠNG XIII
- CHƯƠNG XIV
- CHƯƠNG XV
- CHƯƠNG XVI
- CHƯƠNG XVII
- CHƯƠNG XVIII
- CHƯƠNG XIX

Quyển II

- CHƯƠNG I
- CHƯƠNG II
- CHƯƠNG III
- CHƯƠNG IV
- CHƯƠNG V
- CHƯƠNG VI

[CHƯƠNG VII](#)

[CHƯƠNG VIII](#)

[CHƯƠNG IX](#)

[CHƯƠNG X](#)

[CHƯƠNG XI](#)

[CHƯƠNG XII](#)

TIỂU SỬ TÁC GIẢ



Nhà văn Knut Hamsun (4/81859 – 19/2/1952) tên thật là Knud Pederson. Ông chào đời tại xã Lom, huyện Gudbrandsdalen, (nay thuộc tỉnh Oppland) miền Nam Na Uy; là con thứ tư trong một gia đình nghèo đông con (bảy người con). Năm ông lên bốn, cả gia đình chuyển tới sinh sống tại quận Hamarøy, tỉnh Nordland, miền Bắc Na Uy.

Từ năm lên chín, ông phải tới giúp việc cho ông chú đang làm việc tại một bưu cục, thường xuyên bị đánh và bỏ đói. Những chấn thương tinh thần và thể xác này đã khắc sâu dấu ấn trong ông và là nguyên nhân của những di chứng thần kinh mãn tính về sau.

Năm 1874, ông bỏ trốn trở về Lom, và từ đó bắt đầu một cuộc sống lang thang phiêu bạt khắp đó đây, hai lần sang Mỹ (1882-1884 và 1886-1888); nếm trải đủ mùi khổ ải, làm đủ mọi thứ nghề ngỗng trên đời: thư ký tiệm tạp hóa, bán hàng rong, phụ chữa giày, phụ tá cho quan chức hành chánh xã, giáo viên tiểu học, và hàng chục thứ nghề không tên khác. Từ năm mười bảy tuổi, ông cũng bắt đầu tập tành viết lách.

Năm 1890, tác phẩm *Sult* (Đói) của ông được xuất bản, gây chấn động lớn trong văn giới bấy giờ với một bút pháp lạ lùng sâu thẳm, mô tả rất xác thực, tinh vi, nhưng đôi khi cũng khá hài hước những cảm xúc và ý tưởng của một nhà văn trẻ đang hồi khốn khó. Có lẽ đây là tác phẩm gây ấn tượng sâu sắc nhất cho giới phê bình học giả cũng như bạn đọc toàn cầu kể từ ngày nó ra đời cho tới nay. Tác phẩm này cũng đã được dựng thành phim hai lần. Lần thứ nhất năm 1966, do Henning Carlsen (sinh 1929) nhà sản xuất phim lòng danh người Đan Mạch đạo diễn; lần thứ hai năm 2001 do đạo diễn, biên kịch người Mỹ Maria Giese đạo diễn.

Từ đó trở đi, bút lực của ông ngày càng dồi dào sung mãn. Về mặt bút pháp, ông là một trong những nhà văn cùng thời khác như James Joyce (1882-1941), Marcel Proust (1871-1922) và Virginia Woolf (1882-1941)... đã khai thác một cách tài tình thủ pháp *Dòng ý thức* ; hình thành nên trào lưu văn học hiện đại.

Tổng cộng ông đã viết trên ba mươi cuốn tiểu thuyết và nhiều tác phẩm kịch, thơ... Trong đó nổi bật nhất là: *Đói* (Sult-1890); *Những điều bí ẩn* (Mysterier-1892); *Pan* [11](#) (Pan-1894); *Victoria* (Victoria -1898); *Dưới ánh sao thu* (Under Høststjærnen -1906); *Gã lang thang chơi đàn không dây* (En Vandrers spiller med Sordin-1909) ; *Niềm vui cuối cùng* (Den sidste Glæde-1912); *Phúc lành của đất* (Markens Grøde-1917); *Trên lối mòn hoang* (Paa gjengrodde Stier-1949)...

Năm 1917, ông mua một điền trang ở Nørholm, miền Nam Na Uy, lui về đó sống một cuộc đời ẩn dật, viết văn và làm việc nông điền.

Năm 1920, ông đoạt giải Nobel văn chương nhờ bộ tiểu thuyết *Phúc lành của đất*.

Xuất phát từ chủ nghĩa cá nhân, sự oán ghét chủ nghĩa tư bản hiện đại của bản thân và do hâm mộ truyền thống tư tưởng Nietzsche trong chủ nghĩa Phát xít cũng như đã có sẵn cảm tình với Đức do chính nghĩa của nước này trong Thế chiến I, trong lúc đó công luận tại Na Uy lại nghiêng về Anh và Pháp, dần dần trong ông đã hình thành một cảm tình sai lệch với chủ nghĩa xấu xa này.

Năm 1932, ông gặp Hitler và Joseph Goebbels – Bộ Trưởng Tuyên truyền của Đức Quốc Xã. Dù không bao giờ gia nhập Đảng Phát xít, ông đã có những hành động và phát ngôn bày tỏ rõ rệt thái độ ủng hộ Đức của mình, chẳng hạn như tuyên bố với những người đồng bào rằng: “Tất cả chúng ta đều là người Đức” trong thời gian Đức chiếm đóng Na Uy, hoặc công khai viết lời ca tụng Hitler khi nghe tin ông này chết rằng: “Ông ấy là một chiến binh, một chiến binh của nhân loại, và một nhà tiên tri của nền công lý đối với mọi quốc gia.”

Sau Thế chiến II, ông bị công chúng ghét bỏ; do được coi là bị bệnh tâm thần nên ông không phải ngồi tù mà chỉ bị phạt tiền 80.000 đô la Mỹ (1947). Kể từ đó cho tới khi lìa đời, ông sống trong cảnh lẻ loi nghèo khổ, bị mọi người xung quanh xa lánh.

Ngày 19-2-1952, Knut Hamsun qua đời ở thị trấn Grimstad, miền Nam Na Uy, hưởng thọ 92 tuổi.

Hồi đầu năm 2009, khi Na Uy phát hành đồng tiền mệnh giá 200 Kroner (khoảng 500.000 đồng VN) in hình ông và tiếp sau đó là những hoạt động trọng thể tưởng niệm 150 năm ngày sinh của Hamsun, đã có nhiều quan điểm gay gắt phản đối từ nhiều nước trên thế giới. Dĩ nhiên, bên cạnh đó cũng có nhiều ý kiến đồng tình, biện minh cho những hoạt động nói trên.

Nếu không xét tới quan điểm chính trị của Knut Hamsun – vốn đã trăm phần trăm sai trái, không có gì cần bàn cãi nữa (có lẽ bản thân Knut Hamsun cũng đã nhận ra những sai lầm của ông trong quãng thời gian cuối đời), có thể khẳng định đa phần những di sản văn học mà ông để lại cho nhân loại là vô cùng quý báu. Và người đọc chúng ta có thể tri ân ông ở khía cạnh này.

Sài Gòn, 3-2010

Nguyễn Thành Nhân

DIỄN TỪ NOBEL CỦA KNUT HAMSUN (*)

Tôi sẽ phải làm gì trước một sự rộng lượng bao dung choáng ngợp hồn người như thế? Đôi chân tôi không còn đặt trên mặt đất, tôi đang bước giữa không trung, đầu tôi quay cuồng chao đảo. Thật khó mà tự chủ bản thân vào đúng lúc này. Ngày hôm nay vinh hạnh và tiền tài ập xuống người tôi. Tôi vẫn chính là tôi, nhưng tôi không còn đứng vững bởi tặng vật dành cho quê mẹ của tôi, bởi những giai điệu trong bài quốc ca cách đây một phút đã vang dội khắp sảnh đường này.

Cũng có lẽ đây không phải là lần đầu tôi không đứng vững trên đôi chân. Vào những ngày trẻ trung hạnh phúc của tôi đã từng có những lần như thế; có cuộc đời của một gã trẻ tuổi nào mà những sự kiện như thế lại không xảy ra? Không, những người tuổi trẻ duy nhất mà với họ đây là một cảm giác lạ lùng là những thanh niên bảo thủ, những người già trước tuổi bẩm sinh, những người không biết ý nghĩa của việc bị cuốn trôi đi. Không định mệnh tệ hại nhất nào có thể ập xuống một thanh niên hay thiếu nữ hơn việc trở nên cố thủ một cách vội vã trong sự cẩn trọng và sự phủ nhận. Trời đất cũng biết rằng có nhiều cơ hội ở chặng cuối đời để được cuốn trôi đi. Đó là gì? Chúng ta vẫn là chính chúng ta, không còn ngờ gì nữa, và tất cả những điều đó rất tốt lành đối với chúng ta!

Tuy nhiên, tôi không được tự cho phép mình hân thưởng cái trí khôn chất phác tại đây trước một hội đồng lỗi lạc thế này, đặc biệt là khi tiếp theo sau tôi sẽ là một vị đại biểu của nền khoa học. Tôi sẽ sớm ngồi xuống lại, nhưng hôm nay là một ngày trọng đại của tôi.

Tôi đã được chọn ra do lòng rộng lượng của quý vị, được chọn ra trong số nhiều ngàn người khác, và được đội vòng nguyệt quế lên đầu! Nhân danh quê hương tôi, tôi xin cảm ơn Viện Hàn lâm Thụy Điển và tất cả mọi công dân Thụy Điển về niềm vinh dự mà họ đã ban tặng cho tôi.

Với tư cách cá nhân, tôi cúi đầu dưới sức nặng của những vinh hạnh lớn lao như thế. Nhưng tôi cũng tự hào rằng các quý vị trong Viện Hàn lâm đã đánh giá đôi vai của tôi còn đủ vững để gánh chịu chúng.

Lúc này, một diễn giả lỗi lạc đã nói rằng tôi có cách viết của riêng tôi [2], và điều tôi sắp nói là có lẽ tôi chỉ có thể khẳng định điều này, không còn gì hơn nữa. Tuy nhiên, tôi đã học được đôi điều gì đó từ mọi người, và có người nào lại không học được chút gì từ tất cả mọi người? Tôi đã học được rất nhiều điều từ thi ca Thụy Điển, và, đặc biệt hơn nữa, từ những bài thơ trữ tình của thế hệ vừa qua. Giá như tôi thông thạo về văn học và những cái tên vĩ đại của nó hơn, tôi có thể tiếp tục trích dẫn chúng tràn ngập đại hải và bày tỏ lòng tri ân cho cái phẩm chất mà quý vị đã quá rộng lượng tìm thấy trong tác phẩm của tôi. Tuy nhiên, thốt ra từ một cá nhân như tôi, điều này sẽ chỉ là một sự phô trương, là những ấn tượng âm thanh nông cạn không có một nốt trầm nào để hỗ trợ cho chúng. Tôi không còn đủ trẻ đối với việc này; tôi không còn sức mạnh.

Không, điều tôi thật sự muốn làm ngay lúc này, dưới ánh đèn rực rỡ, trước mặt hội đồng lỗi lạc này, là rắc tung cho mỗi một người trong số quý vị những món quà, những đóa hoa, những quà tặng thi ca – để trẻ thêm lần nữa, để cưỡi trên đầu ngọn sóng. Đó là điều mà tôi ao ước muốn làm trong dịp trọng đại này, cơ may cuối cùng này đối với tôi. Tôi không dám thực hiện nó, vì tôi sẽ không khỏi tỏ ra lỗ bịch. Hôm nay tiền tài vinh hạnh đã trút xuống người tôi, nhưng còn thiếu một món quà, thứ quan trọng nhất trong tất cả, thứ duy nhất có ý nghĩa, món quà của tuổi trẻ. Không ai trong số chúng ta già tới mức không nhớ tới nó. Đúng là chúng ta, những người đang trở về già, nên lui lại một bước, và làm điều đó với phẩm cách và sự khoan dung.

Tôi không biết mình nên làm gì – tôi không biết đâu là điều đúng đắn để làm, nhưng tôi xin nâng ly chúc mừng tuổi trẻ của nước Thụy Điển, chúc mừng những người trẻ tuổi ở khắp mọi nơi, chúc mừng tất cả những gì trẻ trung trong cuộc sống.

(*) Nguồn: http://www.hamsun.dk/uk/hamsun_citat.html

[\[1\]](#) Thần điền đã trong thần thoại Hy Lạp.

[\[2\]](#) Trước khi Hamsun đọc diễn từ nhận giải, Giáo sư Oscar Montelius đã nói với ông: “Tôi biết ông thích được nói tới càng ít càng tốt, nhưng tôi không thể kèm lòng để đoán chắc với ông rằng tất cả chúng tôi, những người hâm mộ quyển *Phúc lành của đất* , đều hân hoan được diện kiến ông.”

Quyển I

CHƯƠNG I

Con đường trải dài qua những truông hoang rồi ngược vào rừng – ai là người mở lối đầu tiên? Một người đàn ông, kẻ tới đây trước nhất. Trước khi anh tới không có lối mòn nào cả. Sau đó, vài con thú hoang này khác lần theo những dấu vết nhạt nhòa băng qua đầm lầy và vùng hoang địa, làm cho chúng hằn sâu hơn; tiếp đến một tay người Lapp [\[3\]](#) phát hiện ra lối mòn và đi theo con đường đó để tìm bầy tuần lộc của mình. Cứ thế con đường băng qua vùng Almenning bao la đã được hình thành – những lối mòn chung vô chủ; vùng đất không người.

Người đàn ông đi về hướng bắc. Anh vác theo một cái bao tời cỡ lớn nhất, trong đựng thức ăn và vài dụng cụ. Một trảng đình thô kệch, với một bộ râu kẽm hung đỏ và vài cái sọc nhỏ trên mặt và đôi bàn tay, ở chỗ những vết thương cũ, không biết do lao động hay đánh nhau? Có lẽ anh đã từng ở tù và đang tìm nơi ẩn náu; cũng có lẽ anh là một triết gia tìm kiếm sự an bình. Dù là người này hay kẻ nọ, anh đã tới đó; một bóng người giữa chốn bao la quanh quẽ. Anh chậm chậm bước; quanh anh các loài chim thú đều im bật; thỉnh thoảng anh thốt lên một hai từ; trò chuyện với chính mình. “Ờ, phải, phải...” anh tự nhủ. Đó đây, nơi những truông hoang nhường chỗ cho một mảnh đất màu mỡ hơn, một khoảnh đất trống giữa rừng, anh đặt cái bao xuống và đi quanh khảo sát; một lúc sau anh quay lại, hất cái bao lên vai và đi tiếp. Ngày cứ thế trôi qua, nhìn mặt trời đoán giờ; đêm buông xuống, anh ngã người xuống cạnh bụi thạch nam, đầu gối lên tay.

Sau vài giờ nghỉ ngơi, anh lại tiếp tục lên đường: “Ờ, phải...” – lại tiến về hướng bắc, nhìn mặt trời đoán giờ; ăn một bữa gồm bánh lúa mạch và pho mát sữa dê, uống nước từ dòng suối, rồi đi tiếp. Hôm nay anh vẫn tiếp tục hành trình, vì có rất nhiều khoảnh đất tốt trong rừng cần được khám phá. Anh đang tìm kiếm cái gì? Một nơi ở, một mảnh đất? Có lẽ anh là một kẻ di cư lìa bỏ quê hương bản quán; anh cảnh giác nhìn quanh; thỉnh thoảng lại trèo lên đỉnh đồi nhìn ra. Mặt trời lại lặn.

Anh men theo mé tây một thung lũng; những cánh rừng vân sam xen lẫn với thông rậm rạp, bên dưới là thảm cỏ. Nhiều giờ như thế. Ánh chiều hôm buông xuống, nhưng tai anh đã thoáng nghe thấy tiếng nước chảy róc rách mơ hồ, và, như giọng nói của một sinh vật, nó khiến cho anh phấn chấn. Anh trèo lên dốc và nhìn thấy cái thung lũng đang chìm khuất nửa phần trong bóng tối bên dưới; mé bên ngoài là bầu trời hướng nam. Anh nằm xuống nghỉ.

Ánh ban mai phơi bày trước anh một dải rừng và đồng cỏ. Anh đi xuống và nhìn thấy một sườn đồi xanh ngắt; xa xa phía dưới, thấp thoáng một dòng suối, và một con thỏ rừng vừa phóng ngang qua. Anh gật đầu, có vẻ hài lòng – dòng suối không rộng lắm nên một con thỏ có thể dễ dàng nhảy qua. Một con gà gô trắng đang nằm trong tổ rít lên giận dữ khi nghe tiếng chân anh, và anh lại gật đầu: chim và thú để sẵn – đây là một địa điểm tốt. Những lùm thạch nam, việt quất và dâu dại phủ kín mặt đất; có cả những lùm dương xỉ nhỏ và những bụi lộc đề có hoa hình sao bảy cánh. Anh dừng lại đây đó để đào xới với một dụng cụ bằng sắt, và tìm thấy những lớp đất tươi xốp hoặc đất lẫn than bùn, đã trở nên màu mỡ nhờ những thân gỗ mục và những thảm lá rụng suốt cả ngàn năm. Anh gật đầu, ý nói đã tìm được cho mình một nơi cư

ngụ: phải, anh sẽ ở lại, sinh sống tại đây. Anh bỏ ra hai ngày đi khảo sát vùng đất xung quanh, quay trở lại chỗ sườn đồi vào chiều tối. Ban đêm anh ngủ trên chiếc giường làm bằng những nhánh lá thông; anh đã cảm thấy đây là chốn quê nhà, với một chiếc giường nhánh lá thông bên dưới một tảng đá nhô ra.

Công việc khó khăn nhất của anh là tìm ra địa điểm này, cái chốn không người này, nhưng lại là chốn nương thân của anh. Bây giờ còn nhiều việc phải làm. Anh bắt đầu ngay lập tức, lột vỏ bạch dương trong những cánh rừng xa, trong lúc nhựa vẫn còn trong những thân cây. Anh ép và phơi khô những mảnh vỏ cây, sau đó gom lại thành một bó nặng, vác nó suốt nhiều dặm trở về làng để bán. Rồi quay trở lại sườn đồi, với những bao tời mới đựng thực phẩm và đồ dùng; bột mì và thịt heo, một cái nồi, một cái thuổng – ra đi và quay về theo con đường đã tới, lúc nào cũng mang vác thứ này thứ khác. Một phu khuân vác bẩm sinh, một dáng người chậm rãi lê chân giữa cánh rừng. Như thể anh yêu quý công việc của mình – lê bước trên những chặng đường dài với những gánh nặng trên vai; như thể cuộc sống mà không có một vật nặng trên vai thật là một điều bất hạnh, không phải là cuộc sống đối với anh.

Một hôm anh trở về với thứ khác ngoài những thứ vác trên vai; ba con dê được cột dây nối với nhau. Anh tự hào về những con dê của mình và chăm sóc chúng rất tận tình. Thế rồi người lạ đầu tiên đã đi ngang, một tay du mục người Lapp; khi nhìn thấy đàn dê, hắn biết rằng đây là một người muốn ngụ cư tại đó, và hắn trò chuyện với anh.

“Ông bạn sẽ sống mãi ở đây chứ?”

“Ờ,” anh nói.

“Ông bạn tên gì?”

“Isak. Anh có biết một phụ nữ từ bất cứ chỗ nào có thể tới đây và giúp đỡ không?”

“Không, nhưng tôi sẽ nói một lời về chuyện này với tất cả những người tôi gặp.”

“Phải, cứ làm như thế. Hãy nói rằng ở đây không có ai trông nom lũ súc vật giúp tôi.”

Tay người Lapp tiếp tục lên đường. Isak – phải, hắn sẽ nói một lời về việc đó. Người đàn ông trên sườn đồi không phải là một kẻ trốn tránh; anh ta đã nói tên mình. Một kẻ trốn tránh? Anh ta ắt sẽ bị tìm ra. Chỉ là một người lao động, một người lao động cần cù.

Anh tiến hành cắt cỏ khô mùa đông cho đàn dê của mình, phát quang mảnh đất, cuốc một cánh đồng, thu gom đá để dựng một bức tường. Tới đầu thu anh đã xây được cho mình một ngôi nhà, một căn lều cỏ, chắc chắn, bền vững và ấm áp; những cơn bão không thể làm nó lung lay và không gì có thể xô đổ nó. Đây là một ngôi nhà; anh có thể vào trong và đóng cửa, ở lại đó; có thể đứng trên bậc cửa, một chủ nhân ông của ngôi nhà, nếu có ai đó đi qua. Trong lều có hai phòng; một đầu dành cho anh, còn đầu kia cho đàn gia súc. Ở phía trong cùng sát vách đá là vựa cỏ khô. Mọi thứ đều cất ở đó.

Thêm hai người Lapp nữa đi ngang, cha và con trai. Họ đứng nghỉ, đặt hai bàn tay lên những mảnh ván dài của mình, quan sát căn lều và mảnh đất trống, chú ý tới tiếng chuông cổ dê ở mé sườn đồi.

“Xin chào,” hai cha con người Lapp nói. “Đây là một người dân tốt tới để sinh sống.” Những

người Lapp thường nói theo kiểu đó, với những lời tăng bốc.

“Ông biết một phụ nữ nào gần đây để giúp việc không?” Isak nói, luôn nghĩ tới một điều duy nhất.

“Phụ nữ giúp việc? Không, nhưng chúng tôi sẽ nói một lời về chuyện đó.”

“Phải, nếu ông tốt bụng. Rằng tôi có một ngôi nhà và chút ít đất ở đây, và mấy con dê, nhưng không có người đàn bà nào giúp đỡ. Hãy nói thế.”

Chà, anh đã từng tìm kiếm một người phụ nữ để giúp mình mỗi lần đi xuống làng với những bó vỏ cây, nhưng chẳng tìm ra ai cả. Họ thường nhìn anh, một góa phụ hoặc một phụ nữ lớn tuổi chưa chồng nào đó, nhưng tất cả đều ngại đưa ra lời đề nghị, bất kể trong đầu họ nghĩ gì. Isak không thể biết nguyên do. Không thể biết nguyên do ư? Ai chịu tới sống với một người đàn ông trong chốn rừng hoang, cách xa quá nhiều dặm đất – một chặng đường dài trọn ngày để tới ngôi nhà gần nhất? Và bản thân người đàn ông trông cũng chẳng dễ thương hay thú vị chút nào, còn khuya mới thế; và khi anh nói, với đôi mắt hướng lên trời, thì đó không phải là giọng nam cao mà là một giọng thô kệch, có gì đó giống như giọng của một con thú.

Chà, hẳn anh phải một mình xoay xở mà thôi.

Vào mùa đông, anh làm những cái máng gỗ lớn và bán chúng trong làng, băng qua lớp tuyết để vác về những bao thực phẩm và dụng cụ. Anh gặp khó khăn khi phải rời nhà. Không có ai trông nom đàn dê; anh không thể đi xa lâu được. Vậy anh làm cách nào? Nhu cầu khiến anh trở nên thông minh; bộ óc của anh khỏe mạnh và chưa sử dụng nhiều; anh đã huấn luyện nó ngày càng tốt hơn. Cách đầu tiên của anh là thả lũ dê trước lúc lên đường để chúng có thể ăn những cây cỏ mọc thấp trong rừng. Nhưng anh nghĩ ra một kế hoạch khác. Anh lấy một cái xô, một thùng đựng nước lớn, và treo nó cạnh con sông sao cho mỗi lúc chỉ một giọt nước rơi vào đó, mất mười bốn tiếng để cái thùng đầy nước. Khi nó đầy tràn, sức nặng đã đủ, cái thùng chìm xuống, và do đó sẽ kéo một sợi dây nối liền với vựa cỏ khô, một cánh cửa sập mở ra, và ba bó cỏ khô rơi qua đó – mấy con dê được cho ăn.

Đây là cách của anh.

Một ý tưởng sáng suốt, có lẽ đã được Thượng đế gửi xuống. Anh không có ai giúp đỡ ngoài chính bản thân. Ý tưởng đó phục vụ cho nhu cầu của anh tới cuối thu, rồi đợt tuyết đầu tiên rơi xuống, rồi mưa, và tuyết lại rơi, rơi suốt ngày đêm. Thế là cỗ máy của anh bị chệch choạc; cái thùng đầy tuyết mở cánh cửa sập quá sớm. Anh đẩy phía trên thùng lại, và mọi thứ lại ổn thỏa trong một thời gian; thế rồi mùa đông tới, giọt nước đóng băng thành một cột băng, và cỗ máy ngưng hoạt động hẳn.

Lũ dê phải làm theo ông chủ của chúng: học cách nhịn ăn.

Những thời điểm khó khăn – anh cần được giúp đỡ, và chẳng có ai giúp cả, thế nhưng anh vẫn tìm ra một cách. Anh miệt mài làm việc tại nhà; anh làm một khung cửa sổ với hai cánh cửa kính thật sự, và hôm đó là một ngày sáng sủa và tuyệt diệu trong đời anh. Không cần phải đốt lửa để nhìn thấy; anh có thể ngồi trong nhà và làm những cái máng gỗ nhờ ánh sáng ban ngày. Những ngày tốt đẹp hơn, những ngày xán lạn hơn... phải!

Anh không đọc cuốn sách nào, nhưng những ý nghĩ của anh thường hướng về Thượng đế; đó là lẽ tự nhiên, xuất phát từ tính tình mộc mạc và lòng kính sợ. Những vì sao trên trời, cơn gió trong đám cây cối, tấm màn tuyết quanh hieu và giăng trải rộng khắp, mỗi ngày sức mạnh của đất trời nhiều lần phủ đầy tâm trí anh với sự nghiêm trang sâu thẳm. Anh là một kẻ tội lỗi và kính Chúa; vào những ngày Chủ nhật anh tắm gội do lòng sùng kính đối với cái ngày thiêng liêng đó, nhưng dù gì đi nữa anh cũng vẫn làm việc trọn tuần.

Mùa xuân đến; anh cuốc xới mảnh đất của mình và trồng khoai. Bầy gia súc của anh đã tăng lên; cả hai con dê cái đều sinh đôi, đưa tổng số đàn dê lên bảy con. Anh làm cho chúng một cái chuồng lớn hơn, chuẩn bị cho sự gia tăng nhiều hơn nữa, và cũng lắp thêm hai cánh cửa kính ở đó. Phải, giờ đây mọi thứ đều xán lạn rực rỡ hơn theo mọi cách.

Thế rồi cuối cùng sự giúp đỡ, người phụ nữ anh cần đã tới. Nàng lượn lờ quanh quẩn một lúc lâu, đi qua đi lại ngang sườn đồi trước khi dám đến gần; tới tận xế chiều nàng mới lò dò đi xuống. Nàng tới như thế đó – một cô gái to cao, mắt nâu, người đậm và thô, với đôi bàn tay to khỏe, chân mang một đôi giày đi núi cổ cao thô kệch, như thể nàng là một thổ dân Lapp, và một cái túi da mèo vắt vẻo trên vai. Không còn trẻ lắm; nói năng nhã nhặn; khoảng gần ba mươi tuổi.

Chẳng có gì để sợ, nhưng nàng chào anh và vội vã nói: “Tôi đang băng qua dãy đồi và đi theo lối này, chỉ thế thôi.”

“VẬY HẢ,” anh nói. Anh gần như không hiểu ý của nàng, vì nàng nói năng ngọng nghịu, và còn quay mặt sang một phía.

“Phải,” nàng nói, “cả một chặng đường dài để tới đây.”

“Ừ, đúng vậy,” anh nói. “Cô nói là băng qua dãy đồi hả?”

“Vâng.”

“Để làm gì?”

“Tôi có bà con ở đó.”

“À, vậy ra cô có bà con ở đó? Cô tên gì?”

“Inger. Còn ông?”

“Isak.”

“Isak? Ừm. Ông sống ở đây một mình, có lẽ thế?”

“Phải, ở đây, vậy đó.”

“Sao, thế cũng không tệ lắm,” nàng nói để làm anh vui lòng.

Lúc này anh đã trở nên thông minh hơn khi suy nghĩ về mọi sự, và anh giật mình bởi nàng đến chính vì việc đó chứ không phải việc nào khác; đã lên đường từ hai hôm trước chỉ để tới đây. Có lẽ nàng đã nghe được tin anh cần có một phụ nữ giúp việc.

“Hãy vào nhà nghỉ chân,” anh nói.

Họ bước vào lều và ăn một ít thức ăn nàng đã mang tới, rồi uống một ít sữa dê của anh; sau đó họ pha thứ cà phê mà nàng mang tới trong một cái túi bong bóng. Họ ngồi thoải mái, cùng uống cà phê cho tới giờ ngủ. Vào giữa đêm, anh muốn ngủ với nàng, và nàng ưng chịu.

Sáng hôm sau nàng không ra đi; suốt ngày hôm đó nàng không đi mà giúp việc quanh nhà; vắt sữa đàn dê, cọ rửa nồi niêu các thứ với cát mịn khiến chúng trở nên sạch bóng. Nàng không đi đâu nữa. Nàng tên Inger. Còn anh tên Isak.

Giờ đây, một cuộc đời khác đã đến với người đàn ông cô lẻ. Đúng, người vợ này của anh có cách nói năng ngọng nghịu lạ lùng, và luôn quay mặt sang một bên, vì nàng bị sút môi, nhưng điều đó không quan trọng. Nếu môi nàng bình thường, ắt hẳn nàng không bao giờ đến với anh; anh nên biết ơn vì nàng bị sút môi. Và so với chuyện đó, bản thân anh cũng không xinh đẹp gì. Isak với bộ râu kẽm và thân hình thô kệch, một gã đàn ông trông dữ tợn và cáu kỉnh; phải, như một gã đàn ông nhìn qua một vết rạn trên kính cửa sổ. Dáng vẻ của anh không phải là dáng vẻ của một người dịu dàng; như thể một gã Barabbas [\[4\]](#) có thể bộc phát vào bất cứ lúc nào. Việc Inger không bỏ đi thật là một điều kỳ diệu. Khi anh đi khỏi và lại quay về nhà, Inger vẫn có mặt trong lều; cả hai là một, người phụ nữ và túp lều.

Anh phải nuôi thêm một miệng ăn, nhưng không có gì mất mát ở việc này; giờ anh được tự do hơn, có thể đi và ở theo nhu cầu cần thiết. Và có những việc cần phải coi sóc ở xa nhà. Có con sông; nhìn thật thích mắt, sâu và chảy xiết; một con sông không thể xem thường; nó phải đến từ một nguồn suối lớn trên dãy đồi. Anh mang theo ít dụng cụ đánh bắt cá và đi thăm dò; xế chiều, anh quay về với một giỏ cá hồi và cá hồi chấm hồng. Đây là một điều thật tuyệt đối với Inger, và là một điều kỳ diệu; nàng rất đổi vui mừng, vì chưa từng quen với những thứ thức ăn ngon lành như thế. Nàng vỗ tay và kêu lên: “Sao! Bất cứ nơi nào...” Và nàng nhanh chóng nhận thấy anh hài lòng với sự ngạc nhiên của nàng, tự hào về nó, vì thế nàng nói thêm với cùng một giọng – ồ, nàng chưa hề nhìn thấy những con cá như thế bao giờ, làm sao anh có thể xoay sở để tìm được những thứ như thế chứ!

Inger cũng là một phúc lành theo nhiều cách khác. Đầu óc không thông minh sắc sảo lắm, có lẽ, nhưng nàng có hai con cừu cái đã sinh con ở chỗ một người bà con nào đó, và đã mang chúng về. Đó là điều tốt nhất mà họ có thể ước ao ở túp lều; lũ cừu với len và bốn con cừu non thêm vào số gia súc của họ; nó đang tăng trưởng, to hơn; gia sản của họ tăng lên một cách lạ lùng kỳ diệu làm sao. Và Inger mang tới thêm nhiều thứ; quần áo, những thứ lặt vặt của riêng nàng, một tấm gương soi, một mớ hạt cườm, một cái guồng se sợi, và những chiếc lược chải lông cừu. Sao chứ, nếu nàng cứ tiếp tục kiểu đó thì chẳng bao lâu túp lều sẽ đầy tràn từ nền tới mái và không còn chỗ trống! Tới lượt Isak ngạc nhiên với tất cả những thứ tài sản này, nhưng là một người đàn ông lặng lẽ và chậm lời, anh không nói gì cả, chỉ bước ra khỏi ngạch cửa và nhìn thời tiết, rồi lại đi vào. Phải, anh thật là may mắn, anh cảm thấy ngày càng yêu nàng hơn, hoặc bị thu hút về phía nàng hơn, hoặc bất cứ điều gì có thể xảy ra.

“Em không việc gì phải đưa hết mọi thứ đó về,” anh nói. “Chúng nhiều hơn mức cần thiết.”

“Tôi sẽ có nhiều hơn nếu muốn lấy. Và ngoài ra còn có cậu Sivert – anh có nghe nói về ông ấy không?”

“Không.”

“Sao, ông ấy là một người giàu có, ngoài ra còn là thủ quỹ huyện.”

Tình yêu khiến một gã ngốc trở nên khôn ngoan. Isak cảm thấy anh phải làm một điều gì đó quan trọng, và đã làm quá trớn. “Tôi sẽ nói gì nhỉ, em không cần bận tâm với việc đào khoai. Chiều nay khi về nhà tôi sẽ tự làm.”

Rồi anh cầm lấy rìu và đi vào rừng.

Nàng nghe thấy tiếng anh đốn cây trong rừng, không xa lắm; nàng có thể đoán từ tiếng rìu chan chát rằng anh đang hạ một thân cây lớn. Nàng lắng nghe một lúc, rồi đi ra đồng khoai và bắt đầu đào.

Tình yêu khiến một gã ngốc trở nên khôn ngoan.

Isak trở về nhà vào xế chiều, lúi theo sợi thừng cột quanh một súc gỗ lớn. Ồ, anh chàng Isak giản đơn và ngây thơ đó, anh tạo ra đủ mọi tiếng ồn ào với súc gỗ của mình, ho khúc khải và dang hắng, tất cả chỉ để nàng bước ra và ngạc nhiên về anh. Và chắc chắn là thế:

“Sao, anh mất trí à,” Inger nói khi bước ra. “Công việc đó phải chẳng dành cho một người đơn độc?” Anh không đáp; không hề nói lời nào về bất cứ điều gì. Làm nhiều hơn chút ít so với công việc của một người đơn độc không có gì đáng nói – không là gì cả. Một súc cây coi được, hả!

“Và anh sẽ làm gì với nó?” nàng hỏi.

“Ồ, chúng ta sẽ xem sao,” anh trả lời một cách thờ ơ, như thể không để ý tới nàng đang đứng đó.

Nhưng khi anh thấy rằng nàng đã đào khoai, anh chẳng hài lòng chút nào. Như thể nàng đã làm nhiều không kém gì anh; và đó là điều anh không thích. Anh tháo sợi thừng ra khỏi súc gỗ và đi vào rừng một lần nữa.

“Sao, anh chưa làm xong hả?”

“Chưa,” anh nói cộc lốc.

Và anh trở lại với một súc gỗ khác giống súc trước, chỉ có điều không có tiếng ồn ào hoặc dấu hiệu nào tỏ ra hệt hơi; kéo nó lên chỗ túp lều như một con bò đực, và để nó nằm ở đó.

Mùa hè đó anh đốn được rất nhiều gỗ, và mang chúng về lều.

[3] Còn gọi là Sami, một tộc thổ dân sinh sống ở khu vực Bắc Âu, nghề chính của họ là nuôi tuần lộc, đánh cá, bẫy thú hoang.

[4] Nhân vật trong Thánh kinh, có tính tình hung hăng bạo ngược.

CHƯƠNG II

Một hôm Inger gói ít thức ăn cho vào cái túi da mèo. “Tôi tính đi thăm mấy người bà con, chỉ để coi họ sinh sống ra sao.”

“Ờ,” Isak nói.

“Tôi phải nói chuyện với họ về nhiều thứ.”

Isak không ra ngoài ngay để tiễn chân nàng mà chờ một lát. Và cuối cùng khi lóng ngóng bước ra, trông anh hơi bồn chồn khổ sở và đầy sợ hãi, Inger đã sắp khuất dáng sau bìa rừng.

“E hèm,” anh đằng hắng và gọi to, “Em sẽ quay lại chứ?” Anh không có ý hỏi nàng câu đó, nhưng...

“Quay lại? Sao, anh nghĩ gì trong đầu vậy? Dĩ nhiên là tôi sẽ quay lại.”

“Ừm.”

Thế là một lần nữa anh bị bỏ lại một mình – ờ, phải...! Với sức khỏe của anh, và tình yêu lao động trong người, anh không thể ở không đi ra đi vào mãi; anh lên đường, đốn cây, hạ những thân cây suôn thẳng, và chặt bằng hai đầu của chúng. Anh làm công việc này suốt ngày, rồi về vắt sữa dê và đi ngủ.

Trong lều bây giờ trống vắng một cách đáng buồn; im lặng nặng nề giăng khắp những bức vách trộn than bùn và nền đất; một sự cô độc sâu thẳm trang nghiêm. Cái guồng se sợi và những chiếc lược chải lông cừu vẫn nằm ở chỗ của chúng; ngay cả mớ hạt cườm vẫn được cất giữ an toàn trong một cái giỏ bên dưới mái nhà. Inger chẳng mang theo vật gì của nàng cả. Nhưng Isak, đơn giản một cách không thể tưởng, chợt thấy sợ bóng tối của những đêm hè trong sáng, và nhìn thấy những Hình dáng và Sự vật đang len lén lướt qua cửa sổ. Anh trở dậy trước bình minh, khoảng hai giờ theo ánh sáng, và ăn điểm tâm, một đĩa to cháo yến mạch cho suốt cả ngày để tiết kiệm thời gian nấu nướng. Vào xế chiều anh cuốc lật một mảnh đất mới để làm một cánh đồng khoai rộng hơn.

Anh lần lượt làm việc với thuổng và rìu suốt ba ngày; hôm sau Inger sẽ về tới. Cũng nên có một đĩa cá dành cho nàng khi nàng về tới nhà. Nhưng con đường thẳng dẫn tới dòng sông nằm trên lối nàng sẽ đi ngang, và việc này có vẻ như... Vì thế anh đi vòng một đoạn xa hơn; một con đường mới, băng qua dãy đồi mà anh từng thấy trước đó. Những tảng đá xám và nâu, và những hòn đá nặng nằm rải rác, nặng như đồng hoặc chì. Có thể có nhiều thứ trong những hòn đá nặng này; vàng hoặc bạc – anh không biết về những thứ đó và không quan tâm. Anh đến chỗ dòng nước, quăng mồi, và đêm ấy cá đớp câu rất khá. Anh mang về nhà một giỏ cá mà hẳn Inger sẽ mở to mắt để nhìn! Buổi sáng, khi quay về theo lối cũ, anh nhặt vài hòn đá nhỏ trên đồi; chúng có màu nâu, với những đốm xanh dương thẫm đó đây, và nặng một cách lạ lùng trong lòng bàn tay.

Inger vẫn chưa về tới. Đã là ngày thứ tư. Anh vắt sữa dê như đã từng làm khi còn ở một mình

và không ai giúp; rồi anh đi lên một mỏ đá gần đó mang đá về, nhiều đồng lớn các phiến đá vuông và dẹt, để xây một bức tường. Anh bận rộn không ngoi tay với đủ chuyện.

Vào xế chiều ngày thứ năm, anh quay vào lều để nghỉ với chút sợ hãi trong lòng; nhưng những chiếc lược chải lông cừu, cái guồng se sợi và những hạt cườm vẫn còn đó. Trong lều trống vắng buồn tênh và không có đến một âm thanh; giờ khắc dài ra, và cuối cùng, khi nghe thấy gì đó giống như tiếng chân ở bên ngoài, anh tự nhủ rằng đó chỉ là tưởng tượng mà thôi. “Chà, lạ Chúa!” anh lẩm bẩm, thấy lòng tuyệt vọng. Isak không phải là người giỏi mồm mép. Lại có tiếng chân bước bên ngoài, và khoảnh khắc sau có vật gì đó thoáng qua cửa sổ; một vật gì đó có sừng, sống động. Anh bật dậy lao tới cửa, và trông kìa, một ảo ảnh! “Thần thánh hay ma quỷ vậy,” Isak lẩm bẩm, anh không phải là người giỏi mồm mép. Anh nhìn thấy một con bò cái vừa biến mất vào chuồng gia súc.

Giả như anh không đứng đó và tự mình nghe thấy – Inger đang khẽ nói với con bò trong chuồng – hẳn anh không tài nào tin nổi. Nhưng anh đứng đó. Và ngay tức khắc một mối nghi ngờ đen tối hiện ra trong đầu anh: một người vợ thông minh, phải, một người tạo ra những điều kỳ diệu – nhưng, thật là quá đáng, và đó là từ duy nhất cho điều đó. Một cái guồng se sợi và dăm chiếc lược chải lông cừu; thậm chí cả mớ hạt cườm thì còn được, có lẽ, dù chúng tới đây một cách quá tốt đẹp theo bất kỳ cách thức đúng đắn và tự nhiên nào. Nhưng một con bò cái, bắt gặp tình cờ khi nó đang lạc trên đường hay trong một cánh đồng thì lại khác – điều này không thể bỏ qua, và phải được làm rõ ngay lập tức.

Inger bước ra khỏi chuồng, nói với một tràng cười rộ pha chút tự hào:

“Tôi đây mà. Tôi vừa mang con bò cái về.”

“Hừm,” Isak nói.

“Vì nó mà tôi đi lâu như thế – dắt nó qua đồi không dễ chút nào.”

“Vậy là em đã mang về một con bò?” anh nói.

“Vâng,” nàng đáp, sẵn sàng vỡ òa ra với sự tuyệt vời và giàu có trên quả đất. “Có lẽ anh không tin tôi hả?”

Isak e sợ điều tệ hại nhất, nhưng không tỏ vẻ gì, chỉ nói:

“Vào nhà và ăn chút gì đi.”

“Anh thấy nó chưa? Một con bò cái đẹp, phải không?”

“Ờ, một con bò cái đẹp,” Isak nói. Và cố hết sức hỏi một cách ngẫu nhiên, “Ở đâu mà em có nó vậy?”

“Tên nó là Sừng Vàng. Anh xây cái bức tường đằng kia làm gì vậy. Anh sẽ tự giết mình vì công việc, thế đó. Nè, lại nhìn con bò đi.”

Họ tới nhìn con bò, và Isak đang mặc quần áo lót, nhưng việc đó không quan trọng. Họ nhìn nó, nhìn mãi, một cách cẩn thận, vào mọi bộ phận, và lưu ý tới tất cả những dấu vết, đầu và vai, móng và đùi, nơi có lông màu đỏ và trắng, và cách nó đứng.

“Em nghĩ là nó bao nhiêu tuổi rồi?” Isak hỏi với vẻ cảnh giác.

“Nghĩ à? Sao chứ, chính xác là nó vừa mới tròn bốn tuổi. Chính tôi nuôi lớn nó, và tất cả bọn họ đều nói rằng nó là con bò xinh đẹp nhất mà họ từng nhìn thấy. Nhưng anh nghĩ ở đây có đủ thức ăn cho nó ăn hay không?”

Isak bắt đầu tin, như anh quá sẵn lòng để tin, rằng tất cả đều ổn thỏa. “Đừng lo gì về thức ăn, chà, sẽ có đủ thức ăn mà.”

Thế rồi họ đi vào nhà để ăn uống và cùng nhau qua một buổi chiều. Họ nằm trò chuyện về con bò cái; về sự kiện trọng đại đó. “Chẳng phải nó cũng là một con bò để mến sao? Nó sẽ có con. Và tên của nó là Sừng Vàng. Anh ngủ chưa, Isak?”

“Chưa.”

“Và anh nghĩ sao, nó đã nhận ra tôi; nhận ra tôi ngay lập tức, và đi theo tôi như một con cừu non. Đêm qua bọn tôi đã nằm trên đồi một lúc.”

“Vậy hả?”

“Nhưng cần phải cột nó lại suốt hè, không thì nó sẽ chạy mất. Một con bò vẫn là một con bò.”

“Trước đó nó ở đâu?” cuối cùng Isak hỏi.

“Sao, với những bà con của tôi, chủ của nó. Và họ rất tiếc khi mất nó, tôi có thể bảo anh thế; bọn nhóc khóc ầm lên khi tôi dắt nó đi.”

Có thể nào nàng bịa ra tất cả những thứ này, và nghĩ ra một cách nhanh nhẹn như vậy hay không? Không, không thể có chuyện này. Nó phải đúng, con bò là của nàng. Chà, họ đang trở nên giàu có, với túp lều này, với nông trại này; sao chứ, nó khá tốt đẹp đối với bất kỳ ai. Phải, họ sẽ sống ổn với tất cả những thứ sẵn có mà họ có thể ước ao. Ôi, cái cô nàng Inger này; anh yêu nàng và nàng cũng yêu anh; họ là người tắn tiện; họ sống với sự khôn ngoan nguyên thủy, và không thiếu thứ gì. “Chúng ta đi ngủ thôi!” Họ đi ngủ. Và lại thức giấc vào sáng hôm sau, với những thứ để ngắm nhìn, những vấn đề cần coi sóc; phải, sự cần lao và niềm vui thú, những lúc thăng trầm, đó là cách thức của cuộc đời.

Chẳng hạn như với những súc gỗ kia – Isak sẽ cố lắp ghép chúng lại với nhau. Anh đã chú ý quan sát khi đi xuống làng, với chính điều này trong tâm trí, đã nhìn thấy chúng được thực hiện ra sao; anh có thể tự mình xây nhà, tại sao không? Ngoài ra, đó là một trách vụ của anh, nó phải được thực hiện. Không phải họ đã có một nông trại với bầy cừu, một nông trại với một con bò cái, đã có nhiều và sẽ còn có nhiều dê hơn nữa hay sao? Chỉ lũ gia súc không thôi cũng đã quá đông đúc so với túp lều, cần phải làm một điều gì đó. Và tốt nhất là tiến hành nó ngay lập tức, trong lúc khoai tây vẫn còn ra hoa, và trước khi mùa cắt cỏ bắt đầu. Inger sẽ giúp một tay trong chuyện này chuyện khác.

Isak thức giấc trong đêm và ngồi dậy, Inger còn đang say ngủ sau chuyến đi dài vất vả. Anh đi ra chỗ chuồng bò. Đừng nghĩ rằng anh sẽ trò chuyện với con bò cái với bất kỳ lời lẽ nịnh nọt đáng tởm nào; không, anh chỉ khẽ vỗ về nó, và nhìn khắp người nó thêm lần nữa, để xem có tình cờ bắt gặp bất kỳ dấu hiệu vết tích nào cho thấy nó thuộc về một chủ nhân xa lạ hay không. Không một dấu hiệu, không một vết tích, và Isak len lén đi ra, nhẹ cả lòng.

Gỗ đang nằm đó. Anh hạ chúng xuống, lăn những súc gỗ về, rồi nhấc chúng lên, xếp chúng tựa

vào tường trong một cái khung nhà; một cái sườn lớn để làm phòng khách, và một cái sườn nhỏ – cần có một căn phòng ngủ. Đây là một công việc nặng nề, cực nhọc, và tâm trí anh đặt hết vào nó; anh quên khuấy mất thời gian. Một làn khói tỏa lên từ cái lỗ trên mái lều, Inger bước ra và gọi anh vào ăn bữa sáng.

“Anh lại bận bịu chuyện gì thế?” Inger hỏi.

“Em sẽ sớm biết mà,” Isak đáp, và chỉ có thế.

Chà, cái gã Isak đó với những bí mật và cung cách hách dịch của anh ta! Nhưng anh thấy vui, có lẽ thế, khi nàng hỏi han thắc mắc, tỏ ra tò mò về những việc anh đang thực hiện. Anh ăn đôi chút, và ngồi trong lều một lúc trước khi ra ngoài trở lại. Anh có thể mong đợi điều gì?

“Ừm,” cuối cùng anh nói, đứng lên. “Như thế này không được. Hôm nay không thể ngồi rảnh rang ở đây. Có công việc cần làm.”

“Trông như anh đang xây dựng,” Inger nói. “Cái gì thế?”

Và anh, cái gã đàn ông sắp sửa một mình dựng nhà với gỗ này, trả lời một cách khiêm nhường: “Chà, em có thể tha hồ nhìn thấy, tôi đang làm nó mà.”

“Vâng... Vâng, tất nhiên.”

“Xây cất. Sao, theo tôi thấy thì không còn cách nào khác. Em đưa về trại một con bò, nghĩa là phải có một cái chuồng bò, tôi nghĩ vậy.”

Inger tội nghiệp, không quá khôn ngoan thường xuyên như anh, như Isak, vị chúa tể sáng tạo đó. Và chuyện này xảy ra trước khi nàng học cách biết anh, thấu hiểu cách anh sắp đặt mọi thứ. Inger nói:

“Sao, có phải anh đang xây một cái chuồng bò không đó?”

“Thì sao,” anh nói.

“Nhưng anh không có ý đó chứ? Tôi nghĩ anh nên xây một ngôi nhà trước đã.”

“Nghĩ thế à?” Isak nói, với vẻ mặt như thể anh chưa bao giờ tự mình nghĩ ra chuyện đó trong đời.

“Phải, sao chứ. Và nhốt lũ súc vật trong lều.”

Isak suy nghĩ một chút. “Phải, có lẽ tốt nhất là làm như vậy.”

“Đó,” Inger nói, vui mừng hơn hở vì thắng lợi. “Anh thấy không, nói cho cùng tôi cũng giỏi đấy chứ.”

“Ờ, đúng thế. Và em nói gì về một ngôi nhà với hai căn phòng bên trong?”

“Hai phòng? Ồ...! Sao, nó sẽ giống như nhà của những người khác. Anh nghĩ là chúng ta có thể làm được hả?”

Họ làm được. Isak đi ra dựng nhà, khắc khía lên những súc gỗ và ghép dần sườn nhà; anh cũng xoay xở làm một cái nền lò sưởi và lò sưởi với những hòn đá đã nhặt, dù thứ sau khá là rắc rối, và bản thân Isak không phải lúc nào cũng hài lòng với công việc của mình. Mùa cắt cỏ

tới, anh buộc phải trèo từ công trình xây dựng của mình xuống và đi tới những sườn đồi gần xa, cắt cỏ và vác về những bó cỏ khô to tướng. Thế rồi một ngày mưa nọ anh phải đi xuống làng.

“Anh xuống làng làm gì?”

“Chà, tôi không thể nói chính xác được...”

Anh lên đường, ở lại đó hai ngày, rồi trở về với một cái bếp lò – một người đàn ông bươn bả băng qua cánh rừng với một cái bếp lò bằng thép trên lưng. “Đây là việc ngoài khả năng thực hiện của một người đàn ông,” Inger nói. “Anh sẽ tự giết mình với cái cách đó.” Isak tháo dỡ cái lò sưởi đá xuống, vì trông nó không hợp với ngôi nhà mới, và đặt cái lò thép vào vị trí. “Không phải ai cũng có một cái bếp lò,” Inger nói. “Thật kỳ diệu biết bao, chúng ta đang ăn nên làm ra! ...”

Vẫn đang là mùa cắt cỏ; Isak vác về những bó cỏ khô, vì cỏ trong rừng khác với cỏ trong đồng, tiếc là nó ở xa quá. Giờ đây chỉ vào những ngày mưa anh mới có thời gian rỗi cho công việc xây cất; đó là một công việc kéo dài, và thậm chí cho tới tháng Tám, khi tất cả cỏ khô đã được cất giữ an toàn bên dưới tầng đá, ngôi nhà mới chỉ vừa được hoàn thành một nửa. Rồi tới tháng Chín: “Như thế này không ổn,” Isak bảo. “Tốt hơn em nên chạy xuống làng và tìm một người lên giúp.” Dạo sau này Inger tỏ ra mệt mỏi và không chạy tới chạy lui nhiều, nhưng nàng vẫn sẵn sàng lên đường.

Nhưng Isak lại đổi ý; lại khoác lên cái cung cách hách dịch của mình, và bảo anh sẽ tự xoay xở một mình. “Chả việc gì phải dây với người khác,” anh nói; “tôi có thể tự mình xoay xở.”

“Công việc này không phải chỉ một người làm,” Inger nói. “Anh sẽ tự làm mình kiệt sức.”

“Cứ giúp tôi đưa mấy thứ này lên,” Isak nói, và chỉ có thế.

Tháng Mười tới, và Inger phải ngưng làm việc. Đây là một điều không hay, vì những rui kèo phải được dựng xong bằng mọi giá, và ngôi nhà phải được che mái trước những trận mưa thu; không được bỏ lỡ ngày nào. Chuyện gì không ổn đã xảy ra cho Inger? Không ngã bệnh đấy chứ? Lúc này thỉnh thoảng nàng vẫn làm pho mát từ sữa dê, nhưng ngoài việc đó nàng không làm thêm gì ngoại trừ dờn chỗ con Sừng Vàng mỗi ngày khoảng chục lần để nó gặm cỏ.

“Lần sau khi anh xuống làng,” nàng nói, “hãy mang về một cái giỏ hoặc một cái thùng cỡ lớn.”

“Em cần cái đó để làm gì?” Isak hỏi.

“Tôi sẽ cần tới nó,” Inger đáp.

Isak kéo những chiếc kèo nhà lên với một sợi thừng, Inger lái chúng đi bằng một tay; có vẻ như chỉ cần có nàng quanh đó đã là một sự phụ giúp. Công việc tiếp tục từng chút một; mái nhà không cao lắm, nhưng gỗ làm nhà khá to và nặng đối với một ngôi nhà nhỏ.

Thời tiết ít nhiều vẫn đẹp. Inger tự mình đưa khoai vào nhà, còn Isak phải hoàn thành việc lợp mái trước khi mưa tới. Đêm nọ đàn dê được đưa vào lều và tất cả ngủ với nhau ở đó; bằng cách nào đó họ đã xoay xở được, họ đã xoay xở bằng mọi cách, và không hề cầu nhàu than vãn.

Isak chuẩn bị cho một chuyến đi khác xuống ngôi làng. Inger nói rất nhún nhường:

“Anh nghĩ anh có thể mang về một cái giỏ hoặc một cái thùng cỡ lớn không?”

“Tôi đã đặt mua vài tấm kính cửa sổ,” Isak nói. “Và một cặp cửa ra vào sơn sẵn. Tôi phải mang chúng về,” anh nói, theo cung cách hách dịch của mình.

“Ờ, vậy thì thôi. Cái giỏ không phải là chuyện lớn.”

“Em muốn gì với một cái giỏ? Để làm gì?”

“Để làm gì?... Chắc là anh không có đôi mắt trên trán!”

Isak lên đường, chìm sâu vào suy nghĩ. Hai hôm sau anh quay về, với một cánh cửa sổ, một cánh cửa cho phòng khách, một cánh cửa cho phòng ngủ; anh cũng treo trước cổ mình một cái thùng gỗ lớn, đựng đầy những thứ cần dùng.

“Một ngày nào đó anh sẽ tự giết chết mình thôi,” Inger bảo.

“Vây hả, thật thế sao!” Thật ra, còn khuya Isak mới chết; anh lấy ra từ trong túi một lọ thuốc – một lọ dầu thô – và trao nó cho Inger với lời dặn thường xuyên thoa nó để chóng khỏe trở lại. Còn có những cánh cửa sổ và cửa ra vào sơn sẵn mà anh có thể huênh hoang về chúng; anh bắt tay ngay vào việc lắp chúng vào khung. Ôi chao, những cánh cửa sổ nhỏ nhắn, chỉ là đồ đã dùng rồi, nhưng tất cả đều được sơn mới lại bằng sơn đỏ và sơn trắng; hầu như việc này cũng tốt đẹp không kém việc treo những bức tranh lên các bức tường.

Thế là họ chuyển sang ngôi nhà mới và nhốt hết bầy gia súc vào túp lều, chỉ có một con cừu mẹ được để lại với con bò cái để nó không thấy lẻ loi.

Họ đã làm rất tốt, những người thợ xây ở vùng đất hoang vu đó: phải, bản thân họ đã là một sự lạ lùng và một điều kỳ diệu.

CHƯƠNG III

Isak làm lụng trên mảnh đất cho tới khi sương giá bắt đầu rơi; có những phiến đá và rễ cây cần được đào lên và dọn quang, và cánh đồng phải được san bằng để chuẩn bị cho năm tới. Khi đất rắn lại, anh rời khỏi công việc đồng áng và trở thành một gã tiêu phu, đốn cây rừng và cắt chúng thành nhiều khúc gỗ.

“Anh muốn gì với tất cả những khúc gỗ này?” Inger hỏi.

“Ồ, rồi chúng sẽ có ích thôi,” Isak thuận miệng đáp, như thể anh không có một kế hoạch nào. Nhưng Isak có một kế hoạch, đừng lo. Ở đây có một cánh rừng nguyên sinh, một cánh rừng rậm rạp, sát bên cạnh ngôi nhà. Ngoài ra, phải tìm được cách nào đó để đưa gỗ xuống làng vào mùa đông năm ấy; nhiều thôn dân sẽ vui mừng khi có củi đốt. Việc này có vẻ khá ổn và Isak không còn ngờ gì về điều đó nữa; anh miệt mài với công việc trong rừng, đốn những thân cây và cắt chúng ra thành từng khúc.

Inger thường lui tới để quan sát anh làm việc. Anh không chú ý, làm ra vẻ như việc nàng tới không có gì đáng kể và không hề là điều mà anh muốn nàng làm; nhưng nàng rất hiểu việc nàng có mặt ở đó khiến anh vui dạ. Đôi khi họ trò chuyện với nhau theo một cách thức khá lạ lùng.

“Em không tìm ra chuyện gì để làm ngoài việc đi ra đây để bị đóng băng tê cứng hay sao?”

“Tôi còn đủ khỏe,” Inger nói. “Nhưng tôi không thấy có một ý nghĩa nào trong việc anh tự đẩy dọa cho tới chết bằng công việc như anh đang làm.”

“VẬY HẢ! Em hãy nhặt cái áo khoác của tôi và mặc vào đi.”

“Mặc cái áo khoác của anh? Có thể thôi, thật đó. Bây giờ tôi không có thời gian để ngồi đây, còn có con Sừng Vàng sắp đẻ con và các thứ.”

“Hả, em bảo là đẻ con?”

“Anh làm như anh không biết! Nhưng điều anh đang nghĩ tới lúc này là chính về con bê đó. Có thể để nó lại và cho cai sữa không?”

“Cứ làm theo ý của em; việc bỏ đẻ các thứ không phải là chuyện của tôi.”

“Tốt lắm, thật đáng tiếc nếu phải ăn thịt con bê, với tôi là vậy. Và chúng ta chỉ còn lại một con bò cái.”

“Theo tôi thấy thì em sẽ làm được việc đó bằng bất cứ cách nào,” Isak nói.

Đó là cách của họ. Những người dân cô lẻ, ngoại hình xấu xí và đã hoàn toàn trưởng thành, nhưng là một phúc lành với người kia, với lũ súc vật và với trần gian.

Thế rồi Sừng Vàng đẻ con. Một ngày trọng đại trong chốn hoang vu, một nỗi hân hoan, một niềm vui sướng. Họ cho nó uống nước bột lúa mạch, và Isak cảm thấy không cần phải tiết kiệm bột, dù anh đã phải vác bột trên suốt con đường về nhà. Và một con bê xinh xắn đang nằm đó,

một con bê đẹp đẽ hông màu hung đỏ giống như mẹ nó, trông ngơ ngác một cách buồn cười trước sự nhiệm mầu của việc bước chân vào thế giới. Chỉ vài ba năm nữa, nó cũng sẽ có con của riêng mình.

“Khi lớn lên, nó sẽ là một con bò cái đẹp tuyệt vời,” Inger bảo. “Giờ thì chúng ta sẽ gọi nó là gì? Tôi không thể nghĩ ra.”

Inger có tính khí trẻ con theo cách của nàng và không có trí khôn ngoan về bất cứ việc gì.

“Gọi nó là gì à?” Isak nói. “Sao, Sừng Bạc, tất nhiên, còn tên gì khác được?”

Đợt tuyết đầu tiên đến. Ngay khi có thể đi qua một con đường, Isak lên đường xuống làng, đầy vẻ bí mật và giấu giếm như thường lệ, khi Inger hỏi mục đích của anh. Và, chắc chắn, lần này anh trở về với một sự ngạc nhiên mới và khó mà tưởng tượng ra. Một con ngựa và một cỗ xe trượt tuyết.

“Thật ngốc nghếch,” Inger nói. “Và anh không bắt trộm nó đấy chứ, tôi đoán thế?”

“Bắt trộm nó?”

“Ờ, vậy thì tình cờ bắt gặp nó?”

Lúc này, giá mà anh có thể nói: “Đây là ngựa của tôi – của chúng ta...” Nhưng nói cho cùng, thật tình, anh chỉ thuê nó mà thôi. Chỉ thuê ngựa và xe trượt tuyết để chuyên chở những khúc gỗ của anh.

Isak đánh xe xuống làng với những súc củi, mang trở về thức ăn, cá trích và bột yến mạch. Và một hôm anh trở lên với một con bò đực non trên xe; đã mua nó với giá gần như cho không, vì lý do ở dưới làng đang thiếu cỏ khô. Gầy ốm gior xương, không chút gì xinh đẹp, nhưng nó có một bộ khung khá ổn, và không cần gì hơn là được cho ăn đầy đủ để phát triển ngon lành. Và với con bò cái họ đã có sẵn...

“Lần sau anh sẽ mang về thứ gì nữa?” Inger hỏi.

Isak mang về một loạt đồ dùng. Những tấm ván và một lưỡi cưa mà anh đã đổi được với những súc gỗ; một hòn đá mài, một cái khuôn làm bánh xốp, các thứ dụng cụ – tất cả đều đổi được từ gỗ. Inger như vỡ tung ra vì những thứ đồ phong phú đó, và mỗi lần như thế nàng đều nói: “Cái gì! Thêm đồ đạc nữa sao! Khi chúng ta đã có gia súc và tất cả các thứ mà một con người có thể nghĩ ra!”

Họ có đủ cho các nhu cầu trong thời gian ngắn sắp tới, và là những người ăn nên làm ra. Mùa xuân tới Isak sẽ lại bắt tay vào việc gì? Anh đã nghĩ hết mọi điều khi đi xuống chỗ những súc gỗ vào mùa đông đó; anh sẽ phát quang thêm nhiều đất trên sườn đồi và san bằng nó, đốn thêm nhiều gỗ để hong khô trong suốt mùa hè, và chở xuống làng vài chuyến khi tuyết rơi. Việc này đã có kết quả rất tuyệt.

Nhưng còn có một vấn đề khác mà Isak đã nghĩ tới vô số lần: cái con Sừng Vàng đó, nó từ đâu tới, nó từng là của ai? Trên đời chưa từng có người vợ nào như Inger. Ôi chao! Nàng là một tạo vật hoang dã, cho phép anh làm gì tùy ý với nàng, và vui sướng vì điều đó. Nhưng... giả sử như một ngày nào đó người ta tới tìm con bò và mang nó đi, và điều tệ hại hơn có thể đến sau đó?

Bản thân Inger đã nói gì về con ngựa: “Anh không lấy trộm nó đấy chứ, tôi đoán thế, hay tình cờ bắt gặp nó?” Đó là ý nghĩ đầu tiên của nàng, phải. Đó là điều mà nàng đã nói; ai có thể nói được nàng có đáng tin hay không. Anh sẽ làm gì? Anh đã nghĩ tới điều đó nhiều lần. Và chính anh đã mang về đây một người bạn đời cho con bò cái đó – cho một con bò ăn trộm, có thể!

Và anh sẽ phải trả lại con ngựa. Thật đáng tiếc, vì nó là một con thú nhỏ thân thiện, và đã trở nên mến họ.

“Không sao,” Inger an ủi. “Anh đã làm được những điều kỳ diệu.”

“Phải, nhưng vào ngay lúc này khi mùa xuân đang tới, và khi tôi đang cần một con ngựa...”

Sáng hôm sau anh lặng lẽ chở chuyển gỗ cuối cùng, và ở lại làng hai ngày. Anh đi bộ trở về nhà vào ngày thứ ba, dừng lại khi tới gần nhà và đứng lắng nghe. Có một âm thanh lạ lùng bên trong... Tiếng trẻ con khóc – Phải, ôi Trời!... Vâng, đúng thế; nhưng đó là một điều thật lạ lùng. Và Inger không hề thốt một lời nào.

Anh bước vào nhà, và vật đầu tiên là cái thùng gỗ đựng hàng – cái thùng gỗ trứ danh mà anh đã treo trước cửa để mang về nhà; nó ở đó, được treo lên trần nhà với một sợi dây ở mỗi đầu, một cái nôi và giường ngủ cho đứa bé. Inger đã thức dậy, đang đi loanh quanh với bộ áo quần xộc xệch – nàng đã vắt sữa cho con bò và lũ dê, như đó chỉ là một ngày bình thường.

Đứa bé đã nín khóc. “Em đã xong xuôi với nó?” Isak nói.

“Phải, giờ tôi đã xong xuôi với nó.”

“Ừm.”

“Nó ra đời vào buổi tối đầu tiên anh đi.”

“Ừm.”

“Tôi chỉ việc cởi đồ ra và treo cái nôi ở đó, nhưng việc đó cũng quá nhiều với tôi, và tôi phải nằm.”

“Sao em không nói trước với tôi?”

“Sao, tôi không thể nói chính xác khi nào thì nó ra đời. Nó là con trai.”

“Thế à, một đứa con trai.”

“Và tôi không tài nào nghĩ ra chúng ta sẽ gọi nó là gì,” Inger nói.

Isak nhìn gương mặt nhỏ đỏ au; nó rất đầy đặn, và không bị sứt môi, với một mái tóc dày rậm trên đầu. Một cu cậu bé nhỏ xinh xắn đối với giai tầng và vị trí của nó trong một cái thùng gỗ đựng hàng; Isak cảm thấy mình yếu ớt một cách lạ lùng. Người đàn ông vạm vỡ đứng đó với một phép màu trước mặt anh; một tạo vật đầu tiên trong một màn sương thiêng liêng, lúc này đang đối diện cuộc đời với một gương mặt bé bỏng như một biểu tượng. Năm tháng trôi qua, rồi phép màu này sẽ là một gã đàn ông.

“Anh đi ăn đi,” Inger nói.

Isak là một gã tiểu phu, đốn cây và cưa gỗ. Hiện giờ anh làm việc tốt hơn trước nhờ có một cái cưa. Anh làm việc ở ngoài rừng, và những đồng gỗ lớn tăng lên; anh làm một con đường, một thị trấn từ chúng, xây dựng từ những đồng gỗ xếp lên nhau. Đạo này Inger quanh quẩn trong nhà nhiều hơn, không ra ngoài để quan sát anh làm việc như trước; giờ thì chính Isak phải tìm cách về nhà một lúc rồi lại trở ra. Thật lạ lùng khi có một cu cậu bé nhỏ như thế trong nhà! Dĩ nhiên là Isak chưa bao giờ nghĩ tới việc chú ý tới nó – nó chỉ là một vật nhỏ bé trong một cái thùng đựng hàng. Còn nói về việc ưa thích nó... Nhưng khi nó khóc, chà, chỉ là bản chất con người khi hơi cảm thấy chút gì đó đối với một tiếng khóc như thế; một tiếng khóc oa oa nhỏ nhoi như thế.

“Đừng sờ nó!” Inger nói. “Vớ tay dính đầy nhựa thông các thứ của anh!”

“Nhựa thông, thật tình!” Isak nói. “Sao chứ, tay tôi không dính chút nhựa thông nào từ khi tôi cất ngôi nhà này. Đưa thằng bé cho tôi, để tôi bế nó – nào, nó vẫn ổn thôi mà!”

Vào đầu tháng Năm, một người khách tìm đến. Một người đàn bà từ phía bên kia dãy đồi đã tới cái chốn quanh hiu chưa ai từng đến đó; bà là họ hàng của Inger, dù không gần lắm, và họ chào mừng bà.

“Tôi nghĩ tôi chỉ nhìn qua,” bà nói, “để xem con Sừng Vàng sống ra sao từ khi nó rời khỏi chúng tôi.”

Inger nhìn đứa bé và nói với nó bằng một giọng hơi thương xót: “Chà, chẳng ai hỏi xem nó sống ra sao, nó chỉ là một vật bé xíu xiu.”

“Sao, về phần thằng bé đó, ai cũng có thể thấy nó sống ra sao. Một thằng nhóc nhỏ xíu xinh đẹp các thứ. Và Inger à, nào có ai ngờ sau một năm sẽ tìm thấy cháu ở đây với nhà cửa, chồng con và mọi thứ thế này.”

“Ca ngợi chẳng phải là việc của tôi. Nhưng có một người ngồi đó đã giúp tôi được thế và chẳng có gì hơn.”

“Và đã cưới nhau? Không, chưa cưới, tôi thấy.”

“Chúng tôi sẽ xem xét việc đó, khi rửa tội cho thằng bé,” Inger nói. “Chúng tôi đã cưới nhau trước đó, nhưng không thể đi xuống nhà thờ các thứ. Anh bảo sao, Isak?”

“Cưới nhau?” Isak nói. “Sao, vâng, tất nhiên.”

“Nhưng nếu dì muốn giúp chúng tôi, Oline,” Inger nói. “Hãy lên đây vài hôm khi ngại việc và trông chừng lũ súc vật ở đây trong lúc chúng tôi đi khỏi.”

Vâng, Oline sẽ làm như thế.

“Sau đó chúng tôi sẽ xem xét để dì không bị thiệt thòi.”

Sao, về chuyện đó, bà để cho họ xử trí... “Và anh đang lại xây cất, tôi thấy. Cái đó dùng để làm gì? Không phải đã xây cất đủ rồi sao?”

Inger nhìn thấy cơ hội và chớp lấy ngay: “Chà, dì phải hỏi anh ta về việc đó. Tôi không biết.”

“Xây cất?” Isak nói. “Ồ, cái đó chẳng có gì đáng nói. Một cái chuồng, có lẽ, nếu chúng tôi cần tới nó. Dì đang nói gì về con Sừng Vàng? Dì có muốn thấy nó không?”

Họ đi qua chuồng bò, ở đó có cả bò mẹ lẫn bò con để khoe, cả một con bò đực nữa. Vị khách gật đầu, nhìn mấy con vật và cái chuồng; tất cả đều đẹp đẽ và sạch đến không thể sạch hơn được. “Hãy tin ở Inger trong việc coi sóc mấy con vật,” Oline nói.

Isak đưa ra một câu hỏi: “Trước đây Sừng Vàng ở chỗ của dì?”

“Phải, từ khi nó còn là một con bê. Nhưng không phải ở chỗ tôi mà ở chỗ con trai tôi. Nhưng cũng như nhau cả thôi. Và chúng tôi vẫn còn nuôi mẹ của nó.”

Trong suốt một thời gian dài, Isak chưa nghe được tin tức nào tốt đẹp hơn thế; một gánh nặng đã được trút đi. Sừng Vàng là của anh và Inger một cách trung thực. Thật lòng, anh đã nghĩ tới việc rũ bỏ sự khó chịu của mình bằng một cách rất đáng tiếc: giết con bò vào mùa thu đó, cạo sạch da, chôn đôi sừng, và thế là sẽ xóa sạch mọi dấu vết của con bò cái Sừng Vàng trên cõi đời này. Giờ thì không cần làm chuyện đó nữa. Và anh thấy rất đổi tự hào về Inger.

“Phải, Inger,” anh nói. “Cô ấy là người quản lý mọi thứ, điều đó đúng. Không thể tìm ra người sánh bằng cô ấy. Đây là một chốn nghèo nàn cho tới khi tôi tìm được người vợ của mình, như dì có thể bảo.”

“Sao chứ, chuyện này tự nhiên thôi,” Oline nói.

Và thế là người đàn bà từ phía bên kia dãy đồi, con người nói năng mềm mỏng và khá khôn ngoan tên là Oline này đã ở lại với họ vài ngày, ngủ trong một căn phòng nhỏ. Và khi bà lên đường trở về nhà, bà nhận được từ Inger một bó len cắt ra từ đàn cừu. Chẳng việc gì phải che giấu bó len đó, nhưng Oline chú ý để Isak không nhìn thấy nó.

Thế là chỉ còn lại đứa bé, Isak và vợ anh như trước; lại thế giới như trước, và công việc trong ngày, với nhiều niềm vui lớn nhỏ. Sừng Vàng cho nhiều sữa, lũ dê đã sinh con và cũng cho nhiều sữa; Inger đã làm được nhiều pho mát đỏ và trắng, đang cất giữ chờ chín tới. Kế hoạch của nàng là để dành pho mát cho tới khi đủ để mua một cái khung cửi.Ồ, cô nàng Inger đó; nàng biết cách dặt vãi.

Và Isak xây một cái chuồng – anh cũng có một kế hoạch riêng, không còn ngờ gì nữa. Anh dựng một căn chái ở một bên hông túp lều, với hai tấm ván đôi, làm một cửa ra vào và một cửa sổ nhỏ gọn với bốn tấm kính; lợp mái bằng những tấm ván bìa. Anh làm công việc đó cho tới khi đất đã tan tuyết và anh có thể cắt cỏ. Tất cả những thứ đó đều hữu dụng và cần thiết; không có nền nhà, không có những bức vách phẳng phiu, nhưng Isak đã gắn một tấm vách ngăn, dành chỗ cho một con ngựa, và một cái máng cỏ.

Đã gần cuối tháng Năm. Mặt trời đã làm tan tuyết ở khu đất cao; Isak dùng cỏ lợp mái căn chuồng và hoàn thành nó. Rồi một sớm nọ anh ăn một bữa cho cả ngày, mang theo ít thức ăn, vai vác cuốc và thuổng, và đi xuống làng.

“Hãy mang về ba thước vải hoa, nếu được,” Inger gọi với theo anh.

“Em cần thứ đó để làm gì?” Isak hỏi.

Isak xa nhà thật lâu; như thể anh đã ra đi mãi mãi. Inger nhìn thời tiết mỗi ngày, chú ý tới hướng gió, như nàng đang chờ một con thuyền buồm; ban đêm nàng ra ngoài để lắng nghe; thậm chí còn nghĩ tới việc bế con đi tìm anh. Thế rồi cuối cùng anh trở về, với một con ngựa và một cỗ xe. “Xùy, đứng lại!” Isak hét to khi anh về tới nhà, hét to thế để có người nghe thấy. Và con ngựa rất ngoan ngoãn, đứng im phăng phắc, gật đầu với mái lều cỏ như thể nó đã lại biết nơi này. Dù sao đi nữa, Isak phải gọi to, “Này, ra đây và giữ con ngựa một chút được không?”

Inger bước ra. “Nó ở đâu ra? Ồ, Isak, anh đã thuê lại nó hử? Anh ở đâu suốt thời gian qua? Đã sáu ngày rồi.”

“Em nghĩ tôi có thể ở đâu? Phải đi lùng sục mọi phía để tìm một con đường cho chiếc xe của tôi. Em giữ giùm con ngựa một lát được không?”

“Chiếc xe của anh! Anh không định nói là anh đã mua chiếc xe này?”

Isak lặng thinh; Isak nở nang từng khúc ruột với những điều không thốt nên lời. Anh nhắc khỏi xe một lưỡi cày và một lưỡi bừa mà anh đã mua; đinh, dụng cụ các thứ, một hòn đá mài, một bao hạt giống lúa. “Thằng bé thế nào?” anh hỏi.

“Con vẫn ổn. Anh đã mua chiếc xe này phải không, đó là điều tôi muốn biết. Ở đây tôi đã ao ước mãi một cái khung cửi,” nàng nói, nửa đùa nửa thật, trong nỗi vui mừng vì anh đã quay về.

Isak lại im như thóc một lúc lâu, bận rộn với những việc riêng của anh, trầm ngâm suy tính, nhìn quanh để tìm một nơi cất giữ tất cả những thứ đồ đạc và dụng cụ; khó tìm ra chỗ cho tất cả. Nhưng cuối cùng, khi Inger thôi hỏi, và bắt đầu nói về con ngựa, anh thoát khỏi sự im lặng kiêu kỳ của mình.

“Đã bao giờ em thấy một trang trại mà không có một con ngựa và xe, cày và bừa và tất cả các thứ còn lại hay chưa? Và vì em muốn biết, sao chứ, tôi đã mua con ngựa và chiếc xe đó, và tất cả mọi thứ trong đó,” anh nói.

Inger chỉ có thể lắc đầu lẩm bẩm: “Ôi chao, tôi chưa bao giờ thấy một người đàn ông nào như thế!”

Isak không còn nhún nhường khiêm tốn; anh đã đáp trả được chuyện con Sừng Vàng, như một quý tộc. “Em thấy đó,” anh có thể nói. “Tôi đã mang về một con ngựa; thế là chúng ta hòa nhau.”

Anh đứng đó, thẳng và nhanh nhẹn, trái với thói quen của mình; lại dời cái lưỡi cày, cầm nó lên bằng một tay và mang nó tới đặt dựa vào tường. Ồ, anh có thể xoay sở tạo nên một điền trang! Anh lấy những thứ khác: lưỡi bừa, hòn đá mài, một cái chĩa ba, tất cả những thứ nông cụ đắt tiền, những báu vật của ngôi nhà mới, một lô dài các thứ. Tất cả những khí cụ cần thiết – không thiếu thứ gì.

“Ừm. Về phần cái khung cửi, chúng ta cũng sẽ có nó, tôi dám nói thế, miễn là tôi còn khỏe. Và đây là vải hoa của em, chỉ có một loại màu xanh trời, vì thế tôi lấy nó.”

Anh mang về vô số thứ. Một cái giếng không đáy, có đủ mọi thứ trên đời, như một cửa tiệm ở thành phố.

Inger bảo: “Tôi ước gì Oline có thể nhìn thấy tất cả những thứ này khi dì ấy ở đây.”

Đúng là đàn bà! Phù phiếm nhẹ dạ lả lùng – như thế đó là chuyện quan trọng! Isak khịt mũi một cách coi thường dù có lẽ chính anh cũng không khó chịu gì nếu Oline có mặt ở đó để nhìn.

Đứa bé đang khóc.

“Vào nhà coi chừng thằng bé đi,” Isak nói. “Tôi sẽ lo cho con ngựa.”

Anh tháo cương cho con ngựa và dắt nó vào chuồng: phải, đây là Isak đang đưa con ngựa của mình vào chuồng. Cho nó ăn, vuốt ve nó và đối xử nhẹ nhàng với nó. Và bây giờ món nợ là bao nhiêu, với con ngựa và cỗ xe đó? – tổng cộng mọi thứ là một món nợ lớn; nhưng tất cả sẽ được trả vào mùa hè đó, không lo. Anh có những chồng gỗ để trả nợ và một số vỏ bạch dương đã cắt hồi năm ngoái, chưa kể tới những súc gỗ nặng. Có đủ thời gian. Nhưng sau đó, khi niềm tự hào và vinh quang đã nguội đi chút ít, có những giờ khắc cay đắng trong nỗi sợ hãi và lo âu; tất cả tùy thuộc vào mùa vụ, vào cách thức năm đó xoay vần.

Ngày tháng lại được lấp đầy bằng công việc đồng áng, ngày càng có nhiều công việc đồng áng; anh phát quang những mảnh đất mới, dọn sạch những rễ cây và đá; cày, bón phân, bừa, làm việc với cuốc và thuổng, phá vỡ những gò đất và nghiền nát chúng bằng tay chân; luôn luôn là một nông dân gắn bó với đất đai, trải rộng những cánh đồng ra như những tấm thảm nhung. Anh chờ thêm đôi ngày – đã có dấu hiệu trời sẽ mưa – khi đó anh sẽ gieo lúa.

Ngược về trước nhiều thế hệ đã trôi vào quên lãng, các bậc tiền nhân của anh đã từng gieo lúa; một cách trang nghiêm, vào một buổi chiều trời lặng, tốt nhất là với một cơn mưa phùn ẩm áp, một ít lâu sau chuyển di cư của những bầy ngỗng xám. Khoai tây là một thứ mới mẻ, không có gì bí ẩn, không đáng gì tới tôn giáo; đàn bà và trẻ con có thể trồng chúng – những quả táo đất đến từ những miền hải ngoại, giống như cà phê; một thứ thực phẩm ngon lành, rất giống củ cải và củ cải vàng. Nhưng lúa thì không kém gì so với bánh mì; có lúa hoặc không có lúa có nghĩa là sống hoặc chết.

Isak, kẻ gieo hạt, đi bộ đầu trần, với lòng kính Chúa. Trông như một gốc cây có tay, nhưng trong lòng anh lại giống như một đứa trẻ con. Mỗi lượt ném được thực hiện một cách cẩn trọng, trong một tinh thần cam chịu hiền hòa. Trông kìa! Những hạt tí hon đó sẽ nảy mầm và lớn lên, trổ lá, và lại cho thêm nhiều lúa; vì thế lúa được trồng trên khắp trái đất. Palestine, Mỹ, cả những thung lũng của chính Na Uy – một thế giới rộng lớn, và đây là Isak, một hạt bụi bé tí teo ở giữa toàn cõi thế, một người gieo hạt. Những cơn mưa hạt lúa tí hon tỏa ra thành hình rẽ quạt từ bàn tay anh; bầu trời đầy mây tốt lành, hứa hẹn sẽ có một cơn mưa nhỏ.

CHƯƠNG IV

Đã là thời gian rồi việc giữa hai mùa, nhưng Oline không đến.

Lúc này Isak đã ngại việc đồng áng; anh có sẵn hai cái hái và hai cái cào cỏ cho việc cắt cỏ phơi khô; anh làm những tấm ván lót sàn dài cho chiếc xe để chở cỏ khô, tìm ra hai thanh trượt cùng một miếng gỗ thích hợp để làm một chiếc xe trượt tuyết mùa đông. Anh làm nhiều vật hữu ích. Thậm chí cả những cái kệ. Anh lắp hai cái kệ trong nhà, như một nơi tuyệt diệu để cất giữ nhiều thứ, chẳng hạn một cuốn niên lịch – cuối cùng anh đã mua một cuốn – và những cái muống canh, những bình vại không dùng tới. Inger hài lòng một cách dễ dãi; nàng nghĩ rất nhiều về mọi thứ. Ví dụ như con Sừng Vàng, giờ thì không sợ nó chạy mất nữa, vì đã có con bê và con bò đực làm bầu bạn; nó chạy quanh rừng suốt ngày. Cả đàn dê cũng đang béo tốt, những chiếc vú của chúng gần như quét lê trên mặt đất. Inger may một chiếc áo thụng dài từ tấm vải hoa xanh và một cái mũ nhỏ xinh xắn hết mực với cùng chất liệu – những thứ đó dành cho lễ rửa tội. Bản thân thằng bé nhiều lần quan sát nàng làm việc; nó là một bé trai kỳ diệu được ban phúc lành, và nếu nàng rất thích gọi nó là Eleseus thì sao chứ, Isak cho rằng nàng phải có cách thức của mình. Khi chiếc áo thụng đã hoàn thành, nó được nối thêm một mảnh đuôi dài, gần một thước rưỡi vải hoa, và mỗi in-sơ tiền mua nó đều được sử dụng; nhưng thế thì sao – đứa bé là con đầu lòng của họ.

“Còn những hạt cườm của em?” Isak hỏi. “Nếu có bao giờ dùng tới chúng...”

Ồ, nhưng Inger đã nghĩ tới chúng, những hạt cườm của nàng. Cứ tin một người mẹ về chuyện đó. Inger không nói gì, và rất tự hào. Không có nhiều hạt cườm lắm, không đủ để làm một cái vòng cổ cho thằng bé, nhưng trông chúng sẽ rất đẹp khi đính vào phía trước chiếc mũ của nó, và chúng sẽ nằm ở đó.

Nhưng Oline không tới.

Nếu không vì lũ gia súc, hẳn ba người bọn họ đã lên đường và quay trở về nhà vào vài hôm sau với đứa trẻ đã được đặt tên thánh theo đúng phép tắc. Và nếu như không vì chuyện kết hôn, hẳn Inger đã đi một mình.

“Nếu chúng ta hoãn vụ kết hôn lại ít lâu thì sao?” Isak nói. Nhưng Inger không muốn hoãn lại; ít nhất phải cần tới mười hoặc mười hai năm trước khi Eleseus đủ lớn để ở nhà chăm nom việc vắt sữa trong lúc họ đi khỏi.

Không, Isak phải sử dụng đầu óc mình để tìm ra một cách. Toàn bộ mọi thứ đã xảy ra theo cách nào đó mà họ không hề biết; có lẽ vấn đề kết hôn cũng quan trọng không kém việc rửa tội – làm sao anh biết được? Thời tiết trông có vẻ muốn hạn hán – một cơn hạn hán tệ hại; nếu mưa không đến sớm, mùa màng của họ sẽ bị cháy rụi. Nhưng tất cả nằm trong bàn tay của Chúa. Isak chuẩn bị đi xuống làng và tìm một ai đó lên giúp. Tất cả những dặm đường đó một lần nữa!

Và tất cả những rối ren nặng nề đó chỉ vì việc kết hôn và rửa tội. Phải, những người dân ở

nơi hẻo lánh gặp đủ thứ phiền toái lớn nhỏ.

Cuối cùng Oline đã tới...

Và giờ đây họ đã kết hôn và rửa tội, mọi thứ nghiêm chỉnh theo trình tự; họ đã nhớ ra phải kết hôn trước, để đứa bé có thể được rửa tội với tư cách là con của một đôi vợ chồng đã kết hôn. Nhưng cơn hạn hán kéo dài, và những cánh đồng lúa nhỏ bé khô rang nứt nẻ, những tấm thảm nhung ấy đã khô rang nứt nẻ – vì sao? Tất cả đều nằm trong bàn tay của Chúa. Isak cắt cỏ trên những đồng cỏ của anh; chỉ có một ít cỏ trên đồng cho tất cả những gì anh đã chăm bón vào mùa xuân ấy. Anh miệt mài cắt cỏ trên những sườn đồi, ngày càng đi xa hơn; cắt cỏ, quay về và chở về nhà những bó cỏ khô, như thể anh không bao giờ biết mệt – vì anh đã có một con ngựa và một nông trại có nhiều kho đụn. Nhưng cho tới giữa tháng Bảy anh phải cắt lúa để làm rơm, vì không còn cách gì khác. Và giờ đây tất cả tùy thuộc vào việc thu hoạch khoai tây.

Còn những bụi khoai tây đó thì sao? Có phải chúng chỉ là một thứ đến từ những miền hải ngoại, như cà phê; một thứ sang trọng, một thứ vượt mức bình thường?Ồ, khoai tây là một thứ cây kiêu hãnh; hạn hán hoặc mưa rào, nó vẫn cứ phát triển như nhau. Nó chế nhạo thời tiết và sẽ chịu đựng bất cứ điều gì; chỉ cần xử sự tử tế với nó, và nó lại mọc ra mười lăm nhánh. Không phải là thứ nước của một quả nho, mà lớp thịt của một quả hạt dẻ, sẽ được luộc hay nướng, có thể sử dụng theo mọi cách. Một người đàn ông có thể thiếu lúa để làm bánh mì, nhưng cứ cho anh ta khoai tây và anh ta sẽ không chết đói. Cứ nướng chúng trong than hồng là đã có thứ để ăn tối; cứ luộc chúng trong nước là đã có sẵn bữa điểm tâm. Còn về thịt, người ta ít khi cần tới chúng. Khoai tây có thể dọn lên với thứ gì bạn thích; một cốc sữa, một con cá trích, thế là đủ. Người giàu có ăn chúng với bơ; dân nghèo thì cũng xong với một nắm muối. Isak có thể làm cả một bữa tiệc với chúng vào những ngày Chủ nhật, với một ít kem làm từ sữa của Sừng Vàng. Thứ khoai tây tội nghiệp bị xem thường – một phẩm vật được ban phúc lành!

Nhưng bây giờ mọi thứ đều có vẻ đen tối, ngay cả vụ thu hoạch khoai tây.

Mỗi ngày, Isak nhìn lên bầu trời vô số lần. Và bầu trời vẫn xanh trong. Có nhiều buổi chiều trông có vẻ như một cơn mưa đang tới, Isak đi vào nhà và nói, “Rốt cuộc có vẻ như chúng ta sẽ có cơn mưa đó.” Và vài giờ sau tất cả lại tuyệt vô hy vọng như trước.

Tới lúc này cơn hạn hán đã kéo dài bảy tuần, và sức nóng rất nghiêm trọng; suốt thời gian đó khoai tây tiếp tục ra hoa; ra hoa một cách kỳ lạ, phi tự nhiên. Những cánh đồng lúa nhìn từ một khoảng cách xa như nằm dưới một lớp tuyết. Tất cả những chuyện này sẽ kết thúc khi nào? Cuốn niên lịch chẳng nói gì – những cuốn niên lịch thời buổi này không phải là chúng như trước nữa; một cuốn niên lịch ngày nay không tốt chút nào. Hiện tại, trời lại có vẻ sắp mưa, và Isak bước vào tìm Inger: “Đêm nay sẽ có mưa, theo ý Chúa.”

“Trông trời có vẻ như thế à?”

“Phải. Và con ngựa đang rùng mình chút ít, theo kiểu của chúng.”

Inger liếc ra cửa và bảo, “Phải, anh thấy đó, nó sẽ tới ngay thôi.”

Một vài giọt rơi xuống. Nhiều giờ trôi qua, họ ăn bữa tối, và khi Isak bước ra giữa màn đêm để nhìn, bầu trời vẫn xanh.

“Được, được,” Inger nói, “trời sẽ cho một ngày nữa để phơi khô số địa y cuối cùng,” nàng nói, cố gắng an ủi anh.

Isak đã hái địa y, càng nhiều càng tốt, và hái được khá nhiều, tất cả đều là loại hảo hạng. Đó là một thứ cỏ khô tốt, và anh cũng đối xử với nó như với cỏ khô, che nó lại bằng những vỏ cây trong rừng. Chỉ còn một ít nằm ngoài trời, và giờ đây, khi Inger nói về nó, anh trả lời một cách tuyệt vọng, “Tôi sẽ không đưa nó vào nếu trời nắng.”

“Isak, anh không có ý định đó đâu!” Inger nói.

Và hôm sau anh vẫn không đưa số địa y vào nhà, chắc chắn thế. Anh bỏ mặc nó ở ngoài và chẳng hề đụng tới nó, như anh đã nói. Cứ mặc nó nằm ở nơi nó đang nằm, dù sao thì trời cũng không mưa; cứ mặc nó nằm ở nơi nó đang nằm với lòng kính Chúa! Anh có thể mang nó vào ở một thời điểm nào đó trước lễ Giáng sinh, nếu như mặt trời chưa thiêu rụi nó.

Isak bị tổn thương sâu sắc. Việc ngồi ở ngoài trên bậc cửa và nhìn ra những mảnh đất của mình, cảm thấy là chủ nhân ông của tất cả, không còn là một niềm vui thú. Đồng khoai tây đang ra hoa một cách điên rồ và đang héo khô đi; cứ mặc cho số địa y đó nằm ở nơi nó đang nằm – anh quan tâm gì cơ chứ? Cái anh chàng Isak đó! Ai có thể nói; có thể anh có một ý nghĩ tinh quái nào đó trong đầu đối với tất cả những dửng dưng đơn giản ấy; nói cho cùng, có lẽ anh biết mình đang làm gì, khi cố theo dõi bầu trời xanh với sự thay đổi của vàng trắng lúc bấy giờ.

Chiều tối hôm đó trông có vẻ như trời sẽ mưa lần nữa. “Anh nên đưa số địa y đó vào nhà,” Inger nói.

“Để làm gì?” Isak hỏi, có vẻ rất ngạc nhiên.

“Phải, anh với sự vô lý của anh – nhưng nói cho cùng trời sẽ mưa.”

“Năm nay trời sẽ không mưa, em có thể tự mình thấy.”

Nhưng mặc cho tất cả những chuyện đó, trời đêm trở nên tối lạ lùng. Họ có thể nhìn thấy qua kính cửa sổ rằng trời đang tối sầm đi – phải, và như thể có một thứ gì đó đập vào những tấm kính cửa. Một thứ gì đó ẩm ướt, bất kể nó là gì. Inger thức giấc. “Trời mưa! Hãy nhìn ra kính cửa sổ.”

Nhưng Isak chỉ khịt mũi. “Mưa à? Chẳng có mưa chút nào. Em không biết mình đang nói gì đâu.”

“Chà, giả vờ thế là không tốt,” Inger nói.

Isak đang vờ vịt – phải, đúng vậy. Trời đang mưa, chắc chắn là thế, và đó là một cơn mưa lớn – nhưng ngay khi mưa vừa đủ để làm hỏng số địa y của Isak thì trời tạnh. Bầu trời trong xanh. “Tôi đã nói gì nhỉ,” Isak nói một cách cố chấp.

Trận mưa không ảnh hưởng gì tới vụ khoai tây, và nhiều ngày đến rồi đi; bầu trời trong xanh. Isak bắt tay vào việc trên chiếc xe trượt chỏ gỗ, chăm chỉ làm lụng, lên kế hoạch một cách nhún nhường với thanh trượt và cày xe. Vâng, trời đất à! Những ngày đến rồi đi, và đứa trẻ lớn lên. Inger đánh kem và làm pho mát; không có nguy cơ nghiêm trọng nào; những người dân này có trí khôn và có thể làm việc để không chết vì một năm tệ hại. Ngoài ra, sau chín tuần, một trận mưa lạnh thông thường đã đến, mưa như trút nước suốt một ngày đêm, suốt mười sáu tiếng.

Nếu nó tới trước đó hai tuần, hẳn Isak sẽ nói, “Giờ thì đã muộn!” Và như thường lệ, anh nói với Inger, “Em biết đó, cơn mưa sẽ cứu được một ít khoai.”

“Phải,” Inger đáp một cách hy vọng. “Nó sẽ cứu được khá nhiều, rồi anh sẽ thấy.”

Và giờ đây mọi thứ trông khá hơn. Mưa rơi mỗi ngày; tốt, những trận mưa trồn vẹn. Mọi thứ trông xanh tươi trở lại, như bởi một phép màu. Khoai tây vẫn còn ra hoa, tẻ hơn trước, với những chùm quả lớn mọc ra ở các ngọn cây, nơi lẽ ra chúng không xuất hiện; nhưng không ai có thể nói có thứ gì dưới những rễ cây. Isak không dám nhìn thử xem sao. Thế rồi một hôm Inger ra ngoài và phát hiện ra hơn hai chục củ khoai nhỏ dưới một gốc khoai. “Và chúng có thêm năm tuần nữa để lớn lên,” Inger bảo. Ồ, cái cô nàng Inger đó, luôn cố an ủi và nói năng một cách đầy hy vọng với cái môi nứt của mình. Nghe nàng nói không hay ho gì cho lắm, vì có một thứ tiếng xì xào như hơi nước thoát ra từ một cái van bị rò rỉ, nhưng đồng thời nó cũng là một niềm an ủi ở giữa chốn hoang vu. Và lúc nào nàng cũng là một tâm hồn hạnh phúc vui tươi.

Một hôm, nàng bảo với Isak, “Tôi ước gì anh có thể làm thêm một cái giường.”

“Thế à!” anh nói.

“Sao, không cần phải vội, nhưng vẫn...”

Họ bắt đầu thu hoạch khoai tây, và kết thúc trước ngày lễ Thánh Michael, theo tập quán. Đó là một năm ở mức trung bình – một năm tốt đẹp; một lần nữa họ thấy rằng khoai tây không chịu ảnh hưởng thời tiết nhiều lắm, vẫn cứ phát triển bình thường, và có thể chịu đựng tốt. Một năm trung bình – một năm tốt đẹp... Ồ, có lẽ không, nếu họ xem xét một cách chính xác, nhưng năm nay họ không thể làm điều đó. Một ngày nọ, gã người Lapp đi ngang lối đó đã nói khoai tây của họ thật tốt; ở dưới làng thì tẻ hơn rất nhiều, anh ta bảo.

Và giờ đây Isak có thêm vài tuần để làm đất trước khi sương giá xuống. Bầy gia súc được thả rong, gặm cỏ ở nơi nào tùy thích; thật tốt khi làm việc mà có chúng quần quanh gần đó và nghe thấy tiếng chuông, dù thỉnh thoảng nó cũng làm anh mất chút ít thời gian. Cái con bò đực ranh ma đó có thể húc đầu vào đồng địa y; còn về phần đàn dê thì chúng tản mác khắp nơi cao thấp, thậm chí cả trên mái lều.

Những chuyện phiền toái lớn nhỏ.

Một hôm Isak nghe thấy một tiếng hét đột ngột; Inger đứng ở bậc cửa với đứa bé trên tay, chỉ về phía con bò đực và con bò cái non xinh đẹp Sừng Bạc – chúng đang leo nhau. Isak ném cuốc xuống và chạy về phía đôi bò, nhưng đã quá muộn, theo như họ thấy. Chuyện quái quỷ ấy đã được thực hiện. “Ồ, đồ nhãi ranh bé nhỏ, nó còn quá non – sớm hơn tới nửa năm, một đứa trẻ con!” Isak đưa nó vào lều, nhưng đã quá muộn.

“Tốt, tốt,” Inger nói, “nói cho cùng việc này cũng không quá tệ, theo cách nào đó; cứ đợi xem, chúng ta sẽ có cả hai con bò để cùng một lúc.” Ồ, cái cô nàng Inger đó; không sáng dạ như người ta, có lẽ, thế nhưng, với những lời đó, hẳn nàng đã biết mình định làm gì khi thả lỏng đôi bò sáng hôm đó.

Đông tới, Inger chải len và xe sợi, Isak chở về nhiều củ đốt; củ tốt và đường đi thuận lợi; tất cả nợ nần của anh đã thanh toán xong xuôi; ngựa và xe, cày và bừa là của riêng anh. Anh đánh

xe xuống làng với pho mát sữa dê của Inger và mang về len sợi, một cái khung cửi, những con thoi và suốt cuốn chỉ các thứ; mang về bột yến mạch và thực phẩm, nhiều ván và đinh hơn; một hôm anh mang về một cây đèn dầu.

“Cũng thật như tôi đang ở đây, tôi không thể tin nổi,” Inger nói. Nhưng từ lâu nàng đã nghĩ tới một cây đèn dầu cho tất cả các thứ đó. Họ thắp nó lên ngay tối đó, và sống trong chốn thiên đường; và chắc chắn bé Eleseus sẽ cho rằng đó là mặt trời. “Hãy xem nó cứ nhìn chằm chằm như thế kia,” Isak bảo. Và giờ đây Inger có thể se sợi vào buổi tối nhờ ánh đèn dầu.

Anh cũng mua vải để may áo và một đôi giày da mới cho Inger. Nàng cũng đã yêu cầu một ít thuốc nhuộm len, và anh mang chúng về.

Rồi một hôm anh trở về với một cái đồng hồ treo tường. Với cái gì chứ? – Một cái đồng hồ treo tường. Điều này thật là quá sức tưởng tượng đối với Inger; nàng hoàn toàn choáng ngợp và không nói được lời nào. Isak treo nó lên tường, chỉnh lại kim theo phỏng đoán, lên dây cót, và để cho nó đổ chuông. Thằng bé quay mắt về phía âm thanh rồi nhìn mẹ nó. “Phải, con có thể lấy làm lạ,” Inger bảo và bế thằng bé lên. Ở đây, tại một nơi cô quạnh, trong tất cả những thứ tốt đẹp, không có thứ nào tốt hơn một cái đồng hồ để trải qua mùa đông tăm tối, với tiếng chuông báo giờ ấm áp.

Khi chuyển gỗ cuối cùng đã được chở đi, Isak lại trở thành một gã tiểu phu, đốn cây và chất đống, xây dựng những con đường của anh, cái thị trấn gỗ của anh, cho mùa đông kế tiếp. Lúc này anh ngày càng đi xa nhà hơn, đã có sẵn một dải đất rộng lớn ở sườn đồi để canh tác. Anh không còn cắt ngắn gỗ nữa mà chỉ đốn những cây lớn nhất đã khô ngọn.

Dĩ nhiên, anh biết rất rõ điều mà Inger nghĩ tới khi nàng đòi có thêm một cái giường; tốt nhất nên vội vàng lên và hoàn thành nó. Một xế chiều u ám anh từ rừng trở về nhà, và chắc chắn là thế, Inger đã sinh nở xong xuôi – một bé trai khác đang nằm đó. Cái cô nàng Inger này! Đúng ngay sáng hôm ấy nàng đã cố thuyết phục anh đi xuống làng lần nữa: “Lần này con ngựa phải có chuyện gì đó để làm,” nàng bảo. “Cứ ăn không suốt cả ngày.”

“Tôi không có thời gian cho mấy chuyện vớ vẩn đó,” Isak nói ngắn gọn, và đi ra. Giờ thì anh đã hiểu; nàng muốn anh tránh đi chỗ khác. Và tại sao? Chắc chắn là có anh ở quanh nhà thì tốt hơn chứ.

“Vì sao em không bao giờ báo cho người ta biết chuyện gì sắp xảy ra?” anh hỏi.

“Anh tự dọn giường cho mình và ngủ trong căn phòng nhỏ đi,” Inger nói.

Về chuyện đó, không chỉ là làm một cái khung giường, cần phải có vải để trải giường. Họ chỉ có một tấm mền da, và không thể có một tấm khác cho tới mùa thu kế tiếp, khi họ thết mấy con cừu thiến – và thậm chí khi đó hai tấm da cũng không đủ để làm một tấm mền. Isak trải qua một thời gian cực khổ, với cái rét ban đêm; anh cố vùi mình trong đống cỏ khô bên dưới tảng đá lồi, cố ngủ chung với mấy con bò. Isak trở thành kẻ không nhà. May cho anh lúc ấy là tháng Năm; chẳng bao lâu tháng Sáu sẽ tới; rồi tháng Bảy...

Họ đã xoay sở làm nên một cơ ngơi tuyệt diệu, ở đó trong vùng hoang dã; cất nhà cho chính họ và chuồng cho bầy gia súc, phát quang đất đai và trồng trọt, tất cả chỉ trong ba năm. Isak lại xây cất – giờ anh đang xây cất cái gì? Một cái chuồng mới, một cái chái nhô ra từ ngôi nhà.

Khấp chồn vang động tiếng búa khi anh đóng những cây đinh dài chín in-sơ. Thỉnh thoảng Inger bước ra và bảo tiếng ồn quá lớn đối với bọn trẻ.

“À, bọn trẻ, hãy vào nhà và nói chuyện với chúng, hát bài gì đó. Có thể cho thằng Eleseus một cái nắp thùng để nó tự gõ. Tôi chỉ đóng mấy cây đinh lớn ở chỗ này thôi, trên những chiếc xà ngang, chúng sẽ gánh chịu cả mái nhà. Sau đó chỉ đóng mấy tấm ván với đinh hai in-sơ rưỡi, nhẹ nhàng như cất những ngôi nhà búp bê.”

Chẳng có gì là lạ nếu Isak vẫn gõ đập ầm vang. Kia là một thùng đựng cá trích, và bột, và tất cả các thứ thực phẩm để tạm trong chuồng ngựa; vẫn tốt hơn là để chúng ngoài trời, có lẽ thế, nhưng thịt lợn đã bị ôi; cần phải có một cái kho thực phẩm, và điều đó rất rõ ràng. Còn về phần lũ trẻ, chúng mau chóng quen thuộc với tiếng ồn. Eleseus có chiều hướng hơi ốm yếu, nhưng đứa kia ăn uống một cách ngon lành, như một đứa bé béo tốt, và khi nó không khóc thì nó ngủ. Một đứa bé diệu kỳ! Isak không phản đối việc đặt tên nó là Sivert, dù bản thân anh thích cái tên Jacob hơn. Đôi khi Inger có thể làm điều đúng. Eleseus được đặt theo tên của vị linh mục ở giáo xứ của nàng, và chắc chắn đó là một cái tên đẹp; nhưng Sivert được đặt theo tên của ông cậu nó, viên thủ quỹ huyện, một người giàu có, không có vợ con gì để thừa kế di sản của ông. Họ không thể làm điều gì tốt hơn là đặt tên thằng bé theo tên ông.

Rồi mùa xuân đến, và công việc của mùa vụ mới; tất cả đều gắn với đất đai trước ngày Whitsun. [\[5\]](#) Khi chỉ phải chăm nom một mình Eleseus, Inger không bao giờ có thì giờ để giúp chồng nàng vì bị cột chặt vào đứa con đầu lòng của mình; giờ đây, với hai đứa bé trong nhà thì lại khác; nàng giúp chồng ở những cánh đồng và lo liệu một số công việc vặt vãnh này khác; trồng khoai tây, gieo cà rốt và củ cải trắng. Một người vợ như thế không phải dễ tìm. Ngoài ra nàng còn có khung cửi của mình; những khi rỗi việc nàng lại chui vào căn phòng nhỏ và se một hai ống chỉ, may những quần áo lót với nửa phần là len cho mùa đông. Rồi nàng nhuộm len, màu đỏ và xanh dương cho nàng và hai đứa nhỏ; cuối cùng nàng pha nhiều màu để làm một tấm mền cho Isak, tất cả chỉ một tay nàng. Không có chuyện giải trí ở khung cửi của Inger mà là làm ra những vật hữu dụng và cần thiết, và tất cả đều tốt đẹp.

Chà, họ đang làm việc rất cù, những cư dân giữa chốn hoang vu này; họ đã tiến rất xa, và nếu mùa màng năm nay bội thu họ sẽ trở thành những thôn dân đáng ganh tị. Còn thiếu thứ gì nữa ở chốn này? Có lẽ là một cái vựa cỏ khô; một nhà kho với một cái sân đập lúa bên trong – nhưng cái đó sẽ đến vào đúng lúc. Phải, nó sẽ đến, không lo, chỉ cần dành thời gian cho lúc ấy. Và giờ thì Sừng Bạc đã đẻ con, đàn cừu đã có cừu non, đàn dê cũng sinh con, những con thú con trở nên đông đúc. Còn những vị chủ nhân của ngôi nhà thì sao? Eleseus đã biết đi, đi một mình bất cứ lúc nào nó muốn, và Sivert bé bỏng đã được rửa tội. Còn Inger? Với mọi dấu hiệu và biểu hiện, đang chuẩn bị cho một kỳ sinh nở khác; nàng không phải loại người mà bạn gọi là sinh nở hiếm hoi. Một đứa bé khác – chà, với Inger chỉ là chuyện nhỏ! Dù vậy nàng khá tự hào về chúng khi chúng ra đời, chắc chắn là thế. Những tạo vật bé nhỏ xinh đẹp, như bất kỳ một ai có thể nhìn thấy. Về lâu dài, Thượng đế không chỉ ban phúc cho những đứa bé đang lớn xinh đẹp đó. Inger còn trẻ và đang ở lứa tuổi chín mọng nhất. Nàng không đẹp, và suốt thời thơ ấu đã phải đau khổ vì điều đó, bị đẩy ra bên lề và bị coi thường. Những gã thanh niên không bao giờ để ý tới nàng dù nàng có thể khiêu vũ cũng như làm việc. Họ không thấy có gì ngọt ngào ở nàng và quay sang kẻ khác. Nhưng giờ thì thời gian đã đến; nàng đang nở rộ như một bông hoa và

thường xuyên mang thai. Bản thân Isak, chúa tể và chủ nhân của nàng, vẫn nghiêm trang và lãnh đạm như thường lệ, nhưng anh đã ăn nên làm ra và rất hài lòng. Việc anh làm sao để sống cho tới khi Inger đến là một điều bí ẩn; không còn ngờ gì nữa, chỉ sống nhờ vào khoai tây và sữa dê, hoặc có thể đánh liều với những thứ thức ăn không tên; giờ đây, anh đã có tất cả những thứ mà một người đàn ông có thể nghĩ tới trong nơi chốn ngụ cư của mình trên trần thế.

Lại xuất hiện một cơn hạn khác, một năm mới tồi tệ. Gã người Lapp Os-Anders, đến cùng con chó của mình, mang tới tin tức rằng thôn dân dưới làng đã cắt lúa của họ để làm cỏ khô.

“Thật là một chuyện đáng buồn,” Inger nói, “khi phải đến nước đó.”

“Phải, nhưng họ có cá trích. Một mẻ đầy, người ta bảo thế. Cậu Sivert của bà sẽ cắt một nông trại.”

“Sao, trước đây ông ấy không thích thế.”

“Đúng vậy. Và muốn giống như bà, vì tất cả các thứ trông có vẻ như thế.”

“Sao chứ, về chuyện đó, tạ ơn Trời, chúng tôi có đủ cho các nhu cầu nhỏ bé của mình. Ở quê nhà người ta nói gì về tôi trên này?”

Os-Anders lúc lắc đầu một cách bất lực; không thể kể hết những điều to tát họ đã nói; nhiều không kể xiết. Một gã nói năng thú vị, như mọi thổ dân Lapp.

“Nếu ông muốn một ly sữa bây giờ, chỉ việc nói ra,” Inger bảo.

“Thật không đáng để bà phải mất công. Nhưng nếu bà có chút gì cho con chó này...”

Sữa cho Os-Anders và thức ăn cho con chó. Os-Anders đột ngột ngẩng đầu lên, khi có một thứ âm nhạc nào đó ở bên trong nhà.

“Đó là gì vậy?”

“Chỉ là cái đồng hồ của chúng tôi,” Inger nói. “Nó đổ giờ theo cách đó.” Inger nở từng khúc ruột với niềm tự hào.

Gã người Lapp lại lúc lắc đầu: “Nhà và gia súc và đủ các thứ. Không vật gì một người đàn ông có thể làm ra mà bà không có.”

“Ừ, chúng tôi phải biết ơn về chuyện đó, đúng vậy.”

“Tôi quên nữa, Oline gửi lời hỏi thăm bà.”

“Oline? Bà ấy thế nào?”

“Bà ấy cũng không tệ lắm. Giờ này chồng bà đi đâu?”

“Anh ấy làm việc ở đâu đó trên đồng.”

“Họ nói ông ta chưa mua,” gã người Lapp thờ ơ nói.

“Mua? Ai nói thế?”

“Sao, đó là lời họ nói.”

“Nhưng anh ấy mua từ ai được? Đây là đất công mà.”

“Phải, đúng thế.”

“Và anh ấy đã đổ mồ hôi trên từng lát thuổng.”

“Ờ, họ nói Nhà nước làm chủ tất cả đất đai.”

Inger không thể làm gì hơn với chuyện này. “Phải, có thể là thế. Có phải Oline nói thế không?”

“Tôi không nhớ rõ lắm,” gã người Lapp nói, và đôi mắt gian xảo của hắn đảo quanh.

Inger tự hỏi vì sao hắn không xin thứ gì cả; Os-Andres luôn xin xỏ, như tất cả mọi người Lapp khác. Os-Anders nhồi thuốc vào cái tàu đất sét của hắn rồi đốt lửa. Một cái tàu cực kỳ! Hắn rút thuốc cho tới khi gương mặt già nhăn nhúm trông như những dấu hiệu ma thuật của một phù thủy.

“Không cần phải hỏi mấy đứa nhỏ đó có phải là con của bà không,” hắn nói, lại nín nọt. “Chúng giống hệt bà. Hình ảnh của chính bà khi còn bé.”

Inger là một người dị dạng; những lời đó không đúng, dĩ nhiên, nhưng nàng thấy nở từng khúc ruột với niềm tự hào về tất cả những điều đó. Ngay cả một người Lapp cũng có thể làm vui trái tim của một bà mẹ.

“Nếu cái bao tời của ông không đầy như thế, tôi sẽ tìm cho ông thứ gì để bỏ vào đó,” Inger nói.

“Không, bà không cần mất công làm thế.”

Inger đi vào nhà với đứa bé trên tay; Eleseus ở ngoài với gã người Lapp. Cả hai kết bạn với nhau ngay lập tức; đứa bé trông thấy vật gì đó lạ lùng trong cái bao, một vật mềm và có lông tơ, và muốn sờ vào nó. Con chó đứng cảnh giác, sủa và rên rĩ. Inger bước ra với một gói thức ăn; nàng kêu lên và ngồi xuống bậc cửa.

“Ông có cái gì trong đó vậy? Đó là gì?”

“Có gì đâu. Chỉ là một con thỏ rừng.”

“Tôi đã thấy nó.”

“Thằng bé muốn nhìn. Con chó bắt được nó hồi sáng này và giết chết nó, và tôi mang nó theo...”

“Thức ăn của ông đây,” Inger nói.

CHƯƠNG V

Một năm tồi tệ không bao giờ đến đơn lẻ. Isak đã trở nên kiên nhẫn và sẵn sàng đón nhận vận số của mình. Lúa bị héo quắt và có rất ít cỏ khô, nhưng khoai tây trông có vẻ lại qua trướng một lần nữa – khá tệ hại, tất cả mọi thứ, nhưng chưa đến mức xấu nhất. Isak vẫn còn số củ và gỗ mùa trước để bán trong làng, và việc đánh bắt cá trích ở bờ biển trũng đậm, vì thế dân làng có nhiều tiền để mua củ. Thật sự, đã có thể thấy trước rằng vụ thu hoạch lúa sẽ thất bại – vì làm sao anh có thể đập lúa khi không có kho chứa và sân đập? Cứ gọi nó là dự báo; đôi khi cũng chẳng có hại gì trong việc đó.

Còn có những chuyện khác không dễ gạt ra khỏi tâm trí. Một gã người Lapp nào đó đã nói gì với Inger vào mùa hè đó – một điều gì đó về việc chưa mua? Mua à, anh phải mua cái gì đây? Kia là đất, kia là rừng; anh đã phát quang và canh tác, đã xây dựng một thôn trại giữa một chốn tự nhiên hoang dã, đã kiếm miếng ăn cho bản thân và gia đình mình, không xin xỏ bất kỳ một ai thứ gì mà chỉ làm lụng canh tác một mình. Anh thường nghĩ khi xuống làng sẽ tới hỏi ngài Lensmand (quan chức hành chính phụ trách một xã) về vụ này, nhưng đã luôn gác nó lại; vị Lensmand đó không phải là một người dễ dàng tiếp xúc, mọi người bảo thế, và Isak không phải là người giỏi mồm mép. Ông ta có thể nói gì nếu anh tới đó – anh tới vì việc gì?

Một ngày đông nọ chính vị Lensmand đã đánh xe lên chỗ của anh. Một người đàn ông đi cùng với ông ta, và nhiều giấy tờ trong một cái túi. Chính là Geissler, vị Lensmand đó. Ông ta nhìn sườn đồi mở rộng, đã dọn sạch cây rừng, bằng phẳng và liền lạc bên dưới lớp tuyết; có lẽ ông ta nghĩ rằng tất cả đều là đất đã canh tác, vì ông ta nói:

“Chà, anh đã có cả một nông trại lớn. Anh không mong là có tất cả những thứ này mà không mất gì cả chứ?”

Đúng là chuyện đó rồi! Isak hoảng kinh và không nói lời nào.

“Anh nên tới gặp tôi trước tiên để mua miếng đất,” Geissler nói.

“Vâng.”

Vị Lensmand nói về việc định giá, về các ranh giới, các khoản thuế phải đóng cho Nhà nước, và khi ông ta đã giải thích chút ít về vấn đề, Isak bắt đầu thấy rằng nói cho cùng trong đó có một sự hợp lý nào đó. Ông ta quay sang người bạn đồng hành của mình một cách chế giễu. “Nào, vì anh tự gọi mình là một giám định viên, phạm vi đất đã canh tác ở đây thế nào?” Ông ta không chờ người kia đáp mà tự mình ghi vào sổ một con số phỏng chừng. Rồi ông ta hỏi Isak về mùa màng, thu được bao nhiêu cỏ khô, bao nhiêu gia khoai tây. Rồi về các ranh giới. Họ không thể đi quanh khu vực để đánh dấu khi tuyết ngập tới thắt lưng; và vào mùa hè không ai có thể lên đây được. Bản thân Isak nghĩ sao về phạm vi của đất rừng và đồng cỏ? – Isak không có ý tưởng nào cả. anh đã luôn nghĩ về chốn này như là đất của mình trong chừng mực anh có thể nhìn thấy. Vị Lensmand bảo rằng Nhà nước đòi hỏi phải có những ranh giới xác định. “Và phạm vi càng lớn, thì anh càng phải trả nhiều tiền.”

“Vâng.”

“Và họ sẽ không cho anh tất cả những gì anh nghĩ anh có thể nuốt trôi; họ chỉ cho phép anh ở một mức độ hợp lý cho các nhu cầu của anh.”

“Vâng.”

Inger mang ít sữa vào cho hai vị khách; họ uống sữa, và nàng mang vào thêm một ít. Vị Lensmand này mà là một người gắt gỏng à? Ông ta vuốt tóc Elseus, và nhìn vào vật gì đó mà thằng bé đang chơi. “Đang chơi với những hòn đá sao? Cho ta xem nào. Ừm, nặng đấy. Trông như một loại quặng.”

“Có rất nhiều thứ đá đó trên đồi,” Isak nói.

Vị Lensmand quay lại với công việc. “Anh muốn nhất là về hướng nam và hướng tây tính từ đây, tôi cho là vậy? Ta cứ cho là hai Fulông về hướng nam nhé? (1 Fulông = 1/8 dặm Anh = 201m.)

“Hai Fulông!” viên trợ lý của ông cảm thán.

“Anh không thể canh tác với hai trăm thước Anh,” người sếp nói ngắn gọn.

“Chỗ đó giá bao nhiêu?”

“Không thể nói được. Tất cả đều tùy thuộc. Nhưng tôi sẽ ấn định giá thấp nhất trong khả năng của tôi trong bản báo cáo; nó trải ra khắp nhiều dặm từ bất cứ chỗ nào và khó đi tới.”

“Nhưng hai Fulông!” viên trợ lý lặp lại.

Vị Lensmand ghi một cách chính xác, hai Fulông về hướng nam, và hỏi: “Còn dãy đồi thì sao? Anh muốn bao nhiêu về hướng đó?”

“Tôi sẽ cần cho tới chỗ có nước. Ở trên đó có một nguồn nước lớn,” Isak nói.

Vị Lensmand ghi chú điều đó. “Và bao xa về phía bắc?”

“Sao, hướng đó không phải là vấn đề lớn. Hầu hết chỉ là đồng thạch nam và ít có cây cho gỗ.”

Vị Lensmand ấn định ranh giới về phía bắc là một Fulông. “Phía đông?”

“Hướng đó cũng không quan trọng. Chỉ toàn là đồng hoang trơ trụi từ đây cho tới Thụy Điển.”

Vị Lensmand lại ghi chép. Ông làm một phép tính nhanh, và nói: “ Đây sẽ là một miếng đất rộng, dù chỉ ở mức đó. Dĩ nhiên là ở bất kỳ chỗ nào gần làng nó sẽ đáng một khoản tiền to; không ai có thể mua nổi nó. Tôi sẽ nộp một bản báo cáo, và nói rằng một trăm Daler là công bằng. Anh nghĩ sao?” ông hỏi tay trợ lý.

“Giống như cho không,” người kia nói.

“Một trăm Daler?” Inger nói. “Isak, anh chẳng việc gì nhận một miếng đất to như vậy.”

“Không,” Isak nói.

Tay trợ lý vội vã xen vào: “Đó chính là điều tôi muốn nói. Nó quá lớn so với ông bà. Hai người

sẽ làm gì với nó?”

“Canh tác nó,” ngài Lensmand nói.

Ông đã ngồi đó viết lách và làm việc trong đầu, với tiếng trẻ con khóc thỉnh thoảng nổi lên; ông không muốn lặp lại toàn bộ mọi chuyện một lần nữa. Nếu thế, ông sẽ về nhà rất muộn vào đêm đó, có lẽ không thể trước bình minh được. Ông nhét mớ giấy tờ vào túi; vấn đề đã ấn định xong.

“Thăng ngựa vào xe đi,” ông bảo người bạn đồng hành; rồi quay sang Isak: “Nói thật tình, họ nên cho không anh miếng đất này, và còn phải trả tiền cho anh nữa là khác, theo cái cách làm việc của anh. Tôi sẽ nói hết lời khi gửi bản báo cáo. Rồi chúng ta sẽ chờ xem Nhà nước đòi bao nhiêu cho chứng thư sở hữu.”

Khó mà nói được Isak cảm thấy thế nào về chuyện đó. Nói cho cùng, phần nào đó anh không phiền lòng lắm khi thấy rằng miếng đất của mình có một trị giá cao, sau những gì anh đã thực hiện. Còn về số tiền một trăm Daler, anh có thể xoay xở để trả hết, không còn ngờ gì nữa, sau một thời gian. Anh không còn vướng bận gì về nó; anh có thể tiếp tục làm việc như đã làm trước đó, phát quang và trồng trọt, đưa về những súc gỗ từ những cánh rừng không người chăm sóc.

Isak không phải là loại người lo lắng chờ xem điều gì sẽ tới; anh làm việc.

Inger cảm ơn vị Lensmand và hy vọng ông sẽ nói giúp họ một lời với Nhà nước.

“Vâng, vâng. Nhưng tôi không nói về tôi. Tất cả những gì tôi phải làm là nói những gì tôi đã nhìn thấy, và những gì tôi suy nghĩ. Đứa bé nhỏ nhất ở đằng kia bao nhiêu tuổi rồi?”

“Gần sáu tháng.”

“Trai hay gái?”

“Trai.”

Vị Lensmand này không phải là một bạo chúa, mà là một người hời hợt và tận tâm quá mức. Ông làm ngơ tay trợ lý Brede Olsen. Tay này, do đặc tính chức vụ của y, lẽ ra phải là một chuyên gia trong những vấn đề như thế; vấn đề đã được giải quyết ngay lập tức, với sự phồng chùng. Thế nhưng đây là một vấn đề khá nghiêm trọng đối với Isak và vợ anh – phải, và đối với những con cháu kế thừa của họ, có thể đối với nhiều thế hệ. Nhưng ông đã lập một hồ sơ về nó ngay tại chỗ, vì điều đó làm ông hài lòng. Đồng thời ông cũng là một người tốt bụng; ông móc từ trong túi ra một đồng tiền sáng loáng và trao nó cho bé Sivert; rồi ông gật đầu chào những người khác và đi ra chỗ chiếc xe trượt.

Đột nhiên ông hỏi: “Các bạn gọi nơi này là gì?”

“Gọi nó ư?”

“Phải. Tên của nó là gì. Chúng ta phải có một cái tên cho nó.”

Chưa ai từng nghĩ tới điều này trước đó. Inger và Isak nhìn nhau.

“Sellanraa?” vị Lensmand nói. Hẳn ông đã tự nghĩ ra nó; có lẽ nó không phải là một cái tên gì

cả. Nhưng ông ta chỉ gật đầu, và lặp lại, "Sellanraa!" rồi đánh xe đi.

Lại ấn định theo phỏng đoán, bất kỳ chuyện gì cũng ổn. Cái tên, giá cả, những ranh giới...

Vài tuần sau, khi Isak đi xuống làng, anh nghe được những lời đồn về một chuyện gì đó liên quan tới Lensmand Geissler; có một cuộc điều tra về một khoản tiền nào đó và ông không lý giải được, và vụ việc đã được báo cáo lên thượng cấp của ông. Ồ, những chuyện như thế đã xảy ra; có một số kẻ sẵn lòng lao qua cuộc đời bằng bất cứ cách nào, cho tới khi họ dẫm cả lên những người đi bộ.

Thế rồi một hôm Isak xuống làng với một xe củi, và quay về, còn ai khác trở về cùng anh trên cỗ xe trượt nữa ngoài Lensmand Geissler. Ông bước ra khỏi hàng cây lên chỗ con đường, vẫy tay và chỉ đơn giản nói: "Anh đưa tôi đi cùng chứ?"

Họ đi một lúc, không ai nói lời nào. Một lần người hành khách rút từ trong túi ra một chai rượu bet và đưa lên nốc; rồi mời Isak, nhưng anh từ chối. "Tôi e là chuyến đi này sẽ làm khổ cái bao tử của tôi," vị Lensmand bảo.

Ông bắt đầu nói ngay về vụ đất đai của Isak. "Tôi đã gửi ngay bản báo cáo, với một kiến nghị tha thiết theo lý lẽ của tôi. Sellanraa là một cái tên đẹp. Thực ra, họ nên cho không anh chỗ đất đó, nhưng tất nhiên là không nói như thế được. Nếu tôi làm thế, họ chỉ cảm thấy bị xúc phạm và áp cái giá của chính họ lên nó. Tôi đã đề nghị năm mươi Daler."

"Thế à. Ngài bảo là năm mươi? Không phải là một trăm?"

Geissler nhú mày suy nghĩ một lát. "Theo tôi nhớ thì là năm mươi. Vâng..."

"Thế bây giờ ngài định đi đâu?" Isak hỏi.

"Qua bên Vesterbotten, tới chỗ họ hàng của vợ tôi."

"Khó mà đi qua con đường đó vào thời điểm này trong năm."

"Tôi sẽ xoay xở. Anh có thể đi với tôi một chặng không?"

"Chà; ngài phải đi một mình thôi."

Họ về tới nông trại, và vị Lensman ở lại đêm, ngủ trong căn phòng nhỏ. Sáng hôm sau, ông lại lôi chai rượu ra, và nhận xét: "Tôi chắc chắn là chuyến đi này sẽ làm khổ cái bao tử của tôi." Với những chuyện khác, ông cũng giống như lần trước, tốt bụng, quả quyết, nhưng hay quan trọng hóa và ít quan tâm tới những chuyện riêng của mình. Nói cho cùng, có lẽ mọi chuyện sẽ không tệ lắm. Isak đánh liều chỉ ra rằng không phải toàn bộ sườn đồi đều được trồng trọt cả, mà chỉ là những khu vực nhỏ đó đây. Vị Lensmand tiếp nhận thông tin đó với một vẻ lạ lùng. "Tôi biết rõ điều đó, tất nhiên, vào lần trước khi tôi tới đây, khi tôi lập bản báo cáo. Nhưng Brede, cái tay đi với tôi, anh ta không nhận ra điều đó. Brede, anh ta chả tốt tí nào. Nhưng họ chỉ làm việc trên bàn giấy, Với mọi cơ sở mà tôi đã ghi vào, và chỉ một vài bó cỏ khô, một vài gia khoai, họ sẽ nói ngay lập tức rằng nó phải là đất xấu, đất rẻ, anh có hiểu không. Tôi đã làm hết sức vì anh, và anh hãy nhớ lấy lời tôi, chuyện đó sẽ ổn thôi. Đất nước cần có hai trăm ba mươi ngàn gã thuộc loại người như anh."

Vị Lensmand gật đầu và quay sang Inger. "Đứa nhỏ nhất bao nhiêu tuổi?"

“Nó chỉ mới chín tháng thôi.”

“Và là một bé trai, phải không?”

“Vâng.”

“Nhưng anh phải theo dõi và giải quyết xong xuôi chuyện đó ngay khi nào có thể,” ông lại nói với Isak. “Hiện giờ có một người khác muốn mua, ở giữa chỗ này và làng, và khi anh ta làm chuyện đó, miếng đất này sẽ có giá hơn nữa. Anh hãy mua ngay bây giờ, chiếm lấy chỗ trước, và cứ để cho giá tăng lên sau đó; theo cách đó, anh sẽ nhận được một sự đền bù nào đó cho tất cả những cần lao anh đã đặt vào nó. Chính anh là người đã khởi sự canh tác ở đây. Trước đây nó chỉ là một vùng đất hoang vu.”

Họ rất biết ơn lời khuyên của ông, và hỏi không phải chính ông sẽ sắp xếp vụ này hay sao. Ông đáp rằng ông đã làm tất cả những gì có thể; bây giờ mọi chuyện tùy thuộc ở Nhà nước. “Giờ tôi sẽ qua Vesterbotten, và tôi sẽ không quay lại,” ông nói thẳng với họ.

Ông cho Inger một đồng tiền vàng, và số tiền đó là quá nhiều. “Anh có thể mang một ít thịt xuống cho gia đình tôi dưới làng khi giết thịt lần sau,” ông nói. “Vợ tôi sẽ trả tiền cho anh. Mang xuống một thỏi pho mát gì đó bất cứ khi nào anh có thể. Bọn trẻ thích nó.”

Isak đi với ông lên đồi; đất ở trên cao chắc hơn, dễ canh tác hơn phía dưới. Isak nhận được cả một đồng Daler.

Lensmand Geissler rời nông trại theo cách đó, và ông không quay lại. Không phải là mất mát lớn, người ta bảo, ông đang tìm kiếm như là một con người hay ngờ vực, một kẻ phiêu lưu. Không phải ông không có kiến thức; ông là một người biết nhiều hiểu rộng, đã học hỏi môn này môn khác, nhưng ông sống quá tự do và tiêu tiền của những người khác. Sau đó mọi chuyện vỡ lở ra rằng ông đã rời khỏi làng sau một lời khiển trách gay gắt của Amtmand [\[6\]](#) Pleym, thượng cấp của ông; nhưng không có một hành động chính thức nào ảnh hưởng tới gia đình ông, và họ tiếp tục sống ở đó – một thời gian dài sau đó – vợ và ba người con của ông. Và ít lâu sau khoản tiền không thể giải trình đã được gửi về từ Thụy Điển, vì thế không thể nói rằng vợ và các con của Geissler bị giữ lại như những con tin mà chỉ đơn giản ở lại là vì họ muốn thế.

Isak và Inger không có lý do gì để than phiền về những giao dịch giữa Geissler và họ. Và không thể nói được người kế nhiệm của ông sẽ là loại người nào – có lẽ họ sẽ phải làm lại toàn bộ chuyện này một lần nữa!

Ngài Amtmand cử một trong các viên thư ký của ông tới làng để trở thành Lensmand mới. Ông ta vào khoảng bốn mươi, là con trai của một quan tòa địa phương, tên là Heyerdahl. Ông ta thiếu điều kiện để theo học đại học và tiến thân theo cách đó; thay vì thế, ông ta buộc phải ngồi trong một văn phòng, viết lách ở một cái bàn giấy suốt mười lăm năm. Ông ta chưa kết hôn, không bao giờ có đủ khả năng để kiếm một người vợ. Sếp của ông ta, Amtmand Pleym, đã tiếp nhận ông ta từ người tiền nhiệm, và trả cho ông ta cùng một khoản lương khốn khổ như trước; Heyerdahl nhận nó, và tiếp tục ngồi viết ở cái bàn giấy như trước.

Isak thu hết can đảm và tới tìm gặp ông ta.

“Hồ sơ của trường hợp Sellanraa... Chúng đây rồi, vừa mới chuyển về từ Ủy ban. Họ muốn biết tất cả mọi chuyện – toàn bộ vụ việc đang trong tình trạng rối ren đáng sợ, như Geissler đã để lại,” viên quan chức nói. “Ủy ban muốn được thông báo còn có khoản thu hoạch đáng kể nào liên quan tới trang trại đó không. Có thu được gỗ lâu năm không. Có khả năng về quặng hay những thứ kim loại giá trị trên các dãy đồi kề bên không. Có ghi chú về nguồn nước, nhưng không có lời nào về việc đánh bắt cá. Cái ông Geissler này có vẻ đã cung cấp những thông tin nhất định, nhưng ông ta không đáng tin cậy, và ở đây tôi cứ phải làm lại toàn bộ vụ việc theo ông ta. Tôi sẽ đi lên Sellanraa để kiểm tra kỹ lưỡng và định giá. Đi lên đó hết bao nhiêu dặm? Tất nhiên, Ủy ban yêu cầu rằng cần phải vẽ những ranh giới phù hợp: vâng, chúng tôi sẽ phải xem xét các ranh giới theo đúng trình tự.”

“Xác định các ranh giới vào mùa này không phải là việc nhẹ nhàng,” Isak nói. “Không, cho tới muộn hơn vào mùa hè.”

“Dù sao đi nữa, nó phải được thực hiện. Ủy ban không thể chờ tới tận mùa hè để có câu trả lời. Chính tôi sẽ lên đó ngay khi có thể đi được. Trong bất kỳ trường hợp nào thì tôi cũng phải đi lên mé đó, có một người đang yêu cầu mua một mảnh đất khác.”

“Có phải đó là người sẽ mua đất giữa tôi và ngôi làng không?”

“Không thể nói, tôi chắc chắn. Rất có thể. Thật ra, đó là một người từ văn phòng ở đây, viên trợ lý văn phòng của tôi. Anh ta cũng làm ở đây hồi thời Geissler. Đã hỏi Geissler về chuyện đó, tôi hiểu, nhưng Geissler đã lảng tránh; bảo rằng anh ta không thể canh tác cả một trăm thước đất. Vì thế anh ta đã gửi đơn lên ngài Amtmand, và tôi đã được chỉ thị xem xét toàn bộ vụ việc. Lại thêm một vụ rối ren của Geissler!”

Lensmand Heyerdahl đi lên nông trại, và đưa viên trợ lý Brede đi cùng. Họ bị ướt sũng người khi băng qua những đồng cỏ, và còn ướt hơn nữa trước khi họ kết thúc việc lê bước tìm những đường ranh giới qua lớp tuyết đang tan và bùn tuyết ở khắp trên dưới những ngọn đồi. Ngài Lensmand bắt tay vào việc một cách sốt sắng vào hôm đầu, nhưng đến ngày thứ hai ông ta thấy đã quá đủ và tự hài lòng với việc đứng yên trong hầu hết thời gian, chỉ trở và la hét về các hướng. Không có thêm lời nào về việc thăm dò quặng trên “dãy đồi tiếp giáp,” còn về phần những thu hoạch có thể bán được – họ sẽ nhìn qua những cánh đồng trên đường trở về, ông ta nói.

Ủy ban yêu cầu thông tin về khá nhiều điểm – có những bảng kê cho tất cả các thứ, không còn ngờ gì nữa. Điều duy nhất có vẻ hợp lý là câu hỏi về gỗ. Tất nhiên có một ít gỗ tốt nằm trong những ranh giới mà Isak đang đề nghị được giữ, nhưng không đủ để tính tới chuyện bán buôn; không có nhiều hơn mức cần thiết để duy trì nông trại. Thậm chí nếu có nhiều gỗ đi nữa, ai sẽ là người đưa chúng đi suốt nhiều dặm đường tới nơi có thể bán được chúng? Chỉ có Isak, lặn lội khắp rừng như một con thuyền gấn bánh xe để chở một vài súc gỗ tốt xuống làng vào mùa đông, đổi lấy ván xẻ để làm nhà cửa.

Có vẻ như Geissler, con người khó hiểu đó, đã gửi một bản báo cáo không dễ dàng đánh đổ. Người kế nhiệm của ông đang đi qua toàn bộ quá trình một lần nữa, cố tìm ra những sai sót và những điều rành rành là không chính xác – nhưng tất cả đều vô ích. Điều đáng chú ý là ông ta liên tục hỏi ý kiến của viên trợ lý, và lưu ý tới những gì anh ta nói, một điều mà không bao giờ

Geissler làm. Ngoài ra, phải cho rằng viên trợ lý đó cũng đã thay đổi ý kiến của chính y, vì giờ đây bản thân y cũng là một người muốn mua lại đất công do Nhà nước quản lý.

“Còn giá cả thì sao?” vị Lensmand hỏi.

“Năm mươi Daler là khoản cao nhất mà họ có thể đòi hỏi một cách công bằng đối với bất kỳ người mua nào,” tay chuyên gia đáp.

Lensmand Heyerdahl soạn thảo bản báo cáo của mình với văn phong chải chuốt. Geissler đã viết rằng: “Người đàn ông này cũng sẽ đóng thuế đất hàng năm; anh ta không thể có đủ tiền để trả hơn năm mươi Daler cho mảnh đất, dưới hình thức trả góp trong thời hạn mười năm. Nhà nước có thể chấp nhận đề nghị của anh ta, hoặc tước lấy đất đai và thành quả lao động của anh ta.” Heyerdhal viết: “Hiện nay anh ta đang nhún nhường cầu xin được nộp đơn này lên Ủy ban: rằng anh ta sẽ được phép sở hữu mảnh đất này, mà trên đó, dù không có quyền sở hữu chính đáng, anh ta đã tạo ra những cải thiện đáng kể cho tới thời điểm này, với một giá tiền là 50 – năm mươi – Speciedaler, số tiền sẽ được trả góp hàng năm này có vẻ phù hợp với việc chia lô tương tự của Ủy ban.”

Lensmand Heyerdahl hứa với Isak sẽ cố làm hết sức. “Tôi hy vọng sẽ thành công trong việc đem tới cho anh quyền sở hữu điền sản này,” ông ta nói.

[\[6\]](#) Quan chức đứng đầu một khu vực hành chính cấp huyện ở Na Uy.

CHƯƠNG VI

Con bò đực lớn sẽ được bán đi. Nó đã phát triển thành một con thú khổng lồ, và việc nuôi nó quá tốn kém; Isak sẽ đưa nó xuống làng để đổi lấy một con bò một tuổi.

Đó là ý kiến của Inger. Và chắc chắn là Inger có những lý do riêng khi muốn Isak rời khỏi nhà vào đúng cái ngày cụ thể ấy.

“Nếu có đi, thì tốt nhất là anh nên đi ngay hôm nay,” nàng nói. “Con bò đang trong tình trạng tốt; nó sẽ có giá cao vào thời điểm này trong năm. Anh hãy đưa nó xuống làng, và họ sẽ mang nó ra bán ngoài thị trấn – những người thị dân sẽ trả bất cứ thứ gì cho món thịt của họ.”

“Phải,” Isak nói.

“Chỉ mong là con vật không gây rắc rối trên đường.”

Isak không trả lời.

“Nhưng tuần qua nó đã được thả đi quanh quần, và đã quen với các thứ.”

Isak im lặng. Anh lấy một con dao lớn, gài nó vào một cái bao ở hông, rồi dẫn con bò đực đi.

Nó là một con thú to lớn, bộ da bóng nhoáng và trông thật kinh khủng, đôi móng sắc lư khi nó bước đi. Nó hơi có tật ở chân; khi chạy, nó nghiền nát các loài cây cỏ thấp với bộ ngực của mình; nó giống như một cái đầu máy xe lửa. Cổ nó to đến mức gần như biến dạng; có sức mạnh của một con voi ở cái cổ đó.

“Chỉ mong nó không nổi điên lên với anh,” Inger nói.

Isak suy nghĩ giây lát. “Sao, nếu nó xử sự kiêu đó, tôi sẽ phải giết nó giữa đường và vác thịt xuống làng.”

Inger ngồi xuống bậc cửa. Nàng đang đau; mặt nàng đỏ ửng. Nàng cố kềm đôi chân mình cho tới khi Isak đã đi khỏi; giờ đây anh và con bò đực đã ra khỏi tầm nhìn, và nàng có thể cất tiếng rên mà không e ngại. Thằng Eleseus đã nói được chút ít, nó hỏi: “Mẹ đau hử?” “Vâng, đau.” Nó bắt chước nàng, dè đôi bàn tay lên hông và rên rỉ. Nhóc Sivert còn đang ngủ.

Inger bế Eleseus vào nhà, đưa cho nó thứ gì đó để chơi trên sàn nhà, và lên giường nằm. Giờ sinh nở đã tới. Nàng hoàn toàn tỉnh táo suốt thời gian đó, luôn để mắt tới Eleseus, liếc nhìn chiếc đồng hồ trên tường để xem giờ. Không hề kêu la và hầu như không cử động; cuộc đấu tranh nằm trong các cơ quan nội tạng của nàng – một gánh nặng nói lỏng và trượt ra khỏi người nàng. Gần như cùng lúc đó nàng nghe thấy một tiếng khóc lạ lùng trên giường, một giọng nhỏ bé thiêng liêng; đứa bé tội nghiệp, đứa bé nhỏ xíu tội nghiệp... lúc này nàng không nghỉ ngơi mà lại nhồm lên và nhìn xuống. Cái gì vậy? Mặt nàng tái nhợt đi giây lát, không còn chút biểu hiện nào của khả năng hiểu biết; một tiếng rên phát ra; một cách không tự nhiên, không thể có – một hơi thở bị tắt nghẽn.

Nàng ngã lưng xuống giường. Một phút trôi qua; nàng không thể nghỉ ngơi, tiếng khóc trên

giường ở phía dưới kia lớn dần, nàng nhồm lên lần nữa và nhìn – Ôi Trời, điều kinh khủng nhất! Không vui sướng, không hy vọng – và nó là một bé gái!

Isak chưa thể đi xa quá hai dặm. Anh chỉ mới rời nhà chưa tới một giờ. Chỉ trong chưa đầy mười phút Inger đã sinh ra đứa bé và giết chết nó...

Isak trở về vào ngày thứ ba, dắt theo một con bò một năm tuổi gần chết đói. Con vật hầu như không thể đi được; chuyển trở lên nông trại là một công việc kéo dài.

“Anh đã làm cách nào?” Inger hỏi. Bản thân nàng đang rất ốm yếu khổ sở.

Isak đã xoay xở rất khéo. Thật vậy, con bò đã nổi điên ở khoảng hai dặm cuối, anh phải cột nó lại và đi tìm người làng lên giúp. Thế rồi khi anh quay lại, nó đã đứt đứt dây và phải mất nhiều thời gian để tìm ra nó. Nhưng bằng cách nào đó anh cũng đã xoay xở được và bán nó cho một nhà buôn trong làng với một giá cao. Người này mua để bán lại cho những người hàng thịt trên thị trấn. “Và đây là con bò mới,” Isak nói. “Hãy cho bọn trẻ ra đây nhìn.”

Bất kỳ một sự bổ sung nào cho đàn gia súc đều là một sự kiện trọng đại. Inger nhìn kỹ con bò, hỏi giá nó thế nào; nhóc Sivert được phép ngồi lên lưng nó. “Dù sao thì tôi sẽ nhớ tới con bò lớn,” Inger nói. “Nó thật là đẹp và bóng mượt. Tôi mong là họ sẽ giết nó một cách nhanh gọn.”

Lúc này là mùa bận bịu, có nhiều việc để làm. Những con thú được thả ra; trong căn chuồng trống là những hòm và thùng đựng khoai giống. Năm ấy Isak gieo nhiều lúa hơn năm trước, và cố gieo chúng thật đều. Anh đánh luống để trồng cà rốt và củ cải trắng, và Inger gieo hạt. Mọi thứ lại tiếp tục như trước.

Trong một quãng thời gian, Inger đi lại với một túi cỏ khô bên dưới lớp váy để che giấu bất kỳ thay đổi nào ở thân hình của nàng, rút bỏ dần từng chút một và cuối cùng vứt đi toàn bộ túi cỏ. Rốt cuộc, một hôm Isak đã nhận ra điều gì đó và ngạc nhiên hỏi:

“Nè, cái thai thế nào? Đã xảy ra chuyện gì? Tôi nghĩ...”

“Không. Lần này thì không.”

“Thế à. Sao vậy, có gì không ổn?”

“Tôi cho là chỉ vậy thôi. Isak à, anh nghĩ anh sẽ mất hết bao lâu để làm hết đất của chúng ta?”

“Vâng, nhưng... em muốn nói là em gặp rắc rối, không như thường lệ?”

“Phải, chính thế, phải.”

“Nhưng còn chính em, em có bị tổn thương gì sau đó không?”

“Không. Isak. Tôi nghĩ chúng ta nên nuôi một con heo.”

Isak không thể nhanh chóng thay đổi đề tài theo kiểu đó. Anh im lặng giây lát rồi cuối cùng bảo: “Phải, một con heo. Chính tôi cũng nghĩ tới chuyện đó mỗi mùa xuân. Nhưng trước tiên chúng ta cần có nhiều khoai đã, nhiều củ nhỏ hơn, ngoài ra phải thêm một ít lúa; chúng ta chưa có đủ thức ăn cho một con heo. Chúng ta hãy chờ xem năm nay mọi sự thế nào đã.”

“Nhưng có một con heo là điều tốt.”

“Phải.”

Nhiều ngày trôi qua, mưa xuống, đồng lúa và đồng cỏ trông rất xanh tươi – ồ, năm nay hóa ra lại tốt, đừng lo! Những sự kiện lớn nhỏ, tất cả đều có lượt của mình: thực phẩm, ngủ nghỉ và làm lụng; những ngày Chủ nhật, với việc rửa mặt và chải đầu, và Isak ngồi chễm chệ với một chiếc áo đỏ mới do Inger dệt và may lấy. Rồi một sự kiện, một sự cố đáng chú ý trong vòng quay bình lặng: một con cừu đi rong với con của nó đã bị mắc kẹt vào một khe hở giữa hai tảng đá. Những con khác trở về nhà vào chiều tối. Inger nhận ra ngay có hai con cừu bị mất và Isak lên đường tìm chúng. Ý nghĩ đầu tiên của Isak là tạ ơn Trời vì hôm đó là Chủ nhật, vì thế anh không phải rời bỏ công việc và phí mất thời gian. Anh lòng sục khắp – có vô số chỗ cần tìm; trong cùng lúc đó cả nhà đang lo lắng. Người mẹ bảo lũ trẻ nín lặng với những lời ngắn gọn; có hai con cừu đang đi lạc và chúng phải ngoan. Tất cả cùng chia sẻ cảm giác; chuyện gì xảy ra đều là một vấn đề cho toàn thể cái cộng đồng nhỏ bé đó. Ngay cả mấy con bò cái cũng biết có gì đó bất thường đang diễn ra và trò chuyện với nhau theo cách riêng của chúng, vì thỉnh thoảng Inger lại bước ra ngoài, hướng về mé rừng và gọi to, dù trời đã gần sập tối. Đó là một sự kiện ở chốn hoang vu, một chuyện không may. Thỉnh thoảng nàng lại cất tiếng hú dài gọi Isak, nhưng không có lời đáp lại. Hẳn anh đang ở ngoài tầm nghe.

Hai con cừu ở đâu, điều gì đã xảy ra với chúng? Có một con gấu chăng? Hay là lũ sói từ Thụy Điển và Phần Lan đã tràn xuống những dãy đồi? Hóa ra chẳng phải thế này mà cũng không phải thế kia. Isak tìm thấy con cừu cái bị kẹt cứng trong một khe đá, với một cái chân bị gãy và rách toạc. Có lẽ nó đã kẹt ở đó khá lâu, bởi vì, bất chấp những vết thương, con vật tội nghiệp đã gặm tới tận sát gốc những bụi cỏ nằm trong tầm với. Isak nhắc con cừu lên và giải thoát nó; ngay lập tức nó cặm cúi gặm cỏ. Con cừu non chạy tới mẹ nó để bú sữa – việc làm rỗng bầu vú bị thương giờ đây là một sự giải tỏa tốt lành.

Isak thu gom đá và lèn kín cái khe nguy hiểm đó lại; một chỗ tệ hại; nó sẽ không làm gãy thêm chân của một con cừu nào khác nữa! Isak mang dây đeo quần bằng da; anh tháo chúng ra và cột vào giữa người của con cừu để làm chỗ tựa cho bầu vú. Rồi anh nhắc con vật lên vai, lên đường trở về nhà, con cừu non chạy theo anh sát gót.

Sau đó, anh băng nẹp và bó thuốc cho con cừu. Trong vòng vài ngày con cừu bắt đầu co giật bàn chân của cái chân bị thương; chỉ là do cơn đau của chỗ gãy khi nó liền trở lại. Phải, mọi chuyện lại trở nên ổn thỏa – cho tới khi có một sự kiện nào đó vào lần kế tiếp.

Lại là vòng quay mỗi ngày; tất cả mọi chuyện nhỏ nhất đều quan trọng đối với những cư dân này. Ồ, chúng không hề là chuyện vặt vãnh chút nào, mà là những diễn biến của vận mệnh, mang tới cho họ hạnh phúc, niềm an ủi và sự thịnh vượng, hoặc chống lại họ.

Vào thời gian rồi giữa hai mùa, Isak bào nhẵn vài thân cây anh đã đốn; chắc chắn chúng sẽ được dùng vào việc này hay việc khác. Anh cũng đào lên một số tảng đá hữu dụng và vác chúng về nhà; ngay khi đã đủ đá, anh dựng một bức tường. Khoảng một năm trước đây, hẳn là Inger đã lấy làm lạ, tự hỏi chồng mình đang dự tính chuyện gì với tất cả những thứ này. Giờ đây dường như nàng cứ bận bịu suốt với những việc riêng của mình, và không hỏi han gì cả. Inger vẫn bận rộn luôn tay như trước, nhưng nàng bắt đầu ca hát, đây là một điều mới mẻ, và nàng đang dạy Eleseus một bài kinh cầu buổi chiều; đây cũng là một điều mới mẻ. Isak thấy nhớ

những câu hỏi của nàng; chính sự tò mò và lời khen ngợi của nàng đối với những gì anh thực hiện đã khiến cho anh thấy lòng hồ hởi, thấy mình là một người đàn ông có một không hai. Nhưng giờ nàng chỉ đi ngang, không nói lời nào, hoặc nhiều lắm chỉ là một câu rằng anh đang tự giết mình với công việc. “Cô ấy đã gặp rắc rối sau cái lần cuối cùng đó, theo những gì cô ấy nói,” Isak tự nhủ.

Một lần nữa Oline lại ghé thăm họ. Lẽ ra bà phải được chào đón ân cần nếu tất cả đều như trước, nhưng giờ đây đã khác. Ngay từ phút đầu Inger đã chào bà với vẻ miễn cưỡng; dù sao đi nữa, đã có một điều gì đó khiến Inger xem bà như một kẻ thù.

“Tôi nghĩ rằng tôi lại tới vừa đúng lúc,” Oline nói, với một hàm ý tinh tế.

“Ý của dì là sao?”

“Còn sao nữa, để làm lễ rửa tội cho đứa bé thứ ba. Đạo này nó thế nào?”

“Không,” Inger nói. “Về việc đó có lẽ dì nên tránh gây rắc rối cho chính mình.”

“Thế à?”

Oline quay sang khen ngợi lũ trẻ, chúng đã lớn phổng lên và thật là xinh đẹp; Isak đã khai khẩn thêm nhiều đất và lại sắp sửa xây cất, qua vẻ ngoài của các thứ – với họ thật không bao giờ có chuyện kết thúc; một địa điểm tuyệt diệu và khó mà tìm ra mảnh đất nào như thế. “Thế lần này anh ta định xây cất cái gì vậy?”

“Hãy đi mà hỏi anh ta,” Inger nói. “Tôi không biết.”

“Không,” Oline nói. “Đó không phải là việc của tôi. Tôi chỉ ngó qua để xem mọi sự ra sao với các cháu ở đây; nhìn thấy thế với tôi là một niềm vui sướng. Còn về phần con Sừng Vàng, tôi sẽ không hỏi hay nhắc gì tới nó, nó đã rơi vào đúng chỗ, như ai cũng có thể nhìn thấy.”

Họ trò chuyện thân mật một lúc; Inger không còn có vẻ khó chịu. Cái đồng hồ trên tường gõ những nốt nhạc êm tai. Oline nhìn lên với đôi mắt rung rung; trong suốt cuộc đời hèn mọn của mình bà chưa bao giờ nghe thấy một thứ như thế – nó giống như tiếng đàn organ trong nhà thờ, Oline bảo. Inger cảm thấy mình giàu có và trở nên quảng đại đối với người bà con nghèo của nàng, nàng nói: “Hãy đi vào phòng kế bên để xem cái khung cử của tôi.”

Oline ở lại suốt hôm đó. Bà trò chuyện với Isak, khen ngợi mọi việc anh đã làm. “Tôi nghe nói anh đã mua miếng đất với hàng nhiều dặm về các hướng. Anh không thể lấy không nó được à? Tôi thấy chẳng ma nào có thể đoạt lấy nó từ anh.”

Isak cảm thấy cần được ngợi khen và giờ mọi thứ đã tốt hơn. Lại cảm thấy mình là một đấng trượng phu. “Tôi sẽ mua nó từ Chính phủ,” Isak nói.

“Ờ, Chính phủ. Nhưng chắc chắn là họ chẳng việc gì phải dính vào một cuộc mua bán, phải không? Bây giờ anh đang xây cất thứ gì?”

“Sao, tôi không biết. Dù sao thì cũng không có gì nhiều lắm.”

“Phải, anh đang khấm khá; anh đang xây cất và trở nên khấm khá. Gắn cửa sơn cho ngôi nhà, và một cái đồng hồ trên tường. Tôi đoán là anh đang cất một ngôi nhà lớn mới.”

“Dì, với cách nói ngốc nghếch của dì...” Isak nói. Nhưng anh rất hài lòng, và bảo với Inger: “Em có thể làm món kem sữa trứng cho người khách đến thăm này không?”

“Không được,” Inger bảo, “ Vì tôi đã mang đánh sữa hết cả rồi.”

“Đó không phải là cách nói ngốc nghếch,” Oline vội vàng nêu ý kiến, “Tôi chỉ là một người đàn bà giản dị đang hỏi thăm cho biết. Và nếu đó không phải là một ngôi nhà lớn mới, thì sao chứ, nó sẽ là một kho thóc lớn mới, tôi dám bảo thế; và tại sao không? Với tất cả những đồng lúa và đồng cỏ này, đẹp đẽ và tăng trưởng tốt; phải, và đầy những sữa và mật, như Thánh kinh nói.”

Isak hỏi: “Theo cách nhìn của dì thì sao, về mùa vụ và các thứ?”

“Sao chứ, nó vẫn ở đó như hiện giờ. Giả sử như năm nay Thượng đế không thiêu rụi tất cả, xin Chúa Trời tha thứ cho câu nói đó của tôi. Tất cả đều nằm trong bàn tay và quyền năng to lớn của Người. Nhưng về phần chúng ta, không có nơi nào sánh được địa điểm này của anh, và đó là sự thật trang nghiêm.”

Inger hỏi thăm những người họ hàng khác, đặc biệt là cậu Sivert của nàng. Ông là một nhân vật lớn của gia đình, và là chủ những ngư trường giàu cá; thật kỳ lạ khi ông có thể tìm ra cách để tiêu xài tất cả những gì mình có. Hai người đàn bà trò chuyện về cậu Sivert, và theo cách nào đó Isak cùng công việc của anh đã bị gạt ra ngoài lề; bây giờ không có ai hỏi han gì nữa về việc xây cất của anh, vì thế cuối cùng anh nói:

“Ờ, nếu dì muốn biết thì tôi đang thử cất một nhà kho với một cái sân đập lúa.”

“Hệt như tôi đã nghĩ,” Oline nói. “Những người có đầu óc thật sự đều làm theo cách đó. Nghĩ trước đoán sau các thứ như cần phải thế. Chẳng có chuyện lớn bé nào mà anh không nghĩ tới. Anh bảo là một cái sân đập lúa à?”

Isak là một đứa trẻ con. Những lời tâng bốc của Oline luồn vào đầu anh, và anh đáp lại một cách hơi ngốc nghếch với những lời lẽ văn hoa: “Còn về phần căn nhà mới đó, nó cũng cần phải có một cái sân đập lúa giống như vậy. Ý tôi là thế.”

“Một cái sân đập lúa?” Oline lúc lắc đầu.

“Thế ý nghĩa của việc trồng lúa là ở đâu nếu chúng ta chả có chỗ nào để đập chúng?”

“Phải, đó là điều tôi muốn nói, chẳng có việc gì mà anh lại không nghĩ sẵn trong đầu mình.”

Một lần nữa Inger đột nhiên tỏ ra kém vui. Vì lý do nào đó cuộc trò chuyện giữa hai người kia khiến nàng thấy bức bối, và nàng xen vào:

“Lại còn kem sữa trứng! Kem từ đâu ra chứ? Câu nó lên từ sông chắc?”

Oline vội vàng dàn hòa. “Inger, Chúa phù hộ cho cháu, đừng nói thế cháu ạ. Đừng nói gì về kem hay kem sữa trứng. Một mục già như tôi chả có gì làm ngoài việc lê la từ nhà sang hàng xóm...!”

Isak ngồi một lát rồi đứng lên và đột ngột nói: “Tôi ngồi không ở đây vào giữa ngày trong lúc còn phải vác đá về cho bức tường đó!”

“Phải, chắc chắn là cần tới khá nhiều đá.”

“Đá à?” Isak nói. “Dường như chả bao giờ đủ cả.”

Khi Isak đi khỏi, hai người đàn bà tiếp tục một cách vui vẻ trong một thời gian; họ ngồi hàng nhiều giờ cà riềng cà tỏi về chuyện nọ chuyện kia. Vào xế chiều, Oline phải đi ra để xem gia súc của họ đã tăng trưởng ra sao: mấy con bò cái, một con bò đực, hai con bê, một bầy dê và một bầy cừu. “Tôi không biết đâu là chỗ kết thúc nữa,” Oline nói, mắt hướng lên trời.

Và đêm đó Oline ở lại.

Sáng hôm sau bà lại lên đường. Một lần nữa, bà có một bó gì đó để mang theo. Isak đang làm việc ở chỗ mỏ đá, và bà đi vòng sang lối khác để anh không nhìn thấy.

Hai tiếng sau, Oline quay trở lại, bước vào nhà và hỏi ngay lập tức: “Isak đâu?”

Inger đang giặt giũ. Hẳn Oline đã đi ngang qua chỗ mỏ đá nơi Isak đang làm, và lũ trẻ ở đó với anh; Inger đoán ra ngay đã có chuyện gì đó không ổn.

“Isak? Dì muốn gì ở anh ta?”

“Muốn gì ở anh ta? Sao, không có gì. Tôi chỉ muốn gặp anh ta để chào tạm biệt.”

Im lặng. Oline ngồi xuống một cái ghế không cần đợi mời mọc, gieo người xuống như thể đôi chân bà khước từ không muốn mang bà nữa. Thái độ của bà như định tỏ ra rằng có vấn đề nào đó rất nghiêm trọng; bà đang cố vượt qua nó.

Inger không còn kèm chế nỏi. Nét mặt nàng thật kinh khủng và đầy phẫn nộ khi nàng nói:

“Tôi đã thấy thứ mà dì gửi cho tôi qua Os-Anders. Phải, nó đúng là một thứ thật tốt đẹp để gửi đi.”

“Sao... cái gì...?”

“Cái con thỏ đó.”

“Ý của cháu là gì?” Oline hỏi với một giọng nhẹ nhàng đến lạ.

“Thôi, đừng chối nữa!” Inger hét lên, đôi mắt long sòng sọc. “Tôi sẽ lấy cái muống canh này đập vỡ mặt dì ra, chờ đó!”

Đánh bà? Phải, nàng đã làm chuyện đó. Oline nhận cú tấn công đầu tiên nhưng chưa té mà chỉ kêu lên: “Hãy coi chừng điều cô đang làm, cô em! Tôi biết điều mà tôi biết về cô và những việc làm của cô!” Inger lại tấn công, xô Oline té xuống nền nhà, lao tới chỗ bà và ấn hai đầu gối xuống người bà.

“Cô không định giết tôi đấy chứ?” Oline hỏi. Người đàn bà kinh khủng với cái môi sứt đang quỳ gối trên mình bà, một tạo vật khỏe mạnh vũ trang thêm một cái muống canh to, nặng như một cái dùi cui. Mặt mày Oline đã bị thâm tím và chảy máu, nhưng bà vẫn không hề hét to lên. “Vậy ra là cô đang cố giết chết cả tôi!”

“Phải, giết bà,” Inger nói, lại đập lần nữa. “Đó! Tôi sẽ nhìn bà chết trước khi xong việc với bà.” Lúc này nàng đã chắc chắn về chuyện đó. Oline đã biết bí mật của nàng, giờ thì chẳng có gì là

quan trọng nữa. “Tôi sẽ đập nát cái mặt súc vật của bà.”

“Cái mặt súc vật?” Oline thở hỗn hển. “Ôi dào! Hãy tự nhìn lại mặt của mình đi. Với cái dấu của Chúa trên đó.”

Oline cứng cỏi và sẽ không chịu đầu hàng; Inger buộc phải thôi tung những cú đập đang làm nàng kiệt sức. Nhưng nàng vẫn đe dọa – nhìn trừng trừng vào mắt của bà dì và thề rằng nàng còn chưa kết thúc với bà ta. “Sẽ còn nhiều nữa, phải, nhiều nữa. Hãy chờ tới khi tôi lấy một con dao. Tôi sẽ cho bà thấy!”

Nàng đứng lên, và di chuyển như thể đang tìm một con dao, một con dao ăn. Nhưng cơn thịnh nộ của nàng đã qua hồi tệ nhất, và nàng quay lại nguyên rửa, chửi bới. Oline lại cố nhắc người lên chiếc ghế dài, khắp mặt bà tím bầm, sưng lên và chảy máu; bà vén tóc ra khỏi trán, trải tấm khăn trùm đầu ra và nhổ nước bọt; cả miệng bà cũng tím bầm và sưng.

“Cô là đồ quỷ sứ!” Bà nói.

“Bà đã sục sạo trong rừng!” Inger la lên. “Đó là điều mà bà đã làm. Bà đã tìm ra ngôi mộ nhỏ ở đó. Tốt hơn bà nên đào thêm một cái cho mình ngay lúc đó.”

“Phải, cô chờ đó,” Oline nói, mắt bà sáng rực ý định phục thù. “Tôi sẽ không nói gì thêm, nhưng cô cứ chờ xem, sẽ không có ngôi nhà hai phòng xinh đẹp nào, với những đồng hồ âm nhạc và các thứ cho cô đâu.”

“Dù sao thì bà cũng không tước đoạt chúng khỏi tôi được!”

“Phải, cứ chờ xem. Cô sẽ thấy Oline này có thể làm gì.”

Và họ cứ tiếp tục như thế. Oline không chửi rửa, và gần như không hề cao giọng, có một cái gì đó gần như là nhẹ nhàng trong sự độc ác lạnh lẽo của bà, nhưng bà nguy hiểm một cách cay đắng. “Cái bó đó ở đâu à? Tôi bỏ lại nó trong rừng. Nhưng cô sẽ có lại nó. Tôi không giữ len của cô đâu.”

“Thế à, bà nghĩ tôi đã lấy cắp nó sao?”

“Phải, cô biết rõ nhất những gì cô đã làm.”

Thế là họ nói qua nói lại về bó len. Inger đề nghị chỉ cho bà dì thấy con cừu đã bị cắt len. Oline hỏi một cách êm ái, lạnh lẽo: “Phải, nhưng ai biết cô lấy từ đâu ra con cừu đầu tiên?”

Inger đưa ra tên những người và địa điểm nơi mà con cừu đầu tiên của nàng ra đời cùng với bầy cừu non. “Và bà nên coi chừng những điều bà nói,” nàng đe dọa. “Hãy cẩn thận cái miệng của mình, không thì bà sẽ phải hối tiếc.”

“Hahaha!” Oline cười khê. Oline chưa bao giờ thua cuộc, chưa bao giờ để cho người ta bịt miệng mình. “Miệng của tôi hả? Thế còn miệng của cô thì sao, cô cháu thân mến của tôi?” Bà chỉ vào cái môi sứt của Inger, nói rằng cô là một hình ảnh kinh khủng đối với Thượng đế và con người.

Inger giận dữ đáp trả, và vì Oline béo tốt, nàng gọi bà là một tảng mỡ, “một tảng mỡ chó như bà. Bà đã gửi cho tôi một con thỏ, tôi sẽ đền đáp cho bà về chuyện đó.”

“Lại thỏ nữa à?” Oline nói. “Nếu tôi có bất kỳ tội lỗi nào thì cũng chưa bao giờ có về con thỏ đó. Trông nó như thế nào?”

“Trông nó như thế nào? Sao chứ, một con thỏ luôn luôn trông như thế nào?”

“Như cô. Đúng là hình ảnh đó.”

“Bà rút ra, rút ngay!” Inger gào lên. “Chính bà đã nhờ Os-Anders mang con thỏ đó tới. Tôi sẽ trừng phạt bà; tôi sẽ làm cho bà ở tù vì điều đó.”

“Tù à? Cô nói tới nhà tù phải không?”

“Ồ, bà ghen ghét ganh tị về mọi thứ bà nhìn thấy; bà ghét tôi vì mọi thứ tốt đẹp mà tôi có,” Inger lại nói. “Bà đã nổi lòng ganh ghét vì tôi có Isak và mọi thứ ở đây. Ôi Trời, bà di ới, tôi đã làm gì với bà nào? Nào phải là lỗi của tôi khi con cái của bà không thành đạt và trở nên tồi tệ, mọi đứa trong số chúng? Bà không thể chịu được hình ảnh các con của tôi, vì chúng xinh đẹp và mạnh khỏe, và được đặt tên tốt hơn các con của bà. Nào phải lỗi của tôi nếu máu thịt của chúng tốt đẹp hơn máu thịt của con bà?”

Nếu có một điều có thể khiến cho Oline nổi giận thì đó chính là điều này. Bà đã nhiều lần làm mẹ, và tất cả những gì bà có đều là của con cái bà, như trước giờ vẫn thế; bà phóng đại về chúng, khoát lác về chúng, kể những điều to tát mà chúng chưa bao giờ thật sự làm, và che giấu những lỗi lầm của chúng.

“Cô đang nói gì thế?” Oline đáp. “Ồ, sao cô không chìm vào mộ huyết của mình vì xấu hổ nhỉ! Con cái của tôi! Chúng là một đàn thiên thần so với các con của cô. Cô dám nói với tôi về các con của tôi sao? Chúng là bảy món quà của Thượng đế từ khi chúng còn bé bỏng, và tất cả giờ đây đều trưởng thành. Cô dám nói...”

“Thế còn Lise, người đã bị ở tù, thì sao nhỉ?” Inger hỏi.

“Không bao giờ nó làm điều gì. Nó vô tội như một bông hoa,” Oline đáp. “Và bây giờ nó ở Bergen; sống trong một thị trấn và đội một cái mũ. Nhưng còn cô thì sao?”

“Thế còn Nils. Người ta đã nói gì về anh ta?”

“Ồ, tôi sẽ không tự hạ thấp mình... Nhưng có một đứa trong số các con của cô hiện bị chôn trong rừng ngoài kia. Cô đã làm gì với nó hả?”

“Bây giờ...! Một, hai, ba, bà rút ngay!” Inger lại gào lên và lao tới Oline.

Nhưng Oline không cử động, thậm chí không đứng lên. Sự đứng đưng bình thản của bà khiến Inger bị tê liệt, nàng lùi lại, lẩm bẩm: “Hãy chờ cho tới khi tôi lấy con dao đó.”

“Đừng bận lòng,” Oline nói. “Tôi sẽ đi. Nhưng còn cô, một-hai-ba đuổi người bà con của mình ra cửa... Không, tôi sẽ không nói thêm gì nữa.”

“Đi ra khỏi cái nhà này, đó là tất cả những gì bà cần làm!”

Nhưng Oline chưa đi vội. Cả hai lại rơi vào những lời xỉ vả, lại một lần nữa lời qua tiếng lại hồi lâu, và khi chiếc đồng hồ điểm nửa giờ, Oline phá lên cười khinh miệt, khiến Inger nổi điên hơn bao giờ hết. Cuối cùng cả hai bình tĩnh lại đôi chút, và Oline chuẩn bị lên đường. “Tôi còn

cả con đường dài trước mặt,” bà nói, “và trời khá tối để lên đường. Sẽ không có gì sai khi có một chút thức ăn lúc đi đường...”

Inger không đáp. Giờ đây nàng đã tỉnh táo lại, và rót nước ra một cái chậu để Oline rửa mặt. “Đó, nếu bà muốn rửa ráy cho mình,” nàng nói. Cả Oline cũng nghĩ rằng nên tự rửa ráy cho sạch sẽ chính tề, nhưng không thể nhìn thấy máu ở chỗ nào, và rửa không đúng chỗ. Inger quan sát một lúc, rồi giơ ngón tay ra chỉ.

“Đó, rửa ở chỗ đó nữa, phía trên mắt của dì. Không, không phải con mắt đó, con kia; dì không thể thấy tôi đang chỉ chỗ nào sao?”

“Làm sao tôi thấy cháu đang chỉ mắt nào,” Oline đáp.

“Và còn chỗ kia nữa, cạnh miệng dì. Dì sợ nước à? Nó đâu có cần dì!”

Rốt cuộc, Inger tự tay rửa cho người bệnh, rồi ném cho bà một chiếc khăn.

“Điều tôi muốn nói,” Oline nói trong lúc đang lau, và giờ thì hoàn toàn hòa hoãn. “Là về Isak và lũ trẻ, làm sao họ vượt qua chuyện này?”

“Anh ta biết không?” Inger hỏi.

“Biết à? Anh ta đã đến và nhìn thấy nó.”

“Anh ta nói gì?”

“Còn có thể nói gì nữa? Anh ta không nói được lời nào, cũng như tôi thôi.”

Im lặng.

“Tất cả là lỗi của dì,” Inger hét lên, bắt đầu khóc.

“Lỗi của tôi? Tôi ước gì tôi sẽ không có gì hơn nữa để trả lời!”

“Dù sao thì tôi cũng sẽ hỏi lại Os-Anders để chắc về chuyện đó.”

“Phải, cứ làm đi.”

Họ nói những lời này một cách lặng lẽ, và giờ đây dường như Oline có vẻ ít thù hận hơn. Oline, bà đúng là một chính trị gia tài ba và nhanh chóng tìm ra các mưu chước; lúc này bà nói như thể đang rất cảm thông – thật là một điều kinh khủng đối với Isak và lũ trẻ khi chuyện đó bị phát hiện!

“Vâng,” Inger nói, lại khóc thút thít. “Cháu đã nghĩ tới nghĩ lui về chuyện đó suốt đêm ngày.” Oline nghĩ bà có thể giúp, và trở thành một vị cứu tinh cho họ trong cơn hoạn nạn. Bà có thể tới và ở lại trại này để coi sóc các thứ trong lúc Inger đang ở tù.

Inger ngưng khóc; ngưng một cách đột ngột như thể để lắng nghe và suy nghĩ. “Không, dì không quan tâm tới lũ trẻ.”

“Tôi mà không quan tâm tới chúng? Sao cháu lại có thể nói một điều như thế?”

“À, tôi biết...”

“Sao chứ, nếu có thứ gì đó trên đời mà tôi cảm thấy và quan tâm, thì đó là bọn trẻ con.”

“Phải, đối với con cái của dì,” Inger đáp. “Nhưng làm sao dì có thể quan tâm tới con cái của tôi? Và khi tôi nghĩ tới việc dì đã gửi con thỏ đó tới không vì điều gì khác hơn là để làm tôi sụp đổ hoàn toàn.Ồ, dì chẳng tốt gì hơn một đồng những thứ độc hại!”

“Tôi sao?” Oline nói, “Có phải cháu muốn nói tới tôi?”

“Vâng, tôi muốn nói tới dì đó,” Inger nói, và khóc, “dì là một kẻ xấu xa, và tôi sẽ không tin dì. Và dì cũng sẽ lấy trộm hết cả len nữa, nếu dì tới. Và tất cả pho mát sẽ vào bụng con cái của dì thay vì con cái của tôi.”

“Ồ, cháu đúng là một kẻ xấu xa khi nghĩ ra một điều như thế!” Oline đáp.

Inger khóc, lau mắt, nói đôi lời gì đó. Oline không cố ép buộc nàng. Nếu Inger không quan tâm tới ý kiến đó, thì bà cũng thế. Bà có thể tới ở với thằng Nils con trai mình, như vẫn luôn làm thế. Nhưng bây giờ Inger sắp phải đi tù, đối với Isak và bọn trẻ vô tội sẽ là một thời kỳ khó khăn; Oline có thể ở lại và để mắt tới mọi việc. “Cháu có thể suy nghĩ cho kỹ,” Oline nói.

Hôm đó Inger đã chịu thua. Nàng khóc, lắc đầu và nhìn xuống. Nàng đi ra ngoài như người đang bị mộng du, gói một gói thức ăn cho Oline mang theo. “Cháu không phải mất công làm thế,” Oline nói.

“Dì không thể đi suốt quãng đường đó mà không có gì để ăn,” Inger nói.

Khi Oline đã đi khỏi, Inger len lén ra khỏi nhà, nhìn quanh và lắng nghe. Không, không có âm thanh nào từ chỗ mỏ đá. Nàng tới gần hơn, và nghe thấy lũ trẻ đang chơi với những hòn đá nhỏ. Isak đang ngồi, giữ cái xà beng ở giữa hai đầu gối, và tựa lên nó như tựa lên một chiếc gậy. Anh ta ngồi đó.

Inger len lén đi tới bìa rừng. Có một chỗ nơi mà nàng đã cắm một cây thánh giá nhỏ xuống đất; hiện giờ cây thánh giá đã bị ngã, và mặt đất ở chỗ đó đã bị xới lên. Nàng khom xuống và dùng hai tay vun đất lại. Rồi nàng ngồi đó.

Nàng đã đi ra vì thắc mắc, để xem ngôi mộ nhỏ đã bị Oline quấy rầy ra sao; giờ đây nàng ngồi lại đó vì đàn gia súc chưa về ngủ đêm. Nàng ngồi đó khóc lóc, lúc lắc đầu và nhìn xuống.

CHƯƠNG VII

Và ngày tháng trôi qua.

Một thời kỳ phúc lành cho đất đai, với mặt trời và những cơn mưa; vụ mùa trông rất khá. Việc phơi cỏ giờ đã sắp kết thúc, và họ đã thu được thật nhiều cỏ khô; gần như họ không còn chỗ để chứa chúng. Một số được cất giữ bên dưới những tảng đá nhô ra, trong chuồng ngựa, hoặc ngay trên nền nhà; cái kho bên chái được dọn trống mọi thứ để lấy chỗ cho cỏ khô. Bản thân Inger thức khuya dậy sớm làm lụng, một người trợ giúp đáng tin cậy. Isak tận dụng mọi cơn mưa để dành thời gian cho việc lợp mái cái kho mới, và ít ra cũng đã gần hoàn thành bức tường ở hướng nam; một khi cái nhà kho đã sẵn sàng, họ có thể tống cỏ khô vào tùy thích. Công việc đang tiến triển; họ sẽ xoay sở được, đừng lo!

Và, phải, nỗi buồn và tai họa lớn của họ còn đó, việc đó đã được thực hiện, và điều gì sẽ đến cứ đến. Hầu hết những việc tốt đều không để lại dấu vết gì, nhưng một điều xấu luôn luôn tìm đến. Ngay từ đầu Isak đã đón nhận sự việc một cách hợp lý. Anh không nói những lời nặng nề nào về nó, mà chỉ đơn giản hỏi vợ mình: “Tại sao em làm chuyện đó?” Inger không trả lời câu hỏi. Một lát sau, anh lại hỏi: “Bóp cổ nó, em đã làm như thế phải không?”

“Vâng,” Inger đáp.

“Lẽ ra em không nên làm điều đó.”

“Đúng vậy,” nàng đồng ý.

“Và tôi không thể hiểu được vì sao em có thể tự đẩy mình tới việc làm đó.”

“Nó giống hệt như tôi,” Inger nói.

“Ý của em là sao?”

“Miệng của nó.”

Isak suy nghĩ một hồi về điều đó. “Ờ, phải,” anh nói.

Và lúc ấy họ không nói thêm gì về chuyện đó nữa; ngày tháng trôi đi, vẫn thanh bình như cũ; có cả một lượng lớn cỏ khô cần được đưa vào kho, và một vụ mùa bội thu cần thu hoạch, vì thế ở mức độ nào đó sự việc đã trôi tuột ra phía sau tâm trí họ. Nhưng dù sao thì nó vẫn còn treo lơ lửng bên trên họ, bên trên nông trại. Họ không thể hy vọng Oline giữ bí mật; điều đó vượt quá tầm mong đợi. Và thậm chí nếu Oline không nói lời nào thì những người khác cũng sẽ nói; những chứng nhân câm lặng sẽ tìm được một người nói hộ; những bức tường của ngôi nhà, những thân cây mọc quanh ngôi mộ nhỏ trong rừng. Os-Anders người Lapp sẽ tung ra những lời bóng gió; ngay chính bản thân Inger cũng sẽ làm lộ chuyện, khi đang ngủ hay đang thức. Họ đã chuẩn bị cho điều xấu nhất.

Isak đón nhận sự việc một cách hợp lý – còn có thể làm gì khác được? Giờ thì anh đã biết vì sao Inger luôn luôn quan tâm tới việc được ở một mình vào mỗi lần sinh nở; ở một mình với

những nỗi lo sợ của nàng về việc đưa bé sẽ ra sao, và đối mặt với mỗi nguy mà không có ai bên cạnh. Cả ba lần nàng đều thực hiện một việc giống nhau. Isak lắc đầu, thấy thương xót cho số phận hẩm hiu của nàng – Inger tội nghiệp. Anh đã biết chuyện tay người Lapp tới đó với con thỏ, và đã tha thứ cho nàng. Điều này dẫn tới một tình yêu lớn lao giữa họ, một tình yêu hoang dại: họ nhích lại sát bên nhau trong cơn hoạn nạn chung. Inger dành cho anh trọn cả một tình cảm ngọt ngào tuyệt vọng, và người đàn ông cường tráng thô kệch này, kẻ chuyên khuôn vác những gánh nặng này, cảm thấy trong mình một nỗi thèm muốn khát khao vô tận đối với nàng. Còn Inger, với tất cả những kiểu cách của nàng, chẳng hạn mang đôi giày thô kệch như một người Lapp, lại không hề là một tạo vật nhỏ bé nhăn nhoe như những phụ nữ Lapp mà có vóc người to khỏe. Bấy giờ đã là mùa hè, và nàng đi lại chân trần, với đôi chân để trần gần tới gối – Isak không thể rời mắt khỏi đôi chân trần đó.

Suốt mùa hè nàng đi lại quanh quẩn, hát véo von những bài thánh ca và dạy cho Eleseus đọc kinh cầu nguyện; nhưng trong nàng dậy lên một niềm căm ghét phi đạo đức đối với mọi người Lapp. Và nàng nói với bất kỳ người Lapp nào đi qua một cách khá thẳng thắn về điều đó. Một người nào đó có thể lại mang chúng tới; rất có thể họ lại có một con thỏ rừng trong túi của mình như trước; cứ mặc họ đi theo con đường của họ, và chuyện cũ sẽ không còn tái diễn.

“Một con thỏ rừng? Thỏ rừng nào?”

“Chà, có lẽ anh không nghe nói Os-Anders đã làm gì lần đó hả?”

“Không.”

“Ờ, tôi không quan tâm tới việc ai biết chuyện đó, anh ta lên đây với một con thỏ rừng, khi tôi đang có mang.”

“Ồ, thật là một điều đáng sợ! Thế đã xảy ra chuyện gì?”

“Đừng bận tâm chuyện gì đã xảy ra, anh chỉ việc cuốn xéo, thế thôi. Đây là ít thức ăn, và cuốn xéo đi.”

“Bà có mảnh da nào sót lại đâu đó không, để tôi vá lại giày của mình?”

“Không, nhưng tôi sẽ cho anh nệm vài gậy nếu anh không biến đi!”

Thời bấy giờ một người Lapp xin xỏ rất nhún nhường, nhưng cứ nói không với gã coi, gã sẽ trở mặt và đe dọa. Một cặp vợ chồng người Lapp và hai đứa bé đi ngang qua trại; lũ trẻ được cử tới nhà để xin, chúng trở lại và nói rằng không thấy ai ở đó cả. Bốn người bọn họ đứng đó một lúc và trò chuyện bằng ngôn ngữ của họ, rồi người đàn ông đi lên để xem sao. Gã đi vào trại và ở lại đó. Rồi vợ gã lên, sau đó là lũ trẻ; cả bọn đứng bên trong lối ra vào, trò chuyện bằng thổ ngữ Lapp. Người đàn ông đặt đầu mình lên cửa và nhìn qua khe vào trong phòng; trong đó cũng không có người nào. Chiếc đồng hồ báo giờ, và cả gia đình đứng nghe một cách ngạc nhiên.

Hắn Inger phải có một linh cảm nào đó rằng có người lạ tới gần; nàng vội vã xuống đồi, và trông thấy bốn người Lapp, thêm nữa đó là những người Lapp xa lạ. Nàng hỏi thẳng họ đang làm gì ở đó. “Các người muốn gì ở trong này? Các người không thấy là không có ai ở nhà hay sao?”

“Ừm...” người đàn ông âm ừ.

“Biến khỏi đây,” Inger lặp lại, “và đi theo đường của các người.”

Đám người Lapp chậm rãi đi ra, đầy miễn cưỡng. “Chúng tôi chỉ lắng nghe cái đồng hồ của bà,” người đàn ông nói; “nó nghe thật kỳ diệu, đúng là vậy.”

“Bà không có chút bánh mì thừa nào sao?” Vợ gã nói.

“Các người từ đâu tới?” Inger hỏi.

“Từ nguồn nước mé ngoài kia. Chúng tôi đã đi suốt đêm.”

“Và bây giờ các người định đi đâu?”

“Băng qua dãy đồi.”

Inger gói cho họ một ít thức ăn; khi nàng đi ra, người đàn bà lại bắt đầu xin xỏ: một chút vải để làm nón, một ít len, một mẫu pho mát – bất cứ món gì. Inger không có thời gian để lãng phí, Isak và bọn trẻ đang ở trên đồng cỏ. “Các người đi ngay đi,” nàng nói.

Người đàn bà cố nịnh nọt. “Chúng tôi nhìn thấy trại của bà trên này, và bầy gia súc, cả một bầy lớn, như những ngôi sao trên trời.”

“Phải, một sự kỳ diệu,” người đàn ông nói. “Bà không có một đôi giày cũ nào để tặng cho những người thiếu thốn à?”

Inger đóng cửa lại và quay trở lại công việc của mình trên sườn đồi. Người đàn ông gọi với theo nàng. Nàng giả vờ không nghe thấy, và đi tiếp. Nhưng nàng nghe thấy câu nói rất rõ ràng: “Có lẽ bà không muốn mua một con thỏ rừng nào?”

Không thể nhầm được về những gì gã đã nói. Có thể bản thân người Lapp đó chỉ nói một cách vô tình; ai đó đã kể cho gã nghe, có lẽ thế. Hoặc cũng có thể gã có hàm ý xấu. Dù sao đi nữa, Inger xem nó như một lời cảnh báo – một thông điệp về chuyện sắp xảy ra...

Ngày tháng tiếp tục trôi. Những cư dân này là những người mạnh mẽ; điều gì sẽ đến cứ đến; họ cứ làm công việc của mình và chờ đợi. Họ sống gắn bó với nhau như những con thú rừng xanh; họ ngủ và ăn; phần lớn năm đó đã trôi qua nên họ thử đào những dây khoai mới, và thấy rằng chúng rất to và nhiều bột. Ngọn roi sắp hạ xuống – vì sao nó còn chưa đến? Đã là cuối tháng Tám, chẳng bao lâu lại sang tháng Chín; họ có được để yên đến hết mùa đông hay không? Họ sống trong sự cảnh giác thường trực; đêm đêm họ bò sát lại gần nhau trong cái hang của mình, tạ ơn trời đất rằng ngày hôm đó đã trôi qua yên ổn. Thời gian cứ thế lướt trôi cho tới một ngày tháng Mười, rồi ngài Lensmand tìm đến cùng một người đàn ông và một cái túi xách. Luật pháp đã bước chân qua cửa nhà của họ.

Cuộc điều tra kéo dài một thời gian. Inger được gọi tới và thẩm tra riêng; nàng không chối bỏ điều gì cả. Ngôi mộ trong rừng được khai quật, thi hài được lấy lên để kiểm nghiệm. Cái thân hình bé bỏng – nó được quấn trong chiếc áo choàng rửa tội của Eleseus và đội một cái mũ có đính hạt cườm.

Dường như Isak đã tìm ra lời trở lại. “Phải,” anh nói, “giờ đây chúng ta có thể gặp đủ chuyện. Tôi đã nói trước rồi, em không bao giờ nên làm chuyện đó.”

“Đúng vậy,” Inger nói.

“Em đã làm thế nào?”

Inger không đáp.

“Em có thể tìm thấy nó trong tim mình...”

“Nó trông giống hệt tôi. Vì thế tôi nắm lấy và vặn cổ nó.”

Isak chậm rãi lắc đầu.

“Thế rồi nó chết,” Inger nói tiếp, bắt đầu khóc.

Isak im lặng một lúc. “Thôi được, thôi được, giờ thì đã quá muộn để khóc vì chuyện đó,” anh nói.

“Tóc nó màu nâu,” Inger nức nở, “ở phía sau đầu nó...”

Và nàng không nói thêm gì nữa.

Thời gian lướt trôi như trước. Inger không bị nhốt; luật pháp đầy lòng thương xót. Lensmand Heyerdahl chỉ hỏi nàng những câu hỏi mà ông có thể đặt ra cho bất kỳ người nào, và chỉ nói, “Thật đáng tiếc khi những chuyện như thế lại xảy ra.” Inger hỏi ai đã tố cáo nàng, nhưng vì Lensmand trả lời rằng không có một ai cụ thể; nhiều người đã nói về vụ đó, và ông đã nghe về nó từ nhiều nguồn. Không phải ngay chính nàng cũng đã nói gì đó về chuyện đó với vài người Lapp hay sao?

Inger – phải, nàng đã nói với vài người Lapp về Os-Anders, gã đã tới và mang theo một con thỏ rừng như thế nào vào mùa hè đó, mang tới cái môi sứt cho đứa con chưa ra đời của nàng. Và phải chăng Oline là người đã gửi con thỏ tới? Vì Lensmand không biết gì về chuyện đó. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, ông cũng không thể nghĩ tới việc đặt bút viết một câu chuyện mê tín ngu muội như thế vào bản báo cáo của mình.

“Nhưng mẹ tôi đã trông thấy một con thỏ rừng trước khi sinh ra tôi,” Inger nói...

Cái kho thóc đã hoàn tất; nó là một nơi rộng rãi, có những kệ chất cỏ khô ở cả hai phía và một cái sân đập lúa ngay chính giữa. Cái chái để đồ và những chỗ chất đồ tạm thời khác giờ đây được dọn trống, toàn bộ cỏ khô được đưa vào kho thóc; lúa má đã chín, được phơi khô thành từng đồng, và được chở về. Inger đào củ cải và củ cải trắng. Lúc này tất cả mùa màng của họ đã được đưa vào kho. Và mọi thứ có thể tốt lành với họ – họ đã có tất cả những gì họ cần. Isak đã khởi sự trên một mảnh đất mới, trước khi sương giá tới, để tạo một cánh đồng lúa lớn hơn; Isak là một nông dân. Nhưng một hôm nọ trong tháng Mười một, chợt Inger nói, “Giờ lẽ ra nó đã được sáu tháng tuổi và biết tất cả chúng ta.”

“Nói chuyện đó bây giờ không hay đâu,” Isak nói.

Khi mùa đông tới, Isak đập lúa trên sân đập mới, và Inger thường xuyên giúp đỡ anh, với đôi tay làm việc nhanh nhẹn không kém gì anh, trong khi lũ trẻ nô giỡn trong những đụn cỏ khô ở hai phía.

Thóc tròn mấy hạt. Vào đầu năm mới những con đường đều tốt, và Isak bắt đầu chở gỗ xuống

làng; giờ đây anh đã có những khách hàng thường xuyên, và thứ gỗ đã phơi khô trong mùa hè được mua với giá cao. Một hôm anh và Inger đồng ý rằng họ nên chở con bò đực non xinh đẹp xuống cho phu nhân Geissler, ngoài ra còn thêm vào một tảng pho mát. Bà rất vui, và hỏi giá tiền là bao nhiêu.

“Không bao nhiêu cả,” Isak nói. “Ngài Lensmand đã thanh toán trước rồi.”

“Cầu Trời phù hộ cho ông ấy, ông ấy đã trả tiền rồi sao?” phu nhân Geissler nói, cảm động với ý nghĩ đó. Để đáp lễ, bà gửi nhiều thứ lên cho Eleseus và Sivert – các thứ bánh trái, những cuốn truyện tranh và các món đồ chơi. Khi Isak trở về và Inger trông thấy các thứ đó, nàng quay mặt đi và khóc.

“Sao vậy?” Isak hỏi.

“Không có gì,” Inger đáp. “Chỉ là... giờ con bé giờ đã tròn năm, và có thể nhìn thấy tất cả những thứ này.”

“Phải, nhưng em biết nó ra sao rồi mà,” Isak nói, để an ủi. “Và nói cho cùng, có thể chúng ta thoát khỏi chuyện này dễ hơn là chúng ta đã nghĩ. Giờ tôi đã tìm ra Geissler ở đâu rồi.”

Inger ngẩng lên nhìn. “Nhưng việc đó giúp ích gì được cho chúng ta?”

“Tôi không biết.”

Sau đó Isak vác lúa tới cối xay và mang bột trở về. Thế rồi anh lại trở thành một gã tiểu phu, đốn gỗ để chuẩn bị cho mùa đông kế tiếp. Cuộc đời anh trôi qua trong việc này việc nọ, theo mùa vụ; từ những cánh đồng ra những khu rừng, rồi lại quay về với những cánh đồng. Cho tới nay anh đã cùn cù lao động ở chốn này được sáu năm, còn Inger thì năm năm; mọi việc có thể tốt lành, chỉ cần giá như nó được cho phép kéo dài. Nhưng không. Inger làm việc ở khung cửi của nàng và chăm sóc lũ súc vật; mọi người cũng thường nghe thấy nàng hát những bản thánh ca, nhưng đó là một tiếng hát đáng thương; nàng giống như một cái chuông không có hạt.

Ngay khi những con đường vừa đi lại được, nàng được cho gọi xuống làng để thẩm tra. Isak phải ở lại nhà. Và trong lúc một mình ở đó, anh chợt nghĩ tới việc đi sang Thụy Điển để tìm Geissler; vị cựu quan chức này đã rất tốt với họ; và có thể vẫn chìa tay ra giúp đỡ cho những người ở trại Sellanraa bằng một cách nào đó. Nhưng khi Inger trở về, tự nàng cũng đã hỏi về vụ việc. Nói một cách nghiêm túc, tội này phải bị tù chung thân, theo Đoạn I. Nhưng... Rốt cuộc, nàng đã đứng trong tòa án và thú tội một cách đơn giản. Hai nhân chứng của làng đã nhìn nàng một cách thương hại, và vị quan tòa đã đặt câu hỏi một cách tốt bụng; nhưng với tất cả những chuyện đó, nàng vẫn không thể đối đầu với những lập luận sáng tỏ của luật pháp. Các vị luật sư là những nhân vật vĩ đại đối với các thôn dân bình thường; họ có thể trích dẫn đoạn này phần nọ; họ đã học thuộc nằm lòng những điều như thế, sẵn sàng lôi chúng ra vào bất cứ lúc nào.Ồ, họ thật sự là những con người vĩ đại. Và ngoài những kiến thức đó ra, không phải họ luôn là người vô cảm, thậm chí có đôi khi không hoàn toàn là kẻ nhẫn tâm. Inger không có lý do gì để than phiền về tòa án; nàng không nhắc gì tới con thỏ rừng, nhưng khi nàng giải thích trong nước mắt rằng nàng không thể tàn ác đối với đứa con tội nghiệp của mình bằng cách để cho nó sống sót, vị quan tòa gật đầu, một cách lặng lẽ và nghiêm trang.

“Nhưng,” ông ta nói, “hãy nghĩ về chính bản thân bà; bà có một cái môi sứt, nhưng nó đâu có

phá hỏng cuộc đời bà.”

“Không, nhờ Chúa.” Đó là tất cả những gì nàng nói. Nàng không thể kể cho họ nghe về tất cả những gì nàng từng âm thầm chịu đựng khi còn bé, khi là một thiếu nữ.

Nhưng vị quan tòa hẳn đã hiểu đôi điều về ý nghĩa của câu nói đó; bản thân ông ta cũng có một chân bị tật bẩm sinh và không thể khiêu vũ được. “Còn về hình phạt,” ông ta nói, “tôi khó mà biết được. Thật sự, nó có thể là tù chung thân, nhưng... tôi không thể nói, có lẽ chúng tôi có thể giảm tội, ở mức thứ hai hay thứ ba, từ mười hai đến mười lăm năm, hay từ chín đến mười hai năm. Có một ủy ban đang họp bàn để cải tiến hình luật, làm cho nó trở nên nhân đạo hơn, nhưng phán quyết cuối cùng chưa được đưa ra. Dù sao thì chúng ta cũng phải hy vọng cho điều tốt nhất.”

Inger trở về trong trạng thái thần thờ cam chịu; họ chưa thấy cần thiết phải giam nàng vào lúc này. Hai tháng trôi qua; rồi một chiều kia, khi Isak đi câu cá trở về, vị Lensmand và viên trợ lý mới của ông đã tới Sellanraa trước đó.

Inger rất vui vẻ, và chào đón chồng nàng một cách ân cần, khen ngợi mẻ cá của anh, dù anh chỉ mang về nhà được chút ít cá.

“Tôi định nói gì cà, có ai tới đây không?” anh hỏi.

“Có ai à? Sao chứ, ai có thể tới đây?”

“Có những dấu chân mới ở bên ngoài. Những người đàn ông mang ủng.”

“Sao chứ, không có ai ngoài ngài Lensmand và một người khác.”

“Họ muốn gì?”

“Anh biết điều đó mà không cần phải hỏi.”

“Có phải họ tới để đưa em đi không?”

“Đưa tôi đi? Không, chỉ là về hình phạt. Chúa rất nhân từ, nó không tệ như tôi từng lo sợ.”

“Phải,” Isak nôn nao nói. “Có lẽ là không lâu lắm hả?”

“Không, chỉ vài năm thôi.”

“Bao nhiêu năm?”

“Sao chứ, anh có thể nghĩ nó là nhiều, có lẽ. Nhưng tôi rất biết ơn Chúa về mọi sự.”

Inger không nói là bao lâu. Một lúc sau, cũng trong chiều hôm đó, Isak hỏi khi nào họ sẽ đến để đưa nàng đi, nhưng nàng không thể hoặc không muốn nói điều này. Nàng lại trở nên trầm ngâm, và nói về điều sắp sửa đến; nàng không biết họ làm thế nào để xoay sở, nhưng nàng cho rằng họ nên mời Oline đến. Và Isak không đưa ra được kế hoạch nào tốt hơn.

Nhân tiện, chuyện gì đã xảy ra với Oline? Năm đó bà không đến như thường lệ. Bà có đi xa mãi mãi hay chẳng, khi giờ đây bà đã phiền lòng về mọi điều ở họ? Mùa làm việc đã qua, nhưng Oline vẫn không đến – phải chăng bà mong đợi họ tới đón bà? Không còn ngờ gì nữa, bà đang la cà nấn ná, cái tảng mỡ to bụng ấy, con quái vật ấy.

Rốt cuộc một hôm bà đã tới. Một con người thật khác thường – như thể chưa có chuyện gì xảy ra làm xấu đi cảm tình giữa họ; thậm chí bà còn đan một đôi tất mới cho Eleseus, bà bảo thế.

“Chỉ tới để xem mấy người đang làm ăn thế nào ở đây,” bà nói.

Và hóa ra bà đã mang theo quần áo và vật dụng của mình trong một cái bao tời, để lại nó trong khu rừng bên cạnh, sẵn sàng cho việc ở lại.

Chiều hôm đó Inger kéo chồng ra một bên và nói: “Anh có nói gì đó về việc đi tìm Geissler phải không? Bây giờ chính là thời gian rảnh rồi.”

“Phải,” Isak nói. “Giờ thì Oline đã đến, tôi có thể lên đường sớm vào sáng mai.”

Inger tỏ ra biết ơn và cảm ơn anh. “Và nhớ mang theo tiền,” nàng nói, “tất cả số tiền anh có ở đây.”

“Sao vậy, em không thể giữ tiền ở đây à?”

“Không.” nàng đáp.

Inger sửa soạn một gói to thức ăn ngay lập tức, và Isak thức giấc lúc trời vẫn còn tối, chuẩn bị để lên đường. Inger ra ngoài đứng trên bậc cửa để tiễn anh; nàng không khóc lóc hay thở than mà chỉ nói:

“Họ có thể đến đưa tôi đi vào bất kỳ ngày nào.”

“Em không biết là lúc nào sao?”

“Không, tôi không thể nói. Và tôi không cho là nó sẽ tới ngay, nhưng dù sao thì... Giả như anh có thể tìm thấy Geissler, có lẽ ông ấy có thể nói đôi điều gì đó.”

Giờ đây Geissler có thể làm gì để giúp họ? Không gì cả. Nhưng Isak vẫn lên đường.

Còn Inger?Ồ, nàng biết nhiều hơn là nàng muốn nói ra, không còn ngờ gì nữa. Cũng có thể chính nàng là người đã cho mời Oline tới. Khi Isak trở về từ Thụy Điển, Inger đã ra đi và Oline ở đó với hai đứa bé.

Đó là một tin tức đen tối cho một kẻ mới trở về nhà. Giọng của Isak lớn hơn thường lệ khi anh hỏi: “Cô ấy đã đi rồi?”

“Phải,” Oline đáp.

“Vào hôm nào?”

“Sau ngày anh rời nhà.” Và giờ đây Isak biết rằng Inger đã đẩy anh ra ngoài cuộc một cách có dụng ý – đó là lý do vì sao nàng thuyết phục anh mang theo tiền.Ồ, nhưng lẽ ra nàng nên giữ một ít cho bản thân mình trong chuyến hành trình dài đó!

Nhưng lũ trẻ không thể nghĩ tới chuyện gì khác ngoài con heo nhỏ mà Isak đã mang về. Đó là tất cả những gì anh có để đổi lại sự vất vả của mình; cái địa chỉ mà anh có đã lỗi thời, và Geissler không còn ở Thụy Điển mà đã quay về Na Uy và hiện giờ đang ở Trondhjem. Còn về phần con heo, Isak đã bế nó trên tay suốt chặng đường, cho nó uống sữa từ một cái chai và

nằm ngủ với nó trên ngực mình giữa những ngọn đồi. Anh đã mong chờ niềm vui của Inger khi nàng nhìn thấy nó; bây giờ, Eleseus cùng Sivert nô đùa với nó, và nó là một niềm vui đối với chúng. Và Isak, trong lúc quan sát chúng, đã quên hết nỗi vất vả của mình trong khoảnh khắc. Ngoài ra, Oline có một thông điệp từ vị Lensmand; cuối cùng Nhà nước đã ra quyết định về vụ đất đai ở Sellaraa. Isak chỉ cần đi xuống văn phòng và nộp khoản tiền. Đây là một tin lành, và đã ngăn anh khỏi rơi vào cơn tuyệt vọng tồi tệ nhất. Một nhồi và đuối sức như thế nhưng anh vẫn gói ít thức ăn vào một cái túi rồi lên đường đi xuống làng ngay. Có lẽ anh đã ôm ấp chút hy vọng nhỏ nhoi nào đó về việc gặp Inger một lần nữa trước khi nàng rời khỏi đó.

Nhưng anh thất vọng. Inger đã ra đi – trong tám năm. Isak cảm thấy như mình đang chìm trong một màn sương tối tăm và trống rỗng; chỉ nghe thấy loáng thoáng đoạn này đoạn khác trong tất cả những gì vị Lensmand nói – những điều đáng tiếc như thế lại xảy ra... hy vọng nó sẽ là một bài học cho cô ấy... cải tạo và trở thành một phụ nữ tốt hơn sau này, và không giết con của cô ấy nữa!

Lensmand Heyerdahl đã kết hôn vào năm trước. Vợ ông không có ý định trở thành một bà mẹ – cảm ơn, với bà ta thì không con cái gì hết! Và bà ta chưa có đứa con nào.

“Và bây giờ,” vị Lensmand nói, “vấn đề về Sellanrra. Cuối cùng tôi đã có chức trách để giải quyết nó một cách dứt khoát. Ủy ban rất hài lòng chuẩn y việc bán miếng đất, ít nhiều thể theo những điều khoản mà tôi đã đề nghị.”

“Ừm,” Isak nói.

“Nó từng là một vụ việc kéo dài, nhưng tôi hài lòng biết rằng những nỗ lực của tôi đã không hoàn toàn vô ích. Những điều khoản mà tôi đề xuất đã được đồng ý hầu hết mà không có ngoại lệ.”

“Không có ngoại lệ?” Isak nói và gật đầu.

“Đây là chứng thư sở hữu. Anh có thể đăng ký chuyển nhượng ở phiên họp đầu tiên.”

“Vâng,” Isak nói. “Và tôi phải trả bao nhiêu?”

“Mười Daler một năm. Ủy ban đã có một thay đổi nhỏ ở đây – mười Daler thay vì năm. Anh không phản đối gì điều đó chứ, tôi đoán vậy?”

“Miễn là tôi có thể lo liệu để trả,” Isak nói.

“Và trong mười năm.”

Isak nhìn lên, hơi hoảng hốt.

“Đó là những điều khoản bắt buộc, Ủy ban đã nhất quyết. Ngay cả như thế, thật sự nó vẫn không phải là một giá cao cho cả miếng đất đã phát quang và trồng trọt như hiện nay.”

Isak có mười Daler cho năm đó – đó là số tiền mà anh có được nhờ những chuyến gổ và nhờ những tảng pho mát mà Inger đã làm. Anh trả tiền và vẫn còn lại một ít.

“May cho anh là Ủy ban không nghe thấy gì về vợ của anh,” vị Lensmand nói. “Không thì họ có thể bán cho một người khác.”

“Phải,” Isak nói. Anh hỏi về Inger. “Có đúng là cô ấy sẽ đi xa trong tám năm?”

“Đúng đó. Và không thể thay đổi, luật pháp phải được thực thi. Thật ra thì hình phạt đó là rất nhẹ. Bây giờ có một điều mà anh phải làm, đó là dựng những ranh giới rõ ràng giữa đất của anh và đất của Nhà nước. Một đường thẳng, trực tiếp, theo những dấu mà tôi đã cắm trên miếng đất và đã ghi vào sổ đăng ký của tôi lúc đó. Gỡ phát quang khỏi đường ranh giới thuộc sở hữu của anh. Lúc nào đó tôi sẽ lên để nhìn xem anh đã làm được những gì.”

Isak lê gót trở về nhà.

CHƯƠNG VIII

Thời gian qua như bay? Phải, khi một người đàn ông đang già đi. Isak không già, anh chưa mất đi nguồn sinh lực của mình; những năm đó có vẻ quá dài đối với anh. Anh lao tác trên đất của mình và mặc cho hàm râu kẽm mọc thế nào tùy thích.

Thỉnh thoảng, sự đơn điệu của vùng hoang địa bị phá vỡ bởi hình ảnh một người Lapp đi ngang, hoặc bởi chuyện gì đó xảy ra đối với một trong số các con thú ở nông trại, rồi tất cả lại trở về như cũ. Có lần cả một đoàn người tới cùng một lúc; họ nghỉ lại ở Sellanraa, được đãi ít thức ăn và một cốc sữa; họ hỏi Isak và Oline về con đường băng qua dãy đồi; họ đang đánh dấu đường dây điện thoại, họ bảo. Và có một lần Geissler tới – chính Geissler chứ không phải ai khác. Ông tới đó, tự do và thoải mái như hồi nào, từ dưới làng lên, có hai người đi cùng ông, mang theo những dụng cụ khai thác mỏ, cuốc chim và thuổng.

Ồ, cái ngài Geissler này! Không hề thay đổi, vẫn giống hệt hồi nào; gặp gỡ và chào hỏi như thể không có chuyện gì xảy ra, trò chuyện với lũ trẻ, bước vào nhà rồi lại trở ra, nhìn khắp miếng đất, mở những cánh cửa chuồng bò và vừa cỏ rồi nhìn vào. “Tuyệt lắm!” ông bảo. “Isak, anh vẫn còn những hòn đá đó chứ?”

“Những hòn đá nào?” Isak nói, và tự hỏi.

“Những hòn đá nặng tôi trông thấy thằng bé đang chơi khi tôi ở đây lần trước.”

Những hòn đá ở bên ngoài trong kho chứa thức ăn, được dùng làm vật nặng cài then cho những cái bẫy chuột; Isak mang chúng vào. Geissler và hai người đàn ông kiểm tra chúng, trò chuyện với nhau, gõ đập chúng ở chỗ này chỗ khác, đo sức nặng của chúng trong lòng bàn tay. “Đồng,” họ nói.

“Anh có thể đi với chúng tôi và chỉ cho chúng tôi chỗ anh tìm thấy chúng không?” Geissler hỏi.

Cả bọn cùng đi với nhau; chỗ Isak tìm thấy chúng không xa lắm nhưng họ ở lại trên đồi suốt hai ngày, tìm kiếm những mạch quặng kim loại và săn bắn đây đó. Họ trở xuống Sellanraa với hai túi đựng đầy những hòn đá nặng.

Trong thời gian đó Isak đã có một cuộc nói chuyện với Geissler, và đã nói cho ông nghe mọi chuyện về phần mình: về việc mua mảnh đất, đã lên tới giá một trăm thay vì năm chục Daler.

“Đó chỉ là chuyện vặt,” Geissler nói một cách thoải mái. “Anh có cả ngàn đồng, có lẽ thế, thuộc phần của anh trên dãy đồi.”

“Thế à!” Isak nói.

“Nhưng tốt hơn anh nên đăng ký những chứng thư đó càng sớm càng tốt.”

“Vâng.”

“Khi đó Nhà nước không thể hoạnh hợ gì về nó nữa, anh hiểu không.”

Isak hiểu. “Xấu nhất là chuyện về Inger.” anh nói.

“Phải,” Geissler nói, và tiếp tục trầm tư lâu hơn thường lệ. “Có thể đưa vụ án ra xử lại. Vạch ra toàn bộ sự việc một cách đúng đắn; rất có khả năng hình phạt sẽ giảm đi đôi chút. Hoặc chúng ta có thể đưa vào một đơn xin ân xá, và cuối cùng có thể việc đó cũng đưa đến một kết quả tương tự.”

“Sao, nếu như có thể làm thế...”

“Nhưng không nên cố xin ân xá ngay. Phải đợi ít lâu. Điều tôi muốn nói là... anh từng mang các thứ xuống cho vợ tôi, thịt, pho mát các thứ, phải không?”

“Sao, về chuyện đó, ngài đã trả trước cả rồi.”

“VẬY sao?”

“Và đã tận tình giúp chúng tôi nhiều thứ.”

“Không hề,” Geissler nói ngắn gọn. “Đây, nhận lấy cái này.” Và ông móc ra mấy tờ giấy bạc Daler.

Geissler không phải là loại người nhận mà chẳng chịu mất gì, điều đó rất rõ ràng. Và dường như ông có rất nhiều tiền trong người, từ cách cái túi của ông phình lên. Chỉ có Trời biết thật sự ông có tiền hay không.

“Nhưng cô ấy đã viết rằng mọi chuyện đều tốt đẹp ổn thỏa,” Isak nói, quay trở lại với ý nghĩ của mình.

“Cái gì? Ồ, vợ anh!”

“Phải. Và vì đứa bé đã ra đời. Cô ấy có một bé gái, sinh trong lúc cô ấy ở đó. Một con bé rất xinh xắn.”

“Tuyệt!”

“Vâng, và hiện giờ tất cả bọn họ đều rất tốt, giúp cô ấy mọi thứ, cô ấy nói thế.”

“Nhìn đây,” Geissler nói, “tôi sẽ gửi những mẫu đá này cho vài chuyên gia về quặng mỏ để tìm xem có thứ gì trong chúng. Nếu chúng có một tỷ lệ đồng kha khá, anh sẽ trở thành một người giàu có.”

“Ừm,” Isak nói. “Và ông nghĩ khoảng bao lâu thì chúng ta có thể làm đơn xin ân xá.”

“Ờ, có lẽ không lâu lắm đâu, tôi sẽ viết nó giùm anh. Tôi sẽ sớm quay lại đây. Anh vừa nói gì nhỉ, vợ anh đẻ một đứa bé sau khi rời khỏi đây?”

“Vâng.”

“VẬY là họ đã đưa cô ấy đi khi đang mang thai. Đó là một điều mà họ không có quyền làm.”

“Thế à?”

“Dù sao thì việc này sẽ thêm vào một lý do để cô ấy được thả ra sớm hơn.”

“Vâng, nếu điều đó có thể...” Isak nói với lòng biết ơn.

Isak không biết gì về những thư từ dài dòng qua lại giữa các cơ quan hữu trách khác nhau có liên quan tới người đàn bà đang mang thai. Nhà chức trách địa phương đã để cho nàng tự do trong khi vụ việc đang chờ xử vì hai lý do: trước tiên, họ không có nhà giam trong làng để giam giữ nàng, và, thứ hai là họ muốn tỏ ra càng khoan dung càng tốt. Hậu quả đó là điều mà họ không thể tiên liệu được. Sau đó, khi họ đến đưa nàng đi, không có ai đề nghị xem xét về tình trạng của nàng, và bản thân nàng cũng không nói gì về chuyện đó. Có lẽ nàng đã che giấu một cách có dự tính, để có một đứa bé ở với mình trong những năm bị giam cầm; nếu nàng cư xử tốt, chắc chắn nàng sẽ được phép thỉnh thoảng tới thăm nó. Hoặc có lẽ nàng chỉ đơn giản thờ ơ và lên đường một cách bất cần, bất chấp tình trạng của mình...

Isak cần cù làm lụng, đào những con mương và khai khẩn thêm đất mới, dựng các đường ranh giới giữa đất đai của anh và của Nhà nước, và thu được một lượng gỗ mới trong mùa. Nhưng giờ đây, khi Inger không còn ở đó để kinh ngạc với những việc làm của anh, anh làm theo thói quen hơn là vì bất kỳ niềm vui nào trong những gì anh thực hiện. Và anh đã để cho hai phiên họp trôi qua mà không đăng ký các chứng thư sở hữu, không quan tâm mấy tới chuyện đó; cuối cùng, mùa thu ấy anh đã cố tập trung tinh thần để làm nó cho xong. Giờ đây mọi sự không tốt như mong muốn đối với Isak. Vẫn lặng lẽ và nhẫn nại như hồi nào – phải, nhưng giờ đây là vì anh không còn quan tâm gì nữa. Anh chế biến da thú là vì phải làm chuyện đó – những tấm da dê và da bê – ngâm chúng dưới sông, đặt chúng lên vỏ cây và thuộc chúng để sẵn sàng cho việc may giày. Vào mùa đông – ở lần đập lúa đầu tiên – anh để riêng ra số hạt giống cho mùa xuân tới, để không còn lo về chuyện đó; tốt nhất nên chuẩn bị trước những gì có thể; anh là một người làm việc có phương pháp. Nhưng đó là một cuộc sống xám ngắt và cô độc; phải, lạy Chúa! Lại trở thành một người không vợ, và tất cả những điều còn lại...

Giờ đây có còn vui thú gì đâu khi ngồi nhà vào những ngày Chủ nhật, đã tắm rửa sạch sẽ, với một chiếc áo sơ mi trắng thơm trên người, khi không có một ai để khoe sự nhẵn nhụi bánh bao! Những ngày Chủ nhật là những ngày dài nhất, những ngày mà anh buộc phải rảnh rang với những ý nghĩ ảm đạm; không có gì để làm ngoài việc lang thang vợ vẫn khắp trại, tính đếm mọi việc phải được hoàn thành. Anh luôn luôn dắt lũ trẻ đi cùng, luôn bế một đứa trên tay. Nghe chúng tán chuyện nhau và trả lời những câu hỏi về mọi thứ của chúng cũng là một cách để vơi bớt nỗi niềm.

Anh giữ Oline lại vì không thể tìm được người nào khác. Và, nói cho cùng, Oline cũng có ích theo cách nào đó. Chải lông cừu và kéo sợi, đan tất và găng tay, làm pho mát – bà có thể làm tất cả những việc đó, nhưng bà thiếu cái dáng vẻ hạnh phúc của Inger, và không đặt tâm hồn mình vào công việc; tất cả những việc bà giải quyết đều không phải của riêng bà. Có một vật mà lần đó Isak đã mua từ cửa tiệm dưới làng, một cái lọ Trung Hoa với cái nắp hình đầu chó. Thật ra nó là một loại hộp đựng thuốc lá, và được đặt trên một cái kệ. Oline tháo cái nắp ra và đánh rơi nó trên nền nhà. Inger đã để lại một ít cành hoa vân anh giâm bên dưới tấm kính. Oline tháo tấm kính ra, và khi đặt nó lại, đã ấn nó một cách quá mạnh và có ác ý; ngày hôm sau tất cả những cành giâm đều chết hết. Isak không thể chịu đựng một cách khá dễ dàng tất cả những chuyện như thế; anh có vẻ không vui và biểu lộ ra, và vì ở Isak không có chút gì gọi là tế nhị nhẹ nhàng, nên anh bày tỏ nó một cách thẳng thắn. Oline ít quan tâm tới những thái độ; vẫn nói năng mềm mỏng như mọi lúc, bà chỉ nói: “Nào, tôi có thể giúp gì không?”

“Tôi không thể nói được điều đó,” Isak đáp. “Nhưng lẽ ra dì nên để yên các thứ.”

“Tôi sẽ không chạm vào hoa của cô ấy nữa đâu,” Oline nói. Nhưng những cánh hoa ấy đã chết mất rồi.

Thêm nữa, làm thế nào mà dạo sau này bọn người Lapp lại thường xuyên lên Sellanraa đến thế? Chẳng hạn Os-Anders, chả có công việc gì đó, lẽ ra hẳn nên đi qua theo đường của hắn. Hai lần trong một mùa hè hắn tới qua dãy đồi, và nên nhớ rằng Os-Anders không có con tuần lộc nào để đi tìm mà chỉ sống nhờ vào việc xin xỏ và ăn nhờ ở đậu vào những người Lapp khác. Ngay khi hắn tới trại, Oline rời bỏ công việc của mình và huyền thuyên tán gẫu với hắn về mọi người trong làng, và khi hắn ra đi, cái bao tời của hắn nặng trĩu đủ thứ đồ. Isak kiên nhẫn chịu đựng chuyện này suốt hai năm, không nói lời nào.

Rồi Oline lại muốn có giày mới, và anh không thể lặng im được nữa. Dạo đó là mùa thu, và Oline vẫn mang giày hàng ngày thay vì đi lại bằng guốc gỗ hay dép da thô.

“Ừm, hôm nay trông có vẻ tốt đẹp,” Isak nói. Đó là cách anh mở đầu.

“Phải,” Oline đáp.

“Elseus, số pho mát trên kệ đó có phải con đã đếm là mười thỏi hồi sáng này?”

“Vâng,” Elseus đáp.

“Ờ, bây giờ chỉ còn chín.”

Elseus đếm lại, và suy nghĩ một lúc trong cái đầu nhỏ bé của nó, rồi nó nói: “Vâng, nhưng rồi Os-Anders đã lấy đi mất một. Thế là đủ mười.”

Sau đó là một khoảnh khắc dài im lặng. Rồi thằng Sivert bé bỏng cũng thử đếm lại và báo với anh nó: “Thế là đủ mười.”

Lại lặng im. Cuối cùng Oline cảm thấy bà phải nói gì đó.

“Phải, tôi đã cho hắn một mẩu nhỏ xíu, đúng là thế. Tôi không nghĩ rằng việc đó có hại gì. Nhưng chúng nó là trẻ con, chúng chưa thể nói lên được những gì chúng nghĩ. Và tôi có thể nghĩ hoặc đoán ra chúng giống ai hơn. Vì đó không phải là cách của anh, Isak à, đó là điều tôi biết.”

Ấn ý quá đơn giản để bỏ qua không xét tới. “Lũ trẻ khá tốt,” Isak nói ngắn gọn. “Nhưng tôi muốn biết Os-Anders đã từng làm điều gì tốt cho tôi và gia đình tôi.”

“Điều gì tốt?”

“Phải, đó là cái mà tôi muốn nói.”

“Os-Andres đã làm điều gì tốt...?”

“Phải, vì tôi sẽ cho hắn pho mát để đáp lại.”

Oline đã có thời gian để suy nghĩ và lúc này đã có sẵn câu trả lời.

“Chà, tôi sẽ không nghĩ như anh đâu, Isak, tôi sẽ không làm thế. Cầu Trời, có phải tôi là người đầu tiên bắt đầu với Os-Anders hay không? Tôi ước tôi sẽ không bao giờ còn sống để rời khỏi

chỗ này nếu tôi có bao giờ nhắc nhiều tới tên của hắn.”

Oline đã thành công rực rỡ. Isak phải nhận thua, như anh đã từng nhận thua nhiều lần trước đó.

Nhưng Oline còn nhiều điều để nói. “Và nếu anh muốn nói rằng ở đây tôi phải đi lại chân trần, với mùa đông đang tới các thứ, và không bao giờ được làm chủ các thứ kiểu như một đôi giày, sao, anh cứ việc vui vẻ mà nói thế. Tôi đã nói về chuyện đó cách đây ba bốn tuần, rằng tôi cần giày, nhưng không bao giờ có dấu hiệu nào về một chiếc giày cho tới tận hôm nay, và tôi đang ở đây.”

Isak nói: “Có gì không ổn với đôi guốc của dì vậy, dì không thể mang chúng hay sao?”

“Có gì không ổn với chúng?” Oline lặp lại, hoàn toàn chưa chuẩn bị.

“Phải, đó là cái mà tôi muốn biết.”

“Với đôi guốc của tôi?”

“Phải.”

“Được... tôi chải lông cừu và kéo sợi, chăm sóc gia súc và cừu các thứ, chăm nom lũ trẻ ở đây, anh không có gì để nói về chuyện đó sao? Tôi cũng muốn biết; cô vợ đó của anh, kẻ ở tù vì những hành vi của cô ta, anh có để cô ta đi chân trần trên tuyết hay không?”

“Cô ấy mang guốc,” Isak đáp. “Còn để đi tới nhà thờ và viếng thăm các thứ, sao chứ, dép da thô cũng quá đủ đối với cô ấy.”

“Phải, và tất cả những thứ đẹp hơn cho việc đó, không ngờ gì nữa.”

“Phải, cô ấy là thế. Và khi cô ấy mang giày da vào mùa hè, cô ấy nhét một nắm cỏ vào trong chúng, và không bao giờ không có. Nhưng còn dì, dì cứ mang tất bên trong giày quanh năm suốt tháng.”

Oline nói: “Về chuyện đó, tôi sẽ mang guốc vào đúng lúc, chắc chắn thế. Tôi không nghĩ cần phải vội mang những đôi guốc tốt ngay lập tức.” Bà nói mềm mỏng và khẽ khàng, nhưng với đôi mắt hơi khép hờ, vẫn là Oline quỷ quyết như hồi nào. “Còn về phần Inger,” bà nói, “đứa bé đánh tráo [\[7\]](#), như chúng ta gọi cô ta, cô ta từng đi theo lũ con của tôi và học được điều này việc nọ, cô ta đã làm như thế nhiều năm. Và đây là điều mà chúng ta nhận được cho nó. Vì tôi có một con gái đang sống ở Bergen và đội một cái mũ, tôi cho rằng đó là cái mà Inger phải ra đi để tìm kiếm; đi tới Trondhjem để mua một cái mũ, hê hê!”

Isak đứng lên và rời khỏi phòng. Nhưng giờ đây Oline đã phơi mở tâm hồn của bà ra, mở khóa cái kho của sự đen tối bên trong; phải, bà đã phát ra những tia bóng tối, Oline đã làm điều đó. Nhờ Trời, không có đứa con nào của bà có gương mặt bị chẻ toạt ra giống như một con rồng đang phun lửa, có thể nói thế; nhưng có lẽ với điều đó chúng cũng không phải là thứ tệ nhất. Không, không thể có người nào nhanh chóng và dễ dàng xóa bỏ đứa trẻ mà họ sinh ra như thế – bóp nó chết nghẹt bằng một cú vặn...

“Hãy cẩn thận với những gì bà đang nói,” Isak hét lên. Và để hàm ý của anh hoàn toàn rõ ràng, anh nói thêm: “Bà, mụ phù thủy già đáng bị nghiền rửa!”

Nhưng Oline không quan tâm tới những gì bà đang nói; không hề, hề hề! Bà ngược mắt lên trời và nói bóng gió rằng một cái môi sút có thể như thế này thế khác, nhưng dường như có người nào đó đã đưa nó đi quá xa, hề hề!

Có lẽ Isak cũng mừng vì rốt cuộc đã an toàn ra khỏi nhà. Và anh còn có thể làm gì ngoài việc mua một đôi giày cho Oline? Chỉ còn là một nông phu giữa chốn hoang vu; không còn chút tư thế nào của một vị thần để anh có thể nói với người giúp việc của mình: “Cút đi!” Anh sẽ bất lực nếu không có Oline; dù có nói gì hay làm gì, bà chẳng việc gì phải sợ, và bà biết điều đó.

Giờ đây đêm lạnh lẽo hơn, với một vầng trăng tròn; những vùng đất đầm lầy cứng hơn cho tới lúc chúng gần như có thể chịu đựng được người đi qua, nhưng rồi chúng lại loãng ra khi mặt trời ló dạng, lại trở thành một đầm lầy không thể vượt qua. Isak xuống làng vào một đêm lạnh giá, để đặt giày cho Oline. Anh mang theo mấy thỏi pho mát cho phu nhân Geissler.

Ở giữa đường xuống làng đã xuất hiện một cư dân mới. Một người giàu có, không ngờ gì nữa, vì anh ta đã mời dân làng tới xây nhà cho mình, và thuê người cày một mảnh đất cát để trồng khoai; bản thân anh ta không làm hoặc làm rất ít. Người mới này là Brede Olsen, trợ lý của ngài Lensmand, một người phải lên đường khi cần mời một bác sĩ hay cần giết thịt một con heo. Y chưa tới ba mươi, nhưng đã có bốn đứa con phải trông nom, chưa kể tới vợ y, người không hơn gì một đứa trẻ con. Ồ, nói cho cùng, có lẽ Brede cũng chẳng khấm khá gì; số tiền mà y kiếm được từ việc chạy đây chạy đó trong những việc linh tinh và thu thuế từ những người chưa nộp không phải là nhiều. Vì thế bây giờ y đang thử đầu tư vào đất đai. Y đã vay một khoản ở ngân hàng để cất nhà giữa vùng đất hoang. Y gọi nơi đó là Breidablik; và chính phu nhân của Lensmand Heyerdahl đã nghĩ ra cái tên tuyệt vời đó.

Isak vội vã đi qua ngôi nhà, không phí thì giờ để nhìn vào, nhưng anh có thể trông thấy qua cửa sổ tất cả bọn trẻ đã thức, khá sớm vào lúc đó. Isak không có thời gian để mất, nếu anh muốn về tới chỗ này trong chuyến trở về nhà đêm mai, trong lúc đường còn đang cứng. Một người đàn ông sống giữa chốn hoang vu phải nghĩ tới, cân nhắc nhiều điều và thu xếp mọi việc tốt nhất trong khả năng cho phép. Lúc này không phải là thời điểm anh bận rộn nhất, nhưng anh lo lắng cho lũ trẻ phải ở lại một mình với Oline.

Khi đang đi, anh nghĩ về lần đầu tiên anh đã đến theo con đường này. Thời gian đã trôi qua, hai năm cuối thật dài; có nhiều điều tốt lành ở Sellanraa, và cũng còn nhiều điều chưa tốt – vâng, lạy Trời! Và bây giờ lại có thêm một người khác đang khai khẩn giữa vùng hoang địa. Isak biết nơi này rất rõ; nó là một trong những mảnh đất tốt mà anh đã lưu ý trên đường đi lên, nhưng anh đã đi xa hơn. Chỗ này gần làng hơn, tất nhiên, nhưng gỗ không tốt lắm, đất đai ít đồi dốc hơn, nhưng cũng ít màu mỡ hơn; dễ làm ở bề mặt nhưng khó mà cày cuốc sâu hơn. Cái gã Brede đó sẽ thấy rằng không chỉ đơn giản xới lật lớp đất lên là có thể tạo được một cánh đồng tốt. Và vì sao y không cất một cái kho chứa đồ ở cuối kho thóc để cất những chiếc xe và nông cụ nhỉ? Isak để ý thấy có một cỗ xe bị bỏ mặc trên khoảng sân trống bên ngoài, không che đậy gì cả.

Anh xong xuôi công việc với người thợ giày, và, vì phu nhân Geissler đã rời khỏi nơi ấy, anh bán số pho mát cho người chủ tiệm. Vào buổi chiều, anh lên đường quay về nhà. Lúc này sương giá đang rơi dày hơn, và đường đi tốt, chắc chắn, nhưng Isak lê chân một cách nặng nề vì những

chuyện đó. Ai có thể nói khi nào Geissler mới quay trở lại, khi giờ đây vợ ông ta cũng đã ra đi; có lẽ ông chẳng bao giờ về nữa? Inger đã đi xa, và thời gian đang tiếp tục trôi...

Anh không nhìn vào nhà của Brede trên đường về; trái lại, anh đánh một đường vòng xa hơn, tránh xa ngôi nhà đó. Anh không quan tâm tới việc dừng lại và trò chuyện với mọi người, chỉ lê bước tiến tới. Cỗ xe của Brede vẫn nằm ngoài trời – phải chăng y muốn để mặc nó ở đó? Chà, đó là việc riêng của y. Bản thân Isak hiện đang có một cỗ xe riêng và một nhà kho để chứa nó, nhưng chẳng vui gì hơn về chuyện đó. Nhà của anh chỉ là một nửa ngôi nhà; trước đây nó đã từng là một ngôi nhà, nhưng giờ đây chỉ còn là một nửa.

Trời đã sáng rõ khi anh đi tới một chỗ có thể nhìn thấy nông trại của mình trên sườn đồi, và anh thấy hơi vui dù khá mệt mỏi sau bốn mươi tám tiếng đi đường. Ngôi nhà và những kho chứa, chúng đứng đó, khói cuộn lên từ ống khói; cả hai đứa nhỏ đang ở ngoài, và đang chạy xuống đón anh khi anh xuất hiện. Anh bước vào nhà, và thấy một đôi vợ chồng người Lapp đang ngồi. Oline đứng dậy trong nỗi ngạc nhiên: “Sao, anh đã về tới rồi!” Bà đang đun cà phê trên bếp lò. Cà phê? Cà phê nhé!

Isak từng nhìn thấy một việc tương tự trước đó. Khi Os-Anders hay bất kỳ người Lapp nào khác tới, Oline sẽ đun cà phê trong cái nồi nhỏ của Inger suốt một lúc lâu sau đó. Bà làm chuyện này trong lúc Isak đang ở trong rừng hay trên đồng, và khi anh trở về một cách đột ngột và nhìn thấy nó, bà không nói lời nào. Nhưng anh biết rằng mỗi lần như thế anh sẽ nghèo hơn do mất thêm một thời pho mát hay một bó len. Và anh không nhắc nhở Oline lên bằng những ngón tay và bóp nát bà vì cái tính biếng lận của bà chỉ vì một niềm tin. Nói chung, anh đang thật sự cố gắng trở thành một người tốt hơn, tốt hơn nữa, bất chấp ý nghĩ của anh là gì, vì sự an bình trong nhà hay vì một niềm hy vọng nào đó rằng Thượng đế sẽ sớm trao trả Inger lại cho anh. Anh đang có chút gì đó mê tín và hay suy tưởng về mọi chuyện; ngay cả sự cảnh giác giản đơn của anh cũng khá ngây thơ theo cái cách của nó. Đầu thu ấy anh thấy cỏ trên mái chuồng ngựa đã bắt đầu trượt xuống ở bên trong. Isak nhắm nhắm bộ râu của mình một lúc, rồi mỉm cười, như một người thiếu hiểu được một câu nói giỡn chơi, anh đặt vài cái sào chéo qua để chống nó lên. Anh không hề nói một lời cay đắng. Và một chuyện khác: cái nhà kho nơi anh cất giữ thực phẩm chỉ được dựng trên những hòn đá chất cao ở bốn góc, và để trống ở giữa. Một thời gian sau lũ chim bé nhỏ bắt đầu tìm thấy đường bay qua những khoảng trống lớn của bức tường, và cứ vùng vẫy ở bên trong mà không thoát ra ngoài được. Oline phàn nàn rằng chúng mổ thức ăn và phá hỏng thịt và làm cho cái kho thức ăn rối tung lên. Isak bảo: “Phải, những con chim bé nhỏ tội nghiệp đó đã bay vào và không thể bay ra trở lại.” Và giữa độ dày của một mùa bận rộn anh chợt trở thành một người thợ đá đi trám kín những chỗ trống trên bức tường.

Chỉ có Trời biết chuyện gì đang diễn ra trong đầu anh khi anh làm những điều như thế; có lẽ anh tưởng tượng Inger có thể sớm trở về với anh vì sự dịu dàng mềm mỏng của anh chẳng.

[\[7\]](#) A Changeling: Theo truyền thuyết dân gian châu Âu và tôn giáo dân gian, một “đứa bé đánh tráo” là con của một vị tiên, người khổng lồ, yêu tinh hay một sinh vật truyền thuyết nào đó khác đã bị bí mật tráo đổi cho một em bé con của loài người. Những đứa bé đánh tráo nói chung thường thiếu chức năng, bị dị tật bẩm sinh hay chết yếu.

CHƯƠNG IX

Những năm trôi qua.

Một lần nữa có nhiều khách tìm đến Sellanraa; một viên kỹ sư, với một người đốc công và hai người thợ, lại đánh dấu những đường dây điện thoại trên những ngọn đồi. Theo tuyến đường mà lúc này họ đang làm, đường dây có thể đi ngang qua bên trên ngôi nhà chút ít, và một con đường thẳng sẽ cắt ngang qua khu rừng. Không có hại gì trong chuyện đó. Nó có thể khiến cho chỗ này bớt quanh quẽ đi, một thoáng nhìn của thế gian sẽ làm cho nó sáng sủa hơn.

“Chỗ này,” viên kỹ sư nói, “sẽ là chặng giữa của hai đường dây băng qua các thung lũng ở cả hai phía. Có khả năng họ sẽ đề nghị anh nhận công việc bảo dưỡng đường dây cho cả hai.”

“Thế à,” Isak nói.

“Mỗi năm anh sẽ có hai mươi lăm Daler dứt túi.”

“Ừm, vậy tôi sẽ làm gì để có số tiền đó?” Isak hỏi.

“Bảo trì đường dây, sửa những dây điện khi cần, dọn quang những cây rừng trên tuyến đường khi chúng mọc cao. Họ sẽ gửi tới đây một cái máy nhỏ trong nhà để treo trên tường, nó sẽ báo cho anh biết khi nào họ cần anh. Và khi đó, anh phải rời bất kỳ công việc gì đang làm để lên đường.”

Isak suy nghĩ thật kỹ. “Tôi có thể làm tốt việc đó vào mùa đông,” anh nói.

“Thế không được, công việc phải kéo dài suốt cả năm, mùa hè cũng như mùa đông.”

“Không thể làm được,” Isak nói. “Mùa xuân, hè và thu tôi còn có công việc đất đai và không còn thời gian cho những việc khác.”

Viên kỹ sư nhìn anh một lúc, rồi đặt một câu hỏi lạ lùng: “Anh có thể kiếm ra tiền theo cách đó không?”

“Kiếm ra tiền?” Isak hỏi.

“Anh có thể kiếm tiền trong một ngày bằng cách làm việc trên đất nhiều hơn so với làm cho chúng tôi không?”

“Sao, về chuyện đó tôi không thể nói được,” Isak nói. “Chỉ là thế này, ông thấy đó, tôi ở đây chính vì mảnh đất này. Tôi có nhiều người và còn có nhiều súc vật hơn phải nuôi sống, và chính mảnh đất nuôi dưỡng chúng tôi. Đây là cuộc sống của chúng tôi.”

“Nếu anh không nhận, tôi có thể tìm một người khác,” viên kỹ sư nói.

Nhưng dường như Isak chỉ nhẹ nhõm hơn với lời đe dọa. Anh không muốn làm phật lòng nhân vật lớn này, và cố giải thích: “Chỉ là vậy,” anh nói, “tôi có một con ngựa và năm con bò cái, và thêm một con bò đực. Tôi có hai mươi con cừu và mười sáu con dê. Những con thú cho chúng tôi thức ăn, len và da; chúng tôi phải cho chúng thức ăn.”

“Phải, phải, tất nhiên,” người kia nói ngắn gọn.

“Phải, vì thế tôi mới nói, làm sao tôi cho chúng ăn khi phải chạy đi xa nhiều lần trong mùa bận rộn để làm việc trên tuyến đường điện thoại.”

“Khỏi nói thêm gì nữa,” viên kỹ sư nói. “Tôi sẽ lấy người đàn ông mé dưới chỗ anh, Breder Olsen; anh ta sẽ vui mừng nhận nó.” Ông ta quay sang người của mình với một lời vắn tắt: “Nào, các cậu, chúng ta tiếp tục.”

Lúc này Oline cảm thấy từ cách nói của Isak rằng anh cứng cổ và không biết điều, và bà sẽ chần chừ nó.

“Anh đã nói gì vậy Isak? Mười sáu con dê? Không có hơn mười lăm con,” bà nói.

Isak nhìn Oline, và bà nhìn lại anh, nhìn thẳng vào mặt.

“Không phải là mười sáu con dê sao?” Anh hỏi.

“Không,” bà đáp, nhìn một cách bất lực về phía những người lạ, như thể muốn bảo rằng anh thật không biết phải trái gì sất.

“Thế à,” Isak khẽ nói. Anh dúm một chồm râu vào giữa hai hàm răng và đứng nhăm nhăm nó.

Viên kỹ sư và người của ông ta đi làm công việc của họ.

Bây giờ, nếu như Isak muốn bày tỏ sự không hài lòng với Oline, có lẽ còn đập cho bà một trận nữa vì những việc làm của bà, thì đây là cơ hội của anh – một cơ hội Trời cho để làm chuyện đó. Họ chỉ còn lại một mình trong nhà; lũ trẻ đã đi theo những người đàn ông khi họ lên đường, và Oline đang ngồi cạnh bếp lò. Isak đằng hắng lấy giọng một hai lần, chỉ để cho thấy rằng anh sắp nói một điều gì đó nếu muốn. Nhưng anh không nói gì cả. Đó là sức mạnh tâm hồn của anh. Cái gì chứ, chẳng lẽ anh lại không biết số dê của mình như biết rõ những ngón tay trên hai bàn tay hay sao – người phụ nữ này có điên không? Có thể nào một trong số dê lại bị đếm nhầm, khi anh biết tường tận từng con một trong số chúng và trò chuyện với chúng mỗi ngày – mười sáu con dê của anh? Hẳn là Oline đã bán bớt một con vào hôm trước, khi người đàn bà từ Bredablik lên đây để nhìn trang trại. “Ừm,” Isak nói, và lần này lời lẽ đã tuôn tới đầu lưỡi của anh. Oline đã làm gì với nó? Không chính xác là giết chết, có lẽ, mà là một điều gì gần như thế. Anh có thể nói một cách nghiêm chỉnh chết người như thế về con dê thứ mười sáu đó.

Nhưng anh không thể đứng đó mãi, ngay giữa phòng, không nói lời nào. “Ừm,” anh nói. “Thế sao! Vậy là bây giờ chỉ có mười lăm con dê, dì nói thế?”

“Đó là tất cả con số tôi đã đếm,” Oline nhẹ nhàng trả lời. “Nhưng tốt hơn anh nên tự mình đếm lại xem sao.”

Bây giờ là thời điểm của anh – anh có thể làm việc đó ngay bây giờ: đưa đôi tay ra và làm cho Oline thay đổi hình dạng một cách đáng kể, với chỉ một cú kẹp duy nhất. Anh có thể làm điều đó. Nhưng anh không làm, mà chỉ nhấn mạnh khi tiến về phía cửa: “Bây giờ tôi sẽ không nói gì nữa.” Và anh đi ra, như thể đã chứng tỏ một cách thẳng thắn rằng, lần sau, anh sẽ có những lời chính xác để nói, đừng lo.

“Eleseus,” anh gọi to.

Eleseus ở đâu, lũ trẻ ở đâu? Cha chúng có chuyện cần hỏi chúng; giờ chúng đã là những cậu lớn, với đôi mắt biết nhìn ngó quan sát. Anh tìm thấy chúng bên dưới sàn kho thóc; chúng đã bò vào sâu hết mức cho phép, trốn kỹ và không thể nhìn thấy, nhưng lại tự phản bội mình bởi những tiếng xì xào lo lắng. Giờ thì chúng bò ra như hai tội phạm.

Sự thật là thế này: Eleseus đã tìm thấy một mẫu bút chì màu mà viên kỹ sư bỏ lại, và đã chạy theo ông ta để trả lại, nhưng những người đàn ông to lớn với sải bước dài đã đi xa vào rừng. Eleseus dừng lại. Nó chợt nghĩ ra một ý rằng nó có thể giữ mẫu bút chì – ước gì nó có thể! Nó đi lòng nhóc Sivert, để ít nhất cả hai cùng chia chung tội lỗi này, và cả hai đứa đã bò xuống sàn kho thóc với vật mà chúng nhặt được. Ôi chao, cái mẫu bút chì đó – nó là một sự kiện trong cuộc đời chúng, một vật diệu kỳ! Chúng tìm thấy những mẫu dăm bào và tô đầy lên đó những dấu hiệu; mẫu bút chì, chúng khám phá ra, có một đầu tạo ra những vết màu xanh trời và đầu kia là màu đỏ, và chúng thay nhau sử dụng nó. Khi cha chúng gọi chúng quá to và dứt khoát, Eleseus thầm thì: “Họ đã trở lại để tìm cây bút chì!” Trong khoảnh khắc, tất cả niềm hân hoan của chúng biến mất, bị quét sạch khỏi tâm trí chúng, và trái tim nhỏ bé của chúng bắt đầu đập thành thịch một cách kinh khủng. Hai anh em bò ra. Eleseus chìa cây bút chì ra, nó đây, chúng chưa làm gãy nó; chỉ ước gì chúng chưa bao giờ trông thấy nó.

Không thấy viên kỹ sư đâu hết. Tim chúng đã trở lại một nhịp đập lặng lẽ hơn; thật nhẹ nhõm khi thoát khỏi sự căng thẳng đáng sợ đó.

“Hôm qua có một phụ nữ ở đây?” cha chúng nói.

“Vâng.”

“Người phụ nữ từ chỗ dưới kia. Các con có thấy bà ta đi không?”

“Vâng.”

“Bà ta có đem theo một con dê không?”

“Không,” hai đứa bé nói. “Một con dê?”

“Khi rời khỏi đây bà ta có mang theo con dê nào không?”

“Không. Dê nào?”

Isak tự hỏi nhiều lần. Vào xế chiều, khi đàn gia súc về nhà, anh đếm qua đàn dê – có mười sáu con. Anh đếm lại lần nữa, đếm năm lần. Có mười sáu con. Không mất con nào hết.

Isak thở đều trở lại. Nhưng tất cả những chuyện này có nghĩa là gì, Oline, con người khốn khổ đó, chẳng lẽ bà ta không thể đếm tới số mười sáu? Anh giận dữ hỏi bà: “Tất cả những chuyện vô lý này là gì? Có mười sáu con dê.”

“Có mười sáu con à?” Bà hỏi với vẻ ngây thơ vô tội.

“Phải.”

“Ồ, vậy thì tốt.”

“Bà đếm giỏi lắm.”

Oline lặng lẽ trả lời bằng một giọng bị tổn thương, “Vì tất cả số dê có ở đó, sao chứ, tạ ơn

Trời, vậy thì anh không thể nói Oline đã ăn tươi nuốt sống chúng. Và tốt cho nó nữa, con vật tội nghiệp.”

Oline đã hoàn toàn cho anh vào bẫy với trò xỏ lá của bà; anh hài lòng, tưởng tượng rằng tất cả đều tốt. Anh không hề nghĩ tới, chẳng hạn, việc đếm những con cừu. Anh không bận tâm tới việc đếm số gia súc nữa. Nói cho cùng, Oline không xấu như anh tưởng, bà coi sóc nhà cửa cho anh theo một cách thức riêng, và đã chăm sóc gia súc của anh; bà chỉ đơn giản là một kẻ ngốc nghếch, và đó là điều tệ nhất ở bà. Cứ để bà ở lại, để bà sống – không đáng bận tâm tới bà. Nhưng cuộc sống lúc này với Isak là một cuộc sống u ám và không có niềm vui.

Nhiều năm trôi qua. Cỏ đã mọc đầy trên mái nhà, thậm chí trên mái kho thóc, mới hơn vài năm, cũng xanh ngắt cỏ. Lũ chuột hoang, cư dân của rừng xanh, từ lâu đã tìm được lối vào nhà kho. Chim sẻ ngô và đủ loại chim nhỏ khác kéo tới đó từng đàn; trên sườn đồi có nhiều chim hơn; ngay cả lũ quạ cũng đã tới. Và kỳ diệu nhất là, vào mùa hè trước, những con mòng biển đã xuất hiện. Đàn mòng biển bay suốt chặng đường từ bờ biển để tới đó cư ngụ trên những cánh đồng giữa chốn hoang vu. Tất cả những sinh vật hoang dã gần xa đều biết rất rõ về nông trại của Isak. Và Eleseus cùng nhóc Sivert đã nghĩ gì khi nhìn thấy những con chim biển? Ồ, đó là những con chim đến từ một chốn xa xôi; không nhiều lắm, chỉ có sáu con chim trắng, tất cả đều giống hệt nhau, núng nính đi qua đi lại khắp những cánh đồng, thỉnh thoảng mổ một ngọn cỏ.

“Cha à, chúng tới để làm gì?” Hai cậu bé hỏi.

“Ở ngoài biển đang có thời tiết xấu,” cha chúng đáp. Ồ, việc nhìn thấy những con mòng biển này thật là một điều lớn lao và bí ẩn!

Và Isak đã dạy cho hai đứa con trai của anh biết nhiều điều tốt và hữu ích. Chúng đang ở tuổi đến trường, nhưng ngôi trường lại ở dưới làng cách xa nhiều dặm, ngoài tầm với. Isak tự mình dạy cho lũ trẻ học đánh vần vào những ngày Chủ nhật, nhưng không phải anh, không phải gã nông phu bẩm sinh của đất đai này là người có thể mang tới cho chúng một trình độ giáo dục cao hơn; cuốn sách vần đáp giáo lý và cuốn Thánh kinh nằm lặng lẽ trên kệ với những thỏi pho mát. Rõ ràng từ cái cách anh xử lý với lũ trẻ, Isak đã nghĩ rằng đối với đàn ông tốt hơn nên trưởng thành mà không cần tới kiến thức sách vở. Chúng là niềm vui và hạnh phúc đối với anh, cả hai đứa; nhiều lần anh nghĩ tới cái ngày chúng còn là những sinh vật bé tí teo, và mẹ chúng không cho anh dạy dỗ chúng vì tay anh dính đầy nhựa thông. Thế đấy, nhựa thông, thứ sạch nhất trên đời! Nhựa đường và sữa dê và tủy, chẳng hạn, tất cả đều là những thứ tuyệt vời, nhưng nhựa thông, thứ nhựa sạch chảy ra từ cây thông thì không còn lời để tả!

Hai đứa trẻ cứ thế lớn lên trong một thiên đường bắn thiêu và dốt nát, nhưng chúng đều là những đứa trẻ xinh xắn khi đã tắm rửa, một chuyện thỉnh thoảng xảy ra; nhóc Sivert là một cậu bé tuyệt vời, dù Eleseus có phần xinh đẹp và sâu sắc hơn.

“Làm thế nào lũ mòng biển biết về thời tiết?” Nó hỏi.

“Chúng bị ốm theo thời tiết,” cha nó đáp. “Nhưng về chuyện đó chúng không hơn gì lũ ruồi. Chuyện xảy ra thế nào với lũ ruồi cha không thể nói, chúng bị đông máu hay chóng mặt hay gì đó. Nhưng đừng bao giờ đập một con ruồi, vì điều đó chỉ khiến nó tệ hơn, hãy nhớ điều đó, các con! Con mòng là một loại khác, nó tự chết đi. Một ngày hè nào đó nó đột nhiên xuất hiện, và ở đó; rồi một ngày đột nhiên nó biến mất, và đó là kết cục của nó.”

“Nhưng nó chết như thế nào?” Eleseus hỏi.

“Mỡ trong người nó cứng lại, và nó nằm đó chết.”

Mỗi ngày chúng lại học một điều gì đó mới. Ví dụ, khi nhảy từ những tảng đá cao xuống phải ngậm lưỡi trong miệng và không được đặt nó giữa hai hàm răng. Khi chúng lớn hơn và muốn được thơm tho khi đi lễ nhà thờ, vấn đề là phải chà xát người với một loại hoa cúc ngải nhỏ mọc trên sườn đồi. Người cha này có đầy hiểu biết khôn ngoan. Anh dạy cho hai cậu bé về những tảng đá, về đá lửa, vì sao mà đá trắng lại cứng hơn đá xám. Anh có thể tạo ra lửa từ đá. Anh dạy chúng về mặt trăng, rằng khi phía lõm của trăng ở bên tay trái thì trăng đang tròn dần, và khi nó ở bên tay phải thì trăng đang khuyết dần; hãy nhớ điều đó, các con! Thỉnh thoảng, Isak nói về những việc khá xa vời và trở nên bí ẩn; một thứ Sáu nọ anh tuyên bố rằng việc một con lạc đà được lên thiên đàng còn khó hơn là việc một người xỏ chỉ qua lỗ kim. Một lần khác, trong lúc nói với chúng về vàng hào quang của các thiên thần, anh giải thích rằng các thiên thần gắn những vì sao ở đế ủng của họ thay vì những cái đinh đầu to. Việc dạy dỗ những điều tốt và đơn giản rất phù hợp với những cư dân giữa vùng hoang địa; vị thầy giáo ở dưới làng hẳn phải phì cười với tất cả những lời dạy đó, nhưng hai đứa con của Isak thấy những thứ này có ích cho cuộc sống nội tâm của chúng. Chúng được dạy dỗ và huấn luyện cho cái thế giới bé nhỏ của riêng chúng, và còn gì có thể tốt hơn? Vào mùa thu, khi giết thịt gia súc, hai cậu bé rất tò mò sợ hãi và thấy nặng lòng vì những con thú sắp phải chết. Isak giữ con vật bằng một tay và tay kia chọc tiết; Oline khuấy huyết. Con dê già có râu và khôn ngoan bị dẫn ra; hai cậu bé đứng ở góc nhà nhìn trộm. “Giờ này gió lạnh nhiều bụi quá,” Eleseus nói và quay đi để chùi mắt. Nhóc Sivert khóc một cách công khai hơn, không thể kìm được tiếng kêu: “Ồ, con dê già tội nghiệp!” Khi con dê đã bị giết, Isak tới chỗ chúng và dạy chúng bài học này: “Đừng bao giờ đứng đó nói rằng ‘Con vật tội nghiệp’ và tỏ ra thương xót khi các con thú bị giết. Việc đó sẽ khiến cho chúng lì lợm và khó giết hơn. Hãy nhớ điều đó!”

Nhiều năm cứ thế trôi qua, và lại sắp tới mùa xuân.

Inger đã viết thư về nhà để báo rằng nàng vẫn khỏe, và đang học hỏi nhiều thứ ở nơi nàng đang sống. Đứa bé gái khá lớn con và được đặt tên là Leopoldine, theo ngày nó chào đời, ngày 15 tháng 11. Nàng biết làm nhiều thứ và là một thiên tài về khâu rùa và thêu đan, nàng có thể tạo nên những hình thêu đẹp trên vải lanh hay vải bạt.

Điều kỳ lạ ở bức thư này là chính Inger đã tự tay viết đúng chính tả. Isak không học hành nhiều nhận gì mấy nên anh phải nhờ người đàn ông ở cửa tiệm dưới làng đọc hộ thư; nhưng một khi anh đã đưa nó vào đầu mình thì nó nằm lại đó; khi trở về nhà anh đã nhớ nó nằm lòng.

Và giờ đây anh ngồi xuống một cách nghiêm trang ở đầu bàn, mở lá thư ra, và đọc to cho hai đứa con nghe. Anh rất muốn Oline trông thấy anh có thể đọc thư một cách dễ dàng ra sao nhưng anh không nói trực tiếp lời nào với bà. Khi đọc xong, anh nói: “Nào, Eleseus và con, Sivert, chính mẹ của các con đã tự mình viết lá thư này và học được tất cả những thứ đó. Ngay cả đứa em gái bé tí xiu của các con cũng biết nhiều hơn tất cả chúng ta ở đây. Hãy nhớ điều đó!” Hai cậu bé ngồi yên, tự hỏi trong im lặng.

“Phải, đó là một điều rất tuyệt,” Oline nói.

Và ý của bà là sao? Có phải bà nghi ngờ rằng Inger không nói đúng sự thật? Hoặc bà đã nghi

ngờ về khả năng đọc của Isak? Không dễ biết được thật sự Oline nghĩ gì khi bà ngồi đó với gương mặt tầm thường đang nói lên những điều đen tối. Isak quyết định làm ngơ bà.

“Và khi mẹ của các con về, hai đứa ạ, các con cũng sẽ học viết,” anh nói với hai đứa trẻ.

Oline đảo mớ quần áo đang treo gần bếp lò để hong khô; nhắc một cái nồi, đảo lại mớ quần áo, nói chung là tỏ ra bận rộn luôn tay. Trong suốt thời gian đó bà suy nghĩ.

“Thật tốt đẹp và tuyệt vời hết như mọi thứ ở đây,” cuối cùng bà nói. “Tôi nghĩ hẳn anh có mua một gói cà phê cho nhà.”

“Cà phê à?” Isak nói. Câu nói trôi tuột đi.

Oline đáp một cách lặng lẽ: “Cho tới nay thỉnh thoảng tôi đã mua từ tiền riêng của tôi, nhưng...”

Cà phê là một món trong mơ và trong những câu chuyện thần tiên đối với Isak, một dải cầu vồng. Anh không nổi giận với bà, không, nhưng vì là người suy nghĩ chậm chạp, cuối cùng anh mới sực nhớ sự ăn tàn phá hại của bà với những người Lapp, và anh nói một cách chua chát:

“Phải, tôi sẽ mua cà phê cho dì, tôi sẽ mua. Một gói cà phê, phải không? Sao không mua luôn một cân? Một cân cà phê, trong lúc dì thèm nó.”

“Không cần nói kiểu đó, Isak. Thằng Nils em tôi nó có cà phê; cả ở dưới trại Breidablik họ cũng có cà phê.”

“Phải, vì họ không có sữa. Ở chỗ đó họ không có tới một giọt sữa.”

“Có lẽ là thế. Nhưng anh, kẻ biết nhiều như thế, và đọc thư nhanh như một con gián chạy, anh nên biết rằng cà phê là một thứ phải có trong nhà của mọi người.”

“Bà đúng thật là!” Isak nói.

Tới đây Oline ngồi xuống và có vẻ không muốn lặng im. “Còn về cô nàng Inger đó,” bà nói, “nếu như tôi dám nói một lời nào...”

“Cứ nói những gì dì muốn nói, cũng chẳng có gì là quan trọng đối với tôi.”

“Cô ấy sẽ về nhà, và đã học được mọi thứ. Và trên mũ của cô ấy hẳn có đính những hạt cườm và lông chim, có lẽ thế?”

“Phải, có thể là thế.”

“Vâng,” Oline nói, “và cô ấy có thể cảm ơn tôi chút đỉnh về tất cả những gì đã giúp cô ấy trở nên xinh đẹp và tuyệt vời như thế.”

“Bà?” Isak nói. Câu nói trôi tuột đi.

Oline đáp một cách nhún nhường: “Phải, chính nhờ việc làm khiêm tốn của tôi mà cô ấy mới đi xa.”

Isak không thốt nổi lời nào với câu nói đó; mọi ngôn từ của anh đều bị kèm hãm lại, anh ngồi đó nhìn trừng trừng. Anh có nghe lắm không? Oline ngồi đó như thể chưa hề nói gì. Không, trong một trận chiến ngôn từ Isak hoàn toàn thua cuộc.

Anh lao ra khỏi nhà, đầy những ý nghĩ đen tối. Oline, một con quái vật đã lớn lên trong sự xấu xa và trở nên béo tốt từ nó – tại sao anh không vặn cổ bà ngay từ năm đầu tiên? Anh nghĩ như thế, cố lấy lại bình tĩnh. Lẽ ra anh có thể làm điều đó – anh? Dù vậy, anh không thể. Vì không thể tìm ra ai tốt hơn.

Và rồi một điều lạ lùng xảy ra. Isak đi vào chuồng và đếm lũ dê. Chúng ở đó với lũ dê con, đủ số. Anh đếm bảy bò, con heo, mười bốn con gà mái, hai con bê. “Mình đã quên mấy con cừu,” anh tự nhủ; anh đếm bảy cừu, và vờ như lo lắng vì e rằng có một con nào bị mất; anh đã biết điều đó lâu rồi; tại sao anh lại để cho nó xảy ra? Chính là cách này. Trước đây Oline đã chơi khăm anh một lần, bảo rằng một trong các con dê bị mất, dù tất cả số dê vẫn còn đủ ở đó; lúc ấy anh đã làm om xòm lên về chuyện đó, nhưng không có mục đích nào cả. Những lần xung đột giữa anh với Oline luôn giống hệt nhau. Rồi, vào mùa thu, mùa mổ thịt, anh đã thấy ngay rằng thiếu mất một con cừu cái nhưng anh không đủ can đảm yêu cầu bà giải thích vào lúc đó. Và từ đó trở đi anh chưa bao giờ có đủ can đảm.

Nhưng hôm nay anh cứng rắn; Isak cứng rắn. Lần này Oline đã khiến anh rất giận. Anh đếm lại bảy cừu lần nữa, đặt ngón trỏ lên từng con và đếm lớn tiếng – Oline có thể nghe thấy nếu muốn, nếu như bà có mặt ở ngoài. Và anh nói nhiều điều gay gắt về Oline – nói toáng lên; rằng bà đã dùng một phương pháp mới của riêng mình trong việc cho cừu ăn như thế nào, một phương pháp chỉ đơn giản khiến chúng biến mất – đây, một con cừu cái đã đơn giản biến mất. Bà là một con mụ trộm cắp, hoàn toàn là thế, và có thể bà biết điều đó!Ồ, anh những muốn Oline đứng ở bên ngoài và nghe thấy, và sẽ sợ hết hồn một lần.

Anh sải bước ra khỏi chuồng gia súc, tới chuồng ngựa và đếm con ngựa; từ đó anh sẽ đi vào – sẽ đi vào nhà và nói lên ý nghĩ của mình. Anh bước nhanh đến nôi áo của anh phòng lên ở phía sau. Nhưng dù muốn dù không Oline cũng đã nhận ra điều gì đó, đang nhìn qua kính cửa sổ; bà xuất hiện ở cửa, lặng lẽ và vững vàng, với hai cái xô trong tay, đang trên đường đi tới chuồng bò.

“Bà đã làm gì với con cừu cái có đôi tai bẹp?” Anh hỏi.

“Con cừu cái?” Bà hỏi lại.

“Phải. Nếu nó còn đây thì bây giờ nó đã có hai con cừu con. Bà đã làm gì nó? Nó luôn sinh đôi. Bà đã làm mất của tôi tất cả ba con, bà có hiểu không?”

Oline hoàn toàn bị áp đảo, hoàn toàn bị tiêu diệt bởi lời cáo buộc; bà lúc lắc đầu, và đôi chân bà dường như tan chảy ra bên dưới thân người – bà có thể té quỵ và tự làm cho mình bị thương. Trong suốt thời gian đó đầu bà bận rộn; trí khôn nhanh nhạy của bà luôn giúp đỡ bà; luôn phục vụ bà rất tốt; lúc này nó không được làm bà thất bại.

“Tôi ăn trộm dê và ăn trộm cừu,” bà lặng lẽ nói. “Và tôi làm gì với chúng, tôi muốn biết điều đó? Tôi không ăn tươi nuốt sống tất cả chúng một mình được, tôi cho là vậy?”

“Bà biết rõ nhất bà đã làm gì với chúng.”

“Thế à! Như thế tôi chưa có đủ và thừa thãi thịt, thức ăn các thứ, với những thứ anh cho tôi, Isak, nên tôi phải lấy cắp thêm? Nhưng dù sao tôi sẽ nói rằng tôi chưa bao giờ cần nhiều đến thế, suốt mấy năm nay.”

“Được, bà đã làm gì với con cừu? Có phải Os-Anders đã lấy nó?”

“Os-Anders?” Oline phải đặt hai cái xô xuống và chấp hai tay lại. “Tôi chưa bao giờ có nhiều tội hơn để trả lời! Anh đang nói gì về tất cả những chuyện cừu cái và cừu con này vậy? Có phải anh muốn nói con dê với đôi tai bẹp?”

“Bà đúng thật là!” Isak nói, quay đi.

“Được, nếu anh không phải là một phép màu, Isak ạ, tôi sẽ nói... Ở đây anh có mọi thứ mà anh muốn, và một đàn cừu, dê đông đúc và các thứ trong chuồng, và anh vẫn chưa thấy đủ. Làm sao tôi biết con cừu nào và hai con cừu non nào, bây giờ anh đang cố tổng khứ tôi đi phải không? Anh nên tạ ơn Thượng đế vì tình thương của Người từ thế hệ này sang thế hệ khác, anh nên làm thế. Bây giờ là mùa hè và chỉ tới mùa đông sau, và anh lại có mùa cừu đẻ một lần nữa, và lại có nhiều hơn gấp ba lần.”

Ồ, cái người đàn bà tên là Oline này!

Isak bỏ đi, càu nhàu như một con gấu. “Mình thật ngốc khi không giết chết bà ta ngay ngày đầu tiên!” Anh nghĩ, tự đặt cho mình đủ mọi cái tên. “Mình thật đúng là thằng đàn, một đồng rác! Nhưng vẫn chưa quá muộn; cứ đợi đấy, cứ mặc bà ta vào chuồng bò nếu muốn. Sẽ không khôn ngoan nếu làm bất cứ điều gì ngay đêm nay, nhưng ngày mai... phải, ngày mai, vào buổi sáng. Mất toi ba con cừu! Và cà phê, bà ta nói thế!”

CHƯƠNG X

Ngày hôm sau, vận mệnh đã an bày một sự kiện lớn. Một vị khách tới trại – Geissler. Trên những cánh đồng hoang không còn là mùa hè, nhưng Geissler không lưu tâm tới tình trạng của đất đai; ông đi bộ đến, chân mang một đôi ủng cao sang trọng với những miếng ủng rộng bóng loáng; và còn mang một đôi găng tay màu vàng trông thật lịch sự; một người đàn ông trong làng vác theo các vật dụng của ông.

Thật ra, ông đến để mua một miếng đất của Isak, ở trên đồi – một mỏ đồng. Và giá cả thì sao? Nhân tiện, ông cũng có một tin nhắn từ Inger – nàng sống ổn, mọi người đều thích nàng; ông đã tới Trondhjem và gặp nàng. “Isak, anh đã làm được một việc gì đó ở đây rồi!”

“Phải, tôi cho là thế. Và ngài đã gặp Inger?”

“Anh có cái gì ở đó vậy? Dựng một chiếc cối xay của riêng mình, phải không? Để xay lúa của chính anh? Tuyệt. Và anh đã khai khẩn được khá nhiều đất từ khi tôi ở đây lần trước.”

“Cô ấy khỏe không?”

“Hử? Ồ, vợ anh! Vâng, cô ta mạnh khỏe. Chúng ta hãy vào phòng kế bên. Tôi sẽ kể cho anh nghe.”

“Phòng đó không ngăn nắp,” Oline xen vào. Oline có lý do riêng của bà để không muốn họ vào đó. Dù sao thì họ cũng đi vào căn phòng nhỏ, và đóng cửa lại. Oline đứng trong bếp và không nghe được gì.

Geissler ngồi xuống, đưa bàn tay mạnh mẽ vỗ lên đầu gối. Ông – vị chủ nhân số phận của Isak.

“Anh có bán cái lô đất có đồng đó chưa?” ông hỏi.

“Chưa.”

“Tốt. Tôi sẽ mua nó. Vâng, tôi đã gặp Inger và cả vài người khác. Cô ấy sẽ sớm được thả ra, nếu như tôi không lầm, vụ án đã được trình lên đức vua.”

“Đức vua?”

“Vâng, đức vua. Tôi đi vào và nói chuyện với vợ anh, họ lo liệu cho tôi chuyện đó, tất nhiên, không có gì khó khăn trong chuyện đó, và chúng tôi nói chuyện khá lâu. ‘Chà, Inger, cô thế nào rồi? Tốt đẹp hử?’ ‘Sao, tôi không có gì để than phiền.’ ‘Muốn trở về nhà không?’ ‘Vâng, tôi sẽ không nói là không.’ ‘Và cô sẽ sớm về thôi,’ tôi nói. Và tôi phải nói với anh điều này, Isak ạ, Inger là một cô gái tốt. Không khóc lóc, chẳng có tới một giọt nước mắt mà chỉ mỉm cười và cười to... họ đã chữa cho miệng cô ấy, bằng cách giải phẫu, may nó lại. ‘Tạm biệt,’ tôi nói. ‘Cô sẽ không còn ở đây lâu đâu, tôi hứa với cô điều đó.’”

“Khi tôi tới gặp ngài giám đốc, ông ta tiếp tôi, tất nhiên, không khó khăn gì trong việc đó. ‘Ở đây có một phụ nữ nên được thả ra và cho trở về nhà, Inger ở Sellanraa,’ tôi nói. ‘Inger hả?’ Ông

ta nói. ‘Sao, phải. Cô ta là một người tốt, tôi ước gì có thể giữ cô ta lại hai mươi năm,’ ‘Chà, ông sẽ không làm thế đâu,’ tôi nói. ‘Cô ấy đã ở đây khá lâu rồi.’ ‘Khá lâu?’ Ông ta nói. ‘Ông có biết vì sao cô ta bị nhốt không? Tôi biết hết mọi chuyện về nó,’ tôi nói, ‘khi còn là Lensmand ở huyện đó.’ ‘Ồ,’ ông ta nói, ‘sao ông không ngồi xuống đi,’ Đó là một câu nói rất đúng, tất nhiên. ‘Sao,’ vị giám đốc nói, ‘ở đây chúng tôi làm những gì có thể cho cô ta, và cả con gái bé bỏng của cô ta nữa. Vậy là cô ta đến từ vùng của ông, phải không? Chúng tôi đã giúp cho cô ta có một cái máy may riêng; cô ta đã vươn lên đứng đầu trong xưởng, và chúng tôi đã dạy cô ta nhiều thứ, dệt, công việc nội trợ, nhuộm vải, cắt may. Ông nói đã ở đây quá lâu à? Vâng, tôi đã có câu trả lời của chính mình cho chuyện đó, nhưng có thể đợi, vì thế tôi chỉ nói vụ của cô ta đã bị làm rối tung lên, và phải xem xét lại; bây giờ, sau khi tu chỉnh hình luật, có lẽ cô ta sẽ được ân xá hoàn toàn.’ Và tôi kể cho ông ta nghe về con thỏ rừng. ‘Một con thỏ?’ Vị giám đốc nói. ‘Phải, một con thỏ,’ tôi nói. ‘Và đứa bé chào đời với một cái môi nứt.’ ‘Ồ,’ ông ta nói, mỉm cười, ‘tôi hiểu. Và ông nghĩ họ nên giảm án nhiều hơn vì chuyện đó?’ ‘Họ không hề giảm chút nào,’ tôi nói, “vì nó không được nhắc tới.” ‘Thôi được, tôi dám nói rằng nói cho cùng bản án cũng không tệ lắm.’ ‘Dù sao thì cũng khá tệ đối với cô ấy.’ ‘Ông có tin rằng một con thỏ thể tạo ra những điều màu nhiệm không?’ Ông ta hỏi. ‘Về chuyện đó tôi không bàn tới việc một con thỏ có tạo ra những điều màu nhiệm hay không ngay bây giờ. Vấn đề là, tác động có thể xảy ra của việc nhìn thấy một con thỏ đối với một phụ nữ bị khiếm khuyết, trong tình trạng của cô ấy.’ ‘Ồ,’ ông ta suy nghĩ một lúc rồi cuối cùng nói, ‘Ừm, có thể, có thể. Dù sao, chúng tôi không quan tâm tới con thỏ đó. Tất cả những gì chúng tôi phải làm là đón nhận những người họ gửi tới cho chúng tôi chứ không phải sửa đổi hình phạt của họ. Và theo hình phạt của Inger, cô ta chưa hoàn thành thời hạn.’

“Vâng, lúc đó tôi bắt đầu nói điều mà tôi muốn nói cho hết. ‘Trước tiên, có một sơ sót nghiêm trọng trong việc đưa cô ta tới đây,’ tôi nói. ‘Một sơ sót?’ ‘Vâng. Ngay từ đầu không bao giờ nên chuyển cô ta tới đây trong tình trạng của cô ta lúc đó.’ Ông ta nhìn tôi trân trân. ‘Đúng, điều đó hoàn toàn đúng,’ ông ta nói. ‘Nhưng nó không dính dáng gì tới chúng tôi ở đây, ông biết đó.’ ‘Và thứ hai,’ tôi nói, ‘chắc chắn là cô ta sẽ không bị giam suốt hai tháng mà không có một lưu ý nào tới tình trạng của cô ta từ các quan chức ở đây.’ Câu đó đã dồn gục ông ta, tôi có thể thấy; ông ta không nói gì một lúc lâu. ‘Ông được chỉ thị làm đại diện cho cô ấy?’ Cuối cùng ông ta hỏi. ‘Phải, là tôi,” tôi đáp. ‘Ồ, lúc đó ông ta bắt đầu kể họ đã hài lòng về cô ấy như thế nào, và kể cho tôi nghe một lần nữa những gì họ đã dạy cô ấy và làm cho cô ấy ở đó – ‘ngay cả dạy cho cô ta viết’, ông ta nói. ‘Và đứa bé được đưa ra cho những người đàn ông nuôi dưỡng, vân vân’. Rồi tôi nói với ông ta mọi chuyện ở nhà ra sao khi Inger đi khỏi. Hai đứa con nhỏ bị bỏ lại, và chỉ có một phụ nữ làm thuê chăm sóc chúng, và mọi chuyện còn lại. ‘Tôi có một tờ đơn của chồng cô ta,’ tôi nói, ‘mà tôi có thể nộp nếu vụ án được lấy lên xem xét lại, hoặc sẽ làm một lá đơn xin ân xá. ‘Tôi muốn xem lá đơn đó,’ vị giám đốc nói. ‘Được,’ tôi đáp. ‘Ngày mai tôi sẽ mang nó tới vào giờ thăm viếng.’”

Isak ngồi lắng nghe – thật xúc động khi nghe một câu chuyện kỳ diệu từ một miền đất xa xôi. Anh dõi theo miệng của Geissler với đôi mắt mù quáng.

Geissler nói tiếp: “Tôi đi thẳng về khách sạn và viết một lá đơn; tự tôi làm toàn bộ mọi thứ, anh hiểu không, và ký tên ‘Isak ở Sellanraa.’ Tuy nhiên, đừng nghĩ rằng tôi nói lời nào chống lại cách thức họ quản lý các thứ trong nhà tù. Không một lời nào. Hôm sau tôi tới với tờ đơn. ‘Mời

ông ngồi.’ viên giám đốc nói khi tôi bước vào cửa. Ông ta đọc kỹ những gì tôi viết, gật đầu ở đoạn này đoạn khác, rồi cuối cùng bảo: ‘Rất tốt, thật sự rất tốt. Có lẽ khó mà đưa vụ án lên để xử lại, nhưng...’ ‘Chờ chút đã,’ tôi nói. ‘Tôi còn có một hồ sơ khác mà tôi nghĩ sẽ làm rõ vấn đề.’ Lại tóm được ông ta, anh thấy đó. ‘Ờ,’ ông ta vội vàng nói, ‘tôi đã suy nghĩ kỹ về vấn đề này từ hôm qua, và tôi cho rằng có những cơ sở tốt và đầy đủ để xin ân xá.’ ‘Và lá đơn sẽ nhận được sự hỗ trợ của ngài giám đốc?’ tôi hỏi. ‘Tất nhiên, vâng, tôi sẽ đưa ra lời tư vấn tốt nhất của mình.’ Thế là tôi cúi chào và nói: ‘Xin cảm ơn ông, với tư cách một phụ nữ đau khổ và một gia đình tan nát.’ Sau đó ông ta nói: ‘Tôi nghĩ không cần có thêm bất cứ lời khai nào, ý tôi là từ huyện, về vụ án của cô ấy. Chính ông biết người phụ nữ này, thế là quá đủ rồi.’ Tất nhiên là tôi biết vì sao ông ta muốn giải quyết vụ việc càng êm thấm càng tốt, vì thế tôi đồng ý: nói về chuyện đó chỉ trì hoãn tiến trình thu thập thêm các tư liệu...

“Và anh đã nghe hết toàn bộ câu chuyện, Isak ạ.” Geissler nhìn đồng hồ của mình. “Còn giờ thì hãy chuyển sang công việc. Anh có thể đi với tôi lên miếng đất đó lần nữa không?”

Isak là một sinh vật nặng nề, một con người chậm chạp; anh không dễ dàng thay đổi đề tài ngay tức khắc; anh hoàn toàn chìm đắm trong những ý nghĩ và thắc mắc, và bắt đầu hỏi về chuyện này chuyện nọ. Anh biết được rằng đơn thỉnh nguyện đã được trình lên đức vua, và có thể được quyết định vào một trong những cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Nhà nước. “Tất cả những chuyện này đúng là một phép màu,” anh nói.

Sau đó họ đi lên đồi; Geissler, người giúp việc của ông và Isak, và họ đi ra ngoài khoảng vài giờ. Chỉ trong một thời gian rất ngắn Geissler đã đi theo mạch quặng qua một mảnh đất rộng và đánh dấu các giới hạn của khu đất ông muốn có. Ông ta đi tới chỗ này, chỗ nọ, khắp mọi nơi. Nhưng trong mọi cử động vội vã của ông không hề có gì thái quá; phán xét nhanh, nhưng khá tốt cho tất cả mọi chuyện.

Một lần nữa, họ quay về nông trại với một bao tời đầy các mẫu quặng – ông móc giấy bút ra và ngồi xuống để viết. Tuy vậy, ông không đặt hoàn toàn tâm trí vào việc viết lách mà thỉnh thoảng vẫn trò chuyện. “Chà, Isak, lần này thì không phải là một món tiền to tát lắm cho miếng đất, nhưng dù thế nào đi nữa, tôi có thể trả ngay tại chỗ cho anh hai trăm Daler.” Sau đó ông lại tiếp tục viết. “Nhớ nhắc tôi trước khi tôi đi, tôi muốn xem cái cối xay của anh,” ông nói. Rồi ông bắt gặp những dấu hiệu xanh đỏ gì đó trên khung cửa và hỏi, “Ai vẽ mấy hình đó vậy?” Đó là hình một con ngựa và một con dê do Eleseus vẽ; nó đã dùng cây bút chì màu trên khung cửa và những thứ đồ gỗ ở khắp chốn trong nhà vì không có giấy. “Không tệ chút nào,” Geissler nói, và cho Eleseus một đồng tiền.

Geissler tiếp tục viết thêm một lát, rồi ngẩng lên. “Chẳng bao lâu nữa sẽ có thêm người mua đất quanh chỗ anh.”

Nghe thấy thế Isak đáp: “Đã có người rồi.”

“Thế à! Ai vậy?”

“Ờ, trước tiên là người ở Breidablik, như họ gọi, ông Brede, ở Breidablik.”

“Anh ta ư? Xì!” Geissler khịt mũi với vẻ coi thường.

“Ngoài ra cũng có thêm một hai người nữa đã mua.”

“Tôi ngờ là họ chả tốt chút nào, bất kỳ ai trong số họ,” Geissler nói. Và đồng thời nhận ra cả hai đứa bé trai đang có mặt trong phòng, ông nắm tay nhóc Sivert và cho nó một đồng tiền. Geissler là một người khác thường. Nhân tiện, đôi mắt ông đã bắt đầu có vẻ bị đau; có màu đỏ ở các khóe mắt. Có thể là do thiếu ngủ; hoặc cũng có thể do uống rượu. Nhưng trông ông không có vẻ gì là chán nản; và trong lúc nói chuyện này chuyện khác, không còn ngờ gì rằng ông cũng đang suy nghĩ về hồ sơ của mình, vì đột nhiên ông cầm bút lên và viết thêm gì đó.

Cuối cùng dường như ông đã hoàn tất.

Ông quay sang Isak: “Ờ, như tôi đã nói, vụ thỏa thuận này không biến anh thành người giàu có ngay lập tức. Nhưng có thể sẽ có nhiều hơn nữa. Chúng tôi sẽ xác định để sau này anh nhận được thêm. Dù sao đi nữa, bây giờ tôi có thể đưa cho anh hai trăm.”

Isak không hiểu lắm toàn bộ chuyện này, nhưng hai trăm Daler ở bất cứ giá nào cũng vẫn là một phép màu khác, và là một khoản tiền phi lý. Tất nhiên anh có thể nhận nó trên giấy chứ không phải tiền mặt, nhưng sao cũng được. Ngay lúc này Isak chỉ nghĩ tới một chuyện khác.

“Và ngài nghĩ là cô ấy sẽ được ân xá?” Anh hỏi.

“Hử? Ồ, vợ anh! Được, nếu trong làng có một phòng điện tín, tôi sẽ đánh điện tới Trondhjem để hỏi xem cô ấy đã được thả ra chưa.”

Isak đã nghe mọi người nói về điện tín; một điều kỳ diệu, một sợi dây treo trên mấy chiếc cột cao, một cái gì đó hoàn toàn vượt khỏi mặt đất bình thường. Việc nhắc tới nó lúc này dường như làm lung lay niềm tin của anh vào những lời to tát của Geissler, và anh nôn nóng hỏi: “Nhưng giả sử đức vua nói không?”

Geissler nói: “Trong trường hợp đó, tôi sẽ gửi tư liệu bổ sung của tôi, một lý giải đầy đủ cho toàn bộ vụ việc. Và rồi họ phải trả tự do cho cô ấy. Không có gì phải ngờ vực cả.”

Sau đó ông đọc lại những thứ đã ghi; bản hợp đồng mua đất. Trao tay ngay hai trăm Daler tiền mặt, và sau đó là một tỷ lệ phần trăm cao từ những thu nhập hoặc chuyển nhượng sau đó của mảnh đất có mỏ đồng. “Ký tên của anh ở đây,” Geissler nói.

Isak có thể ký một cách dễ dàng, nhưng anh không phải là một học giả; trong suốt đời mình anh không đi xa hơn việc khắc những chữ viết tắt tên họ lên gỗ. Nhưng cái mực Oline đáng ghét ấy đang nhìn; anh cầm lấy cây bút máy – một vật quá nhẹ đối với tay anh, quay đầu có ngòi xuống và viết – viết tên của anh. Geissler viết thêm vào gì đó, có thể đoán là một lời giải thích, và người đàn ông đi cùng ông ký tên với tư cách một nhân chứng.

Mọi việc xong xuôi.

Nhưng Oline vẫn ở đó, đứng bất động – thật sự lúc này bà thấy cứng cả thân người. Chuyện gì sẽ xảy ra.

“Dọn bữa tối lên bàn đi, dì Oline,” Isak nói, có thể với đôi chút nghiêm trang, sau khi ký tên lên một tờ giấy. “Chúng tôi có thể mời ngài một bữa ăn,” anh nói thêm với Geissler.

“Mùi thơm lắm,” Geissler nói. “Thịt và thức uống ngon. Đây, tiền của anh đây, Isak!” Geissler móc ví tiền ra – nó đầy cộm – rút ra từ đó hai xấp bạc giấy và đặt chúng xuống. “Hãy tự mình

đếm lại.”

Không một cử động, không một âm thanh.

“Isak,” Geissler nhắc lại.

“À, phải,” Isak đáp, và lẩm bẩm, thấy choáng ngợp, “Tôi đã không đòi hỏi điều này, cũng sẽ không, sau những gì ngài đã làm.”

“Trong xấp đó là mười tờ mười đồng, còn xấp này là hai mươi tờ năm đồng,” Geissler nói vắn tắt. “Và tôi hy vọng về lâu dài phần của anh sẽ còn nhiều hơn nữa.”

Và chính lúc đó Oline hồi phục lại từ trạng thái thôi miên. Rốt cuộc điều kỳ diệu đã xảy ra. Bà dọn thức ăn lên bàn.

Sáng hôm sau Geissler ra chỗ con sông để ngắm cái cối xay. Nó khá nhỏ, và được xây dựng một cách thô kệch; phải, một cái cối xay cho những chú lùn, những người tí hon, nhưng mạnh mẽ và hữu ích cho công việc của một người. Isak dẫn vị khách của mình lên phía trên dòng sông một đoạn, chỉ cho ông thấy con thác nhỏ mà anh đã thực hiện được một ít, để làm quay một cái máy cưa, nếu Thượng đế cho anh sức khỏe. “Điều duy nhất,” anh nói, “là đường đến trường học quá xa: tôi sẽ phải gửi hai đứa nhỏ ở lại dưới làng.” Nhưng Geissler, luôn nhanh chóng tìm ra một cách, thấy không có gì phải lo về chuyện đó. “Sẽ có thêm nhiều người mua đất và đến định cư ở đây,” ông nói. “Không bao lâu nữa sẽ có đủ người để bắt đầu một ngôi trường.”

“Phải, có thể, nhưng không phải trước lúc hai đứa con tôi đã lớn.”

“Chà, sao không cho chúng sống ở một trang trại trong làng? Anh có thể chở chúng và một ít thức ăn xuống, rồi lại đưa chúng về sau ba tuần, sáu tuần; chuyện đó khá dễ với anh mà, phải không?”

“Phải, có thể,” Isak nói.

Vâng, mọi chuyện sẽ khá dễ dàng, nếu như Inger trở về nhà. Anh đã có đủ nhà cửa, đất đai, thức ăn và những thứ tuyệt vời, cả một số tiền lớn, cộng thêm sự khỏe mạnh và sức lực của anh; anh rắn như thép. Sự khỏe mạnh và sức lực – phải, tràn trề và còn nguyên vẹn, theo mọi cách, sự khỏe mạnh và sức lực của một người đàn ông.

Khi Geissler đã đi khỏi, Isak bắt đầu suy nghĩ tới nhiều điều táo bạo. Vâng, chẳng phải Geissler, con người đầy phúc lành đối với tất cả bọn họ, đã nói lúc chia tay rằng ông sẽ sớm gửi một tin nhắn – sẽ gửi một bức điện tín ngay khi có thể hay sao. “Anh có thể ghé tới bưu điện trong thời gian nửa tháng,” ông đã nói thế. Và bản thân điều đó đã là một chuyện khá diệu kỳ. Isak bắt tay làm một cái ghế ngồi cho cỗ xe. Tất nhiên là một cái ghế có thể tháo rời khi dùng xe để chở phân bón, nhưng khi cần chở bất kỳ ai sẽ có thể gắn nó vào trở lại. Và khi anh đã làm xong cái ghế, trông nó trắng toát và mới toanh đến nỗi cần phải sơn nó tối đi. Về chuyện sơn, có đủ các thứ cần thực hiện! Toàn bộ trang trại cần được sơn lại. Và suốt bao năm qua anh luôn nghĩ tới việc xây một căn nhà kho hàng hoàng, có cả một chiếc cầu để chở mùa màng thu hoạch vào trong. Anh cũng đã nghĩ tới việc lắp dựng và hoàn tất cái máy cưa đó; tới việc rào lại tất cả đất trồng trọt của anh; việc đóng một con thuyền trên cái hồ trên đồi. Anh đã nghĩ tới

việc thực hiện nhiều thứ. Nhưng dù anh làm việc một cách cần cù – cần cù đến vô lý – nó có tác dụng gì so với thời gian? Thời gian – chính thời gian là thứ quá ngắn. Trước khi anh biết đã tới ngày Chủ nhật, và ngay sau đó đã lại là Chủ nhật!

Trong bất kỳ trường hợp nào, anh cũng sẽ sơn nhà cửa; điều đó đã được quyết định và nhấn mạnh. Nhà cửa đứng đó xám xịt và trần trụi – như những ngôi nhà chỉ mặc đôi ống tay áo. Vẫn còn có thời gian trước khi tới mùa bận rộn; mùa xuân gần như sắp tới; những chồi nhỏ đã nhú lên, nhưng trên mặt đất vẫn còn băng giá.

Isak đi xuống làng, mang theo vài chục trứng để bán, và mang sơn trở về. Có đủ sơn cho một công trình, cho cái nhà kho, và nó được sơn đỏ. Anh mang về thêm nhiều sơn, lần này là màu vàng nhạt, cho chính ngôi nhà. “Phải, đúng như tôi đã nói, ở đây sẽ đẹp đẽ và tuyệt vời,” Oline lầm bầm hàng ngày. Phải, không còn ngờ gì nữa, Oline có thể đoán được, rằng thời gian của bà ở Sellanraa sẽ sớm kết thúc; bà khá cứng cỏi để chịu đựng nó, dù không phải không cay đắng. Còn về phần mình, giờ đây Isak không còn tìm cách trả mối thù xưa với bà nữa, dù bà vẫn cứ hay ăn cắp vặt và vứt bỏ các thứ một cách khá hoang toàng cho tới cùng. Anh tặng bà một con cừu thiến non để làm quà; nói cho cùng, bà đã ở với anh một thời gian dài, và làm việc với khoản trả công ít ỏi. Và Oline cũng không xử tệ lắm với bọn trẻ; bà không nghiêm khắc và công bằng mấy, nhưng có sở trường riêng trong việc xử lý với bọn trẻ: lắng nghe những điều chúng nói, và ít nhiều để mặc cho chúng làm gì tùy thích. Nếu chúng tới gần trong lúc bà đang làm pho mát, bà sẽ cho chúng một chút để nhấm nháp; nếu chúng xin phép được miễn rửa mặt vào một Chủ nhật nào đó, bà sẽ cho phép chúng.

Sau khi đã khoác lên những bức tường của mình lớp áo đầu tiên, Isak lại đi xuống làng và mang về tất cả lượng sơn mà anh có thể vác theo. Anh quét lên tổng cộng ba lớp sơn, và sơn trắng các khung cửa sổ cùng các góc tường. Giờ đây, khi trở về và nhìn lên ngôi nhà của mình trên sườn đồi, anh thấy nó giống như một cung điện thần tiên. Chấn hoang vu đã có người cư ngụ và không còn có thể nhận ra được nữa, một phúc lành đã đến với nó, cuộc sống đã mọc lên ở đó từ một giấc mơ dài, những con người sinh sống ở đó, trẻ con nô đùa quanh những ngôi nhà. Và cánh rừng trải xa, rộng lớn và tốt bụng, hướng thẳng lên bầu trời cao xanh thẳm.

Nhưng lần cuối cùng khi Isak xuống làng để mua sơn, người chủ tiệm trao cho anh một phong thư màu xanh biển trên có đóng dấu triện và anh phải trả năm xu. Đó là một bức điện tín được chuyển tới qua đường bưu điện. Cầu Trời ban phúc cho ngài Geissler đó, ông đúng là một con người kỳ diệu! Ông đã đánh điện vài lời, rằng Inger đã được tự do, “Sẽ về tới nhà trong thời gian sớm nhất có thể: Geissler.” Và lúc này cái cửa tiệm bắt đầu xoay tròn một cách lạ lùng; cái quầy tính tiền và những người trong tiệm đột nhiên lùi ra xa. Isak cảm thấy hơn là nghe thấy mình đang nói, “Trời đất ơi!” và “Xin ca tụng và cảm ơn Thượng đế!”

“Có thể cô ấy sẽ có mặt ở đây không muộn hơn ngày mai,” người chủ tiệm nói, “nếu như cô ấy rời Trondhem đúng lúc.”

“Thế à!” Isak nói.

Anh đợi cho tới ngày hôm sau. Người bưu tá đến với những lá thư, từ bến tàu nơi con tàu hơi nước ghé vào, nhưng không có Inger. “Vậy là cô ấy sẽ không có mặt ở đây cho tới tuần sau,” người chủ tiệm nói.

Nói cho cùng, cũng tốt thôi, khi có thời gian chờ đợi – Isak còn có nhiều việc cần làm. Làm sao anh có thể hoàn toàn quên đi bản thân mình, và bỏ qua đất đai của anh? Anh lên đường trở về nhà và bắt đầu chở phân bón ra đồng. Chẳng bao lâu việc đó đã xong xuôi. Anh cầm một chiếc xà beng xuống đất để quan sát băng giá tan đi từ ngày này sang ngày khác. Lúc này mặt trời to và mạnh mẽ, tuyết đã tan, cây lá xanh mơn mớn khắp nơi; lũ gia súc ra đồng để gặm cỏ. Isak cày suốt một ngày, và mấy hôm sau anh gieo lúa, trồng khoai. Và cả hai đứa trẻ nữa, cũng ra trồng khoai như những thiên thần; chúng có những bàn tay bé nhỏ được ban phúc lành, và cha chúng còn có thể làm gì hơn ngoài việc ngắm nhìn?

Sau đó Isak mang cỗ xe ra sông rửa sạch, rồi gắn cái ghế vào. Anh trò chuyện với lũ nhóc về chuyến du hành nhỏ; anh phải có một chuyến du hành nhỏ xuống làng.

“Nhưng cha sẽ không đi bộ sao?”

“Hôm nay thì không. Cha đã quyết định hôm nay đi xuống làng với xe và ngựa.”

“Bọn con có thể đi cùng không?”

“Các con phải là những đứa trẻ ngoan, và ở nhà lần này. Mẹ của các con sẽ sớm về nhà, và bà sẽ dạy cho các con nhiều điều.”

Elseus rất nôn nóng học hỏi các thứ; nó hỏi: “Cha à, khi cha viết chữ lên tờ giấy đó, cảm giác nó như thế nào?”

“Sao, gần như không có cảm giác gì, chỉ như không có cái gì trong bàn tay.”

“Nhưng nó có trượt như ở trên băng hay không?”

“Cái gì trượt?”

“Cái cây bút máy mà cha dùng để viết?”

“Phải, có cây bút máy. Nhưng con phải học cách dẫn dắt nó, con sẽ thấy.”

Nhưng nhóc Sivert lại là một kiểu đầu óc khác, và nó không nói gì về những cây bút máy; nó muốn được ngồi trên xe, chỉ cần ngồi lên ghế trước khi thắng ngựa vào, và cứ thế mà lái, lái thật nhanh trong một cỗ xe không ngựa. Và chính nhờ ý kiến đó, người cha đã cho phép cả hai đứa được ngồi trên xe cùng đi với anh một chặng dài xuôi con đường.

CHƯƠNG XI

Isak đánh xe đi cho đến lúc anh tới một cái ao giữa rừng hoang, và anh dừng lại ở đó. Một cái ao giữa cánh đồng thạch nam, đen, sâu, và mặt nước nhỏ hoàn toàn tĩnh lặng; Isak biết nó tốt cho việc gì; gần như anh không dùng tới loại gương soi nào ngoài một mặt nước nhỏ giữa đồng hoang như thế. Để coi hôm nay trông anh gọn gàng xinh đẹp thế nào, với một chiếc sơ mi đỏ, anh lấy ra một chiếc kéo và tỉa gọn bộ râu của mình. Một việc làm vô ích; phải chăng anh sắp làm cho mình trở nên đẹp trai ngay tức khắc khi cắt sạch bộ râu đã mọc suốt năm năm qua? Anh tỉa đi tỉa lại, ngắm nhìn mình trong tấm gương mặt nước. Lẽ ra anh có thể làm tất cả những việc này ở nhà, nhưng anh mắc cỡ khi thực hiện nó trước mặt Oline; thật quá sức chịu đựng khi đứng đó trước mũi bà và khoác vào một chiếc sơ mi đỏ. Anh tỉa đi tỉa lại, một số râu rơi xuống tấm gương rõ ràng của anh. Cuối cùng con ngựa trở nên nôn nóng và bước về phía trước; Isak đành tạm bằng lòng với chính mình như thế, và lại đứng lên. Thật sự, vì lý do nào đó, anh cảm thấy mình trẻ hơn ra – có quỷ sứ biết thế là thế nào, nhưng theo cách nào đó trông thanh mảnh hơn. Isak đánh xe xuôi xuống làng.

Hôm sau con tàu đưa thư tới. Isak trèo lên một tảng đá cạnh cầu tàu của người chủ tiệm, nhìn ra, nhưng vẫn không thấy Inger đâu cả. Có nhiều hành khách, những người lớn và lũ trẻ con đi cùng họ – Lạy Trời! Nhưng không có Inger. Anh đã lui về phía sau, ngồi trên tảng đá, nhưng không cần thiết phải ở phía sau thêm nữa; anh trèo xuống và đi tới chỗ con tàu hơi nước. Những thùng hàng hóa đang được lặn lên bờ, mọi người và những túi thư, nhưng Isak vẫn thiếu thứ mà vì nó anh đã tới đây. Có gì đó đằng kia – một phụ nữ với một bé gái, đã lên tới chỗ bến tàu; nhưng trông người phụ nữ đó xinh đẹp hơn Inger – dù Inger cũng rất dễ coi. Cái gì – sao vậy – nhưng đó chính là Inger! “Ừm,” Isak tự nhủ, và bước tới để đón họ. Những lời chào hỏi: “Chào ngày lành,” Inger nói, và chìa tay ra; hơi lạnh, hơi xanh xao sau chuyến đi, và do bị ồm trên đường. Isak cứ đứng ngẩn ra đó; cuối cùng anh nói:

“Ừm. Hôm nay trời đẹp nhỉ.”

“Tôi đã thấy anh đi xuống,” Inger nói. “Nhưng tôi không muốn lên bờ cùng với số đông kia. Vậy là anh vừa xuống làng hôm nay hả?”

“Ờ, vâng. Ừm.”

“Và ở nhà mọi người vẫn khỏe, mọi thứ vẫn ổn?”

“Phải, cảm ơn.”

“Đây là Leopoldine; nó chịu đựng chuyến đi tốt hơn tôi. Leopoldine, đây là cha của con; hãy đến bắt tay thật ngoan ngoãn đi nào.”

“Ừm,” Isak nói, cảm thấy rất lạ lùng – phải, anh giống như một người xa lạ với họ.

Inger nói: “Nếu anh tìm thấy một cái máy may ở chỗ con tàu, đó là của tôi. Và cả một cái rương nữa.”

Isak bước đi, hơn cả sẵn lòng, để tìm cái rương; những người trên tàu chỉ cho anh nó là cái nào. Cái máy may lại là một chuyện khác; Inger phải tự đi xuống và tìm nó. Nó là một cái hộp xinh đẹp, có hình thù kỳ lạ, với một cái nắp tròn bên trên, và một cái tay xách – một cái máy may ở những vùng này! Isak nhắc cái rương và cái máy may lên vai, rồi quay sang vợ và con:

“Tôi sẽ mang những thứ này lên ngay rồi trở lại lo cho nó.”

“Trở lại vì ai?” Inger hỏi, với một nụ cười. “Một bé gái lớn như thế, anh nghĩ là nó không tự đi được à?”

Họ đi lên chỗ Isak để lại cỗ xe và con ngựa.

“Anh đã mua một con ngựa mới?” Inger hỏi. “Và đó là thứ mà anh đã có, một cỗ xe với một chỗ ngồi bên trong?”

“Đó là điều tự nhiên,” Isak nói. “Cái tôi muốn nói là: cô có muốn ăn chút gì đó không? Tôi có mang theo sẵn tất cả các thứ.”

“Hãy chờ tới khi chúng ta đi được một lúc đã,” nàng nói. “Leopoldine, con có thể leo lên ghế không?”

Nhưng cha nó không để nó làm thế; nó có thể rơi xuống dưới bánh xe. “Cô hãy ngồi với nó và tự đánh xe.”

Thế là họ đánh xe lên đường, Isak đi bộ theo sau.

Anh nhìn hai người ngồi trên xe trong lúc bước đi. Đó là Inger, ăn mặc một cách lạ lùng, trông kỳ lạ và xinh đẹp, giờ thì không còn cái môi sứt mà chỉ là một cái sẹo nhỏ xíu ở môi trên. Không còn tiếng xì xào khi nói chuyện; nàng nói rõ ràng mọi thứ, và đó là điều kỳ diệu hơn hết thảy. Một chiếc khăn choàng len xám và đỏ với một đường viền tuyệt diệu trùm lên mái tóc đen của nàng. Nàng quay lại và gọi anh:

“Thật đáng tiếc khi anh không mang theo một tấm mền da; con bé sẽ thấy lạnh khi đêm xuống, tôi ngờ thế.”

“Nó có thể mặc cái áo khoác của tôi,” Isak nói. “Và khi chúng ta lên tới chỗ cánh rừng, tôi đã để sẵn một tấm mền da trên đường ở đó.”

“Ồ, anh đã để một tấm mền trong rừng à?”

“Phải, tôi không muốn mang nó theo suốt cả chặng đường, vì có khi cô không đến hôm nay.”

“Ừm. Lúc này anh nói gì nhỉ, hai đứa bé vẫn khỏe mạnh?”

“Phải, cảm ơn cô.”

“Tôi cho rằng giờ đây chúng đã là những anh chàng to lớn?”

“Phải, đúng thế. Chúng vừa mới trồng khoai xong đó.”

“Ồ,” người mẹ nói, mỉm cười, và lắc đầu. “Chúng đã có thể trồng khoai rồi sao?”

“Sao chứ, Eleseus, nó giúp một tay trong chuyện này, và nhóc Sivert thì giúp trong chuyện khác,” Isak nói một cách tự hào.

Bé Leopoldine đang đòi có thứ gì đó để ăn. Ồ, một sinh vật bé nhỏ xinh đẹp; một con bọ rùa trên một cỗ xe ngựa! Nó nói chuyện với một giọng ngân nga như hát, một giọng nói lạ lùng, như nó đã học ở Trondhjem. Thỉnh thoảng Inger phải phiên dịch. Nó có những đặc điểm của các anh nó, đôi mắt nâu và đôi má bầu dục, tất cả đều thừa hưởng từ mẹ chúng; phải, chúng là con của mẹ chúng, và việc đó thật là tuyệt! Isak hơi mắc cỡ với cô con gái bé bỏng của anh, mắc cỡ với đôi giày nhỏ xíu và đôi tất len dài, mỏng và chiếc váy ngắn của nó; khi nó đến gặp người cha xa lạ của mình, nó đã khẽ nhún gối chào và đưa bàn tay nhỏ xíu ra cho anh.

Họ đi vào rừng và dừng lại để nghỉ ngơi và ăn một bữa.

Con ngựa được cho ăn cỏ khô; Leopoldine chạy tung tăng trên cánh đồng thạch nam, vừa ăn vừa đi.

“Anh không thay đổi nhiều lắm,” Inger nói, nhìn chòng mình.

Isak liếc mắt về một phía và nói, “Không nhiều, cô nghĩ thế à? Nhưng cô đã trở nên rất tuyệt các thứ.”

“Ha ha! Không. Giờ tôi là một bà già rồi,” nàng nói với vẻ đùa cợt.

Chẳng ích gì khi che giấu sự thật: giờ Isak không chắc ăn chút nào về bản thân anh. Anh không tìm thấy sự bình tĩnh mà vẫn giữ vẻ xa cách, mắc cỡ, như thể hổ thẹn về chính mình. Làm sao bây giờ vợ anh lại có thể già đi được? Nàng không thể ít hơn ba mươi – nói thế có nghĩa là nàng không thể nhiều hơn, tất nhiên. Và Isak, với tất cả những gì anh vừa ăn xong, chợt kéo một nhánh thạch nam lên và cắn vào nó.

“Gì thế, anh đang ăn thạch nam à?” Inger kêu lên và cười rộ.

Isak ném nhánh cây xuống, tọng đầy một miệng thức ăn, và đi lên chỗ con đường, nắm lấy hai chân trước của con ngựa và nhắc bổng phần trước của nó lên cho tới lúc con vật đứng trên hai chân sau. Inger nhìn anh với sự ngạc nhiên.

“Anh làm thế chi vậy?” nàng hỏi.

“Ồ, nó rất thích đùa,” Isak nói, và thả con ngựa xuống lại.

Nào, anh đã làm thế vì lý do gì? Chỉ là một thói thúc đột ngột; có lẽ anh làm thế để che đậy nỗi bối rối của mình.

Họ lại khởi hành, và cả ba đi bộ một chặng. Họ tới một nông trại mới.

“Cái gì ở kia vậy?” Inger hỏi.

“Đó là chỗ ở của Brede, anh ta đã mua nó.”

“Brede?”

“Anh ta gọi nó là Breidablik. Có đồng cỏ rộng, nhưng ít gỗ.”

Họ nói về cái nông trại mới khi đi ngang qua nó. Isak nhận thấy cỗ xe của Brede vẫn còn để ngoài trời.

Lúc này đứa bé bắt đầu buồn ngủ, và Isak nhẹ nhàng bế nó trên tay. Họ tiếp tục đi. Chẳng bao

lâu Leopoldine ngủ thiếp đi, và Inger nói:

“Chúng ta sẽ lấy tấm mền trùm nó lại và nó có thể nằm trong xe ngủ bao lâu tùy ý.”

“Nó sẽ bị lắc võ thành từng mảnh mất,” Isak nói, và tiếp tục bế nó. Họ băng qua những cánh đồng thạch nam và lại đi vào rừng.

“Xùy, đứng lại!” Inger nói, và con ngựa dừng lại. Nàng bế lấy đứa bé từ tay Isak, bảo anh dời chỗ cái rương và chiếc máy may để chừa một chỗ cho Leopoldine ở cuối xe. “Lắc ư? Không lắc chút nào đâu!”

Isak sắp xếp lại các thứ, quấn đứa bé trong tấm mền và gấp chiếc áo khoác lại, đặt dưới đầu nó. Rồi họ lại lên đi tiếp.

Người đàn ông và vợ anh tán gẫu về chuyện này chuyện nọ. Mặt trời vẫn còn treo cao cho tới tận xế chiều, và thời tiết khá ấm áp.

“Oline ngủ ở đâu?” Inger hỏi.

“Trong căn phòng nhỏ.”

“Thế à! Còn bọn nhóc?”

“Chúng ngủ trên giường chúng trong phòng lớn. Trong đó có hai cái giường, ngay sau khi cô đi khỏi.”

“Nhìn anh bây giờ xem,” Inger nói, “tôi có thể thấy anh chẳng khác gì lúc trước. và đôi vai của anh nữa, chúng đã vác hàng trăm gánh nặng trên con đường này, nhưng có vẻ chúng chưa trở nên yếu đi vì chuyện đó.”

“Ừm. Có thể. Điều tôi muốn nói là: Suốt những năm ở đó cô sống ra sao? Có chịu được không?” Ồ, lúc này lòng Isak đang trở nên mềm dịu; anh hỏi nàng câu đó, và tự hỏi trong đầu mình.

Và Inger đáp “Phải, không có gì để than phiền cả.”

Họ trò chuyện với nhau một cách xúc động, và Isak hỏi nàng đi bộ có mệt không, có muốn trở lên xe ngồi một khúc đường không. “Không, cảm ơn,” nàng nói. “Nhưng tôi không biết chuyện gì xảy ra với mình hôm nay nữa; sau khi bị ốm trên tàu, tôi cứ thấy đói bụng suốt.”

“Sao, cô muốn ăn gì đó không?”

“Có, nếu anh không ngại phải dừng lại quá lâu.”

Ồi chao, cái cô nàng Inger đó, có lẽ việc đó không phải là vì bản thân nàng mà vì Isak. Nàng muốn anh ăn thêm lần nữa, anh đã làm hỏng bữa ăn cuối của mình với việc nhăm nháp nhánh thạch nam.

Buổi chiều còn sáng và ấm áp, và họ chỉ phải đi thêm vài dặm nữa; họ ngồi xuống và ăn thêm lần nữa.

Inger lấy từ rương ra một cái gói và bảo:

“Tôi có mang theo vài thứ cho hai đứa con trai. Chúng ta hãy đi đến bụi cây phía trước, ở đó

ấm hơn.”

Họ đi tới chỗ bụi cây, và nàng khoe với Isak các thứ; những sợi dây đeo quần có khóa cho hai đứa con trai, những cuốn sách vở tập viết với các mẫu chữ ở đầu trang, một cây bút chì cho mỗi đứa, một con dao nhíp cho mỗi đứa. Và nàng cũng có một cuốn sách tuyệt vời cho chính mình. “Nhìn này, có tên tôi trong đó. Một cuốn kinh cầu nguyện.” Đó là một món quà kỷ niệm của viên giám đốc.

Isak tán thưởng từng vật một trong im lặng. Nàng lôi ra một mớ cổ áo, chúng là của Leopoldine. Và nàng trao cho Isak một cái khăn quàng cổ bóng láng như lụa.

“Cái này là cho tôi?” anh hỏi.

“Vâng, cho anh.”

Anh cẩn thận cầm nó trên tay và vuốt ve nó.

“Anh nghĩ nó có đẹp không?”

“Đẹp, sao chứ, tôi có thể đi khắp thế giới với một chiếc khăn như thế này.”

Nhưng những ngón tay của Isak khá thô kệch; chúng dính chặt vào thứ vải lụa lạ lùng đó.

Bây giờ Inger không còn món gì để khoe nữa. Nhưng khi nàng đã gói tất cả các thứ lại, nàng ngồi im ở đó; và theo cách nàng ngồi, anh có thể trông thấy đôi chân và đôi tất viền đỏ của nàng.

“Ừm,” anh nói. “Tôi cho là các thứ đó được làm ở thị trấn?”

“Tôi mua len ở thị trấn, nhưng tôi tự đan lấy chúng. Chúng khá dài, lên tới trên đầu gối, xem này...”

Một lát sau nàng nghe thấy tiếng mình thì thầm:

“Ồ, anh... anh cũng vẫn y hệt, y hệt như hồi nào!”

Sau lần tạm dừng đó họ lại đi tiếp, Inger ngồi lên, nắm lấy dây cương. “Tôi cũng có mua một gói cà phê,” nàng nói. “Nhưng tối nay anh không thể nếm được, vì nó chưa được rang lên.”

“Chưa cần tới nó tối nay đâu,” anh nói.

Một giờ sau mặt trời lặn xuống, và trời trở lạnh hơn. Inger xuống xe đi bộ. Họ cùng quần chặt hơn tấm mền quanh Leopoldine, và mỉm cười khi thấy nó có thể ngủ ngon đến thế. Hai vợ chồng lại trò chuyện với nhau trên đường. Nghe thấy giọng nói của Inger thật là một niềm vui thú; giờ đây không ai có thể nói rõ ràng hơn nàng được.

“Có phải chúng ta đã có bốn con bò cái?” Inger hỏi.

“Nhiều hơn,” Isak đáp một cách tự hào. “Chúng ta có tám con.”

“Tám con bò cái!”

“Nghĩa là tính cả con bò đực.”

“Anh có bán được chút bơ nào không?”

“Có, và trứng nữa.”

“Cái gì, giờ chúng ta có cả gà nữa à?”

“Phải, tất nhiên là chúng ta có. Và một con heo nữa.”

Inger ngạc nhiên với tất cả những chuyện này đến nỗi nàng hoàn toàn quên mất bản thân mình, và dừng lại một lúc. “Xùy, đứng lại!” Và Isak rất tự hào, nói tiếp, cố áp đảo nàng hoàn toàn.

“Cái ngài Geissler đó,” anh nói, “cô nhớ ông ta chứ? Gần đây ông ta đã quay lại.”

“Ồ?”

“Tôi đã bán cho ông ta một mỏ đồng.”

“Thế sao! Cái gì chứ, một mỏ đồng?”

“Phải, đồng. Ở trên đồi, nằm ở phía bắc dòng nước.”

“Anh... anh không có ý nói là ông ta đã trả tiền cho anh để mua nó chứ?”

“Phải, ông ta đã làm thế. Geissler không phải là người mua mà không trả tiền.”

“Vậy anh đã có bao nhiêu?”

“Ừm. Chà, cô không tin nổi đâu, tới hai trăm Daler.”

“Anh có hai trăm Daler!” Inger kêu lên, một lần nữa dừng xe lại với một tiếng “Xùy!”

“Vâng, tôi có. Và tôi đã trả hết tiền mua đất từ lâu rồi,” Isak nói.

“Chà, anh thật là một điều kỳ diệu, đúng vậy!”

Thật sự, việc trông thấy Inger hoàn toàn kinh ngạc và biến nàng thành một người vợ giàu có là một niềm vui thú. Isak không quên nói thêm rằng anh không mắc nợ ở cửa tiệm hay bất kỳ chỗ nào khác. Và anh không chỉ có hai trăm Daler của Geissler chưa đựng đến, mà còn nhiều hơn thế – thêm một trăm sáu mươi Daler nữa. Phải, họ nên biết ơn Thượng đế!

Họ lại trò chuyện về Geissler; Inger có thể kể ông ta đã giúp nàng được trả tự do như thế nào. Nói cho cùng, dường như đó không phải là một công việc dễ dàng cho ông ta; ông đã mất một thời gian dài để tiến hành công việc và đã tới gặp viên giám đốc rất nhiều lần. Geissler cũng đã viết thư cho một người nào đó trong số ủy viên Hội đồng Nhà nước, hoặc ai đó khác có quyền cao chức trọng; nhưng ông đã làm việc này sau lưng viên giám đốc, và khi nghe thấy chuyện này viên giám đốc đã nổi cơn thịnh nộ, không có gì phải ngạc nhiên về điều đó. Nhưng Geissler không hề e sợ; ông yêu cầu xem xét lại vụ án, một phiên tòa mới, một cuộc kiểm tra mới, và mọi thứ. Và sau đó đức vua phải ký.

Vị cựu Lensmand Geissler luôn là một người bạn tốt với cả hai vợ chồng họ, và họ thường tự hỏi vì sao; ông ta chẳng nhận được thứ gì từ điều đó ngoài lời cảm ơn nghèo nàn của họ – đó là điều mà họ không thể hiểu nổi. Inger đã nói chuyện với ông ta ở Trondhjem, và không thể hiểu được ông ta. “Có vẻ như ông ta không quan tâm chút nào tới bất kỳ một ai trong làng trừ chúng

ta ra,” nàng giải thích.

“Ông ta đã nói thế sao?”

“Phải. Ông ta nổi giận với dân làng ở đây. Ông ta sẽ chỉ cho họ thấy, ông ta bảo thế.”

“Thế à!”

“Và một ngày nào đó họ sẽ hiểu ra, và thấy tiếc nuối vì đã đánh mất ông ta, ông ta bảo thế.”

Họ đã tới chỗ bìa rừng, và đã nhìn thấy ngôi nhà của mình. Ở đó có nhiều tòa nhà hơn trước, và tất cả đều được sơn phết một cách đẹp đẽ. Inger gần như biết lại nơi chốn này lần nữa, và đứng lặng người đi.

“Anh, anh không nói rằng đó là chỗ của chúng ta chứ, tất cả các thứ đó?” Nàng cảm thán.

Cuối cùng bé Leopoldine đã thức giấc và ngồi dậy, lúc này đã nghỉ ngơi đầy đủ; họ bế nó ra và để cho nó đi bộ.

“Bây giờ chúng ta lên chỗ đó phải không?” Nó hỏi.

“Phải. Nó là một nơi xinh đẹp, phải không?”

Có những hình thù bé nhỏ đang chuyển động ở cạnh ngôi nhà; đó là Eleseus và Sivert, đang tiếp tục dõi nhìn. Lúc này chúng đang chạy ồa tới. Inger bị xâm chiếm bởi một cơn lạnh đột ngột – một cơn lạnh đáng sợ trong đầu, với tiếng khụt khịt và tiếng ho – thậm chí đôi mắt nàng đỏ tấy lên và rung lệ. Đi tàu luôn khiến cho người ta mắc phải một cơn cảm cúm đáng sợ – khiến mắt người ta ướt đầm các thứ!

Nhưng khi hai cậu con trai chạy đến gần, chúng đột ngột dừng lại và nhìn chòng chọc. Chúng đã quên mẹ chúng trông như thế nào, và chúng chưa hề nhìn thấy cô em gái nhỏ của mình. Nhưng cha chúng – chúng không hề nhận ra anh cho tới khi anh tới thật gần. Anh đã cắt sạch bộ râu rậm của mình.

CHƯƠNG XII

Giờ đây mọi thứ đều tốt đẹp.

Isak gieo yến mạch, bừa và vun đất. Bé Leopoldine tới và muốn ngồi lên cái trục bừa. Ngồi lên cái trục bừa ư? – Không, nó còn quá bé và chưa biết gì về việc đó. Các anh của nó hiểu biết hơn. Không có chỗ ngồi trên cái trục bừa của cha.

Nhưng người cha nghĩ thật là vui thích khi nhìn thấy bé Leopoldine đến với anh một cách tin cậy như thế; anh trò chuyện với nó, và chỉ nó cách đi thật khéo qua những cánh đồng, để đôi giày của nó không dính đầy đất.

“Đó là cái gì vậy? Sao chứ, nếu hôm nay con không mặc chiếc yếm màu xanh biển? Nào, đến cho cha xem; không, nó màu xanh biển, đúng là thế. Và một cái chuông tròn các thứ. Còn nhớ khi con đến trên con tàu lớn không? Và những thứ máy móc, con trông thấy chúng rồi chứ? Đúng thế, và bây giờ thì chạy về nhà với các anh của con đi, chúng sẽ tìm cho con thứ gì đó để chơi.”

Oline đã ra đi, và một lần nữa Inger thực hiện những công việc cũ của mình, trong nhà và ngoài sân. Có lẽ nàng đã hơi quá đáng trong việc giữ gìn sự sạch sẽ và trật tự, chỉ để chứng tỏ rằng giờ đây nàng sẽ thực hiện mọi việc theo cách khác. Và thật sự đó là một điều kỳ diệu khi nhìn thấy nàng đã tạo được một thay đổi lớn; ngay cả những tấm kính cửa sổ trong túp lều cũ cũng được lau sạch, và những cái hộp được dọn ra ngoài.

Nhưng đó chỉ là những ngày đầu tiên, tuần lễ đầu tiên; sau đó nàng bắt đầu ít hăm hở hơn trong công việc. Thật sự không cần thiết phải rước đủ mọi phiền toái về những chuồng bò các thứ; giờ đây nàng đã có cách sử dụng thời gian tốt hơn. Inger đã học được nhiều điều ở những người dân thị trấn, và sẽ rất đáng tiếc nếu không dùng đến chúng. Nàng lại lôi cái khung se sợi và khung cửi ra – đúng vậy, thậm chí nàng còn nhanh nhẹn và khéo léo hơn trước – hơi quá nhanh nhẹn – phải! – nhất là khi Isak đang nhìn nàng; anh không thể nghĩ ra làm sao mà một người nào đó có thể học cách sử dụng những ngón tay của mình theo cách đó – nàng có những ngón tay dài, đẹp so với đôi bàn tay to lớn. Nhưng Inger có một cách buông việc này bắt sang việc nọ ngay trong một lúc. Phải, phải, giờ đây có nhiều thứ để lo toan hơn trước, và có lẽ nàng không còn nhẩn nài như trước; một chút gì đó bồn chồn đã tìm được cách len lỏi vào đầu óc của nàng.

Đầu tiên là những loài hoa mà nàng mang về – những củ và nhánh giâm; ngay cả những cuộc sống bé nhỏ này cũng cần được nghĩ tới. Cửa sổ quá nhỏ, gờ quá hẹp nên không thể đặt các chậu hoa lên đó, ngoài ra nàng cũng không có những chậu hoa. Isak phải chế ra những cái hộp tí hon cho những cụm hoa thu hải đường, hoa vân anh và hoa hồng. Thêm nữa, một cửa sổ thôi thì không đủ – hãy hình dung một căn phòng chỉ có một cửa sổ!

Và, “Ồ, nhân tiện,” Inger nói, “Tôi muốn có một cái bàn ủi, anh biết đó. Ở trại không có cái nào hết. Tôi có thể dùng một cái bàn ủi để ủi đồ khi may vá áo các thứ, anh không thể làm việc

một cách chính xác mà không có một cái bàn ủi.”

Isak hứa sẽ nhờ người thợ rèn ở dưới làng làm một cái bàn ủi hạng nhất.Ồ, Isak sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì, làm tất cả những gì nàng yêu cầu bằng mọi giá; vì anh có thể thấy rất rõ rằng giờ đây Inger đã học hỏi được nhiều thứ và trở nên thông minh không ai sánh kịp. Nàng cũng nói theo một cách thức khác hẳn, văn hoa hơn, sử dụng những từ ngữ thanh lịch. Nàng không bao giờ hét gọi anh như trước: “Hãy tới mà ăn đi này!” Thay vì thế, nàng nói: “Bữa ăn tối đã sẵn sàng, nếu anh vui lòng.” Giờ đây mọi thứ đều khác hẳn. Hồi trước anh sẽ trả lời một cách đơn giản “Ừ” hoặc không nói gì hết, và tiếp tục làm việc một lát nữa mới vào. Bây giờ, anh nói “Cám ơn” và đi vào nhà ngay lập tức. Phải giờ đây mọi sự đã khác đi – có lẽ hơi tốt đẹp hơn chút ít theo nhiều cách. Khi Isak nói về phân súc vật một cách thô lỗ, theo kiểu nông dân, Inger sẽ gọi nó là phân bón, “vì lũ trẻ, anh biết đó.”

Nàng rất cẩn thận với các con, và dạy dỗ chúng mọi điều. Cho phép bé Leopoldine nhanh chóng làm quen với công việc thêu đan của nàng, và hai đứa con trai với việc viết và tới trường; chúng sẽ không chậm trễ khi tới lúc phải đi học ở dưới làng. Đặc biệt Eleseus đã trở nên một đứa trẻ thông minh, nhưng còn nhóc Sivert thì không có gì xuất sắc cho lắm, nếu phải nói sự thật – một đứa trẻ bốc đồng, liều lĩnh. Thậm chí nó còn mạo hiểm thử vận ốc vít trên cái máy may của mẹ nó, và đã xẻo ra nhiều mảnh gỗ nhỏ từ bàn ghế với con dao nhíp của nó. Inger đã dọa sẽ lấy lại con dao.

Tất nhiên là lũ trẻ có tất cả những con vật trong trang trại, ngoài ra Eleseus vẫn còn giữ mẫu bút chì màu. Nó sử dụng cây bút rất thận trọng, và ít khi cho em trai nó mượn, vì theo thời gian, tất cả những bức tường đều phủ đầy những hình vẽ xanh đỏ, và mẫu bút chì ngày càng bé đi. Cuối cùng Eleseus buộc phải ấn định thời gian sử dụng của Sivert, chỉ cho mượn cây bút vào ngày Chủ nhật, và chỉ được vẽ một hình. Sivert không hài lòng với cách sắp xếp này, nhưng Eleseus là một người không dễ cự lại. Không khỏe hơn cho lắm, nhưng nó có đôi cánh tay dài hơn và có thể xoay xở tốt hơn khi chúng cãi cọ nhau.

Nhưng thằng bé Sivert đó! Thỉnh thoảng nó lại bắt gặp một tổ chim trong rừng; có lần nó nói về một các hang chuột mà nó tìm ra, và khoác lác đủ thứ về chuyện đó; lần khác thì một con cá to bằng cả một người đàn ông mà nó từng nhìn thấy ở ngoài sông. Nhưng rõ ràng tất cả đều do nó bịa ra; nó có khuynh hướng đổi đen thành trắng, nhưng là một đứa có năng khiếu về những thứ đó. Khi con mèo cái đẻ con, chính nó là người mang sữa tới cho con mèo, vì con mèo không ưa Eleseus lắm. Sivert không bao giờ mệt mỏi với việc đứng nhìn vào cái thùng đầy những chuyển động, một cái tổ của những bàn chân lông lá đang co quắp.

Nó cũng chú ý hàng ngày tới đàn gà; con gà trống với dáng vẻ hống hách và bộ lông đẹp đẽ; những con gà mái thông thả dạo quanh và kêu cục cục, bới đất hoặc kêu cục tác om xòm như thể bị đau kinh khủng mỗi khi chúng đẻ trứng.

Có một con cừu thiện lớn. Nhóc Sivert đã đọc khá nhiều về giống vật mà nó từng biết trước đó, nhưng nó không thể nói rằng con cừu thiện có một cái mũi La Mã xinh đẹp, ôi Trời! Nó không thể nói điều đó. Nhưng nó có thể làm tốt hơn thế. Sivert biết con cừu thiện từ cái ngày nó còn là một con cừu non, nó hiểu con cừu thân thiện với nó – một người bà con, một tạo vật anh em. Có lần nọ, một ấn tượng nguyên sơ lạ lùng đã lóe lên trong đầu nó: đó là một khoảnh

khắc mà nó không bao giờ quên được. Con cừu thiến đang lặng lẽ gặm cỏ trên đồng; đột nhiên nó ngóc cao đầu, ngung nhai nhóp nhép, chỉ đơn giản đứng đó nhìn ra. Sivert bắt giác nhìn theo về hướng đó. Không, không có gì đáng chú ý. Nhưng bản thân Sivert cảm nhận được có điều gì lạ lùng bên trong nó: “Gần như thể nó đang đứng nhìn vào vườn địa đàng,” nó nghĩ.

Và có những con bò cái – mỗi lứa trẻ có hai con – những con vật đồ sộ, thân thiện và thuần tính đến nỗi chúng để cho bạn chạm vào chúng bất cứ lúc nào bạn thích; cứ mặc cho lũ người trẻ con vỗ về chúng. Có một con heo, trắng và có tính cách riêng biệt khi được chăm sóc một cách tử tế, lắng nghe mọi âm thanh, một anh chàng vui nhộn, luôn háo hức với thức ăn, nhạy cảm với những cú cù và bồn chồn như một cô con gái. Và có một con dê đực. Ở Sellanraa luôn luôn có một con dê đực già, vì ngay khi con này chết đi đã có một con khác thay chỗ nó. Và có gì buồn cười để nhìn đâu cơ chứ? Ngay lúc này nó có cả một đàn dê để coi sóc, nhưng đôi khi bị ốm và thấy mệt mỏi với cả bầy, nó nằm xuống, một hình ảnh trầm tư, có râu, một người cha thật sự. Rồi trong khoảnh khắc nó lại vùng dậy và đuổi theo bầy. Nó luôn luôn để lại phía sau một làn không khí khai khai.

Vòng quay hàng ngày của trang trại cứ thế tiếp diễn. Thỉnh thoảng, một du khách đi ngang qua đó trên đường lên dãy đồi cất tiếng hỏi: “Mọi thứ ở đây thế nào với các bạn vậy?”

Và Isak đáp: “Ổn cả, cảm ơn.”

Isak làm việc miệt mài, tham khảo cuốn niên lịch trong tất cả những gì anh thực hiện, ghi lại những thay đổi của mặt trăng, lưu ý tới những dấu hiệu của thời tiết và làm việc tiếp. Anh đã mở được một con đường xuống làng nên giờ đây anh có thể đánh xe xuống đó, nhưng đa phần anh vẫn tự mình vác đồ; vác những bao pho mát hoặc da thuộc, vỏ cây và nhựa thông, bơ và trứng; tất cả những gì anh có thể bán, để mang về những thứ hàng hóa khác. Không, vào mùa hè anh không thường đánh xe đi – vì một điều, chặng đường tính từ trại Breidablik, phần cuối của con đường, được duy trì quá tệ. Anh từng đề nghị Brede Olsen giúp nâng cấp con đường và thực hiện phần việc của y. Brede Olsen hứa nhưng không giữ lời. Và Isak sẽ không yêu cầu y thêm lần nữa. Thà là tự vác đồ trên vai mình còn hơn. Và Inger bảo: “Tôi không thể hiểu làm thế nào anh có thể xoay xở được tất cả những việc đó.” Ồ, nhưng anh có thể xoay xở được bất cứ thứ gì. Anh có một đôi ủng, nặng và dày không thể tưởng, với những mảnh thép lớn dưới đế giày, cả những nút dây giày cũng được gia cố thêm với những đầu đinh bằng đồng – thật kỳ lạ khi một người có thể đi được với một đôi ủng như thế.

Trên đường xuống làng, anh bắt gặp nhiều toán người đang làm việc trên đồng; đang hạ những trụ đá và cố định những cột điện. Một số người trong bọn là dân làng, cả Brede Olsen cũng có mặt ở đó, bắt chắp việc y đã mua mảnh đất riêng của mình và cần làm việc trên đó. Isak tự hỏi không biết Brede lấy đâu ra thời gian.

Viên đốc công hỏi Isak có thể bán cho họ những cột gỗ hay không. Isak nói không. Không dù anh sẽ được trả giá cao? – Không – Ồ, Isak đã trở nên nhanh nhạy hơn trong những cuộc thỏa thuận của mình, anh có thể nói không. Nếu anh bán cho họ vài cột gỗ, chắc chắn là trong túi anh sẽ có tiền, thêm rất nhiều Daler nữa, nhưng anh không có dư gỗ, chẳng kiếm chác được gì từ việc đó. Viên kỹ sư phụ trách đích thân tới để đề nghị, nhưng Isak từ chối.

“Chúng tôi có đủ cột,” viên kỹ sư nói, “nhưng lấy chúng từ chỗ đất của anh thì dễ dàng hơn, và tiết kiệm được tiền vận chuyển.”

“Tôi không có đủ gỗ cho chính mình,” Isak nói. “Tôi muốn lắp dựng một cái máy cưa và cưa xẻ các thứ; có một số công trình mà tôi cần có sớm.”

Tới đây Brede Olsen xen vào: “Nếu tôi là anh, tôi sẽ bán cột cho họ, Isak ạ.”

Vội tắt cả lòng kiên nhẫn, Isak nhìn y và nói: “Phải, tôi dám nói là anh sẽ bán.”

“Ờ, vậy thì sao?” Brede hỏi.

“Chỉ có vấn đề tôi không phải là anh,” Isak nói.

Nghe thấy câu này một vài người thợ cười khúc khích.

Phải, Isak có đủ lý do để làm người hàng xóm của anh phải ngậm miệng lại vào chính lúc ấy; ngay trong hôm ấy anh đã trông thấy ba con cừu trong những cánh đồng ở Breidablik, và anh biết một con trong số đó – con cừu có đôi tai bẹp mà Oline đã bán đồ bán tháo đi. Y có thể giữ nó, Isak nghĩ, khi tiếp tục đi; Brede và vợ y có thể có mọi con cừu họ muốn, đối với tôi!

Vụ việc cái máy cưa luôn nằm trong ý nghĩ của anh; đúng như anh đã nói. Mùa đông trước, khi những con đường còn cứng, anh đã chở lên đó cái lưỡi cưa tròn và những thứ phụ tùng, đặt hàng từ Trondhjem thông qua cửa tiệm dưới làng. Hiện giờ các bộ phận đang nằm trong một kho chứa đồ, được trét dầu cẩn thận để chống rỉ sét. Anh cũng đã mua một số xà để làm khung; anh có thể bắt đầu công việc nếu muốn nhưng anh hoãn nó lại. Vì sao vậy? Phải chăng anh bắt đầu trở nên uể oải, phải chăng anh đang nản lòng thoái chí? Anh không thể tự hiểu được điều này. Có lẽ đối với những người khác việc này chẳng có gì đáng ngạc nhiên, nhưng Isak không thể tin được nó. Phải chăng đầu óc anh đã bỏ đi đâu? Anh chưa bao giờ sợ phải bắt tay làm một việc gì trước đó; vì lý do nào đó hẳn là anh đã đổi thay, kể từ thời điểm anh dựng cái cối xay ngang qua con sông, cũng to lớn chừng ấy. Anh có thể tìm sự giúp đỡ ở dưới làng, nhưng anh sẽ cố làm một mình lần nữa; anh sẽ khởi sự vào một ngày nào đó – và Inger có thể giúp anh một tay.

Anh nói với Inger về việc đó.

“Ừm, tôi không biết liệu cô có tìm ra thời gian trong những ngày này để giúp tôi làm cái máy cưa đó không?”

Inger suy nghĩ một lúc. “Vâng, nếu tôi có thể xoay xở được. Vậy là anh sắp dựng một cái máy cưa?”

“Phải, dự định của tôi là thế. Tôi đã tính toán tất cả trong đầu.”

“Nó có vất vả hơn việc dựng cái cối xay không?”

“Vất vả hơn nhiều, hơn gấp mười lần. Sao chứ, tất cả mọi thứ phải khít khao và chính xác, cho tới đường nét nhỏ nhất, và bản thân cái cưa máy phải nằm đúng ngay chính giữa.”

“Ước gì anh có thể xoay xở được,” Inger nói một cách trầm ngâm.

Isak bị xúc phạm, anh đáp, “Về chuyện đó, chúng ta sẽ chờ xem.”

“Anh không tìm được một người giúp anh sao, một ai đó biết việc?”

“Không.”

“Tốt, vậy thì anh sẽ không thể xoay xở được,” nàng lặp lại.

Isak đặt bàn tay lên tóc, như một con gấu đang nhấc bàn chân của nó lên.

“Tôi cũng đang sợ chuyện đó,” anh nói. “Sợ rằng tôi có thể không xoay xở được. Và đó là lý do vì sao tôi muốn một người hiểu biết nhiều như cô giúp tôi một tay.”

Nhưng rốt cuộc Isak không đạt được gì. Inger lắc đầu rồi quay mặt đi một cách tàn nhẫn, và sẽ không dính dáng gì tới cái cửa của anh.

“Vậy thì...” Isak nói.

“Sao, anh muốn tôi đứng ướm sững dưới sông để giúp anh? Thế ai sẽ làm mọi công việc may vá, coi sóc gia súc và nhà cửa và mọi thứ còn lại?”

“Không ai cả, điều đó đúng,” Isak nói.

Ồ, anh chỉ cần sự giúp đỡ để dựng cột ở bốn góc và ở giữa cho hai cạnh sườn dài, chỉ thế thôi. Inger – có phải thật sự lòng dạ của nàng đã trở nên khác hẳn trong thời gian sống giữa những người dân thị trấn?

Thực tế là Inger đã thay đổi rất nhiều; bây giờ nàng nghĩ tới điều tốt đẹp chung của họ ít hơn là tới chính bản thân nàng. Nàng đã sử dụng lại cái khung se sợi và khung cửi, nhưng cái máy may hợp với nàng hơn; và khi cái bàn ủi đến từ chỗ người thợ rèn nàng đã sẵn sàng trở thành một người thợ may được đào tạo đầy đủ. Giờ đây nàng đã có một nghề nghiệp. Nàng bắt đầu bằng cách may một cặp váy yếm nhỏ cho Leopoldine. Isak nghĩ rằng chúng thật xinh xắn và khen ngợi chúng; Inger bóng gió rằng nó chẳng là gì so với những gì nàng có thể làm khi cố gắng.

“Nhưng chúng ngắn quá,” Isak nói.

“Ở thị trấn người ta ăn mặc theo cách đó,” Inger nói. “Anh chẳng biết gì về việc này đâu.”

Isak thấy rằng anh đã đi xa quá, và để đền bù, anh nói đôi điều về việc mua ít vải vóc cho chính Inger, và để may thứ này hoặc thứ khác.

“Để may một cái áo choàng?” Inger nói.

“Phải, hoặc thứ gì cô thích.”

Inger đồng ý có một thứ gì đó để may một tấm áo choàng, và mô tả loại vải mà nàng muốn.

Nhưng khi đã may xong tấm áo choàng, nàng phải tìm ra ai đó để khoe nó; do đó, khi hai cậu bé xuống làng theo học, Inger đi cùng với chúng. Và có thể chuyến đi đó chỉ là một chuyện nhỏ nhặt, nhưng nó đã để lại dấu tích.

Đầu tiên họ tới trại Breidablik, và nữ chủ nhân Breidablik cùng con cái của chị ta ra ngoài để xem ai đang đi ngang qua. Inger và hai đứa bé ngồi đó trên xe, đang đi xuống một cách kiêu hãnh – hai cậu bé trên đường tới trường, chỉ có thế, và Inger khoác một chiếc áo choàng. Vợ

chủ trại Breidablik cảm thấy nhói nhói trước cảnh tượng đó; tấm áo choàng mà lẽ ra chị ta có thể thực hiện nếu không có – lạy Trời – chị ta không mở được cửa tiệm nào với sự ngu xuẩn như thế – nhưng... chị ta có lũ con của mình – Barbro, đã là một cô gái lớn, Helge, đứa kế, và Kathrine, tất cả đều ở tuổi đến trường. Hai đứa lớn đã từng đi học trước đó, khi họ còn sống dưới làng, nhưng sau khi dời lên Breidablik, lên một nơi xa xôi hẻo lánh giữa đồng không mông quạnh, họ buộc phải từ bỏ chuyện đó, và mặc cho bọn trẻ quay trở lại với cảnh dốt nát.

“Có lẽ chị muốn có một ít thức ăn cho hai cậu nhỏ,” người đàn bà nói.

“Thức ăn à? Chị có nhìn thấy cái rương ở đây không? Đó là cái rương du lịch của tôi mà tôi đã mang theo về nhà, tôi có đầy thức ăn trong đó.”

“Trong đó có loại gì thế?”

“Loại gì? Tôi có nhiều thịt và thịt heo, ngoài ra còn có bánh mì, bơ và pho mát.”

“Phải, ở trên Sellanraa chị không thiếu thứ gì,” người kia nói; và đàn con nghèo nàn, má hóp của chị ta tròn mắt vênh tai lắng nghe cuộc trò chuyện về những thứ thức ăn dồi dào này. “Chúng sẽ ở đâu?” Người mẹ hỏi.

“Tại nhà của ông thợ rèn,” Inger đáp.

“Vậy sao!” người kia nói. “Phải, các con của tôi cũng sẽ sớm trở lại trường. Chúng sẽ ở tại nhà của ngài Lensmand.”

“Thế à!” Inger nói.

“Phải, hoặc ở nhà của ông bác sĩ, có lẽ, hoặc nhà của mục sư. Dĩ nhiên là Brede quen thân với những nhân vật lớn ở đó.”

Inger sờ soạng tấm áo choàng của mình, và tìm cách lật nó lên để một đường viền lụa đen hiện ra phía trước.

“Chị mua chiếc áo choàng này ở đâu thế?” Người đàn bà hỏi. “Có lẽ là từ một người từng ở với chị?”

“Tôi tự may lấy nó.”

“Phải, phải, đúng như tôi từng nói: Tài sản và giàu có đầy đủ tràn trề...”

Inger đánh xe đi tiếp, cảm thấy nở từng khúc ruột và hài lòng với chính mình, và, khi vào tới làng, có thể nàng đã hơi quá tự hào về dáng vẻ của mình.

Phu nhân Heyerdahl không hài lòng khi nhìn thấy tấm áo choàng đó; người đàn bà ở Sellanraa đang quên mất thân phận của mình – đang quên rằng cô ta đến từ đâu sau năm năm vắng nhà. Nhưng ít nhất Inger cũng đã có cơ hội khoe chiếc áo choàng, và vợ của ông thợ rèn cùng vợ của thầy giáo cứ nghĩ mãi tới việc có một chiếc áo như thế cho chính họ – nhưng việc này phải đợi một thời gian.

Và giờ đây Inger sớm bắt đầu có khách. Một hoặc hai phụ nữ đến từ mé kia dãy đồi vì tò mò. Có lẽ Oline đã có cơ hội nói đôi điều ngược với ý muốn của bà, với người này hay người nọ. Những người mới đến mang các tin tức từ nơi sinh trưởng của Inger; tự nhiên là Inger nên mời

họ một cốc cà phê và cho họ ngắm nhìn cái máy may của nàng! Những cô gái trẻ đến từng đôi từ bờ biển, từ trong làng, để xin lời khuyên của Inger; bây giờ đã là mùa thu, và họ đã dành dụm để may áo mới, thế nên họ muốn nàng giúp họ. Dĩ nhiên là Inger biết mọi thứ về các thời trang mới nhất, sau khi sống ở thế giới ngoài kia, và thỉnh thoảng nàng lại hơi át lời họ đôi chút. Bản thân nàng rạng rỡ và vui vẻ hẳn lên với những cuộc viếng thăm này; nàng cũng tỏ ra tốt bụng và sẵn lòng giúp đỡ, ngoài ra còn rất thông minh trong công việc; nàng có thể cắt vải mà không cần tới mẫu. Đôi khi nàng còn may trọn cả một chiếc váy dài trên chiếc máy của nàng, tất cả đều không lấy tiền công, và trao tấm áo lại cho các cô gái với một câu nói đùa vui vẻ: “Nào! Bây giờ các cô có thể tự mình đính nút nhé!”

Vào cuối năm Inger lại được mời xuống làng để may quần áo cho một số nhân vật lớn ở đó. Inger không thể đi; nàng có một ngôi nhà cần được chăm sóc, ngoài ra còn có cả một đàn gia súc, tất cả những công việc trong nhà, và nàng lại không có người giúp việc.

Không có cái gì? Người giúp việc!

Một hôm nàng nói với Isak:

“Giá như có ai đó giúp đỡ tôi, tôi có thể dành nhiều thời gian hơn cho việc may đồ.”

Isak không hiểu. “Giúp đỡ gì?”

“Vâng, giúp việc trong nhà, một người hầu gái.”

Hắn Isak phải bước lùi về sau khi nghe thấy câu này; anh cười rộ một lát trong bộ râu kềm của mình, và xem đó là một câu nói giỡn chơi. “Phải, chúng ta nên có một cô hầu gái.”

“Những bà nội trợ trong thị trấn luôn có một người hầu,” Inger nói.

“Thế sao!” Isak nói.

Chà, có lẽ ngay lúc ấy Isak không ở trong tâm trạng vui vẻ nhất, không chính xác là dịu dàng và hài lòng, không, vì anh đã bắt tay vào làm cái máy cưa, và đó là một công việc chậm chạp, vất vả; anh không thể một tay giữ những thanh xà, tay kia cầm cái ống li-vô, và cố định các đầu trong cùng một lúc. Nhưng khi hai đứa con trai quay về từ trường học, công việc dễ dàng hơn; hai đứa trẻ giúp ích được nhiều việc, cầu Chúa phù hộ chúng! Đặc biệt là Sivert, nó là một thiên tài trong việc đóng đinh, còn Eleseus thì khá hơn trong việc xử lý một đường thẳng. Tới cuối tuần đó, Isak và hai cậu bé đã thật sự dựng được những cột chính, được cố định chắc chắn với những mảnh nệm dày ngang với những thanh xà nhà.

Công việc đã được thực hiện tốt, theo cách nào đó mọi thứ đã được thực hiện tốt. Nhưng giờ đây Isak bắt đầu cảm thấy mệt mỏi khi chiều xuống – bất kể nó là gì. Không chỉ là việc dựng một cái máy cưa và hoàn thành nó – ngoài nó ra còn có mọi thứ khác. Cỏ khô đã đưa vào kho, nhưng lúa vẫn còn đứng đó, chẳng bao lâu sẽ phải cắt và chất đống chúng lại; lại còn khoai tây nữa, chúng cũng cần sớm được đào lên. Nhưng hai đứa trẻ là một sự giúp sức diệu kỳ. Anh không cảm ơn chúng; đó không phải là cung cách giữa những người dân như họ; nhưng anh rất hài lòng với chúng về mọi chuyện. Thỉnh thoảng họ lại ngồi xuống giữa chỗ làm và trò chuyện với nhau, người cha gần như đề nghị các con cố vấn về việc họ sẽ làm gì kế tiếp. Đó là những giây phút tự hào đối với hai cậu bé. Chúng cũng đã học được cách suy nghĩ kỹ trước khi nói ra,

để không phạm phải sai lầm.

“Thật tiếc vì không thể che mái được trước những trận mưa thu,” cha chúng nói.

Giá mà Inger vẫn giống như ngày cũ! Nhưng dường như Inger không còn khỏe như trước, và điều đó khá tự nhiên sau thời gian dài nàng bị nhốt giữa những bức tường. Nhưng việc cả tâm trí của nàng dường như cũng thay đổi mới là một vấn đề. Dường như giờ đây nàng trở nên xa lạ, ít suy nghĩ, ít quan tâm; lơ là, hời hợt – đây có phải là Inger không?

Một hôm nàng nói về đứa bé mà nàng đã giết chết.

“Tôi thật là ngu ngốc khi làm chuyện đó,” nàng nói. “Hẳn chúng ta có thể khâu cái miệng của nó lại, và tôi không cần phải bóp cổ nó.” Bây giờ nàng không bao giờ lên ra chỗ ngôi mộ bé xíu trong rừng, nơi trước đây nàng đã từng lấp đất với đôi tay của mình và dựng lên một cây thánh giá nhỏ.

Nhưng Inger chưa phải là hoàn toàn vô tâm; nàng vẫn quan tâm tới mấy đứa con còn lại, giữ cho chúng sạch sẽ và may áo mới cho chúng; nàng thường ngồi muộn lúc đêm về để vá đồ cho chúng. Tham vọng của nàng là được nhìn thấy chúng thành công trong đời.

Lúa đã được chất đống, và khoai đã được đào lên. Rồi mùa đông tới. Không, cái máy cưa chưa được che mái vào mùa thu ấy, nhưng nói cho cùng, đó là điều không thể tránh được, và đó không phải là vấn đề sống hay chết. Mùa hè tới sẽ có đủ thời gian và phương tiện.

CHƯƠNG XIII

Những công việc mùa đông lại giống như trước; chở gỗ, sửa chữa nông cụ. Inger trông nhà và may vá vào thời gian rỗi. Hai cậu bé lại trở xuống làng cho học kỳ dài ở trường. Trong nhiều mùa đông trước chúng đã có một đôi ván trượt tuyết dùng chung; chúng xoay xở khá tốt theo cách đó trong lúc còn ở nhà, một đứa chờ khi đứa kia đang tới lượt sử dụng của mình, hoặc một đứa đứng sau đứa kia. Phải chúng đã xoay xở tốt với chỉ một đôi ván trượt, nó là vật đẹp nhất mà chúng biết, và chúng vô tư, vui sướng. Nhưng ở dưới làng mọi sự lại khác hẳn. Trường học có đầy ván trượt; ngay cả những đứa trẻ ở trại Breidablik dường như cũng có mỗi đứa một đôi. Và kết cục của chuyện này là Isak phải làm thêm một đôi mới cho Eleseus, Sivert giữ đôi cũ để dùng riêng.

Isak làm nhiều hơn thế; anh mua cho bọn trẻ quần áo tốt và những đôi ủng thật bền. Nhưng khi việc đó đã xong, anh tới chỗ người chủ tiệm và hỏi mua một chiếc nhẫn.

“Một chiếc nhẫn ư?” Ông ta nói.

“Một chiếc nhẫn đeo tay. Phải, tôi đã làm ăn khấm khá nên giờ phải tặng cho vợ tôi một chiếc nhẫn.”

“Anh muốn lấy một chiếc nhẫn bạc hay nhẫn vàng, hay chỉ là nhẫn đồng mạ trông giống như vàng?”

“Cứ cho là một chiếc nhẫn bạc.”

Người chủ tiệm suy nghĩ một lát.

“Nghe này, Isak,” ông ta nói. “Nếu anh muốn làm điều đúng đắn và tặng cho vợ anh một chiếc nhẫn mà cô ta không phải xấu hổ khi đeo nó, tốt hơn anh nên mua một chiếc nhẫn vàng.”

“Cái gì!” Isak nói lớn. Dù có thể trong thâm tâm anh đã từng suy nghĩ suốt về một chiếc nhẫn vàng.

Họ nghiêm túc trao đổi với nhau về vấn đề đó, và đồng ý thực hiện một cách đo lường nào đó đối với chiếc nhẫn. Isak trầm ngâm và lắc đầu, cho rằng đó là một việc to tát quá, nhưng người chủ tiệm từ chối đặt bất cứ thứ gì khác ngoài một chiếc nhẫn vàng. Isak trở về nhà, âm thầm hài lòng với quyết định của mình, nhưng hơi lo lắng vì tất cả những chuyện đó, vì mức độ quá xa mà anh đã thực hiện, tất cả chỉ vì tình yêu dành cho vợ anh.

Mùa đông ấy có một đợt tuyết đẹp ở mức trung bình, và vào đầu năm, khi đường xá đã có thể đi lại được, dân làng bắt đầu chở những cây cột điện lên những cánh đồng hoang, bỏ chúng lại ở những chặng giữa đường. Họ đưa những nhóm lớn lên, ngang qua Breidablik, ngang qua trại Sellanraa, và gặp những nhóm mới ở mé ngoài, đang đi xuống với những cột điện từ mé kia dãy đồi – tuyến đường đã hoàn thành.

Cuộc sống cứ thế tiếp tục ngày này sang ngày khác, không có sự kiện lớn nào. Dù sao thì có gì để mà xảy ra chứ? Mùa xuân tới, và công việc dựng cột bắt đầu. Brede Olsen lại có mặt ở đó với

các nhóm thợ dù lẽ ra anh ta nên làm việc trên đất của mình vào mùa đó. “Thật lạ lòng khi anh ta có thời gian,” Isak nghĩ.

Bản thân Isak không có đủ thời gian để ăn và ngủ; việc cần kíp trước mắt bây giờ là phải hoàn thành công việc trong mùa, với tất cả đất đai anh đã đưa vào trồng trọt.

Rồi, giữa hai mùa, anh lợp mái cho cái máy cưa, và có thể bắt đầu lắp các bộ phận của máy. Và bạn hãy nhìn xem, anh không dựng nên một công trình bằng gỗ quá diệu kỳ, nhưng nó vững chắc, như một người khổng lồ của dãy đồi, đứng đó để giúp ích. Cái máy có thể hoạt động và cưa như một cái máy cưa vẫn thực hiện; Isak đã quan sát cẩn thận khi còn ở dưới làng và sử dụng tốt những gì anh quan sát được. Nó khỏe mạnh và nhỏ bé, cái máy cưa mà anh đã dựng nên này, nhưng anh hài lòng với nó; anh khắc ngày tháng bên trên cửa ra vào và đặt dấu hiệu của mình lên đó.

Và mùa hè năm ấy, cuối cùng một chuyện khác thường đã diễn ra ở Sellanraa.

Những người công nhân đường dây lúc này đã lên xa phía trên đồng cỏ đến mức một xế chiều họ toán thợ đầu tiên đã tới nông trại và xin được trú lại đêm. Họ được cho ngủ trong cái kho thóc lớn. Vào những ngày tiếp theo, một toán khác lại tới, và tất cả đều ở trọ tại Sellanraa. Công việc tiếp tục tiến triển, vượt qua chỗ trang trại, nhưng những người thợ vẫn quay lại để ngủ trong kho thóc. Một chiều thứ Bảy viên kỹ sư phụ trách tới đó để trả tiền công cho thợ.

Khi trông thấy viên kỹ sư, Eleseus thấy tim nó nhảy chồm lên. Nó chuồn ra khỏi nhà để tránh bị hỏi han về cây bút chì màu. Ôi chao, giờ chắc sẽ gặp rắc rối to đây – và chẳng thấy Sivert đâu cả; nó sẽ phải một mình đối mặt với chuyện này. Eleseus lẩn vòng qua góc nhà như một bóng ma nhợt nhạt, bắt gặp mẹ nó, và cầu xin mẹ nó bảo Sivert tới. Giờ đây việc đó cũng chẳng giúp ích được gì.

Sivert ít suy nghĩ về chuyện đó hơn – nhưng khi đó nó không phải là thủ phạm chính. Hai anh em đi ra xa một chút và ngồi xuống, rồi Eleseus nói: “Bây giờ em hãy nói đó là em!”

“Em sao?” Sivert nói.

“Em nhỏ hơn, ông ấy sẽ không làm gì em đâu.”

Sivert suy nghĩ, và thấy rằng anh nó đang gặp cảnh khốn khó; nó cũng hãnh diện khi cảm thấy anh mình cần tới sự giúp đỡ của mình.

“Sao chứ, em có thể giúp anh qua khỏi chuyện này, có lẽ,” nó nói với một giọng chững chạc.

“Phải, nếu em chịu nhận!” Eleseus nói, và trao cho em nó mẫu bút chì màu còn lại. “Em có thể giữ lấy nó,” nó nói.

Chúng cùng quay về nhà, nhưng Eleseus nhớ ra nó có vài việc phải làm cho xong ở chỗ máy cưa, hay đúng hơn, ở cối xay lúa; có đôi việc nó phải ngó qua, và việc đó sẽ chiếm mất ít thời gian – nó chưa hoàn tất được. Sivert vào nhà một mình.

Viên kỹ sư ngồi đó, đang phát những tờ tiền giấy và tiền đồng. Khi ông ta đã xong việc, Inger mang bình sữa ra cho ông ta cùng một cái ly. Ông ta cảm ơn nàng, rồi nói chuyện với bé Leopoldine, và khi nhận ra những hình vẽ trên tường, ông ta hỏi ngay ai đã làm điều đó. “Có

phải là cháu không?” Ông ta hỏi, quay sang Sivert. Có lẽ người đàn ông này cảm thấy mình mắc nợ chút gì đó về sự hiếu khách của Inger, và khen ngợi những hình vẽ chỉ để làm nàng vui lòng. Về phần mình, Inger giải thích đầu đuôi: chính các cậu nhóc của nàng đã vẽ những hình đó – cả hai đứa bọn chúng. Chúng không có giấy cho tới khi nàng trở về nhà và chăm sóc mọi sự, vì thế chúng đã tô lên khắp các bức tường. Nhưng nàng không nỗ lực lau sạch chúng đi.

“Sao, cứ để như thế,” viên kỹ sư nói. “Giấy à, có phải bà đã nói thế?” Và ông ta rút ra một xấp giấy to. “Này, cứ vẽ trên đó cho tới khi chú quay trở lại. Và cháu làm thế nào để có bút chì?”

Sivert bước tới trước với mẫu bút chì nó có, và cho thấy mẫu bút chì còn chút xíu. Và trông kìa, người đàn ông cho nó một cây bút chì màu mới toanh, thậm chí còn chưa gọt. “Đây, bây giờ cháu có thể bắt đầu lại từ đầu. Nhưng nếu chú là cháu thì chú sẽ tô những con ngựa màu đỏ và những con dê màu xanh dương. Cháu chưa bao giờ nhìn thấy một con ngựa màu xanh dương, đúng không?”

Sau đó viên kỹ sư lên đường.

Ngay chiều hôm ấy, một người đàn ông từ dưới làng đến với một cái giỏ – ông ta trao một số chai gì đó cho những người thợ rồi lên đường trở về. Nhưng sau khi ông ta đi khỏi, khắp chốn không còn yên tĩnh nữa; có ai đó chơi một chiếc phong cầm, những người đàn ông lớn tiếng chuyện trò, và có tiếng hát hò, thậm chí có cả khiêu vũ, ngay tại Sellanraa. Một trong số những người đàn ông mời Inger ra nhảy, và Inger – ai có thể nghĩ về nàng như thế? – Nàng cười lớn đôi tiếng rồi đã thật sự nhảy hết vài vòng. Sau đó, một số khác lại mời nàng, và rốt cuộc nàng đã nhảy không ít chút nào.

Inger – ai có thể nói được nàng nghĩ gì trong đầu? Nàng đang khiêu vũ ở đây một cách vui vẻ, có lẽ là lần đầu tiên trong đời nàng; sau đó bị tìm kiếm và tận tình săn đón bởi ba mươi người đàn ông, và nàng chỉ có một mình, người duy nhất để chọn, không có ai để thế chỗ cho nàng. Và những người thợ đường dây lực lưỡng đó – họ nhắc nàng lên mới ghê làm sao! Tại sao lại không khiêu vũ? Eleseus và Sivert đã ngủ say trong căn phòng nhỏ, không hề bị quấy rầy bởi mọi tiếng ồn ào bên ngoài; bé Leopoldine thức giấc, nhìn mẹ nó một cách thắc mắc khi nàng đang nhảy.

Isak ở ngoài đồng suốt thời gian đó; anh đã đi ngay sau bữa ăn chiều, và khi anh trở về nhà để ngủ, một người nào đó đã mời anh một chai. Anh uống chút ít, rồi ngồi xem khiêu vũ, với Leopoldine trên đùi.

“Cô đang có một thời gian vui vẻ,” anh nói với Inger một cách tốt bụng, “đêm nay hãy nhảy cho đúng vào nhé!”

Một lúc sau, tiếng nhạc dừng lại, và cuộc khiêu vũ kết thúc. Những người thợ chuẩn bị lên đường – họ sẽ đi xuống làng trong phần thời gian còn lại của buổi chiều, và sẽ ở đó suốt ngày hôm sau, và quay trở lại vào sáng thứ Hai. Chẳng bao lâu mọi thứ ở Sellanraa lại hoàn toàn im ắng. Có hai người thợ lớn tuổi ở lại, họ quay trở về kho thóc để ngủ.

Trong đêm Isak thức giấc – Inger không có ở đó. Có lẽ nào nàng đi ra xem mấy con bò cái? Anh ngồi dậy và đi thẳng tới chuồng bò. “Inger!” Anh gọi. Không có tiếng trả lời. Những con bò quay đầu lại nhìn anh; mọi thứ đều yên tĩnh. Bất giác, theo thói quen cũ, anh đếm số đầu bò,

đếm cả đàn cừu; có một con cừu cái có thói quen xấu là ngủ ở ngoài chuồng trong đêm, và lúc này nó đang ở ngoài, “Inger!” anh gọi thêm lần nữa. Vẫn không có tiếng trả lời. Chắc chắn nàng không thể cùng đi với họ xuống làng.

Đêm mùa hè sáng và ấm áp. Isak ngồi lại trên bậc cửa một lúc, rồi anh đi ra rừng để tìm con cừu. Và anh bắt gặp Inger. Inger và một người khác. Họ ngồi trong bụi thạch nam, nàng đang quay cái mũ lưới trai của anh ta trên một ngón tay, cả hai đang trò chuyện với nhau – có vẻ như họ lại theo đuổi nàng.

Isak chậm chạp bước về phía họ. Inger quay lại và trông thấy anh, và khom người về trước ngay tại chỗ nàng đang ngồi; mọi sự sống đều thoát ra khỏi người nàng, nàng rũ người xuống như một miếng giẻ.

“Ừm. Cô có biết là con cừu cái đó lại sống ra ngoài không?” Isak hỏi. “Nhưng không, cô không biết đâu,” anh nói.

Tay thợ đường dây trẻ tuổi nhặt lấy cái mũ của mình và bắt đầu khép nép đi lảng ra xa. “Tôi sẽ đuổi theo những người kia,” anh ta nói. “Chúc ông bà ngủ ngon.” Không ai đáp lại.

“Thế ra cô đang ngồi ở đây,” Isak nói. “Có lẽ sẽ ở ngoài thêm chút nữa hả?” Và anh quay lưng trở về nhà. Inger đứng lên và đi theo sau. Và họ đi như thế, người đàn ông đi trước, người vợ theo sau, theo kiểu thẳng ngựa con trước con sau. Họ về nhà.

Hắn Inger đã tìm ra thời gian để suy nghĩ.Ồ, nàng đã tìm ra một cách. “Tôi đang đi theo con cừu cái,” nàng nói. “Tôi thấy nó lại ra ngoài. Rồi một trong số những người thợ tới và giúp tôi tìm. Chúng tôi chỉ vừa ngồi xuống thì anh tới. Bây giờ anh sẽ đi đâu?”

“Tôi à? Có vẻ như tốt hơn tôi nên tự đi tìm con vật.”

“Không, không, đi vào nhà nằm nghỉ đi. Nếu có ai đó phải đi, hãy để tôi. Hãy vào nhà nằm nghỉ, anh cần được nghỉ ngơi. Còn về chuyện đó, con cừu có thể ở nơi nó đang ở, đây không phải là lần đầu.”

“Và để nó bị một con thú rừng nào đó ăn thịt,” Isak nói, rồi lại bước ra.

Inger chạy theo anh. “Đừng, đừng, không đáng làm như thế,” nàng nói. “Anh cần nghỉ ngơi. Hãy để tôi đi.”

Isak nhượng bộ. Nhưng anh không muốn Inger ra ngoài tìm kiếm một mình. Thế là họ cùng nhau đi vào nhà.

Inger quay đi tìm lũ trẻ ngay; đi vào căn phòng nhỏ để thăm hai cậu bé, như thể nàng đã đi ra ngoài vì một việc vặt rất tự nhiên; thật sự, gần như nàng đang cố gắng bù đắp lại cho Isak – như thể nàng mong anh sẽ yêu nàng nhiều hơn nữa vào tối hôm ấy – sau khi nàng đã giải thích mọi chuyện một cách rành mạch như thế. Nhưng không, Isak không dễ bị lay chuyển; anh thà là nhìn thấy nàng hoàn toàn đau khổ và mất tự chủ vì ăn năn còn hơn. Phải, điều đó hẳn sẽ tốt hơn. Điều quan trọng là nàng đã rũ người xuống trong giây lát khi anh tới chỗ nàng ngồi trong rừng; cái khoảnh khắc ngắn ngủi của sự xấu hổ – có gì là tốt nếu tất cả mọi thứ trôi qua quá sớm?

Vào hôm sau, anh cũng rất nhẹ nhàng, và đó là một ngày Chủ nhật; đi ra ngoài để nhìn cái máy cưa, nhìn cái cối xay, nhìn qua những cánh đồng, với bọn trẻ hay một mình anh. Có một lần Inger cố đi cùng với anh nhưng Isak quay đi: “Tôi sẽ đi lên chỗ dòng sông,” anh nói. “Trên đó có một thứ...”

Hẳn nhiên là anh đang có những phiền muộn trong đầu, nhưng anh âm thầm chịu đựng nó, và không tỏ vẻ gì.Ồ, có một cái gì đó thật vĩ đại ở Isak; cũng giống như người Do Thái, được hứa hẹn và cứ bị lừa dối mãi, nhưng vẫn cứ tin tưởng.

Tối thứ Hai sự căng thẳng đã chùng xuống, và cùng với ngày qua, ấn tượng về buổi chiều thứ Bảy bất hạnh ấy phai mờ dần. Thời gian có thể chữa lành nhiều thứ; một xiên thịt, một cốc sữa, một bữa ăn ngon và một đêm ngon giấc, và nó sẽ chữa lành những vết thương tệ hại nhất. Sự phiền muộn của Isak không tệ hại như lẽ ra nó có thể; nói cho cùng, anh không chắc rằng anh có bị đối xử xấu hay không, ngoài ra, anh còn có nhiều việc khác phải nghĩ tới; mùa thu hoạch đang tới gần. Và cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, giờ đây đường điện thoại đã hoàn thành; họ sẽ được sống yên bình trong một khoảng thời gian. Một con đường sáng ánh đèn, một đại lộ của đức vua, đã cắt ngang qua bóng tối của rừng; có những cột điện và dây điện chạy dài qua những ngọn đồi.

Vào ngày thứ Bảy trả lương kế tiếp, đợt trả cuối ở đó, Isak tìm cách đi ra khỏi nhà – anh muốn thế. Anh đi xuống làng với pho mát và bơ, và quay lại vào tối Chủ nhật. tất cả những người thợ đã rời khỏi kho thóc; có nghĩa là gần như tất cả; người đàn ông cuối cùng đã bị trượt lộn nhào ra khỏi sân – có nghĩa là tất cả, trừ kẻ cuối cùng. Isak có thể thấy rằng như thế cũng chưa phải đã an toàn trọn vẹn, vì có một cái bọc còn nằm lại trên sàn kho thóc. Chủ nhân của nó là ai anh không thể nói, và cũng không cần biết, nhưng có một cái mũ lưỡi trai trên cái gói – một sự xúc phạm con mắt.

Isak lẳng cái bọc ra ngoài sân, ném cái mũ theo sau nó, và đóng cửa lại. Rồi anh đi vào chuồng ngựa và nhìn qua cửa sổ. Và nghĩ thế này: “Cứ để cái bọc nằm đó, cứ để cái mũ nằm đó, chúng có thể là của một người. Hẳn là một thứ đồ cặn bã, không đáng cho mình bỏ công” – có thể anh đã nghĩ thế. Nhưng khi gã đó tới nhặt lại cái bọc của mình, y sẽ không thể ngờ rằng Isak có mặt ở đó để nắm chặt cánh tay y và để lại một dấu tím bầm trên cánh tay đó. Còn về việc tặng cho y một cú đá văng ra khỏi nơi đó theo một cách mà y phải nhớ đời – sao chứ, Isak sẽ tặng cho y cả điều đó nữa!

Thế là Isak rời khỏi cánh cửa sổ trong chuồng ngựa, đi trở lại chuồng bò và nhìn ra từ đó, và không thể yên lòng. Cái bọc được buộc chặt bằng dây; cái tên khốn khổ đó không có khóa cho túi của y, và sợi dây đã bung ra – Isak không thể chắc rằng anh có mạnh tay quá với cái bọc đó không. Bất kể thế nào – anh không chắc anh đã hành động một cách đúng đắn hay không. Anh đã ở dưới làng trước đó, xem xét cái máy bừa mới của mình, một cái máy bừa mới toanh mà anh đã đặt hàng – ồ, một cỗ máy diệu kỳ, một thần tượng để tôn thờ, và nó chỉ vừa tới đó. Một vật như thế phải mang theo cùng với nó một phúc lành. Và những quyền năng bên trên, những quyền năng dẫn dắt bước chân của con người, ngay lúc này hẳn đang theo dõi để xem anh có xứng đáng với một phúc lành không. Isak suy nghĩ rất lung về những quyền năng bên trên; phải, anh đã từng tận mắt nhìn thấy Thượng đế, một đêm nọ trong mùa gặt, ở trong rừng; đúng hơn, đó là một hình ảnh lạ lùng.

Isak đi ra ngoài sân và khom người xuống cái bọc. Anh vẫn còn đang nghi ngại; anh đẩy cái mũ của mình về phía sau và gãi đầu, việc này mang tới cho anh vẻ ngoài của một kẻ bất chấp tất cả trong giây lát; một cái gì đó kiêu hãnh và bất cần, như kiểu cách của một người Tây Ban Nha. Nhưng rồi hẳn anh đã suy nghĩ một điều gì đó như thế này: “Không, mình ở đây, và chẳng có chút gì tuyệt vời hay xuất sắc; chỉ là một kẻ thấp hèn.” Thế rồi anh cột chặt cái bọc lại lần nữa, nhặt cái mũ lên, và mang tất cả trở vào kho thóc. Và chuyện đó đã được thực hiện xong.

Khi anh ra khỏi kho thóc và đang trên đường tới chỗ cối xay, cách xa khỏi cái sân, cách xa khỏi mọi thứ, người ta không nhìn thấy Inger ở chỗ cửa sổ của ngôi nhà. Không, vậy thì cứ để nàng ở nơi mà nàng muốn – chắc hẳn nàng đang nằm trên giường – nàng còn ở đâu khác được? Nhưng trong những ngày xưa cũ, trong những năm tháng vô tư đầu tiên đó, Inger không bao giờ nghỉ ngơi, mà ngồi suốt những đêm để chờ đợi anh khi anh đi xuống làng. Giờ đây đã khác hẳn, khác trong mọi cách. Chẳng hạn như khi anh tặng cho nàng cái nhẫn đó. Có thể có một thất bại nào hoàn toàn hơn thế hay không? Isak đã khiếm tốn quá mức, và không dám gọi nó là một chiếc nhẫn vàng.

“Không to tát gì mấy, nhưng cô có thể đeo nó vào ngón tay để thử xem.”

“Nó bằng vàng à?” Nàng hỏi.

“Phải, nhưng chiếc này không dày mấy,” anh nói.

Và tới đây lẽ ra nàng phải trả lời: “Phải, nhưng thật sự nó bằng vàng.” Nhưng thay vì thế nàng đã nói: “Không, nó không dày lắm, nhưng vẫn...”

“Không, nó chẳng có giá trị hơn một chiếc nhẫn cỏ là mấy đâu,” cuối cùng anh nói, và từ bỏ niềm hy vọng.

Nhưng Inger thật sự vui sướng về chiếc nhẫn và đeo nó trên bàn tay phải của nàng, trông rất đẹp khi nàng đang may vá; thỉnh thoảng nàng cho phép những cô gái trong làng đeo thử vào ngón tay của họ một lúc khi họ tới đó để yêu cầu việc này việc nọ. Isak gốc ghẹo – không hiểu rằng nàng tự hào về nó ngoài lời để nói hay sao!...

Chẳng lợi lộc gì khi ngồi đó một mình trong chỗ cối xay, lắng nghe tiếng thác suốt đêm. Isak không làm điều gì sai; anh không có lý do gì để trốn tránh. Anh rời chiếc cối xay, đi qua mấy cánh đồng, và về nhà – bước vào nhà.

Và rồi, đó thực sự là một Isak bẽn lẽn, ngượng ngịu và vui mừng. Brede Olsen ngồi đó, người lảng giềng của anh, và không có ai khác; đang ngồi đó uống cà phê. Phải, Inger đã ngồi dậy, hai người bọn họ chỉ đơn giản và lặng lẽ ngồi đó, nói chuyện và uống cà phê.

“Isak đây rồi,” Inger nói một cách vui vẻ, đứng dậy và rót cho anh một cốc cà phê. “Chào anh,” Brede nói, và cũng vui vẻ như thế.

Isak có thể thấy rằng Brede đã trải qua buổi chiều với toán thợ đường dây, đêm cuối trước khi họ lên đường; y là kẻ tệ nhất về chuyện đó, có lẽ, nhưng khá thân thiện và vui tính. Y hơi khoác lác chút chút, theo cách của mình: thật sự không có thời gian để bận tâm tới công việc đường dây này, nông trại đã chiếm hết cả ngày của người ta – nhưng y không thể từ chối khi viên kỹ sư quá nôn nóng muốn có y. Hóa ra Brede đã nhận công việc thanh tra đường dây.

Không phải vì tiền, tất nhiên, y có thể kiếm được gấp nhiều nhiều lần số tiền đó ở trong làng, nhưng y không muốn từ chối. Và họ đã cho y một cái máy nhỏ gọn gắn lên tường, một vật nhỏ bé lạ lùng, bản thân nó cũng là một loại máy điện thoại.

Phải, Brede là một anh chàng biếng nhác vô tích sự và khoác lác, nhưng Isak không hề có ác cảm gì với y về tất cả những điều đó; anh vô cùng nhẹ nhõm khi tìm thấy người láng giềng của mình trong nhà chiều hôm đó thay vì một người xa lạ. Isak có đầu óc bình tĩnh, những cảm giác, tính khí kiên định và bướng bỉnh của một nông dân; anh tán gẫu với Brede và gật đầu với những lời nông cạn của y. “Thêm một cốc cho Brede,” anh nói. Và Inger rót cà phê.

Inger nói về viên kỹ sư; một con người tốt bụng không thể tả; đã nhìn những hình vẽ và chữ viết của bọn trẻ, thậm chí còn nói gì đó về việc nhận Eleseus vào làm việc dưới quyền ông ta.

“Làm việc với ông ta à?” Isak nói.

“Phải, ra thị trấn. Làm công việc ghi chép các thứ, một viên thư ký trong văn phòng, tất cả chỉ vì ông ta rất hài lòng với chữ viết và hình vẽ của thằng bé.”

“Thế à!” Isak nói.

“Vâng, thế anh bảo sao? Ông ta cũng sẽ xác nhận lại chuyện này. Đối với tôi đây là một điều tuyệt vời.”

“Phải, đúng là một điều tuyệt vời,” Brede nói. “Và khi ông kỹ sư nói ông ta sẽ làm điều gì, ông ta sẽ thực hiện nó. Tôi biết ông ta, và anh chỉ có thể tin ở tôi về chuyện đó.”

“Theo tôi biết thì chúng ta sẽ không có Eleseus để dự phòng cho công việc tại nông trại này nữa,” Isak nói.

Sau đó là một không khí im lặng đau đớn. Isak không phải là một người dễ đối thoại.

“Nhưng nếu chính thằng bé muốn nhận lời,” cuối cùng Inger nói, “và cũng thích như thế thì sao?” Lại im lặng.

Thế rồi Brede nói với một tràng cười rộ: “Tôi ước gì ông ta đề nghị một trong những đứa con của tôi. Tôi có đủ con để dự phòng. Nhưng Barbro là đứa lớn nhất, và nó là con gái.”

“Và là một đứa con gái rất ngoan,” Inger nói, vì lịch sự.

“Phải, tôi không chối điều đó,” Brede nói. “Barbro khá ngoan, và thông minh trong chuyện này chuyện nọ. Nó sắp đến giúp việc ở nhà ngài Lensmand.”

“Tới nhà ngài Lensmand?”

“Vâng, tôi phải cho nó đi. Vợ của ông ta cứ khẳng khẳng về chuyện đó, tôi không thể từ chối.”

Lúc này trời đã sắp sáng, và Brede đứng lên từ ghế.

“Tôi có để một cái bọc và một cái mũ trong kho thóc của anh,” y nói. “Nghĩa là nếu những người kia chưa cuốn nó đi,” y nói thêm với vẻ cợt đùa.

CHƯƠNG XIV

Và thời gian tiếp tục trôi.

Vâng, rốt cuộc Eleseus đã được gửi tới thị trấn; Inger lo liệu chuyện đó. Cậu ở đó một năm, thế rồi cậu được xác nhận, và sau đó có một vị trí thường xuyên trong văn phòng của viên kỹ sư, và ngày càng trở nên giỏi giang hơn trong công việc viết lách các thứ. Cứ xem những lá thư mà cậu gửi về nhà – đôi khi viết bằng mực đỏ và đen, trông gần như những bức tranh. Và cách diễn đạt, những từ mà cậu sử dụng trong đó. Thỉnh thoảng cậu hỏi xin tiền để chi tiêu. Một cái đồng hồ đeo tay và dây đeo, chẳng hạn, cậu phải có nó để không ngủ quên vào buổi sáng và ở lại muộn trong văn phòng; tiền cho một cái tàu và thuốc lá nữa, các viên thư ký trẻ trong thị trấn luôn luôn có những thứ như thế. Và một thứ mà cậu gọi là tiền bỏ túi, một thứ mà cậu gọi là những lớp học thêm, nơi cậu học vẽ, thể dục và những vấn đề khác phù hợp với đẳng cấp và địa vị của cậu. Nói chung, giữ cho Eleseus tiếp tục làm việc trong thị trấn không phải là một vấn đề nhẹ nhàng.

“Tiền bỏ túi à?” Isak nói. ‘Có lẽ đó là tiền để cất giữ trong túi có phải không?”

“Đúng là nó, không còn ngờ gì nữa,” Inger nói. “Để không bị hoàn toàn rỗng túi. Và nó không nhiều lắm, chỉ thỉnh thoảng một Daler thôi.”

“Phải, chỉ có thế,” Isak nói một cách cay nghiệt. “Nay một Daler và mai một Daler...” Nhưng anh cay nghiệt là vì nhớ Eleseus và muốn cậu trở về nhà. “Về lâu dài sẽ tốn khá nhiều đồng Daler,” anh nói. “Tôi không thể tiếp tục như thế này; cô phải viết thư bảo nó rằng nó không thể có thêm nữa.”

“Thế sao, vậy thì rất tốt!” Inger nói với giọng bị xúc phạm.

“Thằng Sivert có khoản tiền bỏ túi nào không?”

Inger đáp: “Anh chưa bao giờ sống trong một thị trấn, và vì thế anh không biết mấy chuyện này. Sivert không cần tiền bỏ túi. Và nói về tiền, Sivert không phải là người thiếu tiền khi ông cậu Sivert của nó chết.”

“Cô không biết đâu.”

“Phải, nhưng tôi biết.”

Và theo cách nào đó điều này khá đúng; ông cậu Sivert đã nói gì đó về việc lập Sivert làm người thừa kế của ông. Ông đã nghe nói về Eleseus và những việc làm to tát của cậu trong thị trấn, và câu chuyện khiến ông không hài lòng; ông gục gặt đầu, cắn môi và lẩm bẩm rằng một đứa cháu họ được đặt theo tên của ông – đặt theo tên ông cậu Sivert – không nên tới nước phải cần tiền. Nhưng khoản gia tài mà ông cậu Sivert được cho là đang sở hữu là gì? Có thật là ngoài cái nông trại lồi thoi và bãi đánh cá của mình ông còn có cả một đồng tiền và tài sản như dân làng thường nghĩ? Không ai có thể nói chắc chắn. Và ngoài chuyện đó ra, bản thân ông cậu Sivert là một người cố chấp; ông dứt khoát rằng nhóc Sivert nên tới ở với ông. Điều này là vấn

đề danh dự đối với ông; ông có thể đón nhận nhóc Sivert và chăm sóc nó, như viên kỹ sư đã làm với Eleseus.

Nhưng làm sao thực hiện được điều đó? Cho nhóc Sivert sống xa nhà? Việc đó miễn bàn. Giờ đây nó là tất cả sự trợ giúp còn lại đối với Isak. Ngoài ra, bản thân cậu bé cũng không mấy mong muốn tới sống với ông cậu nổi tiếng của nó – nó đã cố một lần, nhưng rồi lại quay về nhà. Nó rắn chắc, đang lớn vụt như thổi; lông tơ lún phún mọc trên đôi má, đôi bàn tay to lớn, một đôi nô lệ tự nguyện. Và nó làm việc như một người đàn ông.

Isak khó mà xoay sở làm xong cái kho thóc mới nếu không có sự giúp sức của Sivert, nhưng giờ thì nó đang đứng đó, với chiếc cầu, những lỗ thông hơi các thứ, to ngang với cái kho ở nhà cha xứ. Đúng, nó chỉ là một công trình nửa phần gỗ che phủ bằng ván bìa, nhưng được xây dựng cực kỳ chắc chắn, với những nẹp sắt ở các góc và được phủ quanh bằng thứ ván dày một in-sơ từ cái máy cưa của Isak. Và Sivert đã đóng nhiều đinh, đã nhấc những chiếc xà nặng để dựng khung nhà cho tới lúc nó gần ngất xỉu. Sivert rất hợp tính hợp nết với cha nó, miệt mài làm việc bên cạnh anh; nó được làm ra từ cùng một chất liệu với Isak. Thế nhưng nó vẫn không vượt lên khỏi những cách thức đơn giản như đi lên đồi tìm cây cúc ngãi để chà xát cho có mùi thơm khi tới nhà thờ. Chính bé Leopoldine mới là đứa có những tưởng tượng phong phú trong đầu, một điều rất tự nhiên, vì nó là con gái, và là đứa con gái duy nhất. Mùa hè đó, nếu bạn muốn biết, nó đã phát hiện ra rằng nó không thể ăn cháo yến mạch vào bữa tối mà không có mật đường – đơn giản là không thể. Và nó cũng chẳng giúp ích gì mấy trong bất kỳ loại công việc nào.

Inger vẫn chưa từ bỏ ý tưởng kiếm một người giúp việc; nàng đưa ra vấn đề vào mỗi mùa xuân, và mỗi lần như thế Isak lại bướng bỉnh phản đối. Nàng có thể làm mọi công việc cắt may và dệt, chưa kể đến làm ra những đôi dép thêu, chỉ cần nàng có thời gian cho mình! Và dần về sau, Isak tỏ ra ít cứng rắn hơn trong lời từ chối của anh dù anh vẫn còn cầu nhàu. Trong lần đầu tiên anh đã thốt lên “Thế à!” và nói cả một tràng dài về chuyện đó; không phải là vấn đề đúng sai hay lý lẽ, cũng không phải vì sự kiêu hãnh, mà, lạy Trời! từ sự mệt mỏi, từ sự giận dữ với ý tưởng đó. Nhưng giờ đây dường như anh đang nhượng bộ, như thể thấy xấu hổ.

“Nếu có lúc nào tôi cần đến sự giúp đỡ trong nhà, thì chính là ngay bây giờ,” Inger nói. “Thêm vài năm nữa Leopoldine sẽ đủ lớn để làm việc này việc khác.”

“Sự giúp đỡ?” Isak nói. “Dù sao thì cô muốn được giúp cái gì?”

“Giúp cái gì, thật tình? Chẳng lẽ không phải chính anh cũng đã được giúp đỡ đó sao? Không phải lúc nào anh cũng có Sivert giúp hay sao?”

Isak có thể nói gì với một cuộc cãi cọ vô nghĩa như thế? Anh trả lời: “Phải, được; khi cô có một cô gái ở đây, tôi ngờ rằng cô có thể cày bừa và gặt và lo liệu mọi thứ một mình. Và khi đó Sivert và tôi có thể đi theo đường của chúng tôi.”

“Cứ cho là thế,” Inger đáp. “Nhưng tôi sẽ nói thế này: tôi có thể cho Barbro đến đây ngay bây giờ; trong thư nó gửi về nhà có viết về việc đó.”

“Barbro nào?” Isak hỏi. “Có phải cô muốn nói con gái của Brede?”

“Phải, hiện giờ nó đang ở Bergen.”

“Tôi sẽ không nhận con gái của Brede tới đây,” anh nói. “Bất kể cô nhận ai, tôi không muốn có nó.”

Thế còn tốt hơn là chẳng được gì; Isak chỉ từ chối không nhận Barbro; anh không còn nói rằng họ sẽ không có người hầu nào cả.

Barbro ở trại Breidablik không phải là loại con gái mà Isak chấp nhận; cô hơi hợt và hay dao động hết như cha mình – có lẽ giống cả mẹ cô nữa – một sinh vật bất cần, không có chút tính nết vững vàng nào. Cô không sống lâu tại nhà của vị Lensmand; chỉ một năm. Sau khi làm lễ thêm sức, cô tới giúp việc ở nhà ông chủ tiệm, và ở đó thêm một năm nữa. Ở đây cô trở nên sùng đạo và theo đạo, và gia nhập vào Đội quân Cứu tế khi nó tới làng, đi lại khắp chốn với một cái băng đỏ trên tay áo và vác theo một cây đàn ghi ta. Cô tới Bergen trong trang phục đó, trên con thuyền của người chủ tiệm – đó là hồi năm ngoái. Và cô vừa gửi về nhà một bức ảnh của mình. Isak đã trông thấy nó; một thiếu nữ lạ lùng, với mái tóc uốn quăn và một sợi dây đồng hồ dài lủng lẳng trên ngực. Cha mẹ cô rất tự hào về cô con gái Barbro bé nhỏ, và khoe tấm ảnh với tất cả mọi người tới đó; thật tuyệt khi trông thấy cô đã học hỏi được những cung cách thành thị và tấn tới trong đời như thế nào. Còn về phần cái băng đỏ và cây đàn ghi ta, hình như cô đã từ bỏ chúng.

“Tôi mang theo tấm ảnh và khoe nó với Lensmand phu nhân,” Brede nói. “Bà ấy lại không nhận ra nó.”

“Nó sẽ tới sống tại Bergen chứ?” Isak hỏi một cách ngờ vực.

“Sao, trừ phi nó chuyển tới Christiania [\[8\]](#), có lẽ thế,” Brede nói. “Ở đây có gì cho nó làm đâu? Bây giờ nó có một chỗ làm mới, với tư cách quản gia, cho hai người thư ký trẻ. Họ không có vợ hay phụ nữ của riêng mình, và họ trả cho nó khá tiền.”

“Bao nhiêu?” Isak hỏi.

“Nó không nói chính xác trong thư. Nhưng phải hoàn toàn khác với những gì những cư dân ở đây trả, điều đó là rõ ràng. Sao chứ, nó nhận được quà Giáng sinh, và cả quà trong những dịp khác, chưa kể tới tiền công của nó.”

“Thế à!” Isak nói.

“Anh không thích nó tới đây làm phải không?” Brede hỏi.

“Tôi à?” Isak nói, lùì trở lại.

“Không, tất nhiên rồi, he he! Đó chỉ là một cách nói. Barbro sống khá ổn tại nơi nó đang ở. Tôi định nói gì cà? Anh không nhận thấy có gì không ổn với đường dây đi xuống chứ?”

“Với đường dây điện thoại? Không.”

“Không, không.... Nó không có trục trặc gì nhiều từ khi tôi nhận công việc. Và tôi còn có chiếc máy riêng của mình trên tường để cảnh báo nếu có chuyện gì xảy ra. Vài hôm nữa tôi sẽ đi dọc theo đường dây để xem mọi việc ra sao. Tôi có quá nhiều thứ phải quản lý trông nom, nhiều hơn công việc của một người. Nhưng chừng nào tôi còn làm thanh tra ở đây, và còn giữ một chức vụ chính thức, dĩ nhiên tôi không thể lơ là với những bổn phận của mình. Nếu tôi không

có đường dây, dĩ nhiên... và có thể nó sẽ không kéo dài cho lắm...”

“Sao?” Isak nói. “Anh đang nghĩ tới việc từ bỏ nó à, có lẽ thế?”

“Chà, tôi không thể nói đích xác,” Brede nói. “Tôi chưa hoàn toàn quyết định. Họ muốn tôi chuyển xuống làng trở lại.”

“Ai cần tới anh?” Isak hỏi.

“Ồ, tất cả bọn họ. Ngài Lensmand muốn tôi trở lại làm trợ lý ở đó, còn ông bác sĩ thì muốn tôi đánh xe cho ông ta, và vợ của ông mục sư thì nhiều lần bảo rằng bà ta muốn tôi giúp một tay, nếu như đó không phải là một quãng đường quá xa. Cái dải đất đồi đó thế nào, Isak – cái mảnh đất mà anh đã bán đó? Anh có nhận được nhiều như họ nói hay không?”

“Phải, họ không nói dối,” Isak đáp.

“Nhưng dù sao thì Geissler muốn nó để làm gì cơ chứ? Nó vẫn nằm yên ở đó – một chuyện lạ lùng! Hết năm này sang năm khác và chưa có ai làm gì cả.”

Đó là một chuyện lạ lùng. Bản thân Isak vẫn thường tự hỏi về chuyện đó; anh đã nói chuyện với ngài Lensmand về nó, và hỏi địa chỉ của Geissler, nghĩ là sẽ viết thư cho ông ta... Phải, đó là một điều bí ẩn.

“Tôi không thể nói gì được về chuyện đó,” Isak nói.

Brede không giấu diếm sự quan tâm của y tới vụ mua bán này. “Họ nói rằng ở trên kia còn có nhiều loại đá đó hơn,” y nói, “ngoài chỗ đất của anh ra. Có lẽ trong đất có nhiều hơn mức mà chúng ta biết. Thật đáng tiếc khi chúng ta cứ ngồi đây như những con vật câm và chẳng biết gì về nó. Tôi đã nghĩ tới việc hôm nào đó tôi sẽ đích thân lên đó để nhìn thử xem.”

“Nhưng anh có biết gì về kim loại các thứ hay không?” Isak hỏi.

“Sao, tôi biết chút ít. Và tôi đã hỏi một hai người khác. Dù sao thì tôi cũng phải tìm ra thứ gì đó; tôi không thể sống và duy trì cả gia đình trên cái nông trại bé tí này. Điều đó hoàn toàn không thể được. Với anh thì là chuyện khác vì anh có mọi thứ gỗ đó và đất tốt bên dưới. Đất ở đây xấu quá.”

“Đất đồng cỏ khá tốt,” Isak nói vắn tắt. “Bản thân tôi cũng có thứ đất y hệt vậy.”

“Nhưng ở đây không có mương dẫn nước,” Brede nói... “Người ta không thể làm gì được.”

Nhưng người ta có thể làm được. Hôm đó khi đi xuống con đường Isak đã để ý những khoảng đất trống khác; hai trong số chúng thấp và ở gần làng hơn, nhưng có một mảnh ở xa phía bên trên, nằm giữa Breidablik và Sellanraa – phải, hiện nay người ta bắt đầu khai khẩn chỗ đất này; ngày xưa khi Isak lên đây đầu tiên, tất cả chỉ là đất hoang bỏ phế. Và ba người cư dân mới là dân đến từ một huyện khác; những người có đầu óc, thông qua dáng vẻ mọi thứ. Họ không bắt đầu bằng cách mượn tiền để xây nhà; không, họ lên đây một năm, làm công việc trong mùa rỗi của mình và lại ra đi; biến mất tăm như thể họ đã chết. Đó là cách làm đúng đắn; đào rãnh nước trước tiên, rồi mới cày và gieo hạt. Hiện giờ Axel Ström ở gần đất của Isak nhất, là người láng giềng sát bên của anh. Một anh chàng thông minh, chưa vợ, đến từ Helgeland. Anh ta đã mượn cái bừa mới của Isak để bừa đất, và chưa tới năm thứ hai anh ta đã dựng được một kho chứa cỏ

và một túp lều cho chính mình cùng một cặp gia súc. Anh ta gọi trại của mình là Maaneland, vì trông nó rất đẹp dưới ánh trăng. Bản thân anh ta cũng không có phụ nữ giúp việc, và khó tìm được sự trợ giúp vào mùa hè khi nằm ở một chỗ quá xa, nhưng anh ta đã tìm cách xoay xở được mọi thứ một cách đúng đắn, không còn ngờ gì về chuyện đó. Không như Brede Olsen đã làm, trước tiên dựng một ngôi nhà, rồi kéo lên cả một gia đình lớn với con cái còn bé các thứ, trong khi không có đất hay gia súc gì để kiếm miếng ăn. Brede Olsen thì biết gì về việc dẫn nước vào đồng cỏ và khai phá đất mới?

Tay Brede này biết cách phung phí thời gian của mình. Một hôm y đi ngang Sellanrra, lên chỗ dãy đồi – chỉ đơn giản là tìm các kim loại quý. Chiều hôm đó y quay trở lại; chẳng tìm được thứ gì cụ thể, y bảo, nhưng có những dấu hiệu nhất định, và y gục gặc đầu. Y sẽ sớm quay lên đó, và đi khắp những ngọn đồi, cho tới tận Thụy Điển.

Và đúng vậy, Brede lại quay lên. Y thích việc này, không còn ngờ gì nữa; nhưng lần này y gọi đó là công việc của đường dây – phải đi lên và xem xét toàn bộ tuyến đường. Trong lúc ấy vợ và các con của y ở nhà coi sóc nông trại, hoặc để mặc nó tự trông nom lấy chính nó. Isak thấy muốn bệnh và mệt mỏi vì những cuộc viếng thăm của Brede nên bỏ ra khỏi phòng mỗi khi y tới; thế là Inger và Brede thường ngồi trò chuyện vui vẻ với nhau. Họ có thể nói về chuyện gì được nhỉ? Brede thường xuống làng, và luôn có những tin mới để kể cho những nhân vật lớn dưới đó nghe; mặc khác, Inger luôn có thể rút ra nhiều chuyện từ chuyến hành trình nổi tiếng của nàng tới Trondhjem và thời gian nàng ở đó. Nàng đã trở nên lắm chuyện trong những năm xa nhà, và luôn sẵn sàng tán chuyện bao đồng với bất kỳ ai. Không, nàng không còn là Inger thẳng thắn, giản dị của ngày xưa nữa.

Nhiều thiếu nữ và phụ nữ tiếp tục đến Sellanrra để nhờ cắt một tấm váy hay may một đường viền dài bằng chiếc máy may, và Inger đã giúp họ tiêu khiển khá tốt. Oline lại tới, không thể ngăn được điều đó, có lẽ; vào cả mùa xuân lẫn mùa thu; nói năng nhã nhặn, mềm như bơ và hoàn toàn giả dối. “Chỉ để xem mọi thứ ở chỗ cô thế nào,” mỗi lần tới bà đều nói thế. “Và tôi rất mong nhìn thấy hai cậu bé, tôi rất mến chúng, chúng là những thiên thần. Phải, giờ chúng đã là những anh chàng to lớn, nhưng thật lạ lùng... tôi không thể quên được lúc chúng còn nhỏ và được tôi chăm sóc. Và hai người lại tiếp tục xây cất ở đây, biến nơi này thành cả một thị trấn. Có lẽ sẽ có một cái chuồng để kéo ở mái kho thóc nữa cũng nên, giống như ở nhà vị cha xứ.”

Có lần Oline tới và mang theo một phụ nữ khác, và hai người bọn họ cùng Inger có một ngày thú vị với nhau. Càng có nhiều người ngồi quanh Inger càng cắt may tốt hơn, nàng trở tài biểu diễn, múa may chiếc kéo và thoăn thoắt đưa chiếc bàn ủi lại qua. Nó nhắc nàng nhớ tới cái nơi mà nàng đã học được những thứ nghệ thuật này; đó là ở Trondhjem. Có vẻ như nàng không hề ở tù gì cả, theo cách thông thường, mà là đã theo học trong một học viện, nơi người ta có thể học cách may, dệt và viết chữ, ủi đồ và nhuộm vải – tất cả những thứ đó nàng đã học được ở Trondhjem. Nàng nói về nơi đó như nói về quê nhà; ở đó nàng quen biết rất nhiều người, những viên giám thị, nữ đốc công và người dự học; trở về đây lại thật là chán chường trống vắng và khổ sở khi tự phát hiện ra nàng hoàn toàn bị cắt rời khỏi cuộc sống và xã hội mà nàng đã trở quen thuộc. Thậm chí có đôi lần nàng còn vờ như bị cảm lạnh – không thể chịu nổi không khí rét buốt ở đây; suốt nhiều năm sau khi quay về nàng ít khi làm các công việc bên ngoài trong tất cả các mùa. Nàng thật sự cần một người giúp việc chính vì những công việc bên

ngoài đó.

“Phải, Trời cứu vớt chúng ta,” Oline nói, “và tại sao cô không thể thật sự có một người hầu chứ, khi cô có đủ của cải và học vấn và cả một ngôi nhà đẹp các thứ thế này!”

Thật vui sướng khi tìm được sự đồng cảm, và Inger không từ chối nó. Nàng làm việc ở chiếc máy của mình cho tới khi chỗ đó rung lên và chiếc nhẫn trên ngón tay nàng sáng lấp lánh.

“Đấy, cô có thể tự mình thấy,” Oline nói với người phụ nữ đi cùng bà. “Đúng như tôi đã nói, Inger cô ta đeo một chiếc nhẫn trên ngón tay.”

“Dì có muốn xem nó không?” Inger nói và tháo nó ra.

Dường như Oline vẫn còn ngờ vực; bà xoay xoay nó trong những ngón tay của mình như một con khỉ với một quả hạch, nhìn vào cái nhẫn hiệu. “Phải, đúng như tôi nói: Inger với tất cả những của cải và sự giàu có của cô ta.”

Người phụ nữ kia cầm chiếc nhẫn với sự tôn kính và mỉm cười một cách khép nép. “Chị có thể đeo thử nó một lúc nếu muốn,” Inger nói. “Đừng sợ, nó không bị vỡ ra đâu.”

Inger tỏ ra tử tế và tốt bụng. Nàng kể cho họ nghe về ngôi nhà thờ ở Trondhjem, và bắt đầu như thế này: “Có lẽ hai người chưa từng nhìn thấy ngôi nhà thờ ở Trondhjem? Không, hai người chưa từng tới đó!” Và như thế đó là ngôi nhà thờ của riêng nàng, từ cái cách nàng ca tụng nó, khoác lác về nó, kể cho họ nghe chiều cao và chiều rộng; nó là một sự diệu kỳ! Bảy vị linh mục có thể đứng đó giảng đạo cùng một lúc và không bao giờ nghe thấy nhau. “Và tôi cho là hai người chưa hề nhìn thấy cái giếng của Thánh Olaf? Nó nằm ngay chính giữa nhà thờ, về một phía, và đó là một cái giếng sâu không đáy. Khi chúng tôi tới đó, mỗi người chúng tôi cầm theo một hòn đá nhỏ và gieo nó xuống giếng, nhưng nó không bao giờ chạm tới đáy.”

“Không bao giờ chạm tới đáy?” Hai người đàn bà thì thầm, lúc lắc đầu.

“Và ngoài ra còn có cả ngàn thứ khác trong ngôi nhà thờ đó,” Inger cảm thán một cách vui sướng. Bắt đầu là cái rương bạc. Nó chính là cái rương bạc của chính đức Thánh Olaf linh thiêng. Nhưng Thánh đường Cẩm thạch – đó là một thánh đường nhỏ xíu hoàn toàn bằng cẩm thạch nguyên chất – những người Đan Mạch đã cướp nó khỏi chúng ta hồi chiến tranh...”

Đã tới giờ hai người phụ nữ phải đi. Oline kéo Inger sang một bên, dẫn nàng đi vào phòng chứa thức ăn nơi bà biết cất giữ tất cả những thói pho mát, và đóng cửa lại. “Gì thế?” Inger hỏi.

Oline thì thầm: “Os-Anders, hắn không dám tới đây nữa. Tôi đã bảo với hắn.”

“Thế à!” Inger nói.

“Tôi đã bảo hắn nếu như hắn dám, sau những gì hắn đã gây ra cho cháu.”

“Phải,” Inger nói. “Nhưng hắn từng đến đây nhiều lần trước đó. Và hắn có thể đến nếu muốn, tôi không sợ.”

“Không, đúng là thế,” Oline nói. “Nhưng tôi biết những gì mình biết, và nếu cháu muốn, tôi sẽ buộc tội hắn.”

“Thế à!” Inger nói. “Không, dì chẳng việc gì phải làm chuyện đó. Không đáng bỏ công đâu!”

Nhưng không phải nàng không vui khi có Oline đứng về phía mình; việc đó làm nàng tổn một thời pho mát, chắc chắn, nhưng Oline hết lời cảm ơn nàng: “Đúng như tôi nói, đúng như tôi luôn luôn nói: Inger, cô ta cho với cả hai bàn tay; cô ta không hề miễn cưỡng, không hề hà tiện! Không, có lẽ cháu không sợ gì Os-Andres, nhưng tôi đã cấm chỉ hẳn không được tới đây nữa. Đó là việc tối thiểu mà tôi có thể làm cho cháu.”

Thế rồi Inger nói: “Dù sao đi nữa, có tổn hại gì nếu hẳn tới? Hẳn không thể làm tôi tổn thương được nữa.”

Oline vênh đôi tai lên: “Thế sao, cháu đã học được cách nào đó, có lẽ?”

“Tôi sẽ không bao giờ có con nữa,” Inger đáp.

Tới đó họ ngưng lại, mỗi người đều nắm trong tay con bài chủ tốt không kém người kia: vì Oline đang đứng đó biết rất rõ rằng gã người Lapp Os-Anders đã chết vào ngày hôm trước...

Vì sao Inger lại bảo sẽ không có con nữa? Nàng không có gì hục hặc với chồng, cuộc sống giữa họ không hề có gì bất đồng mâu thuẫn – có thể nói như thế. Họ có những cách thức nhỏ nhặt của riêng mình, nhưng hiếm khi cãi vã nhau, và nếu có cũng không kéo dài; chẳng bao lâu họ lại làm hòa với nhau. Và nhiều khi đột nhiên Inger trở lại giống như dạo trước, chăm chỉ làm việc ở chuồng bò hay trên đồng; như thế nàng đã khỏe khoắn trở lại. Và vào những lúc như thế Isak nhìn vợ anh với đôi mắt biết ơn; giá như anh là loại người có thể nói ngay ra những gì mình trong đầu, hẳn là anh đã nói: “Ừm. Vậy là sao hả?” hoặc câu nào đó đại loại, chỉ để chứng tỏ rằng anh cảm kích điều đó. Nhưng anh đợi quá lâu, và lời khen của anh đến quá muộn. Vì thế, không còn ngờ gì nữa, Inger cảm thấy không đáng bỏ công, và không quan tâm tới việc tiếp tục nữa.

Hẳn là nàng có thể sinh con cho tới quá năm mươi; hiện tại, có lẽ nàng đã gần bốn mươi. Nàng đã học hỏi được tất cả mọi thứ ở học viện – chẳng lẽ nàng cũng học được cách tự lừa dối chính mình? Nàng đã quay về, được đào tạo học hành cẩn thận sau mỗi quan hệ lâu dài với những phụ nữ giết người khác; có lẽ những người đàn ông cũng đã dạy cho nàng đôi điều gì đó – những tù nhân, những vị bác sĩ. Một hôm nàng nói với Isak những gì một y sĩ trẻ từng nói về tội ác bé nhỏ của nàng: “Vì sao giết trẻ con lại là một tội phạm – phải, ngay cả những trẻ con mạnh khỏe? Nói cho cùng, chúng chẳng là gì cả ngoài một đồng thịt.”

Isak hỏi: “Vậy không phải bản thân anh ta cũng độc ác một cách khủng khiếp hay sao?”

“Anh ta!” Inger cảm thán, và bảo anh ta đã tốt đến thế nào đối với bản thân nàng; chính anh ta đã nhờ một bác sĩ khác giải phẫu miệng cho nàng và giúp nàng trở lại thành người. Giờ người ta chỉ nhìn thấy một cái sẹo mà thôi.

Phải, chỉ một cái sẹo. Và nàng là một phụ nữ đẹp theo cách của mình, cao ráo, không quá béo, da ngăm, với mái tóc dày; vào mùa hè hầu như nàng chỉ đi chân không, với mép váy vén cao; Inger không sợ người khác nhìn thấy bắp chân mình. Isak nhìn chúng – vì ai có thể không nhìn chúng cho được!

Họ không hề cãi lầy nhau, không. Isak không giỏi cãi cọ, và vợ anh đã trở nên nhanh trí hơn

trong việc đối đáp lại. Với Isak, một cuộc cãi cọ ra trò phải mất một thời gian lâu mới nổ ra, anh là một kẻ lù đù chậm chạp; anh thấy mình bị mắc bẫy trong những lời nói của nàng, và gần như không nói được gì; ngoài ra, anh rất yêu mến nàng – Isak là một tình nhân mãnh liệt. Và thường là anh không có nhu cầu đối đáp lại. Inger không có gì để phàn nàn; anh là một ông chồng tuyệt hảo theo nhiều cách, và nàng để cho anh yên. Nói cho cùng nàng phải than phiền về điều gì cơ chứ? Isak không phải là một người có thể coi thường; rất có thể nàng đã lấy phải một người tệ hơn. Anh có mệt mỏi không? Đúng, đôi khi anh tỏ ra mệt mỏi, nhưng không có gì nghiêm trọng. Anh vẫn còn cường tráng, đầy sức lực chưa lãng phí, giống như bản thân nàng, và vào mùa thu đó, trong đời sống vợ chồng của họ, ít nhất anh cũng hoàn thành vai trò của mình một cách say đắm không kém gì nàng.

Nhưng phải chăng ở anh không có gì đẹp đẽ hay tôn quý? Không. Và ở đây nàng trở thành người vượt trội. Có lẽ đôi khi Inger cũng thầm nghĩ nàng đã từng gặp gỡ những người đàn ông đẹp hơn; những quý ông đẹp trai với những gậy ba-toong, những khăn tay và những cổ áo hồ cứng – ôi, những quý ông ở thị trấn đó! Vì thế nàng giữ Isak tại vị trí của anh, đối xử với anh, như trong thực tế, không hơn mức anh xứng đáng. Anh chỉ là một nông phu, một anh chàng quê mùa cục mịch của chốn đồng hoang; giá như ngay từ đầu miệng nàng được như bây giờ hẳn nàng sẽ không bao giờ chọn anh; chắc chắn là như vậy! Ngôi nhà anh đã trao nàng, cuộc sống anh đã dâng tặng nàng, khá là nghèo nàn; ít nhất nàng cũng đã có thể lấy ai đó ngay tại làng của mình; và sống giữa những láng giềng bạn hữu, thay vì ở đây như một kẻ bơ vơ giữa rừng hoang. Giờ đây nó không còn là nơi chốn cho nàng; nàng đã học được cách nhìn cuộc đời theo cách khác.

Thật lạ lùng khi một người có thể đi tới chỗ nhìn mọi thứ một cách khác hẳn! Giờ đây Inger không thấy vui thú gì trong việc ngắm nghía một con bê mới đẻ; nàng không còn vỗ tay kinh ngạc khi Isak từ trên đồi đi xuống với một giỏ cá to; không, nàng đã sống suốt sáu năm giữa những điều to tát hơn. Và gần đây thậm chí nàng đã thôi không còn dịu nhẹ ngọt ngào khi gọi anh vào ăn tối. “Thức ăn đã sẵn sàng, anh có vào không?” là tất cả những gì nàng nói bây giờ. Và nghe nó không hay ho chút nào. Thoạt tiên Isak thấy hơi thắc mắc, đó là một cách nói kỳ lạ; một cách nói chịu-hay-không tệ hại, không có chút quan tâm. Và anh đáp: “Sao, tôi không biết là nó đã sẵn sàng.” Nhưng khi Inger chỉ ra rằng dù sao đi nữa ắt hẳn anh phải biết, hoặc có thể đoán ra, bằng vị trí mặt trời, anh không nói thêm gì, và để cho mọi chuyện trôi đi.

A, nhưng có lần anh nắm được thóp của nàng và tận dụng nó – đó là khi nàng cố lấy trộm tiền của anh. Isak không phải là người bủn xỉn theo cách đó, nhưng rõ ràng đó là tiền của anh. Ái chà, lần ấy suýt chút nàng đã gặp vạ to! Nhưng ngay cả khi ấy, không chính xác Inger là người hoàn toàn xấu xa; nàng cần tiền cho Eleseus – cho đứa con trai Eleseus yêu quý của nàng ở thị trấn, một lần nữa đang hỏi xin đồng Daler của nó. Chả lẽ để cho nó sống ở đó giữa những người sang trọng với những cái túi rỗng không? Nói cho cùng, nàng có trái tim của một bà mẹ. Trước tiên nàng hỏi xin tiền của cha nó, và thấy rằng điều này chẳng hay ho gì, nên đã tự lấy tiền. Không biết Isak đã nảy sinh ngờ vực từ trước hay chỉ tình cờ phát hiện ra – dù sao đi nữa, nó đã bị phát hiện. Và đột nhiên Inger thấy mình bị xiết chặt bởi hai cánh tay, bị nhấc bổng khỏi nền nhà, và ngã đánh oạch lại xuống nền nhà. Đó một chuyện lạ thường và kinh khủng – một kiểu mưa xối xả. Giờ đây đôi bàn tay của Isak không hề yếu ớt, không hề mệt mỏi. Inger rên lên một tiếng, đầu nàng gật ra sau, nàng run rẩy và trả lại số tiền.

Ngay cả khi ấy Isak cũng nói rất ít, dù Inger không cố cản ngăn anh nói. Những gì anh đã nói đều dứt khoát, như thường lệ, trong một hơi thở khó khăn: “Hừ! Cô... cô không xứng đáng ở trong ngôi nhà này!”

Nàng hầu như đã biết về anh trở lại. Ôi chao, nhưng đó hẳn phải là một nỗi cay đắng đã tích tụ từ lâu và không thể đè nén xuống.

Một ngày khổ sở, một đêm dài, và một ngày đi hoang. Isak ra khỏi nhà và nằm ở bên ngoài, vì cần phải đưa cỏ khô vào kho, Sivert cũng ở ngoài với cha nó. Inger có bé Leopoldine và lũ gia súc làm bạn; nhưng nàng thấy lẻ loi vì tất cả những chuyện đó, gần như khóc suốt buổi và lúc lắc đầu với chính mình. Trong suốt đời mình trước đó, chỉ có một lần duy nhất nàng cảm thấy xúc động đến vậy, và ngày đó lại hiện về trong tâm trí; đó là khi nàng nằm trên giường mình và bóp nghẹt một đứa bé mới chào đời.

Isak và con trai đi đâu? Họ không hề ở không; không, họ đã rời khỏi công việc cắt cỏ khoảng một ngày đêm, và đã đóng một con thuyền trên hồ. Ồ, một con thuyền thật thô kệch và xấu xí, nhưng chắc chắn và tốt như những gì họ đã từng làm; giờ họ đã có một con thuyền và có thể đi đánh cá bằng lưới.

Khi họ về tới nhà cỏ đã được phơi khô. Họ đã lừa ý Trời bằng cách tin vào nó, và không mất mát gì; họ đã có được nhờ nó. Và khi Sivert chìa một cánh tay ra và nói: “Ồ! Mẹ đã phơi khô cỏ!” Isak nhìn ra những cánh đồng và nói “Ừm.” Isak để ý thấy rằng một số cỏ khô đã bị chuyển đi; lúc này hẳn Inger phải ở nhà để làm bữa trưa. Thật sự nàng đã làm rất tốt khi đưa cỏ vào kho, sau khi anh đã khinh bỉ nàng ngày hôm trước và nói “Hừ!” Cỏ khô không phải là nhẹ; hẳn nàng phải làm việc khá vất vả, ngoài ra, còn phải vắt sữa mọi con bò cái và dê... “Vào nhà và ăn chút gì đi,” anh nói với Sivert.

“Cha không vào nhà sao?”

“Không.”

Một lát sau, Inger bước ra, đứng khép nép trên bậc cửa và bảo:

“Nếu anh nghĩ tới bản thân mình một chút, hãy vào nhà và ăn chút gì đi.”

Isak càu nhàu khi nghe thấy thế và nói “Ừm.” Dù sao thì cũng thật kỳ lạ khi Inger tỏ ra nhún nhường đến nỗi sự cố chấp của anh bị lung lay.

“Nếu anh có thể gắn thêm vài cái răng vào chiếc cào cỏ của tôi, tôi có thể tiếp tục với mớ cỏ khô,” nàng bảo. Phải, nàng bước tới bên chồng mình, vị chủ nhân của chốn này, để yêu cầu một điều, và biết ơn rằng anh đã không khước từ nó một cách khinh miệt.

“Cô đã làm đủ rồi,” anh nói, “cào cỏ và đánh xe chở về các thứ.”

“Không, chưa đủ.”

“Dù sao thì bây giờ tôi không có thời gian để sửa cái cào. Cô có thể thấy chẳng bao lâu nữa trời sẽ mưa.”

Và Isak đi làm công việc của anh.

Không ngờ gì nữa, tất cả những lời đó là để ngăn nàng khỏi làm việc cực nhọc; vì vài phút bỏ

ra để chữa cái cào cỏ sẽ được bù đắp gấp mười lần bằng cách để cho Inger tiếp tục làm việc. Dù sao, Inger cũng bước ra với cái cào cỏ, và làm công việc phơi cỏ với sự hăng say. Sivert tới với con ngựa và cỗ xe, cùng cắm cúi làm, mồ hôi đầm đìa, và cỏ khô đã được đưa hết vào kho. Đó là một việc tốt, và Isak một lần nữa chìm vào suy nghĩ về những quyền năng trên cao đã dẫn dắt tất cả những đường đi nước bước của chúng ta – từ việc lấy cắp một Daler cho tới việc thu hoạch cỏ khô. Ngoài ra, con thuyền đang nằm đó; sau một thời gian dài nghĩ tới nó nhiều lần, con thuyền đã được hoàn thành; nó nằm đó, trên hồ.

“Vâng, tạ ơn Trời đất!” Isak nói.

[\[8\]](#) Tức Oslo, thủ đô của Na Uy ngày nay.

CHƯƠNG XV

Đó là một buổi chiều hoàn toàn khác lạ: một bước ngoặt. Inger đã đi chệch khỏi đường suốt một thời gian dài; và một cú nhấc bổng lên khỏi sàn nhà đã đặt nàng trở lại đúng chỗ của mình; Không bên nào nhắc tới chuyện đã xảy ra. Sau đó Isak cũng thấy xấu hổ với chính mình – tất cả chỉ vì một Daler, một món tiền vặt vãnh, mà nói cho cùng hẳn anh đã cho nàng, vì bản thân anh cũng vui lòng cho đứa con trai số tiền đó. Và thế này nữa – không phải số tiền đó cũng là của chính Inger hay sao? Có một thời điểm Isak thấy tới lượt anh trở nên nhún nhường.

Có nhiều loại thời gian xảy đến. Một lần nữa, hẳn tâm trí của Inger đã thay đổi, có vẻ là thế; một lần nữa nàng trở nên khác hẳn; dần dà quên đi những cung cách lịch thiệp của mình và biến thành một con người mới: người vợ của một kẻ khai hoang, đứng đắn, trầm tư như nàng đã từng là thế trước kia. Hãy nghĩ xem, một cú xiết mạnh tay của một gã đàn ông có thể tạo nên những điều kỳ diệu đến thế! Nhưng điều đó đúng; đây là một phụ nữ khỏe mạnh, khá biết điều, nhưng đã bị thời gian giam hãm lâu ngày trong một không khí giả tạo làm cho hư hỏng và lệch lạc – và nàng đã húc đầu vào một người đàn ông đứng vững vàng trên đôi chân của anh ta. Chưa phút giây nào anh rời khỏi vị trí tự nhiên của mình trên mặt đất, trên đất đai. Không gì có thể lay chuyển được anh.

Có nhiều loại thời gian. Năm kế tiếp hạn hán lại tới, chậm rãi giết chết sinh vật cỏ cây và bào mòn lòng can đảm của con người. Lúa đứng đó và teo quắt lại; khoai tây – thứ khoai tây kỳ diệu – chúng không bị teo quắt lại nhưng cứ ra hoa, ra hoa mãi. Những cánh đồng cỏ chuyển thành màu xám nhưng khoai tây thì vẫn cứ ra hoa. Những quyền năng trên cao dẫn dắt mọi thứ, không còn ngờ gì nữa, nhưng những cánh đồng đang chuyển thành màu xám.

Rồi một hôm Geissler tới – cuối cùng cựu Lensmand Geissler đã tới. Thật tốt khi biết rằng ông chưa chết và lại xuất hiện. Nhưng bây giờ ông tới để làm gì?

Qua vẻ ngoài của ông, lần này Geissler không mang theo những điều ngạc nhiên lớn; không mua những quyền khai mỏ, mang theo những hồ sơ và các thứ đại loại. Ông ăn mặc tuềnh toàng, mái tóc và bộ râu của ông đã ngã bạc, và khỏe mắt ông đỏ hơn trước. Ông cũng không đem theo người nào để đeo các thứ của ông mà chỉ cất những giấy tờ của ông trong túi, thậm chí không có cả một cái túi xách.

“Xin chào,” Geissler nói.

“Xin chào,” Isak và Inger đáp lại. “Thật hân hạnh tiếp đón ngài!”

Geissler gật đầu.

“Và xin cảm ơn về tất cả những gì ngài đã làm lần đó ở Trondhjem,” Inger nói thêm.

Isak gật đầu khi nghe thấy thế và nói: “Phải, cả hai chúng tôi chịu ơn ngài về việc đó.”

Nhưng việc bày tỏ những cảm giác và tình cảm không phải là cách thức của Geissler, ông nói: “Vâng, tôi chỉ đi ngang qua để sang Thụy Điển.”

Với mọi rắc rối trong đầu họ do cơn hạn hán, những người chủ trại Sellanraa vui mừng gặp lại Geissler; họ cho ông thứ tốt nhất họ có và rất hân hoan làm những gì họ có thể làm cho ông sau tất cả những điều ông đã làm.

Xem ra bản thân Geissler không có rắc rối gì; ông ta trở nên nói nhiều ngay lập tức, nhìn ra những cánh đồng và gặt đầu. Ông vẫn vươn thẳng người như mọi lúc và trông như thể có tới vài trăm Daler trong túi. Việc ông có mặt ở đó khiến cho họ phấn chấn và làm mọi thứ sáng sủa hẳn lên; ông không phải là kẻ chọc cười âm ỉ, mà chỉ là một người nói năng linh hoạt.

“Sellanraa, một nơi đẹp đẽ, một nơi tuyệt diệu,” ông nói. “Và giờ đây đã có những kẻ khác lần lượt tới đây, từ khi anh khởi đầu, Isak ạ. Bản thân tôi đếm được năm. Có thêm ai nữa không?”

“Bảy tất cả. Có hai người không thể nhìn thấy từ chỗ con đường.”

“Bảy hộ dân; cứ cho là năm mươi người. Sao, chẳng bao lâu quanh vùng này sẽ đông đúc dân cư. Và anh đã có một trường học rồi, tôi nghe thấy thế?”

“Phải, chúng tôi có.”

“Đó, tôi đã nói gì nhỉ? Một trường học cho chính các bạn, nằm bên dưới trại của Brede, ngay chặng giữa. Hãy hình dung Brede với tư cách một chủ trại trong vùng đất hoang!” Và Geissler cười rộ với ý nghĩ đó. “Phải, tôi đã nghe thấy mọi chuyện về anh, Isak ạ; anh là người giỏi nhất ở đây. Và tôi mừng vì điều đó. Anh đã có cả một cái máy cưa phải không?”

“Phải, nó chỉ thế thôi. Nhưng nó phục vụ chúng tôi khá tốt, và thỉnh thoảng tôi cưa cho những người dưới làng chút đỉnh.”

“Hoan hô! Đó là cách làm đúng!”

“Tôi mừng vì nghe thấy những gì ngài nghĩ về nó, Lensmand ạ, nếu thế hẳn ngài cũng muốn tự mình nhìn thấy cái máy cưa.”

Geissler gặt đầu với dáng vẻ của một chuyên gia; vâng, ông sẽ xem qua nó, kiểm tra nó cẩn thận. Rồi ông hỏi: “Anh có hai cậu con trai, phải không, đứa kia thế nào? Trong thị trấn? Thư ký trong một văn phòng? Ừm,” Geissler nói. “Nhưng còn thằng bé này thì trông có vẻ là loại cường tráng đây, cháu tên là gì?”

“Sivert.”

“Còn đứa kia?”

“Elseus.”

“Và nó làm trong văn phòng của một kỹ sư. Nó cho rằng sẽ học hỏi được gì ở đó? Một công việc chết đói. Tới với tôi còn tốt hơn nhiều,” Geissler nói.

“Phải,” Isak nói, vì lịch sự. Vào lúc đó anh cảm thấy thương hại cho Geissler. Ồ, trông như thể con người tốt bụng đó không thể có đủ tiền để thuê những viên thư ký; phải tự mình làm việc vất vả. Cái áo khoác của ông đã rách tả tơi ở đôi cổ tay áo.

“Ngài không có đôi tất dài nào khô ráo để mang sao?” Inger hỏi, và mang ra một đôi của chính nàng. Chúng có từ những ngày đẹp nhất của nàng; đẹp và mỏng, với một đường viền.

“Không, cảm ơn,” Geissler nói ngắn gọn, dù hẳn ông đã bị ướt sũng cả người. “Nó tới với tôi thì tốt hơn nhiều,” ông lặp lại, nói về Eleseus. “Tôi rất cần tới nó.” Ông móc từ trong túi ra một hộp đựng thuốc lá nhỏ bằng bạc và dùng những ngón tay đùa nghịch nó. Có lẽ nó là vật có giá trị duy nhất mà ông còn giữ lại lúc này.

Nhưng Geissler rất hiếu động, luôn thay đổi từ thứ này sang thứ khác. Ông nhét cái hộp lại vào túi và bắt đầu một chủ đề mới. “Nhưng, đó là gì thế? Sao, những cánh đồng trở thành xám cả thế ư. Tôi nghĩ đó là vì bóng râm. Đơn giản là đất đã khô rang. Đi theo ta, Sivert.”

Ông đột ngột rời khỏi bàn, không nghĩ gì tới thức ăn nữa, quay người lại từ cửa để nói “Cảm ơn” với Inger về bữa ăn, và biến mất, Sivert đi theo ông.

Họ đi ra sông, Geissler nhìn ngó một cách chăm chú xung quanh. “Đây rồi!” ông kêu lên và dừng lại. Rồi ông giải thích: “Tại sao lại để cho đất của cháu khô rang khi cháu có một dòng sông đủ lớn để nhấn chìm nó trong một phút? Ngày mai, cánh đồng đó sẽ xanh!”

Hoàn toàn ngạc nhiên, Sivert đáp: “Dạ.”

“Đào xéo từ đây, thấy không? Trên một triền dốc. Mặt đất bằng; phải tạo ra một loại kênh dẫn nước. Cháu có một cái máy cưa ở đó, ta cho rằng cháu có thể tìm được vài tấm ván dài từ đâu đó? Tốt! Chạy đi và lấy một cái cuốc chim và một cái thuổng, và bắt đầu từ đây; ta sẽ quay lại và đánh dấu một đường chính xác.”

Ông chạy trở về nhà, đôi ủng của ông kêu ì ọp, vì chúng hoàn toàn ướt sũng. Ông bảo Isak làm những cái ống, thật nhiều ống, để đặt ở những nơi đất không nên bị cắt nhỏ ra bởi những mương dẫn nước. Isak cố phản đối rằng nước không thể chảy xa đến thế; đất khô sẽ hút hết nó trước khi nó tới những cánh đồng khô hạn. Geissler giải thích rằng việc đó chỉ xảy ra trong một thời gian; đầu tiên đất phải uống chút ít, nhưng rồi dần dần nước sẽ chảy tiếp – “đồng lúa và đồng cỏ sẽ xanh vào giờ này ngày mai.”

“Thế sao!” Isak nói, và quay sang lấy hết sức nện chặt những tấm ván dài.

Geissler lại vội vã quay ra chỗ Sivert: “Đúng thế, cứ làm như thế. Không phải mình đã bảo nó là một tay cường tráng hay sao? Cứ theo những cái cọc này, cháu hiểu không, ở nơi ta đã đánh dấu. Nếu cháu đục phải đất đá cuội hoặc đá tảng thì ngoặt sang và đi vòng qua nó, nhưng phải giữ độ bằng, cùng một độ sâu; cháu hiểu ý ta không?”

Rồi ông lại quay về với Isak: “Thế là đã xong một cái. Tốt! Nhưng chúng ta cần có nhiều hơn, có lẽ khoảng nửa tá. Cứ thế mà làm, Isak; anh thấy đó, vào ngày mai chúng ta sẽ có mọi thứ đều xanh. Chúng ta đã cứu được mùa màng của anh!” Và Geissler ngồi bệt xuống đất, vỗ đầu gối với cả hai bàn tay, vui vẻ, trò chuyện, suy nghĩ trong những khoảng thời gian nhanh như chớp mắt. “Có nhựa hắc ín, xơ dây thừng hay bất kỳ thứ gì đó ở trại không? Tuyệt lắm, có đủ mọi thứ. Anh thấy đó, khi bắt đầu những con mương này sẽ bị rò rỉ ở những chỗ rìa, nhưng sau một thời gian gỗ sẽ nở ra, và chúng sẽ kín như một cái chai. Xơ dây thừng và nhựa hắc ín, cho là anh cũng có! Cái gì? Anh bảo là đã đóng một con thuyền hả? Nó ở đâu? Ở trên chỗ hồ nước? Tốt! Tôi phải nhìn qua nó một cái.”

Ồ, Geissler đúng là con người đầy hứa hẹn. Nhẹ nhàng đến, nhẹ nhàng đi – và dường như ông tạo ra nhiều ồn ào hơn trước. Ông làm việc theo từng đợt, nhưng khi làm thì làm với một tốc

độ điên cuồng. Nói cho cùng, ở ông có một sự ưu việt hơn người nhất định. Đúng, ông có hơi cường điệu – việc làm cho mọi thứ xanh tươi trở lại vào giờ này ngày mai như ông đã nói là điều bất khả thi, dĩ nhiên, nhưng với tất cả những điều đó, Geissler là một con người sắc sảo, xét đoán và quyết định một cách mau lẹ: vâng, Geissler là một con người kỳ lạ. Và chính ông chứ không ai khác đã cứu vãn được mùa màng năm đó ở Sellanraa.

“Anh đã cưa được bao nhiêu rồi? Không đủ. Anh càng đặt nhiều gỗ, nước sẽ càng chảy nhanh hơn. Nếu được, cưa chúng với độ dài hai mươi hoặc hai mươi lăm bộ. Ở trại có tấm ván nào dài cỡ đó không? Tốt, mang chúng ra đây. Anh sẽ thấy mình được đền đáp thế nào vào mùa thu hoạch!”

Ông lại hiểu động không yên, lại chạy lên chỗ Sivert lần nữa. “Đó là cách làm, anh bạn Sivert ạ; cứ tiếp tục tốt như thế. Cha cháu đang chế ra những cống nước như một nhà thơ, có nhiều hơn mức ta từng nghĩ. Hãy chạy về và mang đến một ít, và chúng ta sẽ bắt đầu.”

Suốt buổi chiều hôm ấy là một quãng thời gian vội vã; Sivert chưa bao giờ trông thấy một công việc điên cuồng đến thế; nó chưa quen nhìn thấy mọi thứ được hoàn thành ở nhịp độ đó. Họ gần như không có thời gian để ăn. Nhưng nước đã chảy rồi! Ở chỗ này chỗ khác họ phải đào sâu hơn, một cái cống phải được nâng lên hay hạ xuống, nhưng nước đã chảy. Ba người đàn ông làm cho tới khuya, dính chặt vào công việc và hăng hái rà tìm bất kỳ sai sót nào. Nhưng khi nước bắt đầu thấm lên trên những chỗ đất khô nhất, có một nỗi hân hoan vui sướng ở Sellanraa. “Tôi quên đem theo cái đồng hồ,” Geissler nói. “Mấy giờ rồi không biết? Phải, vào giờ này ngày mai nó sẽ xanh tươi!”

Vào nửa đêm Sivert trở dậy để xem mọi thứ diễn biến ra sao và thấy cha nó cũng đã ra khỏi nhà với cùng một mục đích.Ồ, nhưng đó là một thời gian ly kỳ – một ngày của những sự kiện lớn lao!

Nhưng vào hôm sau Geissler nằm lại trên giường cho tới gần giữa trưa, bây giờ khi công việc đã xong ông mệt đừ người. Ông không buồn dậy để xem con thuyền trên hồ; còn về điều mà ông đã nói hôm trước, ông sẽ không bao giờ bận tâm tới việc nhìn cái máy cưa. Ngay cả những công việc tưới tiêu cũng kém làm ông quan tâm hơn lúc đầu – và khi ông thấy rằng cả đồng lúa lẫn đồng cỏ đều không trở nên xanh tốt trong thời gian một đêm, ông nản chí, không bao giờ nghĩ tới việc nước đã chảy thế nào, đã chảy suốt thời gian đó, và ngày càng lan xa hơn trên mặt đất. Ông thoái lui một chút và bảo: “Cần có thời gian. Có lẽ các bạn sẽ không thấy thay đổi nào trước ngày mai. Nhưng mọi chuyện sẽ tốt đẹp, đừng lo.”

Muộn hơn trong ngày Brede Olsen thơ thẩn tới; y mang tới một số mẫu đá để nhờ Geissler xem. “Và lần này có một thứ gì đó khác với bình thường, theo tôi nghĩ,” Brede nói.

Geissler không thèm nhìn mấy hòn đá. “Đó là cách anh quản lý một nông trại hay sao,” ông hỏi một cách khinh miệt, “lang thang trên những ngọn đồi để tìm một gia tài?”

Rõ ràng giờ đây Brede không nghĩ tới việc bị người sếp cũ của mình đưa vào công việc; y gay gắt trả lời, không có chút kính trọng nào, đối xử với viên cựu Lensmand như một người ngang hàng: “Nếu ông nghĩ tôi quan tâm tới những gì ông nói...”

“Anh vẫn không có đầu óc hơn trước chút nào,” Geissler nói. “Khi cứ lãng phí thời gian của

mình như thế.”

“Thế bản thân ông thì sao?” Brede đáp. “Ông thì thế nào, tôi muốn biết? Ông có một cái mỏ của mình ở đây, và ông đã làm được gì với nó? Hử! Nằm đó chẳng làm gì. Phải, ông là loại người có một cái mỏ, phải không? Hề hề!”

“Cút khỏi chỗ này ngay,” Geissler nói. Và Brede không ở lại lâu. Y vác những mẫu đá, lên đường để tiếp tục cuộc lang thang của mình, không một lời chào tạm biệt.

Geissler ngồi xuống và bắt đầu xem những tờ giấy với vẻ trầm ngâm. Dường như ông đang bị sốt, và lúc này đang muốn xem xét qua công việc của cái mỏ đồng, tờ hợp đồng, những phân tích. Đó là quặng tốt, gần như là đồng nguyên chất; ông phải làm gì đó với nó, và không để cho mọi thứ trôi đi.

“Thật sự tôi lên đây là để xử lý toàn bộ chuyện này,” ông nói với Isak. “Tôi đã nghĩ tới chuyện bắt tay vào công việc ở đây, và sẽ sớm làm chuyện đó. Tìm nhiều người để làm việc và điều hành công việc một cách đúng đắn. Anh nghĩ sao?”

Isak thấy tiếc cho người đàn ông này, và không muốn nói bất cứ điều gì chống lại chuyện đó.

“Đây là một vấn đề có liên quan cả tới anh, anh biết đó. Tất nhiên là có nhiều thứ bức mình; sẽ có nhiều người ở quanh đây, và đôi khi sẽ hơi ồn ào lộn xộn. Và việc đánh mìn trên những ngọn đồi. Tôi không biết anh có thích điều đó hay chẳng. Mặt khác, sẽ có nhiều người hơn trong huyện nơi chúng ta bắt đầu, và anh sẽ có một thị trường tốt sát ngay bên cạnh để bán các sản phẩm nông trại và các thứ tương tự. Tự đưa ra giá của chính anh nữa.”

“Phải,” Isak nói.

“Ngoài ra còn có phần chia của anh trong cái mỏ. Anh sẽ kiếm được một tỷ lệ phần trăm cao, anh biết đó. Một khoản tiền lớn, Isak ạ.”

Isak đáp: “Ngài đã trả cho tôi rất hậu, và nhiều hơn mức cần thiết...”

Sáng hôm sau Geissler lên đường, vội vã đi về hướng đông để sang Thụy Điển. “Không, cảm ơn,” ông nói ngắn gọn khi Isak đề nghị đi cùng ông. Gần như là một nỗi đau khi tiễn ông lên đường trong bộ đồ nghèo nàn đó, đi bộ và chỉ có một mình. Inger đã sắp sẵn một gói thức ăn cho ông mang theo, tất cả đều ngon lành như nàng có thể làm, và cả những cái bánh xối đặc biệt. Thậm chí như thế cũng còn chưa đủ; nàng có thể cho ông thêm một bình kem và nhiều trứng gà, nhưng ông không muốn mang theo chúng, và Inger thấy thất vọng.

Bản thân Geissler hẳn cũng thấy khó chịu khi rời Sellanraa mà không trả tiền cho những thứ ông nhận được như ông vẫn thường làm; vì thế ông vờ như mình đã trả; vờ như thế ông đã trả một tờ tiền giấy lớn, và nói với bé Leopoldine: “Đây, bé con, có thứ này cho cháu nữa đây.” Và ông trao cho nó một cái hộp bằng bạc, cái hộp đựng thuốc lá của ông. “Cháu có thể rửa sạch nó và dùng nó để cắt những cây kim gút và các thứ,” ông nói. “Thật sự nó không phải là một món dùng để làm quà. Nếu tôi ở nhà, tôi có thể tìm cho nó một thứ gì đó khác; tôi có cả đồng các thứ...”

Nhưng công trình dẫn nước của Geissler vẫn còn lại sau khi ông đã ra đi; nó nằm đó, hết ngày lại đêm, tuần này sang tuần khác, tạo nên những điều kỳ diệu; những cánh đồng lúa biến thành

màu xanh, khoai tây thôi ra hoa, lúa vươn cao ngọn...

Những người khai hoang từ các hộ xa bên dưới bắt đầu tới đó, tất cả đều nôn nao được đích thân nhìn thấy điều kỳ diệu. Axel Ström – người láng giềng ở trại Maaneland, người không có vợ và không có phụ nữ nào giúp đỡ mà chỉ tự xoay xở lấy – cả anh ta cũng đến. Hôm đó anh có tâm trạng vui vẻ; anh kể cho họ nghe anh vừa nhận được lời hứa của một cô gái sẽ tới giúp suốt mùa hè – và việc đó đã cất khỏi tâm trí anh một gánh nặng. Anh không nói cô gái đó là ai, và Isak không hỏi, nhưng đó chính là Barbro, con gái của Brede. Phải tốn tiền một cú điện tín tới Bergen để gọi cô về; nhưng Axel trả tiền, dù anh không phải loại người hoang phí, mà đúng hơn, là một anh chàng keo kiệt.

Chính cái công trình dẫn thủy đã lôi cuốn anh tới hôm đó; anh đã xem xét nó kỹ càng từ đầu này tới đầu kia, và rất thích thú. Trên đất của anh không có sông lớn, nhưng anh có một con suối; anh cũng không có ván để làm cống nước, nhưng anh sẽ đào mương trong lòng đất; nó có thể thực hiện được. Cho tới lúc đó, mọi thứ trên đất của anh chưa tới mức hoàn toàn tệ hại vì nó nằm thấp dưới những chân đồi; nhưng nếu cơn hạn hán tiếp tục, cả anh cũng phải làm hệ thống tưới tiêu. Khi đã nhìn thấy điều mình muốn, anh lên đường quay về ngay lập tức. Không, anh sẽ không vào nhà, không có thời gian; anh sẽ bắt đầu đào mương ngay chiều hôm đó. Và thế là anh lên đường.

Điều này hoàn toàn khác với cung cách của Brede.

Ồ, Brede, giờ này có thể y đang chạy khắp các nông trại để thông tin: hệ thống dẫn thủy kỳ diệu ở Sellanraa! “Không lợi lộc gì khi làm lụng quá nhiều trên đất của bạn,” y nói. “Hãy nhìn Isak trên kia; anh ta đào và đào thật dài cho tới lúc cuối cùng anh ta có nước cho toàn bộ mảnh đất.”

Isak rất nhẩn nại, nhưng nhiều lần anh ước gì anh có thể tổng khứ cái gã cứ quanh quẩn khắp Sellanraa với những lời khoác lác của y. Brede đặt hết chỗ dựa vào đường dây điện thoại; chừng nào y còn là một công chức, bốn phần của y là giữ tuyến đường ổn định. Nhưng công ty điện thoại đã nhiều lần khiển trách y về tội lơ là, và một lần nữa đề nghị giao công việc đó cho Isak. Không, không phải đường dây điện là thứ cứ nằm suốt trong đầu óc của Brede mà là cái mỏ quặng trên dãy đồi; bây giờ đó là ý tưởng duy nhất của y, một chứng nghiệm.

Dạo này y thường xuyên tạt vào Sellanraa, tin chắc rằng y đã tìm thấy kho báu; y thường gật đầu và nói: “Tôi chưa thể nói với anh về nó được, nhưng tôi không ngại nói rằng lần này tôi đã tìm ra một thứ gì đó đáng chú ý.” Tất cả những lãng phí thời gian và năng lượng đó chẳng để làm gì. Và khi quay về ngôi nhà nhỏ của mình vào chiều tối, y sẽ quẳng xuống sàn nhà một bao tải nhỏ đựng những mẫu đá, và phì phèo hút thuốc sau một ngày làm việc, như thể không người nào có thể lao động nhọc nhằn hơn thế cho miếng ăn mỗi ngày của mình. Y trồng một ít khoai tây trên đất chua lẫn than bùn, và cắt những bụi cỏ tự mọc trên mặt đất quanh nhà – đó là công việc nhà nông của Brede. Y chưa bao giờ được sinh ra để làm một nông dân, và chỉ có thể có một kết cục duy nhất cho tất cả chuyện này. Mái nhà của y đã rơi thành từng mảng, và những bậc thềm dẫn tới nhà bếp đã bị hủy hoại do ẩm thấp; một tảng đá mài nằm trên mặt đất, và cỗ xe ngựa vẫn bị bỏ mặc không che chắn ngoài trời.

Có lẽ Brede là người may mắn, vì những vấn đề nho nhỏ như thế không bao giờ khiến y phải

bận lòng. Khi lũ con lăn phiến đá mài của y để chơi đùa, y rất tử tế và khoan dung, thậm chí còn đích thân giúp chúng lăn phiến đá. Một con người xuề xòa dễ chịu, lười nhát, không bao giờ nghiêm túc, nhưng cũng không bao giờ nản chí, một tính cách nhu nhược, vô trách nhiệm; nhưng y cũng xoay xở để có thức ăn cho bản thân và gia đình từng ngày một; bằng cách nào đó đã xoay xở được. Nhưng không thể hy vọng rằng người chủ tiệm có thể tiếp tục nuôi sống Brede và gia đình của y mãi được; ông ta đã nói thế nhiều lần với chính Brede, và giờ đây ông ta nói câu đó với sự nghiêm chỉnh. Brede thừa nhận rằng ông ta đúng, và hứa sẽ xoay chuyển tình thế – y sẽ bán nông trại của mình, và rất có khả năng kiếm được một khoản tiền kha khá từ nó – và sẽ thanh toán những gì y mắc nợ ở cửa tiệm!

Ồ, nhưng dù thế nào thì Brede cũng sẽ bán, ngay cả khi lỗ vốn; một nông trại thì có hay ho gì đối với y? Y lại thấy nhớ ngôi làng, nhớ cuộc sống dễ chịu la cà ngồi lê đôi mách ở đó, và nhớ cái cửa hàng nhỏ, nó hợp với y hơn là cầm cuì làm việc ở đây và cố quên đi thế giới bên ngoài.

Làm sao y có thể quên những cây thông Noel và những buổi tiệc tùng, hoặc những buổi đại tiệc quốc gia vào ngày Quốc khánh, hoặc những quầy hàng phúc thiện bày trong những căn phòng họp? Y thích trò chuyện với những người cùng đẳng cấp, trao đổi những tin tức và quan điểm, nhưng ở đây thì có ai để mà trò chuyện? Dường như Inger ở trại Sellanraa là người thuộc loại của y trong một thời gian, nhưng rồi cô ta đã thay đổi – giờ đây không thể moi từ miệng cô ta lấy một từ. Ngoài ra, cô ta từng bị ở tù; và với một người ở địa vị của y – không, điều đó không bao giờ có.

Không, y đã phạm sai lầm khi rời khỏi làng; nó đã thải bỏ y. Y ghi nhớ với lòng ganh ghét rằng vị Lensmand đã có một trợ lý khác, và vị bác sĩ đã có một người khác đánh xe cho ông ta; y đã bỏ chạy khỏi những người cần mình, và giờ đây khi y không còn ở đó, họ đã xoay xở được mà không cần tới y. Nhưng những người đó đã chiếm chỗ của y – dĩ nhiên là họ không giỏi giang cho lắm. Nói một cách chính xác, y, Brede, nên quay về làng trong chiến thắng!

Rồi còn có Barbro – vì sao y ủng hộ ý tưởng đưa con gái lên giúp việc ở Sellanraa? Ờ, đó là sau khi bàn bạc với vợ y. Nếu mọi chuyện diễn tiến tốt, điều này có nghĩa là một tương lai tốt cho cô gái, có lẽ là một tương lai của loại người như họ. Việc làm quản gia cho hai thư ký ở Bergen nói chung là ổn, nhưng ai có thể nói được về lâu dài nó sẽ nhận được từ việc đó cái thứ gì? Barbro là một thiếu nữ xinh xắn, và thích làm đẹp; nói cho cùng, ở đây có thể là một cơ hội tốt hơn cho nó. Vì ở Sellanraa có hai cậu con trai.

Nhưng khi Brede thấy rằng kế hoạch này sẽ không bao giờ tiến triển, y nhắm vào một kế hoạch khác. Nói cho cùng, việc kết hôn với nhà Inger không phải là một mẻ cá lớn – Inger, người đã từng ở tù. Và còn có những chàng trai khác có thể nghĩ tới ngoài hai cậu con trai ở Sellanraa, chẳng hạn như Axel Ström. Cậu ta có một nông trại và một túp lều riêng. Cậu ta là một người biết cốp nhặt dành dụm và xoay xở từng chút một để làm chủ một số gia súc và các thứ đại loại, nhưng chưa có vợ và không có người phụ nữ nào giúp đỡ. “Được, tôi không ngại nói với cậu, nếu cậu nhận Barbro, nó sẽ là tất cả sự trợ giúp cậu cần,” Brede đã nói với cậu ta. “Nhìn xem, đây là hình của nó; cậu có thể thấy đó.”

Và sau khoảng một tuần, Barbro tới. Axel đang vào giữa mùa cắt cỏ khô và phải cắt cỏ vào ban ngày và phơi cỏ vào ban đêm, tất cả chỉ một mình. Thế rồi Barbro tới! Đây là một thứ của

Trời cho. Barbro sớm chứng tỏ rằng cô không ngại làm việc; cô giặt quần áo, lau chùi rửa ráy các thứ, nấu ăn, vắt sữa và giúp việc ngoài đồng cỏ – cô giúp vác cỏ khô về kho. Axel đã quyết định trả cho cô một khoản tiền công cao và không hề mất mát về chuyện đó.

Ở đây cô không chỉ là một bức ảnh của một thiếu nữ xinh đẹp. Thân hình Barbro thẳng và thanh mảnh, giọng hơi khàn, tỏ ra có đầu óc và kinh nghiệm trong nhiều cách khác nhau – cô không phải là một đứa trẻ con. Axel tự hỏi điều gì đã khiến cho mặt cô gầy và hốc hác đến thế. “Tôi đã biết em nhờ nét mặt,” anh nói; “nhưng trông em không giống bức ảnh.”

“Đó chỉ là vì chuyển đi,” cô đáp, “và việc sống trong thị trấn trong suốt thời gian đó.”

Và thật thế, chẳng bao lâu cô đã trở nên tròn trịa và dễ nhìn trở lại. “Hãy ghi nhớ lời tôi về chuyện này,” cô nói, “một cuộc hành trình và nếp sống trong thị trấn như thế sẽ làm anh bị giảm sức khỏe chút đỉnh.” Cô cũng nói bóng gió về những thứ cám dỗ của cuộc sống ở Bergen – người ta phải cẩn thận khi ở đó. Nhưng trong khi họ ngồi trò chuyện, cô nài xin anh mua một tờ báo – một tờ nhật báo Bergen – để cô có thể đọc chút ít và xem tin tức của thế giới. Cô đã quen với việc đọc, nhà hát và âm nhạc, và một nơi như thế này thật là buồn tẻ.

Axel hài lòng với những kết quả của sự trợ giúp mùa hè này, và đặt mua một tờ báo. Anh cũng thấy chán với những cuộc thăm viếng thường xuyên của gia đình Brede, những người thường tạt vào chỗ của anh và ăn uống. Anh nôn nóng chứng tỏ rằng anh cảm kích cô gái giúp việc này. Và còn có điều gì có thể xinh đẹp hơn, chất phác hơn là hình ảnh Barbro ngồi đó trong một chiều Chủ nhật, dạo những sợi dây đàn và ca hát đôi chút với giọng khàn khàn? Axel cảm động vì mọi thứ, vì những bài ca lạ lùng, êm ái, vì cái thực tế giản đơn rằng đã có ai đó thật sự ngồi đó hát trong cái nông trại nghèo nàn của anh.

Đúng, trong suốt mùa hè anh đã học cách biết thêm những khía cạnh khác trong tính cách của Barbro, nhưng nhìn chung anh thấy hài lòng. Cô có những mê thích của mình và đôi khi có thể trả lời một cách hấp tấp; hơi quá nhanh trong việc đáp lời. Chẳng hạn chiều thứ Bảy đó, khi Axel phải xuống làng để mua sắm vài thứ, Barbro đã làm sai khi rời khỏi túp lều và đàn gia súc, bỏ mặc trang trại. Họ có đôi lời qua lại về chuyện đó. Và cô đã đi đâu? Chỉ là về nhà cô, về Breidablik, nhưng vẫn... Khi Axel trở về lều đêm đó, Barbro không có ở đó; anh kiểm lại đàn gia súc, tự nấu thứ gì đó cho mình rồi đi ngủ. Tới sáng Barbro mới về đến. “Tôi chỉ muốn xem việc bước trở lại trên một sàn gỗ nó như thế nào thôi,” cô khinh khỉnh nói. Và Axel không thể nghĩ ra điều gì để nói, thấy rằng anh chỉ có một túp lều cỏ với một cái sàn nhà đất nện. Tuy nhiên anh cũng nói rằng nếu thế thì anh có thể kiếm vài mảnh ván, và chắc chắn anh sẽ có một ngôi nhà với một cái sàn gỗ khi có thời cơ! Barbro có vẻ ăn năn khi nghe anh nói thế; cô không phải hoàn toàn không tốt. Và vì hôm đó là Chủ nhật, cô đi ngay vào rừng và hái những cành bách xù tươi để trải lên sàn đất nện.

Và rồi, khi thấy cô tốt bụng và xử sự một cách dễ thương đến thế, Axel còn có thể làm gì khác hơn là lôi ra chiếc khăn trùm đầu mà anh đã mua cho cô vào chiều hôm trước, dù anh đã nghĩ tới việc giữ nó thêm một thời gian, để nhận được đôi chút lòng tôn trọng đền đáp lại từ cô. Và trông kìa! Cô rất hài lòng với nó, trùm thử nó ngay – phải, cô quay sang anh và hỏi trông cô trùm nó có đẹp không. Vâng, thật sự trông cô rất xinh đẹp; và cô có thể đội cái mũ lông cũ của anh nếu thích, và trông cô rất đẹp với cái mũ! Barbro cười rộ và cố nói đôi điều thật sự tốt đẹp

để đáp lại; cô nói: “Tôi thích đi nhà thờ và họp nhóm đạo với chiếc khăn này hơn nhiều so với đội một cái mũ. Ở Bergen, dĩ nhiên, chúng tôi luôn luôn đội mũ – tất cả ngoại trừ những người hầu gái đến từ miền quê.”

Lại là bạn của nhau, một cách tốt đẹp.

Khi Axel đưa ra tờ nhật báo anh đã nhận ở trạm bưu cục, Barbro ngồi xuống đọc các tin tức trên thế giới: một vụ trộm ở một cửa hàng trang sức trên một đường phố ở Bergen, một cuộc cãi lộn giữa hai người gipxi ở một phố khác; một phát hiện kinh khủng ở cảng – thi hài của một trẻ sơ sinh gói trong một chiếc áo sơ mi cũ với hai tay áo đã bị cắt rời. “Tôi tự hỏi ai có thể làm chuyện đó?” Barbro nói. Và cô cũng đọc bản giá cả thị trường, như cô luôn làm thế.

Mùa hè cứ thế trôi đi.

CHƯƠNG XVI

Sellanraa có những thay đổi lớn.

Người ta không còn nhận ra nơi này như nó hồi đầu nữa: máy cưa, cối xay lúa, và đủ các loại các kiểu công trình xây cất – vùng đất hoang vu giờ đã là miền quê có người cư ngụ. Và còn có nhiều thứ hơn nữa để mà tới đó. Nhưng có lẽ Inger là điều lạ lùng nhất trong số đó; nàng đã thay đổi thật nhiều, lại trở nên tốt đẹp và thông minh giỏi dẫn.

Bản thân sự kiện lớn lao hồi năm ngoái, khi mọi thứ đã đi tới hồi nguy kịch, có lẽ gần đủ để biến đổi những cung cách lơ là đến đoảng của nàng; thỉnh thoảng có những lần tái phạm, như khi nàng nhận ra mình lại bắt đầu nói về “học viện” và ngôi nhà thờ ở Trondhjem.Ồ, những điều rất ư ngây thơ; và nàng tháo chiếc nhẫn ra, hạ mép chiếc váy tảo bạo xuống vài phân. Nàng đã trở nên trầm tư, trang trại yên tĩnh hơn và các cuộc thăm viếng ít đi; những cô gái và phụ nữ dưới làng giờ đây hiếm khi tới, vì Inger không còn quan tâm mong mỏi gặp họ. Không ai có thể sống giữa vùng đất hoang vu lại có thời gian cho những thứ ngu xuẩn đó. Hạnh phúc và sự vô lý là hai điều khác hẳn nhau.

Trong vùng hoang địa, mỗi mùa đều có những điều kỳ diệu, nhưng luôn luôn, không hề thay đổi, là cái âm thanh mênh mang trầm trọng đó của đất trời, cái cảm giác bị vây quanh tứ phía, bóng tối của khu rừng, vẻ đẹp của các loài cây cối. Mọi thứ đều nặng nề và mềm mại, không có ý nghĩ nào là bất khả ở đó. Ở phía bắc Sellanraa có một cái hồ nhỏ, một vũng nước đơn thuần, không lớn hơn một vũng nước mưa. Ở đó có những con cá nhỏ tí hon không bao giờ lớn hơn, sống và chết ở đó và không hề có dụng ích gì – Lạy Trời! Không có dụng ích gì trên trái đất. Một chiều Inger đứng ở đó lắng nghe tiếng chuông cổ bò; mọi thứ quanh nàng như đã chết, nàng không nghe thấy thứ gì; thế rồi có một bài ca vọng lên từ hồ nước. Một bài ca nho nhỏ, rất khẽ khàng, hầu như không hiện hữu, hầu như lạc mất. Đó là bài ca của những con cá tí hon.

Ở Sellanraa họ có một điều may mắn, cứ mỗi mùa xuân và mùa thu họ có thể nhìn thấy những con ngỗng xám bay thành từng đàn bên trên vùng hoang địa; nghe thấy tiếng kêu trò chuyện của chúng vọng lại giữa không trung – đó là một cuộc trò chuyện rôm rả. Và như thế trái đất đứng yên trong khoảnh khắc, cho tới khi đội hình của chúng đã bay qua. Và những linh hồn của con người bên dưới, khi đó họ có cảm thấy một sự yếu đuối lướt xuyên qua họ? Họ quay lại với công việc của mình, nhưng trước hết phải hít sâu lấy một hơi thở; có thứ gì đó đã nói với họ, thứ gì đó từ phía bên ngoài.

Những điều kỳ diệu lúc nào cũng ở xung quanh họ; vào mùa đông có những vì sao; cũng trong mùa đông, thường có những vầng bắc cực quang, một bầu trời của những đôi cánh, một đám cháy lớn trong những lâu đài của Thượng đế. Thỉnh thoảng, không thường xuyên lắm, họ nghe thấy tiếng sấm. Đa số nó đến vào mùa thu, và đó là một sự vật tối tăm và trang nghiêm đối với con người và súc vật; những con thú ăn cỏ gần nhà túm tụm lại với nhau và đứng chờ đợi. Chúng khom đầu xuống – để làm gì? Chờ giây phút cuối cùng? Và con người, con người

đứng giữa chốn hoang vu với mái đầu cúi xuống, đang chờ đợi gì, khi sắp tới? Chờ đợi cái gì?

Mùa xuân, phải, với sự vội vã, niềm hân hoan vui sướng bốc đồng của nó; nhưng còn mùa thu! Nó gọi lên một nỗi sợ bóng tối, xui khiến người ta đọc kinh cầu nguyện buổi chiều; có những hình ảnh quanh quất và những cảnh báo trong không trung. Vào mùa thu, người ta có thể ra ngoài một hôm nào đó để kiểm tìm một điều gì đó – đàn ông thì tìm một súc gỗ cho công việc của mình, đàn bà thì đuổi theo gia súc chạy rong sau khi nắm mọc lên: họ sẽ trở về nhà với nhiều bí mật trong đầu. Họ có vô tình dẫm lên một con kiến, nghiền nát phần thân sau của nó dính sát vào con đường, vì thế phần thân trước của nó không thể tự giải phóng cho nó? Hoặc có bước quá gần một cái tổ gà gô trắng, khiến con gà gô mẹ phải kêu rít lên và lao tới họ? Ngay cả những cây nấm bò [\[9\]](#) to lớn cũng không hề hoàn toàn vô nghĩa; không chỉ đơn thuần là một khoảng trống màu trắng trong con mắt. Loài nấm lớn này không ra hoa, nó không chuyển động, nhưng có gì đó đang đảo lộn trong dáng vẻ của nó; nó là một con quái vật, một vật giống như một lá phổi đứng đó, sống động và trần trụi – một lá phổi không có một thân hình.

Cuối cùng Inger trở nên chán nản, cảnh vật hoang vu đè nặng xuống nàng, nàng trở nên sùng đạo. Làm thế nào nàng có thể chống lại nó? Không ai có thể chống lại nó giữa chốn đồng hoang; cuộc sống ở đó không chỉ là công việc và cuộc sống trần thế nhọc nhằn; còn có lòng mộ đạo, nỗi sợ hãi cái chết và những điều mê tín dị đoan. Có lẽ Inger cảm thấy rằng nàng có nhiều lý do để sợ sự phán xét của đất trời hơn những người khác, và nó không trôi lướt qua nàng; nàng biết Thượng đế đi quanh như thế nào trong buổi xế chiều để xem xét cõi hoang vu của ngài với đôi mắt huyền bí; phải, ngài sẽ tìm thấy nàng. Nàng không thể đổi thay nhiều lắm trong cuộc sống hàng ngày của mình; đúng, nàng có thể chôn giấu chiếc nhẫn vàng của nàng xuống tận đáy một rương quần áo, nàng có thể viết thư cho Eleseus và bảo nó cũng nên theo đạo; sau đó, nàng không còn tìm ra điều gì khác ngoài việc làm tốt công việc của mình và không để cho bản thân ăn không ngồi rồi. Phải, còn có một điều; nàng có thể ăn mặc những áo quần khiêm tốn, chỉ thắt thêm một dải ruy băng xanh quanh cổ vào những ngày Chủ nhật. Sự nghèo túng này là giả tạo, không cần thiết – nhưng nó là sự thể hiện của một loại triết lý, tự hạ nhục mình, khắc kỷ. Dải ruy băng xanh không còn mới; nó được cắt ra từ một cái mũ mà bé Leopoldine không còn đội vừa nữa; nó bị phai màu ở chỗ này chỗ khác, và, nói thật, hơi bẩn chút xíu – giờ đây Inger đeo nó như là một mẫu trang sức khiêm nhường vào những ngày linh thánh. Phải, có lẽ nàng đã trở nên phi lý, giả vờ nghèo nàn, cố gắng noi theo một cách giả tạo những người cùng khổ sống trong những nơi chốn tồi tàn bẩn thỉu; nhưng thậm chí là thế – sự trốn chạy của nàng có vĩ đại hơn không nếu món trang sức khốn khổ đó là thứ tốt nhất của nàng? Hãy để cho nàng sống an lành, nàng có quyền sống an lành!

Nàng thực hiện một cách tốt đẹp quá mức mọi thứ và chăm chỉ hơn mức cần thiết. Trong trại có hai người đàn ông, nhưng Inger nắm ngay lấy cơ hội khi cả hai đi xa khỏi trại, tự mình bắt tay vào việc cưa gỗ; và đâu là ý nghĩa tốt đẹp của việc tự hành xác theo cách đó? Nàng là một tạo vật không quan trọng, có giá trị quá bé nhỏ, năng lực của nàng quá tầm thường; sẽ không ai chú ý tới việc nàng sống hay chết trong khu vực này, trong quốc gia này, mà chỉ tại nơi đây, giữa vùng đất hoang vu. Ở đây, nàng gần như vĩ đại – kẻ vĩ đại nhất, ở mọi mức độ; và có thể nàng nghĩ rằng mình xứng với mọi sự trừng phạt mà nàng tự đưa ra và chịu đựng. Chồng nàng bảo:

“Sivert và tôi, chúng tôi đã nói chuyện về việc này; chúng tôi sẽ không cho cô چرا gỗ và tự làm cho mình kiệt sức.”

“Tôi làm nó vì lương tâm,” Inger đáp.

Lương tâm! Một lần nữa từ này khiến Isak trầm ngâm. Anh đã tiến bộ hơn theo năm tháng, suy nghĩ chậm chạp nhưng chắc chắn khi anh muốn đạt tới bất cứ điều gì. Lương tâm phải là thứ gì đó khá mạnh mẽ nếu nó có thể đảo ngược hoàn toàn Inger như thế. Và dù thế nào đi nữa, câu nói của Inger cũng tạo ra một thay đổi trong anh; anh nắm bắt được nó từ nàng, trở nên thuần tính, và suy ngẫm nhiều hơn. Cuộc sống nặng nề và lạnh lùng vào mùa đông ấy; anh tìm sự cô độc, tìm một nơi ẩn náu. Để dành dụm những cây gỗ của mình anh đã mua thêm một mảnh rừng bên cạnh của nhà nước, chạy thẳng về hướng Thụy Điển, với một số cây gỗ tốt, và giờ đây anh đồn hạ gỗ một mình, từ chối mọi sự giúp đỡ. Sivert được lệnh ở nhà để ngăn mẹ nó không được làm việc quá nhiều.

Và cứ thế, trong những ngày đông ngắn ngủi, Isak lên đường tới chỗ làm trong bóng tối và trở về nhà trong bóng tối; không phải lúc nào cũng có trăng hay bất kỳ một vì sao nào, và đôi khi lối mòn anh đi vào buổi sáng có thể bị tuyết che phủ khi đêm xuống, vì thế anh gặp khó khăn trong việc tìm đường. Và một chiều nọ đã có chuyện xảy ra.

Anh đã về tới gần nhà; trong ánh trăng sáng tỏ anh có thể nhìn thấy Sellanraa đứng đó trên sườn đồi, tách biệt khỏi khu rừng, nhưng trông bé nhỏ và chìm sâu trong đất, vì tuyết đã tạo thành một mô cao quanh những bức tường. Bây giờ anh đã có nhiều gỗ hơn, và Inger cùng lũ trẻ sẽ ngạc nhiên khi nghe thấy anh làm gì với nó – một tòa nhà tuyết vời anh đã xây cất sẵn trong đầu. Anh ngồi xuống mặt tuyết nghỉ chốc lát, để trông không có vẻ mệt nhọc khi về tới nhà.

Vạn vật quanh anh im lìm, và Thượng đế đang ban phúc lành trên sự tĩnh lặng, trầm tư này, vì nó không là gì khác ngoài sự tốt lành! Isak là một người cần lao, đang ngồi trong một khoảng trống giữa rừng, và anh nhìn lướt qua mặt đất, tự hỏi lần sau sẽ phát quang gì tiếp; nhắc bỏ những tảng đá nặng khỏi tâm trí của anh – Isak có một tài năng thật sự đối với việc đó. Giờ đây anh biết có một khoảnh đất sâu, lộ thiên trên mảnh đất của mình; nó chứa đầy quặng; luôn có những lớp màng kim loại trên từng vũng nước nhỏ ở đó – và bây giờ anh sẽ đào nó. Anh đánh dấu những khoảnh vuông vắn bằng đôi mắt, lên kế hoạch cho tất cả, xét suy tất cả, chúng sẽ trở nên xanh tươi màu mỡ; với anh điều đó giống như là điều đúng đắn và trật tự, và ngoài ra còn là một niềm vui sướng...

Anh đứng lên, và chợt cảm thấy bối rối. Ừm. Chuyện gì đã xảy ra vậy? Nào có gì đâu, chỉ là anh đã ngồi xuống một lát. Lúc này có vật gì đó đang đứng trước mặt anh, một Sinh thể, một Linh thần; lạ xám – không, không có gì hết. Anh cảm thấy lạ lùng, bước tới trước một bước ngắn phân vân, và đi thẳng vào một cái nhìn, một cái nhìn kỳ vĩ, một đôi mắt. Ngay lúc đó những cây dương lá rung gần đấy bắt đầu kêu xào xạc. Bất kỳ người nào cũng biết rằng đôi khi một cây dương lá rung có thể xào xạc kêu lên một cách lạ kỳ kinh khủng; dù sao đi nữa, chưa bao giờ trước đó Isak nghe một tiếng xào xạc kinh khủng lạ lùng đến thế, và anh rùng mình. Anh đưa một bàn tay ra phía trước, và có lẽ đó là cử động bất lực nhất mà một bàn tay từng thực hiện.

Nhưng vật trước mặt anh là gì? Đó là hình ảnh do ma quái tạo ra hay là thực tại? Trong suốt đời mình hẳn Isak phải sẵn sàng thề rằng đây là một quyền năng cao hơn, và anh đã từng có lần thật sự nhìn thấy nó, nhưng vật mà anh nhìn thấy lúc này trông không giống như Thượng đế. Có lẽ là Thánh thần? Nhưng dù sao thì vật đang đứng đó giữa một nơi xa xôi hẻo lánh này là gì? Hai con mắt, một cái nhìn, và không còn gì khác nữa? Nếu nó đến với anh để lấy đi linh hồn anh, sao, hẳn là việc đó sẽ phải xảy ra; nói cho cùng, nó sẽ xảy ra một ngày nào đó, và rồi anh sẽ lên cõi thiên đường, sống giữa những người hạnh phúc.

Isak nôn nóng muốn biết chuyện gì sẽ xảy ra kế tiếp; anh vẫn còn đang run rẩy; dường như từ cái hình dáng trước mặt anh phát ra một sự lạnh lẽo – hẳn đó phải là Quỷ dữ! Và tới đây Isak không còn chắc chắn về lý lẽ của mình. Đó có thể là Quỷ dữ – nhưng nó muốn gì đây? Anh, Isak này, đã làm điều gì? Chẳng làm gì ngoài việc ngồi im và suy ngẫm chuyện trông trọt đất đai, trong ý nghĩ của mình, như thường lệ – chắc chắn là không tổn hại gì tới ai trong chuyện đó? Ngay lúc đó anh không thể nghĩ ra được một lỗi lầm nào khác; anh chỉ đang trên đường trở về nhà từ nơi làm việc trong rừng, một gã tiểu phu đói mệ, đang trở về trại Sellanraa – anh không có ý làm hại tới ai...

Anh lại bước tới trước thêm một bước, nhưng chỉ là một bước nhỏ, và, phải nói thật, anh lui lại ngay tức khắc. Ảo ảnh đó không nhượng bộ. Isak cau mày, như thể bắt đầu ngờ vực một điều gì đó. Nếu đó là Quỷ dữ, sao, cứ mặc kệ nó; Quỷ thì không toàn năng – ví dụ như Luther, chính ông đã suýt giết được con quỷ, chưa kể tới nhiều người khiến cho nó phải trốn chạy bằng cách làm dấu thánh giá và đọc tên Chúa Jesus. Không phải Isak có ý định thách thức kẻ nguy hiểm trước mặt mình; anh không nghĩ tới chuyện ngồi xuống và cười vào mặt nó, nhưng hẳn nhiên anh đã từ bỏ ý tưởng ban đầu của mình về cái chết và thế giới tiếp theo. Anh bước tới thêm hai bước, thẳng về phía ảo ảnh, làm dấu thánh giá và hét lớn: “Nhân danh Chúa Jesus!”

Ừm. Cùng với giọng nói của chính mình, anh tỉnh táo trở lại, và một lần nữa nhìn thấy Sellanraa trên mé sườn đồi. Đôi mắt trong không trung đã biến đi.

Anh lên đường trở về nhà ngay, và không thách đố bóng ma đó thêm nữa. Nhưng khi thấy mình đã lại an toàn trên bậc cửa, anh hắng giọng với một ý thức về sức mạnh và sự an toàn; anh bước vào nhà với sắc mặt kiêu hãnh, như một người đàn ông – phải, một người đàn ông trên cõi thế.

Inger giật mình khi trông thấy anh, và hỏi điều gì khiến cho anh tái nhợt như thế.

Và khi đó anh không chối bỏ việc đã nhìn thấy chính bản thân Quỷ dữ.

“Ở đâu?” nàng hỏi.

“Ở trên kia. Ngay mé trên trại của chúng ta.”

Về phần mình, Inger tỏ ra không có thái độ ghen tị. Nàng không khen ngợi anh về chuyện đó, đúng, nhưng trong cách cư xử của nàng không có gì cho thấy một công việc vất vả hay sự phản đối mang tính khinh miệt. Bạn thấy đó, về sau này Inger đã trở nên dịu dàng và tốt bụng hơn chút ít, bất kể nguyên nhân là gì; và lúc này nàng chỉ đơn giản hỏi:

“Chính bản thân Quỷ dữ à?”

Isak gật đầu: trong chừng mực anh có thể nhìn thấy thì chính là nó chứ không ai khác.

“Và anh làm sao tổng cổ nó đi được?”

“Tôi bước tới nó và đọc tên Chúa Jesus.”

Inger lắc đầu, hoàn toàn bị áp đảo, và phải mất một lúc nàng mới có thể bày bữa tối của anh lên bàn được.

“Dù sao đi nữa,” cuối cùng nàng nói, “chúng tôi sẽ không để anh đi một mình trong rừng nữa.”

Nàng lo lắng cho anh – và khi biết điều này anh thấy dễ chịu. Anh tỏ ra mạnh bạo như mọi ngày, và hoàn toàn không lưu tâm tới chuyện anh đi một mình hay có người đi cùng; nhưng điều này chỉ nhằm làm tâm trí của Inger dịu lại chứ không phải để dọa dẫm nàng nhiều hơn mức cần thiết với điều đáng sợ đã xảy ra với anh. Việc bảo vệ nàng và tất cả bọn họ chính là trách vụ của anh; anh là Người đàn ông, là Kẻ chỉ huy.

Nhưng Inger cũng nhìn thấu cả điều này, và bảo: “Ồ, tôi biết anh không muốn làm tôi sợ. Nhưng anh phải luôn mang Sivert đi cùng.”

Isak chỉ khịt mũi.

“Anh có thể bất ngờ bị ốm hay thấy khó ở trong rừng, dạo gần đây anh không khỏe cho lắm.”

Isak lại khịt mũi. Ốm à? Một, có lẽ thế, và hơi đuối sức đôi chút, nhưng còn ốm? Inger không cần phải bắt đầu lo lắng và xem anh như một gã ngốc; anh còn khá khỏe mạnh; ăn, ngủ và làm lụng; đơn giản là thể chất của anh rất khỏe, đó là điều không hề thay đổi! Có lần khi đang đốn cây, thân cây đã ngã xuống đầu anh và làm tai anh đứt toát, nhưng anh xem nhẹ chuyện này. Anh gắn lại cái vành tai vào vị trí cũ và giữ nó nằm đó bằng cách đội trùm cái mũ lên trên nó suốt ngày đêm; và nó đã liền trở lại theo cách đó. Với những khó chịu trong người, anh tự chữa cho mình với một thứ vỏ cây luộc với sữa để làm cho mồ hôi toát ra – đó là vỏ cam thảo, mua ở cửa tiệm, một cách trị bệnh cổ xưa và đáng tin cậy của các bậc tiền nhân. Nếu anh bị đứt tay, anh trị vết thương bằng một thứ chất lỏng có chứa muối luôn mang theo bên người, và nó sẽ lành lặn trong vài ba hôm. Chưa từng có vị bác sĩ nào được mời tới Sellanraa.

Không, Isak không bị ốm. Một cuộc chạm trán với Quỷ dữ có thể xảy ra ngay đối với một người khỏe mạnh nhất. Và sau đó anh thấy chuyển mạo hiểm đó cũng không tệ cho lắm; trái lại, dường như nó đã củng cố thêm cho anh sức mạnh. Và khi mùa đông sắp tới gần, đó không phải là một thời gian đáng sợ để đợi chờ cho tới mùa xuân, anh, Người đàn ông và Kẻ chỉ huy, bắt đầu tự cảm thấy mình gần như là một vị anh hùng: anh thấu hiểu những điều này; chỉ tin vào chính mình và tất cả sẽ ổn thỏa. Trong trường hợp cần thiết, anh có thể tự mình xua đuổi Quỷ dữ đi!

Nhìn chung, ngày bây giờ dài hơn và trong sáng hơn; mùa lễ Phục sinh đã qua, Isak đã chuyển về tất cả số gỗ, trồng mọi thứ đều sáng sủa, mọi người lại có thể thở phào sau khi một mùa đông nữa trôi qua.

Một lần nữa Inger là người đầu tiên trở nên tươi tỉnh; lúc này nàng tỏ ra vui vẻ hơn trong suốt một thời gian dài. Vì sao vậy? Chà, chỉ vì một lý do đơn giản; Inger đã lại trở nên nặng nề,

lại một lần nữa mang thai. Mọi thứ trong đời nàng đều diễn ra một cách dễ dàng, không hề vướng mắc ở bất kỳ chỗ nào. Nhưng chao ôi, sau cái cách nàng đã phạm tội! Chuyện này tốt đẹp đến nỗi nàng không có bất kỳ quyền gì để mong chờ. Phải, nàng là người may mắn, rất may mắn. Một hôm, chính Isak cũng nhận ra điều gì đó và đã hỏi thẳng nàng: “Trông như thể cô lại đang có mang; cô bảo sao?”

“Phải, tạ ơn Thượng đế, chắc chắn là thế rồi,” nàng đáp.

Cả hai đều kinh ngạc như nhau. Dĩ nhiên không phải vì Inger đã quá tuổi sinh nở; trong đầu Isak, theo mọi giá nàng chưa quá già. Nhưng một đứa con khác... được, được... Và mỗi năm bé Leopoldine lại đến trường ở mé dưới trại Bredablik nhiều lần – điều đó khiến trại không còn đứa nhỏ nào – ngoài ra, giờ đây Leopoldine cũng đã lớn.

Vài ngày trôi qua, và Isak dành trọn thời gian cuối tuần – từ chiều thứ Bảy cho tới sáng thứ Hai – cho một chuyến xuống làng. Khi lên đường, anh không nói mục đích là gì, nhưng khi quay về, anh mang theo một bé gái. “Đây là Jensine,” anh nói. “Đến để giúp việc.”

“Anh đúng thật là,” Inger nói, “tôi không cần giúp gì hết.”

Isak đáp rằng nàng cần tới một sự giúp đỡ – ngay lúc này.

Cần hay không cần, đây vẫn là một ý nghĩ tốt bụng và hào phóng của anh; Inger thấy bối rối và biết ơn. Cô bé mới tới là con gái của người thợ rèn và dù thế nào đi nữa nó sẽ ở lại với họ từ nay cho tới hết mùa hè, và rồi họ sẽ xem sao.

“Tôi đã gửi một bức điện cho thằng Eleseus,” Isak nói.

Chuyện này thật sự khiến cho Inger kinh ngạc; khiến cho người mẹ kinh ngạc. Một bức điện? Phải chăng anh muốn làm cho nàng hoàn toàn bối rối với sự chu đáo của mình? Gần đây nàng rất buồn vì đứa con trai Eleseus đang sống xa nhà ngoài thị trấn – trong cái thị trấn đầy ác ý đó; nàng đã viết thư cho nó nói về Thượng đế, và cũng giải thích với nó rằng cha nó đang bắt đầu chìm ngập trong công việc ra sao; và trang trại thì đang ngày càng phình lớn ra; nhóc Sivert không thể xoay sở mọi thứ một mình, ngoài ra, nó sẽ có tiền thừa kế từ ông cậu nó vào một ngày nào đó – nàng đã viết tất cả những điều này, và đã gửi cho nó tiền để chi tiêu trong chuyến hành trình một đi không trở lại này. Nhưng giờ đây Eleseus đã là một thị dân, và không hề mong muốn sống một cuộc sống nhà nông; nó trả lời đôi điều về việc nó sẽ làm được gì nếu quay trở về nhà? Lao động trong một nông trại và vứt bỏ mọi kiến thức hiểu biết nó đã có được? “Thực tế là,” đó là cách viết của nó, “bây giờ con không muốn trở về. Và nếu mẹ có thể gửi cho một ít đồ lót, con sẽ không phải mua chịu mấy thứ đó.” Nó viết như thế. Vâng, mẹ nó đã gửi cho nó các thứ – đã gửi cho nó một số lượng đáng kể các thứ quần áo lót vào lúc này lúc khác. Nhưng khi nàng đã thay đổi và theo đạo, những lớp vảy đã rơi khỏi mắt nàng, và nàng hiểu rằng Eleseus đã bán các món đồ lót đó để tiêu tiền vào các thứ khác.

Cha nó cũng nhìn thấy điều này. Anh không bao giờ nói tới chuyện đó; anh biết rằng Eleseus là con cưng của Inger, và nàng đã khóc lóc, lắc đầu ra sao vì nó; nhưng hết mẫu vải dệt này tới mẫu khác lại ra đi theo cùng một cách, và anh biết số đồ lót đó nhiều hơn mức bất kỳ một người đang sống nào có thể dùng tới. Nhìn chung, phải đi tới điều này: Isak phải trở lại là Người đàn ông và Kẻ chỉ huy – là người đứng đầu trong nhà, phải bước vào cuộc và can thiệp.

Chắc chắn là việc nhờ người chủ tiệm gửi đi bức điện đã tốn một số tiền kinh khủng; nhưng trước tiên, một bức điện sẽ tạo một ấn tượng đối với cậu con trai, ngoài ra, việc Isak trở về nhà và kể lại cho Inger nghe cũng là một điều gì đó tốt đẹp khác thường. Anh đã vác cái rương của cô bé giúp việc trên lưng khi quay gót về nhà; nhưng với tất cả những chuyện đó, anh thấy lòng tự hào và tràn ngập những bí mật lớn lao mà anh từng có vào cái hôm anh trở về nhà với chiếc nhẫn vàng...

Sau đó là một quãng thời gian tuyệt diệu. Trong suốt một thời gian dài, Inger không thể bày tỏ đủ cho ông chồng thấy nàng có thể tốt và hữu ích ra sao. Giờ đây nàng thường nói với anh, như những ngày xưa: “Anh sẽ đầy đọa mình cho tới chết vì công việc!” Hoặc: “Đây là việc mà không có bất kỳ người đàn ông nào chịu nổi.”. Hoặc: “Nào, anh đừng làm việc nữa; hãy vào nhà và dùng bữa tối. Tôi đã làm cho anh ít bánh xốt!” Và để làm vui lòng anh, nàng bảo: “Tôi rất muốn biết, ngay bây giờ, anh tính gì trong đầu với tất cả những thứ gỗ đó, và anh sắp xây dựng cái gì kế tiếp?”

“Sao, tôi chưa thể nói được,” Isak đáp, làm ra vẻ bí mật.

Phải, hết như những ngày xưa. Và sau khi đưa bé chào đời – đó là một bé gái – một bé gái to lớn, xinh xắn, cứng cáp và lành lặn – Isak hẳn phải là một tảng đá hay một sinh vật khổng lồ nếu như anh không tạ ơn Thượng đế. Nhưng anh sẽ xây dựng cái gì? Sẽ có thêm nhiều tin tức để Oline đi lang thang đồn thổi – một công trình mới ở trại Sellanraa. Một mái nhà mới – nó sẽ là một ngôi nhà mới. Và giờ đây ở trại Sellanraa có nhiều người – họ có một cô hầu gái; và Eleseus, cậu ta sẽ trở về nhà; và một bé gái mới toanh của họ vừa chào đời – ngôi nhà cũ giờ đây chỉ như một căn phòng phụ, không hơn.

Dĩ nhiên, một hôm nọ anh phải nói với Inger về nó; nàng rất tò mò muốn biết, và dù có thể Inger đã biết trước hết mọi thứ, từ Sivert – cả hai người bọn họ thường thì thầm với nhau – nàng tỏ vẻ rất đỗi ngạc nhiên như bất cứ một ai có thể ngạc nhiên, buông thõng đôi tay xuống và nói: “Anh đúng thật là...anh không định làm thế chứ?”

Và Isak, vui như mở cờ trong bụng, đáp lời nàng: “Sao chứ, với việc mang thai của cô tôi không biết sẽ có thêm bao nhiêu trẻ con ở cái trại này, có vẻ như đó là điều tối thiểu tôi có thể làm.”

Giờ đây hai người đàn ông ra khỏi nhà mỗi ngày để vác đá về làm tường cho ngôi nhà mới. Họ cùng nhau làm hết sức theo cách riêng của mình: người trẻ tuổi hơn, với thân hình trẻ trung vững trãi, nhanh chóng tìm ra cách của mình, để đánh dấu những tảng đá phù hợp; người kia lớn tuổi hơn – răn rỏi, với đôi cánh tay dài và sức nặng thân hình để ấn chiếc xà beng xuống. Khi họ đã giải quyết được một công việc đặc biệt khó khăn, họ thường ngồi nghỉ một lát và trò chuyện với nhau theo cung cách lạ lùng, kín đáo của riêng họ.

“Brede, ông ta nói về việc bán cái trại,” người cha nói.

“Phải, không biết ông ta sẽ đòi giá bao nhiêu cho cái trại đó?” Đứa con trai nói.

“Phải, cha cũng tự hỏi thế.”

“Cha không nghe thấy gì sao?”

“Không.”

“Con nghe nói là hai trăm.”

Người cha suy nghĩ một lát rồi bảo: “Con nghĩ sao, tảng đá này có tốt không?”

“Tùy vào việc chúng ta có nạy lớp vỏ của nó ra được hay không,” Sivert nói, và đứng phắt dậy, trao cái búa chêm cho cha cậu, còn tự mình cầm chiếc búa tạ. Cậu lấy hết sức mình, nhón gót lên và giáng chiếc búa tạ xuống; lại nhấc búa lên và giáng xuống; có đến khoảng hai mươi nhát búa – hai mươi nhát búa như sấm sét. Cậu không để phí công cụ cũng như sức lực; đó là một công việc nặng nhọc; áo sơ mi của cậu nhăn nhúm dồn xuống chỗ lưng quần, khiến phía trước thân hình cậu trở nên trần trụi; cậu nhón gót lên ở mỗi lần để nhát búa mạnh hơn. Hai mươi nhát.

“Nào! Hãy nhìn xem!” Người cha kêu lên.

Đưa con trai ngưng tay, và hỏi: “Nó có suy suyễn gì không?”

Và họ cùng nằm xuống nhìn tảng đá; nhìn con quái thú, con quỷ đó; không, nó chưa hề suy suyễn chút nào.

“Cha tính sẽ thử với mỗi cái búa tạ,” người cha nói, và đứng lên. Vẫn là một công việc nặng nhọc, chỉ dùng đến sức, chiếc búa tạ nóng đỏ lên, lớp thép bị nghiền bẹp, cái lưỡi búa cùn đi.

“Đầu búa sẽ bị tuột,” anh nói và dừng lại. “Và cha sẽ không chạm tay vào tảng đá này nữa,” anh nói.

Ồ, anh không bao giờ định thế; đó không phải là ý nghĩ của anh, rằng anh sẽ không chạm tay vào công việc này nữa!

Người cha này, con người vạm vỡ này, đơn giản, đầy nhẫn nại và tốt bụng, anh sẽ để cho con trai của mình giáng những nhát búa cuối cùng để chẻ tảng đá. Và nó nằm đó, bị tách làm đôi.

“Phải, con đã nắm được mảnh lõi của nó,” người cha nói. “Ừm, phải... Breidablik... có thể làm được đôi điều từ cái trại đó.”

“Phải, nên nghĩ thế,” đứa con trai nói.

“Chỉ là mảnh đất bị đào rãnh và xới lên khá nhiều.”

“Ngôi nhà phải được hoàn thành.”

“Phải, tất nhiên là thế. Phải thực hiện tất cả, nghĩa là đầu tiên sẽ có khá nhiều việc, nhưng... Cha định nói gì nhỉ, con có biết mẹ con có đi lễ nhà thờ vào Chủ nhật tới hay không?”

“Dạ, mẹ có nói gì đó về chuyện ấy.”

“Thế à!... Ừm. Giờ hãy mở to mắt con ra và tìm một cái bậc cửa lớn ngon lành cho ngôi nhà mới. Con chưa tìm thấy một miếng đá nào như vậy hả?”

“Chưa,” Sivert đáp.

Và họ lại lao vào công việc.

Hai hôm sau cả hai đồng ý rằng giờ đây họ đã có đủ đá cho những bức tường. Lúc bấy giờ là

xế chiều thứ Sáu; họ ngồi nghỉ và trò chuyện với nhau một lúc.

“Ừm, con bảo sao hả?” người cha nói. “Chúng ta có nên nghĩ kỹ về Breidablik không?”

“Ý cha là sao?” đứa con hỏi. “Sẽ làm gì với nó?”

“Sao, cha không biết. Có trường học ở đó, và bây giờ nó nằm ở giữa con đường này.”

“Vậy thì sao?” đứa con hỏi. “Con không biết chúng ta sẽ làm gì với nó; nó không đáng giá nhiều đến thế.”

“Đó là điều mà con đang nghĩ tới hả?”

“Không, không phải theo cách đó... Trừ phi Elseus ảnh muốn có cái trại đó để làm.”

“Elseus à? Ồ, không, cha không biết...”

Một khoảng ngưng dài, hai người đàn ông căng thẳng suy nghĩ. Người cha bắt đầu thu gom lại các công cụ, gói ghém để về nhà.

“Phải, trừ phi...” Sivert nói. “Cha có thể hỏi xem ảnh nói thế nào.”

Người cha kết thúc vụ việc: “Được, còn có một ngày nữa, và chúng ta cũng chưa tìm được cái bậc cửa.”

Ngày hôm sau là thứ Bảy, và họ phải lên đường sớm để băng qua dãy đồi cùng đứa bé. Jensine, cô hầu gái, muốn đi cùng với họ; một bà mẹ đỡ đầu, đó là điều cuối cùng mà họ phải tìm ra trong số những bà con của Inger ở mé bên kia dãy đồi.

Trông Inger rất xinh đẹp; nàng đã may cho mình một chiếc váy dễ thương, viền trắng ở cổ và hai cổ tay. Đứa trẻ mặc toàn màu trắng, với một dải ruy băng lụa xanh mới luồn qua nếp váy; nhưng nó là một đứa bé tuyệt vời, chắc chắn thế, đã có thể mỉm cười và nói bi bô, nằm và lắng nghe tiếng đồng hồ gõ trên tường. Cha nó đã chọn tên cho nó. Đó là quyền của anh; anh đã quyết định thế – chỉ việc tin vào anh! Anh đã do dự giữa Jacobine và Rebecca, vì cả hai đều có quan hệ tới anh; cuối cùng anh tới gặp Inger và hỏi một cách e thẹn: “Nào, cô nghĩ sao, về cái tên Rebecca?”

“Sao, vâng.” Inger đáp.

Và khi Isak nghe thấy thế, anh đột nhiên trở lại độc lập và là vị chủ nhân trong ngôi nhà của mình. “Nếu nó cần có một cái tên,” anh nói một cách dứt khoát, “đó sẽ là Rebecca! Tôi sẽ xem xét việc đó.”

Và dĩ nhiên anh sẽ đi cùng cả nhóm tới nhà thờ, phần là để mang xác, phần là vì khuôn phép. Không thể để Rebecca được rửa tội một cách sai phép tắc! Isak rửa lại bộ râu và mặc một chiếc sơ mi đỏ, như trong những ngày còn trẻ trung; trời đang vào lúc thời tiết nóng nực nhất, nhưng anh có một bộ vét mùa đông mới, mặc trông rất hợp, và anh đã mặc nó. Nhưng với tất cả những thứ đó, Isak không phải là một người ưa phô phang lòe loẹt; chẳng hạn như lúc này, anh mang một đôi ủng to nặng cho chuyển đi.

Sivert và Leopoldine ở lại để trông nhà.

Rồi họ chèo thuyền băng qua hồ, và đây là một việc dễ dàng hơn trước kia, khi họ còn phải đi

vòng suốt cả quãng đường. Nhưng khi họ đã bằng ngang được nửa đường, và Inger nói lỏng cổ áo để cho Rebecca bú, Isak nhận ra có thứ gì đó treo lấp lánh trên một sợi dây quanh cổ nàng; bất kể nó là thứ gì. Và trong nhà thờ anh nhận thấy nàng đã đeo chiếc nhẫn đó trên ngón tay.Ồ, Inger – nói cho cùng, quả là nàng đã rất coi trọng nó!

[\[9\]](#) Cow-mushroom

CHƯƠNG XVII

Eleseus trở về nhà.

Cậu đã xa nhà vài năm, và đã phát triển cao hơn cha mình, với đôi bàn tay trắng trẻo và một vết sẫm ở phía môi trên. Cậu không làm bộ tịch, mà dường như mong muốn tỏ ra tự nhiên và tốt bụng; mẹ cậu ngạc nhiên và hài lòng. Cậu cùng ở trong căn phòng ngủ nhỏ với Sivert; hai anh em rất hòa hợp với nhau và thường xuyên chơi xỏ nhau cho vui. Nhưng, một cách tự nhiên, Eleseus phải góp phần vào việc cất nhà; và nó khiến cậu trở nên mệt mỏi và khốn khổ, cậu hoàn toàn vô dụng vì đủ loại mệt nhọc về cơ thể. Mọi việc còn tệ hơn khi Sivert phải đi khỏi và để lại mọi thứ cho hai người còn lại. Khi đó Eleseus gần như là một chướng ngại vật hơn là một sự trợ giúp.

Thế Sivert đi đâu? Đó là vì một hôm nọ Oline đã vượt qua dãy đồi với lời nhắc từ ông cậu Sivert rằng ông đang hấp hối; và tất nhiên là anh chàng Sivert trẻ tuổi phải lên đường. Ngay lập tức một tình cảnh tệ hại diễn ra – không gì tệ hơn có thể xảy ra khi Sivert phải đi xa ngay vào lúc này. Nhưng không thể ngăn việc đó lại.

Oline nói: “Tôi không có thời gian để chạy những việc linh tinh, và đó là sự thật, nhưng với tất cả những chuyện đó... tôi đã yêu mến những đứa bé ở đây, tất cả, và nhóc Sivert, và nếu tôi có thể giúp nó về việc nhận thừa kế...”

“Nhưng cậu Sivert có tệ lắm không?”

“Tệ à? Trời đất phù hộ chúng ta, ông ấy đang lịm dần từng ngày một.”

“Vậy ông ấy đang nằm trên giường hả?”

“Nằm trên giường? Sao cháu có thể nói một cách nhẹ nhõm và lơ là về cái chết trước tòa án của Thượng đế như vậy? Không, ông cậu Sivert của cháu sẽ không còn chạy nhảy gì nữa trên cõi đời này.”

Dường như tất cả những chuyện này có nghĩa là ông cậu Sivert không còn sống bao lâu nữa, và Inger nhất quyết rằng Sivert phải lên đường ngay lập tức.

Nhưng ông cậu Sivert, một ông già xỏ lá không thể cải sửa được, không hề nằm chờ chết trên giường; thậm chí chưa hề bị giam hãm ở trên giường chút nào. Khi Sivert trẻ tới, cậu thấy rằng cái chốn nhỏ bé đó đang trong một tình trạng rối ren vô trật tự kinh khủng; họ chưa hoàn tất một cách đúng đắn công việc mùa xuân – thậm chí chưa chở hết ra đồng những phân bón mùa đông; nhưng còn về việc đang tiến dần tới cái chết, cậu không hề nhìn thấy dấu hiệu nào của nó. Ông cậu Sivert giờ đã là một cụ già trên bảy mươi; ông là một dạng người tàn phế, lang thang trong nhà với quần áo lôi thôi, và thường nằm một lúc trên giường. Ông cần sự giúp đỡ cho cái trại đó trong nhiều cách, chẳng hạn như với những tấm lưới cá trích đang treo đến mực trong những nhà kho. Ồ, nhưng với tất cả những điều đó, ông chưa đến lúc sắp trút hơi thở cuối cùng chút xíu nào; ông vẫn có thể ăn cá thiu và phì phèo tẩu thuốc.

Khi Sivert tới đó được nửa giờ và đã nhìn thấy mọi thứ ra sao, cậu muốn quay trở về nhà.

“Nhà à?” Ông cụ hỏi.

“Chúng cháu đang cất một ngôi nhà, và đúng là cha cháu không có ai để giúp một tay.”

“Thế sao!” Ông cậu nói. “VẬY Eleseus có về nhà không?”

“Có, nhưng anh không quen với công việc.”

“VẬY cháu tới đây làm gì?”

Sivert kể cho ông nghe về Oline và thông điệp của bà, về việc bà đã nói rằng ông cậu Sivert sắp chết.

“Sắp chết?” Ông cụ kêu lên. “Bà ấy bảo là ta sắp chết, có phải không? Một cụ già ngu ngốc đáng nguyên rủa!”

“Hahaha!” Sivert cười.

Ông cụ nghiêm khắc nhìn cậu. “Sao? Cháu cười nhạo một ông già đang hấp hối, phải không, và cháu đã được đặt tên theo ta các thứ!”

Nhưng Sivert còn quá trẻ để có thể sắm một bộ mặt thiếu não sần bi cho chuyện đó; cậu chưa bao giờ quan tâm nhiều tới ông cậu của mình. Và bây giờ cậu muốn quay trở về nhà.

“Thế ư, cháu nghĩ thế ư?” Ông cụ nói. “Dù ta đang sắp chết, và điều đó đã đưa cháu tới đây, có phải không?”

“Đó là do Oline bảo thế,” Sivert đáp.

Ông cậu im lặng một lúc, rồi nói tiếp: “Cháu trông kìa. Nếu cháu chữa tấm lưới đó lại đàng hoàng, ta sẽ cho cháu xem một thứ.”

“Ừm, là cái gì vậy?” Sivert hỏi.

“À, đừng bận tâm,” ông già giận dỗi nói và lại leo lên giường.

Rõ ràng đây sẽ là một công việc kéo dài. Sivert nhăn mặt đau khổ. Cậu ra ngoài và quan sát quanh cái trại; mọi thứ bị bỏ bê không quan tâm tới một cách đáng xấu hổ; bắt đầu công việc ở đây là một điều vô vọng. Sau đó một lúc, khi cậu trở vào nhà, ông cụ đã ngồi dậy, đang sưởi ấm bên bếp.

“Thấy cái đó chứ?” Ông chỉ vào một cái rương gỗ sồi nằm trên sàn dưới chân mình. Đó là cái rương tiền của ông. Thật ra, đó là một cái rương ghép được làm để đựng những chai rượu, giống thứ rương mà những vị quan tòa và những nhân vật lớn khác dùng để mang theo khi du lịch quanh đất nước vào thời xưa, nhưng giờ thì không có cái chai nào trong đó; ông cụ đã từng dùng nó để đựng những văn kiện hồ sơ với tư cách là thủ quỹ của huyện; hiện giờ ông cất giữ tiền và những bản thu chi trong đó. Lời đồn cho rằng nó đầy những của cải không đếm xuể; dân làng thường lắc đầu và bảo: “Ái chà! Giá mà tôi có nhiều như những thứ nằm trong cái rương của ông cụ Sivert!”

Cụ Sivert lấy từ cái rương ra một tờ giấy và nghiêm trang nói: “Ta cho là cháu biết đọc?”

Sivert trẻ không giỏi về chuyện đó lắm ở bất kỳ ý nghĩa nào, điều đó đúng, nhưng cậu cũng ít nhiều hiểu được nó ghi rằng cậu sẽ thừa kế tất cả những gì ông cậu của mình để lại khi ông ấy chết.

“Đó,” ông cụ nói. “Và bây giờ cháu có thể làm theo ý muốn.” Rồi ông đặt lại tờ giấy vào cái rương.

Sivert trẻ không có ấn tượng gì cho lắm; nói cho cùng, tờ giấy không nói cho cậu biết thêm gì so với những điều cậu đã biết trước đó; ngay từ hồi còn bé cậu đã nghe rằng một ngày nào đó cậu sẽ có những gì ông cậu Sivert để lại. Tận mắt nhìn thấy kho báu có thể là chuyện khác.

“Cháu ngờ là có vài thứ đẹp đẽ trong cái rương đó,” cậu nói.

“Không có gì nhiều hơn cháu nghĩ,” ông cụ nói ngắn gọn.

Ông nổi giận và thất vọng với đứa cháu họ của mình; ông khóa cái rương lại và leo lên giường. Ông nằm đó, tuôn ra từng tràng thông tin. “Ta từng là thủ quỹ huyện và giám sát viên tiền công cộng trong làng này trên ba mươi năm; ta không cần cầu xin một bàn tay giúp đỡ của bất kỳ ai! Ta muốn biết ai bảo với Oline rằng ta đang nằm chờ chết? Ta có thể cử ba người và một cỗ xe ngựa để mời bác sĩ nếu muốn. Đừng giở trò với ta, chàng trai trẻ! Có vẻ như không thể chờ cho tới lúc ta xuôi tay hả. Ta sẽ đưa cho cháu xem mọi giấy tờ và cháu sẽ thấy, và chúng ở đó, trong cái rương. Đó là tất cả những gì ta phải nói. Nhưng nếu cháu bỏ đi ngay lúc này và bỏ mặc ta, cháu có thể nhắn với Eleseus bảo nó tới đây. Nó không được đặt theo tên ta và được gọi bằng cái tên cúng cơm của ta, cứ để nó tới đây.”

Nhưng với tất cả những lời lẽ dọa nạt đó, Sivert chỉ nghĩ trong một thoáng, và nói: “Dạ, cháu sẽ bảo Eleseus tới.”

Oline vẫn còn ở tại Sellanraa khi Sivert trở về. Bà đã có đủ thời gian để ghé xuống thăm Axel Ström và Barbro, và quay về đầy những bí mật cùng những lời thì thầm. “Cái con nhỏ Barbro đó gần đây đang mưu tính gì đó. Có Chúa biết điều đó có nghĩa là gì. Nhưng đừng nói rằng tôi đã nói thế nhé! Và Sivert đã trở về rồi đấy hử? Tôi cho là không cần phải hỏi có tin gì, phải không? Cậu Sivert của cháu đã quy tiên? Phải, ông đã cao tuổi hạc rồi, đã gần kề miệng lỗ. Sao, chưa chết à? Chà, chà, chúng ta phải tạ ơn nhiều thứ, và đó là một lời trang nghiêm! Cháu bảo là ta đang nói vớ vẩn hả?Ồ ước gì ta không bao giờ có thêm gì để trả lời! Làm sao ta biết được ông cậu của cháu đang nằm đó là chỉ là một kẻ giả vờ trước Chúa? Sẽ không sống bao lâu nữa, đó là những gì ta nói. Và ta vẫn khẳng nhận điều đó khi đến lúc ở trước ngai của Chúa. Đó là những gì cháu nói? Chà, và ông ta không nằm đó trên giường với chính con người của mình, khoanh hai tay trước ngực và nói rằng mọi việc sẽ sớm kết thúc?”

Không việc gì phải cãi lý với Oline, bà khiến những đối thủ của mình bối rối với những lời lẽ và hạ gục họ. Khi bà biết rằng ông cậu Sivert đã cho gọi Eleseus tới, bà chớp ngay lấy điều đó, và lợi dụng nó cho riêng mình: “Cháu đây rồi, và nhìn xem ta có nói vớ vẩn không. Ông già Sivert đang kêu gọi người bà con của mình và khao khát nhìn thấy máu thịt của ông; phải, ông đã gần ngày xuôi tay nhắm mắt! Cháu không thể từ chối ông ấy, Eleseus; hãy lên đường ngay đi và thăm ông cậu của cháu lúc cuộc sống vẫn còn trong ông ấy. Ta cũng sẽ đi đường đó, chúng ta sẽ cùng đi.”

Oline không rời khỏi Sellanraa khi chưa kéo Inger ra một bên để thì thầm nhiều hơn về Barbro. “Tôi không có nói lời nào đấy, nhưng tôi có thể nhìn thấy những dấu hiệu! Và giờ đây tôi cho rằng nó sẽ trở thành vợ và các thứ ở cái nông trại đó. Phải, có những người sinh ra cho những điều vĩ đại, vì tất cả đều có thể bé nhỏ như những hạt cát trong biển cả ở buổi đầu. Và ai mà ngờ được một chuyện như thế ở cái con nhỏ Barbro đó! Phải, Axel chắc chắn là một người cần cù và đang ăn nên làm ra, và đất đai tốt, những phương tiện các thứ như cháu có ở đây, nó nhiều hơn mức chúng ta biết ở chỗ của chúng ta mé bên này dãy đồi, như cháu biết là lời chân thật, Inger, khi cháu chào đời và đã tự vượt thoát khỏi nơi chốn của mình. Barbro có ít len trong một cái rương, chỉ là thứ len mùa đông thôi, tôi không hỏi xin và nó không bao giờ đề nghị cho tôi. Chúng tôi chỉ nói Xin chào và Tạm biệt, với tất cả những gì tôi đã biết về nó từ khi nó còn là một đứa bé hỉ mũi chưa sạch trong suốt thời gian tôi ở trại Sellanraa vì lý do cháu đi xa và học hỏi kiến thức ở Học viện...”

“Bé Rebecca đang khóc,” Inger nói, cắt ngang lời của Oline. Nhưng nàng cho bà một nắm len.

Thế là có cả một bài diễn văn cảm ơn từ Oline: phải, bản thân Inger không giống những gì bà đã nói về Barbro; và không tìm đâu ra người giống như nàng trong việc cho người khác thứ này thứ khác; phải, nàng ta sẽ cho đi cho tới khi chỉ còn tay trắng, và cho những ngón tay của mình cho tới xương, không bao giờ than phiền. Phải, hãy vào nhà và thăm em bé thiên thần nhỏ nhắn, và chưa bao giờ trong đời này có một đứa bé nào giống mẹ như Rebecca – không. Inger có nhớ một hôm nọ nàng đã nói rằng nàng sẽ không bao giờ có con nữa? Phải, giờ thì nàng có thể thấy! Không, tốt hơn nên lắng nghe những người đã lớn tuổi và đã có con cái riêng, vì ai có thể đo lường được những cách thức của Chúa Trời, Oline nói.

Sau đó bà lên đường theo sau Eleseus băng qua cánh rừng, teo quắt đi vì tuổi tác già nua và đê tiện, luôn chĩa mũi vào mọi thứ, bất khả tiêu diệt. Giờ bà đang đi tới chỗ ông cụ Sivert, để nói cho ông biết rằng bà, Oline này, đã xoay sở thuyết phục để Eleseus chịu tới đó.

Nhưng Eleseus không cần bị thuyết phục, không có khó khăn gì ở đó. Bởi vì, bạn hãy nhìn xem, rốt cuộc Eleseus đã chuyển biến tốt hơn lúc mới bắt đầu; một chàng trai tao nhã theo cách của cậu, tốt bụng và dễ chịu từ khi còn bé, chỉ có điều không khá lắm về sức mạnh thể chất. Không phải không có lý do khi cậu không muốn trở về nhà lần này; cậu biết rõ mẹ mình đã từng ở tù vì giết trẻ sơ sinh; cậu chưa bao giờ nghe một lời nào về chuyện đó ở thị trấn, nhưng ở nhà và trong làng mọi người đều nhớ. Và không phải không có lý do khi cậu sống chung với những bạn bè thuộc loại khác. Cậu đã trở nên nhạy cảm và có cảm xúc về cái đẹp nhiều hơn hẳn lúc nào trước đó. Cậu biết rằng một cái nĩa cũng thật sự cần thiết như một con dao. Với tư cách một người làm nghề kinh doanh, cậu dùng những từ ngữ của hệ thống tiền tệ mới, trong lúc đó, ở vùng đất hoang vu ngoài kia mọi người vẫn còn đếm tiền bằng đồng Daler cổ. Vâng, không phải cậu không sẵn lòng băng qua dãy đồi tới những vùng khác; ở đây, tại nhà mình, cậu thường xuyên bị buộc phải kèm hăm hăm lại sự vượt trội của mình. Cậu cố hết sức để điều chỉnh bản thân theo những người khác, và cậu xoay sở tốt; nhưng cứ phải luôn thận trọng. Phải, chẳng hạn như khi cậu mới trở về Sellanraa hai tuần trước, cậu đã mang theo chiếc áo khoác nhẹ mùa xuân của mình, dù trời đang là mùa hè; và khi treo nó lên một cây đinh, lẽ ra cậu cũng nên xoay nó sao cho tấm bảng tên bằng bạc với những chữ cái viết tắt tên mình lộ ra ngoài, nhưng cậu đã không làm thế. Và với cây gậy của cậu cũng vậy. Đúng, thật ra nó chỉ là một

cái cán dù mà cậu đã tháo bỏ đi cái gọng; nhưng ở đây cậu không thể sử dụng nó như ở thị trấn – đu đưa nó trên cánh tay – mà chỉ mang nó sát vào đùi một cách giấu diếm.

Không, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi Eleseus băng qua dãy đồi. Cậu không giỏi việc cất nhà; cậu giỏi việc viết thư, một điều mà không phải ai cũng làm được, nhưng trong cả nhà không có ai thêm quan tâm tới nghệ thuật này trừ mẹ cậu. Cậu lên đường băng qua khu rừng một cách vui vẻ, ở khá xa phía trước Oline; cậu có thể chờ bà ở một chặng xa hơn. Cậu chạy tung tăng như một con bê; cậu vội vàng. Theo cách nào đó Eleseus đang lẫn trốn khỏi Sellanraa, cậu sợ bị nhìn thấy. Bởi vì, nói thật, cậu đã mang theo cả chiếc áo khoác mùa xuân lẫn cây gậy cho chuyến hành trình này. Ở mé bên kia đồi có thể có cơ may nhìn thấy mọi người và được mọi người nhìn mình; thậm chí cậu còn thể đi lễ nhà thờ. Và do thế cậu toát mồ hôi một cách vui sướng dưới sức nặng không cần thiết của chiếc áo khoác mùa xuân trong ánh mặt trời nóng bỏng..

Họ không nhớ tới cậu trong lúc xây cất, trái lại là khác. Isak đã có lại Sivert, và Sivert đáng giá ngang với một cả một đám người giống kiểu anh cậu trong công việc đó; cậu có thể gắn mình vào công việc từ sáng tới tối. Không mất bao lâu họ đã dựng xong khung nhà; nó chỉ có ba mặt tường, vì họ dựng lên nó từ một ngôi nhà khác. Và họ ít gặp rắc rối hơn về gỗ; họ có thể cắt những mảnh ván ở chỗ chiếc máy cưa, và đồng thời còn có thêm những mảnh ván bìa cho việc lợp nhà. Thế là vào một hôm đẹp trời căn nhà đã được hoàn thành trước mắt họ, đã lợp mái, làm sàn và lắp cửa sổ. Họ không còn thời gian để làm gì hơn giữa các mùa; việc lắp ván tường và sơn phết phải chờ thôi.

Thế rồi Geissler đến với một đoàn người theo sau, băng qua những ngọn đồi từ Thụy Điển. Và những người đi cùng với ông ngồi trên lưng ngựa, với những con ngựa láng mượt và những bộ yên màu vàng; chắc chắn họ phải là những nhà du hành giàu có; những người đàn ông béo tốt, to cao; những con ngựa oằn người dưới sức nặng của họ. Bốn quý ông và Geissler hợp thành một nhóm, và rồi có một cặp người hầu, mỗi người dắt theo một con ngựa chở đồ.

Những kỵ sĩ xuống ngựa ở bên ngoài trại, và Geissler nói: “Đây là Isak. Đây chính là vị bá tước của chốn này. Chào ngày lành, Isak! Tôi đã quay lại, anh thấy đó, như tôi đã nói.”

Geissler vẫn giống hệt ngày nào. Trong suốt chặng đường đó ông đã đi bộ, cung cách của ông cho thấy ông không có chút ý thức nào về việc thấp kém hơn những người còn lại; phải, chiếc áo khoác bung chỉ trông có vẻ cùn khổ của ông khoác hờ hững trên tấm lưng đã teo tóp lại, nhưng ông có một vẻ ngoài cao quý đối với tất cả những điều đó. Thậm chí ông còn nói: “Chúng tôi sẽ lên trên đồi chốc lát, các quý ông này và tôi, sẽ tốt cho họ nếu giúp họ xuống cân chút ít.”

Bản thân các quý ông khá tốt bụng và vui vẻ; họ mỉm cười trước những lời của Geissler và hy vọng Isak thứ lỗi cho họ trong việc tới gây náo loạn trên đất của anh như thế này. Họ có mang theo đồ ăn thức uống của mình, và không định ăn chực trong nhà anh, nhưng họ sẽ rất vui mừng có một mái nhà trên đầu khi đêm xuống. Có lẽ anh có thể bố trí họ nghỉ đêm trong ngôi nhà mới cất đó?

Sau khi họ đã nghỉ ngơi chốc lát và Geissler đã vào nhà với Inger cùng lũ trẻ, cả đoàn cùng đi lên đồi và ở đó cho tới xế chiều. Thỉnh thoảng, trong suốt buổi chiều, những người ở Sellanraa

có thể nghe thấy những tiếng nổ nặng nề từ phía xa, và cả đoàn đi xuống cùng với nhiều túi xách mới đựng các mẫu quặng. “Đồng xanh,” họ nói, hất đầu về phía những hòn quặng. Họ nói nhiều, tỏ ra rất hiểu biết, và đang tham khảo một tấm bản đồ mà họ đã vẽ sẵn; trong số họ có một viên kỹ sư và một chuyên gia về mỏ; có một người có vẻ như một ông chủ đất hay một viên giám đốc lớn. Họ nói về những đường ray trên không và việc kéo cáp. Thỉnh thoảng Geissler góp một lời, như thể tư vấn cho họ; họ rất chú ý tới những điều ông nói.

“Ai là chủ của mảnh đất ở phía nam hồ nước?” một người trong bọn hỏi Isak.

“Nhà nước,” Geissler nhanh nhẩu đáp. Ông rất tỉnh táo và sắc sảo, và đang giữ trong tay tờ giấy mà Isak đã từng ký tên vào. “Tôi đã nói với các anh từ trước, Nhà nước,” ông nói. “Không cần phải hỏi lại. Nếu các anh không tin tôi, các anh có thể tự tìm hiểu tùy ý thích.”

Muộn hơn vào chiều hôm đó, Geissler kéo Isak ra một bên và nói: “Này, chúng ta có bán cái mỏ đồng đó không?”

Isak đáp: “Sao, về chuyện đó, trước kia ngài đã mua nó từ tôi, và đã thanh toán xong rồi.”

“Đúng,” Geissler nói. “Tôi đã mua mảnh đất. Nhưng lúc đó có một điều khoản rằng anh sẽ có một tỷ lệ phần trăm thu nhập từ việc khai thác hay bán nó; anh có sẵn lòng quyết định phần chia của mình không?”

Isak không thể hiểu nổi vấn đề này, và Geissler phải giải thích. Isak không thể khai thác một khu mỏ mà chỉ là một nông phu và người khai phá đất rừng; bản thân Geissler cũng không thể điều hành một khu mỏ. Tiền, vốn? Sao, muốn bao nhiêu cũng có, đừng lo! Nhưng ông không có thời gian, có quá nhiều việc phải làm, luôn phải chạy khắp đất nước, coi sóc tài sản của ông ở miền nam và miền bắc. Và giờ đây Geissler nghĩ tới chuyện bán nó cho các quý ông Thụy Điển này; họ là bà con của vợ ông, tất cả bọn họ, và là những người giàu có. “Anh có hiểu ý tôi không?”

“Tôi sẽ làm theo cách mà ngài muốn,” Isak đáp.

Một điều lạ lùng – sự tin tưởng hoàn toàn này dường như an ủi Geissler một cách diệu kỳ trong tấm áo khoác xơ xác của ông. “Tốt, tôi không chắc đây có là điều tốt nhất mà anh có thể làm không,” ông trầm ngâm nói. Rồi đột nhiên ông chắc chắn và nói tiếp: “Nhưng nếu anh cho tôi được tự do hành động theo ý mình, tôi có thể làm tốt hơn cho anh ở bất kỳ giá nào so với việc anh có thể tự làm cho mình.”

“Ừm,” Isak bắt đầu. “Ngài luôn là một người tốt đối với tất cả chúng tôi ở đây...”

Nhưng Geissler cau mày khi nghe thấy thế và cắt ngang lời anh: “VẬY THÌ ĐƯỢC RỒI.”

Sáng hôm sau mấy quý ông ngồi xuống để viết. Đó là một vụ việc nghiêm túc; trước hết là một bản hợp đồng bốn mươi ngàn Kroner cho việc bán khu mỏ, rồi một văn kiện mà trong đó Geissler nhượng lại toàn bộ số tiền này cho vợ và các con của ông. Isak và Sivert được gọi tới để chứng nhận chữ ký của các văn kiện này. Khi việc đã xong, các quý ông muốn mua lại phần trăm của Isak với một khoản tiền buồn cười – năm trăm Kroner. Tuy nhiên, Geilssler ngăn việc đó lại. “Chỉ nói đùa thôi,” ông nói.

Bản thân Isak chỉ hiểu rất ít về toàn bộ vụ này; anh đã bán chỗ đó một lần, và đã nhận tiền.

Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, anh không quan tâm mấy tới những đồng Kroner – chúng không phải là tiền thật như đồng Daler. Trái lại, Sivert đã theo dõi vụ mua bán với nhiều hiểu biết hơn.

Có một cái gì đó khác thường, cậu nghĩ, về giọng điệu của những lời đàm phán này; trông nó rất giống với một vụ việc gia đình giữa các bên. Một trong những người lạ nói: “Anh Geissler thân mến, anh không nên để cho mắt đỏ như thế, anh biết đó.” Geissler đáp lại một cách sắc sảo nếu không phải là đánh trống lảng: “Không, tôi không nên, tôi biết. Nhưng tất cả chúng ta đều không có được thứ mà ta nên có trên cõi đời này!”

Trông rất giống như thể anh em và bà con của vợ ngài Geissler đang cố mua đứt tài sản của chồng bà, bảo đảm cho họ chống lại những chuyển thăm viếng trong tương lai của ông, và cắt đứt một mối quan hệ phiền hà. Còn về phần cái mỏ, bản thân nó cũng có chút giá trị nào đó, chắc chắn là vậy, không ai chối cãi điều đó; nhưng nó nằm cách xa đường đi lại, và bản thân những người mua cũng nói rằng họ chỉ mua nó để bán lại cho một ai đó có thể khai thác nó tốt hơn. Không có gì phi lý trong chuyện đó. Họ cũng thông báo, hoàn toàn thẳng thắn, rằng họ không có ý tưởng nào về việc họ sẽ kiếm được bao nhiêu từ nó như nó hiện nay; nếu nó được khai thác, khi đó số tiền bốn mươi ngàn có thể hóa ra chỉ là một phần giá trị của nó; còn nếu nó cứ nằm đó như thế, số tiền kể như đã quẳng qua cửa sổ. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, họ muốn có một quyền hạn rõ ràng, không phiền toái, do đó họ đề nghị Isak năm trăm Kroner cho phần chia của anh.

“Tôi thay mặt cho anh ta,” Geissler nói, “và tôi sẽ không bán phần chia của anh ta dưới mười phần trăm số tiền mua mỏ.”

“Bốn ngàn!” mấy người kia nói.

“Bốn ngàn!” Geissler nói. “Đất là của anh ấy, và phần chia của anh ấy là bốn ngàn. Nó không phải là của tôi, và tôi nhận được bốn mươi ngàn. Hãy suy nghĩ sâu về điều đó, nếu các anh vui lòng.”

“Vâng, nhưng...bốn ngàn Kroner!”

Geissler đứng lên, và nói: “Số tiền đó, hoặc không mua bán gì cả.”

Họ suy nghĩ cẩn thận, thì thảo về chuyện đó, bước ra sân, trao đổi một lúc lâu. “Hãy chuẩn bị ngựa,” họ gọi mấy người hầu. Một trong các quý ông vào nhà gặp Inger và chi trả một cách vương giả cho khoản cà phê, vài quả trứng và việc ở trọ của họ. Geissler bước quanh quần với vẻ bất cần, nhưng trong mọi lúc ông vô cùng tỉnh táo.

“Cái công trình thủy lợi đó đã hoạt động thế nào hồi năm ngoái?” Ông hỏi Sivert.

“Nó đã cứu được toàn bộ mùa màng.”

“Cháu đã cắt cái gò đất đó từ lúc ta ở đây lần trước, phải không?”

“Vâng.”

“Cháu phải có một con ngựa khác trong trại,” Geissler nói. Ông chú ý tới mọi thứ.

Một trong số các người lạ đi lên. “Nào, chúng ta hãy giải quyết vấn đề này và kết thúc nó,”

ông ta nói.

Tất cả bọn họ lại trở vào ngôi nhà mới, và Isak trông thấy bốn ngàn Kroner đã được đếm sẵn. Geissler nhận một tờ giấy mà ông nhét vào túi mình như thể nó không có chút giá trị gì. “Hãy giữ nó một cách cẩn thận,” họ bảo ông ta, “và trong vòng vài ngày vợ anh sẽ nhận được số tiền đó từ ngân hàng.”

Geissler nhăn trán lại và nói vắn tắt: “Rất tốt.”

Nhưng họ còn chưa kết thúc với Geissler. Không phải ông đã mở miệng để yêu cầu bất cứ điều gì; ông chỉ đơn giản đứng đó, và họ hiểu vì sao ông đứng đó: có lẽ ông đã quy định trước về một vấn đề nhỏ nhất nào đó trong đơn từ của mình. Người đứng đầu nhóm trao cho ông một xấp giấy tờ, và Geissler chỉ đơn giản gật đầu bảo: “Rất tốt.”

“Và bây giờ tôi nghĩ chúng ta nên uống một ly với Geissler,” một người khác nói.

Họ uống, và kết thúc chuyện đó. Sau đó họ chào từ giã Geissler.

Ngay lúc ấy Brede đi lên. Y muốn gì? Chắc chắn là Brede đã nghe thấy tiếng nổ của thuốc súng ngày hôm trước và hiểu rằng có một chuyện gì đó đã diễn ra trên con đường của những khu mỏ. Và giờ đây y cũng tới để sẵn sàng bán một thứ gì đó. Y đi thẳng qua mặt Geissler, và trao đổi trực tiếp với các quý ông; y đã tìm thấy một số mẫu đá đáng chú ý ở quanh đây, hoàn toàn đặc biệt, một số trông như máu, số khác như bạc; y biết mọi khe xó trong những ngọn đồi xung quanh và có thể đi thẳng tới mọi điểm; y biết những mạch quặng dài của một thứ kim loại nặng nào đó – bất kể nó là gì.

“Anh có mẫu không?” Người chuyên gia về mỏ hỏi.

Có, Brede có mẫu. Nhưng họ có thể đi lên và nhìn qua các nơi ngay bây giờ không? Nó không xa lắm. Những mẫu quặng – ồ, có nhiều bao mẫu quặng, cả những rương đầy. Không, y không mang chúng theo, chúng nằm ở nhà – y có thể chạy xuống mang lên. Nhưng sẽ nhanh hơn nếu chạy lên đồi và lấy thêm một ít, nếu họ có thể chờ.

Những người đàn ông lắc đầu và tiếp tục hành trình của họ.

Brede nhìn theo họ với vẻ bị tổn thương. Nếu y cảm thấy một tia hy vọng nào đó lóe lên vào lúc này thì bây giờ nó đã biến đi; vận số đã chống lại y; chưa bao giờ có cái gì đi đúng hướng. May cho Brede là y không dễ nản lòng; y nhìn theo những người đàn ông đang phi ngựa xa dần, và cuối cùng nói: “Chúc các ông một chuyến đi thú vị!” Và chỉ có thế.

Nhưng bây giờ y lại tỏ ra khiêm tốn đối với Geissler, sếp cũ của mình, không còn đối xử với ông như kẻ ngang hàng, mà sử dụng những hình thức tôn trọng. Geissler đã lôi từ cái ví tiền của ông ra một số giấy tờ này khác, và bất kỳ ai cũng có thể thấy rằng nó nhét đầy những tờ giấy bạc.

“Giá mà Lensmand có thể giúp tôi một ít,” Brede nói.

“Hãy quay trở về nhà và canh tác đất của anh cho đúng đắn,” Geissler nói, và giúp y không chỉ một ít.

“Tôi có thể dễ dàng mang tới cả một xe mẫu quặng, nhưng không phải tốt hơn khi đi lên đó

và nhìn chính bản thân địa điểm trong lúc chúng nằm đó hay sao?” Brede nói.

Geissler không để ý tới y nữa, ông quay sang Isak: “Anh có thấy tôi đã làm gì với tờ giấy đó không nhỉ? Đó là vật quan trọng nhất, liên quan tới nhiều ngàn Kroner.Ồ, nó đây rồi, giữa một xấp tiền giấy.”

“Những người đó là ai?” Brede hỏi. “Chỉ cười ngựa ra ngoài chơi hay để làm gì?”

Không còn ngờ gì nữa, Geissler đã có một lúc thật sự lo âu, và giờ đây ông đã bình thản lại. Nhưng trong con người ông vẫn còn có gì đó của sự sống và sự nôn nao, đủ để làm thêm ít việc nữa, ông đi lên đồi cùng với Sivert, và mang theo một tờ giấy lớn, vẽ một bản đồ của mảnh đất phía nam hồ nước – có Trời biết ông đang nghĩ gì trong đầu. Vài giờ sau đó, khi ông trở xuống trại, Brede vẫn còn ở đó, nhưng Geissler không để ý tới những câu hỏi của y; ông thấy mệt và gạt hấn sang một bên.

Ông ngủ như chết cho tới sáng sớm hôm sau, rồi ông thức giấc cùng với mặt trời và trở lại là ông như trước. “Sellanraa,” ông nói khi đang đứng ở bên ngoài và nhìn quanh quất.

“Tất cả số tiền đó,” Isak nói; “có phải là tôi sẽ có tất cả số đó?”

“Tất cả cái gì?” Geissler nói. “Ồi Trời, anh bạn, anh không thấy rằng lẽ ra nó còn hơn thế rất nhiều hay sao? Và việc của tôi là thật sự thanh toán cho anh, theo hợp đồng của chúng ta; nhưng anh đã thấy mọi chuyện diễn biến thế nào rồi đó. Đó là cách xoay xở duy nhất. Anh nhận được gì nào? Chỉ có một ngàn Daler, theo cách tính cũ. Tôi đang nghĩ lúc này anh cần có thêm một con ngựa nữa cho trang trại.”

“Phải.”

“À, tôi biết một người. Cái anh chàng trợ lý của Heyerdahl, anh ta đang để cho trang trại của mình lụn bại đi; quan tâm nhiều hơn vào việc chạy quanh để bán hàng. Anh ta đã bán đi khá nhiều gia súc của mình, và anh ta sẽ vui lòng bán đi con ngựa.”

“Tôi sẽ đến gặp anh ta về chuyện đó,” Isak nói.

Geissler vẫy bàn tay rộng ra xung quanh và nói: “Ngài bá tước, vị chủ đất, đó là anh! Nhà cửa, gia súc và đất đã canh tác, họ không thể làm cho anh chết đói cho dù có cố gắng làm như thế!”

“Không,” Isak nói. “Chúng tôi có đủ mọi thứ có thể ước ao mà Thượng đế đã tạo ra.”

Geissler đi la cà khắp trại, rồi đột nhiên lộn trở vào nhà gặp Inger. “Cô có thể một lần nữa lo liệu một ít thức ăn để tôi mang đi đường không?” Ông hỏi. “Chỉ cần vài cái bánh xốp – không bơ và pho mát; đã có đủ những thứ ngon lành trong chúng rồi. Không, cứ làm như tôi bảo; tôi không thể mang thêm được.”

Lại đi ra ngoài. Geissler không lúc nào yên, ông đi vào ngôi nhà mới và ngồi xuống viết. Ông đã suy nghĩ trước tất cả mọi điều, và không cần nhiều thời gian để viết chúng ra. Đang thảo một lá đơn gửi cho Nhà nước, ông giải thích một cách trịnh trọng với Isak – “tới Bộ trưởng Bộ Nội vụ, anh có hiểu không. Phải, tôi không bao giờ hết những việc cần phải lo liệu ngay lập tức.”

Khi đã nhận gói thức ăn và chuẩn bị lên đường, dường như ông đột nhiên nhớ ra một điều gì đó: “Ồ, nhân tiện, tôi e là lần trước tôi đã nợ các bạn thứ gì đó, tôi đã rút ra khỏi ví một tờ giấy

bạc vì mục đích đó, thế rồi lại nhét nó vào túi áo khoác, Sau đó tôi tìm thấy nó ở đó. Có quá nhiều thứ phải nghĩ tới cùng một lúc...” Ông đặt thứ gì đó vào bàn tay của Inger và cất bước.

Phải, Geissler đã cất bước ra đi, tỏ ra dửng dưng cảm với tất cả. Không hề chán nản mà cũng chẳng có vẻ gần tới hồi kết thúc của mình; sau này ông lại tới Sellanraa, và sau đó nhiều năm nữa ông mới chết. Mỗi lần ông ra đi trại Sellanraa nhớ ông như một người bạn. Isak đã nghĩ tới việc hỏi ông về trại Breidablik, để nhận được lời khuyên của ông, nhưng anh không hỏi. Và có lẽ Geissler sẽ can ngăn anh chuyện đó; sẽ cho rằng việc mua đất để canh tác và trao nó cho Eleseus – một anh thư ký – là một điều liều lĩnh.

CHƯƠNG XVIII

Rốt cuộc ông cậu Sivert cũng qua đời. Eleseus trải qua ba tuần săn sóc ông, và rồi ông cụ chết. Eleseus sắp xếp tang lễ và lo liệu mọi thứ rất tốt; thu gom hoa vân anh từ những nhà xung quanh [để làm tràng hoa], mượn một lá cờ để treo cờ rủ và mua một ít vải đen từ cửa tiệm để làm màn che; cử người đi mời Isak và Inger tới dự lễ an táng. Cậu hành động với tư cách chủ nhà, phục vụ đồ ăn thức uống cho quan khách; phải, và khi thi hài được đưa ra, mọi người đã hát một bài thánh ca, Eleseus đã phát biểu vài lời phù hợp trước cổ quan tài. Inger tự hào và xúc động đến nỗi nàng phải dùng tới chiếc khăn tay của mình. Mọi chuyện diễn ra một cách tuyệt vời.

Trên đường trở về nhà với cha mình Eleseus phải công khai mang theo chiếc áo khoác mùa xuân, dù cậu cố tìm cách giấu cây gậy trong tay áo. Mọi thứ đều ổn cho tới khi họ phải băng qua hồ trên một chiếc thuyền; khi người cha bất ngờ ngồi lên chiếc áo khoác, một tiếng răng rắc phát ra. “Cái gì thế?” Isak hỏi.

“Ồ, không có gì,” Eleseus đáp.

Nhưng cậu không quăng cây gậy gãy đi; ngay khi họ về tới nhà, cậu tìm quanh nhà một cái ống hay thứ gì đó để chữa lại cây gậy.

“Chúng ta sẽ sửa lại nó ổn thôi,” Sivert nói, một kẻ không thể cải sửa tính tình. “Xem này, ghép một thanh nẹp gỗ vào mỗi bên, và quấn tất cả lại với chỉ vuốt sáp...”

“Anh sẽ quấn em với chỉ vuốt sáp,” Eleseus nói.

“Hahaha! Chà, có lẽ anh thích quấn nó thật chặt bằng một cái nịt bít tất đỏ hơn hả?”

“Hahaha,” Eleseus cười với câu nói đùa đó; nhưng cậu đi vào phòng của Inger, xin nàng một cái đe cũ, gọt bỏ một đầu và chế thành một cái vòng nối rất khá.Ồ, nói cho cùng Eleseus không phải quá bất tài vô dụng, với đôi bàn tay dài trắng trẻo.

Hai anh em vẫn trêu đùa nhau như trước. “Anh sẽ có những gì cậu Sivert để lại chứ?” Eleseus nói.

“Anh có nó? Bao nhiêu vậy?” Sivert hỏi.

“Hahaha, em muốn biết nó là bao nhiêu trước hả, anh chàng bủn xỉn!”

“Tốt, dù sao đi nữa, anh có thể có nó,” Sivert nói.

“Nó nằm giữa năm và mười ngàn.”

“Daler?” Sivert kêu lên; cậu không thể kèm lại được.

Eleseus chưa hề nghĩ tới đồng Daler, nhưng cậu không thích nói không vào lúc đó, vì thế cậu chỉ gật đầu, và gác lại chuyện đó cho tới ngày hôm sau.

Khi đó cậu nhắc lại vấn đề. “Em có hối tiếc khi hôm qua cho anh tất cả số đó không?”

“Ngốc quá! Dĩ nhiên là không,” Sivert nói. Đó là lời cậu nói, nhưng – chà, năm ngàn Daler vẫn là năm ngàn Daler, và đó không phải là một món tiền nhỏ; nếu anh cậu không phải là một tên thổ dân da đỏ dã man tệ hại, anh ta nên cho lại cậu phân nửa.

“Chà, thật tình, nói cho cùng anh không định cuỗm hết số di sản đó,” Eleseus giải thích.

Sivert kinh ngạc nhìn cậu. “Thế à, phải không đây?”

“Phải, không có gì đặc biệt hết, đó là nói thế. Không phải là món mà em có thể gọi là khá lắm.”

Eleseus đã có một ý niệm nào đó về các bản thu chi, dĩ nhiên, và cái rương tiền của ông cậu Sivert, cái thùng đựng rượu khét tiếng đó, đã được mở ra và kiểm tra trong lúc cậu có mặt ở đó; cậu đã phải xem xét hết những giấy tờ kế toán và lập một bản cân đối thu chi. Ông cậu Sivert không bắt người cháu này ra làm việc trên đồng hoặc chữa lại những tấm lưới bắt cá trích; ông cho cậu làm quen với một đồng các con số rối ren phức tạp, một công việc kế toán kỳ lạ nhất từng được biết. Nếu một người phải đóng các khoản thuế của mình lùi lại vài năm với một loại tài sản, chẳng hạn với một con dê, hoặc một khối lượng khô cá tuyết, lúc này chẳng có thịt mà cũng chẳng có cá để đưa ra; nhưng cụ Sivert rà soát lại ký ức của mình và bảo, “Nó đã được thanh toán rồi!”

“Đúng, vậy chúng ta sẽ xóa nó đi,” ông cụ nói.

Eleseus là loại người dành cho công việc này; cậu sáng láng và nhanh nhẹn, cậu động viên ông cụ tàn phế bằng cách bảo đảm với ông rằng mọi việc đều ổn thỏa; cả hai rất hòa hợp với nhau, thậm chí đôi khi còn nói đùa với nhau. Có lẽ Eleseus hơi ngốc ở một số điều, nhưng cả ông cậu cũng vậy; và cả hai đã ngồi đó soạn thảo những văn kiện phức tạp không chỉ có lợi cho Sivert trẻ mà cho cả ngôi làng, cái cộng đồng mà ông cụ đã phục vụ suốt ba mươi năm.Ồ, đó là những ngày tuyệt diệu! “Ta không thể tìm được người nào tốt hơn cháu để giúp giải quyết tất cả những thứ này, cháu ạ,” ông cậu Sivert nói. Ông cử người đi mua thịt cừu vào giữa mùa hè; cá tươi được mang lên từ biển, Eleseus được lệnh chi tiền từ cái rương. Họ đã sống khá ổn. Họ giữ Oline lại – họ không thể tìm ra người nào tốt hơn để mời dự một bữa tiệc, và cũng chẳng có ai chắc chắn hơn để lan truyền ra ngoài các tin tức về sự vĩ đại cho tới phút cuối cùng của ông cậu Sivert. Và các bên đều thỏa mãn. “Chúng ta cũng phải làm điều gì đó cho Oline nữa,” ông cậu Sivert nói, “bà là một bà góa và không khá cho lắm. Dù sao cũng sẽ có đủ cho Sivert trẻ.” Eleseus lo liệu chuyện đó với một vài nét bút; một khoản bổ sung đơn giản vào bản chúc thư cuối cùng, và thế là Oline cũng trở thành một đồng thừa kế.

“Tôi sẽ chăm lo cho bà,” ông cậu Sivert nói với bà. “Nếu lần này tôi không khá lên được và lại trở về với đất, tôi sẽ lo cho bà không bị bỏ mặc.” Oline tuyên bố rằng bà không nói nên lời, nhưng bà không phải là kẻ không biết cách diễn đạt bằng lời; bà khóc, xúc động tận tâm can và tỏ ra biết ơn; không ai có thể sánh với Oline trong việc tìm ra một sự kết nối ngay lập tức giữa một món quà trần tục và việc “vĩnh viễn đền đáp lại gấp ngàn lần trong thế giới sẽ tới.” Không, bà không phải là kẻ không biết diễn đạt bằng lời.

Nhưng còn Eleseus? Có lẽ lúc đầu hẳn cậu đã có một cái nhìn khá sáng sủa về các vụ làm ăn của ông cậu Sivert, nhưng sau một thời gian cậu bắt đầu suy nghĩ cặn kẽ về mọi thứ và cũng trao đổi nữa. Trước hết, cậu cố đưa ra một gợi ý nhẹ nhàng: “Những bản thu chi không chính xác như lẽ ra phải thế,” cậu nói.

“À, đừng bận tâm chuyện đó,” ông cụ nói. “Sẽ có đủ và dư khi ta ra đi.”

“Có lẽ ông cậu còn có món tiền nào khác bên ngoài?” Eleseus nói. “Trong một ngân hàng, hay đại loại?” Vì lời đồn đã nói thế.

“Ừm,” ông cụ nói. “Cứ cho là thế. Nhưng dù sao thì với bãi đánh cá, nông trại, nhà cửa và gia sản, những con bò cái đỏ và những con bò cái trắng và các thứ, cháu đừng lo về chuyện đó, nhóc Eleseus ạ.”

Eleseus không biết công việc đánh bắt cá có thể trị giá đến mức nào, nhưng cậu đã nhìn thấy gia súc; nó bao gồm một con bò cái, lông nửa đỏ nửa trắng. Hẳn là ông cậu Sivert đã mê sảng. Một số hồ sơ kế toán cũng vậy, rất khó làm rõ được; chúng là một đồng rối ren, một mớ bòng bong những con số, nhất là từ ngày đơn vị tiền tệ đã thay đổi; viên thủ quỹ huyện thường xuyên xem những đồng Kroner bé nhỏ như thể chúng là những đồng Daler mệnh giá cao. Không lạ gì khi ông tưởng tượng rằng mình giàu có! Nhưng khi mọi thứ bị giảm thiểu xuống thành một thứ gì đó như đơn đặt hàng, Eleseus e rằng những gì được để lại sẽ không còn nhiều lắm. Có lẽ không đủ để giải quyết mọi thứ.

Phải, Sivert có thể dễ dàng hứa với cậu rằng tất cả những gì của ông cậu sẽ thuộc về cậu!

Hai anh em đùa cợt nhau về chuyện đó. Sivert không chút buồn phiền về vấn đề này; thật vậy, có lẽ cậu sẽ khó chịu hơn nếu cậu thật sự vứt đi năm ngàn Daler. Cậu biết rõ rằng đơn thuần đó chỉ là sự đầu cơ khi đặt tên cậu theo tên của ông cụ; cậu không đòi hỏi bất cứ thứ gì ở đó. Và giờ đây cậu ép Eleseus nhận những gì có được. “Nó sẽ là của anh, tất nhiên,” cậu nói. “Nào, chúng ta hãy lập thành văn bản. Em muốn thấy anh là một người giàu có. Đừng quá kiêu hãnh để không nhận nó!”

Phải, họ đã cười ngặt nghẽo với nhau nhiều lần. Thật sự, Sivert là người giúp ích nhiều nhất trong việc giữ Eleseus ở lại nhà; hẳn việc này sẽ khó khăn hơn nếu không có cậu.

Thật ra, Eleseus lại trở nên hư hỏng; ba tuần rảnh rỗi ở mé bên kia dãy đồi không có ích gì cho cậu. Cậu cũng đã đi lễ nhà thờ ở đó và tạo ra chú ý; phải, thậm chí cậu còn gặp một số cô gái ở đó. Ở trại Sellanraa này không có thứ gì giống thế; Jensine, cô hầu gái, chẳng là gì cả, một người làm công không hơn không kém, hợp với Sivert hơn.

“Anh muốn nhìn xem cái cô nàng Barbro ở Breidablik đó trông như thế nào khi đã trưởng thành,” một hôm Eleseus nói.

“Được, hãy xuống chỗ của Axel Ström mà xem,” Sivert nói.

Eleseus xuống đó vào một ngày Chủ nhật. Phải, cậu đã rời nhà, một lần nữa tìm lại sự tự tin và lòng hăng hái; cậu đã nếm mùi kích thích, và cậu khiến cho mọi thứ ở cái trại nhỏ của Axel trở nên sống động hơn. Bản thân Barbro không dễ xem thường chút nào; với bất cứ giá nào, cô là người duy nhất ở gần bên. Cô biết chơi ghi ta và sẵn lòng trò chuyện; ngoài ra, cô không có mùi cúc ngải mà tỏa ra một mùi thơm thật sự, loại mà bạn mua trong tiệm. Về phần mình, Eleseus làm cho hai người kia hiểu rằng cậu chỉ về nhà nghỉ lễ, và chẳng bao lâu sẽ quay trở lại văn phòng. Nhưng nói cho cùng ở nhà cũng không tệ lắm, ở nơi chốn cũ, và dĩ nhiên, cậu có một phòng ngủ nhỏ. Nhưng vẫn không giống như sống ở thị trấn!

“Không giống, điều đó đúng,” Barbro nói, “cuộc sống ở thị trấn rất khác với cuộc sống này.”

Axel hoàn toàn nằm ngoài cuộc đối với hai thị dân này; anh thấy ngòi với họ thật chán, và thích ra ngoài xem xét đất đai của mình hơn. Bộ đôi đó được bỏ mặc cho làm những gì họ thích, và Eleseus xoay xở mọi thứ một cách tuyệt vời. Cậu kể cậu đã đi qua làng bên để chôn cất ông cậu của mình như thế nào, và không quên nhắc tới bài diễn văn mà cậu đã đọc trước cổ quan tài.

Khi chào từ già, cậu đề nghị Barbro cùng đi với mình một khúc đường. Nhưng Barbro cảm ơn, không sẵn sàng làm theo cung cách đó.

“Phải chăng ở chỗ anh sống người ta làm như thế,” cô hỏi – “các tiểu thư phải đưa những quý ông về nhà?”

Đó là một cú đòn đau đối với Eleseus; cậu đỏ mặt và hiểu rằng cậu đã xúc phạm cô.

Tuy nhiên, Chủ nhật sau cậu lại xuống Maaneland, lần này có mang theo cây gậy. Họ trò chuyện như lần trước, và Axel lại hoàn toàn nằm ngoài cuộc, như lần trước. “Cha cậu có một trang trại lớn,” anh nói. “Và dường như hiện giờ lại đang xây cất.”

“Phải, với ông mọi thứ rất ổn,” Eleseus nói, nôn nóng được khoe khoang chút ít. “Ông có thể đảm đương được nó. Với những người nghèo như chúng ta lại là chuyện khác.”

“Ý cậu là sao?”

“Ồ, anh chưa nghe thấy à? Hôm nọ có mấy tay triệu phú người Thụy Điển tới và mua một cái mỏ của ông, một cái mỏ đồng.”

“Sao, không phải chứ? Vậy ông ấy đã thu được một đồng tiền phải không?”

“Rất nhiều. Chà, tôi không muốn khoác lác, nhưng giá nào thì nó cũng tới nhiều ngàn đồng. Tôi định nói gì nhỉ? Xây cất à? Bản thân anh cũng có nhiều gỗ quanh đây. Khi nào thì anh sẽ bắt đầu?”

Barbro xen vào: “Không bao giờ!”

Đó không phải là sự cường điệu hay xác láo đơn thuần. Axel đã gom đủ đá vào mùa thu trước và đã chở chúng về nhà mùa đông đó; hiện giờ, giữa hai mùa, anh đã làm xong các móng tường, hầm chứa và mọi thứ khác – tất cả những gì còn lại là dựng phần gỗ bên trên. Anh hy vọng sẽ lợp được một phần mái nhà vào mùa thu này, và đã nghĩ tới việc đề nghị Sivert giúp anh một tay trong vài ngày – Eleseus nghĩ thế nào về chuyện đó.

Eleseus nghĩ rất có thể. “Nhưng vì sao anh không đề nghị tôi?” Cậu mỉm cười hỏi.

“Cậu?” Axel nói, và anh nói với sự kính trọng bất ngờ đối với ý tưởng đó. “Cậu có tài năng đối với những việc khác, tôi biết thế.”

Ồ, thật thú vị khi thấy mình được ca ngợi ở đây, giữa chốn hoang vu này! “Sao, tôi e là đôi tay của tôi không khá lắm với loại công việc đó,” Eleseus nói với vẻ tế nhị.

“Để tôi nhìn xem,” Barbro nói và nắm lấy bàn tay cậu.

Axel lại bị gạt ra khỏi cuộc đối thoại, anh bỏ ra ngoài, để yên cho hai người bọn họ. Họ cùng

một lứa tuổi, từng đến trường với nhau, nô đùa và hôn nhau và chạy tung tăng; và giờ đây, với một sự bất cần mang tính khinh thị, họ trò chuyện về những ngày tháng cũ, trao đổi những hồi ức – và có lẽ Barbro có chiều hướng muốn khoe mẽ chút đỉnh trước mặt anh bạn của mình. Đúng, anh chàng Eleseus này không giống như những thanh niên thật sự đẹp trai trong các văn phòng, những người đeo kính, đeo đồng hồ vàng, vân vân, nhưng cậu có thể được coi là một quý ông trong vùng đất hoang vu, không thể chối bỏ điều đó. Thế là cô lấy bức ảnh của mình ra và khoe với cậu – lúc ấy trông cô như thế đó – “Hoàn toàn khác hẳn bây giờ, dĩ nhiên.” Và Barbro thở dài.

“Sao, hiện giờ có vấn đề gì với cô vậy?” Cậu hỏi

“Anh có nghĩ là tôi đã thay đổi xấu đi kể từ dạo đó không?”

“Thay đổi xấu đi à, thật là! Được, tôi không ngại nói với cô hiện giờ cô xinh hơn rất nhiều,” cậu nói, “người tròn trĩnh hẳn ra. Xấu đi à? Ái chà! Thật là một ý tưởng hay ho!”

“Nhưng anh có nghĩ đây là một cái váy đẹp hay không? Cất hờ một chút ở đằng trước và đằng sau. Và dạo đó tôi có sợi dây chuyền bạc mà anh thấy trong ảnh, nó cũng đáng giá khối tiền; đó là quà của một trong những viên thư ký trẻ mà tôi giúp việc dạo ấy. Nhưng tôi đã đánh mất nó. Không chính xác là đánh mất, anh biết đó, nhưng tôi cần tiền để về nhà.”

Eleseus hỏi: “Tôi có thể giữ tấm ảnh này không?”

“Giữ nó? Ừm. Anh cho tôi cái gì để đổi lấy nó?”

Ồ, Eleseus biết rất rõ điều mà cậu muốn nói, nhưng cậu không dám. Thay vì thế, cậu nói, “tôi sẽ chụp ảnh của mình khi quay trở lại thị trấn và gửi nó cho cô.”

Barbro cất tấm ảnh. “Không, nó là tấm duy nhất tôi còn lại.”

Có một nhát quét của bóng tối lướt qua trái tim trẻ tuổi của cậu, và cậu duỗi bàn tay về phía tấm ảnh.

“Nào, đưa cho tôi thứ gì đó để đổi lấy nó, nhanh lên,” cô nói, bật cười. Và khi đó cậu đứng lên, hôn cô theo đúng thể thức.

Sau đó mọi thứ trở nên dễ dàng. Eleseus rạng rỡ hẳn lên và tiếp tục một cách tốt đẹp. Họ tán tỉnh, cười đùa với nhau, và là những người bạn tuyệt vời. “Khi cô nắm lấy bàn tay tôi lúc này nó giống như một chiếc cánh thiên nga hạ xuống, ý tôi là bàn tay của cô.”

“Ồ, anh sẽ quay lại thị trấn, và chẳng bao giờ trở lại đây, tôi sẽ bị bỏ rơi,” Barbro nói.

“Cô nghĩ tôi là loại người đó ư?” Eleseus nói.

“Chà, tôi dám nói là ở đó anh có thích một cô nào đó.”

“Không, không có. Chỉ giữa tôi và cô, tôi chưa dính ước gì hết,” cậu nói.

“Ồ, vâng, anh đã; tôi biết.”

‘Không, sự thật nghiêm trang đấy, tôi chưa có mà.’

Họ tiếp tục như thế một lúc lâu; Rõ ràng là Eleseus đang yêu. “Tôi sẽ viết cho cô,” cậu nói.

“Được không?”

“Vâng,” cô gái đáp.

“Vì tôi sẽ rất đau khổ nếu cô không quan tâm tới điều đó, cô biết đấy.” Và đột nhiên cậu nổi cơn ghen, cất tiếng hỏi: “Tôi nghe nói cô đã hứa hẹn với Axel ở đây, có đúng thế không?”

“Axel à? Đừng hòng!” Cô nói một cách khinh miệt, và cậu rạng rỡ trở lại. Nhưng rồi cô trở nên ăn năn, nói thêm: “Axel ảnh rất tốt với tôi, mặc dù... Và ảnh mang báo về cho tôi đọc, thỉnh thoảng cho tôi thứ này thứ khác, nhiều thứ. Tôi phải nói thế.”

“Ồ, tất nhiên,” Eleseus đồng ý. “Anh ta có thể là một gã xuất sắc theo cách của anh ta, nhưng đó không phải là tất cả...”

Nhưng dường như ý nghĩ về Axel đã khiến cho Barbro cảm thấy lo âu; cô đứng lên và nói với Eleseus: “Anh phải đi rồi; tôi phải coi sóc lũ gia súc.”

Chủ nhật kế tiếp Eleseus xuống trễ hơn thường lệ khá nhiều, và mang theo lá thư của cậu. Đúng là một lá thư! Trộn một tuần kích động, tất cả mọi rắc rối mà nó mang tới cho cậu khi viết, nhưng cuối cùng nó đây rồi; cậu đã xoay xở để mở đầu thư: “Gửi tiểu thư Barbro Bredesen. Cho tới nay đã có hai ba lần tôi được hưởng niềm sung sướng vô tả được gặp lại cô...”

Tới muộn đến thế như lúc này, bằng mọi giá Barbro hẳn đã hoàn tất việc coi sóc lũ gia súc, và có lẽ đã đi ngủ. Điều đó không quan trọng – thật ra phải hoàn toàn dè dặt.

Nhưng Barbro còn thức, đang ngồi trong lều. Lúc này trông như thể cô đã đột ngột đánh mất mọi ý tưởng về việc đối xử tốt với cậu và chuyện yêu đương – Eleseus cho rằng có lẽ Axel đã nắm giữ được cô và đã cảnh báo cô.

“Đây là lá thư mà tôi đã hứa với cô,” cậu nói.

“Cám ơn,” cô đáp, và mở nó ra, đọc hết nhưng có vẻ như không xúc động mấy. “Tôi ước gì có thể viết hay như thế,” cô nói.

Eleseus thất vọng. Cậu đã làm gì – chuyện gì đã xảy ra với cô ta vậy? Và Axel ở đâu? Anh ta không có ở đó. Bắt đầu một mối với những cuộc viếng thăm vào ngày Chủ nhật này, có lẽ, và thích ở bên ngoài hơn; hoặc có thể anh ta có đôi ba công việc gì đó phải ở lại khi xuống làng ngày hôm trước. Dù sao thì anh ta cũng không có mặt ở đó.

“Cô muốn ngồi đây trong cái trại cũ chật chội này để làm gì trong một buổi tối đáng yêu như thế này?” Eleseus hỏi. “Hãy ra ngoài tản bộ đi.”

“Tôi đang chờ Axel,” Barbro đáp.

“Axel? Cô không thể sống thiếu Axel nhỉ?”

“Vâng. Nhưng ảnh sẽ muốn có thứ gì đó để ăn khi về tới nhà.”

Thời gian trôi, thời gian nhỏ giọt, họ không đến gần nhau hơn; Barbro trở nên trái ngược hẳn với ngày thường. Cậu cố kể lại cho cô nghe về chuyến đi qua mé bên kia dãy đồi, và không quên nói tới bài diễn văn đã đọc: “Tôi không phải nói nhiều lắm, nhưng nó đã khiến cho một số

người bọn họ phải rơi lệ.”

“Thật thế ư?” Cô gái nói.

“Và một Chủ nhật nọ tôi tới nhà thờ.”

“Có tin tức gì ở đó?”

“Tin tức à? Ồ, không có gì. Chỉ để nhìn quanh. Không có gì nhiều ở một vị linh mục, trong chừng mực tôi biết về chuyện đó; ông ta không có gì hay ho cả.”

Thời gian trôi.

“Anh nghĩ Axel sẽ nói gì nếu anh lại thấy anh ở đây tối nay?” Barbro đột ngột hỏi.

Chẳng khác nào không còn gì để nói! Như thế cô đã dấn cậu một quả. Chả lẽ cô đã quên hết chuyện lần trước? Không phải họ đã nhất trí rằng tối nay cậu sẽ tới đây sao? Eleseus bị tổn thương sâu sắc, cậu lẩm bẩm: “Tôi có thể đi, nếu cô muốn. Tôi đã làm gì nào?” Cậu hỏi, đôi môi run rẩy. Cậu đang đau buồn, đang khổ sở, có thể dễ dàng thấy thế.

“Đã làm gì? Ồ, anh chả làm gì sất.”

“Tốt, thế thì có chuyện gì với cô tối nay vậy?”

“Vớ vẩn? Hahaha! Nhưng nếu nghĩ tới chuyện đó, không ngạc nhiên gì nếu Axel nổi giận.”

“Vậy thì tôi sẽ đi,” Eleseus lặp lại. Nhưng cô vẫn lãnh đạm, chẳng chút gì e sợ, mặc cho cậu ngồi đó đấu tranh với những ý nghĩ của mình. Đúng là một người đàn bà ngốc nghếch!

Lúc này cậu bắt đầu nổi giận; hồi đầu cậu đã hé lộ sự không hài lòng của mình một cách tế nhị: với ấn tượng rằng cô thật sự là một thiếu nữ xinh đẹp, và là một vinh hạnh cho giới tính của mình, hừ! Nhưng khi cách đó không đem tới hiệu quả nào – ồ, hẳn cậu sẽ xử sự tốt hơn bằng cách nhẫn nại chịu đựng và không nói lời nào. Nhưng cậu không thu được kết quả nào hay ho hơn từ cách đó, cậu nói: “Nếu tôi biết cô sẽ như thế này, đêm nay tôi không bao giờ tới đây.”

“Tốt, nếu anh không đến thì sao?” Cô nói. “Anh sẽ đánh mất một cơ hội để khoe khoang cây gậy mà anh ưa thích.”

Ồi chao, Barbro, cô đã từng sống ở Breden, biết cách chế nhạo một gã đàn ông; cô đã nhìn thấy những cây gậy thật sự, và bây giờ có thể hỏi cậu muốn gì khi vừa đi vừa đong đưa một cái cán dù vá víu như thế. Nhưng cậu mặc cho cô tiếp tục.

“Giờ thì tôi cho rằng cô muốn lấy lại tấm ảnh mà cô đã cho tôi,” cậu nói. Và nếu câu đó không khiến cô xúc động, chắc chắn là không còn gì có thể, vì đối với những người dân sống giữa chốn hoang vu, không có gì bị coi là dễ tiện cho bằng việc đòi lại một món quà.

“Cứ cho là như thế,” cô lảng tránh.

“Ồ, thôi được, cô sẽ có nó,” cậu nói một cách dửng dưng. “Tôi sẽ gửi trả nó ngay, đừng lo. Còn bây giờ có lẽ cô sẽ trả lại cho tôi lá thư của tôi.” Eleseus đứng lên.

Rất tốt; cô trả lại cho cậu lá thư. Nhưng lúc này, khi làm điều đó, cô rung rung nước mắt; cái

cô hầu gái này đã xúc động; bạn của cô đã từ bỏ cô – già từ mãi mãi!

“Anh không cần phải đi,” cô nói. “Tôi mặc kệ những gì Axel nói.”

Nhưng bây giờ Eleseus đã nắm thế thượng phong, và phải tận dụng nó; cậu cảm ơn và chào tạm biệt. “Khi một thiếu nữ đã xử sự theo cách đó,” cậu nói, “thì không còn gì khác để làm nữa.”

Cậu rời khỏi ngôi nhà, lặng lẽ, và vừa bước về nhà vừa huýt sáo, đóng cửa cây gậy, thả vai một người đàn ông. Hừ! Một lúc sau Barbro nổi gót theo sau: cô đã gọi cậu một hai lần gì đó. Rất tốt; cậu dừng lại, cậu đã làm như thế, nhưng trở thành một con sư tử bị trọng thương. Cô ngồi xuống giữa bụi thạch nam, có vẻ ăn năn; cô lúc lắc một nhánh cây, và một lúc sau cả cậu cũng mềm lòng lại, hỏi xin một nụ hôn, lần cuối cùng, chỉ để nói lời tạm biệt, cậu nói. Không, cô không muốn. “Hãy tỏ ra tốt bụng và dễ thương, như cô lần trước,” cậu van nài, và đi vòng quanh cô, bước nhanh, cậu có thể nhìn thấy cơ hội của mình. Nhưng cô không chịu là một cô gái dễ thương; cô đứng lên. Và cô đứng đó. Tới lúc này, cậu chỉ còn nước gật đầu và cất bước.

Khi cậu đã đi khỏi tầm mắt, Axel đột ngột xuất hiện từ phía sau một bụi cây. Barbro giật mình, bước lui lại và hỏi: “Gì thế, anh đã ở đâu? Đi lên con đường này ư?”

“Không, tôi đã đi xuống con đường này,” anh đáp. “Nhưng tôi nhìn thấy hai người ở đây.”

“Thế sao? Và tôi dám nói rằng anh thật tốt lắm đó,” cô gái kêu lên, đột nhiên nổi cơn thịnh nộ. Hẳn nhiên là không dễ đối phó với cô vào lúc này. “Anh đang rình rập, đánh hơi cái gì đây, tôi muốn biết? Chuyện này dính dáng gì tới anh?”

Bản thân Axel cũng không phải đang trong tâm trạng tốt. “Hừm. Vậy là hôm nay cậu ta lại tới đây?”

“À, nếu anh ta tới thì sao? Anh muốn gì với anh ta?”

“Tôi muốn gì với cậu ta? Em muốn gì với cậu ta, đó mới là điều tôi muốn hỏi. Em phải biết xấu hổ chứ.”

“Xấu hổ à? Hừ! Nếu anh hỏi tôi, có thể nói thế này,” Barbro nói. “Tôi ở đây, để ngồi trong nhà như một pho tượng hải, tôi cho là vậy? Dù sao thì tôi phải xấu hổ về cái gì chứ? Nếu anh muốn đi tìm một ai khác để coi sóc chỗ này, tôi sẵn sàng ra đi. Anh nên cân trọng lời ăn tiếng nói của mình, đó là tất cả những gì tôi phải nói, nếu đó không phải là yêu cầu cao lắm. Bây giờ tôi sẽ quay về để dọn bữa tối và pha cà phê cho anh, và sau đó tôi có thể làm gì tùy ý.”

Họ về tới nhà với cuộc đấu khẩu đang lúc cao trào.

Không, họ không luôn luôn là bạn thân nhất của nhau, Axel và Barbro; thỉnh thoảng lại có chuyện. Tới lúc này, cô gái đã sống với anh được hai năm, và trước đó họ đã từng cãi cọ; hầu hết là khi Barbro nói tới việc tìm một nơi khác. Anh muốn cô gái ở lại đó mãi, định cư ở đó, cùng chia sẻ ngôi nhà và cuộc sống với anh; anh biết anh sẽ gặp khó khăn ra sao nếu bị bỏ lại không người trợ giúp. Và cô đã hứa nhiều lần – phải, trong những lúc thân thương triu mến hơn, cô không hề nghĩ tới việc ra đi. Nhưng khi họ cãi cọ về bất cứ điều gì, cô luôn đe dọa bỏ đi. Nếu không có việc gì khác, cô phải đi khám răng ở thị trấn. Đi, đi xa... Axel cảm thấy anh phải tìm ra một biện pháp để giữ chân cô.

Giữ chân cô? Barbro rất quan tâm tới việc anh cố giữ chân cô nếu cô không muốn ở lại.

“Thế à, vậy là em lại muốn ra đi?” Anh hỏi.

“Vâng, và nếu tôi muốn thế?”

“Em nghĩ là em có thể sao?”

“Chà, tại sao không nhỉ? Nếu anh nghĩ tôi sợ vì mùa đông sắp đến... Nhưng tôi có thể tìm một chỗ ở Bergen bất kỳ ngày nào tôi muốn.”

Axel nói một cách khá kiên quyết: “Dù sao đi nữa, sẽ mất một thời gian trước khi em có thể làm điều đó. Chừng nào em còn có một đứa bé.”

“Chừng nào còn có một đứa bé? Anh đang nói cái gì vậy?”

Axel nhìn chăm chú. Cô gái này có điên không? Đúng, bản thân anh nên nhấn nại hơn. Bây giờ, khi đã có phương tiện để giữ chân cô, anh đã trở nên tự tin, và đó là một sai lầm; không cần thiết phải gay gắt với cô và chọc cho cô nổi điên lên; anh không cần phải tốn nhiều lời để chỉ dẫn cô trong việc giúp anh với vụ khoai tây mùa xuân ấy – anh có thể tự mình trồng chúng. Sẽ có nhiều thời gian để anh khẳng nhận thẩm quyền của mình sau khi họ đã kết hôn; cho tới lúc đó anh nên có đủ tỉnh táo để nhượng bộ.

Nhưng... thật là tệ hại, cái sự vụ với Eleseus, cái cu cậu thư ký này, kẻ đã vênh váo đến với chiếc gậy và mọi câu chuyện hay ho của cậu ta. Cứ tiếp tục như thế với một cô gái khi cô ta đã đính ước với một người đàn ông khác – và trong tình trạng lúc này của cô ta nữa! Điều này nằm ngoài khả năng thấu hiểu. Cho tới lúc đó Axel không có đối thủ nào để cạnh tranh – giờ đây thì đã khác.

“Đây là một tờ báo mới cho em,” anh nói. “Và đây là một chút quà tôi mua cho em. Không biết em có quan tâm tới nó chẳng.”

Barbro tỏ ra lạnh lùng. Họ đang ngồi đó bên nhau, uống thứ cà phê nóng hổi từ trong chén, nhưng với tất cả những điều đó cô chỉ đáp lại bằng những lời lạnh lẽo như băng:

“Tôi cho rằng đó là chiếc nhẫn vàng mà anh đã hứa cho tôi trong suốt hơn mười hai tháng vừa qua.”

Tuy nhiên, câu nói này đã đi quá đà, vì nói cho cùng, đó là một chiếc nhẫn, nhưng không phải là một chiếc nhẫn vàng, và anh chưa bao giờ hứa cho cô thứ đó – điều này là do cô bịa đặt; nó làm bằng bạc, bạc thật mạ vàng, với hai cái móc và có nhãn hiệu bên trên các thứ. Nhưng ôi chao, chuyến hành trình xúi quẩy đó của cô tới Bergen! Barbro đã từng nhìn thấy những chiếc nhẫn đính hôn thật sự – không ích gì để nói với cô!

“Chiếc nhẫn đó! Hừ! Anh cứ đi mà giữ nó.”

“Có gì sai với nó nào?”

“Sai với nó? Theo tôi biết thì không có gì sai với nó,” cô đáp. Và đứng lên để dọn bàn.

“Sao, em cần đeo nó ngay bây giờ,” anh nói. “Có thể tôi sẽ xoay xở mua một chiếc khác một ngày nào đó.”

Barbro không đáp.

Tối hôm đó Barbro trở thành một tạo vật vô ơn. Một chiếc nhẫn bạc mới – ít nhất cô phải nồng nhiệt cảm ơn anh mới phải. Hẳn là tay thư ký đó với những cung cách thị dân đã khiến cô thay lòng đổi dạ. Axel không thể kèm được câu nói: “Tôi muốn biết cái cậu Eleseus đó cứ tới đây để làm gì. Cậu ta muốn gì với em?”

“Với tôi?”

“Phải. Phải chẳng cậu ta là một tên gốc tới nỗi không thể nhìn thấy chuyện gì đang xảy ra với em lúc này? Cậu ta không có mắt trên trán hay sao?”

Barbro quay thẳng sang anh ta khi nghe thấy thế: “Ồ, vậy ra anh nghĩ anh đã tóm chặt được tôi là vì chuyện đó? Anh sẽ thấy rằng anh đã sai lầm, chỉ có thể thôi.”

“Thế à!” Axel nói.

“Phải, và tôi cũng không ở đây nữa.”

Nhưng nghe thấy câu này Axel chỉ mỉm cười; không cười toe toét, cũng không cười phì vào mặt cô, không; vì anh không có ý định ngăn cản cô. Thế rồi anh nói một cách vỗ về, như với một đứa bé: “Hãy là một cô gái ngoan nào, Barbro. Chỉ có tôi và em, em biết đó.”

Và dĩ nhiên cuối cùng Barbro đầu hàng và tỏ ra ngoan ngoãn, thậm chí còn lên giường với chiếc nhẫn bạc trên ngón tay.

Tất cả sẽ đi đúng đường vào đúng lúc, đừng lo.

Đối với hai người trong túp lều, vâng. Nhưng còn Eleseus thì sao? Với cậu thì rất tệ; cậu thấy khó lòng bỏ qua được cái cung cách đáng xấu hổ mà Barbro đã đối xử với cậu. Cậu không biết gì về chứng loạn thần kinh, và xem tất cả chỉ là sự ác độc đơn thuần về phần cô gái; cái cô nàng Barbro xuất thân từ trại Breidablik đó đã nghĩ quá nhiều tới bản thân, mặc dù cô ta đã từng sống ở Bergen...

Cậu gửi trả lại cô gái tấm ảnh theo cách riêng của mình – tự tay mang nó xuống một đêm nọ và nhét nó qua cửa vừa cỏ khô, nơi Barbro ngủ. Việc đó không được thực hiện theo bất kỳ cách thức thô lỗ bất lịch sự nào, không phải vậy; cậu đã lúc lắc cánh cửa một lúc lâu để đánh thức cô, và khi cô chống cùi chỏ nhồm lên và hỏi, “Chuyện gì thế; anh không tìm thấy lối đi trong bóng đêm hay sao?” cậu hiểu rằng câu hỏi đó là dành cho một người khác, và nó xuyên qua tim cậu như một mũi kim; như một lưỡi kiếm.

Cậu quay trở về nhà, không gây chống, không tiếng huýt sáo. Cậu không màng tới việc sắm vai đàn ông nữa. Một nhát dao cắm vào tim không phải là chuyện nhẹ nhàng.

Và đó có phải là lần cuối cùng không?

Một Chủ nhật nọ cậu đi xuống chỉ để nhìn xem; chỉ để nhìn lén lút. Với một sự kiên nhẫn bệnh hoạn và phi tự nhiên, cậu nằm nấp giữa các bụi cây, nhìn chăm chăm về phía căn lều. Khi cuối cùng một dấu hiệu của sự sống và chuyển động xuất hiện, nó đã đủ để kết thúc hoàn toàn mối tình của cậu: Axel và Barbro cùng bước ra và đi tới chỗ chuồng bò. Lúc này họ đang yêu và âu yếm với nhau, phải, họ đã có một giờ hạnh phúc; họ bước đi với đôi cánh tay choàng quanh

người nhau, và anh ta sẽ giúp cô với bầy gia súc. Thế đấy, vâng!

Elseus quan sát đôi tình nhân với một vẻ mặt như thể cậu đã đánh mất tất cả; như một người bị phá sản. Và có lẽ ý nghĩ của cậu là như thế này: Nàng ở đó tay trong tay với Axel Ström. Mình không thể nghĩ ra vì sao nàng có thể làm điều đó; đã có một thời nàng vòng đôi cánh tay quanh người mình! Và họ đã biến mất vào cái chuồng.

Tốt, cứ để mặc họ! Hừ! Phải chăng cậu đã nằm đây trong bụi rậm và quên cả bản thân? Một điều thật tốt đẹp đối với cậu – nằm úp bụng bẹp dúm ở đó và quên cả bản thân. Nói cho cùng, cô ta là ai chứ? Nhưng cậu vẫn là con người của chính mình. Hừ! Một lần nữa.

Cậu co chân đứng lên; phủi những nhánh cây và bụi đất khỏi quần áo, vươn vai và đứng thẳng lên trở lại. Lúc này cơn giận dữ và sự tuyệt vọng của cậu hiện ra dưới một hình thức lạ lùng: cậu đặt mọi quan tâm vào những cơn gió và bắt đầu hát một bài tình ca có nội dung cực kỳ phù phiếm. Và trên nét mặt cậu hiện lên một vẻ nghiêm chỉnh khi cậu chú tâm hát to hết cỡ những đoạn tồi tệ nhất.

CHƯƠNG XIX

Isak từ làng trở về với một con ngựa. Phải, cần làm điều đó; anh đã mua con ngựa từ viên trợ lý của ngài Lensmand; con ngựa đang được rao bán, như Geissler đã nói, nhưng nó trị giá tới 240 Kroner – tức là 60 Daler. Giá ngựa đã tăng vọt khỏi mọi giới hạn: khi Isak còn bé, giá một con ngựa tốt nhất chỉ có 50 Daler.

Nhưng tại sao anh không bao giờ tự nuôi lớn một con ngựa? Anh đã nghĩ tới chuyện đó; đã hình dung ra một chú ngựa con xinh xắn – anh đã mong chờ chuyện đó suốt hai năm qua. Đó là việc của một nông dân có thời gian rỗi ngoài công việc đất đai và có thể để mặc những khoảnh đất nằm hoang phí ở đó cho tới khi họ có một con ngựa để chở mùa màng thu hoạch về nhà. Viên trợ lý của ngài Lensmand đã nói: “Tôi không màng tới việc giữ lại một con ngựa tốn kém; tôi không có nhiều cỏ khô hơn mức những người phụ nữ trong nhà có thể tự cắt được trong lúc tôi đang làm nhiệm vụ.”

Con ngựa mới này là một ý tưởng đã có từ lâu của Isak, anh đã từng nghĩ về nó suốt nhiều năm; Geissler không phải là người đã gợi ra cho anh ý nghĩ này. Và anh cũng đã có những chuẩn bị trong khả năng cho phép; một chuồng ngựa mới, một sợi thùng mới để cột nó trong mùa hè; về phần xe thì anh đã có sẵn vài chiếc, anh sẽ đóng thêm vài chiếc cho mùa thu. Quan trọng nhất là cỏ khô, và anh cũng không quên chuyện đó, tất nhiên; không thì tại sao anh lại xem việc vỡ hoang mảnh đất cuối hồi năm ngoái là quan trọng đến thế, nếu không phải là để nuôi một con ngựa mới? Hiện giờ nó đã mọc đầy cỏ xanh; đó là để cho mấy con bò cái có mang.

Phải, anh đã nghĩ tới mọi thứ. Chà, có thể Inger lại kinh ngạc và vỗ tay giống như những ngày xưa.

Isak mang về những tin tức từ làng; Breidablik sẽ bị bán đi, có một thông báo phía ngoài nhà thờ. Một ít hoa màu – cỏ khô và khoai tây – cũng sẽ bán đi cùng với các thứ còn lại. Có lẽ cả gia súc nữa; chỉ vài con, không to cho lắm.

“Phải chăng anh ta bán cả ngôi nhà và chẳng chừa lại thứ gì?” Inger kêu lên. “Vậy anh ta sẽ sống ở đâu?”

“Trong làng.”

Đúng như thế. Brede sắp quay về làng. Nhưng trước tiên y cố nài Axel Ström cho y sống ở đó với Barbro. Y không thành công. Brede chưa bao giờ nghĩ tới việc cản trở mối quan hệ giữa con gái mình và Axel, vì thế y cẩn thận không tự biến mình thành một sự phiền toái, dù chắc chắn đó là một bước lùi khó khăn, với tất cả những điều còn lại. Axel sẽ cất nhà mới vào mùa thu đó; tốt thôi, khi anh và Barbro đã chuyển sang đó, và vì sao Brede và gia đình lại không thể có một túp lều? Không, chuyện không xảy ra như thế với Brede, y không nhìn mọi thứ như một nông dân và một kẻ định cư ở vùng đất mới; y không hiểu rằng Axel phải dời đi là vì anh cần túp lều cho số gia súc đang tăng lên của mình; túp lều sẽ trở thành một cái chuồng bò mới. Và thậm chí khi Brede được giải thích về điều này, y không sao hiểu được quan điểm đó; chắc chắn là

con người phải đi trước lũ súc vật, y nói. Không, cách của một người tìm chốn định cư thì khác; thú vật trước; một con người luôn có thể tìm ra cho mình một nơi trú ẩn vào mùa đông. Nhưng lúc bấy giờ Barbro xen vào một câu: “Thế à, vậy ra anh đặt lũ thú vật lên trên chúng tôi hả? Thật đúng như tôi biết mà!” Thế là Axel đã gây thù kết oán với cả một gia đình vì anh không có chỗ để chứa họ. Nhưng anh không nhượng bộ. Cái anh chàng Axel đó không phải là một gã tốt tính ngu ngốc, trái lại, anh đã trở nên ngày càng cẩn trọng; anh biết rõ rằng một đám đông như thế chuyển sang sẽ mang tới cho anh nhiều miệng ăn phải cung ứng. Brede lệnh cho cô con gái im lặng và cố làm rõ rằng bản thân y thà dời lại xuống làng còn hơn; không thể chịu đựng nổi cuộc sống giữa rừng hoang, y nói – chính vì lý do đó mà y đã rao bán cái trang trại.

Ồ, nhưng thật sự thì không phải là Brede đang rao bán nó; chính ngân hàng và người chủ tiệm mới là kẻ đứng sau, dù vì vấn đề thể diện họ để cho vụ việc được tiến hành với tư cách của Brede. Y nghĩ y sẽ không bị mất mặt khi làm theo cách đó. Và Brede không hề hoàn toàn thất vọng khi Isak gặp y; y tự an ủi chính mình với ý nghĩ rằng y vẫn là quan thanh tra của tuyến đường điện báo; dù sao đó cũng là một khoản thu nhập thường xuyên, và khi có thời cơ y có thể quay trở lại chức vụ cũ với tư cách là trợ lý của ngài Lensman và thế này thế nọ. Dĩ nhiên là y cũng hơi mủi lòng với sự đổi thay; không dễ chia tay với một nơi chốn mà người ta đã sinh sống cần lao trong suốt nhiều năm, và trở nên quan tâm tới nó. Nhưng Brede không bao giờ nản lòng lâu. Đó là ưu điểm lớn nhất, sức quyến rũ của y. Trong đời mình, y đã từng có ý định trở thành một nông dân, niềm hứng khởi đó đã từng nảy sinh trong đầu y. Đúng, y đã thất bại về chuyện này, nhưng y đã vạch ra những kế hoạch khác cũng theo cách thức ung dung như thế và đã tiến triển tốt hơn; và ai có thể nói được – có lẽ những mẫu quặng của y cuối cùng sẽ trở thành một thứ gì đó tuyệt vời khi gặp đúng thời cơ! Về phần Barbro, y đã bố trí cho con gái mình sống ổn định ở Maaneland, và nó sẽ không rời bỏ Axel vào lúc này, y có thể thề như vậy – điều đó thật sự rất rõ ràng, bất kỳ một ai cũng có thể nhìn thấy được.

Không, không có gì phải e sợ chừng nào y còn khỏe mạnh, còn có thể làm việc cho bản thân và cho những người trông cậy vào y, Brede Olesen nói. Và đám trẻ cũng đang lớn dần, đủ lớn để đi ra ngoài và tự tạo lập đời mình, y nói. Helge đã tới những bãi đánh cá trích từ trước, và Katrine sẽ tới giúp việc ở nhà ông bác sĩ. Chỉ còn hai đứa nhỏ nhất – à, à, còn có đứa thứ ba đang nằm trong bụng, đúng, nhưng, dù sao thì...

Isak còn có một tin khác từ dưới làng: Lensmand phu nhân đã sinh con. Inger đột nhiên quan tâm tới chuyện này: “Trai hay gái?”

“À, tôi không nghe nói tới chuyện đó,” Isak đáp.

Nhưng rồi cuộc Lensmand phu nhân cũng đã sinh con – sau tất cả những lời lẽ mà bà đã phát biểu ở câu lạc bộ các quý bà về sinh suất đang gia tăng ở những người nghèo; tốt hơn nên trao cho phụ nữ quyền bầu cử và cho phép họ có tiếng nói trong những vấn đề riêng của họ, bà ta đã nói thế. Và giờ thì bà ta đã mắc câu. Vâng, vợ của ông linh mục đã nói, “Bà ấy đã có tiếng nói trong nhiều thứ – nhưng những việc riêng của bà ấy thì không khá hơn chút nào, hahaha!” Câu nói thông minh đó đã được lan truyền khắp làng và có nhiều người hiểu nó có nghĩa là gì – Inger cũng không còn ngờ gì nữa; chỉ có Isak là người không hiểu.

Isak chỉ hiểu về công việc, trách vụ của mình. Giờ anh đã là một người giàu có, với một nông

trại lớn, nhưng anh tiêu xài rất tần tiện số tiền mặt to lớn đã lọt vào túi của mình nhờ một cơ hội may mắn; anh gác số tiền đó sang bên. Mảnh đất đã cứu vớt anh. Giả sử anh sống ở dưới làng, có thể thế giới rộng lớn sẽ tác động lên ngay cả anh; quá nhiều thú vui, quá nhiều cung cách thanh lịch; có thể anh sẽ mua những thứ vật vãnh vô giá trị và mặc một chiếc sơ mi đồ dành cho Chủ nhật vào mọi ngày trong tuần. Ở đây, giữa chốn rừng hoang, anh được che chắn khỏi mọi điều thái quá; anh sống trong không khí trong lành, tắm rửa vào những sáng Chủ nhật, và cũng tắm khi đi lên chỗ hồ nước.Ồ, những đồng Daler đó là một món quà Trời ban, cần được giữ nguyên. Anh còn làm gì khác được? Những chi tiêu thông thường của anh đã được bù đắp lại nhiều hơn nhờ những sản phẩm từ ruộng đồng và gia súc.

Elseus biết nhiều hơn, tất nhiên; cậu đã khuyên cha cậu gửi tiền vào ngân hàng. Chà, có lẽ đó là cách tốt nhất, nhưng hiện tại Isak vẫn đang trì hoãn việc này – có lẽ anh sẽ chẳng bao giờ thực hiện nó. Không phải Isak xem nhẹ ý kiến của con trai mình; Elseus không ngu ngốc; như cậu đã cho thấy dạo sau này. Hiện giờ, trong mùa cắt cỏ khô, cậu đã thử dụng tay vào lưỡi hái – nhưng cậu không có khiếu về chuyện đó, không. Cậu luôn đứng gần Sivert, và đã phải liên tục sử dụng hòn đá mài. Nhưng Elseus có đôi cánh tay dài và có thể cắt cỏ với cung cách hàng đầu. Cậu, Sivert, Leopoldine và cô hầu gái Jensine, tất cả bọn họ hiện đều bận rộn trên đồng với đợt cắt cỏ đầu tiên của năm đó. Elseus cũng không để cho mình có thời gian ngơi tay mà cứ làm việc liên tục cho tới khi đôi bàn tay cậu phồng dộp lên và phải bó lại bằng giẻ rách. Cậu đã biếng ăn trong suốt một tuần, tuy nhiên vẫn làm việc không đến nổi tồi. Có chuyện gì đó đã xâm chiếm tâm trí của chàng trai này; trông có vẻ như cậu đang bị thất tình hoặc chuyện gì đó tương tự, một nỗi buồn sâu không thể nguôi khuây đang tràn ngập cõi lòng của cậu. Và, hãy nhìn xem, hiện thời cậu đã hút tới mẩu thuốc lá cuối cùng mà cậu đã mang từ thị trấn về; thông thường, điều đó đủ khiến cho một chàng thư ký đi đập cửa khắp nơi và tự bày tỏ một cách nhấn mạnh quan điểm của mình về nhiều thứ; nhưng không, Elseus chỉ trở nên vững vàng và đứng thẳng hơn; một người đàn ông thật sự. Ngay cả Sivert, kẻ hay đùa cợt, cũng không thể khiến cho cậu thay đổi sắc mặt. Hôm nay khi hai người bọn họ đang nằm bên bờ sông để uống nước, Sivert đề nghị một cách khinh suất rằng sẽ hái thêm ít rêu tốt và phơi khô để làm thuốc hút – “Trừ phi anh thích hút rêu tươi hơn?” Cậu nói.

“Anh sẽ cho em thuốc lá,” Elseus nói, và đưa tay ra dìm đầu và vai Sivert xuống nước. Thế đấy, cho nó biết tay! Sivert ngoi lên, mái tóc vẫn còn nhỏ nước rùng rùng.

“Trông có vẻ như Elseus đang trở nên tốt hơn,” Isak nghĩ bụng, quan sát cậu con trai đang làm việc. Anh nói với Inger: “Ừm, tôi tự hỏi không biết Elseus nó có ở lại nhà hẳn hay không?”

Và nàng chỉ tỏ ra thận trọng một cách lạ lùng: “Tôi không thể nói được. Không, tôi không chắc sẽ như thế.”

“Thế đấy! Cô có nói lời nào về chuyện này với nó chưa?”

“Chưa, à, có, tôi đã nói đôi lời với nó, có thể. Nhưng đó chỉ là cách nghĩ của tôi.”

“Tôi muốn biết, nào... cho là nó nên có riêng một mảnh đất...”

“Ý của anh là sao?”

“Nếu nó làm trên một miếng đất của riêng nó?”

“Không.”

“Ờ, cô đã nói gì chưa?”

“Nói gì chưa? Anh không tự mình nhìn thấy sao? Không, tôi không thấy ở con người của nó có bất cứ điều gì theo cách đó.”

“Đừng ngồi đó nói xấu nó,” Isak nói một cách công bằng. “Tất cả những gì tôi có thể thấy là nó đang thực hiện một ngày lao động tốt ngoài đó.”

“Phải, có thể,” Inger ngoan ngoãn đáp.

“Và tôi không thể hiểu cô thấy có gì sai ở thằng bé,” Isak nói to, rõ ràng là không hài lòng. “Nó làm việc ngày càng tốt hơn, cô còn đòi gì nữa?”

Inger lẩm bẩm: “Phải, nhưng nó không giống như trước. Anh hãy thử nói chuyện với nó về những cái áo gi lê xem.”

“Về những cái áo gi lê? Ý cô là sao?”

“Nó đã quen mặc áo gi lê vào mùa hè khi nó còn ở thị trấn, nó bảo thế.”

Isak trầm ngâm một lúc; điều này vượt khỏi hiểu biết của anh. “Ờ, nó không thể có một cái áo gi lê hay sao?” anh nói. Ở đây, Isak không còn sự sâu sắc của mình nữa; dĩ nhiên đây chỉ là ý nghĩ vớ vẩn của những người đàn bà; trong đầu anh, Eleseus hoàn toàn có quyền có một cái áo gi lê trắng; nếu nó làm cho thằng bé vui lòng; dù sao thì anh cũng không thể hiểu tại sao phải rối lên về điều đó, và muốn gạt vấn đề này sang một bên để tiếp tục.

“Ờ, cô nghĩ sao nếu nó có miếng đất của Brede để canh tác?”

“Ai?” Inger hỏi.

“Nó, thằng Eleseus.”

“Breidablik? Không, không đáng bỏ công đâu.”

Sự thật là nàng đã nói chuyện về chính kế hoạch đó với Eleseus, nàng đã nghe được chuyện đó từ Sivert, người không thể giữ được một bí mật nào. Và thật ra, tại sao Sivert lại phải giữ bí mật chuyện đó khi chắc chắn là cha nó đã nói với nó một cách có dụng ý nhằm tìm hiểu ý kiến của nó? Đây không phải là lần đầu Isak sử dụng Sivert như một kẻ trung gian. Nhưng Eleseus đã trả lời như thế nào? Hệt như trước, như trong những lá thư nó gửi từ thị trấn, rằng không, nó sẽ không vứt bỏ tất cả những thứ đã học hỏi được, và lại trở thành một con số không chả có ý nghĩa gì. Đó là những gì nó đã nói. Thế đấy, và khi đó nàng đã tung ra mọi lý lẽ tốt đẹp của mình, nhưng Eleseus đã nói không với tất cả những lý lẽ đó; nó có những kế hoạch khác cho đời nó. Những trái tim son trẻ có những chiều sâu khôn dò của chúng, và sau những gì đã xảy ra, rất có khả năng nó không còn màng tới việc ở lại để làm bạn láng giềng với Barbro. Ai có thể nói được? Nó đã khá trịch thượng khi nói chuyện với mẹ nó; nó có thể tìm một vị trí tốt hơn vị trí trước đây ở thị trấn; có thể thăng tiến từ chức thư ký lên những chức vụ cao hơn. Nó phải thăng tiến. Nó phải ngoi lên cao trong thế giới này. Có lẽ trong vài năm nó có thể trở thành một Lensmand, một người quản lý hải đăng, hay là gia nhập Hải quan. Có rất nhiều con đường mở ra cho một người đàn ông có học thức.

Bất kể thế nào đi nữa, mẹ của Elseus đã nhìn thấu quan điểm của cậu.Ồ, nàng không chắc chắn lắm về bản thân; thế giới chưa hoàn toàn buông nàng ra khỏi bàn tay nắm giữ của nó. Mùa đông trước nàng đã đi xa tới mức thỉnh thoảng đọc một tác phẩm có tính sùng đạo rất hay mà nàng mang về từ Trondhem, từ Học viện; nhưng bây giờ thì... Elseus có thể là một vị Lensmand một ngày nào đó!

“Tại sao không?” Elseus nói. “Không phải chính bản thân Heyerdahl cũng từng là cựu thư ký ở cùng đơn vị đó hay sao?”

Những viễn cảnh tuyệt vời. Chính mẹ cậu cũng đã khuyên cậu đừng từ bỏ sự nghiệp của mình và tự rút bỏ bản thân. Một người như thế sẽ làm được gì giữa chốn hoang vu?

Nhưng vì sao Elseus lại bận tâm làm lưng vất vả và đều đặn như lúc này khi đang lao động trên đất của cha cậu? Chỉ có Trời mới biết, có thể cậu có một lý do nào đó. Có lẽ trong người cậu vẫn còn chút niềm kiêu hãnh bẩm sinh; cậu không muốn người khác vượt trội hơn mình; ngoài ra, không có hại gì khi nằm trong ký ức tốt đẹp của cha nó vào cái ngày ông ấy ra đi. Thật sự là Elseus có một số nợ nhỏ ở thị trấn và nếu có thể giải quyết chúng ngay lập tức thì tốt quá – nó sẽ nâng cao uy tín của cậu lên nhiều. Và đây không chỉ đơn giản là vấn đề một trăm Kroner, mà là một điều đáng để cân nhắc xét suy.

Elseus không hề ngu ngốc, mà trái lại, một anh chàng láu cá theo kiểu của cậu. Cậu đã trông thấy cha mình về nhà, và biết rõ Isak đang ngồi bên cửa sổ nhìn ra vào lúc đó. Không hề có tổn hại gì trong việc quay lưng về phía đó một lát, làm việc chăm hơn một chút trong lúc đó – điều này không tổn thương ai, và có thể có ích cho cậu.

Vì lý do nào đó Elseus đã thay đổi; bất kể đó là gì, một cái gì đó bên trong cậu đã bị lệch lạc, đã bị hủy hoại một cách lặng lẽ; nó không xấu, nhưng có cái gì đó đã bị hỏng. Phải chăng cậu đã thiếu một bàn tay dẫn dắt trong mấy năm qua? Giờ đây mẹ cậu có thể làm gì giúp cậu? Chỉ đứng bên cậu và đồng ý. Inger có thể tự cho phép mình choáng váng với những viễn cảnh tương lai sáng lạn của đứa con trai và đứng giữa cậu và cha cậu, để đóng vai trò của cậu – nàng có thể làm điều đó.

Nhưng cuối cùng Isak thấy bức dọc với sự chống đối của nàng; trong đầu anh, ý tưởng về trại Breidablik không phải là một ý tồi. Chỉ vì chính vào cái ngày hôm đó, khi trở lên, anh đã dừng ngựa hầu như không suy nghĩ, để nhìn với con mắt phê phán mảnh đất bị bạc đãi; phải, nó có thể trở thành một trang trại tốt trong những bàn tay thích hợp.

“Tại sao không đáng bỏ công?” anh hỏi Inger. “Dù sao tôi cũng suy nghĩ nhiều cho Elseus, rằng tôi sẽ giúp nó về chuyện đó.”

“Nếu anh có chút suy nghĩ nào cho nó thì đừng nói lời nào về Breidablik nữa,” nàng đáp.

“Thế à!”

“Phải, vì trong đầu nó có những ý nghĩ lớn lao hơn những ý nghĩ của chúng ta.”

Cả Isak cũng gần như không chắc chắn về mình lắm ở chuyện này và nó khiến anh thấy yếu đi, nhưng anh không muốn phải phơi bày tất cả, phải nói thẳng về kế hoạch của mình. Anh không muốn từ bỏ nó vào lúc này.

“Nó sẽ làm như tôi nói,” Isak đột ngột tuyên bố. Và anh cất cao giọng một cách đe dọa, trong trường hợp vì lý do nào đó Inger có thể khó nghe thấy. “Phải, cô có thể chờ xem; tôi không chỉ nói suông. Cái trại đó nằm ở chặng giữa, bên cạnh là trường học và mọi thứ; nó có ý tưởng lớn lao nào ngoài điều đó chứ, tôi muốn biết? Với một thằng con trai như thế tôi sẽ bỏ đói cho tới chết – việc đó có tốt hơn chút nào không, cô nghĩ sao? Và cô có thể cho tôi biết vì sao máu thịt của chính tôi hóa ra lại trái ngược với ... với máu thịt của chính tôi hay không?”

Isak ngưng lời; anh nhận ra rằng càng nói thì tình hình càng tệ. Anh sắp thay quần áo, cởi những thứ đẹp đẽ mà anh đã khoác vào để đi xuống làng; nhưng không, anh thay đổi ý định, anh có thể cứ mặc như thế – bất kể ý định của anh là gì. “Tốt hơn cô nên nói một lời về chuyện này với Eleseus,” anh nói.

Và Inger đáp: “Tốt nhất là anh tự nói ra. Nó sẽ không làm như tôi nói.”

Tốt lắm, Isak là kẻ đứng đầu trong nhà, Eleseus phải nghĩ như vậy; để xem Eleseus có dám lăm bằm! Nhưng, không biết có phải vì anh sợ bị thất bại hay không, Isak thoái lui, và nói: “Phải, đúng thế, tôi nên tự nói một lời. Nhưng vì có nhiều việc phải làm, phải bận bịu thứ này thứ khác, tôi còn phải nghĩ tới một chuyện khác.”

“Hả?....” Inger nói một cách ngạc nhiên.

Và Isak lại ra khỏi nhà – không xa lắm, chỉ tới cánh đồng xa hơn, nhưng vẫn là ra khỏi nhà. Anh có vẻ đầy bí mật, và tìm cách lẩn ra khỏi con đường. Sự thật là thế này: hôm nay anh đã mang về từ làng một tin tức khác, và nó là một tin quan trọng hơn số còn lại, một tin trọng đại; và anh đã giấu nó ở bìa rừng. Nó đứng đó, trùm kín trong những lớp bao bố và giấy; anh tháo lớp bao ra, và kia, một cỗ máy to lớn. Hãy nhìn xem! Đỏ và xanh dương, nhìn thật tuyệt, với một bộ răng và một bộ dao, với những khớp nối và cánh tay, những ốc vít và bánh xe – một cỗ máy cắt cỏ. Không, hôm nay lẽ ra Isak sẽ không xuống làng để mua con ngựa mới nếu không vì cỗ máy đó.

Anh đứng đó với vẻ mặt căng thẳng cực kỳ, ôn lại trong óc từ đầu tới cuối những hướng dẫn sử dụng mà người chủ tiệm đã đọc lên; anh gắn một cái lò xo vào chỗ này, dời một cái then vào chỗ nọ, tra dầu vào từng lỗ và từng khe hở, rồi nhìn lướt qua toàn bộ cỗ máy lần nữa. Isak chưa bao giờ biết tới một giờ khắc như thế trong đời mình. Anh đã cầm lấy bút và ký tên lên một tờ giấy, một văn kiện – phải, đó là một thứ trọng đại, không còn ngờ gì nữa. Giống như lần anh mua cái bừa mới vậy – có quá nhiều bộ phận vặn vẹo lạ lùng trong đó cần phải xem xét. Chưa kể tới cái vòng tròn lớn phải được gắn vào vị trí của nó với độ chính xác của một nét bút chì, không được lắc lư sang hướng đông hay hướng tây, không thì nó sẽ bay vù mất. Nhưng cái máy cắt cỏ này của anh – nó đúng là một cái tổ lúc nhúc những cái lò xo thép, những bản lề và phụ kiện, và hàng trăm đinh vít – cái máy may của Inger chỉ là một cái thẻ đánh dấu sách so với nó!

Isak tự thắng mình vào càn xe và thử cái máy đó. Đây là một khoảnh khắc tuyệt vời. Và đó là lý do vì sao anh lánh khỏi tầm mắt mọi người và tự mình làm ngựa kéo.

Bởi vì – chuyện gì sẽ xảy ra nếu cái máy bị lắp sai và không hoạt động mà lại văng ra từng mảnh với một tiếng kêu loảng xoảng! Tuy nhiên, một tai họa như thế không xảy ra; cái máy có thể cắt cỏ. Và thật sự nó nên như thế, sau khi Isak đứng đó, cẩn thận nghiên cứu suốt nhiều giờ. Mặt trời đã lặn. Anh lại tự thắng mình vào càn xe và thử máy; phải, cái máy cắt được cỏ. Và

thật sự nó nên như thế!

Khi sương bắt đầu rơi dày sau cái nóng ban ngày, và hai cậu con trai bước ra, mỗi người một hái để cắt cỏ chuẩn bị cho ngày hôm sau, Isak xuất hiện ở gần nhà và nói:

“Hôm nay hãy cắt mấy cái hái đi. Dắt con ngựa mới ra, các con có thể, và dắt nó xuống chỗ bìa rừng.”

Nói xong, thay vì vào nhà để ăn tối như những người khác đã làm trước đó, anh quay người đi trở lại con đường mà từ đó anh đã đến.

“Cha có cần xe không?” Sivert gọi với theo anh.

“Không,” cha cậu nói và bước tiếp.

Đầy bí mật, đầy tự hào; với những cú bung chân hơi mạnh, anh bước đi một cách khệnh khạng. Một người đàn ông can đảm như thế có thể bước tới cái chết và sự hủy diệt, trong tay không mang theo một thứ vũ khí nào.

Hai cậu con trai tới đó cùng với con ngựa, trông thấy cổ máy, và đứng lặng người ra. Đó là chiếc máy cắt cỏ đầu tiên ở chốn hoang vu, vật đầu tiên trong làng – đỏ và xanh dương, một vật kỳ diệu đối với đôi mắt của con người. Và người cha, chỉ huy của tất cả bọn họ, cất tiếng gọi, ồ, với một giọng thờ ơ, như thể không có gì khác lạ: “Thăng nó vào cổ máy này.”

Và họ lái nó đi; người cha lái. Brrr! Cổ máy rít lên, và cắt cỏ thành từng vệt. Hai cậu con trai đi phía sau, không có gì trong tay, không làm gì cả, chỉ mỉm cười. Người cha dừng lại và ngoái đầu nhìn. Ừm, không được sạch như ý muốn. Anh vặn một cái đai ốc ở chỗ này chỗ khác để đưa mấy con dao xuống sát đất hơn, và thử lại. Không, vẫn chưa đúng, mọi thứ chưa đều; cái khung với những hàng dao dường như hơi tung lên chút ít. Người cha và hai đứa con thảo luận một hồi về cổ máy. Eleseus đã tìm thấy bản hướng dẫn và đang đọc nó. “Đây, nó bảo phải ngồi trên ghế khi cha lái – khi đó nó chạy đều hơn,” cậu nói.

“Thế à!” người cha nói. “Phải, chính thế, cha biết,” anh đáp. “Cha đã nghiên cứu nó rất kỹ.” Anh leo lên ghế ngồi và khởi động lại; giờ đây nó đã chạy đều. Đột nhiên cổ máy ngưng hoạt động – những con dao không cắt gì hết. “Xùy! Giờ thì cái gì trục trặc đây?” Người cha leo xuống khỏi chỗ ngồi, không còn nở từng khúc ruột với niềm tự hào mà nghiêng gương mặt lo âu, thắc mắc xuống cổ máy. Ba cha con nhìn nó đăm đăm; phải có cái gì đó trục trặc. Eleseus đứng cầm bản hướng dẫn.

“Đây là một cái chốt hay gì đó,” Sivert nói, nhặt lên mặt cỏ lên vật gì đó.

“Thế à, vậy thì đúng rồi,” cha cậu nói, như thể đó là tất cả những gì cần thiết để đưa mọi thứ vào trật tự. “Cha cũng đang tìm cái chốt đó.” Nhưng lúc này họ không thể tìm ra cái lỗ để gắn nó vào – nhân danh sự diệu kỳ, cái lỗ đó có thể ở đâu được chứ?

Và tới lúc này Eleseus có thể bắt đầu cảm thấy mình là một nhân vật quan trọng; chính cậu đã tìm ra tờ giấy in những lời hướng dẫn. Họ có thể làm gì nếu không có cậu? Cậu chỉ khá lâu một cách không cần thiết vào một cái lỗ và giải thích: “Theo hình minh họa cái chốt phải gắn vào đây.”

“Phải, đó đúng là chỗ gắn nó vào,” cha cậu nói. “Cha đã gắn nó vào chỗ đó trong lần trước.” Và để phục hồi lại uy tín đã mất, anh ra lệnh cho Sivert đi quanh để tìm thêm những cái chốt trên cỏ. “Ắt phải còn một cái khác,” anh nói, trông rất quan trọng, như thể đang chất chứa tất cả các thứ đó trong đầu. “Con tìm ra cái kia chứ? Tốt tốt, vậy thì nó đã nằm trong lỗ của nó rồi, tốt lắm.”

Người cha khởi động lại.

“Chờ một lát, cái này sai rồi,” Eleseus kêu lên. Ái chà, Eleseus đứng đó với hình vẽ trên tay, với Luật pháp trong tay; không thể trốn khỏi cậu! “Cái lò xo đó bị trượt ra ngoài,” cậu nói thể với cha mình.

“Phải, vậy thì sao?”

“Sao, cha phải gắn nó từ dưới, cha gắn nó không đúng. Nó là một cái lò xo thép, và cha phải gắn nó từ phía ngoài, nếu không cái chốt lại bung ra và dùng mấy con dao lại. Cha có thể nhìn trong tấm hình này.”

“Cha đã để đôi kính ở nhà, và không thể nhìn rõ,” cha cậu nói, hơi mềm mỏng. “Con có thể nhìn tốt hơn, con gắn nó vào đi. Cha không muốn đi lên nhà để lấy kính vào lúc này.”

Giờ thì mọi thứ đều nằm trong vòng trật tự, và Isak đứng lên. Eleseus gọi với theo anh: “Cha phải lái khá nhanh. Nó sẽ cắt tốt hơn theo cách đó. Trong này ghi như thế.”

Isak lái, lái mãi, và mọi thứ diễn ra êm đẹp, và Brrr! Cổ máy rít lên. Có một vệt cỏ đã cắt rộng trong lần chạy của nó, nằm gọn gàng theo hàng, sẵn sàng để gom lại. Giờ họ có thể nhìn thấy anh từ nhà, và tất cả phụ nữ trong nhà bước ra; Inger bế bé Rebecca trên tay, dù nó đã tự biết đi từ lâu. Họ đến – bốn phụ nữ, lớn và bé – vội vã, với những đôi mắt mở to hướng tới cái vật kỳ diệu đó, chen nhau đi xuống để nhìn.Ồ, giờ đã tới thời điểm của Isak. Anh thật sự tự hào, một con người đầy quyền năng, ngồi tít trên cao, mặc đồ ngày nghỉ lễ, toàn những thứ đồ đẹp; áo khoác và mũ, dù mồ hôi đang ứa ra như tắm khắp người anh. Anh lượn vòng ở bốn góc lớn; chạy qua một vùng đất rộng, vòng lại, lái, cắt cỏ, lướt ngang chỗ những người phụ nữ đang đứng; họ đứng lặng người, tất cả những thứ này vượt khỏi sức tưởng tượng của họ, và Brrr! Cổ máy rít lên.

Thế rồi Isak dừng lại và trèo xuống. Nôn nao, không còn ngờ gì nữa, để được nghe điều mà những người dưới mặt đất kia sẽ nói; điều mà họ sẽ tìm ra để nói về mọi chuyện này. Anh nghe thấy những tiếng kêu bị nén lại; họ sợ làm phiền anh trong công việc cao cả của mình, những người đứng trên mặt đất này, nhưng họ quay sang nhìn nhau với những thắc mắc đầy kính sợ, và anh nghe thấy những gì họ nói. Và giờ đây, anh có thể là một vị cha-chúa nhân từ và là người cai trị tất cả bọn họ, anh nói: “Đấy, cha chỉ làm chỗ đó thôi, và ngày mai các con có thể mở rộng nó ra.”

“Anh không có thời gian vào nhà để ăn chút gì sao?” Inger nói, hoàn toàn bị chế ngự.

“Không, tôi còn có việc khác phải làm,” anh đáp.

Rồi anh tra dầu lần nữa cho cổ máy; giúp họ hiểu rằng anh đang đặt hết tâm trí vào công việc đầy tính khoa học này. Lại lái máy ra, cắt thêm cỏ.

Và cuối cùng, sau một hồi lâu, những người phụ nữ quay trở về nhà.

Isak đại hạnh – con người hạnh phúc ở trại Sellanraa!

Chẳng bao lâu nữa những lán giềng từ mé dưới sẽ kéo lên. Axel Ström rất quan tâm tới mọi thứ, có thể ngày mai cậu ta sẽ tới. Nhưng Brede ở ngay Breidablik, có thể y sẽ có mặt ngay tối đó, Isak sẽ phải miễn cưỡng cho họ xem cỗ máy, giải thích với họ về nó, bảo cho họ biết nó hoạt động như thế nào, và tất cả mọi điều về nó. Anh có thể chỉ ra rằng không người nào dùng hái có thể cắt cỏ đẹp và sạch đến thế. Nhưng nó tốn tiền, tất nhiên – ồ, một cỗ máy màu đỏ và xanh dương như thế là một thứ đắt tiền khủng khiếp!

Isak đại hạnh!

Nhưng khi anh dừng lại để tra dầu lần thứ ba, coi kìa! Đôi kính của anh rơi ra từ trong túi. Và tệ hơn hết, cả hai cậu con trai đều nhìn thấy nó. Có một quyền năng trên cao nào nằm phía sau sự kiện nhỏ này hay không – một lời cảnh báo chống lại sự kiêu căng ngạo mạn? Ngày hôm đó, thỉnh thoảng anh lại mang đôi kính đó vào để nghiên cứu những lời hướng dẫn, không nói một lời nào; Eleseus đã giúp anh trong chuyện đó. Phải, lạy Trời, thật tốt khi là một người hiểu biết sách vở, không còn ngờ gì nữa. Và như là một cách tỏ ra khiêm tốn, Isak quyết định từ bỏ kế hoạch biến Eleseus thành một nông dân trong vùng hoang địa; anh sẽ không bao giờ nói một lời nào về chuyện đó nữa.

Hai cậu con trai không hề làm to chuyện về vụ đôi kính; trái lại là khác. Tất nhiên, Sivert, kẻ hay đùa, phải nói đôi điều gì đó; với cậu thật sự có quá nhiều điều để nói. Cậu nín ống tay áo của Eleseus và nói: “Này, đi nào, chúng ta sẽ trở về nhà và quẳng mấy cái hái này vào bếp lửa. Giờ thì cha sẽ cắt hết tất cả chỗ cỏ với cỗ máy này!” Và đó đúng là một câu đùa.

Quyển II

CHƯƠNG I

Sellanraa không còn là một mảnh đất hiu quạnh giữa chốn hoang vu; có nhiều người sống ở đây, lớn nhỏ bảy người tất cả. Và trong thời gian ngắn giữa mùa cắt cỏ khô thỉnh thoảng lại có một người, quen hoặc lạ, tới để xem chiếc máy cắt cỏ. Brede Olsen là người đầu tiên, dĩ nhiên, nhưng cả Axel Ström cũng tới, và nhiều láng giềng khác ở mé dưới. Phải, ngay cả từ dưới làng. Và từ bên kia đồi, Oline, con người bất khả tiêu diệt, cũng tới.

Lần này bà cũng mang theo những tin tức từ làng xóm của mình; tới mà không có những câu chuyện tầm phào không phải là cách thức của Oline. Những giao dịch và các khoản thu chi của cụ Sivert đã được xem xét, và gia tài ông để lại không còn gì cả. Chẳng có gì!

Nói tới đây Oline mím môi lại và nhìn từ người này sang người khác. Chà, đó có phải là một tiếng thở dài không? Mái nhà sẽ đổ sụp xuống chứ? Eleseus là người đầu tiên mỉm cười.

“Chúng ta hãy xem nào. Em được đặt tên theo cậu Sivert, phải không?” cậu nhẹ nhàng hỏi.

Và Sivert trẻ cũng nhẹ nhàng đáp lại:

“Đúng thế. Nhưng em đã tặng cho anh tất cả những gì mà ông ấy có thể để lại cho em.”

“Và nó khoảng chừng bao nhiêu?”

“Giữa năm và mười ngàn.”

“Daler?” Eleseus đột ngột la lên, nhại lại em cậu.

Oline, không ngờ gì nữa, nghĩ đây là một câu đùa không đúng lúc. Ôi dào, bản thân bà cũng đã bị phỉnh phờ; vì tất cả những chuyện đó bà đã cố vắt ra vài giọt nước mắt thật thà trước nấm mộ của cụ Sivert. Eleseus phải biết rõ nhất vì chính nó đã viết ra: phần của Oline là bao nhiêu, để an ủi và hỗ trợ cho những năm tháng cuối đời của bà. Và khoản hỗ trợ đó đâu rồi? Ôi dào, chẳng nhờ cậy được chút gì!

Oline tội nghiệp; họ nên để lại cho bà thứ gì đó. Một tia sáng huy hoàng duy nhất trong cuộc đời bà! Oline chưa hề hấn gì, đã được ban phúc với những phẩm vật của cõi trần này. Đã làm điều xấu, phải, đã len lỏi trong đời bằng những trò xỏ lá và đê tiện nho nhỏ từ ngày này sang ngày khác; khỏe tung tin đồn nhảm không thua kém một người có miệng lưỡi đáng sợ; phải, là thế. Nhưng không gì có thể khiến bà tệ hại hơn trước; nhất là một khoản tiền còn để lại từ người chết.

Bà đã lao động nhọc nhằn suốt đời mình, đã sinh con đẻ cái và dạy chúng vài nghệ thuật của chính bà; xin ăn vì chúng, có thể trộm cắp vì chúng, nhưng bằng cách nào đó luôn lo liệu được cho chúng. Một bà mẹ nghèo. Những sức mạnh của bà không kém gì của các chính trị gia khác; bà hành động vì bản thân và vì những người thuộc về bà, tung ra lời diễn thuyết tùy theo tình huống, và đạt được mục đích của mình, mỗi lần như vậy lại kiếm được một mẫu pho mát hay một nắm len; bà cũng có thể sống và chết trong sự giả dối tầm thường và trí khôn nhanh nhẹn. Có thể trong một khoảnh khắc nào đó cụ Sivert đã nghĩ về bà như một nàng thiếu nữ má hồng

xinh đẹp trẻ trung; nhưng giờ bà đã già nua, nhăn nheo teo tóp, một bức tranh về sự suy tàn; bà cũng nên chết cho rồi. Bà sẽ được chôn ở đâu? Bà không có hầm mộ gia đình; không, bà sẽ bị hạ xuống một nấm huyết nào đó, nằm giữa những nấm xương xa lạ; phải, cuối cùng rồi bà cũng sẽ đi tới đó. Oline, đã sinh ra và chết đi. Bà từng có một thời tuổi trẻ. Giờ trong bà có còn lại chút gì của nó, ở giờ thứ mười một? Phải, một tia sáng huy hoàng độc nhất, và đôi bàn tay của người phụ nữ-nô lệ này sẽ chấp lại trong khoảnh khắc. Công lý sẽ mang tới cho bà sự tưởng thưởng muộn màng; bởi bà đã xin ăn vì lũ con, có thể trộm cắp vì chúng, nhưng bằng cách nào đó luôn lo liệu được cho chúng. Một khoảnh khắc. Và bóng tối có thể ngự trị trong bà như trước; mắt bà sáng rực lên, những ngón tay của bà ngo nguậy một cách tham lam. Bao nhiêu? Bà hỏi. Sao, không hơn à? Bà hỏi. Bà sẽ lại ổn thôi. Một bà mẹ nhiều con cái, đang nhận chân lại cuộc đời. Điều đó xứng đáng với một tưởng thưởng lớn lao.

Nhưng tất cả đã đi theo cách khác. Ít nhiều gì, những khoản thu chi của cụ Sivert cũng đã có trật tự hơn sau khi Eleseus kiểm tra lại chúng; nhưng nông trại, con bò, trại cá, những tấm lưới, hầu như không đủ để bù đắp cho khoản tiền thiếu hụt. Và với Oline, trong một chừng mực nào đó mọi thứ đã hóa ra sáng sủa hơn; bà thiết tha với việc cố gắng bảo toàn một khoản để lại nhỏ cho mình đến nỗi đã vờ như quên đi những thứ mà bà, một người chuyên tung tin nhảm và ngồi lê đôi mách, vẫn còn nhớ rõ, hoặc những vấn đề nổi bật mà những người khác hẳn sẽ cố tình làm ngơ để tránh gây khó chịu cho những công dân khả kính. Ôi chao, Oline! Thậm chí ngay hiện giờ bà cũng không nói một lời nào chống lại cụ Sivert; ông cụ đã lập di chúc từ tấm lòng tử tế, và lẽ ra sẽ để lại khá nhiều, nhưng hai người do Ủy ban cử tới để sắp xếp mọi thứ đã chơi khăm bà. Nhưng một ngày nào đó tất cả sẽ tới tai của Đấng Toàn năng, Oline nói với vẻ đe dọa.

Thật lạ lùng, bà không thấy có gì nực cười với thực tế rằng bà đã được nhắc đến trong tờ di chúc; nói cho cùng, đó là một niềm vinh hạnh; không có ai thuộc loại người như bà được ghi tên trong đó!

Những người ở trại Sellanraa đón nhận tin này với lòng nhẩn nại; không phải họ hoàn toàn không chuẩn bị tinh thần. Đúng, Inger không thể hiểu nổi. Ông cậu Sivert đã luôn luôn là một người giàu có...

“Ông ấy có thể đứng thẳng như một con người chính trực và giàu sang trước Chúa Trời,” Oline nói, “nếu họ không ăn cướp của ông ấy.”

Isak đang đứng đó và chuẩn bị ra đồng, và Oline nói: “Thật tiếc là anh phải đi bây giờ, Isak; vậy tôi sẽ không nhìn thấy chiếc máy mới. Họ bảo là anh có một cái máy mới phải không?”

“Phải.”

“Phải, có những câu chuyện về nó, rằng nó cắt nhanh hơn một trăm cái hái. Và còn thứ gì mà anh không có, hử Isak, với tất cả những công cụ và sự giàu có của anh! Vị linh mục ở chỗ tôi ông ấy có một chiếc cày với hai tay cầm; nhưng so với anh thì ông ấy chẳng là gì, và tôi sẽ nói thẳng vào mặt ông ta như thế.”

“Sivert sẽ chỉ cho dì thấy cái máy; nó sử dụng cái máy đó giỏi hơn cha nó,” Isak nói và đi ra.

Có một cuộc bán đấu giá tổ chức ở Breidablik vào trưa hôm ấy, và anh sẽ đi tới đó; giờ cũng

vừa đúng lúc phải tới đó rồi. Không phải Isak còn nghĩ tới chuyện mua cái trại đó, nhưng đó là cuộc bán đấu giá đầu tiên tổ chức ở chốn hoang vu, và không tới đó thì thật lạ.

Anh đi tới trại Maaneland và trông thấy Barbro, và chỉ định đi ngang qua với một lời chào, nhưng Barbro gọi anh và hỏi có phải anh đang đi xuống không. “Phải,” Isak đáp, dậm chân đi tiếp. Chính nhà cô bị bán đi, và đó là lý do vì sao anh trả lời vắn tắt.

“Chú đi tới chỗ bán đấu giá hả?” Cô hỏi.

“Tới chỗ bán? À, tôi chỉ đi xuống một chút. Cô đã làm gì với Axel?”

“Axel? Không, cháu không biết. Anh ta đi xuống chỗ bán đấu giá. Chắc chắn anh ta sẽ có cơ may mua được một thứ gì đó với giá gần như cho không, như số còn lại.”

Lúc này trông Barbro có vẻ nặng nề. Phải, và miệng lưỡi thì sắc sảo, chanh chua!

Cuộc đấu giá đã bắt đầu; Isak nghe tiếng ngài Lensmand gọi to, và nhìn thấy một đám đông người. Khi tới gần hơn, anh không biết hết tất cả bọn họ; có một số đến từ những làng khác, Brede đang lục tung những thứ đồ lộng lẫy nhất của mình và trò chuyện theo cung cách cũ của y.

“Xin chào Isak. Thật là vinh hạnh cho tôi khi anh tới xem cuộc đấu giá này. Cảm ơn, cảm ơn. Phải, chúng ta đã là lối xóm bạn bè suốt mấy năm nay, và giữa chúng ta chưa bao giờ có một lời không phải.” Brede tỏ ra cảm động. “Phải, thật lạ khi rời bỏ một nơi anh đã sống, đã làm lụng nhọc nhằn và trở nên yêu mến nó. Nhưng người ta còn làm gì được khi vận mệnh đã định thể rồi?”

“Có thể sau này anh sẽ ổn hơn,” Isak an ủi.

“Sao,” Brede nói, vớ lấy câu nói đó, “nói thật tình, tôi nghĩ sẽ là như vậy. Tôi không tiếc nó, không một chút nào. Tôi không nói là tôi đã tạo được ở đây một cơ đồ, mà đó có thể là điều sẽ tới; bọn trẻ sẽ lớn lên và rời khỏi tổ; phải, đúng là vợ tôi đang có mang một đứa khác; nhưng với tất cả những chuyện đó...” Đột nhiên Brede nói thẳng tin tức của y: “Tôi sẽ thôi công việc đường dây.”

“Sao?” Isak hỏi.

“Tôi sẽ từ bỏ cái tuyến điện thoại này.”

“Từ bỏ đường dây điện thoại?”

“Phải, từ năm mới trở đi. Dù sao thì nó cũng có gì tốt đẹp đâu? Và giả sử tôi phải đi ra ngoài làm việc, đánh xe cho ngài Lensmand hay ông bác sĩ, rồi trên hết lại phải coi sóc đường dây, không, không có nghĩa lý gì trong cách làm đó. Khá ổn khi có thời gian rỗi, nhưng chạy khắp lũng khắp đồi theo một đường dây điện thoại với khoảng lương gần như không có gì, đó không phải là công việc dành cho Brede này. Ngoài ra, tôi đã cự cãi với những người ở văn phòng về nó. Họ đang làm om xòm vụ đó.”

Vị Lensmand lập lại các mức giá cho nông trại. Nó lên tới vài trăm Kroner. Cái trang trại được đánh giá cỡ đó, và lúc này giá nhích lên rất chậm, chỉ từ năm tới mười Kroner mỗi lượt.

“Sao, chắc chắn là cái cậu Axel đó đang trả giá,” Brede đột nhiên kêu lên, và vội vã xen vào.

“Sao, cậu sẽ mua cả cái trại của tôi nữa hả? Cậu chưa có đủ để coi sóc hay sao?”

“Tôi mua cho một người khác,” Axel đáp một cách lảng tránh.

“Tốt, tốt, cũng chẳng tổn hại gì tới tôi, ý tôi không phải chuyện đó.”

Vị Lensmand giơ chiếc búa lên, một người khác lại đưa ra giá, ngay lập tức nâng thêm một trăm Kroner; không có ai trả giá cao hơn, vị Lensmand lặp đi lặp lại con số, chờ một lát trong lúc giơ cao cây búa, rồi gõ xuống.

Ai đã đấu giá?

Axel Ström – đại diện cho một người khác.

Vị Lensmand ghi chú: Axel với tư cách người đại diện.

“Cậu mua cho ai vậy?” Brede hỏi. “Tất nhiên, đó không phải là việc của tôi, nhưng...”

Nhưng lúc này một số người trên bàn của vị Lensmand đang chụm đầu vào nhau bàn bạc; có một đại diện từ ngân hàng, ông chủ tiệm đã cử trợ lý của mình tới; có vấn đề gì đó; những người chủ nợ không hài lòng. Brede được gọi lên, và Brede, bất cần và vô tư lự, chỉ gật đầu đồng ý. “Nhưng ai mà nghĩ nó không thể lên nhiều hơn thế cơ chứ?” Y nói. Đột nhiên y cao giọng tuyên bố với tất cả những người có mặt:

“Dù sao mấy người cũng thấy chúng tôi đang tổ chức một cuộc đấu giá, và tôi đã làm phiền ngài Lensmand trong công việc này, tôi sẵn sàng bán những thứ tôi có ở đây: chiếc xe, gia súc, một cái chĩa ba, một hòn đá mài. Giờ tôi không cần tới mấy thứ đó nữa; chúng tôi sẽ bán miếng đất này.”

Lúc này chỉ có những cuộc trả giá nho nhỏ. Vợ của Brede, vô tư lự và bất cần hệt như y, với mọi viễn cảnh no đủ trước mặt, đã bắt đầu bán cà phê ở một cái bàn. Chị ta thấy việc buôn bán thật là vui vẻ và mỉm cười; khi Brede tới để kiểm một cốc cà phê, chị ta nói đùa với y rằng y phải trả tiền như tất cả những người khác. Và Brede cũng rút cái ví mỏng dính của mình ra thanh toán tiền. “Có một cô vợ cho các anh đây,” y nói với mấy người khác. “Sao, có khát không?”

Chiếc xe không đáng giá mấy. Nó đã ở quá lâu ngoài trời không có gì che đậy; nhưng cuối cùng Axel trả thêm năm Kroner và mua được chiếc xe. Sau đó Axel không mua thêm gì khác, nhưng tất cả mọi người đều ngạc nhiên khi thấy cái anh chàng kỹ tính đó lại mua nhiều thứ đến thế.

Rồi tới bày gia súc. Hôm nay chúng bị nhốt trong chuồng, để sẵn sàng đưa ra đó. Brede cần gì gia súc khi y không có nông trại để nuôi giữ chúng? Y không có bò; y đã khởi đầu công việc trang trại với hai con dê, và giờ có bốn con. Ngoài ra, còn có sáu con cừu. Không có ngựa.

Isak mua một con cừu có đôi tai bẹp. Khi mấy đứa con của Brede dắt nó ra khỏi chuồng, anh bắt đầu trả giá ngay, và mọi người nhìn anh. Isak ở Sellanraa là một phú ông, ở một vị trí tốt, không cần phải có thêm cừu nữa. Vợ của Brede ngưng bán cà phê một lúc và bảo: “Phải, anh có thể mua nó, Isak ạ; nó đã già, thật vậy, nhưng nó đẻ hai hoặc ba con mỗi năm, và đó là sự thật.”

“Tôi biết,” Isak đáp, nhìn thẳng vào chị ta. “Tôi đã từng nhìn thấy nó trước đây.”

Trên đường về, anh đi với Axel Ström, dắt theo con cừu. Axel rất kiệm lời, dường như đang lo lắng một điều gì đó, bất kể đó là gì. Có thể thấy rằng cậu ta chẳng cần phải phiền muộn như thế, Isak nghĩ; mùa màng của cậu ta khá ổn, phần lớn cỏ khô đã được đưa vào kho, và cậu ta đã bắt đầu dựng phần gỗ của ngôi nhà. Tất cả đều diễn tiến như phải xảy ra với Axel Ström; một người suy nghĩ chậm chạp nhưng chắc chắn về kết cục. Và giờ đây cậu ta đã có một con ngựa.

“Vậy là cậu đã mua cái trại của Brede?” Isak nói. “Sẽ tự mình canh tác nó chứ?”

“Không, không phải cho tôi. Tôi mua nó cho một người khác.”

“Thế ư!”

“Ông nghĩ sao; tôi có trả quá cao không?”

“Sao, không. Đó là đất tốt đối với một người biết cách khai thác nó.”

“Tôi mua nó cho một người anh của tôi ở Helgeland.”

“Thế à!”

“Tôi nghĩ có lẽ tôi định đổi với anh.”

“Đổi với anh ta à?”

“Và có lẽ Barbro sẽ thích nó hơn theo cách đó.”

“Phải, có thể.” Isak đáp.

Họ đi một quãng xa trong im lặng. Rồi Axel nói:

“Họ đã đề nghị tôi nhận công việc coi cái đường đây đó.”

“Đường dây điện thoại? Ừm. Phải, tôi nghe Brede nói anh ta từ bỏ nó.”

“Ừm, “Axel nói, mỉm cười. “Cũng không nhiều nhỏi gì, nhưng Brede đã bỏ nó.”

“Phải, là vậy,” Isak nói, và cố tìm một lời biện hộ cho Brede. “Mất quá nhiều thời gian để coi sóc nó, không còn ngờ gì nữa.”

“Họ đã thông báo với ông ta về năm mới, nếu ông ta không làm tốt hơn.”

“Ừm.”

“Ông nghĩ nếu tôi nhận nó thì có đáng hay không?”

Isak suy nghĩ hồi lâu rồi đáp: “Phải, có tiền đấy, thật vậy, nhưng vẫn...”

“Họ đề nghị trả cho tôi nhiều hơn.”

“Bao nhiêu?”

“Gấp đôi.”

“Gấp đôi à? Sao, vậy thì tôi sẽ nói là cậu nên suy nghĩ thêm.”

“Nhưng giờ họ cũng đã nối tuyến đường dài thêm một ít. Không, tôi không biết làm thế nào thì tốt hơn. Ở đây không có nhiều gỗ để bán như trên chỗ của ông, và tôi cần phải mua thêm

nhiều thứ cho công việc mà tôi đã có hiện giờ. Và mua đồ thì cần có tiền mặt trong khi tôi không kiếm được nhiều lắm từ miếng đất và không có gì nhiều để bán. Có vẻ tôi sẽ phải cố gắng một năm với đường dây để bắt đầu...”

Cả hai người đều không nghĩ tới chuyện Brede có thể “làm tốt hơn” và giữ lại công việc đó.

Khi họ lên tới Maaneland, Oline đã có mặt ở đó, đang trên đường xuống. Phải, một sinh vật lạ lùng, Oline đó, lê la khắp chốn với thân hình béo tròn như một con giòi, và đã hơn bảy mươi, nhưng vẫn còn khỏe mạnh. Bà đang ngồi uống cà phê trong lều, nhưng khi nhìn thấy hai người đàn ông lên tới, mọi chuyện phải gác lại cho việc đó, và bà đi ra.

“Xin chào, Axel, và chào mừng trở về từ cuộc mua đấu giá. Cậu không ngại khi tôi ghé vào để xem cậu và Barbro làm ăn ra sao chứ? Và cậu đang làm ăn khá khá, tôi thấy, đang cất nhà và trở nên ngày càng giàu có hơn! Và anh đã mua cừu hỏ, Isak?”

“Phải,” Isak nói. “Có thể là bà biết nó?”

“Tôi biết nó không à? Không...”

“Với đôi tai bẹp này, bà có thể thấy.”

“Đôi tai bẹp? Anh có ý nói gì? Điều tôi sẽ nói là: rốt cuộc ai đã mua cái trại của Brede? Tôi vừa mới nói với Barbro ở đây, giờ ai sẽ là láng giềng của cô trên con đường đó? Tôi nói thế. Và Barbro, con bé tội nghiệp, nó ngồi khóc, thật tự nhiên, chắc chắn thế; nhưng Đấng Toàn năng đã ban cho nó một ngôi nhà mới ở trại Maaneland này... Đôi tai bẹp? Tôi từng nhìn thấy khá nhiều cừu trong đời với những đôi tai bẹp các thứ. Và tôi sẽ bảo với anh, Isak, cái máy đó của anh, gần như đôi mắt già nua của tôi không thể nhìn thấy hay hiểu nổi. Và anh tốn bao nhiêu để mua nó tôi cũng không hỏi tới vì tôi chưa bao giờ đếm được tới mức đó. Axel, nếu cậu đã nhìn thấy nó, cậu biết tôi muốn nói gì; trông nó giống như Elijah [\[10\]](#) và cỗ xe lửa của ông ta, và Chúa Trời tha thứ cho tôi nếu tôi bảo là nó...”

Khi đã chuyển tất cả cỏ khô vào kho, Eleseus bắt đầu chuẩn bị cho chuyến trở ra thị trấn. Cậu đã viết thư cho viên kỹ sư báo rằng cậu sắp tới, nhưng lại nhận được một hồi âm khác thường, rằng lúc này đang thời buổi khó khăn, và họ phải tiết kiệm; văn phòng không cần tới sự giúp việc của Eleseus và vị sếp sẽ tự làm những công việc đó.

Những rắc rối các thứ! Nhưng nói cho cùng, một viên thanh tra địa chính thì cần gì một nhân viên văn phòng? Chắc chắn là khi nhận anh chàng Eleseus mới lớn, ông ta chỉ muốn chứng tỏ rằng mình là một con người vĩ đại đối với những thường dân sống giữa chốn hoang vu; và nếu ông ta cho cậu quần áo, chỗ ăn ở, cho tới khi cậu được phê duyệt, ông ta cũng đã nhận được sự đền bù với công việc viết lách của cậu, điều đó đúng. Giờ cậu bé đã trưởng thành, và mọi thứ đã khác xưa.

“Nhưng,” viên kỹ sư viết, “nếu cậu trở lại, tôi sẽ làm tất cả những gì tôi có thể để tìm cho cậu một nơi khác, dù có lẽ đó là một việc khó khăn, vì ngày càng có nhiều thanh niên hơn muốn tìm kiếm cơ hội đó. Trân trọng...”

Eleseus có thể trở lại thị trấn, dĩ nhiên, không có vấn đề gì trong chuyện đó. Cậu có tự vứt bỏ bản thân không? Cậu muốn tấn tới trong đời. Và cậu không nói lời nào với những người thân

về tình hình thay đổi; việc đó chẳng ích gì, và thật ra, cậu cảm thấy toàn bộ chuyện này khá là hài hước.

Dù sao thì cậu cũng không nói gì. Cuộc sống ở Sellanraa lại tác động lên cậu; đó là một cuộc sống tầm thường, không tên tuổi, lặng lẽ và trì trệ, một cuộc sống như mơ; không có gì để cho cậu đi quanh khoe khoang, cặp kính là thứ cậu không cần dùng tới. Cuộc sống thị trấn đã phân ly cậu, khiến cậu đẹp đẽ hơn những người khác và cũng yếu ớt hơn; cậu bắt đầu thật sự cảm thấy rằng cậu phải sống vô gia cư ở bất cứ nơi nào. Cậu đã lại thích cái mùi của cây cúc ngải. Hãy để điều đó trôi qua. Nhưng chẳng có ý nghĩa gì trong việc một thanh niên làm nông đứng lắng nghe những cô gái vắt sữa bò vào những buổi sáng và nghĩ thế này: họ đang vắt sữa, hãy nghe nào; hầu như đó là một thứ âm thanh tuyệt diệu, một dạng bài ca không nói tới gì khác ngoài những dòng nước nhỏ, khác với những ban nhạc gõ rùm beng ở thị trấn, Đội quân Cứu tế và tiếng còi của những con tàu chạy hơi nước. Thứ âm nhạc đang chảy vào một cái xô...

Việc biểu lộ quá nhiều những cảm giác của mình không phải là cách thức ở Sellanraa, và Eleseus thấy sợ giây phút cậu phải nói lời từ giã. Hiện giờ cậu đã được trang bị tốt; mẹ cậu lại cho cậu một mớ đồ lót, và cha cậu đã ủy nhiệm cho ai đó đưa tiền cho cậu khi cậu bước ra khỏi cửa. Tiền! Lẽ nào Isak thật sự có thừa một thứ như tiền? Nhưng đúng là vậy, không gì khác. Inger đã gợi ý rằng chắc chắn đó sẽ là lần cuối cùng; bởi vì không phải Eleseus sẽ ăn nên làm ra và tự mình ngoi lên trong thế giới hay sao?

“Ừm,” Isak nói.

Có một bầu không khí trang nghiêm, lặng lẽ trong nhà; mỗi người đã dùng một quả trứng luộc trong bữa ăn cuối, và Sivert đã ra đứng bên ngoài, sẵn sàng đi xuống đồi cùng anh cậu để vác giùm đồ đạc. Đây chính là lúc Eleseus bắt đầu.

Cậu bắt đầu với Leopoldine. “Chúc khỏe mạnh tốt lành,” cô bé đáp lại lời từ biệt. Cũng tương tự với cô hầu gái Jenise, cô đang ngồi chải len và đáp lại “Xin chào.” Nhưng cả hai cô gái đều nhìn cậu đăm đăm. Chết tiệt thật! Và có lẽ tất cả là vì cậu hơi đỏ mắt chút xíu. Cậu bắt tay với mẹ mình, và dĩ nhiên là bà khóc một cách công khai, không màng nhớ rằng cậu ghét việc khóc lóc như thế nào. “Tạm biệt. Chúa phù hộ cho con!” Bà nức nở. Tệ nhất là với cha cậu; tệ nhất là với Isak. Ồ, theo mọi cách; ông quá xác xơ vì lao碌 và quá đổi trung thực; ông đã bế lũ trẻ trên tay mình, đã kể cho chúng nghe về những con mòng biển và những con chim, con thú khác, và những điều kỳ diệu của ruộng đồng; chuyện đó chưa lâu lắm, mới chỉ vài năm... Người cha đứng cạnh cửa sổ, rồi đột nhiên ông quay lại, nắm chặt tay của đứa con trai, nói nhanh và dằn dỗi: “Ờ, tạm biệt. Con ngựa mới đang lỏng dây rồi,” và ông lao ra khỏi cửa, vội vã bước đi. Ồ, nhưng chính ông đã tìm cách làm cho con ngựa bị lỏng dây lúc này, và Sivert, thẳng nhóc tinh quái, cũng biết chuyện đó, khi nó đứng bên ngoài theo dõi cha, và mỉm cười với chính mình. Và, dù sao đi nữa, con ngựa chỉ đứng trong đồng cỏ.

Cuối cùng Eleseus phải chấm dứt vụ này.

Và thế là mẹ cậu phải bước ra hỏi bậc cửa, lại nắc lên và nói: “Chúa Trời phù hộ cho con!” Và trao cho cậu thứ gì đó. “Cầm lấy nó; và con không cần phải cảm ơn cha, ông ấy bảo con không cần làm thế. Và đừng quên viết thư, hãy viết thường xuyên.”

Hai trăm Kroner!

Eleseus nhìn xuống cánh đồng: cha cậu đang nổi giận trong việc đóng một cái cọc cột gia súc xuống đất; dường như ông thấy đó là một vấn đề khó khăn, thật ra đất ở đó khá mềm.

Hai anh em đi xuống con đường; họ đi tới trại Maaneland; Barbro đứng đó trên lối ra vào và cất tiếng gọi họ tới.

“Anh lại đi xa hở Eleseus? Không, anh phải vào đây và ít nhất cũng phải uống một cốc cà phê.”

Họ bước vào lều, và Eleseus không còn là một con mồi của nanh vuốt tình yêu, không nhảy ra khỏi cửa sổ mà cũng không uống thuốc độc; không, cậu trải chiếc áo khoác mùa xuân lên trên đầu gối, chú ý đặt nó sao cho tấm bảng tên bằng bạc lộ ra; rồi cậu dùng khăn tay lau tóc và nhận xét một cách tinh tế: “Một ngày đẹp, phải không? Cổ điển một cách giản đơn!”

Cả Barbro cũng khá bình thản; cô đùa nghịch với chiếc nhẫn bạc trên một bàn tay và chiếc nhẫn vàng trên tay kia. Đúng thế, phải chi cô không có một chiếc nhẫn vàng. Và cô đeo một tấm tạp dề dài từ cổ xuống chân, như để nói rằng cô không hư hỏng như hình dáng của mình, bất kỳ ai khác cũng có thể như thế. Và khi cà phê đã sẵn sàng và khách của cô đang nhăm nháp, cô may vá tí chút, ban đầu trên một mảnh vải trắng, rồi thêu gì đó lên một cái cổ áo, và cứ thế, với mọi cung cách làm việc của một cô gái. Barbro không bối rối với cuộc ghé thăm của họ, và như thế tốt hơn; họ có thể tự nhiên trò chuyện, và Eleseus có thể quay trở lại với tất cả vẻ bề ngoài, trẻ trung và thông minh theo ý muốn.

“Chị đã làm gì với Axel?” Sivert hỏi.

“Ồ, anh đi quanh đâu đó trong trại,” cô đáp, vươn người lên. “Và thế là chúng tôi không còn nhìn thấy anh trên con đường này nữa, tôi ngờ là vậy?” Cô hỏi Eleseus.

“Có khả năng là thế,” cậu đáp.

“Phải, đây không phải là chỗ của những ai đã quen với thị trấn. Tôi ước gì tôi có thể cùng đi với anh.”

“Cô không có ý đó đâu, tôi biết.”

“Không có ý đó?Ồ, tôi biết sống ở thị trấn là gì, và nó như thế nào ở đây; và tôi từng sống trong một thị trấn lớn hơn của anh, về vấn đề đó, và tôi có nên nhớ nó không?”

“Tôi không có ý nói thế,” Eleseus vội vàng nói. “Sau khi cô đã sống ở Bergen các thứ.” Thật lạ lùng, nói cho cùng cô đã nhẫn nại biết bao!

“Tôi chỉ biết là nếu không có báo để đọc, tôi sẽ không ở lại đây thêm một ngày nào,” cô nói.

“Thế còn Axel thì sao, và những thứ còn lại? Đó là điều tôi đang nghĩ tới.”

“Về phần Axel thì đó không phải là việc của tôi. Thế còn bản thân anh; tôi ngờ rằng có ai đó đang chờ anh ở thị trấn?”

Nghe thấy thế, Eleseus không kèm được việc đóng kịch chút xíu, cậu khép mắt và co lưỡi lại. Có lẽ đúng là có ai đó đang chờ cậu ở thị trấn.Ồ, nhưng cậu có thể xoay xở chuyện này theo cách hoàn toàn khác hẳn, vờ ngay lấy cơ may, nếu không có Sivert ngồi đó. Và do đó cậu chỉ có thể nói: “Đừng nói vớ vẩn như thế!”

“Thế à,” cô nói. Thật sự, hôm nay cô đã tỏ ra khôì hài một cách vô liêm sỉ. “Vớ vẩn, thật là!... Vâng, anh có thể mong đợi gì ở những người ở Maaneland? Chúng tôi không đẹp đẽ vĩ đại như anh. Không.”

Ồ, cô có thể mà đi gặp bọn quý sứ, Eleseus đã quan tâm tới cái gì nhĩ; gương mặt cô rõ ràng rất bản, và điều kiện của cô giờ đây khá đơn sơ, thậm chí đối với đôi mắt ngây thơ của cậu.

“Cô có thể chơi đàn một chút không?” Cậu đề nghị.

“Không,” Barbro đáp ngắn gọn. “Điều tôi muốn nói là: Sivert, cậu có thể tới và giúp Axel một ngày với ngôi nhà mới hay không? Cậu có thể bắt đầu vào ngày mai, khi từ làng trở về không?”

Sivert suy nghĩ một lúc. “Ờ, có thể. Nhưng tôi không mang theo quần áo.”

“Tôi có thể chạy lên đó lấy quần áo làm việc của cậu ngay chiều nay, vì thế chúng sẽ có sẵn ở đây khi cậu quay về.”

“Ừ,” Sivert nói, “nếu chị có thể.”

Và lúc này Barbro nôn nao một cách không cần thiết: “Ồ, chỉ mong cậu tới được. Đã sắp tới mùa hè, và ngôi nhà cần được dựng và lợp mái trước những trận mưa thu. Axel ảnh định lên hỏi cậu nhiều lần trước đây, nhưng không thể, vì lý do nào đó.Ồ, cậu sẽ giúp chúng tôi nhiều vô kể!”

“Tôi sẽ giúp với hết khả năng,” Sivert đáp.

Và chuyện đó đã được giải quyết xong.

Nhưng giờ đây tới lượt Eleseus bị xúc phạm. Cậu có thể thấy rõ rằng Barbro rất thông minh khi tìm cách thủ lợi cho mình, và cả Axel cũng vậy, để được giúp cất nhà, nhưng toàn bộ chuyện này hơi quá giản đơn; nói cho cùng, nàng chưa phải là bà chủ của cái trại này, và cũng chưa bao lâu tính từ lúc cậu hôn nàng. Cái cô nàng này! Chả lẽ trong nàng không có một tí ti xấu hổ nào sao?

“Phải,” Eleseus đột nhiên nói: “Tôi sẽ quay lại vào đúng lúc và sẽ là cha đỡ đầu khi cô đã sẵn sàng.”

Cô liếc nhìn cậu, và đáp lời với vẻ bị xúc phạm nặng nề: “Cha đỡ đầu, đúng thật là! Bây giờ ai là người ăn nói vớ vẩn đây, tôi muốn biết? Sẽ có đủ thời gian cho anh khi tôi gửi lời rằng tôi đang tìm kiếm những ông cha đỡ đầu!”

Và Eleseus có thể làm gì ngoài việc phá lên cười một cách ngốc nghếch và ước gì cậu có thể biến khỏi chốn này!

“Cám ơn nhé!” Sivert nói, và đứng lên để đi.

“Cám ơn nhé!” Eleseus cũng nói; nhưng cậu không đứng lên mà cũng không cúi chào như một người đàn ông nên làm khi nói lời cám ơn một cốc cà phê; cậu không làm thế, thật sự.

“Cho tôi xem nào,” Barbro nói. “Ồ, vâng, những người thanh niên tôi sống cùng ở thị trấn, họ cũng có bảng tên bạc trên áo khoác, to hơn tấm này nhiều. Ờ, cậu sẽ ghé vào trên đường trở về nhé, Sivert, và ở lại đêm? Tôi sẽ lấy quần áo cho cậu.”

Và cuộc từ giã Barbro là thế đó.

Hai anh em tiếp tục đi. Eleseus không buồn phiền chút xíu nào về vụ Barbro; cô ta có thể đến với bọn quỷ sứ. Ngoài ra, cậu có hai tờ giấy bạc lớn trong túi! Hai anh em cố không đụng chạm tới những chuyện buồn, chẳng hạn cái cách chào tạm biệt lạ lùng của cha, hoặc việc mẹ đã khóc như thế nào. Họ đánh một đường vòng xa hơn để tránh phải dừng lại ở Breidablik, và nói đùa với nhau về cái mưu mẹo đó. Nhưng khi họ xuống tới chỗ có thể nhìn thấy ngôi làng, và đó là lúc Sivert phải quay trở về nhà, cả hai cư xử theo một cách hơi thiếu nam tính. Chẳng hạn như Sivert, khá yếu đuối khi nói rằng: “Em cho là sẽ hơi cô đơn một chút, có lẽ thế, khi anh đã đi.”

Và khi đó Eleseus phải huýt sáo vang rân, nhìn xuống đôi giày và tìm thấy một mảnh dăm trong ngón tay, và tìm kiếm một thứ gì đó trong túi; một ít giấy tờ, cậu nói, không thể tìm ra... Ồ, mọi chuyện sẽ trở nên ảm đạm với họ nếu Sivert không dành sẵn một hành động vào phút cuối. “Chạm nào!” cậu đột ngột la lên, sờ vào vai của người anh rồi nhảy ra xa. Sau đó mọi chuyện tốt hơn; họ hét lớn vài lời từ biệt từ một khoảng cách xa, rồi mỗi người đi theo con đường của mình.

Định mệnh hay cơ may, bất kể nó là gì. Nói cho cùng, Eleseus đã quay trở lại thị trấn, trở lại một vị trí không còn mở ra cho cậu, nhưng đồng thời lại giúp cho Axel Ström tìm được một người làm việc cho anh ta.

Họ bắt tay vào việc cất nhà vào ngày 21 tháng Tám, và mười ngày sau cái nhà đã được lợp mái. Ồ, đó không phải là một ngôi nhà trông tuyệt lắm, và cũng không cao lắm; điều tốt nhất có thể nói về nó là: đó là một ngôi nhà gỗ chứ không phải một gian lều cỏ. Nhưng ít ra nó cũng có nghĩa rằng lũ gia súc sẽ có một nơi trú ẩn tuyệt vời vào mùa đông bên trong cái cho tới lúc đó đã từng là một ngôi nhà dành cho con người.

[\[10\]](#) Tức Elias, nhà tiên tri người Israel sống vào thế kỷ 9 trước C.N.

CHƯƠNG II

Vào hôm 3 tháng Chín không ai trông thấy Barbro đâu cả. Không phải cô hoàn toàn mất tích, nhưng cô không có mặt ở nhà.

Axel đang cố hết khả năng trong công việc của một tay thợ mộc; anh khá vất vả khi cố lắp cửa sổ kính và cửa ra vào cho ngôi nhà mới, và việc này chiếm trọn thời gian của anh. Nhưng trời quá trưa đã lâu mà vẫn chưa có lời nào gọi anh vào ăn. Anh bước vào lều. Không có ai ở đó. Anh tự lấy cho mình ít thức ăn và nhìn quanh trong lúc đang ăn. Tất cả quần áo của Barbro đang treo ở đó; hẳn là cô đi đâu đó bên ngoài, chỉ có thể. Anh trở lại với công việc cất nhà và làm một lúc, rồi anh lại nhìn vào lều. Không, không có ai ở đó. Hẳn cô phải nằm nghỉ đâu đó. Anh đi tìm cô.

“Barbro!” Anh gọi. Không có tiếng trả lời. Anh tìm quanh các ngôi nhà, đi thẳng tới một số bụi cây ở rìa mảnh đất, tìm kiếm quanh quần hồi lâu, có lẽ khoảng một giờ đồng hồ, cất tiếng gọi to. Không có. Anh bắt gặp cô ở một chạng xa, đang nằm trên mặt đất, bị mấy bụi cây che khuất; dòng suối chảy cạnh chân cô. Barbro đi chân không và để đầu trần, cả người ướt sũng.

“Em nằm ở đây sao?” Anh nói. “Sao em không trả lời?”

“Tôi không thể,” cô đáp, và giọng cô khàn đến nỗi anh hầu như không nghe được.

“Sao, em đã ở dưới nước?”

“Phải, bị trượt xuống, ôi chao.”

“Giờ em có đau không?”

“Không, giờ thì qua rồi.”

“Qua thật sao?”

“Vâng, giúp tôi về nhà.”

“Nó đâu...?”

“Cái gì?”

“Có phải nó không, đứa bé?”

“Không, nó chết rồi.”

“Nó chết rồi sao?”

“Vâng.”

Axel có đầu óc chậm chạp và hành động chậm chạp. Anh đứng lặng ở đó. “Vậy nó đâu rồi?” Anh hỏi.

“Anh không việc gì phải biết,” cô nói. “Giúp tôi quay về nhà. Nó chết rồi. Tôi có thể đi nếu anh đỡ hộ cánh tay tôi một chút.”

Axel công cô về nhà và đặt cô vào một chiếc ghế, nước vẫn còn chảy nhỏ giọt khỏi người cô. “Nó chết rồi sao?”

“Tôi đã bảo với anh rồi, là thế đó,” cô đáp.

“Vậy em đã làm gì với nó?”

“Anh muốn chĩa mũi vào chuyện đó hả? Anh có ăn gì trong lúc tôi vắng nhà chưa?”

“Nhưng em xuống nước để làm gì?”

“Xuống nước? Tôi tìm vài nhánh bách xù.”

“Vài nhánh bách xù? Để làm gì?”

“Để chà mấy cái xô.”

“Không hề có chuyện gì kiểu đó,” anh nói.

“Anh lo làm công việc của mình đi,” cô nói khàn khàn, và đầy vẻ khó chịu. “Tôi làm gì dưới nước à? Tôi muốn kiếm vài nhánh cây để làm một cái chổi. Anh đã ăn gì chưa, anh có nghe không?”

“Ăn à?” Anh nói. “Giờ em thấy thế nào?”

“Khá ổn.”

“Tôi cho là tốt hơn tôi nên mời bác sĩ lên.”

“Anh cứ thử coi!” Cô nói, đứng lên và tìm quần áo khô để thay. “Như thế anh không còn gì tốt hơn để làm với tiền của anh!”

Axel trở lại với công việc của mình, anh chỉ làm được chút ít, nhưng cố tình gây ồn ào với những tiếng gõ đập, để cô có thể nghe thấy. Cuối cùng anh gắn xong cửa sổ và nhét rêu xung quanh để giữ cái khung lại.

Tối hôm đó dường như Barbro không màng tới chuyện ăn uống, mà đi lại quanh quẩn, lu bu với chuyện này chuyện khác: tới chuồng bò vào giờ vắt sữa, bước qua ngưỡng cửa với một ý nghĩ cẩn trọng hơn. Cô vào nhà kho để ngủ như thường lệ. Axel vào đó hai lần để trông chừng cô, và cô ngủ mê mết. Cô đã có một đêm ngon giấc.

Sáng hôm sau, cô gần như trở lại bình thường, chỉ khàn giọng đến mức hầu như không thể nói được gì, với một chiếc tất dài quấn quanh cổ. Họ không thể nói chuyện với nhau. Nhiều ngày trôi qua, và vấn đề không còn mới nữa; có nhiều chuyện mùa vụ cần làm, và nó bị gác sang một bên. Đúng ra, ngôi nhà mới cần được bỏ không một thời gian để gỗ gắn vào nhau chặt hơn, nhưng giờ thì không có thời gian cho chuyện đó; họ phải đưa nó vào sử dụng ngay, và cái chuồng mới đã sẵn sàng. Khi nhà đã làm xong, họ dọn sang đó. Họ nhổ khoai và sau đó lại tới mùa thu hoạch lúa. Cuộc sống lại trở về như trước.

Nhưng có đủ những dấu hiệu, lớn hoặc nhỏ, rằng giờ mọi thứ ở Maaneland đã khác đi. Lúc này Barbro cảm thấy cô không khác gì những cô hầu gái; không còn gắn bó gì với chốn này. Axel có thể thấy rằng vòng tay ôm giữ cô của anh đã rời lỏng ra bởi cái chết của đứa bé. Anh đã tự nhủ với mình một cách tự tin: hãy chờ cho tới khi đứa bé ra đời! Nhưng đứa bé đã đến và đã

đi. Cuối cùng thậm chí Barbro còn tháo hai chiếc nhẫn khỏi ngón tay, và không đeo lại chiếc nào nữa.

“Điều đó có nghĩa là gì?” Anh hỏi.

“Có nghĩa là gì?” Cô nói, lắc đầu.

Nhưng nó hầu như không thể có ý nghĩa gì khác hơn là sự lật lọng và ruồng bỏ của cô.

Anh đã tìm được cái thi hài bé xíu bên dòng suối. Phải nói là anh không hề tìm kiếm nó; anh biết khá rõ nó có thể ở nơi nào, nhưng anh đã bỏ mặc chuyện này. Thế nhưng ý Trời đã định khiến anh không thể hoàn toàn quên được nó; chim chóc bắt đầu bay lượn vờn bên trên chỗ đó, những con gà gô trắng kêu hét in tai và những con quạ, và rồi, sau đó, một đôi chim ưng ở một độ cao chóng mặt bên trên. Thoạt tiên, chỉ có một con chim duy nhất nhìn thấy có một vật gì được chôn ở đó, và do không giữ được bí mật như loài người, nó đã loan truyền điều đó. Sau đó Axel vùng ra khỏi sự thờ ơ của mình và chờ đợi một thời cơ để lên ra chỗ đó. Anh tìm thấy cái xác bên dưới một đồng rêu và nhánh cây, được lèn chặt bằng những phiến đá dẹp, quấn trong một mảnh vải, một mẫu giẻ rách. Với cảm giác tò mò và kinh sợ anh kéo mẫu vải ra một tí: đôi mắt nhắm nghiền, tóc đen, một bé trai, và đôi chân gập lại. Đó là tất cả những gì anh thấy. Miếng vải đã từng bị ướt, nhưng giờ đã khô; toàn bộ cái xác trông giống như một nắm quần áo giặt đã vắt nửa phần.

Anh không thể để mặc nó ở đó trong ánh sáng ban ngày, và trong tim anh, có lẽ, anh sợ sẽ có việc không lành cho bản thân anh hoặc cho trang trại. Anh chạy về nhà để lấy một cái thuổng và đào cái huyệt sâu hơn; nhưng, vì quá gần con suối, nước tràn vào đó, và anh phải dời cái huyệt ra xa khỏi bờ suối. Khi đang đào, anh sợ rằng Barbro sẽ tới và phát hiện ra cái xác đã biến mất; rồi anh trở nên thách thức và hoàn toàn cay đắng. Cứ mặc cho cô ta tới, và anh sẽ bắt cô ta quấn lại cái xác gọn gàng hơn, tề chỉnh hơn, dù nó có chết non hay không! Anh thấy rõ những gì anh đã đánh mất do cái chết của đứa bé; bây giờ làm sao anh đối mặt với viễn cảnh lại bị bỏ mặc không người giúp đỡ trên mảnh đất này. Ngoài ra, với số gia súc nhiều gấp ba lần số anh có lúc đầu. Cứ mặc cho cô ta đến, anh không quan tâm! Nhưng có lẽ Barbro cũng đã mơ hồ biết được anh đang làm gì; dù sao, cô không đến, và Axel phải tự mình quấn lại cái thi hài với mọi khả năng tốt nhất rồi chuyển nó sang cái huyệt mới. Anh đặt lại mọi thứ ở phía trên, giống như trước, rồi che đậy tất cả lại. Khi anh xong việc, người ta không nhìn thấy gì khác ngoài một nắm đất xanh nho nhỏ giữa mấy bụi cây.

Anh bắt gặp Barbro ở ngoài ngôi nhà khi quay trở về.

“Anh đã đi đâu?” Cô hỏi.

Nỗi cay đắng hằn đã rời khỏi anh, vì anh chỉ đáp: “Không đi đâu cả. Còn em đã đi đâu?”

Ồ, nhưng vẻ mặt của anh hằn đã khiến cô cảnh giác; cô không nói gì nữa mà chỉ bước vào nhà.

Anh đi theo cô.

“Nghe này,” anh nói và hỏi thẳng, “ý của em là gì khi tháo mấy chiếc nhẫn ra?”

Có lẽ Barbro thấy rằng tốt nhất nên nhượng bộ đôi chút; cô cười phá lên và đáp: “Chà, hôm

nay anh có vẻ nghiêm trọng quá. Tôi không nhịn cười được! Nhưng nếu anh muốn tôi đeo mấy chiếc nhẫn vào và tháo chúng ra vào những ngày trong tuần thì tôi sẽ làm như thế!” Và cô lấy hai chiếc nhẫn ra, đeo chúng vào tay.

Nhưng khi nhìn thấy anh có vẻ ngốc nghếch và hài lòng với điều đó, cô trở nên táo bạo hơn. “Tôi đã làm những gì khác nữa, tôi muốn biết?”

“Tôi không than phiền,” anh đáp. “Và em vẫn chỉ là em như trước, suốt thời gian trước đó, khi em tới đây lần đầu. Đó là những gì tôi muốn nói.”

Việc luôn gán bó và luôn đồng ý với nhau thật chẳng dễ chút nào.

Axel nói tiếp: “Khi tôi mua lại mảnh đất của cha em, tôi nghĩ rằng có lẽ em thích ở đó hơn, vì thế chúng ta có thể dời sang đó. Em nghĩ sao?”

Chà, ở đây anh lại nhượng bộ rồi; anh sợ mất cô và bị bỏ lại không có ai giúp đỡ, không có ai chăm sóc trang trại và bầy gia súc. Cô biết! “Phải, lúc trước anh có nói thế,” cô lạnh lùng đáp.

“Phải, tôi đã nói, nhưng tôi chưa nhận được câu trả lời.”

“Trả lời? Ồ, tôi muốn phát ốm khi nghe tới nó.”

Axel có thể cho rằng anh đã tỏ ra khoan dung; anh đã để cho Brede và gia đình ông ta ở lại trại Breidablik, và vì chuyện đó anh đã mua hết những thứ thu hoạch được cùng với cái trại, nhưng chỉ chở về nhà một ít cỏ khô và đã để lại khoai cho họ. Thật là vô lý khi Barbro tỏ ra ngang ngược như lúc này; nhưng cô chẳng quan tâm gì tới chuyện đó, và hỏi một cách phẫn nộ: “Vậy là anh muốn chúng ta dời xuống Breidablik bây giờ, và biến cả một gia đình thành những kẻ vô gia cư?”

Anh có nghe lầm không? Anh ngồi lặng một lúc, nhìn đăm đăm và thở dốc, hắng giọng như thể để trả lời một cách trợn vẹn, nhưng việc đó không xảy ra; anh chỉ hỏi: “Không phải họ sẽ chuyển xuống làng hay sao?”

“Đừng hỏi tôi. Hay có lẽ anh đã mua một chỗ cho họ ở đó?”

Axel vẫn miễn cưỡng tranh cãi với cô, nhưng anh không thể kiềm được ý muốn để cho cô thấy anh ngạc nhiên về cô, chỉ một chút thôi. “Em đang ngày càng trở nên gắt gỏng và khó chịu,” anh nói, “dù em không có ý gây tổn hại gì, có lẽ.”

“Tôi có ý định trong từng lời tôi nói,” cô đáp. “Và tại sao anh không thể cho người nhà tôi lên đây ở, hãy trả lời tôi đi! Khi đó tôi sẽ có mẹ đỡ đần chút ít. Nhưng có lẽ anh nghĩ tôi ít việc quá nên chả cần đến ai trợ giúp?”

Trong câu này có chút ý nghĩa, dĩ nhiên, nhưng cũng hoàn toàn vô lý. Nếu Brede tới đây, họ sẽ phải sống trong túp lều, và Axel sẽ không có chỗ dành cho lũ gia súc của mình. Lại tệ hại như trước. Người đàn bà này đang nhắm tới điều gì? Chả lẽ nàng chưa bao giờ có ý thức hay trí khôn trong đầu?

“Nghe này,” anh nói, “tốt hơn em nên có một người hầu gái giúp việc.”

“Lúc này, với mùa đông sắp tới và có ít việc hơn bao giờ hết? Không, lẽ ra anh nên nghĩ tới chuyện đó khi tôi cần tới nó.”

Ở đây, theo cách nào đó cô lại nói đúng; khi cô đang mang thai nặng nề và bị ốm nghén, đó là lúc nói tới chuyện giúp đỡ. Nhưng lúc ấy Barbro đã tự mình làm hết mọi việc như thể chuyện chẳng có gì quan trọng; cô vẫn nhanh nhẹn và thông minh như thường lệ, làm tất cả mọi việc phải làm, và chưa hề nói nào về việc cần người giúp.

“Ờ, dù sao thì tôi đã không nghĩ ra chuyện đó” anh nói một cách vô vọng.

Im lặng.

Barbro hỏi: “Chuyện anh giành công việc đường dây của cha là sao vậy?”

“Sao, ai đã nói về chuyện đó?”

“Ờ, họ bảo sẽ là thế.”

“Sao,” Axel nói, “nó có thể xảy ra; tôi sẽ không từ chối.”

“Thế à!”

“Nhưng vì sao em hỏi?”

“Không có gì,” Barbro nói; “chỉ là vì anh đã tống khứ cha tôi khỏi nhà cửa, và bây giờ anh lại giành lấy miếng bánh từ miệng ông ấy.”

Im lặng.

Ồ, nhưng sự kiên nhẫn của Axel cũng kết thúc tại đó. “Tôi bảo cô điều này,” anh hét lên. “Cô không xứng với tất cả những gì tôi đã làm cho cô và gia đình cô!”

“Vậy ư!”

“Không!” Anh nói, dấm mạnh nắm tay lên bàn. Rồi đứng lên.

“Anh không dọa tôi được đâu, vì vậy đừng có mơ,” Barbro thút thít, và đi tới cạnh bức tường.

“Dọa cô,” anh nói, và khịt mũi một cách khinh miệt. “Tôi sẽ nói ngay một cách nghiêm túc. Chuyện gì xảy ra với đứa bé? Cô đã dìm chết nó?”

“Dìm chết nó ư?”

“Phải. Nó đã ở dưới nước.”

“Vậy anh đã nhìn thấy nó hả? Anh đã...”

“...đánh hơi được nó,” cô định nói thế, nhưng không dám; với dáng vẻ của Axel, lúc này không thể giấu mặt với anh được. “Anh đã tới đó và tìm ra nó?”

“Tôi thấy nó đã từng ở dưới nước.”

“Phải,” cô nói, “và lẽ ra nó có thể ổn. Nó sinh ra dưới nước; tôi trượt xuống và không đứng lên được.”

“Cô bị trượt ngã sao?”

“Vâng, và đứa bé chui ra trước khi tôi có thể lên bờ.”

“Hừm. Nhưng cô đã mang theo mớ giẻ quần trước khi rời khỏi nhà, cô bị té trong trường hợp

nào?”

“Giẻ quăn?” Cô lặp lại.

“Một miếng giẻ trắng, một trong mấy cái áo của tôi mà cô đã cắt làm đôi.”

“Phải,” Barbro nói, “đó là miếng giẻ tôi mang theo để bó mấy nhánh bách xù.”

“Nhánh bách xù?”

“Vâng. Không phải tôi đã nói với anh tôi sẽ làm gì sao?”

“Phải, cô có nói. Hoặc là tìm mấy nhánh cây để làm một cây chổi.”

“Vâng, sao cũng được...”

Lần này là một cuộc cãi cọ công khai giữa họ. Nhưng một lúc sau, ngay cả nó cũng tắt lịm và mọi chuyện lại ổn thỏa. Nghĩa là, không chính xác là ổn, không, nhưng có thể vượt qua. Barbro tỏ ra cẩn thận và ngoan ngoãn hơn; cô biết mình đang trong tình trạng nguy hiểm. Nhưng theo cách đó, cuộc sống ở Maaneland ngày càng trở nên gượng ép và không chịu đựng nổi. Không còn sự thẳng thắn, không còn niềm vui giữa họ, luôn luôn cảnh giác. Chuyện này không thể kéo dài, nhưng chừng nào nó còn tồn tại, Axel buộc phải tạm hài lòng. Anh đã nhận cô gái này đến trại, đã muốn cưới cô và đã có được cô, đã cột cuộc đời anh vào cô; không dễ thay đổi tất cả những điều đó. Barbro đã biết mọi thứ ở cái trại này: những cái nôi và chậu để ở đâu, khi nào thì mấy con bò và dê mang thai, thức ăn mùa đông sẽ thiếu hay thừa, cần bao nhiêu sữa để làm pho mát và bao nhiêu cho thức ăn. Một người lạ sẽ không biết gì về những chuyện này, và ngay cả khi họ biết, có lẽ khó mà kiếm được một người lạ.

Ồ, nhưng Axel đã nhiều lần nghĩ tới chuyện tổng khứ Barbro đi và tìm một cô gái khác tới giúp; đôi khi cô thật là tai quái, và anh gần như sợ cô. Cả những khi may mắn hòa thuận với cô, nhiều lúc anh vẫn lùi trở lại vì sợ hãi sự ác độc kỳ lạ và những cung cách tàn bạo của cô; nhưng trông cô thật xinh đẹp, và nhiều khi cũng khá ngọt ngào, chôn sâu anh trong vòng tay của mình. Chuyện đã diễn ra như thế, nhưng giờ thì nó đã qua rồi. Không, cảm ơn. Barbro sẽ không có tất cả mọi thứ công việc khốn khổ đó nữa. Nhưng thay đổi không phải là chuyện dễ... “Vậy chúng ta hãy cưới nhau ngay đi,” Axel thúc giục cô.

“Ngay lập tức ư? Không; tôi phải xuống thị trấn để khám răng trước đã, sắp rụng hết cả rồi.”

Vậy là lại không có gì để làm ngoài việc tiếp tục như trước. Và hiện giờ Barbro không thật sự lãnh tiền công mà còn hơn rất nhiều khoản tiền công đó; mỗi lần cô hỏi tới tiền và anh đã cho cô, cô cảm ơn anh như cảm ơn một món quà. Nhưng với tất cả những điều đó Axel vẫn không hiểu nổi số tiền đã đi đâu. Cô cần tiền để làm gì giữa chốn hoang vu này? Cô có cất riêng cho mình không? Nhưng dành dụm quanh năm như thế để làm gì chứ?

Có nhiều điều Axel không thể nghĩ ra. Không phải anh đã tặng cô một chiếc nhẫn hay sao? Phải, một chiếc nhẫn bằng vàng thật sự. Và họ cũng đã hòa thuận với nhau sau món quà cuối cùng đó; nhưng nó không thể kéo dài mãi, còn khuya mới thế; và anh không thể cứ tiếp tục mua nhẫn tặng cô hoài. Nói tóm một lời, cô có định rời bỏ anh không? Đàn bà là những tạo vật lạ lùng! Phải chăng đã có một người đàn ông khác với một nông trại tốt và nhiều gia súc đang chờ cô ở một nơi khác? Thỉnh thoảng Axel cũng có thể nện nắm đấm lên bàn vì nổi nóng với

những mụ đàn bà và sự khô hài ngu xuẩn của họ.

Một sinh vật lạ lùng, dường như Barbro thật sự không có gì trong đầu ngoài ý nghĩ về Bergen và cuộc sống thị dân. Tốt đẹp và ổn thỏa. Nhưng nếu thế, tại sao cô lại quay về, quý tha ma bắt cô đi! Bản thân một bức điện tín từ cha cô có thể chẳng bao giờ làm cho cô nhích đi nửa bước; hẳn cô phải có một lý do nào khác. Và hiện giờ cô ở đây, không ngừng bất mãn từ sáng cho tới tối, từ năm này sang năm khác. Tất cả những cái thùng gỗ đó, thay vì những cái xô sắt đang hoàng; những cái nồi thay vì những cái chảo; công việc vắt sữa triền miên thay vì một cuộc tản bộ tới trại làm bơ sữa; những đôi ủng nặng nề, những cục xà bông vàng, một cái gối nhồi cỏ khô; không có những ban nhạc quân đội, không có mọi người. Sống như thế này...

Họ có nhiều tranh chấp nhỏ sau một cuộc cãi cọ lớn. Thế đấy, thỉnh thoảng lại có chuyện! “Nếu anh thông minh thì đừng nói thêm gì về chuyện đó,” Barbro nói. “Và đừng nói tới những gì anh đã làm với cha các thứ.”

“VẬY HẢ, TÔI ĐÃ LÀM GÌ?”

“Ồ, anh biết rõ cả mà. Nhưng dù sao thì anh cũng sẽ không là Quan thanh tra.”

“VẬY SAO!”

“KHÔNG, anh sẽ không làm được. Tôi chỉ tin chừng nào tôi nhìn thấy.”

“NGHĨA LÀ TÔI CHƯA TỐT LẮM, CÓ LẼ THẾ?”

“Ồ, tốt, tốt lắm... Dù sao thì anh cũng không thể đọc hay viết và cũng chưa hề nhìn qua một tờ báo.”

“VỀ chuyện đó, tôi có thể đọc và viết mọi thứ tôi cần. Nhưng về phần em, với tất cả những lời lẽ lấp ba lấp bắp đó... tôi phát ốm vì nó.”

“ĐƯỢC, vậy thì bắt đầu là cái nhẫn đó,” cô nói và ném chiếc nhẫn bạc lên bàn.

“VẬY HẢ!” Anh nói, sau một lúc. “Còn chiếc kia thì sao?”

“Ồ, nếu anh muốn lấy lại hai chiếc nhẫn anh đã cho tôi, anh có thể có chúng,” cô nói, cố rút chiếc nhẫn vàng ra.

“CÔ có thể tỏ ra khó ưa thế nào tùy ý. Nếu cô nghĩ tôi thèm để ý...” Và anh bước ra ngoài.

Và khá tự nhiên, chẳng bao lâu sau đó, Barbro đeo lại cả hai chiếc nhẫn.

Cũng có lúc cô chẳng đoái hoài gì tới những điều anh đã nói về cái chết của đứa bé. Cô chỉ khịt mũi và hất đầu. Cô cũng chưa hề thú nhận điều gì mà chỉ nói: “ĐƯỢC, giả sử tôi đã chìm chết nó? Anh sống giữa chốn hoang vu này thì biết gì về những thứ ở chỗ khác?” Có lần họ đang nói về chuyện này, hình như cô đang cố làm cho anh thấy rằng anh đã nghiêm trọng hóa quá đáng mọi chuyện; bản thân cô không nghĩ tới việc rũ bỏ một đứa bé nhiều hơn mức đáng phải quan tâm của vụ việc. Cô biết hai cô gái ở Bergen đã làm chuyện đó; nhưng một trong số họ bị phạt tù hai tháng vì cô ta ngu ngốc và đã không giết chết nó mà chỉ bỏ mặc cho nó bị cồng cho tới chết; và cô gái còn lại được tha bổng. “KHÔNG,” Barbro nói, “ngày nay luật pháp không quá tàn ác như trước đây. Ngoài ra, không phải lúc nào việc đó cũng bị phanh phui.” Có một cô gái ở một khách sạn tại Bergen đã giết hai đứa bé; cô ta đến từ Christiania, và đội một cái mũ. Một

cái mũ có gắn lông chim. Họ đã phạt cô ta ba tháng tù vì đứa bé thứ hai, nhưng đứa bé đầu tiên không bao giờ bị phát giác, Barbro nói.

Axel lắng nghe tất cả mấy chuyện này và càng thấy sợ hãi cô hơn. Anh đã cố gắng để thấu hiểu và lý giải đôi chút những điều nằm trong bóng tối, nhưng nói cho cùng cô nói đúng; anh đã làm cho mọi chuyện trở nên quá nghiêm trọng theo cách của anh. Với toàn bộ sự đòi hỏi xấu xa của cô, Barbro không đáng được dành cho một suy nghĩ nghiêm chỉnh nào. Việc giết trẻ sơ sinh không có ý nghĩa gì đối với cô, không có gì đặc biệt trong việc giết một em bé; cô chỉ nghĩ tới nó với sự phóng túng và xấu xa về đạo đức mà người ta có thể mong đợi ở một cô hầu gái. Điều này cũng rất rõ ràng ở những ngày sau đó; cô chưa bao giờ bỏ ra một giờ để nghĩ suy; cô vẫn thoải mái và tự nhiên như mọi lúc, nông cạn và ngu xuẩn một cách không thể hoán cải, một cô hầu gái không thể hoán cải. “Tôi phải đi và khám hàm răng của tôi,” cô nói. “Và tôi muốn một trong mấy cái choàng mới đó.” Có một kiểu áo khoác lưng mới từng là thời trang trong vài năm trước, và Barbro phải có một cái.

Khi cô xem mọi chuyện đều tự nhiên như vậy, Axel còn có thể làm gì hơn ngoài việc nhượng bộ? Và không phải lúc nào anh cũng thật sự nghi ngờ cô; bản thân cô chưa bao giờ thú nhận. Thật ra cô đã chối bỏ hết lần này sang lần khác, nhưng không hề phần nộ, không hề khăng định, xem như một điều vật vãnh, như một cô hầu gái chối bỏ việc đánh vỡ một cái đĩa, dù cô ta có làm hay không. Nhưng sau một vài tuần, Axel không thể chịu đựng thêm được nữa; một hôm anh đã đứng lặng giữa phòng và chợt phát hiện ra một điều. Lạy trời cao đất dày! Mọi người hẳn đã nhìn thấy cô như thế nào, nặng nề với cái thai và có thể nhìn thấy rõ ràng điều đó. Và giờ đây lại có thân hình như trước. Vậy thì em bé đâu rồi? Giả sử những người khác đến tìm nó? Sớm muộn gì họ cũng sẽ thắc mắc về nó. Và nếu không có gì sai trái, lẽ ra đứa bé phải được chôn cất đàng hoàng trong nghĩa trang chứ không phải trong lùm bụi, trên mảnh đất của anh ở đó...

“Không. Việc đó chỉ khiến mọi chuyện rối lên,” Barbro nói. “Họ sẽ mổ phanh nó ra và mở một cuộc điều tra các thứ. Tôi không muốn bị quấy rầy.”

“Chỉ mong sau này mọi chuyện sẽ không trở nên tệ hơn,” anh nói.

Barbro hỏi một cách dễ dàng: “Có gì phải lo chứ? Cứ để nó nằm ở nơi nó đang nằm.” Phải, cô mỉm cười và hỏi: “Anh sợ nó sẽ đuổi theo anh à? Hãy dứt bỏ mấy chuyện vớ vẩn đó đi, và đừng nói thêm gì về nó.”

“Phải, ờ...”

“Tôi có dìm chết đứa bé không à? Tôi đã nói với anh nó tự chết chìm trong nước khi tôi bị trượt xuống. Tôi không bao giờ nghe thấy những thứ mà anh có trong đầu mình. Và, dù sao đi nữa, nó sẽ không bao giờ bị phát hiện.

“Mọi thứ đã bị phát hiện với Inger ở Sellanraa.”

Barbro suy nghĩ một lúc. “Chà, tôi không quan tâm. Luật pháp hiện giờ khác hẳn, và nếu anh đọc báo anh sẽ biết. Có cả đồng người đã làm chuyện đó, và chẳng bị hề hấn gì.” Barbro bắt đầu giải thích, dạy bảo anh, có thể nói thế, để anh có một cái nhìn rộng hơn về các thứ. Không phải cô đã đi ra thế giới, trông thấy, nghe thấy và hiểu biết nhiều đến thế mà chẳng để làm gì; giờ

đây cô có thể ngồi đó và tỏ ra là người hiểu nhiều biết rộng hơn hẳn anh. Có ba lập luận chính mà cô tiếp tục khai thác: Đầu tiên, cô không làm chuyện đó. Thứ hai, nói cho cùng, đó không phải là điều gì kinh khủng, nếu giả sử cô đã làm như thế. Và thứ ba, người ta sẽ không bao giờ phát hiện được chuyện này.

“Dường như đối với tôi mọi thứ đều sẽ bị phát hiện,” anh phản đối.

“Không, do nơi đây xa xôi,” cô đáp. Và để làm anh kinh ngạc hoặc để động viên anh, hoặc có lẽ chỉ do tính tự phụ đơn thuần muốn khoe khoang một thứ gì đó, đột nhiên cô tung ra một quả bom. Như thế này: “Tôi đã từng làm một chuyện mà không bao giờ bị phát hiện.”

“Em?” anh nói, hoàn toàn không tin. “Em đã làm gì?”

“Tôi đã làm gì à? Đã giết một thứ.”

Có lẽ cô không định đi xa đến thế, nhưng bây giờ phải tiếp tục; anh ngồi đó, trố mắt nhìn cô. Ồ, đó không phải là sự táo tợn lớn lao, không thể khuất phục; nó chỉ đơn giản là lời khoe khoang thô lỗ, làm ra vẻ hiên ngang; cô muốn tỏ ra người lớn và làm cho anh im miệng. “Anh không tin tôi hả?” Cô la lớn. “Anh có nhớ câu chuyện trong báo về cái xác của một đứa bé được tìm thấy ở cảng không? Chính tôi đã làm chuyện đó.”

“Sao?”

“Thi hài của một đứa bé. Anh không bao giờ nhớ bất cứ thứ gì hết. Chúng ta đã đọc về nó trong tờ báo mà anh mang về.”

Sau một lúc anh bật thốt: “Hắn là em mất trí rồi!”

Sự bối rối của anh dường như càng kích động cô nhiều hơn, cho cô một dạng sức mạnh giả tạo; thậm chí cô có thể nói thêm chi tiết: “Tôi đã bỏ nó vào một cái hộp; lúc đó nó đã chết, dĩ nhiên. Tôi làm việc đó ngay khi nó vừa ra đời. Và khi ra tới bến cảng, tôi quăng nó xuống biển.”

Axel ngồi im lặng ừ ừ, nhưng cô tiếp tục. Chuyện đó xảy ra đã khá lâu, nhiều năm trước, khi cô tới Maaneland lần đầu. Thế đó, anh có thể thấy rằng không phải chuyện gì cũng bị người ta phát hiện ra, nhất là khi đã xảy ra từ lâu! Sự đời sẽ ra sao nếu chuyện gì cũng bị người ta phát hiện? Thế còn những người đã có gia đình ở thị trấn và những điều họ đã làm thì sao nào? Họ giết con cái họ trước khi chúng chào đời. Có những tay bác sĩ lo liệu chuyện đó. Họ không muốn có nhiều hơn một đứa hoặc nhiều nhất là hai đứa, thế là họ tới nhà một tay bác sĩ và tổng khứ nó trước khi nó ra đời. Ôi dào, Axel không cần nghĩ rằng những chuyện đó là chuyện trọng đại gì cho lắm trong đời!

“Thế ư!” Axel nói. “Vậy tôi cho là cô cũng đã tổng khứ đứa cuối cùng theo cách đó?”

“Không.” Cô cẩn thận đáp, “vì tôi để rớt.” Nhưng ngay cả khi đó cô cũng không xem đó là chuyện gì kinh khủng. Rõ ràng cô đã quen nghĩ rằng những chuyện đó là tự nhiên và dễ dàng; hiện giờ nó không tác động gì tới cô. Có lẽ lần đầu tiên thì hẳn có chút ít khó chịu, một cảm giác bất an về việc giết chết đứa bé; nhưng đứa thứ hai? Giờ có thể cô nghĩ tới nó với một kiểu cảm giác mang tính lịch sử: như một điều đã thực hiện xong, và có thể thực hiện.

Axel ra khỏi nhà, tâm hồn nặng trĩu. Anh không quan tâm nhiều tới sự kiện Barbro đã giết

chết đứa con đầu lòng, chuyện đó không can hệ gì tới anh. Cả việc cô từng có một đứa con trước khi tới với anh cũng không quan trọng; cô quá vô tư lự, và chưa bao giờ giả vờ điều đó, trái lại. Cô không giấu diếm kiến thức của mình, và đã dạy anh nhiều thứ trong bóng tối. Thật tuyệt vời. Nhưng đứa bé sau này, anh không sẵn lòng đánh mất nó; một đứa con trai bé tí, một sinh vật trắng nhỏ xíu quẩn trong một mảnh giẻ. Nếu cô có tội trong cái chết của đứa bé, cô đã làm tổn thương anh, đã phá vỡ một mối ràng buộc mà anh trân trọng, và bát nước đổ rồi không thể hốt lại cho đầy được. Nhưng nói cho cùng, có thể anh đã hiểu sai về cô: cô đã trượt ngã xuống nước do tai nạn. Nhưng thế thì mảnh giẻ quẩn, cái mẫu áo mà cô đã đem theo thì sao...

Trong lúc đó, nhiều giờ đã trôi qua; giờ ăn tối tới, và màn đêm buông xuống. Khi Axel đã lên giường, đã nằm nhìn tròng tròng vào bóng tối khá lâu, cuối cùng anh cũng ngủ thiếp đi, cho tới sáng. Và rồi một ngày mới đến, và sau đó là nhiều ngày khác...

Barbro vẫn hết như ngày nào. Cô biết quá nhiều về thế giới, và có thể xem nhẹ nhiều chuyện vặt vãnh nhỏ bé mà đối với cư dân miền hoang địa là nghiêm trọng và kinh khủng. Điều này cũng tốt; cô có đủ thông minh cho cả hai, đủ thờ ơ đối với cả hai. Và cô cũng không cư xử như một sinh vật đáng sợ. Barbro mà là một con quái vật sao? Không hề. Cô là một thiếu nữ xinh xắn, với đôi mắt xanh lơ, một cái mũi hơi hếch, và làm việc nhanh nhẹn. Cô hoàn toàn chán nản và muốn bệnh với nông trại và những cái chậu gỗ, cần cọ rửa thường xuyên; có lẽ cũng chán nản và muốn bệnh với Axel, với cuộc đời chệch choạc mà cô đang sống nữa. Nhưng cô chưa hề giết một con gia súc nào, và Axel chưa bao giờ nhìn thấy cô đứng cạnh mình với một con dao gươm cao vào lúc nửa đêm.

Chỉ có một lần bỗng dưng họ lại nói chuyện về cái xác trong rừng. Axel khẳng khẳng cho rằng nên chôn nó trong nghĩa trang, trên mảnh đất được ban phép; nhưng cô vẫn nghĩ cách của cô cũng khá ổn. Thế rồi cô nói đôi điều chứng tỏ rằng cô có cách riêng của mình. Cũng đủ nhạy bén, có thể nhìn xa trông rộng; có thể suy nghĩ, với bộ óc bé nhỏ đáng thương của một người ác độc.

“Nếu nó bị phát hiện tôi sẽ tới nói chuyện với ngài Lensmand; tôi từng giúp việc cho ông ta. Và phu nhân Heyerdahl cũng sẽ nói giúp tôi một tiếng, tôi biết. Không phải ai cũng có thể tìm được người giúp việc như thế, và dù sao thì họ cũng rộng lòng tha thứ. Ngoài ra còn có cha nữa, ông quen tất cả những nhân vật quan trọng, và bản thân từng là trợ lý các thứ.”

Nhưng Axel chỉ lắc đầu.

“Sao, có gì không ổn chứ?”

“Em nghĩ là cha em có thể làm được bất cứ chuyện gì sao?”

“Anh biết nhiều về điều đó mà!” Cô hét lên giận dữ. “Sau khi anh đã hủy hoại ông các thứ, chiếm đoạt nông trại và cướp mất miếng ăn của ông.”

Dường như cô nghĩ rằng thanh danh của cha mình về sau này đã sút giảm, và cô có thể mất mát do điều đó. Và Axel còn có thể nói gì hơn? Không gì cả. Anh là một người thích hòa bình, một người chân bùn tay lấm.

CHƯƠNG III

Mùa đông đó Axel lại bị bỏ mặc một mình ở Maaneland. Barbro đã ra đi. Phải, đó là kết thúc.

Chuyến đi xuống thị trấn của cô sẽ không lâu, cô bảo; không giống như đi tới Bergen; nhưng cô sẽ không ở lại đây để rụng hết cái răng này tới cái khác cho tới khi miệng cô giống như miệng một con bê. “Sẽ tốn hết bao nhiêu?” Axel hỏi.

“Làm sao tôi biết được,” cô nói. “Nhưng dù sao cũng sẽ không tốn xu nào của anh đâu. Tôi sẽ tự mình kiếm tiền.”

Cô cũng giải thích vì sao tốt nhất cô nên đi ngay lúc ấy; chỉ có hai con bò cần được vắt sữa, và tới mùa xuân sẽ có thêm hai con nữa, ngoài ra tất cả số dê đều đang có con, và cho tới tháng Sáu mới bắt đầu vào công việc mùa màng bận rộn.

“Cứ làm theo ý của em,” Axel nói.

Anh sẽ không tốn chút gì, không hề. Nhưng cô phải có chút ít tiền để khởi hành, chỉ chút ít thôi; cả một chặng đường dài, và tiền nha sĩ, ngoài ra, cô phải có một trong số mấy cái áo choàng mới đó và một vài thứ nhỏ nhặt. Nhưng, dĩ nhiên, nếu anh không quan tâm...

“Cho tới lúc này em đã có đủ tiền,” anh nói.

“Ừm, dù sao thì cũng tiêu hết cả rồi.”

“Em không dành dụm được chút nào sao?”

“Dành dụm được chút nào? Nếu thích anh có thể nhìn vào ruộng của tôi. Tôi không bao giờ dành dụm gì khi còn ở Bergen, và lúc đó tôi lãnh tiền công còn nhiều hơn.”

“Tôi không có tiền để cho em.”

Anh khó mà tin rằng cô sẽ quay lại, và cô đã quấy rầy anh rất nhiều với những ý thích này nọ của mình; cuối cùng anh đã trở nên lãnh đạm. Và dù rất cục anh cũng cho cô tiền, chẳng đáng nhắc tới nó; nhưng anh không thèm để ý tới việc khi gói ghém hành lý cô đã mang theo rất nhiều thức ăn, và anh tự đánh xe đưa cô, cùng với cái ruộng, xuống làng để đón tàu hơi nước.

Và chuyện đó đã xong xuôi.

Anh có thể một mình xoay xở ở trại, anh đã học cách làm như vậy trước đây, nhưng với bầy gia súc thì khá tệ hại; nếu anh phải rời khỏi nhà, sẽ không có ai chăm sóc chúng. Người chủ tiệm dưới làng giục anh mời Oline tới giúp việc trong mùa đông, bà đã từng ở Sellanraa nhiều năm trước đó; dĩ nhiên giờ bà đã già, nhưng còn khỏe và có thể làm việc. Và Axel đã nhờ người gọi Oline tới, nhưng bà không tới, và chẳng nhả lời nào.

Cùng một lúc, anh làm việc trong rừng, đập số lúa mạch ít oi của mình và chăm sóc bầy gia súc. Đó là một cuộc sống lặng lẽ và cô độc. Thỉnh thoảng Sivert có thể đánh xe qua từ Sellanraa trên đường xuống làng và trở về, chở theo những súc gỗ, da thú hoặc sản phẩm nông trại,

nhưng hiếm khi mang trở lên nhà thứ gì; hiện giờ ở Sellanraa họ không cần phải mua gì nhiều nữa.

Đôi khi Brede Olsen cũng lê chân qua đó, thường là khá muộn, bất kể y đang theo đuổi chuyện gì. Trông như thể y đang cố biến mình thành người không thể thiếu được đối với những vị lãnh đạo công ty điện thoại trong thời gian ngắn ngủi còn lại, để giữ lại công ăn việc làm. Hiện giờ, khi Barbro đã đi, y không bao giờ vào nhà thăm Axel mà chỉ đi thẳng qua. Một chút sĩ diện thích hợp với tình trạng của y, khi thấy rằng y vẫn còn sống ở Breidablik và chưa chuyển đi. Một hôm khi y đang đi ngang mà không thốt một tiếng chào nào, Axel ngăn y lại và hỏi khi nào y mới nghĩ tới việc rời khỏi trại.

“Barbro thế nào, và cách nó lìa bỏ cậu?” Brede hỏi lại. Và lời này dẫn tới lời kia: “Cậu cho nó đi mà không giúp đỡ chút gì, chỉ gần thôi nhưng suýt nữa nó không tới được Bergen.”

“Thế à! Vậy cô ấy có ở Bergen không.”

“Phải, rất cuộc cũng tới đó, nó viết như thế, nhưng không cảm ơn cậu.”

“Tôi sẽ phải mời ông rời khỏi Breidablik, và nên nhanh chóng làm việc đó,” Axel nói.

“Phải, cậu tốt lắm, Brede nói, với một nụ cười nhếch mép. “Nhưng chúng tôi sẽ chuyển đi vào năm mới,” y nói, và đi tiếp.

Thế là Barbro đã tới Bergen. Phải, như Axel đã nghĩ. Anh không ghi khắc vào lòng chuyện đó? Ghi khắc vào lòng? Không, thật sự; anh đã êm xuôi thoát khỏi nàng. Nhưng dù sao cho tới lúc đó anh vẫn còn chút hy vọng rằng nàng có thể quay về. Đó là điều vô lý, nhưng vì lý do nào đó anh đã trở nên quan tâm quá nhiều tới cô gái đó. Phải, tới cô gái quý quái đó. Nàng có những giây phút ngọt ngào, những giây phút không thể nào quên, và chính vì mục đích ngăn nàng tới Bergen mà anh chỉ cho nàng rất ít tiền đi đường. Và giờ thì rất cục nàng đã tới đó. Một ít quần áo của nàng vẫn còn treo trong nhà, và có một cái mũ có gắn lông chim gói trong một tờ giấy để trong góc xép, nhưng nàng không lên đó lấy chúng đi. Phải, có lẽ anh đã ghi lòng tạc dạ chút ít, chỉ chút ít thôi. Và như thế để chế giễu anh bằng một cú đùa nặng ký trong cơn khốn khổ, tờ báo mà anh đã đặt hàng tuần cho nàng lại đến, và việc đó không ngưng lại cho tới tận năm mới.

Thôi, thôi, còn có nhiều chuyện khác phải nghĩ đến. Anh phải là một gã đàn ông.

Mùa xuân kế tiếp anh sẽ cất một cái kho dựa vào bức tường ván ở phía bắc ngôi nhà. Axel không có nhiều cây cho gỗ, chúng không mọc san sát, nhưng có vài cây linh sam lớn mọc rải rác đó đây ở mé ngoài mảnh đất của anh, và anh đã đánh dấu những cây ở mé hướng về Sellanraa, để thu ngắn bớt quãng đường chở gỗ lên chỗ máy cưa.

Một sớm mai, anh cho bày gia súc ăn thêm một suất, để chúng có thể nhin tới chiều tối, đóng hết cửa lại và đi ra ngoài đốn gỗ. Ngoài chiếc rìu và một giỏ thức ăn, anh mang theo một cái cào để dọn tuyết. Thời tiết êm dịu, ngày hôm trước đã có một cơn bão tuyết lớn, nhưng giờ nó đã ngưng. Anh đi theo tuyến dây điện thoại suốt quãng đường tới điểm đốn cây, rồi cởi áo khoác ra và bắt tay vào việc. Khi những thân cây đã ngã, anh chặt hết nhánh, chỉ để lại thân chính, và chất số gỗ thành đống.

Brede Olsen đi ngang qua đó trên đường lên đồi. Đã có rắc rối trên đường dây, chắc chắn thế,

sau cơn bão hôm qua. Hoặc có lẽ Brede ra ngoài không vì một việc cụ thể nào, mà chỉ do sự nhiệt tình đơn thuần. Thế đấy, gần đây y rất sốt sắng thực thi bốn phận của mình! Hai người đàn ông không nói gì, chỉ giơ một bàn tay lên để chào nhau.

Thời tiết lại thay đổi, gió nổi lên. Axel nhận thấy điều đó, nhưng vẫn làm việc tiếp. Đã qua buổi trưa khá lâu, và anh vẫn chưa ăn. Thế rồi, trong lúc đón một cây linh sam, không biết làm thế nào anh lại vướng vào hướng ngã của nó, và bị té xuống đất. Anh gần như không biết chuyện đã xảy ra như thế nào. Nhưng nó là thế. Một cây linh sam lớn đang rung rinh dưới gốc: một người đàn ông sẽ cho nó ngã theo một hướng, cơn bão lại đẩy nó theo hướng khác. Và cơn bão là người thắng cuộc. Nói cho cùng, anh vẫn có thể thoát ra, nhưng mặt đất bị tuyết che phủ. Axel bước sai một bước, tuột chân rơi vào một khe đá, nằm dằng chân trên một tảng đá, và bị lèn chặt xuống bởi sức nặng của thân cây.

Chà, giờ thì sao đây? Anh vẫn còn có thể thoát thân, nhưng, như chuyện đã diễn ra, anh đã bị ngã một cú kinh khủng. Không có cái xương nào bị gãy, trong chừng mực anh có thể nói, nhưng đã bị vặn người đi theo cách nào đó và không thể lê ra ngoài được. Một lúc sau anh gỡ ra được một bàn tay, chống đỡ thân người với tay kia, nhưng chiếc rìu nằm ngoài tầm tay với. Anh nhìn quanh, suy nghĩ, như bất kỳ con thú nào mắc bẫy sẽ làm điều đó; nhìn quanh, suy nghĩ và cố tìm cách thoát ra từ bên dưới thân cây. Hẳn là Brede sẽ sớm tới đây trên đường đi xuống, anh tự nhủ, và tự cho mình nghỉ xả hơi một lúc.

Thoạt đầu anh không lo lắng về sự kiện này, chỉ bực mình vì phí mất thời giờ làm việc; trong đầu anh không hề có ý nghĩ nào về việc đang gặp nguy cơ, đừng nói tới việc đang bị đe dọa tới tính mạng. Đúng, anh có thể cảm thấy bàn tay chống đỡ thân hình đang trở nên tê dại, bàn chân trong kệt đá cũng ngày càng lạnh giá và bất lực; nhưng không sao, Brede sẽ sớm tới đây thôi.

Brede không tới.

Cơn bão mạnh dần, Axel cảm thấy tuyết phủ đầy trên mặt anh. Chà, lúc này nó đã rơi ra trò rồi, anh tự nhủ, vẫn chưa lo lắng về mọi sự. Phải, thế này thì anh cũng giống như mù khi nhìn ra, vì giờ đây mọi thứ bắt đầu tung rơi ra trò! Một lúc sau anh la lên một tiếng. Tiếng hét hầu như không thể đi xa lắm trong gió bão, nhưng nó sẽ vang vọng dọc theo tuyến đường, về phía Brede. Axel nằm đó với mọi ý nghĩ vô ích trong đầu; giá mà anh có thể với tới cái rìu, có lẽ anh sẽ dọn được đường thoát ra! Giá mà anh có thể giở bàn tay lên. Nó đang đè lên một thứ gì đó sắc bén, một gờ đá, và tảng đá đang lặng lẽ, từ tốn gặm nhấm lưng bàn tay của anh. Dù sao, giá như cái tảng đá quái quỷ này đừng nằm ở đó. Nhưng chưa có ai từng nghe nói về lòng tử tế ở một tảng đá bao giờ.

Lúc này trời đã xế, đang ngày càng xế bóng, tuyết rơi dày; tuyết đang phủ kín Axel. Tuyết bao trùm khắp mặt anh, một cách vô tội vô tình, thoát tiên nó còn tan ra, cho tới lúc thịt da lạnh cóng đi, và tuyết không tan nữa. Phải, giờ thì nó đang bắt đầu rơi ra trò!

Anh hét to hai tiếng và lắng nghe.

Cái rìu giờ cũng bị tuyết che lấp đi; anh chỉ có thể nhìn thấy một phần cán. Cái giỏ thức ăn của anh ở đằng kia, treo trên một thân cây. Giá mà anh có thể với tới nó để ăn một chút. Ôi, những nắm thức ăn ngon lành! Và rồi anh bước xa hơn nữa trong những đòi hỏi của mình, ước

ao thêm một điều: giá mà lúc này anh mặc cái áo khoác trên người. Trời lúc này đang trở lạnh. Anh lại hét thêm một tiếng to...

Và Brede kia rồi. Y dừng lại trên đường, đứng yên, nhìn về hướng Axel khi anh cất tiếng gọi; y đứng đó chỉ trong khoảnh khắc, đưa mắt nhìn như thể để xem có gì không ổn.

“Xin đưa giùm tôi cái rìu được không?” Axel yếu ớt gọi.

Brede vội nhìn lảng đi nơi khác. Lúc này y đã hoàn toàn ý thức được chuyện gì xảy ra. Y liếc nhìn lên đường dây và hình như đang huyết sáo. Y có ý gì khi làm điều đó?

“Nè, đưa giùm tôi cái rìu được không?” Axel la lớn hơn. “Tôi bị kẹt bên dưới thân cây ở đây này.”

Nhưng lúc này Brede trở nên nhiệt tình một cách lạ lùng với nhiệm vụ của mình, y tiếp tục nhìn lên những sợi dây điện, và huyết sáo liên tục. Axel cũng nhận ra rằng y đang huyết sáo một cách vui vẻ, như thể để phục thù.

“Ôi chao, vậy là ông sẽ giết tôi. Thậm chí không đưa giùm tôi cái rìu đó?” Axel kêu lên. Và lúc đó như thể có trục trặc gì ở đường dây phía dưới mà Brede phải tới xem xét ngay. Y cất bước, và khuất khỏi tầm mắt trong màn tuyết.

Thế đấy, thật tình! Nhưng sau đó, vâng, mọi thứ nói chung có thể khả quan nếu Axel có thể tự mình xoay sở để với tới cái rìu mà không có sự trợ giúp của bất kỳ ai. Anh căng hết mọi cơ bắp trên lồng ngực để nhắc lên sức nặng to lớn đang đè anh xuống; thân cây chuyển động, anh có thể cảm thấy nó rung lên, nhưng tất cả những gì anh nhận được chỉ là một trận mưa tuyết. Và sau vài nỗ lực nữa, anh chịu thua.

Lúc này trời bắt đầu sụp tối. Brede đã đi mất. Nhưng y có thể đi bao xa? Axel lại la hét, và nói thẳng vài lời. “Ông bỏ mặc cho tôi chết ở đây phải không, như một kẻ sát nhân?” Anh kêu lên. “Ông không nghĩ tới việc gì sẽ xảy ra sao? Và việc đưa một tay ra giúp sẽ đáng giá một con bò, không ít hơn. Nhưng ông là một con chó, Brede, khi bỏ mặc cho một người bị chết. Thế đấy, và sẽ có nhiều người hơn biết chuyện này, đừng lo, cũng đúng như tôi đang nằm đây. Và thậm chí không thèm đến để đưa giúp tôi cái rìu đó...”

Im lặng. Axel cố đẩy thân cây lần nữa, nâng nó lên được một chút, và đem lại một trận mưa tuyết nữa. Lại chịu thua và thở dài; lúc này anh đã kiệt sức và bắt đầu buồn ngủ. Ở nhà có bầu gia súc, chúng đang đứng trong lều và rống lên đòi thức ăn, chưa có một miếng cỏ ngậm nước nào từ sáng; giờ thì không còn Barbro để chăm sóc chúng. Không. Barbro đã ra đi, lìa bỏ và ra đi, mang theo cả hai chiếc nhẫn, vàng và bạc. Trời đang sụp tối, phải, hoàng hôn, đêm; phải, phải... Nhưng còn phải nghĩ tới cái lạnh nữa; bộ râu của anh đã đóng băng, chẳng bao lâu nữa đôi mắt của anh cũng sẽ bị đóng băng; phải, giá mà anh có cái áo khoác ở đằng kia... và giờ là cái chân của anh, không thể như thế được. Nhưng đúng là lúc này một chân đã tê dại cho tới hông. “Tất cả trong bàn tay của Chúa,” anh tự nhủ. Có vẻ như anh có thể nói mọi lời ngoan đạo khi muốn. Trời đang sụp tối, phải; nhưng một người đàn ông có thể chết mà không có ánh sáng một ngọn đèn. Lúc này anh cảm thấy mọi thứ mềm mại và tốt đẹp và anh nhếch miệng nở một nụ cười khiêm tốn, ngu xuẩn và tốt bụng, với cơn bão tuyết quanh mình; đây là tuyết của Thượng đế, một vật vô tội! Phải, thậm chí anh có thể tha thứ cho Brede, và không bao giờ nói

một lời...

Bây giờ anh rất lạnh lẽ, và ngày càng buồn ngủ hơn, phải, như thể một chất độc nào đó đã khiến anh tê liệt khắp người. Và bốn phía có quá nhiều sắc trắng; rừng và đất, những đôi cánh lớn, những bức màn trắng, những cánh buồm trắng... nó có thể là gì? Vớ vẩn, anh bạn ạ! Và biết khá rõ rằng đó chỉ toàn là tuyết; anh đang nằm ngoài trời trong tuyết; việc anh đang nằm đó, bị găm chặt dưới một thân cây, không phải là tưởng tượng.

Anh lại hét lên trước mỗi nguy nan, phát ra một tiếng gào; ở đó trong lớp tuyết lồng ngực to lớn rậm lông của một gã đàn ông phồng lên và phát ra một tiếng rú gào để người ta có thể nghe thấy nó từ ngay dưới chỗ túp lều, lặp đi lặp lại. “Phải, một con heo và một con quái vật,” anh lại hét gọi Brede; “không bao giờ có thể tưởng tượng nổi rằng ông bỏ mặc cho tôi chết. Thậm chí không đưa giúp tôi cái rìu; và tự gọi mình là một con người, hay một con quái thú của cánh đồng? Thôi được, cứ đi đi, và chúc ông may mắn nếu bỏ đi là ý muốn và suy nghĩ của ông...”

Hắn là anh đã ngủ; lúc này anh hoàn toàn tê cứng và không còn sức sống, nhưng đôi mắt anh vẫn mở; bị đóng băng, nhưng vẫn mở, anh không thể cựa cựa hay chớp mắt. Chẳng lẽ anh đang ngủ với đôi mắt mở? Có lẽ anh vừa ngủ gật khoảng một giây, hay một giờ, chỉ có Chúa biết, nhưng Oline đã đứng đó trước mặt anh. Anh có thể nghe thấy tiếng bà hỏi: “Nhân danh Chúa Jesus, hãy nói xem trong anh còn sự sống hay không!” Và bà hỏi anh có phải anh đang nằm đó không, anh có mất trí hay chưa.

Ở con người Oline luôn có đặc tính gì đó của một con chó rừng; đánh hơi và sục sạo, luôn có mặt ở nơi có rắc rối; phải, bà sẽ đánh hơi thấy nó. Và làm sao bà có thể xoay xở đi qua cuộc đời nếu không sống theo cách đó? Những tiếng kêu gào của Axel đã tới tai bà, và với tròn bảy mươi tuổi của mình bà đã băng đồng tới đó. Lội tuyết lên Sellanraa trong cơn bão ngày hôm trước, rồi lại tiếp tục tới Maaneland; không có một bóng người ở đó; bà cho gia súc ăn, đứng trên lối đi nghe ngóng, vắt sữa cho lũ bò vào giờ vắt sữa, rồi lại lắng nghe; có thể xảy ra chuyện gì?...

Thế rồi một tiếng kêu vọng tới, và bà gật đầu; Axel, có lẽ, hoặc có thể là những người sống trên đồi, hoặc lũ yêu tinh. Dù sao cũng có thứ gì đó để tìm tòi sục sạo, để lần ra ý nghĩa của tất cả những điều này. Trí tuệ của Đấng Toàn năng với bóng tối, khu rừng trong lòng bàn tay của Ngài, và Ngài không bao giờ làm hại Oline, kẻ không đáng để cởi dây giày cho Ngài...

Và bà đứng đó.

Cái rìu à? Oline bới sâu trong tuyết, và không tìm ra cái rìu nào cả. Vậy hãy cố xoay xở mà không có nó, và bà gắng sức nhấc thân cây lên với một sức lực không hơn một đứa trẻ con; bà chỉ có thể làm lay động những nhánh cây dây đó. Thử tìm cái rìu lần nữa. Trời đã tối đen, nhưng bà đào bới với cả tay chân. Axel không thể nhúc nhích bàn tay để chỉ, chỉ nói trước đó nó đã nằm ở đâu, nhưng giờ thì nó không ở đó. “Phải chi không quá xa Sellanraa,” Axel nói.

Thế rồi Oline bắt đầu tìm theo cách của bà, và Axel bảo bà rằng ở đó không có cái rìu nào cả. “Ờ, để coi,” Oline nói. “Tôi chỉ nhìn một tí. Và đây là cái gì, có thể?”

“Bà đã tìm thấy nó?”

“Phải, nhờ ơn huệ của Đấng Toàn năng,” Oline cao giọng đáp.

Nhưng trong Axel giờ không còn mấy niềm kiêu hãnh, anh thừa nhận rằng nói cho cùng anh đã sai lầm, và có lẽ đầu óc anh không còn hoàn toàn minh bạch. Và giờ anh sẽ làm gì với cái rìu khi có nó đó rồi? Anh không thể nhúc nhích, và Oline phải tự mình giải thoát cho anh. Ô, Oline đã từng cầm rìu trước đó; đã từng chặt nhiều củ đốt trong đời.

Axel không thể đi được, một chân tê liệt cho tới hông, và lưng anh bị sái; những cơn đau nhói khiến anh rên rỉ. Phải, anh chỉ cảm thấy một phần cơ thể của mình, như thể có cái gì đó đã bị bỏ lại bên dưới thân cây. “Không biết là chuyện gì có thể xảy ra...” Nhưng Oline biết, và nói với anh bằng những lời lẽ nghiêm trang; phải, bà đã cứu sống một con người, và bà biết; chính Đấng Toàn năng đã giao cho bà sứ mệnh này, nơi mà lẽ ra ngài có thể cử tới những đoàn thiên sứ. Cứ để cho Axel suy ngẫm về ơn huệ và sự minh triết vô tận của Đấng Toàn năng ngay cả ở sự kiện này! Và chuyện gì sẽ xảy ra nếu thay vào đó Ngài cử ra một con giun từ lòng đất, đối với Ngài, mọi chuyện đều có thể.

“Phải, tôi biết,” Axel nói. “Nhưng tôi không thể nghĩ ra mình bị cái gì; cảm thấy lạ lắm...”

Cảm thấy lạ, phải không? Ô, chỉ cần chờ, chờ chút xíu. Mỗi lần chỉ có thể cử động và duỗi được chút chút, cho tới khi cuộc sống quay trở lại. Và mặc cái áo khoác vào, cảm thấy ấm áp trở lại. Nhưng không bao giờ trong đời mình bà quên được Thiên sứ của Chúa Trời đã kêu gọi bà ra chỗ lồi đi trong lần cuối cùng đó như thế nào, khi bà có thể nghe thấy một giọng nói – giọng kêu van của một người trong rừng. Phải, giống như trong những ngày ở chốn Thiên đường, khi những tiếng kèn vang vọng khắp những bức tường của thành Jericho...

Phải, lạ lùng. Nhưng trong lúc bà nói, Axel đã tận dụng thời gian, học cách sử dụng lại tứ chi của mình, và bắt đầu bước.

Họ chậm chạp hướng về nhà. Oline vẫn đóng vai trò vị cứu tinh và hỗ trợ cho anh. Bằng cách nào đó họ đã xoay sở được. Họ bắt gặp Brede khi đi xuống được một khúc. “Gì thế?” Brede nói. “Bị thương à? Để tôi giúp một tay.”

Axel không đếm xỉa tới y. Anh đã thề với Thượng đế sẽ không trả thù, không nói những gì Brede đã làm, nhưng ngoài điều đó anh tự do. Và lúc này Brede đi lên con đường đó để làm gì? Phải chăng y đã nhìn thấy Oline ở Maaneland và đoán rằng bà có thể nghe thấy?

“Và bà tới đây phải không, Oline?” Brede tiếp tục một cách dễ dàng. “Bà tìm thấy cậu ấy ở đâu? Dưới một thân cây? Chà, đúng là một chuyện lạ kỳ,” y nói. “Tôi đang lên chỗ đó để làm nhiệm vụ, dọc theo tuyến đường, và hình như tôi nghe thấy ai đó đang la hét. Nhanh như chớp tôi quay lại và lắng nghe. Brede là một kẻ sẵn sàng đưa tay giúp đỡ khi cần. Té ra là Axel, nằm dưới một thân cây, bà bảo thế, phải không?”

“Phải,” Axel nói. “Và ông cũng đã nhìn và nghe thấy. Nhưng không hề giúp chút gì...”

“Lạy Chúa, xin cứu giúp chúng con!” Oline la lên, kinh hãi. “Vì con là một kẻ tội đồ...”

Brede giải thích: “Nhìn thấy? Sao, vâng, đúng là tôi có nhìn thấy cậu. Nhưng vì sao cậu không kêu cứu? Cậu nên kêu cứu nếu có bất kỳ điều gì không ổn. Đúng là tôi có nhìn thấy cậu, phải, nhưng chỉ nghĩ là cậu đang nằm nghỉ một lát.”

“Tốt hơn ông đừng nói gì thêm nữa,” Axel cảnh cáo. “Ông biết rõ ông đã bỏ mặc tôi ở đó và hy

vọng tôi sẽ không bao giờ đứng lên trở lại.”

Giờ thì Oline đã nhận ra tầm quan trọng của mình; Brede không được phép can dự vào. Bà phải là người không thể thiếu, không gì có thể xảy ra giữa bà và Axel khiến anh chịu ơn nghĩa của bà ít hơn. Bà đã cứu anh, chỉ một mình bà. Và bà gạt Brede sang một bên, thậm chí không để cho y mang cái rìu hay giỏ thức ăn. Nhưng lần sau khi tới chỗ của Brede và ngồi trò chuyện với y trong khi nhấm nháp một cốc cà phê, bà sẽ đứng về phía y.

“Dù sao cũng để tôi mang giúp cái rìu và các thứ,” Brede nói.

“Không,” Oline đáp, nói hộ cho Axel. “Cậu ấy sẽ tự mang chúng.”

Và Brede tiếp tục: “Dù sao cậu cũng nên kêu cứu tôi; chúng ta không phải là hai kẻ tử thù đến mức cậu không thèm nói một lời nào chứ? Cậu đã kêu cứu? Chà, lẽ ra lúc đó cậu nên hét to, để người ta có thể nghe thấy. Gió bão các thứ... Ít ra cậu cũng nên vẫy một bàn tay.”

“Tôi không còn tay nào để vẫy hết,” Axel đáp. “Ông đã thấy tình trạng của tôi ra sao, bị kẹt cứng và khóa chặt từ tứ phía.”

“Không, tôi thề là tôi không nhận ra. Vâng, tôi không nghe thấy gì. Nào, để tôi mang mấy thứ đó cho.”

Oline xen vào: “Để cho cậu ta yên. Cậu ta bị thương và đang khốn khổ.”

Nhưng lúc này đầu óc của Axel đang hoạt động trở lại. Anh đã nghe nói về Oline trước đó, và hiểu rằng chuyện này sẽ khá tốn kém cho anh, ngoài ra anh còn có thể bị quấy nhiễu dài dài nữa, nếu bà có thể khẳng định đã một mình cứu sống anh. Tốt hơn nên chia phần giữa họ càng nhiều càng tốt. Và anh để cho Brede mang cái giỏ và các thứ đồ nghề; anh làm cho họ hiểu rằng đây là một sự nhẹ nhõm, rằng anh thấy dễ chịu khi không phải mang vác chúng. Nhưng Oline không chịu, bà giật lại cái giỏ, bà chứ không phải ai khác sẽ mang vác những gì cần mang ở đó. Axel bị bỏ mặc không người đỡ trong giây lát, và Brede phải buông cái giỏ ra để giữ lấy anh. Dù có vẻ như giờ đây Axel có thể đứng một mình.

Họ đi tiếp một đoạn theo cách đó, Brede giữ một cánh tay của Axel, và Oline mang vác các thứ. Mang vác, lòng đầy cay đắng và bùng bùng lửa giận; đúng là một vai trò khốn khổ, xách một cái giỏ thay vì dẫn dắt một người bất lực. Rốt cục Brede muốn gì khi đến con đường đó? Đồ quý sù!

“Brede,” bà nói, “họ nói gì nhỉ, anh đang bán cái trại các thứ?”

“Ai cần biết tới chuyện đó?” Brede trâng tráo nói.

“Sao, về chuyện đó, tôi không bao giờ nghĩ nó là thứ gì bí mật không thể biết.”

“Vậy sao bà không tới chỗ bán và đấu giá với những người kia?”

“Tôi á, phải, anh đúng là loại người hay đùa với những người nghèo.”

“Ồ, tôi nghĩ bà đã trở nên giàu có phong lưu. Không phải là bà được để lại cái ruộng của ông cụ Sivert và tất cả số tiền trong đó sao? Hehehe!”

Oline không vui, không mềm lòng khi được nhắc tới khoản thừa kế đó. “Phải, cụ Sivert, ông ta

đã có lòng nghĩ tới tôi, và tôi sẽ không nói khác đi. Nhưng khi ông ta chết, ông ta chẳng để lại gì nhiều trong những thứ của cải nơi trần thế. Và chính anh cũng biết bị lột sạch và sống dưới mái nhà của người khác là thế nào; nhưng giờ đây cụ Sivert sống trong những lầu đài cung điện, còn loại người như anh và tôi bị bỏ lại trên trần thế để bị đá đi đá lại dưới những bàn chân.”

“Chà, bà và những câu nói của bà!” Brede khinh miệt nói, và quay sang Axel: “Ờ, tôi mừng là tôi đã tới kịp thời, để giúp cậu trở về nhà. Không đi nhanh quá, hả?”

“Không.”

Nói với Oline, đứng lên và cãi lý với Oline! Chưa bao giờ có người đàn ông nào có thể làm điều đó mà không trả giá. Chưa bao giờ trong đời bà chịu thua, và chưa bao giờ bà tìm ra đối thủ trong việc xoay vần trời đất thành một mớ lũng lộn những tốt xấu, chất độc và những lời vô nghĩa. Kể này giờ đây đang ở trước mặt bà: Brede làm như thể chính y đang đưa Axel về nhà!

“Điều tôi định nói là,” bà khai pháo: “Mấy quý ông lên chỗ Sellanraa lần đó; anh có khoe với họ những bao đá anh có không, Brede?”

“Axel,” Brede nói, “hãy để tôi cõng cậu trên vai, và tôi sẽ cõng cậu suốt quãng đường còn lại.”

“Không,” Axel nói. “Nhưng ông rất tốt khi đề nghị.”

Cứ thế họ đi tiếp; lúc này không còn xa nữa. Oline phải tranh thủ thời gian tốt nhất của mình trên đường. “Tốt hơn anh nên cứu cậu ta vào lúc đang thập tử nhất sinh,” bà nói. “Và chuyện thế nào, Brede, anh đi ngang và nhìn thấy cậu ta đang trong cơn nguy nan chết người, nghe thấy tiếng kêu của cậu ta và không hề dừng lại để giúp?”

“Bà cẩn thận cái lưỡi của mình đó,” Brede nói.

Nếu làm như thế, bà sẽ thấy dễ chịu hơn, khi đang lội trong lớp tuyết sâu và thở chẳng ra hơi, và còn một gánh nặng các thứ, nhưng lặng thinh không nói không phải là cách của Oline. Bà còn thủ lại một điều, một món ngon lành. Chà, nói tới chuyện đó là một điều nguy hiểm, nhưng bà dám nói.

“Hiện giờ có Barbro,” bà nói. “Và con bé thế nào, có lẽ chưa bỏ đi xa chứ?”

“Phải, nó đã đi,” Brede đáp một cách bất cần. “Và để lại một chỗ cho bà trong mùa đông.”

Một lần nữa, đây chính là một lời khơi mào thương hận đối với Oline; lúc này bà có thể để cho người ta nhìn thấy bà là một nhân vật quan trọng như thế nào; không ai có thể xoay xở lâu ngày mà không có Oline như thế nào. Oline, kể luôn được mời tới dù ở gần hay ở xa. Bà có thể tới hai, à, ba chỗ, về việc đó. Có ông cha xứ – hẳn họ sẽ vui mừng khi có bà ở đó. Và đây là một chuyện khác – phải, cứ để cho Axel nghe thấy, không có hại gì – họ đã đề nghị bà nhiều thế này thế nọ cho mùa đông, chưa kể một đôi giày mới và một bộ da dê trong cuộc thương lượng. Nhưng bà biết mình đang làm gì, tới trại Maaneland, tới với một người đàn ông hào phóng và sẽ trả cho bà nhiều hơn những người khác. À, thế là bà đã tới. Không, chẳng cần Brede tự làm khó cho mình với dáng đi đó. Khi vị Cha trên cõi Thiên đường của bà đã quan sát bà suốt bao năm qua, mở cánh cửa này nọ trước bước chân bà và mời bà vào. Và dường như bản thân Thượng

để cũng đã biết Ngài đang làm gì, cử bà tới Maaneland vào ngày hôm đó, để cứu vớt cuộc đời của một trong các tạo vật của ngài trên cõi thế...

Lúc này Axel bắt đầu mệt trở lại; đôi chân anh gần như không thể mang nổi thân anh, và dường như muốn quy xuống. Thật lạ, anh đã khỏe hơn từng chút, có thể bước đi, khi sự sống và ấm áp quay lại cơ thể anh. Nhưng bây giờ anh phải tựa vào Brede! Dường như nó bắt đầu khi Oline khởi sự nói về tiền công của bà; và rồi, khi bà nói về lúc đang cứu sống anh, nó càng tệ hơn bao giờ hết. Phải chăng anh đang cố giảm đi thắng lợi của bà lần nữa? Chỉ có Trời mới biết. Nhưng đầu óc anh có vẻ đang hoạt động trở lại. Khi họ tới gần nhà, anh dừng lại và nói: “Nói cho cùng, có vẻ như tôi không bao giờ đi tới đó được.”

Không nói một lời, Brede hất anh lên lưng và cõng anh đi. Và họ đi tiếp như thế, Oline đầy vẻ chua cay, Axel nằm dài trên lưng Brede.

“Tôi định nói gì nhỉ,” Oline thốt lên, “về Barbro, không phải là con bé đã đi xa với đứa trẻ sao?”

“Đứa trẻ?” Brede rên lên dưới sức nặng.Ồ, đó là một diễn biến lạ lùng; nhưng Axel để cho bản thân được cõng đi cho tới khi anh đứng xuống ngay tại cửa nhà mình.

Brede thở hào hển không ra hơi.

“Phải, rốt cục nó có được sinh ra hay không?” Oline hỏi.

Axel cắt ngang bằng một lời với Brede: “Tôi không biết đêm nay có thể về tới nhà hay không nếu không có ông.” Và anh không quên Oline: “Và bà, Oline, người đầu tiên tìm thấy tôi. Tôi xin cảm ơn cả hai người về tất cả mọi điều.”

Axel đã được cứu như thế đó...

Trong vài ngày kế tiếp Oline không nói gì khác ngoài sự kiện trọng đại đó; Axel khá vất vả trong việc giữ bà trong vòng giới hạn. Oline có thể chỉ ra đúng cái chỗ bà đã đứng trong phòng khi một thiên sứ của Chúa Trời gọi bà đi ra cửa để nghe thấy tiếng kêu cứu. Axel quay lại với công việc trong rừng, và khi đã đốn đủ gỗ, anh bắt đầu chở chúng lên chỗ cái máy cưa ở trại Sellanraa.

Tốt, công việc mùa đông quen thuộc, chùng nào nó còn kéo dài; chở lên gỗ thô và mang về ván xẻ. Cần vội vã và hoàn thành công việc trọng đại này trước năm mới trước khi sương giá xuống nhiều và cái máy cưa không thể hoạt động. Mọi việc diễn ra tốt đẹp, mọi việc đều như ý. Nếu Sivert từ làng trở lên với cỗ xe trống, cậu sẽ dừng lại và chở giùm anh bạn láng giềng một súc gỗ. Và hai người bọn họ trao đổi nhiều chuyện với nhau, mỗi bên đều vui mừng có dịp chuyện trò với bên kia.

“Dưới làng có tin gì không?” Axel hỏi.

“Ờ, không có gì nhiều,” Sivert đáp. “Sẽ có một người mới đến để khai khẩn đất, họ bảo thế.”

Một người mới. Không có gì to tát; đó chỉ là cách nói của Sivert. Hiện giờ cứ mỗi năm lại có những người mới đến để khai khẩn đất; giờ đã có tới năm người ở mé dưới trại Breidablik. Ở

mé trên, mọi việc diễn ra chậm hơn, vì đất đai màu mỡ hơn đã có chủ rồi. Người đã mạo hiểm lên xa nhất là Isak, khi anh tới định cư ở Sellanraa; anh là người táo bạo và khôn ngoan nhất trong số họ. Sau đó Axel Ström đã tới. Và hiện giờ còn có một người mới khác. Người này đã khai khẩn một mảnh đất trồng trọt lớn và một khoảnh rừng ở mé dưới Maaneland. Có đủ đất cho anh ta.

“Có nghe nói ông ta là người thế nào không?” Axel hỏi.

“Không,” Sivert đáp. “Nhưng ông ta đưa tới những ngôi nhà làm sẵn và không mất mấy thời gian để dựng chúng lên.”

“Chà! Vậy là một tay giàu có hả?”

“Ờ, có vẻ là thế. Và cùng đi với ông ta có một cô vợ cùng ba đứa con; cả ngựa và gia súc nữa.”

“Sao, vậy là một tay khá giàu có rồi. Có tin gì khác về ông ta nữa?”

“Không, ông ta ba mươi ba tuổi.”

“Tên gì?”

“Aron, họ bảo thế. Gọi trại của ông ta là Storborg.”

“Storborg? Ừm. Vậy đó không phải là một trại nhỏ rồi.” [\[11\]](#)

“Ông ta đến từ vùng duyên hải. Có một trại cá ở đó, họ bảo thế.”

“Ừm, trại cá. Tự hỏi không biết ông ta có biết nhiều về nghề nông hay không nữa?” Axel nói. “Đó là tất cả những gì cậu đã nghe? Không còn gì nữa?”

“Không. Ông ta đã trả hết bằng tiền mặt để lấy chứng thư sở hữu. Đó là những gì tôi nghe được. Hẳn ông ta phải có cả đồng tiền với cái trại cá của mình, họ bảo. Và bây giờ ông ta sẽ khởi sự tại đây với một cửa tiệm.”

“Chà! Một cửa tiệm?”

“Phải, họ bảo thế.”

“Ừm. Vậy là ông ta sẽ mở một cửa tiệm?”

Đây thật sự là một tin quan trọng, và hai người bạn láng giềng bàn xuôi tán ngược về nó trên quãng đường trở lên. Đó là một tin lớn. Có lẽ là sự kiện trọng đại nhất trong toàn bộ lịch sử của nơi này; phải, có nhiều điều để bàn về nó. Cái gã mới tới này, ông ta sẽ mua bán với ai đây? Tám người đã định cư trên đất công? Hay ông ta cũng nghĩ tới cả việc thu hút khách từ dưới làng? Dù sao, cái cửa tiệm có khá nhiều ý nghĩa đối với họ; rất có thể nó sẽ mang nhiều người tới định cư hơn. Những mảnh đất có thể tăng giá trị. Ai có thể nói được?

Họ nói đi nói lại chuyện đó như thể họ không hề thấy mệt. Phải, đây là hai người đàn ông với những mối quan tâm và mục đích riêng của họ, cũng lớn lao quan trọng đối với họ như của những người đàn ông khác. Vùng đất mới này là thế giới của họ; công việc, mùa màng, thu hoạch, đó là những cuộc phiêu lưu trong đời họ. Không phải việc đó cũng khá thú vị và phần khích hay sao? Chà, thật sự là thế. Nhiều phen họ chỉ ngủ được chút ít, phải làm lụng quá giờ cơm; nhưng họ chống chọi, chịu đựng được, và việc đó không tệ gì cho lắm; việc bị nằm lèn

chặt dưới một thân cây suốt bảy tiếng đồng hồ không phải là điều có thể làm hỏng đời họ miễn là tứ chi của họ vẫn còn nguyên. Một thế giới nhỏ hẹp, một cuộc đời không có nhiều triển vọng lớn lao? Chà, thật thế! Cái trại mới Storborg đó để làm gì chứ, với một cửa tiệm giữa vùng hoang dã, nơi không có nhiều triển vọng gì cho lắm?

Họ bàn đi tán lại chuyện đó cho tới mùa lễ Giáng sinh...

Axel nhận được một lá thư, một phong bì to trên có in hình một con sư tử; nó đến từ Nhà nước. Anh sẽ phải đi lấy dây điện, một cái máy điện thoại, các thứ dụng cụ đồ nghề ở chỗ của Brede Olsen, và gánh vác công việc thanh tra đường dây kể từ ngày đầu Năm mới.

[\[11\]](#) stor (tiếng Na Uy) có nghĩa là to lớn.

CHƯƠNG IV

Những đoàn ngựa tiến lên qua những truông hoang, chở những ngôi nhà cho các cư dân mới ở vùng hoang dã; hết chuyến này sang chuyến khác, suốt nhiều ngày cho tới khi kết thúc. Bốc dỡ mọi thứ xuống trên một mảnh đất sẽ được gọi là Storborg; sẽ có lúc nó phải trả lời cho cái tên của nó, không còn ngờ gì nữa. Có bốn người đang thu gom đá trên đồi, để làm một bức tường và hai hầm chứa.

Chở thêm đồ, thêm nữa. Các bức vách của ngôi nhà đã được làm sẵn trước đó, chỉ cần dựng chúng lên khi mùa xuân tới; mọi thứ đều được tính toán gọn gàng chính xác trước cả, mỗi mảnh đều được đánh số, không thiếu một cánh cửa cái, cửa sổ nào, cả những tấm kính màu ở mái hiên. Và một hôm, một cỗ xe lên tới, chở đầy những cọc nhỏ. Để làm gì? Một trong những cư dân miền hạ có thể bảo cho họ biết; anh ta đến từ miền nam, và đã nhìn thấy cuộc sống này trước đó. “Chúng dành cho một khu vườn có hàng rào,” anh ta bảo. Vậy là người mới tới này sẽ có một khu vườn nằm giữa chốn hoang vu. Một khu vườn lớn.

Mọi thứ có vẻ tuyệt vời; trong vùng truông hoang trắng trống này chưa bao giờ có những chuyến ngựa xe đi lại dập dùi nhộn nhịp đến thế, và nhiều người đã kiếm bộn tiền nhờ vào việc cho thuê ngựa. Đây cũng là một vấn đề để bàn hươu tán vượn. Có triển vọng làm ra tiền trong tương lai; tay nhà buôn này sẽ mua hàng từ nhiều vùng khác; trong nội địa hay từ hải ngoại, chúng sẽ được những đàn ngựa thồ lên từ mé biển.

Phải, trông như thể mọi thứ sẽ mang một tầm vóc lớn lao hơn. Có một tay đốc công hay quản lý trẻ phụ trách việc chuyên chở; một thanh niên sắc sảo, hách dịch; hần cầu nhàu khi không có đủ ngựa, dù sắp tới không còn nhiều chuyến thồ cho lắm.

“Nhưng giờ đâu có còn chi nhiều để chở chứ, khi những căn nhà đã dựng lên,” họ bảo.

“Thế à, còn hàng hóa thì sao?” Hần đáp.

Sivert ở trại Sellanraa đánh ngựa lóc cóc ngang qua đó trên đường về, xe trống rỗng như mọi khi, và tay đốc công cất tiếng gọi cậu: “Xin chào, anh đi lên xe trống để làm gì? Sao không chở giùm chúng tôi một chuyến?”

“Sao, có thể,” Sivert nói. “Nhưng tôi không biết gì về chuyện này.”

“Cậu ta ở Sellanraa; ở đó họ có hai con ngựa,” có ai đó xì xào.

“Cái gì? Anh có hai con ngựa à?” Tay đốc công nói. “Vậy mang chúng xuống đây, cả đôi, để chở giúp đồ đạc ở đây. Chúng tôi sẽ trả khá cho anh.”

“Chà,” Sivert nói, “chuyện đó không tệ lắm, dám nói thế. Nhưng lúc này chúng tôi đang bận bịu, không có thời gian.”

“Sao? Không thể dành thời gian để kiếm tiền?” Tay đốc công nói.

Nhưng ở Sellanraa không phải lúc nào người ta cũng có thời gian, có quá nhiều việc phải làm.

Họ đã thuê người giúp việc. Lần đầu tiên mới có một việc như thế xảy ra ở Sellanraa: hai người thợ đá đến từ Thụy Điển, để đẽo đá cho một cái chuồng bò mới.

Việc cất một cái chuồng bò đúng nghĩa đã là một ý tưởng lớn của Isak suốt nhiều năm qua. Túp lều cỏ đang nhốt đàn gia súc quá nhỏ, và không thể sửa chữa được nữa; anh cần có một chuồng bò bằng đá với những bức tường đôi và một hầm chứa phân đúng nghĩa bên dưới. Giờ nó sẽ được tiến hành. Nhưng cũng có nhiều việc khác cần thực hiện, bởi việc này luôn kéo theo việc khác; ở bất cứ giá nào, công việc xây dựng dường như không bao giờ kết thúc. Anh đã có một cái máy cưa, một máy xay và một kho chứa cỏ mùa hè cho đàn gia súc; việc có thêm một cái lò rèn cũng là điều hợp lý; quãng đường xuống làng quá xa khi có một cái búa tạ bị vênh lưỡi hoặc một cái móng ngựa cần chữa lại. Chỉ đủ để xoay xở, thế thôi. Tại sao anh lại không làm chứ? Tính tất cả, có khá nhiều căn nhà phụ lớn bé ở Sellanraa.

Trang trại đang ngày càng phình to lên, một nơi khá lớn lao đồ sộ. Hiện giờ không thể xoay xở mà không có một cô giúp việc, và Jensine đã ở lại. Ông thợ rèn cha cô thỉnh thoảng lại hỏi thăm chừng nào cô sẽ về nhà; nhưng ông không đặt nặng vấn đề cho lắm, một con người dễ chịu, và có lẽ cũng có những lý do riêng để cho phép cô ở lại. Và trang trại Sellanraa, xa xôi nhất trong những khu cư ngụ mới, cứ ngày càng to lớn thêm lên; trang trại, nghĩa là những ngôi nhà và mảnh đất. Chỉ có những cư dân thì vẫn như cũ. Cái thời mà một tay người Lapp lang thang có thể tới nhà và nhận tất cả những thứ họ hỏi xin đã qua rồi; giờ họ hiếm khi tới đó, dường như thích đi vòng ra xa và ở bên ngoài tầm mắt hơn; không còn thấy một tay nào vào trong nhà nữa, nếu có tới, họ cũng chỉ đứng chờ bên ngoài. Những người Lapp luôn gắn bó với những mảnh đất xa xôi hẻo lánh, trong những nơi tăm tối; ánh sáng và không khí khiến họ khó chịu, họ không thể phát đạt; họ không khác gì những loài giòi bọ. Thỉnh thoảng một con bê hoặc một con cừu non biến mất không chút tăm hơi ở mé ngoài trại Sellanraa, chỗ rìa xa nhất của mảnh đất. Không thể ngăn được điều đó. Và Sellanraa có thể chịu được tổn thất đó. Ngay cả khi Sivert có thể bắn, cậu cũng không có súng, và dù sao thì cậu cũng không thể bắn; một chàng trai tốt bụng, không có chút máu hiếu chiến nào; một tay thích đùa cợt bẩm sinh: “Và, dù sao, tôi ngờ là có một đạo luật ngăn cấm việc bắn những người Lapp,” cậu nói.

Phải, Sellanraa có thể chịu được việc thỉnh thoảng mất mát một đầu gia súc; nó đứng đó, lớn và mạnh. Nhưng không phải không có những rắc rối. Inger không hoàn toàn hài lòng với bản thân và cuộc sống tẻ nhạt quanh năm, không; nàng đã từng có một chuyến đi tới một nơi xa, và dường như nó đã để lại trong nàng một nỗi bất mãn khó chịu. Nó có thể biến mất một thời gian, nhưng rồi luôn luôn trở lại. Nàng vẫn thông minh và cần mẫn như trong những ngày tươi đẹp nhất của nàng, một người vợ xinh đẹp, mạnh khỏe đối với một người đàn ông vạm vỡ. Nhưng lẽ nào nàng không còn nhớ gì tới Trondhjem; lẽ nào nàng không hề mơ tưởng? Có, nhất là vào mùa đông. Đôi khi nàng thấy hưng phấn và tràn trề nhựa sống, và mong muốn nhiều vô hạn. Nhưng một người đàn bà không thể khiêu vũ một mình, vì thế không có cuộc khiêu vũ nào ở Sellanraa cả. Những ý nghĩ nặng nề và những quyền kinh cầu nguyện? Ờ, có... Nhưng có một điều gì đó, trời đất biết, ở một loại đời sống khác, một điều gì đó tuyệt diệu và độc nhất vô song. Nàng đã học được cách tạm chấp nhận những điều bé nhỏ; dù sao thì hai người thợ đá Thụy Điển cũng mang tới một điều gì đó; những gương mặt lạ và những giọng nói mới mẻ trong trang trại, nhưng họ là những người đàn ông lớn tuổi, trầm lặng, thích làm việc hơn chơi đùa. Tuy nhiên, có còn hơn không. Và một trong hai người hát rất êm tai khi đang làm việc;

thỉnh thoảng Inger dừng lại để lắng nghe. Tên anh ta là Hjalmar.

Và đó chưa phải là tất cả mọi phiền toái ở Sellanraa. Chẳng hạn, còn có Eleseus nữa – đang thất vọng ngoài thị trấn. Cậu viết thư bảo rằng vị trí của cậu trong văn phòng của viên kỹ sư không còn nữa, nhưng cậu sẽ tìm được một công việc khác, chỉ phải chờ. Rồi một lá thư khác đến; cậu đang chờ một sự xoay chuyển tình hình rất chóng vánh, một chức vụ hàng đầu; nhưng đồng thời cậu không thể sống bằng không khí, và khi họ gửi cho cậu một trăm Kroner, cậu viết thư bảo rằng nó chỉ vừa đủ để thanh toán một số món nợ nhỏ... “Ừm,” Isak nói. “Nhưng chúng ta còn phải trả tiền cho hai người thợ đá, và nhiều thứ khác... hãy viết thư hỏi xem nó có muốn trở về nhà và giúp một tay không.”

Và Inger viết, nhưng Eleseus không hề nghĩ tới chuyện quay về nhà; không, chẳng có nghĩa lý gì trong việc thực hiện một chuyến đi khác mà không có mục đích gì; thà cậu chết đói còn hơn.

Chà, có lẽ chẳng có một chỗ trống nào cho chức vị hàng đầu ở thành phố, và có lẽ Eleseus không đủ sắc bén như một lưỡi dao cạo để tiến thân. Có Trời mới biết. Có lẽ cậu cũng không xuất sắc lắm trong công việc. Viết lách ư? Phải cậu có thể viết khá tốt, và nhanh nhẹn, chuyên cần, nhưng có thể vẫn thiếu một cái gì đó cho công việc. Và nếu thế, chuyện gì sẽ xảy ra với cậu đây?

Khi cậu rời nhà tới đó với hai trăm Kroner, thành phố đang chờ đón cậu với những món nợ cũ, và khi đã trả xong những món đó, vâng, cậu phải có một cây gậy đàn hoàng chứ không phải một cái cán dù. Còn có nhiều thứ nhỏ nhặt nhưng hợp lý khác nữa: một cái mũ lông cho mùa đông, như tất cả những đồng bạn của cậu, một đôi ván trượt để đi trên băng như mọi người khác, một cái tắm rửa răng bằng bạc, thứ mà người ta dùng để làm sạch hàm răng và cầm nghịch một cách quý phái khi chuyện gẫu với bạn bè trong một cuộc chè chén này khác. Và chừng nào còn tiền, cậu vẫn còn xử sự rất phong lưu; trong một buổi dạ tiệc để ăn mừng việc quay lại thị trấn, cậu kêu nửa chục bia, và khui chúng một cách thoải mái, hết chai này sang chai khác. “Sao, hai mươi hào cho người hầu bàn ư?” Bạn cậu nói; “Mười hào là đủ rồi.”

“Đừng có bủn xỉn thế,” Eleseus nói.

Eleseus không hề keo kiệt hay bủn xỉn, không; cậu xuất thân từ một gia đình khấm khá, một trang trại lớn, nơi vị Bá tước cha cậu sở hữu vô số gỗ rừng, bốn con ngựa, ba mươi con bò và ba cỗ máy cắt cỏ. Eleseus không phải là một tên nói dóc, và không phải cậu là người đã gieo rắc đủ mọi chuyện không tưởng về thái ấp Sellanraa; mà chính là viên thanh tra huyện, kẻ tự mua vui cho mình khi thêu dệt về nó trước đây một dạo. Nhưng không phải Eleseus không hài lòng khi thấy những câu chuyện đó cũng có ít nhiều sự thật. Vì bản thân cậu chẳng là gì cả, tốt nhất cậu nên là con trai của một ai đó có chút danh giá; điều này đem lại cho cậu uy tín, và khá hữu ích theo cách đó. Nhưng nó không thể kéo dài mãi mãi; cái ngày đó đã tới khi cậu không còn trì hoãn được việc trả nợ, và khi đó cậu làm gì? Một trong số các bạn cậu tới giúp, đưa cậu vào làm ở chỗ cha anh ta, một cửa hiệu tạp hóa nơi những người nông dân mua các thứ cần dùng. Có còn hơn không. Thật khổn khổ cho một chàng thanh niên chớm tuổi trưởng thành khi phải bắt đầu với mức lương tập sự trong một cửa tiệm nhỏ bé; không có con đường tắt nào đi tới chức vụ Lensmand; tuy nhiên, nó cũng đủ cho cậu sống, giúp cậu vượt qua tình cảnh tồi tệ nhất. Vâng, nói cho cùng, việc này cũng không tệ lắm. Eleseus cũng sẵn lòng và thấy dễ chịu ở đó, và

mọi người mướn cậu; cậu viết thư về nhà bảo rằng cậu đang tập tành buôn bán.

Đây là thất vọng lớn nhất của mẹ cậu. Eleseus đang phục vụ trong một tiệm tạp hóa, chẳng khác hơn chút nào so với việc phụ bán hàng tại một tiệm nhỏ trong làng. Đạo trước cậu từng có cái gì đó cách biệt, khác với những người còn lại; chưa có ai trong số hàng xóm láng giềng của họ ra thị trấn sống và làm việc trong một văn phòng. Chẳng lẽ cậu đã để lạc mất mục tiêu lớn của mình? Inger không ngu ngốc; nàng biết khá rõ có sự khác biệt giữa người bình thường và người khác thường, dù có lẽ không phải lúc nào nàng cũng suy ngẫm về điều đó. Isak đơn giản hơn và suy nghĩ chậm hơn; hiện giờ anh ngày càng ít nghĩ tới Eleseus, nếu như có ngồi ngẫm nghĩ; đứa con trai cả của anh đã dần dần trượt ra khỏi tầm tay. Isak không còn nghĩ tới việc phân chia Sellanraa giữa hai đứa con trai khi anh xuôi tay nhắm mắt.

Vào đầu mùa xuân, những viên kỹ sư và công nhân đến từ Thụy Điển; làm đường, dựng lều trại, làm nhiều việc khác nhau, nổ mìn, san lấp mặt bằng, nhận thực phẩm tiếp tế, thuê ngựa, thương lượng với những người chủ đất về mép nước; tất cả những chuyện này là gì vậy? Đây là chốn hoang vu, nơi không ai lui tới trừ những cư dân tại chỗ. À, họ sắp khởi sự khai thác cái mỏ đồng đó, chỉ thế thôi.

Vậy là rốt cuộc việc này cũng đã diễn ra; Geissler không hề nói khoác.

Đây không phải là những nhân vật quan trọng đã tới cùng ông lần đó. Không. Hai người bọn họ ở lại phía sau, bận bịu làm ăn đầu đó, chắc chắn là vậy. Nhưng có viên kỹ sư cũ, và tay chuyên gia mỏ đã tới hồi đầu. Họ mua lại tất cả những tấm ván thừa của Isak, mua thức ăn, và trả giá cao cho mọi thứ, trò chuyện một cách tử tế và tỏ ra hài lòng với trại Sellanraa. “Xe trượt trên không,” họ bảo. “Kéo cáp treo từ đỉnh cao nguyên xuống tới mép nước,” họ bảo.

“Sao, xuống chỗ cánh trắng ở đây à?” Isak hỏi, do suy nghĩ chậm chạp. Nhưng họ phá ra cười khi nghe thấy thế.

“Không, ở mé bên kia, anh bạn ạ; không phải mé này, sẽ phải đi nhiều dặm quá. Không, ở mé bên kia cao nguyên, đâm thẳng tới bờ biển; độ dốc tốt và quãng cách không xa lắm. Chở quặng xuyên qua không trung trong những thùng sắt; ồ nó sẽ hoạt động tốt, anh cứ chờ xem. Nhưng thoát đầu chúng tôi phải chở xuống; làm một con đường, và sẽ chở quặng xuống bằng xe ngựa. Chúng tôi sẽ cần năm mươi con ngựa. Anh thấy đó, chúng tôi sẽ làm ăn tốt đẹp. Và chúng tôi có nhiều nhân công hơn so với số người ở đây. Sẽ có nhiều hơn nữa đến từ mé bên kia, những toán thợ, với lều trại sẵn, và những lều kho chứa đồ đạc, dụng cụ các thứ, rồi chúng tôi sẽ gặp họ và hợp nhất với họ ở giữa đường, trên đỉnh đồi, anh hiểu không? Chúng tôi sẽ làm cho mọi việc trôi chảy, đừng lo, rồi sẽ chở quặng tới Nam Mỹ. Có thể kiếm ra nhiều triệu đồng từ nó.”

“Thế mấy quý ông lần trước tới đây đầu rồi?” Isak hỏi.

“Sao, à, họ đã bán lại. Anh còn nhớ họ à? Không, họ đã bán lại. Và những người đã mua của họ lại bán đi lần nữa. Hiện giờ chủ của cái mỏ này, chủ của bất cứ khoản tiền nào nằm sau nó, là một công ty lớn.”

“Thế còn Geissler, hiện giờ ông ấy ở đâu?” Isak hỏi.

“Geissler, chưa hề nghe tên ông ta. Ông ta là ai?”

“Lensmand Geissler, người đã bán cho anh chỗ này hồi đầu.”

“Ồ, ra là ông ấy! Ông ta tên là Geissler hả? Có Trời biết giờ ông ta ở đâu. Vậy ra anh cũng nhớ cả ông ta?”

Những toán thợ nổ mìn phá đá trên đồi suốt mùa hè. Trong trang trại cũng có nhiều công việc. Inger bận rộn bán sữa và nông sản, và việc này khiến nàng thấy vui. Tập tành kinh doanh buôn bán, có thể nói vậy, và gặp gỡ tất cả những người thợ đến và đi. Isak đi quanh với cái dáng nặng nề của anh và làm việc trên đồng ruộng; không gì có thể quấy nhiễu được anh. Sivert và hai người thợ đá dựng cái chuồng bò mới. Đó là một công trình đẹp đẽ, nhưng mất khá nhiều thời gian để hoàn thành nó, khi chỉ có ba người làm; ngoài ra Sivert còn phải thường xuyên ra giúp việc trên đồng. Lúc này cái máy cắt cỏ thật là hữu dụng; và cũng thật là tốt khi cả ba người phụ nữ xông xáo có thể thay phiên nhau cắt cỏ.

Mọi sự diễn ra tốt đẹp; giờ đã có sự sống giữa chốn hoang vu, và tiền bạc mọc lên, nở hoa khắp chốn.

Và hãy nhìn qua Storborg, trang trại của người thương gia mới tới. Có công việc làm ăn với quy mô tầm cỡ! Cái tay Aron này hẳn phải là một phù thủy, một anh chàng tinh quái; anh ta đã biết trước về những hoạt động khai mỏ sắp diễn ra; và đã có mặt sẵn sàng ngay tại chỗ, với cửa tiệm và kho hàng, để kiếm lợi tối đa. Kinh doanh à? Anh ta kinh doanh đủ cho cả một quốc gia. Phải, đủ cho một ông vua! Trước hết, anh ta bán những thứ đồ dùng gia đình và quần áo phụ nữ; nhưng những người thợ mỏ kiếm được nhiều tiền không ngại tiêu xài; không chỉ vui vẻ mua những thứ cần thiết; họ mua mọi thứ, bất cứ thứ gì. Và trong hầu hết những chiều thứ Bảy, cửa tiệm Storborg đông nghẹt khách. Aron tha hồ hốt bạc; cả người thư ký và vợ anh ta đều được gọi vào để giúp việc sau quầy, và bản thân Aron cũng phục vụ, bán hàng tích cực tối đa. Ngay cả khi đó cửa tiệm vẫn không vắng khách cho tới tận khuya. Và những người chủ ngựa trong làng đã nói đúng; việc chuyên chở hàng hóa lên trại Storborg vẫn liên miên không ngớt; nhiều lần họ phải cắt qua con đường cũ và tạo nên những đường tắt mới. Cuối cùng một con đường mới rộng rãi đã hình thành, rất khác với con đường mòn đầu tiên băng qua truông của Isak. Aron là một người ban phúc và một ân nhân, đúng vậy, với cửa tiệm và con đường mới của anh ta. Tên thật của anh ta không phải là Aron, đó chỉ là tên thánh; nói chính xác, anh ta tên là Aronsen, anh ta tự gọi mình như thế, và vợ anh ta cũng gọi theo anh ta. Họ là một gia đình không thể xem thường, với hai cô hầu gái và một chàng trai giúp việc.

Còn về mảnh đất ở Storborg, cho tới lúc này nó vẫn chưa bị chạm tới. Aronsen không có thì giờ canh tác. Đào xới một cánh đồng cần cỗi thì có ích gì? Nhưng Aronsen có một khu vườn có hàng rào bao quanh, trồng những bụi lý chua, cúc tây, thanh lương trà và cây ăn quả. Phải, một khu vườn đích thực. Có một con đường mòn rộng dọc khu vườn, nơi Aronsen thả bộ vào những ngày Chủ nhật với tẩu thuốc trên môi, và ở phía sau là hàng hiên của ngôi nhà, với những tấm kính màu cam, đỏ và xanh dương. Storborg... Và có lũ trẻ. Ba đứa bé xinh xắn. Cô bé gái đang học cách đóng vai trò con gái của một thương nhân giàu có, và hai cậu con trai đang học cách buôn bán làm ăn. Phải, ba đứa bé với một tương lai phía trước!

Aronsen là một người biết tính trước chuyện tương lai, không thì anh ta đã chẳng tới đó. Hẳn ta anh có thể gắn bó với cái trại cá của mình, và rất có thể gặp may với công cuộc làm ăn đó và kiếm ra tiền, nhưng nó không giống như chuyện kinh doanh; không có gì tốt hơn thế, một điều tốt nhất đối với những thường dân. Người ta không ngã mũ trước một ngư dân. Trước đó Aronsen từng tự tay kéo những mái chèo trên con thuyền của mình; giờ thì anh ta sẽ lắp buồm cho nó. Có một câu mà anh ta luôn sử dụng: “Ngon lành.” Anh dùng nó trong mọi cách. Khi mọi việc êm xuôi, họ đang “ngon lành”. Con cái của anh sẽ ăn nên làm ra, và thậm chí sẽ sống “ngon lành” hơn cả anh ta. Đó là cách của anh ta, có ý nói rằng chúng phải có một cuộc sống dễ dàng hơn cuộc sống anh từng có.

Và bạn hãy nhìn xem, mọi thứ đều tốt đẹp; hàng xóm láng giềng chú ý tới anh ta, vợ anh ta, và cả lũ trẻ nữa. Việc những người dân chú ý tới lũ trẻ không phải là chuyện bình thường. Những người thợ mỏ rời bỏ công việc trên đồi xuống đó đã không nhìn thấy gương mặt trẻ con suốt nhiều ngày; khi trông thấy mấy đứa nhóc của Aronsen chơi đùa trong sân, họ trò chuyện ngọt ngào với chúng ngay tắp lự, như thể họ bắt gặp ba con búp bê đang nô giỡn. Lẽ ra họ có thể cho chúng tiền, nhưng do chúng là con cái của một nhà buôn nên họ thấy khó làm chuyện đó. Thay vì thế, họ chơi nhạc cho chúng nghe với những chiếc khẩu cầm. Gã trẻ tuổi Gustaf xuống, kẻ hoang đàng nhất trong số họ, với cái mũ úp lệch một bên tai, với đôi môi luôn sẵn sàng thốt lên một câu vui vẻ; vâng, mỗi lần Gustaf tới, gã lại chơi đùa với chúng hồi lâu. Lũ trẻ biết gã tới và chạy ra đón họ; gã nhắc bổng chúng lên và cõng chúng trên vai, cả ba đứa, và nhảy múa với chúng. “Nào!” Gustaf nói và nhảy múa với chúng. Rồi gã móc chiếc khẩu cầm ra và thổi những khúc nhạc dặt dìu, cho tới khi cả hai cô hầu gái bước ra nhìn gã, và lắng nghe, với đôi mắt rung rung. Vâng, cái anh chàng Gustaf đó đúng là một tay bạt mạng, nhưng gã biết mình đang làm gì!

Một lúc sau gã sẽ bước vào tiệm để quảng tiền qua cửa sổ, mua cả một ba lô đầy các thứ. Rồi khi gã lại đi ngược trở lên, trong ba lô chỉ còn một ít thứ đã mua cho chính gã. Và gã sẽ dừng lại ở Sellanraa, mở ba lô ra và khoe với họ. Quyển vở với một đóa hoa bên góc, một cái tẩu hút thuốc mới và một chiếc áo sơ mi mới, cái khăn tay có viền ren, những thứ ngọt ngào đối với các bà các cô, và những vật lấp la lấp lánh, một sợi dây đồng hồ, một cái la bàn, một con dao nhíp. Vâng, cả đồng các thứ. Và còn có những viên pháo hoa mà gã mua để phóng lên vào Chủ nhật để mọi người cùng xem. Inger cho gã uống sữa, và gã trêu chọc Leopoldine, bế bổng bé Rebecca lên và quay tròn nó trên không. “Ế, ề!”

“Việc xây dựng tới đâu rồi?” Gã hỏi hai người Thụy Điển. Bản thân Gustaf cũng là người Thụy Điển, và gã đã kết bạn với họ. Việc xây cất đang tiến triển tốt hết mức cho phép, nhưng chỉ có mấy người bọn họ làm việc. Sao chứ, gã sẽ tới giúp họ một tay, Gustaf sẽ giúp, dù đó chỉ là một câu đùa.

“Phải, giá như anh có thể,” Inger nói. Vì cái chuồng phải xong trước mùa thu, lúc súc vật cần được nhốt vào chuồng.

Gustaf đốt một viên pháo hoa, và khi đã đốt một viên rồi, chả có lý do gì để giữ số còn lại. Cả chúng cũng nên lên đường. Và gã làm như thế, tất cả là nửa tá pháo hoa, đám phụ nữ và trẻ con đứng vòng quanh, nín thở trước phép thuật của nhà phù thủy; Inger chưa hề nhìn thấy một viên pháo hoa nào trước đó, nhưng ánh lửa rực rỡ của nó nhắc cho nàng nhớ tới cái thế giới

lớn lao mà nàng từng nhìn thấy. Một cái máy may thì có nghĩa lý gì với thứ này? Và khi Gustaf thối khẩu cầm xong, Inger sẽ thả bộ trên đường với gã, hoàn toàn chỉ vì cảm xúc...

Lúc này cái mỏ đã hoạt động, và quặng được chở xuống bờ biển bởi những đoàn ngựa thồ; một chiếc tàu hơi nước đã chất đầy trọng tải giường buồm ra khơi tới Nam Mỹ, và một chiếc tàu khác đã chờ sẵn cho chuyến hàng kế tiếp. Phải, đây là một thương vụ lớn. Tất cả cư dân đều lên đó để tham quan khu mỏ diệu kỳ. Brede Olsen đã lên đó với những mẫu quặng của y, và chẳng nhận được gì để bù đắp cho những đau đớn khi thấy rằng tay chuyên gia mỏ đã quay trở lại Thụy Điển. Vào những ngày Chủ nhật, có rất nhiều người từ dưới làng kéo lên; phải, ngay cả Axel Ström, người không có thời gian để phung phí, cũng ngoặt qua từ con đường chính dọc theo tuyến đường dây để đến xem khu mỏ. Hầu như bây giờ không còn ai chưa nhìn thấy khu mỏ và sự diệu kỳ của nó. Và cuối cùng chính Inger, nàng Inger ở trại Sellanraa, cũng mặc vào người bộ áo quần đẹp nhất, đeo nhẫn vàng các thứ, rồi đi ngược lên đồi. Nàng muốn gì ở đó?

Chẳng có gì, thậm chí nàng không màng nhìn xem công việc được thực hiện thế nào. Inger lên đó để tự khoe mình, chỉ thế thôi. Khi nhìn thấy mấy phụ nữ khác lên đó, nàng cảm thấy nàng cũng phải lên. Nàng có một vết sẹo méo mó ở môi trên, và con cái nàng đã lớn, nhưng nàng phải lên đó như bao nhiêu người khác. Nàng khó chịu khi nghĩ tới những người đó, những phụ nữ trẻ trung... nhưng nàng sẽ thử xem nàng có cạnh tranh nổi với họ không. Nàng chưa bắt đầu béo ra mà vẫn còn giữ được một thân hình khá ổn, cao và duyên dáng; trông nàng vẫn còn xuân sắc. Đúng, nước da nàng không còn như trước và không thể sánh với một quả đào chín mọng. Phải, nhưng nói cho cùng, họ sẽ thấy, sẽ bảo rằng nàng khá là xinh đẹp!

Họ chào đón tử tế như nàng mong muốn; những người thợ biết nàng, nàng đã nhiều lần cho họ uống sữa, và họ chỉ cho nàng xem khu mỏ, những căn lều, những chuồng ngựa và nhà bếp, những hầm và kho chứa; mấy tay bạo dạn hơn đi sát vào nàng và nắm nhẹ cánh tay nàng, nhưng Inger không hề cảm thấy tổn thương chút xíu nào, việc này khiến nàng thấy dễ chịu. Và ở những nơi có bậc thang lên xuống, nàng kéo cao váy, khoe đôi chân chút đỉnh; nhưng nàng tiến hành việc này một cách lặng thầm, như không hề có ý nghĩ nào về nó. Vâng, nàng khá là xinh đẹp, những gã đàn ông thầm nghĩ.

Ồ, nhưng ở nàng có cái gì đó gây xúc động, người phụ nữ đã già đi theo năm tháng này; có thể thấy rõ rằng một cái liếc mắt từ một trong số những tay thợ tràn đầy máu nóng là một điều rất bất ngờ đối với nàng; nàng thấy biết ơn về điều đó, và đáp lại; nàng là một người đàn bà như những người đàn bà khác, và nàng phẫn chấn khi cảm thấy như vậy. Nàng từng là một phụ nữ trung thực, nhưng rất có khả năng đó là do thiếu cơ hội.

Đã già đi theo năm tháng...

Gustaf lên tới. Bỏ lại hai cô gái đến từ dưới làng và một người bạn đồng hành, chỉ để lên đó. Không còn ngờ gì nữa, Gustaf biết gã muốn gì; gã nắm bàn tay của Inger với nhiều nhiệt tình, nhiều sức ép hơn mức cần thiết, và cảm ơn nàng về buổi tối thú vị vừa qua ở Sellanraa, nhưng gã cẩn thận không làm phiền nàng bằng cách gây chú ý.

“Nè Gustaf, chừng nào anh mới tới giúp chúng tôi xây cất đây?” Inger hỏi, mặt đỏ lên. Và Gustaf bảo chắc chắn gã sẽ tới sớm thôi. Người đồng bạn của gã nghe thấy, và nói xen vào rằng chẳng bao lâu nữa họ sẽ xuống đó.

“Vây à!” Inger nói. “Vây là các anh không ở lại khu mỏ vào mùa đông tới sao?”

Hai người đàn ông trả lời một cách cảnh giác, rằng không có khả năng đó, nhưng không thể nói chắc. Nhưng Gustaf táo tợn hơn, cười to và nói rằng có khả năng họ đã vét hết số đồng tại mỏ.

“Anh không nói nghiêm chỉnh đấy chứ?” Inger hỏi. Có những người khác bu quanh, và tốt hơn Gustaf nên cẩn thận không nói tới bất kỳ những điều gì như thế.

Nhưng Gustaf không hề cẩn thận; gã nói thêm nhiều điều; về phần Inger, thật lạ lùng khi không biết gã đã làm cách nào để chiếm được trái tim nàng; vì gã không bao giờ tán tỉnh ra mặt. Một trong số mấy gã thanh niên chơi một khúc phong cầm, nhưng nó không giống như tiếng khẩu cầm của Gustaf, lại có một gã khác, và hẳn là một tay láu lỉnh, cố thu hút sự chú ý bằng cách hát một bài ca ngẫu hứng theo giai điệu nhạc, nhưng cả chiều này cũng chẳng làm nên trò trống gì, mặc dù gã có một giọng hát to khỏe. Sau đó giầy lát tới lượt Gustaf, và gã đã tước khỏi ngón tay bé nhỏ của Inger chiếc nhẫn vàng của nàng! Và làm thế nào mà chuyện lại xảy ra như thế, khi gã không hề quấy nhiễu hoặc tấn công ve vãn? Ồ, gã cũng tấn công đấy chứ, nhưng theo cách riêng của gã, một cách lặng thầm, như chính bản thân Inger; họ không nói chuyện, nhưng nàng để cho gã nghịch với bàn tay của mình như không hề để ý. Sau đó, khi nàng ngồi trong một túp lều uống cà phê, có tiếng ồn ào bên ngoài, những lời ca giọng giữa mấy gã đàn ông, và nàng biết tất cả đều nói về nàng, điều đó khiến nàng thấy ấm lòng. Thật thú vị khi một người không còn trẻ nữa, một người đã già đi theo năm tháng, nghe thấy nó.

Và nàng đã trở về nhà như thế nào từ trên đồi vào cái đêm Chủ nhật ấy? Chà, khá ngoan hiền, đoan chính như lúc nàng ra đi, không hơn không kém. Cả một đám đông tiễn nàng trở về nhà, họ sẽ không quay lưng lại chừng nào Gustaf còn ở đó; sẽ không thể để mặc nàng một mình với gã, nếu như họ biết có chuyện gì! Inger chưa bao giờ có một buổi chiều vui vẻ đến thế, ngay cả trong những ngày nàng sống ở thế giới bên ngoài.

“Inger có đánh mất thứ gì không?” Cuối cùng họ hỏi.

“Đánh mất thứ gì? Không.”

“Một chiếc nhẫn vàng chẳng hạn?”

Tới đó thì Gustaf phải đưa nó ra; gã là kẻ duy nhất chọi lại tất cả, cả một đoàn quân.

“Ồ, thật may khi anh tìm thấy nó,” Inger nói, và vội vàng chào từ giã những người hộ tống nàng. Nàng đã xuống gần tới Sellanraa, đã thấy những mái nhà; nhà nàng nằm ở đó. Và một lần nữa nàng thức tỉnh, trở lại là chính nàng, một người vợ thông minh. Nàng cắt một đường tắt tới cái kho chứa cỏ mùa hè để thăm qua đàn gia súc. Trên đường, nàng đi ngang qua nơi mà nàng biết rõ: có một đứa bé từng được chôn ở đó; nàng đã dùng tay nện đất và dựng lên một cây thập giá nhỏ. Vâng, nhưng chuyện đó đã qua lâu rồi. Lúc này, nàng tự hỏi không biết mấy đứa con gái có vất xong sữa đúng giờ chẳng...

Công việc ở khu mỏ vẫn diễn tiến, nhưng có lời xì xầm về một điều không ổn, sản lượng không cao như hứa hẹn. Tay chuyên gia mỏ đã quay về quê và trở lại cùng một chuyên gia khác phụ giúp anh ta. Họ đánh mìn, khoan lỗ và thăm dò khắp mảnh đất. Có gì không ổn? Chất lượng đồng khá tốt, chẳng có gì không ổn về chuyện đó, nhưng mạch quặng mỏng, và không sâu lắm;

nó trở nên dày hơn về phía nam, nằm sâu hơn ngay tại mé ngoài ranh giới sở hữu của công ty, và bên ngoài ranh giới đó là vùng Almenning, tài sản của Nhà nước. Phải, dù sao thì có lẽ những người mua lại đất đầu tiên đã không nghĩ nhiều cho lắm về điều này. Đó là một thương vụ trong nhà, một người họ hàng nào đó đã mua mảnh đất như một cách đầu cơ; họ không bận lòng tới việc mua trọn cả mạch quặng, tất cả nhiều dặm đất cho tới thung lũng kế tiếp, không; họ chỉ mua lại một rẻo đất của Isak và Geissler ở Sellanraa, rồi bán lại nó.

Thế thì giờ đây phải làm gì? Người chỉ huy, cùng những chuyên gia và đốc công, biết khá rõ; họ phải bắt đầu thương lượng với Nhà nước ngay lập tức. Thế là họ cử một người đưa tin đi cấp tốc sang Thụy Điển, mang theo những lá thư, kế hoạch và sơ đồ, còn bản thân họ thì cưỡi ngựa xuống chỗ vị Lensmand để mua lại mảnh đất cao nguyên ở phía nam nguồn nước. Và tại đây những khó khăn của họ bắt đầu; luật pháp chặn ngang đường đi của họ; họ là người ngoại quốc, và không thể là người mua chính thức. Họ biết tất cả về điều đó, và đã chuẩn bị sẵn sàng. Nhưng mảnh đất phía nam đã được bán đi trước đó rồi, và đó là điều họ không biết. “Bán rồi sao?”

“Phải, lâu rồi, từ nhiều năm trước.”

“Vậy ai đã mua nó?”

“Geissler.”

“Geissler nào cà? A, cái tay đó, hừm.”

“Và chứng thư sở hữu đã được đăng ký và chuẩn y,” vị Lensmand nói. “Nó chỉ toàn là đá không hơn, ông ta mua nó với giá gần như cho không.”

“Cái gã Geissler bỗng dưng xuất hiện này là ai chứ? Ông ta ở đâu?”

“Có Trời mới biết hiện giờ ông ta ở đâu!”

Và một người đưa tin khác được cử sang Thụy Điển. Họ phải tìm hiểu mọi thứ về cái tay Geissler này. Trong lúc đó, họ không thể giữ lại tất cả thợ thuyền; họ phải chờ xem sao.

Thế là Gustaf đi xuống Sellanraa, với tất cả đồ đạc trên lưng, và gã tới rồi đây, gã bảo thế. Phải, Gustaf đã thôi việc ở khu mỏ. Nghĩa là gã đã quá nhiều chuyện vào hôm Chủ nhật trước, khi nói về khu mỏ và lượng đồng trong mỏ; người đốc công đã nghe thấy, cả viên kỹ sư nữa. Thế là Gustaf bị đuổi việc. Được thôi, tạm biệt, và có thể đó chính là điều gã muốn; việc gã tới Sellanraa lúc này không có gì đáng nghi ngờ. Họ giao việc ở chỗ chuồng bò cho gã ngay tức khắc.

Họ lăn lóc miệt mài với những bức tường đá, và vài hôm sau, khi có một người khác từ trên mỏ xuống, anh ta cũng được thu nhận; lúc này có thể chia thành hai phiên làm việc, và công việc tiến triển rất nhanh. Phải, họ sẽ hoàn thành nó trước mùa thu, đừng lo.

Nhưng lúc bấy giờ những người thợ mỏ đi xuống, hết người này tới người kia, bị sa thải, và lên đường về Thụy Điển; hiện tại công việc thử nghiệm đã tạm ngừng. Có cái gì đó giống như một tiếng thở dài ở những người dân trong làng khi nghe tin đó; những thôn dân gốc nghề, họ không hiểu công việc thử nghiệm là gì, đó là chỉ làm thử mà thôi, và nó là thế đó. Thôn dân cảm thấy nản lòng và có những linh cảm u ám; tiền bạc hiếm hoi hơn, tiền công sút giảm, cửa

tiệm ở Storborg trở nên rất lạng lẽ. Tất cả những điều này có nghĩa là gì? Chỉ vừa khi mọi thứ diễn ra tốt đẹp, Aronsen vừa dựng lên một cột cờ với một lá cờ, và đã mua một tấm da gấu đẹp để làm chần đắp trong cỗ xe trượt khi mùa đông tới, và những quần áo đẹp cho cả gia đình... Đây chỉ là chuyện nhỏ, nhưng cả những chuyện lớn lao trọng đại cũng đang xảy ra. Có hai người mới vừa mua đất trong vùng hoang dã để phát quang canh tác; ở mé trên, giữa Maaneland và Sellanraa, và đó không phải là một sự kiện nhỏ đối với toàn thể cái cộng đồng nhỏ bé trong vùng hẻo lánh đó. Hai cư dân mới đã dựng xong lều và bắt đầu phát quang, đào đất. Họ là những người chăm chỉ, và đã làm được nhiều việc trong một thời gian ngắn. Suốt mùa hè đó họ đã mua hàng ở Storborg, nhưng giờ đây, khi họ xuống, lần cuối cùng, hầu như không có gì để mua nữa. Không có hàng. Và Aron cần gì phải mua thứ hàng này hàng nọ nữa khi khu mỏ đã ngưng hoạt động? Bây giờ anh ta gần như chẳng còn bất cứ thứ hàng gì trong tiệm, chỉ có tiền. Trong tất cả những cư dân gần đó, có lẽ Aronsen là người buồn chán nhất; mọi tính toán của anh ta đều sụp đổ. Khi có ai đó giục anh ta khai thác miếng đất và sống nhờ vào nó cho tới những thời điểm khá hơn, anh ta đáp: “Khai thác đất đai? Tôi tới đây dựng nhà không phải để làm chuyện đó.”

Cuối cùng Aronsen không kềm lòng được nữa; anh ta phải lên khu mỏ để đích thân ngó xem mọi việc thế nào. Đó là một ngày Chủ nhật. Khi lên tới Sellanraa, anh ta muốn Isak cùng đi với mình, nhưng Isak không bao giờ đặt chân trên khu mỏ kể từ khi họ mới khởi đầu; anh còn nhiều việc phải làm ở sườn đồi bên dưới. Inger phải góp một lời: “Anh nên đi với Aronsen khi anh ta đề nghị,” nàng nói. Có lẽ Inger không tiếc nuối gì khi để cho anh đi; hôm đó là Chủ nhật, và có thể nàng muốn tổng khứ anh khỏi nhà khoảng một hai tiếng đồng hồ. Thế là Isak lên đường.

Họ nhìn thấy nhiều thứ lạ lùng trên đó; Isak không còn nhận ra nơi này nữa, với những túp lều và nhà kho, cả một thị trấn, những cỗ xe ngựa, xe goòng và những hố to trên mặt đất. Đích thân viên kỹ sư đưa họ đi xem. Có lẽ hiện giờ ông ta không ở trong tâm trạng vui vẻ gì cho lắm, nhưng ông ta cố né tránh cảm giác u ám đã ụp xuống dân làng và những cư dân quanh vùng, và đây là cơ hội của ông ta, vì chính bản thân vị Bá tước ở Sellanraa và nhà buôn lớn ở Storborg đang có mặt.

Ông ta giải thích đặc tính của quặng và những tảng đá bao trùm bên ngoài nó. Đồng, sắt, và lưu huỳnh, ba thứ đó hoà lẫn với nhau. Phải, họ biết đích xác trong những tảng đá trên kia có gì, thậm chí cả vàng và bạc, dù không nhiều lắm. Là một kỹ sư mỏ, ông ta biết rất nhiều điều.

“Và bây giờ tất cả sẽ đóng cửa?” Aronsen hỏi.

“Đóng cửa?” Viên kỹ sư ngạc nhiên lặp lại. “Nếu chúng tôi làm như thế, thì đó thật là một điều tuyệt diệu đối với Nam Mỹ!” Không, chỉ tạm ngưng những hoạt động ban đầu một thời gian ngắn; họ đã thấy khu mỏ này như thế nào, thấy nó có thể sản xuất được gì; sau đó họ có thể xây dựng đường ray trên không và tiếp tục khai thác ở phía nam cao nguyên. Ông ta quay sang Isak: “Anh không biết Geissler đi đâu à?”

“Không.”

Tốt, không sao. Họ sẽ tóm được ông ta thôi. Và khi đó họ sẽ bắt đầu hoạt động lại. Đóng cửa à? Đúng là một ý nghĩ kỳ khôi!

Đột nhiên Isak mê mẩn cả hồn vì một cỗ máy nhỏ hoạt động với một cái bàn đạp. Bạn chỉ cần cử động bàn chân mình là nó hoạt động. Anh hiểu nó ngay lập tức. Nó là một cái lò rèn tí hon có thể chở bằng xe ngựa tới bất kỳ chỗ nào bạn muốn.

“Hiện giờ một cái máy thế này giá bao nhiêu?” Anh hỏi.

“Cái lò rèn di động đó hả? Ồ, chẳng là bao.” Trông có vẻ như họ có nhiều cái lò rèn loại đó, nhưng không có thứ mà họ đã đưa xuống biển; tất cả những loại máy móc thiết bị, những vật to lớn. Isak phải hiểu rằng việc khai mỏ, việc làm ra những thung lũng và những vực sâu to lớn trong lớp đá không phải loại công việc có thể thực hiện với những cái móng tay của bạn, haha!

Họ đi quanh khu mỏ, và viên kỹ sư bảo rằng ông ta sẽ qua Thụy Điển vài hôm.

“Nhưng ông sẽ quay lại chứ?” Aronsen hỏi.

Sao, dĩ nhiên. Không hiểu tại sao Chính phủ hoặc đám cảnh sát cứ cố ngăn cản ông ta.

Isak tìm cách lượn trở lại chiếc lò rèn di động và dừng lại ngắm nghía nó thêm lần nữa. “Một cái máy thế này giá cỡ bao nhiêu?” Anh hỏi.

Giá ư? Không thể nói chính xác. Một khoản tiền, chắc chắn là thế, nhưng chẳng là gì trong những hoạt động khai mỏ. Ồ, viên kỹ sư đó là một tay tốt bụng; lúc này ông ta không được vui vẻ gì cho lắm, có lẽ, nhưng ông ta vẫn cố giữ cái vẻ giàu sang tử tế cho tới phút cuối cùng. Isak muốn có một cái máy này à? Tốt, anh có thể lấy cái đó. Công ty không bao giờ bận tâm về một thứ nhỏ bé như thế. Công ty sẽ tặng anh một cái lò rèn di động để làm quà!

Một giờ sau, Aronsen và Isak trên đường trở xuống. Aronsen thấy lòng bình thản hơn. Rốt cuộc cũng còn hy vọng. Isak khệ nệ cõng cái lò rèn quý báu của anh trên lưng. Phải, một gã vạm vỡ, anh có thể vác một món đồ to nặng đến thế! Viên kỹ sư đã đề nghị cử hai người mang nó xuống Sellanraa vào sáng hôm sau, nhưng Isak cảm ơn ông ta – ông ta không phải mất công vì chuyện đó. Anh nghĩ tới những người nhà của mình; họ sẽ kinh ngạc ra trò khi nhìn thấy anh đi xuống với một cái lò rèn cõng trên lưng.

Nhưng rốt cuộc chính Isak mới là kẻ ngạc nhiên.

Một cỗ xe độc mã ngoặt vào sân trước ngay lúc anh về tới nhà. Nó chở theo cả một xe đầy. Người đánh xe là một người dân dưới làng, nhưng có một quý ông đi bộ cạnh ông ta, và Isak nhìn chăm chú ông ta với nỗi ngạc nhiên. Đó là Geissler.

CHƯƠNG V

Có lẽ còn có những thứ khác có thể làm cho Isak ngạc nhiên, nhưng anh là dạng người mỗi lúc chỉ nghĩ tới một thứ duy nhất. “Inger đâu?” Đó là tất cả những gì anh nói khi bước qua cửa bếp. Anh chỉ nôn nóng muốn trông thấy Geissler được tiếp đón nồng hậu.

Inger à? Inger đang ra ngoài hái dâu rừng; đã ra ngoài hái dâu rừng từ lúc Isak lên đường. Nàng và Gustaf người Thụy Điển, Phải, đã già theo năm tháng, đang yêu trở lại với cả trái tim và diên lên vì nó; đang là mùa thu và sắp tới đông rồi, nhưng nàng lại thấy ấm áp tự trong lòng, lại nở bung như những bông hoa. “Hãy đến và chỉ chỗ có dâu rừng,” Gustaf nói; “nam việt quất,” gã nói. Và làm sao một người đàn bà có thể nói không? Inger chạy vào căn phòng nhỏ của mình và trở nên nghiêm chỉnh sùng đạo trong nhiều phút; nhưng Gustaf đang đứng chờ ở ngoài, thế gian đang nằm dưới gót chân nàng, và tất cả những gì nàng làm là bới tóc gọn gàng, cẩn thận nhìn mình trong gương, rồi bước ra ngoài. Và nàng đã làm gì? Ai lại không làm điều tương tự? Ồ, một người đàn bà không thể hiểu được người đàn ông này từ một người đàn ông khác; không phải lúc nào cũng thế, không thường xuyên.

Và hai người bọn họ đi hái dâu rừng ở ngoài truông, bước từ thảm cỏ này sang thảm cỏ kia, và nàng nhắc cao mép váy lên, để lộ đôi chân săn chắc. Khấp chồn hoàn toàn yên tĩnh; con gà gô mẹ trắng không bay lên và kêu rít nữa, vì lũ con của nó đã lớn; họ tìm chỗ nấp dưới những bụi cây giữa trắng. Chưa đầy một giờ kể từ lúc họ khởi hành, thế mà họ đã ngồi xuống nghỉ. Inger nói: “Ồ, tôi không nghĩ là anh lại như thế?” Ôi chao, nàng hoàn toàn yếu đuối trước mặt gã, mỉm cười một cách đáng thương, đắm mình quá sâu trong tình yêu. Phải, yêu đương là một thứ ngọt ngào và tàn ác, cả hai thứ đó! Nàng có thái độ đúng đắn và chừng mực. Phải, chỉ nhượng bộ vào phút cuối. Inger lún quá sâu vào tình yêu. Một cách tuyệt vọng, một cách tàn nhẫn; quả tim nàng tràn ngập lòng tử tế đối với gã, nàng chỉ quan tâm tới việc tỏ ra gần gũi và quý giá đối với gã.

Phải, một người đàn bà đang già đi theo năm tháng...

“Khi công việc hoàn tất, anh lại ra đi,” nàng nói.

Không, gã sẽ không đi. À, vào một lúc nào đó, tất nhiên, nhưng chưa, chưa đi trong vòng một hai tuần.

“Không phải tốt hơn chúng ta nên trở về nhà hay sao?” Nàng nói.

“Không.”

Họ hái thêm dâu rừng. Một lúc sau họ tìm thấy một chỗ nấp trong bụi rậm, và Inger nói: “Gustaf, anh diên rồi khi làm vậy.” Nhiều giờ trôi qua. Lúc này họ đang ngủ không chừng, trong bụi rậm. Ngủ à? Thật tuyệt diệu. Ở giữa cõi hoang dã xa xăm, trong vườn Địa đàng. Thế rồi Inger đột nhiên ngồi thẳng lên và lắng nghe: “Hình như tôi nghe tiếng ai đó đang đi xuống trên đường.”

Mặt trời đang lặn, những thảm cỏ của cánh đồng hoang thẫm lại trong bóng tối khi họ trở về

nhà. Họ đi qua nhiều chỗ nấp, Gustaf thấy chúng, và cả Inger cũng thấy chúng, nhưng suốt buổi nàng luôn cảm thấy như thể có ai đó đang đánh xe đi phía trước họ. Ồi, nhưng ai có thể đi suốt chặng đường về nhà với một chàng trai đẹp mã và lúc nào cũng phải đề phòng cảnh giặc? Inger quá yếu, nàng chỉ có thể mỉm cười và nói: “Tôi chưa hề gặp một người như thế.”

Nàng về nhà một mình. Và nàng về vừa đúng lúc, thật may. Chậm hơn một phút sẽ không hay chút nào. Isak vừa mới bước vào sân với cái lò rèn với Aronsen, và có một cỗ xe độc mã đang tiến lên.

“Chúc ngày lành,” Geissler nói, và cũng chào cả Inger. Và họ đứng đó, tất cả nhìn nhau. Không thể nào tốt đẹp hơn được nữa...

Geissler đã quay lại. Đã nhiều năm kể từ lần trước ông tới đó, nhưng ông đã quay lại, già thêm chút ít, tóc bạc thêm chút ít, nhưng vẫn rạng rỡ vui tính như ngày nào. Và lần này ăn mặc chỉnh tề, với một cái áo gilê và dây chuyền vàng. Một con người khó hiểu!

Có lẽ ông đã ngờ rằng có điều gì đó đang diễn ra ở khu mỏ và muốn đích thân lên xem xét? Vâng, ông đã có mặt đây rồi. Rất tỉnh táo nhìn ngó, quan sát trong trại, trên mảnh đất, quay đầu và đảo mắt khắp nơi. Có những thay đổi lớn cần để ý; Bá tước đã mở rộng lãnh địa của anh ta. Và Geissler gật đầu.

“Anh đang công cái gì thế?” ông hỏi Isak. “Đó là một gánh nặng đối với ngay cả một con ngựa.”

“Nó là một cái lò rèn,” Isak giải thích. “Một thứ rất có ích trong một trang trại nho nhỏ,” anh nói, phải, gọi Sellanraa là một trang trại nho nhỏ, không hơn!

“Anh kiếm đâu ra nó vậy?”

“Ở trên khu mỏ. Ông kỹ sư tặng nó cho tôi làm quà, ông ta nói thế.”

“Tay kỹ sư của công ty hả?” Geissler nói, như thể ông chưa hiểu.

Và chả lẽ Geissler bị một tay kỹ sư trên một khu mỏ đồng qua mặt? “Tôi nghe nói anh đã mua một cái máy cắt cỏ,” ông nói, “tôi có mang theo một cái cào rất tiện dụng.” Và ông chỉ tay về phía món đồ trên xe. Nó đứng đó, xanh xanh đỏ đỏ, một cái cào cỏ khổng lồ, được kéo đi bằng ngựa. Họ nhắc nó ra khỏi xa và nhìn nó; Isak cột người vào cái máy và kéo thử nó. Chẳng lạ gì khi miệng anh ta há hốc! Hết chuyện diệu kỳ này tới điều kỳ diệu khác cứ kéo tới Sellanraa!

Họ nói về khu mỏ, về công việc trên đồi. “Họ đang hỏi thăm về ông rất nhiều,” Isak nói.

“Ai?”

“Ông kỹ sư, và tất cả các quý ông khác. ‘Phải tóm bằng được ông,’ họ bảo thế.”

Chà, có lẽ Isak đã nói quá nhiều. Geissler bị xúc phạm, không ngờ gì nữa; ông nói, gắt gỏng và cộc lốc: “Tốt, tôi đang ở đây, nếu họ muốn gặp tôi.”

Ngày hôm sau hai người đưa tin quay về từ Thụy Điển, đi cùng họ là hai người chủ khu mỏ; họ đi ngựa, những quý ông lịch thiệp và bệ vệ; qua dáng vẻ có thể thấy họ là những tay rất giàu. Họ gần như không dừng lại ở Sellanraa, chỉ hỏi thăm đường một hai câu, vẫn ngồi trên lưng ngựa, rồi phi ngựa lên đồi. Họ vờ như không trông thấy Geissler dù ông đứng gần ngay đó.

Những người đưa tin và mấy con ngựa thồ nghỉ lại một tiếng, trò chuyện với hai người đàn ông về việc xây cất, biết rằng quý ông già mặc áo gilê trắng và đeo dây chuyền vàng chính là Geissler, rồi họ lại đi tiếp. Chiều hôm đó một trong hai người phi ngựa xuống trang trại để chuyển tin nhắn miệng mời Geissler lên gặp mấy quý ông tại khu mỏ. “Nếu họ muốn gặp tôi thì xuống đây,” Geissler nhắn gửi lời đáp như thế.

Có vẻ như ông đã trở thành một nhân vật quan trọng; dù bản thân ông vốn là một người có thể lực, trong số mọi quyền thế trên đời; có lẽ ông cho rằng việc nhắn tin miệng mời ông là một chuyện hạ thấp phẩm giá. Nhưng làm sao mà ông tới Sellanraa đúng ngay lúc đó, khi người ta cần ông nhất? Hẳn ông phải là một con người vĩ đại, hiểu thấu mọi điều.

Dù sao, khi mấy quý ông trên khu mỏ nhận được phản hồi của Geissler, họ chẳng làm được gì khác ngoài việc đích thân trở xuống Sellanraa. Viên kỹ sư và hai chuyên gia mỏ cùng đi với họ.

Có khá nhiều con đường quanh co ngoắt ngoéo trước khi cuộc gặp gỡ đó diễn ra. Trông nó có vẻ không ổn lắm vào lúc khởi đầu. Geissler rất đổi kiên kỳ.

Lần này mấy quý ông tỏ ra khá nhã nhặn; xin lỗi ông về việc đã gửi tin nhắn miệng hôm trước, đó là do họ đã quá mệt sau cuộc hành trình. Geissler cũng nhã nhặn đáp lại, và bảo cả ông cũng đã quá mệt sau cuộc hành trình của mình, không thì ông đã lên đó. Và họ bắt đầu bàn việc; Geissler có muốn bán miếng đất ở phía nam nguồn nước hay không?

“Tôi xin phép hỏi các ông mua nhân danh chính mình hay với tư cách người đại diện?” Geissler nói.

Câu hỏi này không là gì khác ngoài một sự trêu tức của Geissler; chắc chắn ông có thể thấy rằng mấy quý ông giàu sang bề thế đó không thể là người đại diện. Họ tiếp tục thảo luận về các điều khoản. “Giá cả thế nào?” Họ hỏi.

“Giá cả ư? Vâng,” Geissler nói, và ngồi suy nghĩ một lúc. “Hai triệu,” ông nói.

“Thật thế ư?” Hai quý ông hỏi và mỉm cười. Nhưng Geissler không cười.

Viên kỹ sư và hai chuyên gia đã tiến hành một cuộc điều tra cẩn thận về mảnh đất, nổ mìn và khoan thăm dò các thứ, và đây là báo cáo của họ: mạch quặng có khuynh hướng tăng vọt; điều này là bất thường, và từ cuộc điều tra ban đầu của họ đó là chỗ sâu nhất trong vùng lân cận ranh giới giữa đất của công ty và đất của Geissler. Trong khoảng một dặm cuối cùng thì số quặng không đáng bỏ công khai thác.

Geissler lắng nghe tất cả với sự thờ ơ tuyệt đối. Ông moi từ túi ra một số giấy tờ, và cẩn thận xem qua chúng; nhưng những giấy tờ đó không phải là sơ đồ hay bản đồ. Có thể chúng chẳng liên quan gì tới khu mỏ.

“Các anh khoan chưa đủ sâu,” ông nói, như thể ông đã đọc được điều đó trong những mảnh giấy. Hai quý ông thừa nhận ngay điều đó, nhưng viên kỹ sư hỏi: “Làm thế nào mà ông biết điều đó. Tôi cho là ông chưa từng tự mình khoan thăm dò, phải không?”

Geissler mỉm cười, như thể ông đã từng khoan cả mấy trăm dặm xuyên qua quả địa cầu và sau đó lấp mấy lỗ khoan trở lại.

Họ làm việc cho tới trưa, nói chuyện này chuyện khác, và cuối cùng bắt đầu xem đồng hồ. Lúc này họ đã thuyết phục được Geissler chịu giảm xuống giá nửa triệu đồng, nhưng không nhích thêm được một sợi tóc nào nữa. Không; hẳn họ đã làm cho ông bức mình gì đó. Dường như họ nghĩ ông nôn nóng muốn bán; bắt buộc phải bán, nhưng không phải thế. Ái dà, chẳng phải thế chút nào; ông ngồi đó, thoải mái và thờ ơ như bản thân họ, không còn ngờ gì nữa.

“Dù sao có thể nói mười lăm hoặc hai mươi ngàn là một cái giá khá rồi,” họ bảo.

Geissler đồng ý rằng đó có thể là một cái giá khá cao đối với bất kỳ một ai thật sự cần tiền, nhưng hai trăm năm mươi ngàn thì tốt hơn. Thế rồi một trong số mấy quý ông xen vào – nói theo kiểu nhằm ngăn Geissler không nâng cao quá mức: “Nhân tiện, tôi đã gặp vợ con ông ở Thụy Điển. Họ gửi lời hỏi thăm ông.”

“Cám ơn,” Geissler nói.

“Thôi được,” quý ông kia nói, thấy rằng khó mà thắng được Geissler theo cách đó, “hai trăm năm mươi ngàn... đâu phải chúng tôi đang mua vàng, chỉ là quặng đồng thôi mà.”

“Chính xác,” Geissler nói. “Nó là quặng đồng.”

Tới đây họ mất kiên nhẫn, tất cả bọn họ, nắm cái vỏ đồng hồ được mở ra và đóng cạch trở lại: không còn thời gian để dung dăng dung dẻ nữa: đã tới giờ cơm. Họ không yêu cầu thức ăn ở Sellanraa mà phi ngựa trở lên mỏ để ăn.

Và đó là kết thúc của cuộc họp.

Geissler bị bỏ lại một mình.

Đầu óc ông nghĩ gì trong suốt thời gian đó, ông suy tính, ngẫm nghĩ cái gì? Không gì cả, có lẽ, mà chỉ ngồi nhàn rỗi thờ ơ? Không thật ra ông đã nghĩ tới một điều gì đó, nhưng khá là bình thản. Sau bữa cơm, ông quay sang Isak và bảo: “Tôi sẽ đi lên chỗ đất của mình trên đó; và tôi muốn Sivert đi với tôi, giống như lần trước.”

“Vâng, được thôi,” Isak nói ngay.

“Không; ngay lúc này nó đang có việc khác phải làm.”

“Nó sẽ đi với ngài ngay,” Isak nói và gọi Sivert gác lại công việc đó. Nhưng Geissler giữ tay anh lại và nói ngắn gọn: “Không.”

Ông đi vòng vòng mảnh sân nhiều lần, quay trở lại trò chuyện với mấy người đàn ông đang làm việc, tán chuyện một cách thoải mái với họ rồi lại đi và vòng trở lại. Lúc nào cũng nghĩ tới vấn đề trĩu nặng trong đầu, thế nhưng vẫn trò chuyện như không có gì quan trọng. Từ lâu Geissler đã quen với những thay đổi của vận may, có thể ông cảm thấy có một thứ gì đó đang đe dọa, bất kể nó là gì trong bầu không khí.

Ông ở đây, là một con người gặp may đơn giản nhất. Ông đã bán miếng đất nhỏ đầu tiên của mình cho những người bà con bên vợ, rồi thì sao nữa? Ra ngoài và mua toàn bộ đất ở phía nam nguồn nước. Để làm gì? Họ có thiện lòng với việc trở thành người láng giềng của ông không? Đầu tiên, không ngờ gì nữa, ông chỉ nghĩ tới việc mua một dải đất nhỏ ở đó, nơi một làng mới sẽ được dựng lên nếu việc khai thác mỏ tiến triển. Nhưng rồi cuộc ông đã trở thành chủ nhân

của cả vùng đất cao. Miếng đất được mua với giá gần như cho không, và ông không muốn bận bịu với những ranh giới. Thế là, từ sự lười nhát hoàn toàn ông trở thành một ông vua mỏ, chúa tể của những ngọn núi; ông đã nghĩ tới một chỗ để dựng lều và kho chứa máy móc, và nó đã trở thành một vương quốc, trải dài tới tận biển.

Ở Thụy Điển, miếng đất đầu tiên đã được mua đi bán lại từ tay này sang tay khác, và Geissler luôn quan tâm tới những tin tức về nó. Dĩ nhiên là những người mua đầu tiên đã mua nó một cách ngốc nghếch, không hề nghĩ ngợi gì; gia tộc đó không phải là những chuyên gia về mỏ, thoạt đầu họ không nghĩ tới việc đất đai, mà chỉ nghĩ tới việc mua từ một gã Geissler cụ thể rồi tống khứ hẳn ta đi. Nhưng những chủ nhân mới không phải là kẻ dễ chế giễu; những người thế lực, không ngờ gì nữa, những người có thể tự cho phép mình đùa chơi, mua đất chỉ để làm vui, chỉ vì một cuộc đánh cược trong cơn say rượu, hay lý do gì đó chỉ có Trời mới biết. Nhưng khi đã làm thử và khai thác nghiêm chỉnh mảnh đất, đột nhiên họ phát hiện ra rằng mình đang chạm trán phải một bức tường – Geissler.

Bọn trẻ con! Có lẽ Geissler đang nghĩ trong đầu; lúc này ông cảm nhận được quyền lực của mình, thấy mình khá mạnh mẽ để nói năng cộc lốc và thô lỗ với bọn người đó. Hẳn nhiên họ đã cố hết sức khiến ông phải co vùi lại; họ tưởng rằng họ đang giao dịch với một người cần tiền, và gợi ý về một khoản tiền 15 hoặc 20 ngàn giố. Phải, bọn trẻ con. Họ chưa biết Geissler. Và lúc này ông đang đứng ở đây.

Ngày hôm đó họ không trở xuống, không ngờ gì nữa, nghĩ rằng tốt nhất là không lộ vẻ nóng ruột. Sáng hôm sau họ xuống, ngựa thồ các thứ, để trở về nhà. Và coi kìa: Geissler không có ở đó.

Không có ở đó?

Việc đó đã chấm dứt bất kỳ ý tưởng nào họ có thể nghĩ ra về việc giải quyết vụ việc một cách khôn ngoan kể cả, từ trên yên ngựa; họ phải xuống ngựa và chờ đợi. Và anh có thể cho biết Geissler đang ở đâu không? Không ai có thể nói cho họ biết; ông ta đi khắp chốn, quan tâm tới Sellanraa và mọi thứ của nó; lần cuối người ta nhìn thấy ông ta là ở chỗ chiếc máy cưa. Hai người đưa tin được cử đi tìm ông, nhưng hẳn là Geissler đã đi sang nơi khác, có vẻ như vậy, vì ông không trả lời khi họ hét gọi ông. Hai quý ông nhìn đồng hồ, và rõ ràng tỏ ra bức mình vào lúc đầu, bảo rằng: “Chúng ta không rồi hơi để chờ đợi thế này. Nếu Geissler muốn bán, ông ta phải ở đây.” Chà, nhưng chỉ lát sau họ phải thay đổi giọng điệu; không tỏ ra bức dọc nữa, mà bắt đầu tìm ra một điều thú vị trong tất cả chuyện này, để nói đùa về nó. Họ đang trong một trường hợp tuyệt vọng; có thể họ phải nằm đó suốt đêm trên dây dỗi hiu quạnh. Bị lạc và chết đói giữa đồng hoang, để lại những nắm xương tàn trắng xóa mà những bà con đau thương của họ không tìm ra được. Phải họ đã nói đùa như thế.

Rốt cục Geissler tới. Đã đi nhìn quanh một lúc, vừa trở về từ chỗ quây gia súc. “Trông có vẻ như chẳng bao lâu nữa nó sẽ trở nên quá nhỏ,” ông nói với Isak. “Anh có tất cả bao nhiêu đầu gia súc trên đó vậy?” Phải, ông có thể chuyện trò như thế, trong lúc những quý ông lịch sự kia đang đứng đó với đồng hồ trên tay. Mặt Geissler đỏ một cách kỳ lạ, như thể ông vừa uống rượu. “Phù, tôi nóng cả người, do đi bộ,” ông nói.

“Chúng tôi đã mong là ông ở đây khi chúng tôi tới.” một trong hai quý ông nói.

“Tôi không nghe thấy lời nào về việc các ông muốn gặp tôi,” Geissler đáp, “không thì tôi đã ở tại đây.”

Được, thế thì bây giờ tính sao về công việc? Hôm nay Geissler có sẵn sàng chấp nhận một đề nghị hợp lý hay không? Không phải ngày nào ông cũng có một cơ may hốt được 15 hay 20 ngàn. Sao nào? Dĩ nhiên, trừ phi... số tiền đó chẳng là gì đối với ông. Nếu thế...

Đề nghị cuối này không hợp ý Geissler chút nào; ông bị xúc phạm. Thật là một cách nói hay ho làm sao! Chà, hẳn là họ không nói thế, có lẽ, nếu lúc đầu họ không bức dọc; và Geissler, không ngờ gì nữa, hẳn sẽ không tái mặt đi với những lời của họ nếu ông không đi đâu đó ra ngoài một mình và bị đổ mặt. Sự thể là vậy, ông tái mặt và lạnh lùng đáp:

“Tôi không muốn đưa ra một đề nghị với các ông, những người ở vị trí trả tiền. Nhưng tôi biết tôi sẽ sẵn lòng chấp nhận cái gì và không chấp nhận cái gì. Tôi không muốn nói chuyện con trẻ tầm phào về khu mỏ nữa. Giá của tôi vẫn như hôm qua.”

“Hai trăm năm mươi ngàn Kroner?”

“Phải.”

Mấy quý ông lên ngựa. “Nghe này, chúng tôi sẽ trả hai mươi lăm ngàn.”

“Các ông vẫn còn muốn nói chơi, tôi thấy,” Geissler nói. “Nhưng tôi sẽ đề nghị các ông một cách nghiêm chỉnh: các ông có nghĩ tới chuyện bán lại khu mỏ của các ông trên đó hay không?”

“Sao,” họ nói, hơi thoái lui lại, “sao, có lẽ chúng tôi có thể làm vậy.”

“Tôi sẵn sàng mua nó,” Geissler nói.

Ồi chao, cái ngài Geissler đó! Với mảnh sân trong lúc này đầy nghẹt những người, đang lắng nghe từng lời, những người nhà trong trại, hai người thợ đá và hai người đưa tin. Có khả năng ông không bao giờ có thể đủ tiền cho một giao dịch như thế; nhưng, ai có thể nói được? Geissler là một con người không thể hiểu nổi. Dù sao, những lời cuối của ông khiến mấy quý ông trên lưng ngựa khá bối rối. Phải chăng đây là một trò lừa đảo? Phải chăng ông ta muốn làm cho miếng đất của mình trông có giá với thủ thuật này?

Hai quý ông suy nghĩ; phải, thậm chí họ bắt đầu trao đổi khế với nhau về chuyện đó; họ lại xuống ngựa. Rồi viên kỹ sư xen vào; ông ta nghĩ chắc chắn là nó có giá nằm ngoài mọi khả năng chi trả. Và dường như ông ta có một quyền lực nào đó, một dạng thẩm quyền nào đó ở đây. Mảnh sân đầy những người đang lắng nghe xem điều gì sẽ xảy ra. “Chúng tôi sẽ không bán,” ông ta nói.

“Không à?” Mấy người cùng phe với ông ta hỏi.

“Không.”

Họ lại thì thầm với nhau, và một lần nữa lên ngựa. Lần này nghiêm chỉnh. “Hai mươi lăm ngàn!” Một trong hai quý ông nói. Geissler không trả lời, quay lưng đi tới nói chuyện với những người thợ đá.

Và đó là kết thúc của cuộc gặp cuối cùng giữa họ.

Geissler tỏ vẻ không quan tâm mấy về chuyện gì sẽ tới. Ông đi lòng vòng nói chuyện này chuyện nọ; dường như ông đặc biệt chú ý tới việc đặt những xà nhà nặng trên sườn của cái chuồng bò mới. Họ tính sẽ hoàn thành công việc trong tuần đó, với một cái mái tạm thời – một cái gác xếp chứa cỏ khô sẽ được dựng lên bên trên nó sau đó.

Lúc này Isak không cho Sivert chạm tay vào việc xây cất, để cho cậu ở không. Anh làm điều này là có mục đích, để Geissler có thể thấy chàng trai trẻ rảnh rỗi vào bất cứ lúc nào nếu ông muốn cùng cậu đi thăm dò trên đồi. Nhưng lẽ ra Isak chẳng cần phải bận tâm tới việc đó; Geissler đã từ bỏ ý định đó, hoặc có lẽ đã quên khuấy mất. Điều ông làm là nhờ Inger gói cho ông ít thức ăn, rồi đi xuống chỗ con đường. Ông ở lại bên ngoài cho tới chiều tối.

Ông đi qua hai khoảnh đất phát quang mới ở mé dưới trại Sellanraa, trò chuyện với những người ở đó; đi thẳng xuống trại Maaneland để xem Axel Ström đã làm được gì năm đó. Hình như không có gì to tát cho lắm; không nhiều như anh muốn, nhưng anh đã làm được vài việc tốt trên mảnh đất. Geissler cũng chú ý tới chỗ này và hỏi anh: “Có ngựa chưa?”

“Có.”

“Tốt, tôi có một cái máy cắt cỏ và một cái máy bừa ở phía nam, cả hai còn mới hết; tôi sẽ gửi lên đây nếu cậu thích.”

“Là sao?” Axel hỏi, không thể tưởng tượng một điều tuyệt vời đến thế, và mơ hồ nghĩ tới việc trả góp dần dần.

“Ý tôi là tôi muốn tặng chúng cho cậu,” Geissler nói.

“Khó mà tin được điều đó,” Axel nói.

“Nhưng cậu phải giúp đỡ những người láng giềng của cậu ở mé trên khai thêm đất mới.”

“Ồ, đừng lo về chuyện đó,” Axel nói; anh vẫn chưa hiểu hết ý định của Geissler. “Vậy là ông có những thứ máy đó ở phía nam?”

“Tôi có nhiều thứ phải chăm sóc,” Geissler nói. Thật sự, Geissler không có gì nhiều để chăm sóc, nhưng ông thích tỏ ra như thế. Còn về cái máy cắt cỏ và cái bừa, ông có thể mua chúng ở bất kỳ thị trấn nào rồi gửi lên từ đó.

Ông ở lại trò chuyện một lúc lâu với Axel Ström về những cư dân khác gần đó; về Storborg, trạm mua bán; về anh trai của Axel, kẻ vừa mới lấy vợ và đã tới Breidablik, đã đặt ống dẫn nước trên cánh đồng và đưa nước ra. Axel than rằng không tìm đâu ra một người phụ nữ giúp việc; anh chẳng có người nào trừ bà cụ Oline; không tốt lắm trong hầu hết mọi lúc, nhưng anh phải biết ơn khi có bà chùng nào còn bà ở lại đây. Axel đã làm việc suốt ngày đêm vào mùa hè đó. Có lẽ anh có thể tìm được một người ở vùng quê của mình, Helgeland, nhưng điều đó có nghĩa là phải trả tiền đi đường cho người ấy, ngoài tiền công. Một vụ quá tốn kém. Axel cũng nói thêm anh đã nhận làm thanh tra đường dây thế nào, nhưng chỉ ước gì anh có thể gác nó sang một bên.

“Loại việc đó chỉ phù hợp với loại người như Brede,” Geissler nói.

“Phải, câu đó thật đúng,” Axel thừa nhận. “Nhưng có một khoản tiền phải cân nhắc.”

“Cậu có mấy con bò cái?”

“Bốn, và một con bò đực trẻ. Từ đây lên Sellanraa để lấy giống thì quá xa.”

Nhưng còn có một vấn đề nặng nề hơn mà Axel rất muốn nói với Geissler; vụ của Barbro đã bị phát hiện, vì lý do nào đó, và một cuộc điều tra đang tiến triển. Bị phát hiện? Tất nhiên. Barbro đã đi ra ngoài, có thể nhìn thấy rõ ràng là đang mang thai, và cô đã rời khỏi trại một mình không chút gì vướng víu và cũng chẳng có đứa bé nào. Mọi việc là thế nào?

Khi Geissler hiểu ra vấn đề, ông nói rất ngắn gọn: “Đi với tôi.” Và ông dẫn Axel rời khỏi nhà. Geissler tỏ ra nghiêm trọng, như một người đang mang trọng trách. Họ ngồi xuống ở bìa rừng, và Geissler nói: “Nào, hãy kể cho tôi đầu đuôi câu chuyện.”

Đã bị phát hiện? Tất nhiên là thế; làm sao ngăn cản được? Chỗ này không còn là nơi vắng vẻ không một bóng người suốt nhiều dặm đất; ngoài ra, Oline đã tới đó. Oline thì có quan hệ gì tới chuyện đó? Thế đấy! Và, tệ hơn nữa, Brede Olsen đã tự biến mình thành một kẻ thù của bà ta. Giờ không có cách gì giữ miệng Oline; bà ở tại đây, và có thể dần dà moi móc mọi chuyện từ Axel. Bà sống chính vì những công việc lừa lọc như thế; phải, ở mức độ nào đó, sống nhờ vào chúng. Và đây chính là thứ dành cho bà. Hãy tin rằng Oline sẽ đánh hơi ra nó! Thật sự, giờ Oline đã quá già để có thể chăm sóc nhà cửa và gia súc ở Maaneland; bà nên thôi làm. Nhưng làm sao bà có thể? Làm sao bà có thể rời một nơi đang chôn giấu một bí mật chỉ chờ được đưa ra ánh sáng? Bà cố xoay xở với những công việc mùa đông; phải, bà cũng vượt qua mùa hè, và bà đã đạt được một sức mạnh diệu kỳ chỉ từ một ý nghĩ giản đơn là một ngày nào đó có thể lôi ra ánh sáng cô con gái của Brede. Mùa xuân đó khi tuyết chưa tan Oline đã bắt đầu sục sạo. Bà tìm thấy nấm mộ xanh nho nhỏ cạnh dòng suối, và thấy ngay lập tức rằng cỏ đã được đặt lên trong những ô vuông. Thậm chí một hôm nọ bà còn may mắn bắt gặp Axel đứng cạnh ngôi mộ nhỏ, đang dẫm lại đất. Vậy là Axel biết hết mọi chuyện! Và Oline gục gặc mái đầu bạc trắng. Phải, giờ đã tới lượt của bà!

Không phải Axel là một người tử tế dễ sống chung, mà khá là bủn xỉn; đếm từng mẫu pho mát và để ý tới từng cuộn len; Oline không thể làm gì tùy thích với các thứ. Và còn cái vụ tai nạn hồi năm ngoái, khi bà cứu anh thoát chết. Nếu Axel là loại người đàng hoàng, lẽ ra anh phải tạo mọi uy tín cho bà, và chỉ công nhận món nợ của anh với một mình bà. Phải, anh có thể bảo rằng nếu Oline không tới, hẳn anh đã nằm đó suốt đêm trong tiết trời lạnh cóng; nhưng Brede cũng đã giúp khá nhiều trên đường về nhà. Và đó chính là tất cả những lời cảm ơn mà bà nhận được! Oline phần nộ vô cùng. Chắc chắn là Chúa Trời toàn năng cũng phải quay mặt khỏi những tạo vật của Người! Việc Axel dẫn một con bò cái từ chuồng ra, đưa nó tới bên bà và nói: “Oline à, đây là con bò cái cho bà,” thật là dễ dàng biết bao! Nhưng không. Không một lời về chuyện đó.

Được, cứ để cậu ta chờ. Chờ và sẽ thấy rốt cuộc cậu ta còn tốn kém nhiều hơn trị giá của một con bò cái!

Dù mùa hè đó, Oline luôn mong ngóng từng người khách qua đường để thì thầm với họ, gục gặc đầu và kể cho họ nghe điều bí mật. “Nhưng đừng nói lại lời nào những gì tôi đã kể,” lần nào bà cũng dặn dò họ thế. Oline cũng xuống làng không chỉ một lần. Và lúc này đã có những lời đồn đại và chuyện trò về những sự việc ở Maaneland, phải, nó trôi giạt như một đám sương mù, đọng lại trên những gương mặt và luồn vào những đôi tai; ngay cả những đứa bé đi học gần trại

Breidablik cũng bắt đầu xì xào với nhau những câu chuyện bí mật. Cuối cùng ngài Lensmand phải xét đến nó; phải đích thân tìm hiểu và báo cáo về nó; và xin chỉ thị. Thế rồi một hôm ông đến với một cuốn sổ và một viên phụ tá; tới Maaneland để điều tra ghi chép các thứ, rồi trở xuống. Nhưng ba tuần sau ông lại quay lên lần nữa, lại điều tra và ghi chép, và lần này ông khai quật một nắm đất xanh bên dòng suối, lấy lên thi hài của một đứa bé. Oline là sự trợ giúp vô giá đối với ông; và đổi lại ông phải trả lời một số câu hỏi của bà.

Trong số những câu mà ông đáp phải, có thể đi đến việc bắt giữ cả Axel. Khi nghe thấy thế, Oline xiết chặt đôi bàn tay bà lại trong cơn thất đảm về chuyện xấu xa tệ hại mà bà đã mắc vào ở đây, và chỉ ước gì ra khỏi chốn này, tránh xa mọi thứ. “Nhưng cô gái đó,” bà thì thầm, “về chính Barbro thì sao?”

“Cô Barbro hả,” vị cựu Lensmand đáp, “hiện cô ta đang bị giam giữ ở Bergen. Pháp luật phải ra tay,” ông nói. Rồi ông mang cái thi hài nhỏ xíu quay trở về làng...

Không có gì là lạ khi Axel Ström lo lắng. Anh đã nói hết với vị cựu Lensmand, không giấu diếm điều gì; anh cũng có một phần trách nhiệm về việc mang thai đứa bé, ngoài ra, anh đã đào cho nó cái huyệt. Giờ đây anh hỏi Geissler tốt hơn anh nên làm gì kế tiếp. Anh có phải bị đưa xuống thị trấn cho một cuộc điều tra mới và tệ hại hơn, và sẽ bị hành hạ ở đó hay không?

Geissler không còn là ông trước đó. Không. Và câu chuyện dài dòng làm ông thấy mệt, hiện giờ ông tỏ ra thần thờ hơn, bất kể lý do là gì. Ông không còn là một con người rạng rỡ và tự tin của buổi sáng hôm đó nữa. Ông nhìn đồng hồ, đứng lên và bảo:

“Cần phải nghĩ cặn kẽ về chuyện này. Tôi sẽ xem xét nó rồi cho cậu biết trước khi tôi đi.”

Và Geissler lên đường.

Tối hôm đó ông quay trở lại Sellanraa, ăn một chút xúp rồi lên giường; ngủ cho tới sáng bạch ngày hôm sau; ông mệt, không ngờ gì nữa, sau cuộc gặp với những người chủ khu mỏ; chỉ hai ngày sau đó ông mới sẵn sàng để lên đường. Ông trở lại là chính mình khi đó, trả tiền một cách thoải mái và cho bé Rebecca một đồng Kroner lấp lánh.

Ông chuyện trò với Isak và bảo: “Không có gì quan trọng nếu không thỏa thuận được gì vào lần này; sau này nó sẽ ổn thỏa thôi. Còn hiện tại, tôi sẽ dừng hoạt động trên đó lại và rời đi một ít lâu. Còn về phần mấy tay đó, bọn trẻ con! Chúng nghĩ chúng có thể dạy tôi à? Anh có nghe chúng đề nghị tôi gì không? Hai mươi lăm ngàn!”

“Phải.” Isak nói.

“Thôi,” Geissler nói và vẫy tay như thể xua đi mọi lời đề nghị xác xược về những khoản tiền nhỏ bé ra khỏi đầu ông, “à, sẽ không có tổn hại gì cho huyện nếu tôi ngưng hoạt động ở đó một thời gian. Trái lại, nó sẽ dạy cho dân chúng gắn bó với đất đai của họ. Nhưng trong làng họ sẽ cảm thấy điều đó. Họ đã kiếm được khối tiền từ đó vào mùa hè trước; quần áo đẹp và cuộc sống tốt đẹp cho tất cả. Nhưng giờ thì đã kết thúc việc đó. Phải, những người dân tốt dưới đó sẽ không mất đi đâu nếu như họ tiếp tục quan hệ với tôi; mọi chuyện khi đó có thể khác đi. Bây giờ, nó sẽ theo ý muốn của tôi.”

Nhưng khi ông lên đường, trông ông không có vẻ gì là một người kiểm soát vận mệnh của

những thôn làng. Tay ông cầm một gói thức ăn và chiếc áo gi-lê trắng của ông không còn hoàn toàn sạch sẽ nữa. Người vợ tốt của ông hẳn đã trang bị cho chuyến đi này của ông từ số bốn mươi ngàn đồng mà trước đây bà đã nhận. Ai có thể nói được, có lẽ là thế. Dù sao, ông trở về khá nghèo nàn.

Ông không quên ghé qua chỗ Axel Ström trên đường đi xuống, và trao cho anh kết quả những suy nghĩ của ông. “Tôi đã xem xét nó ở mọi phương diện,” ông nói. “Vụ việc hiện đang bị đình chỉ, vì thế chưa cần phải làm gì cả. Cậu sẽ được triệu tập cho một cuộc điều tra sâu hơn, và cậu sẽ phải nói mọi việc đã xảy ra thế nào...”

Chỉ là những ngôn từ, không hơn không kém. Có lẽ Geissler đã không hề suy nghĩ gì về chuyện đó. Và Axel chán ngán đồng ý với tất cả những gì ông nói. Nhưng cuối cùng Geissler lại trở thành một người mạnh mẽ, nhúu đôi mày và nói một cách trầm ngâm: “Có lẽ là trừ phi tôi có thể xoay sở để đích thân xuống thị trấn và theo dõi quá trình đó.”

“Phải, nếu ông có lòng tốt,” Axel nói.

Geissler quyết định trong chớp mắt. “Tôi sẽ xem tôi có lo liệu được không nếu có thời gian. Nhưng tôi còn khối việc phải trông nom dưới phía nam. Tôi sẽ tới nếu có thể. Giờ thì tạm biệt. Tôi sẽ gửi cho cậu mấy cỗ máy đó.”

Và Geissler đi.

Ông có còn trở lại nữa không?

CHƯƠNG VI

Số thợ còn lại trên khu mỏ kéo xuống. Hoạt động đã ngưng. Vùng cao nguyên lại nằm chết lặng.

Việc xây cất ở Sellanraa giờ cũng đã xong xuôi. Có cả một cái mái cỏ tạm thời để che lên trên vào mùa đông; khoảng không gian rộng rãi bên dưới được chia thành những ngăn sáng sủa, một phòng lớn ở giữa và những phòng rộng ở hai đầu, như thể nó được làm cho người ở. Isak đã từng sống trong một căn lều cỏ ngay tại đây cùng vài ba con dê. Ngày nay người ta không còn trông thấy túp lều cỏ nào ở Sellanraa nữa.

Những ngăn thả ngựa, máng ăn và thùng chứa nước được lắp đặt. Hai người thợ đá vẫn còn bận rộn, tiếp tục hoàn thành toàn bộ công việc càng sớm càng hay, nhưng Gustaf không thạo nghề mộc, gã bảo thể, và gã ra đi. Gustaf là một tay khéo léo trong việc đẽo đá, nâng vác đá như một con gấu; và vào chiều tối, gã là niềm vui thú hân hoan cho tất cả mọi người khi thổi chiếc khẩu cầm, chưa kể đến việc giúp đỡ cánh đàn bà con gái, xách những thùng nước nặng ra sông và trở về. Nhưng giờ thì gã sẽ ra đi. Không, Gustaf không thạo về nghề mộc, gã bảo thể. Trông như thể gã rất vội ra đi.

“Không chờ được tới mai hay sao?” Inger nói.

Không, không chờ được, gã không còn việc gì làm ở đây, ngoài ra, nếu đi ngay bây giờ, gã sẽ có bạn đường băng qua dãy đồi, toán thợ cuối cùng từ khu mỏ.

“Thế bây giờ ai sẽ giúp tôi xách nước?” Inger nói, cười buồn.

Nhưng Gustaf không bao giờ là kẻ chịu thua, gã đã có sẵn câu trả lời: “Hjalmar.” Hjalmar là anh chàng trẻ hơn trong số hai người thợ đá, nhưng không ai trong bọn họ trẻ như Gustaf, không ai giống gã ở bất kỳ khía cạnh nào.

“Hjalmar. Hừ!” Inger nói, tỏ vẻ coi thường. Rồi đột nhiên nàng đổi giọng, và quay sang Gustaf, nghĩ sẽ chọc cho gã nổi cơn ghen. “Nhưng nói cho cùng anh ta rất tốt khi có mặt tại đây, anh chàng Hjalmar đó,” nàng nói, “và anh ta hát thật hay các thứ.”

“Dù sao đừng nghĩ nhiều tới anh ta,” Gustaf nói. Hình như gã không ghen chút xíu nào.

“Nhưng ít ra anh cũng có thể ở lại thêm một đêm nữa chứ?”

Không, Gustaf không thể ở lại thêm một đêm nữa. Gã phải lên đường cùng những người khác.

Vâng, có lẽ lúc này Gustaf đã chán ngán trò chơi. Việc vồ lấy nàng trước mặt đám thợ còn lại và có nàng cho riêng hắn trong vài tuần là một điều thú vị. Nhưng giờ gã phải đi tới nơi khác, rất có thể là về với người tình ở quê nhà. Gã có những thứ khác trong tâm tưởng. Chả lẽ gã cứ tiêu phí thời gian ở lại chỉ vì nàng? Gã có đủ lý do để kết thúc cuộc vui này, như bản thân nàng phải biết; nhưng nàng trở nên liều lĩnh, không quan ngại tới bất kỳ hậu quả nào, dường như nàng không còn quan tâm tới điều gì cả. Không, cuộc vui giữa họ không dài lắm, nhưng cũng đủ dài trong thời gian hắn làm việc ở đó.

Inger rất buồn nản; phải, trung thành một cách sai lầm tới mức than khóc vì gã. Điều này thật khó cho nàng; nàng trung thực trong tình yêu, không hề nghĩ gì tới lòng tự cao hay sự chinh phục; nàng chỉ tuân theo quy luật của bản chất mình; đó là sức nóng của mùa thu trong con người nàng cũng như trong tất cả mọi sự vật khác. Ngực nàng nặng trĩu ưu tư khi nàng gói thức ăn để Gustaf mang theo. Không hề nghĩ nàng có quyền hay không, hoặc nàng có liều lĩnh trong việc này việc khác hay không, nàng dâng hiến hoàn toàn bản thân mình, khát khao nếm trải, hưởng thụ. Isak có thể nhắc nhở nàng tới tận mái nhà và ném nàng xuống sàn lần nữa. Phải, chuyện đó có là gì! Nó sẽ không làm nàng đau đớn chút nào.

Nàng bước ra trao cái gói cho Gustaf.

Nàng đã đặt sẵn cái thùng ở bậc thang là có mục đích, trong trường hợp gã muốn cùng nàng ra sông chỉ một lần này nữa. Có lẽ nàng muốn nói đôi điều, tặng cho gã một món quà nhỏ bé, chiếc nhẫn vàng của nàng. Có Trời Đất biết, nàng đang trong trạng thái sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì. Nhưng một lúc nào đó cũng phải kết thúc mọi chuyện thôi; Gustaf cảm ơn nàng, chào tạm biệt, rồi đi.

Còn nàng đứng đó.

"Hjalmar!" nàng gọi to, lớn hơn nhiều so với mức nàng cần. Như thế nàng quyết định dù sao cũng cứ phải vui vẻ, hoặc khóc to lên trong cơn đau khổ.

Gustaf tiếp tục con đường của gã...

Suốt mùa thu năm đó vẫn là công việc thường lệ trên những cánh đồng chạy thẳng xuống mé làng; đào khoai tây, gặt lúa mạch, lũ gia súc có sừng được thả rong trên mảnh đất. Hiện giờ ở đó đã có tám nông trại và tất cả đều bận rộn; nhưng ở cửa tiệm, ở trại Storborg không có con gia súc nào, không có mảnh ruộng nào ngoài một khu vườn. Và hiện giờ không có mua bán gì, và chẳng có việc gì bận rộn cho bất kỳ một ai ở đó.

Ở Sellanraa vừa xuống giống một loại cây mới gọi là củ cải đỏ, tạo thành một thảm lá xanh rộng lớn uốn lượn như sóng nhú lên từ mặt đất, và không gì có thể ngăn cản đàn bò tới đó. Lũ gia súc phá tan mọi thứ rào giậu và tràn vào, kêu rống vang lừng. Chỉ còn cách cử Leopoldine và bé Rebecca ra trông chừng những đồng củ cải, và bé Rebecca đi đi lại lại, tay cầm một chiếc gậy to, một thiên tài trong việc xua đuổi đàn bò. Cha nó đang làm việc cạnh đó; thỉnh thoảng anh tới gần để sờ hai bàn tay và bàn chân của nó, hỏi nó có lạnh không. Hiện giờ Leopoldine đã trưởng thành, to lớn; cô có thể đan tất và găng tay mùa đông trong lúc trông chừng lũ gia súc. Cô chào đời ở Trondhjem và tới Sellanraa hồi năm tuổi. Nhưng ký ức về một thị trấn lớn đông người và chuyến đi dài ngày trên con tàu hơi nước giờ đã nhạt nhòa, ngày càng trở nên xa xăm hơn; cô là một đứa con của vùng hoang địa và giờ không còn biết gì về cái thế giới rộng lớn ở bên ngoài ngôi làng mé dưới, nơi cô đã đi lễ nhà thờ một đôi lần, và nơi cô vừa làm lễ thêm sức hồi năm ngoái...

Và công việc bé mọn thường ngày cứ tiếp diễn, thêm vào điều này thứ nọ cần thực hiện; chẳng hạn như con đường xuống làng, có đôi chỗ bị sụt lở. Mặt đất vẫn còn có thể khắc phục, và một hôm Isak cùng Sivert xuống đó, đào rãnh và tháo nước cho con đường. Có hai bãi lầy cần

phải tháo nước ra.

Axel Ström đã hứa sẽ cùng làm, biết rằng bản thân anh cũng có ngựa và cần dùng tới con đường, nhưng ngay lúc đó anh đang có việc gấp trong thị trấn. Chỉ Trời mới biết đó là việc gì, nhưng rất khẩn cấp, anh nói vậy. Nhưng anh cũng đã đề nghị anh mình ở trại Breidablik tới làm thay.

Người anh này tên là Fredrik. Một thanh niên vừa cưới vợ, một anh chàng vui tính hay đùa, không tệ về chuyện đó chút nào; Sivert và anh ta có đôi điểm giống nhau. Sáng hôm ấy trên đường lên Fredrik đã ghé qua Storborg, Aronsen chủ trại Storborg là láng giềng gần nhất của anh, và anh thấy chán ứ với những gì tay nhà buôn này đã nói với anh. Nó bắt đầu thế này: Fredrik muốn mua một cuộn thuốc lá. “Tôi sẽ cho anh một cuộn thuốc lá khi tôi có,” Aronsen nói.

“Sao, anh không có thuốc lá ở tiệm à?”

“Không, không đặt hàng. Không có ai mua cả. Cậu nghĩ tôi kiếm được gì từ một cuộn thuốc lá?”

Phải, chắc chắn sáng hôm ấy Aronsen có tâm trạng không vui; cảm thấy bằng cách nào đó gã đã bị lừa bởi cái vụ khai thác mỏ của người Thụy Điển đó. Gã đã dựng một cửa hàng giữa chốn đồng hoang, thế rồi họ bỏ đi và hoàn toàn ngưng hoạt động!

Fredrik cười bẽn lẽn khi nghĩ tới Aronsen, và lúc này lấy gã làm chuyện vui. “Anh ta không chạm tay nhiều lắm vào miếng đất của mình,” anh nói, “thậm chí chưa bao giờ cho gia súc của anh ta ăn, mà phải đi mua. Hỏi tôi có chút cỏ khô nào để bán không. Không, tôi không có cỏ khô để bán. ‘Vậy sao, ý cậu là cậu không muốn kiếm tiền?’ Aronsen nói vậy. Trông có vẻ như nghĩ tiền là tất cả mọi thứ trên đời. Đặt tờ một trăm Kroner lên quầy và nói ‘Tiền đây!’ ‘Chà, tiền thì khá tốt,’ tôi nói. ‘Ngon lành,’ anh ta nói. Phải, anh ta hơi xúc động theo cách đó, có thể nói thế, và vợ anh ta đi đi lại lại với một cái đồng hồ đeo tay và dây chuyền các thứ vào những ngày thường. Có Chúa Trời mới biết cô ta có thể nhớ tới cái gì lúc đó.”

Sivert nói: “Aronsen có nói gì về một người tên là Geissler không?”

“Có. Nói gì đó về việc ông ta muốn bán một ít đất ông ta có. Và Aronsen nổi khùng vì chuyện đó, đúng vậy. ‘Cái gã từng là Lensmand rồi trở thành tay trắng,’ anh ta nói, ‘và rất có thể không có tới năm Kroner trong túi, và nên bị bắn bỏ!’ ‘Phải, nhưng cứ chờ xem đã,’ tôi nói, ‘rốt cuộc có thể ông ta sẽ bán được.’ ‘Không,’ Aronsen nói, ‘cậu đừng tin chuyện đó. Tôi là dân buôn bán,’ anh ta nói, ‘và tôi biết, khi một bên kêu giá hai trăm năm mươi ngàn, còn bên kia đề nghị hai mươi lăm ngàn, sự khác biệt là quá lớn; chuyện đó không bao giờ thoả thuận được. Chà, cứ mặc cho họ làm theo cách riêng của họ, và chờ xem mọi chuyện tới đâu,’ anh ta nói. ‘Tôi chỉ ước gì tôi chưa bao giờ đặt chân vào cái lỗ này, một chuyện chết tiệt cho tôi và gia đình tôi.’ Sau đó tôi hỏi anh ta rằng bản thân anh ta có định bán đất không. ‘Có,’ anh ta nói, “tôi đang nghĩ tới chuyện đó. Cái miếng đất đầm lầy này,’ anh ta nói, “một cái lỗ và một bãi sa mạc. Hiện giờ suốt cả ngày tôi chả làm ra được đồng nào,’ anh ta nói.”

Họ phá ra cười về chuyện Aronsen, và không thấy thương hại gã chút nào.

“Nghĩ anh ta sẽ bán chứ?” Isak hỏi.

“Vâng, anh ta đã nói thế. Và anh ta đã đuổi tay giúp việc. Phải, một tay kỳ lạ, một dạng người quái đản, cái anh chàng Aronsen đó, chắc chắn thế. Đuổi người giúp việc có thể làm việc tại đó, kiếm củi đốt mùa đông và chở cỏ khô với con ngựa của anh ta, nhưng giữ lại người thư ký, anh ta gọi hần như thế. Đúng thật, như anh ta nói, suốt cả ngày không bán được một đồng Kroner, vì anh ta chẳng còn hàng hóa gì. Thế thì anh ta làm gì với tay thư ký đó? Tôi ngờ rằng việc phải có một người đứng cạnh một cái bàn giấy và viết này viết nọ vào sổ chỉ để làm bộ tịch màu mè. Hahaha! Phải, trông có vẻ anh ta hơi xúc động theo cách đó, anh chàng Aronsen này.”

Ba người đàn ông làm cho tới trưa, ăn thức ăn trong giỏ và trò chuyện một lát. Họ có những vấn đề riêng cần nói tới, những vấn đề tốt lành hoặc không hay đối với cư dân vùng đất đó; với họ chúng không phải là những chuyện vặt vãnh mà là những chuyện cần trao đổi một cách thận trọng; họ là những người nhanh nhạy, hệ thần kinh của họ còn nguyên vẹn và không bay bổng tới nơi họ không cần tới. Hiện giờ đã là mùa thu, sự im lặng ngự trị cánh rừng; dãy đồi ở đó, mặt trời ở đó, và vào chiều tối vàng trắng và những vì sao sẽ xuất hiện; tất cả đều bình thường và cụ thể, đầy những tốt lành, một cái ôm thật chặt. Những người đàn ông có thời giờ ngơi nghỉ ở đây, nằm giữa cánh đồng, đầu gối lên tay.

Fredrik nói về Breidablik, về việc anh chỉ mới hoàn thành được chút ít các thứ trong thời gian vừa qua.

“Không,” Isak nói, “không ít đâu, tôi đã nhìn thấy lúc tôi đi xuống lối đó.”

Đây là lời khen ngợi của người lớn tuổi nhất trong số họ, của chính kẻ khổng lồ, và hần Fredrik thấy hài lòng. Anh hỏi khá thẳng thắn: “Ông nghĩ thế sao? Vâng, không lâu nữa nó sẽ tốt hơn, năm nay tôi bị nhiều thứ cản trở; phải dựng lại ngôi nhà, nó đang bị dột và muốn tan thành từng mảnh; kho cỏ khô phải dỡ ra rồi dựng lên trở lại, và không còn chỗ trống cho bầy gia súc, vì tôi có nhiều bò và bê hơn Brede hồi anh ta ở đó,” Fredrik nói, tự hào.

“Và anh đang làm ăn thịnh vượng trên đó hả?” Isak hỏi.

“Chà, tôi không nói thế. Vợ tôi, cô ấy cũng làm việc ra trò, sao không chứ? Có căn phòng tốt và nhìn ra khắp hướng; chúng tôi có thể trông thấy cả hai chiều xuôi ngược con đường. Và cạnh nhà có một bãi trồng cây khá đẹp, bạch dương và liễu. Tôi sẽ trồng thêm một ít ở mé kia nhà khi có thời gian. Và thật tốt khi thấy rằng đất lầy đã khô sau lần đào rãnh thoát nước năm ngoái. Vấn đề là năm nay tôi sẽ trồng thứ gì trên đó. Phải, ăn nên làm ra? Khi chúng tôi có nhà cửa, gia đình, đất đai các thứ, chắc chắn là có đủ cho hai người chúng tôi.”

“Vậy hả,” Sivert bẽn lễn nói, “và hai anh chị, đó có phải là tất cả những gì anh muốn có?”

“Sao, về chuyện đó, có khả năng sẽ còn nhiều người nữa. Còn về việc ăn nên làm ra hả, chà, vợ tôi chưa hề giảm sút đi, với dáng vẻ của cô ấy.”

Họ làm cho tới chiều tối, thỉnh thoảng lại ngưng tay để vươn thẳng lưng và trao đổi vài lời.

“Thế là anh không mua được thuốc lá hả?” Sivert nói.

“Không, đúng thế. Nhưng không sao, vì dù sao tôi cũng không dùng tới nó,” Fredrick nói.

“Không dùng?”

“Không. Chỉ là để ghé vào tiệm của Aronsen và nghe xem anh ta nói gì.” Và cả hai gã thích cợt đùa cùng cười phá lên.

Trên đường về nhà, hai cha con không nói với nhau nhiều, vì cách của họ là thế; nhưng hẳn Isak đang suy nghĩ gì đó; anh nói: “Sivert?”

“Dạ?” Sivert đáp.

“Không, không có gì.”

Họ đi được một chặng xa, và Isak lại bắt đầu:

“Làm thế nào Aronsen tiếp tục buôn bán khi anh ta không có gì để bán?”

“Không,” Sivert nói. “Nhưng hiện giờ ở đây không có đủ người để ông ta lấy hàng.”

“Con nghĩ thế à? Sao, cha cũng cho là thế, phải...”

Sivert ngẫm nghĩ một lát về điều này. Hồi sau cha cậu lại tiếp tục:

“Hiện giờ tất cả chỉ có tám trại, nhưng chẳng bao lâu nữa sẽ có nhiều hơn. Nhiều hơn, chà... cha không biết...”

Sivert thắc mắc hơn bao giờ hết. Cha cậu định nhắm tới điều gì? Hai người đi một lúc lâu trong im lặng; lúc này họ đã gần tới nhà.

“Ừm, Con nghĩ Aronsen sẽ đòi giá cái trại của anh ta ra sao?”

“Ồ, thì ra là chuyện này!” Sivert nói. “Cha muốn mua nó hả?” Cậu hỏi, hơi có vẻ đùa cợt. Nhưng đột nhiên cậu hiểu tất cả những điều này có nghĩa là gì: chính Eleseus là thứ mà cha cậu đang nghĩ tới.Ồ, cha không quên anh ấy chút nào, mà vẫn luôn nghĩ tới anh ấy, giống như mẹ cậu, chỉ là theo cách riêng của ông, gần với đất đai hơn, và gần với Sellanraa hơn.

“Con cho rằng nó sẽ có một mức giá phải chăng,” Sivert nói. Và khi Sivert nói quá nhiều, cha cậu hiểu chàng thanh niên này đã đọc được ý nghĩ của mình. Và như thể e rằng đã nói quá rõ ràng, anh lại xoay qua nói về việc chữa đường; thật tốt khi cuối cùng họ đã làm xong việc đó.

Vài hôm sau, Sivert và mẹ cậu chụm đầu vào nhau thầm thì bàn bạc. Phải, thậm chí họ đã viết một lá thư. Và hôm thứ Bảy đột nhiên Sivert muốn đi xuống làng.

“Con muốn xuống làng làm gì?” Cha cậu hỏi với vẻ không bằng lòng. “Mang ủng cho tới rách...”Ồ, Isak đã gay gắt hơn mức cần thiết; anh biết rõ Sivert sẽ tới trạm bưu điện.

“Con tới nhà thờ.”

Đó là cách bào chữa duy nhất cậu có thể tìm ra, và cha cậu càu nhàu:

“Hừm, để làm gì...?”

Nhưng nếu Sivert tới nhà thờ, cậu có thể thắng ngựa và đưa bé Rebecca đi cùng. Phải, chắc chắn là nên tưởng thưởng cho con bé một lần trong đời, sau khi nó tỏ ra rất giỏi giang trong việc canh củ cải đỏ và luôn là một viên ngọc quý, một phúc lành của cả nhà. Thế là họ thắng ngựa vào xe, và cô hầu gái Jensine đi theo để săn sóc Rebecca trên đường. Sivert không hề phản đối lời nào.

Khi họ trên đường xuống, tình cờ tay thư ký của Aronsen cũng đang đi ngược lên. Điều đó có nghĩa là gì? Không có gì to tát, Adresen, viên thư ký đó, chỉ muốn đi tản bộ chút chút trên đường, chủ anh ta cử anh ta lên. Không có gì hơn. Và những cư dân ở Sellanraa cũng chẳng phần khích mấy về chuyện đó. Giờ không còn như những ngày xưa nữa, khi một người lạ là một cảnh tượng hiếm hoi trên vùng đất mới của họ và Inger thì luôn nồng nhiệt đón mừng. Không, giờ Inger đã trở nên lạnh lẽo khép kín hơn.

Điều lạ lùng nhất là cuốn kinh cầu nguyện, một sự hướng dẫn tinh thần, một cánh tay vòng quanh cổ. Sau khi Inger đã buông lỏng mình đôi chút, đã lạc lối đôi chút khi ra ngoài hái dâu rừng, nàng có thể tìm lại đường trở về nhà nhờ ý nghĩ về căn phòng nhỏ và cuốn kinh Thánh của mình. Phải, giờ đây nàng đã trở nên khiêm tốn và là một linh hồn kính Chúa. Nàng có thể nhớ nhiều năm trước đó, những khi bị kim đâm trong lúc may đồ, nàng thường thốt ra một từ ngữ xấu xa học được từ những người cùng làm việc quanh cái bàn lớn trong học viện nhà giam. Nhưng hiện giờ, khi bị kim châm chảy máu, nàng chỉ lạnh lẽo nút máu ra. Một thay đổi trong bản chất con người như thế không phải là một thắng lợi nhỏ nhoi. Và Inger còn làm được nhiều hơn thế. Khi những người thợ đã đi hết, ngôi nhà đá đã hoàn thành và Sellanraa bị bỏ lại trong im lặng, Inger rơi vào một thời điểm khó khăn; nàng khóc lóc và đau đớn rất nhiều. Nàng không trách ai ngoài chính bản thân về tất cả mọi chuyện. Phải chi nàng có thể nói với Isak và tự giúp mình khuây khỏa buồn phiền, nhưng đó không phải là cách của họ. Không một ai trong số họ quen nói ra những cảm giác và thú nhận về mình. Tất cả những gì nàng có thể là rất cẩn thận trong cách mời chồng nàng về dùng bữa, đi thẳng tới chỗ anh và nói một cách ngọt ngào thay vì đứng ở cửa hét lên. Và vào buổi chiều nàng chăm sóc quần áo cho anh, khâu lại nút áo. Phải, thậm chí nàng còn làm nhiều hơn nữa. Một đêm nàng ngóc đầu lên và nói:

“Isak à?”

“Gì vậy?”

“Anh còn thức không?”

“Còn.”

“Không, chẳng có gì,” Inger nói. “Nhưng tôi đã làm tất cả những gì nên làm.”

“Sao?” Isak hỏi. “Phải, rất nhiều,” anh nói, rồi tới lượt mình cũng ngóc đầu lên.

Họ nằm đó và tiếp tục chuyện trò. Nói cho cùng, Inger là một phụ nữ có một không hai; với một quả tim đầy tình cảm. “Tôi đã không cư xử đúng với anh,” nàng nói, “và tôi rất hối tiếc về điều đó.”

Những lời lẽ giản dị này khiến anh xúc động. Phải, anh muốn an ủi nàng, không biết vấn đề là gì, chỉ biết rằng không có ai giống như nàng. “Đừng khóc, bà xã thân yêu của tôi,” Isak nói. “Không ai trong chúng ta có thể sống như chúng ta nên sống.”

“Phải, đúng vậy,” nàng trả lời với vẻ biết ơn. Ồ, Isak có một cung cách tốt đẹp, mạnh mẽ khi cần uốn thẳng lại những thứ bị cong vênh, méo mó. “Không ai trong chúng ta có thể sống như chúng ta nên sống.” Phải, anh nói đúng. Vị thần của con tim. Với tất cả những điều đó anh là một vị thần, anh đã qua nhiều con đường quanh co khúc khuỷu, ra mạo hiểm ở bên ngoài. Anh là một con người hoang dã, và chúng ta có thể thấy điều đó trong dáng vẻ của anh. Hôm nay lần

người trên một luống hoa hồng, liếm môi và nhớ ra điều gì đó; hôm sau bị chân bị dính gai và cố hết sức nhổ nó ra. Chết vì nó? Không bao giờ, anh vẫn khỏe như mọi lúc. Nếu anh chết thì đó sẽ là một cảnh tượng tuyệt vời!

Và nỗi phiền muộn của Inger cũng trôi qua; nàng đã vượt qua nó, nhưng vẫn tiếp tục những giờ cầu nguyện, và tìm được một nơi ẩn nấu nhân từ ở đó. Bây giờ mỗi ngày nàng đều làm việc cần mẫn, kiên nhẫn và sống tốt, biết rằng Isak khác với tất cả mọi đàn ông khác, và không muốn ai khác ngoài anh. Không có vẻ trẻ trung vui vẻ sắc sảo của một ca sĩ, đúng, ở vẻ ngoài và cung cách của anh, nhưng rất tốt, phải, thật sự rất tốt! Và một lần nữa người ta thấy rằng lòng kính sợ Chúa Trời và sự mãn nguyện với điều đó là một thứ tài sản kiếm được vô cùng quý báu.

Và Chủ nhật đó, khi viên thư ký nhỏ bé Andresen ở Storborg lên trại Sellanraa, Inger không hề bị ảnh hưởng gì, còn khuya mới thế; nàng không làm gì hơn ngoài việc cho anh ta một cốc sữa, nhưng nhờ Leopoldine cầm vào, vì Jensine đã đi khỏi. Và Leopoldine mang cốc sữa vào, trao cho anh ta và bảo: “Của anh đây.” Rồi cô đỏ mặt. Nhưng hôm ấy cô mặc quần áo ngày Chủ nhật và dù sao cũng không có gì để phải xấu hổ.

“Cám ơn, cô tốt quá,” Andresen nói. “Cha cô có nhà không?”

“À, ông đi quanh đâu đó.”

Andresen uống sữa, lau miệng với một cái khăn tay và xem giờ. “Từ đây lên khu mỏ có xa không?” Anh ta hỏi.

“Không, chỉ khoảng một giờ đi bộ.”

“Tôi sẽ lên đó xem thử giùm ông Aronsen. Tôi là thư ký của ông ta.”

“Vậy à.”

“Cô biết tôi mà, chắc thế; tôi là thư ký của Aronsen. Dạo trước cô từng xuống mua đồ ở tiệm chúng tôi.”

“Phải.”

“Và tôi nhớ cô khá rõ,” Andresen nói. “Cô đã xuống mua đồ hai lần.”

“Anh còn nhớ à, thật khó mà tưởng tượng,” Leopoldine nói và không còn sức lực gì nữa sau đó, chỉ đứng vịn vào một cái ghế.

Nhưng Andresen thì khá bạo dạn, anh ta nói tiếp: “Nhớ cô à? Chà, dĩ nhiên là tôi nhớ.” Và anh ta nói thêm:

“Cô có muốn đi lên khu mỏ với tôi không?”

Và một lát sau đó, đã có gì đó không ổn với đôi mắt của Leopoldine; mọi thứ quanh cô đều hóa thành đỏ rực và lạ lùng, sàn nhà bị trượt đi bên dưới chân, và thư ký Andresen đang nói từ một nơi nào đó rất xa xăm. Nói rằng: “Cô có thể dành chút thời gian không?”

“Không,” cô đáp.

Và chỉ có Trời biết cô làm cách nào để thoát ra khỏi nhà bếp. Mẹ cô nhìn cô và hỏi có chuyện

gì. “Không có gì,” Leopoldine đáp.

Dĩ nhiên là không có gì. Nhưng nào, bạn hãy nhìn kia, đã tới lượt Leopoldine bị tác động, để bắt đầu cái chu kỳ vĩnh viễn đó. Cô cũng khỏe khoắn như mẹ, đã trưởng thành, xinh đẹp và vừa mới làm lễ thêm sức; cô sẽ dâng tặng sự hy sinh của mình. Một con chim đang vỗ cánh trong lồng ngực trẻ trung của cô, đôi bàn tay dài của cô giống hệt tay của mẹ cô, đầy vẻ dịu dàng, đầy nét hấp dẫn.

Cô biết nhảy không? Biết chứ, dĩ nhiên. Chuyện cô học được nó từ đâu là một điều kỳ lạ, nhưng chắc là cô học theo cách người ta nhảy ở Sellanraa cũng như ở những nơi khác. Sivert biết nhảy, cả Leopoldine cũng biết; một kiểu nhảy múa riêng biệt của vùng đất đó, sinh ra từ đất mới vỡ hoang; một điệu nhảy đầy sức sống và động tác nhún nhảy, kết hợp cả các điệu schottische, mazurka, valse và polka thành một. Và lẽ nào Leopoldine không được trang điểm, yêu và mơ trong lúc hoàn toàn tỉnh thức? Ồ, như bất kỳ ai khác! Hôm đứng làm lễ trong nhà thờ cô đã được mẹ cô cho mượn chiếc nhẫn vàng để đeo; không hề có tội lỗi gì trong chuyện đó, mà chỉ thêm gọn gàng xinh đẹp; ngày hôm sau, khi tới họp nhóm đạo, cô vẫn đeo chiếc nhẫn cho tới khi nó kết thúc. Phải, cô cũng nên khoe mình chút đỉnh khi làm lễ với một chiếc nhẫn trên ngón tay, vì là con gái của một nhân vật lớn ở vùng đó – ngài Bá tước.

Khi Andresen trở xuống từ khu mỏ, anh ta gặp Isak, và họ mời anh ta vào nhà ăn tối, uống cà phê. Lúc này tất cả những người trong trại đều họp quần ở đó, tham dự vào cuộc chuyện trò. Andresen giải thích rằng ông chủ của anh ta cử anh ta lên đó để xem mọi chuyện ở khu mỏ ra sao, có dấu hiệu gì sẽ sớm hoạt động lại hay không. Có Tròi mới biết, có thể Andresen đã ngồi đó nói dóc cả buổi trời về việc ông chủ anh ta cử đi; có thể anh ta lên đó vì lý do của riêng mình. Và dù sao, anh ta không thể nào lên tới khu mỏ trong thời gian ngắn rời khỏi Sellanraa.

“Nhìn từ bên ngoài, khó mà biết họ có hoạt động trở lại hay không,” Isak nói.

Không, Andresen thừa nhận là thế; nhưng Aronsen đã cử anh ta đi, và nói cho cùng thì hai cặp mắt có thể nhìn tốt hơn một cặp.

Tới đây hình như Inger không thể kiềm chế được nữa, nàng hỏi:

“Những điều họ nói có đúng không, rằng Aronsen sẽ bán lại trại của ông ta?”

Andresen đáp: “Ông ta đang nghĩ tới việc đó. Và một người như ông ta chắc chắn có thể làm theo ý muốn, theo như những gì ông ta có.”

“Vậy à, anh ta giàu thế sao?”

“Phải,” Andresen nói, gật đầu: “Khá giàu, và đó là lời nói thật.”

Một lần nữa Inger không thể giữ im lặng mà phải thẳng ra:

“Tôi tự hỏi, anh ta đòi giá ra sao cho cái trại đó?”

Tới đây Isak xen vào; rất có thể anh còn tò mò muốn biết hơn cả Inger, nhưng phải tỏ vẻ như anh chưa bao giờ nảy ra ý nghĩ mua Storborg; anh biến mình thành người xa lạ đối với nó, và lúc này lên tiếng:

“Sao, cô muốn biết để làm gì vậy, Inger?”

“Tôi chỉ hỏi cho biết,” nàng đáp. Cả hai nhìn Andresen, chờ đợi. Và anh ta đáp rằng cần rất cẩn thận về việc giá cả, anh ta không thể nói gì về chuyện đó, nhưng anh ta biết Aronsen đã mất bao nhiêu để mua cái trại đó.

“Vậy đó là bao nhiêu?” Inger hỏi, không còn sức để tỏ vẻ thản nhiên và im lặng.

“Sáu trăm Kroner,” Andersen đáp.

Inger vỗ tay khi nghe câu đó, vì nếu có một điều mà những quý bà quý cô không bụng dạ nào nghĩ tới, thì đó giá đất đai và tài sản. Nhưng dù sao thì sáu trăm Kroner cũng không phải là một món tiền nhỏ với cư dân ở vùng hoang dã, và Inger chỉ e rằng Isak có thể chê giá mắc. Nhưng Isak vẫn ngồi đó như một ngọn đồi, và chỉ nói: “Phải, anh ta đã cất một ngôi nhà to lớn.”

“Phải,” Andresen lặp lại, “đúng là thế. Chính là vì ngôi nhà lớn xinh đẹp các thứ.”

Vừa khi Andresen chuẩn bị từ giã, Leopoldine lên ra khỏi cửa. Đó là một điều lạ lùng, nhưng vì lý do nào đó cô không thể buộc mình nghĩ tới việc bắt tay với anh ta. Do vậy, cô đã tìm một địa điểm tốt, đứng trong cái chuồng bò mới, nhìn ra từ một cửa sổ. Và với một dải ruy băng xanh quanh cổ mà cô chưa bao giờ đeo trước đó, và thật kỳ diệu khi lúc này cô tìm ra thời giờ để đeo nó vào. Anh ta đi ra, một anh chàng hơi béo và lùn, đôi chân lạnh lẽ, với một bộ râu quai nón vừa phải, lớn hơn cô chừng chín mười tuổi. Phải, không quá xấu trai đối với cô!

Sau đó là bộ ba đi lễ nhà thờ về muộn vào ngày Chủ nhật. Tất cả đều êm đẹp, bé Rebecca đã ngủ từ vài giờ trước trên đường đi lên, được bế ra khỏi xe và đưa vào nhà trong giấc ngủ say. Siver đã nghe được một ít tin tức, nhưng khi mẹ cậu hỏi, “Nào, con có gì để kể không?” cậu chỉ đáp: “Không, không có gì nhiều. Axel có một cái máy cắt cỏ và một cái bừa.”

“Vậy à?” cha cậu nói, có vẻ rất thích thú. “Con nhìn thấy chúng chưa?”

“Dạ có, con đã nhìn thấy chúng. Dưới bến cảng.”

“Chà! Vậy ra chính vì thứ đó mà cu cậu phải ra thị trấn,” cha cậu nói. Và Sivert ngồi đó, nở từng khúc ruột với niềm tự hào đã biết nhiều hơn, nhưng chẳng nói một lời nào.

Hắn cha cậu cũng tin rằng vấn đề cấp thiết của Axel ở thị trấn là mua mấy cái máy; cả mẹ cậu cũng nghĩ thế. Chà, nhưng trong thâm tâm, chẳng có ai trong hai người nghĩ thế; họ đã nghe khá đủ lời xàm xì bàn tán về một việc quan trọng hơn; về một vụ giết trẻ sơ sinh ở giữa rừng.

“Đã tới giờ ngủ,” cuối cùng Isak nói.

Sivert rời phòng để đi ngủ; tự hào với kiến thức của mình. Axel đã được triệu tập để điều tra. Đó là một vụ lớn. Ngài Lensmand đã đi cùng anh ta. Lớn đến nỗi cả Lensmand phu nhân, người vừa sinh một đứa bé khác, phải bỏ đứa nhỏ lại và tới thị trấn cùng chồng bà. Bà đã hứa sẽ đích thân nói một lời với bồi thẩm đoàn.

Lúc này những lời bàn tán và tai tiếng đã lan khắp trong làng, và Sivert thấy rõ rằng một tội ác cụ thể nào đó xảy ra trước đó đã được lôi ra xét lại. Ở bên ngoài nhà thờ, có nhiều nhóm người dừng lại chuyện trò khi cậu tới đó, và nếu cậu không phải là Sivert, có lẽ một số người sẽ lánh xa khỏi cậu. Thật tốt khi là Sivert vào những ngày tháng đó, trước hết là một thanh niên xuất thân từ một trang trại lớn, con trai của một phú nông. Và ngoài ra còn được biết như là

một chàng trai giỏi dẫn thông minh; cậu được xếp hạng trên những người khác, và được kính trọng. Sivert luôn được mọi người yêu mến. Giá mà Jensine không hiểu biết quá nhiều trước khi họ về nhà hôm đó! Và Sivert cũng có nhiều việc riêng cần suy nghĩ. Phải, cư dân giữa vùng hoang dã cũng có thể bị đỏ mặt và tái xanh như bao nhiêu người khác. Cậu đã nhìn thấy Jensine khi cô rời khỏi nhà thờ với Rebecca; cô cũng nhìn thấy cậu, nhưng đi tiếp. Cậu chờ một lát, rồi đánh xe tới nhà ông thợ rèn để đón họ.

Cả gia đình đang ngồi quanh bàn ăn tối. Họ mời Sivert cùng ăn, nhưng cậu cảm ơn, bảo đã ăn rồi. Họ đã biết cậu sẽ tới, lẽ ra họ có thể chờ cậu một lúc. Ở Sellanraa người nhà của cậu làm như thế, nhưng hình như ở đây thì không phải vậy.

“Không à, đây không phải là thứ cậu quen ăn, tôi dám nói thế,” vợ ông thợ rèn bảo.

“Có tin gì ở nhà thờ không?” Ông thợ rèn hỏi, dù ông cũng đã có mặt ở nhà thờ.

Khi Jensine và bé Rebecca đã ngồi ngay ngắn trên xe, vợ ông thợ rèn nói với cô con gái của bà: “Nào, tạm biệt, Jensine; ba má rất mong con sớm trở về nhà.” Và câu nói đó có thể hiểu theo hai cách, Sivert nghĩ bụng, nhưng cậu nín thinh. Nếu câu nói trực tiếp hơn, rõ ràng thẳng thắn hơn, có lẽ cậu sẽ... Cậu chờ, với đôi mày cau lại, nhưng không ai nói thêm lời nào nữa.

Họ đánh xe trở về nhà. Bé Rebecca là người duy nhất có chuyện để nói; nó rất thú vị với việc đi lễ nhà thờ, ông linh mục mặc áo lễ với một chiếc thánh giá bằng bạc, những ánh đèn và tiếng đàn organ. Một hồi lâu sau Jensine nói: “Câu chuyện về Barbro các thứ thật là đáng xấu hổ.”

“Mẹ cô có ý nói gì về việc mong cô sớm trở về nhà?” Sivert hỏi.

“Bà ấy có ý gì à?”

“Phải. Cô đang nghĩ tới việc rời khỏi chúng tôi phải không?”

“Sao chứ, tôi cho là họ sẽ muốn tôi có mặt ở nhà vào lúc nào đó,” cô đáp.

“Xùy!” Sivert kêu lên, dừng con ngựa lại. “Có lẽ cô muốn tôi chở cô quay lại?”

Jensine nhìn cậu; trông cậu tái nhợt như người chết.

“Không,” cô nói. Và chỉ giây lát sau cô bắt đầu khóc.

Rebecca kinh ngạc nhìn từ người này sang người kia. Ồ, nhưng bé Rebecca là một bé gái rất tốt để đi cùng trong một cuộc hành trình như thế; nó theo phe của Jensine, vỗ về cô và làm cho cô mỉm cười trở lại. Và khi bé Rebecca nhìn một cách đe dọa anh trai của nó, bảo rằng nó sẽ nhảy xuống và tìm một que củi thật to để đập anh, cả Sivert cũng phải mỉm cười.

“Nhưng anh nói thế là sao, giờ tôi muốn biết?” Jensine nói.

Sivert đáp thẳng thừng ngay tức khắc: “Ý tôi là, nếu cô không màng tới việc ở với chúng tôi thì chúng tôi phải cố xoay xở mà không có cô.”

Và lại mất một hồi lâu nữa, rồi Jensine nói: “Còn có Leopoldine, giờ cô ấy đã lớn, và khỏe mạnh các thứ để làm mọi công việc của tôi, hình như vậy.”

Phải, đó là một chuyến đi buồn bã.

CHƯƠNG VII

Một người đàn ông đi ngược con đường qua dãy đồi. Trời mưa gió; mưa thu đã bắt đầu, nhưng người này không màng tới điều đó, trông anh ta có vẻ vui mừng trong bụng, và đúng thế. Đó là Axel Ström, đang trở về từ thị trấn, từ phiên tòa các thứ. Họ đã phóng thích anh. Phải, một con người hạnh phúc. Đầu tiên là một cỗ máy cắt cỏ và một cỗ máy bừa dành cho anh ở bến tàu, và còn hơn thế, anh được tự do, không phạm tội. Không đóng vai trò nào trong việc giết chết một đứa bé. Phải, mọi chuyện có thể xoay vần thế đó!...

Nhưng những giờ khắc mà anh phải trải qua! Khi đứng đó với tư cách một nhân chứng, con người cần lao trên những cánh đồng này đã biết được những ngày khốn khổ nhất đời mình. Anh chẳng có lợi lộc gì khi làm cho tội lỗi của Barbro có vẻ to tát hơn, và vì lý do đó anh cần thận không nói quá nhiều, thậm chí anh đã không nói hết những gì mình biết; mỗi từ đều được cân nhắc, và anh trả lời hầu hết là với hai từ “Phải” và “Không”. Như thế là chưa đủ? Anh có nói thêm về nó hơn những gì đã có không? Ồ, nhưng có những lúc sự việc có vẻ thật sự nghiêm trọng; có những con người của Pháp luật, áo thụng đen và nguy hiểm; chỉ cần với một hai từ, họ có thể dễ dàng lật ngược lại toàn bộ mọi thứ nếu muốn, và phạt tù anh. Nhưng rốt cuộc họ là những con người tử tế, và không hề cố hủy diệt anh. Và, như sự vụ đã diễn ra, còn có những tác động mạnh mẽ để cố giải cứu Barbro, và tất cả những điều đó cũng có lợi cho anh.

Vậy thì anh phải buồn phiền vì cái quái gì nữa chứ?

Bản thân Barbro gần như không cố làm cho mọi chuyện trông tệ hơn mức cần thiết đối với ông chủ cũ, cũng là tình nhân của cô. Anh đã biết những điều kinh khủng về vụ này và một vụ khác sớm hơn cùng loại. Cô không thể là một kẻ ngu xuẩn như thế. Không, Barbro khá thông minh; cô nói một lời tốt đẹp cho Axel, và khai rằng anh không biết gì về việc cô mang thai cho tới sau khi mọi thứ đã xong xuôi. Có lẽ theo cách nào đó anh khác với những người đàn ông khác, và không phải lúc nào họ cũng hòa thuận với nhau, nhưng anh là một người đàn ông lặng lẽ, một người tốt theo mọi cách. Không, đúng là anh đã đào một cái huyệt mới và chôn cái thi hài xuống đó, nhưng đó là rất lâu về sau, bởi lẽ anh nghĩ rằng nơi đầu tiên không được khô ráo, dù thật ra nó khô ráo, và đó chỉ là do cách suy nghĩ kỳ quặc của Axel.

Vậy thì Axel cần gì phải sợ khi Barbro đã tự chuốc lấy mọi trách nhiệm về mình như thế? Còn về phần Barbro, có nhiều thế lực mạnh đang hoạt động.

Phu nhân Heyerdahl đã tham gia vụ án. Bà đã chạy vạy khắp nơi, từ cao đến thấp, không hề ngơi nghỉ, yêu cầu được triệu tập với tư cách một nhân chứng, và đã phát biểu trong tòa án. Khi tới lượt của mình, bà đứng đó trước tất cả bọn họ và thật sự là một đại phu nhân; bà phân tích vấn đề giết trẻ sơ sinh ở mọi khía cạnh, và cho các quan tòa nghe cả một bài diễn thuyết dài về đề tài này. Có vẻ như bà đã được chuẩn y trước để nói những gì muốn nói. Phải, những người này có thể nói hành nói tỏi về Lensmand Heyerdahl phu nhân, nhưng bà có thể phát biểu, và tỏ ra am tường đối với những vấn đề chính trị và xã hội, không còn ngờ gì về điều đó. Thật kỳ diệu khi bà tìm ra đủ từ để nói. Dường như thỉnh thoảng ngài chánh án muốn lái bà trở

lại trọng tâm, nhưng có lẽ ông không nở cắt ngang, và mặc cho bà tiếp tục. Và vào cuối bài phát biểu, bà tự nguyện đưa ra một hai thông tin hữu ích, và đưa ra một đề xuất khiến cử tọa phải giật mình.

Gạt mọi thuật ngữ pháp lý sang một bên, câu chuyện diễn ra như thế này:

“Phụ nữ chúng tôi,” phu nhân Heyerdahl nói, “là một nửa không may và bị áp bức của nhân loại. Chính đàn ông là người làm ra luật, và phụ nữ chúng tôi không góp được lời nào về vấn đề này. Nhưng đã có người đàn ông nào tự đặt mình vào vị trí của một phụ nữ mang thai chưa? Anh ta có bao giờ cảm thấy sự kinh hoàng của nó, có bao giờ biết những cơn đau khủng khiếp, có bao giờ khóc lớn trong cơn đau đớn của giờ phút đó?

“Trong trường hợp này, một cô hầu gái đã mang thai. Một cô gái chưa kết hôn, và kết quả là cố che giấu tình trạng của mình trong suốt thời kỳ trọng đại đó. Và vì sao cô ta lại tìm cách che giấu nó? Là vì xã hội. Xã hội khinh rẻ một phụ nữ chưa chồng mà có mang. Xã hội không chỉ không hề bảo vệ cô ta mà nó còn ngược đãi cô ta, truy bức cô ta với sự khinh khi rở rúng. Tàn bạo! Không một con người nào có trái tim có thể kèm được lòng căm phẫn đối với một tình trạng như thế. Cô gái đó không chỉ sẽ sinh ra đứa bé, một việc mà chính nó cũng đã quá khó khăn, mà cô ta còn bị đối xử như là một tội phạm vì chính cái thực trạng đó. Tôi dám nói rằng sẽ là tốt cho cô gái không may hiện đang bị cáo buộc trước tòa này khi con của cô ra đời do sự cố khi cô bị ngã xuống nước và đã chết đuối. Tốt cho bản thân cô ta và cho đứa bé. Chừng nào xã hội còn duy trì thái độ hiện tại của nó, một người mẹ chưa kết hôn nên được xem là vô tội ngay cả khi cô ta giết chết đứa bé.”

Tới đây người ta nghe thấy có tiếng lẩm bẩm từ ngai chánh án.

“Ở bất kỳ giá nào, việc trừng phạt cô ta chỉ nên có tính hình thức mà thôi,” phu nhân Heyerdahl nói. “Tất cả chúng ta đều đồng ý, dĩ nhiên,” bà nói tiếp, “rằng cuộc sống của đứa bé sơ sinh nên được bảo tồn, nhưng phải chăng không có thứ luật lệ con người đơn giản nào được áp dụng cho người mẹ bất hạnh? Hãy suy nghĩ xem xét những gì cô ta đã trải qua suốt thời gian mang thai, những đau khổ mà cô ta đã chịu đựng khi cố che giấu tình trạng của mình, và suốt thời gian đó không hề biết sẽ dựa dẫm vào đâu cho chính cô ta và đứa bé khi nó chào đời. Không người đàn ông nào có thể tưởng tượng được điều này. Ít nhất đứa bé đã bị giết vì lòng tốt. Người mẹ đã cố ngăn bản thân và đứa trẻ mà cô ta yêu mến khỏi nỗi bất hạnh trong cuộc đời của nó. Sự xấu hổ nhiều hơn mức cô ta có thể chịu đựng, và thế là kế hoạch đã dần dà hình thành trong đầu cô ta, nhằm loại bỏ đi đứa bé. Việc sinh nở diễn ra trong bí mật, và người mẹ trải qua hai mươi bốn giờ trong một tình trạng điên cuồng đến nỗi vào khoảnh khắc giết chết đứa trẻ đơn giản là cô ta không thể chịu trách nhiệm cho hành động của mình. Về mặt thực hành, cô ta không hề tự mình thực hiện hành vi đó, cô ta đã hoàn toàn mất trí trong suốt thời gian đó. Với từng cái xương trong người vẫn còn đau nhức sau cuộc sinh nở, cô ta phải tước đi cuộc sống của sinh vật bé nhỏ đó và chôn giấu cái thi hài. Hãy nghĩ xem nỗ lực hay quyết tâm nào đòi hỏi phải có ở đây! Theo lẽ tự nhiên, tất cả chúng ta đều mong ước tất cả trẻ con đều sống sót; chúng ta đau buồn với ý nghĩ rằng có bất kỳ đứa trẻ nào bị kết liễu theo cách đó. Nhưng chính xã hội là kẻ có lỗi trong chuyện đó; lỗi của một xã hội vô hy vọng, nhẫn tâm, buôn bán chuyện giết gân, xấu xa và đầy ác ý, luôn theo dõi để nghiền nát một người mẹ chưa kết hôn bằng mọi phương tiện trong quyền hành của nó!

“Nhưng, thậm chí sau sự đối xử tệ hại đến thế trong bàn tay của xã hội, người mẹ bị ngược đãi vẫn có thể đứng lên trở lại. Thông thường những cô gái này, sau một bước sai lầm, đã được chính thực tế đó dẫn dắt để phát triển những phẩm chất tốt đẹp và cao quý nhất của họ. Quý tòa cứ hỏi những viên giám thị ở những mái ấm tình thương, nơi những bà mẹ chưa kết hôn và con cái họ được tiếp nhận xem có đúng vậy hay không. Và kinh nghiệm đã cho thấy rằng chính những cô gái đó – những kẻ mà xã hội đã buộc họ phải giết chính con ruột của mình – đã trở thành những người vú em giỏi nhất. Chắc chắn đó là một điều quan trọng để tất cả mọi người không trừ một ai phải suy nghĩ tới một cách nghiêm túc, phải không?”

“Rồi còn có một phương diện khác của vấn đề. Vì sao người đàn ông được tự do? Người mẹ bị cho là có tội giết trẻ sơ sinh bị tống vào tù và hành hạ, nhưng người bố, kẻ quyến rũ, anh ta không bao giờ bị đụng tới. Song vì anh ta là nguyên do tạo nên sự tồn tại của đứa bé, anh ta là một phần của tội ác; thật sự, phần chia của anh ta trong đó còn lớn hơn của người mẹ; nếu không vì anh ta, hẳn đã không có tội ác đó. Vậy thì vì sao anh ta được tha bổng? Vì pháp luật do những người đàn ông làm ra. Đó là câu trả lời. Sự dăm man của những luật pháp do con người tạo ra đó tự nó kêu gào tới đất trời để được can thiệp. Và không thể có sự trợ giúp nào cho đám đàn bà con gái chúng tôi cho tới khi nào chúng tôi được phép có tiếng nói trong những cuộc bầu cử, trong việc tự mình làm ra luật.

“Nhưng,” phu nhân Heyerdahl nói tiếp, “nếu đây là một định mệnh kinh khủng được ban phát cho kẻ có tội – hoặc, chúng ta cứ nói là kẻ có tội hiển nhiên hơn – bà mẹ chưa kết hôn đã giết chết con mình, thì sẽ như thế nào nếu kẻ đó chỉ đơn giản bị ngờ rằng đã thực hiện tội ác, nhưng không hề thực hiện nó? Xã hội sẽ đền bù thiệt hại cho cô ta như thế nào đây? Chẳng có gì! Tôi có thể chứng thực rằng tôi biết cô gái bị cáo buộc ở đây; đã biết cô ta từ khi cô ta còn là một đứa trẻ; cô ta từng làm việc cho tôi, và cha của cô ta là trợ lý của chồng tôi. Phụ nữ chúng tôi dám suy nghĩ và cảm nhận trái hẳn với những lời cáo buộc và những sự ngược đãi của cánh đàn ông; chúng tôi dám có ý kiến của riêng mình. Cô gái này đã bị bắt, bị tước đoạt sự tự do, trước tiên vì bị nghi ngờ đã che đậy việc sinh nở của mình, sau đó là đã giết đứa bé vừa ra đời. Trong đầu tôi không có chút ngờ vực nào rằng cô ta không phạm cả hai tội đó – chính tòa án sẽ tự mình đi tới kết luận hiển nhiên đó. Giấu diếm việc sinh nở – đứa bé chào đời vào giữa ngày hôm đó. Đúng, người mẹ chỉ có một mình vào lúc đó – nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, ai có thể ở đó với cô ta? Địa điểm đó nằm xa xôi giữa nơi rừng rú, kẻ duy nhất trong phạm vi là một người đàn ông – làm sao cô ta có thể gọi người đó tới vào một khoảnh khắc như thế? Bất cứ người phụ nữ nào cũng sẽ bảo với quý vị là không thể – thậm chí không nghĩ tới chuyện đó. Thế rồi người ta tuyên bố là ắt hẳn cô ta đã giết đứa bé sau đó. Nhưng đứa bé chào đời dưới nước – người mẹ bị té xuống một con suối lạnh như băng, và đứa bé lọt lòng. Cô ta đang làm gì cạnh con suối? Cô ta là một người hầu, một nữ nô, phải nói thế, và có những công việc hàng ngày phải thực hiện; cô ta đang nhặt những nhánh bách xù để làm chổi. Và khi băng qua con suối, cô ta bị trượt và té xuống. Và cô ta nằm đó, đứa bé được sinh ra, và bị chết đuối dưới nước.”

Phu nhân Heyerdahl dừng lại. Bà có thể nhìn thấy từ vẻ mặt của quan tòa và cử tọa rằng bà đã phát biểu rất tuyệt vời; cả tòa im phăng phắc, chỉ có Barbro thỉnh thoảng chậm mắt vì thật sự cảm động. Và phu nhân Heyerdahl kết thúc với những lời sau:

“Phụ nữ chúng tôi cũng có một quả tim, một cảm xúc nào đó. Tôi đã phải bỏ lại con của chính mình cho những người lạ chăm sóc để đi suốt quãng đường này và có mặt tại đây với tư cách một nhân chứng đứng về phía cô gái không may đang ngồi đó. Luật pháp của đàn ông không thể ngăn cản phụ nữ tư duy; và tôi nghĩ thế này, rằng cô gái đó đã bị trừng phạt quá đủ không vì một tội ác nào. Hãy tha bổng cô ta, trả lại tự do cho cô ta, và tôi sẽ tự mình chịu trách nhiệm về cô ta. Cô ta sẽ trở thành người vú em tốt nhất tôi từng có.”

Và phu nhân Heyerdahl bước xuống.

Khi đó ngài chánh án nói: “Nhưng tôi nghĩ vừa lúc này bà có nói rằng những người vú em tốt nhất là những kẻ đã giết con của họ?”

Ồ, nhưng vị quan tòa không có ý phản bác phu nhân Heyerdahl, không chút nào. Ông là người rất nhân từ, một người đàn ông dịu hiền như một tu sĩ. Sau đó, trong lúc công tố viên đặt một vài câu hỏi với nhân chứng, ông ngồi ghi chép vào mấy tờ giấy.

Vụ án chỉ kéo dài quá trưa chút ít; có không nhiều nhân chứng, và vụ việc khá rõ ràng. Axel Ström ngồi mong đợi kết quả tốt nhất có thể, rồi sự việc hóa ra như thể công tố viên và phu nhân Heyerdahl cùng tiếp tay nhau để gây khó dễ cho anh, vì anh đã chôn cái xác thay vì đi báo tử. Anh bị thấm vẩn khá gay gắt về điểm này, và rất có khả năng cảm thấy tệ hại nếu không nhìn thấy Geissler đang ngồi trong tòa án. Phải, đúng là Geissler đã có mặt. Điều này mang lại lòng can đảm cho Axel, anh không còn cảm thấy mình cô độc trong cuộc chống lại một Pháp luật đã quyết tâm đánh gục anh. Và Geissler gật đầu với anh.

Phải, Geissler đã ra thị trấn. Ông không yêu cầu được triệu tập với tư cách một nhân chứng, nhưng ông đã tới. Ông cũng đã dành ra vài hôm trước khi xử án để tiến hành đôi ba công việc, và ghi lại những gì ông nhớ về lời giải thích của Axel ở Maaneland. Dường như đối với Geissler hầu hết các hồ sơ đều không thỏa đáng; vị Lendsmand Heyerdahl này rõ ràng là một người có đầu óc thiển cận, luôn nỗ lực chứng minh tội đồng lõa về phần của Axel. Đúng là một gã ngu ngốc – ông ta biết gì về cuộc sống giữa rừng hoang khi ông ta chỉ có thể thấy rằng đứa bé là thứ mà Axel đã dựa vào để giữ chân người phụ nữ, người giúp việc của anh ta, ở đó!

Geissler đã nói chuyện với công tố viên, nhưng dường như không cần phải can thiệp ở đó; ông muốn giúp Axel trở lại nông trại và đất đai của anh, nhưng Axel không cần tới sự giúp đỡ, theo vẻ ngoài của các sự việc. Vì vụ án đang diễn biến tốt trong chừng mực có liên quan tới Barbro, và nếu cô được trắng án, khi đó sẽ không còn đặt ra vấn đề tòng phạm. Điều này phụ thuộc vào lời chứng thực của các nhân chứng.

Khi tòa đã nghe lời khai của các nhân chứng – Oline không được triệu tập, chỉ có ngài Lensmand, Axel, các chuyên gia, hai cô gái trong làng – đã tới lúc ngưng xét xử để nghỉ trưa, và Geissler đi lên chỗ của công tố viên một lần nữa. Viên luật sư công tố này có ý kiến rằng tất cả đang diễn ra tốt đẹp đối với cô gái Barbro, và ngày càng tốt hơn. Những lời của phu nhân Heyerdahl rất có trọng lượng. Lúc này tất cả chỉ tùy thuộc vào phán quyết của tòa.

Viên luật sư công tố hỏi: “Ông có quan tâm chút nào tới cô gái đó không?”

“Sao, ở một mức độ nhất định,” Geissler đáp, “hay nói đúng hơn, có lẽ, tới người đàn ông.”

“Cô ta cũng từng giúp việc cho ông?”

“Không, anh ta chưa bao giờ giúp việc cho tôi.”

“Tôi đang nói về cô gái. Chính cô ta mới là người nhận được sự cảm thông của tòa án.”

“Không, cô ta chưa bao giờ giúp việc cho tôi.”

“Người đàn ông – ừm, có vẻ như anh ta không có kết quả tốt mấy,” viên luật sư công tố nói.

“Ra ngoài đó và một mình chôn cái xác trong rừng – trông tệ quá, rất tệ.”

“Anh ta muốn chôn cất nó đằng hoàng, tôi cho là vậy,” Geissler nói. “Thoạt tiên nó đã không được chôn cất theo đúng nghĩa chút nào.”

“Chà, dĩ nhiên một người đàn bà không có sức khỏe của một gã đàn ông để đào. Và trong tình trạng của cô ta – hẳn cô ta đã kiệt sức sẵn rồi. Hoàn toàn. Tôi nghĩ chúng ta nên có một cách nhìn nhân đạo hơn về những vụ giết trẻ sơ sinh này nói chung, vào mấy lúc gần đây. Nếu tôi là quan tòa, tôi không bao giờ mạo hiểm kết án cô gái này; và từ những gì diễn ra trong vụ này, tôi sẽ không đánh liều đưa ra yêu cầu kết tội.”

“Rất vui khi nghe thấy điều đó,” Geissler nói, cúi đầu cảm tạ.

Viên luật sư công tố nói tiếp:

“Với tư cách một con người, một cá nhân, thậm chí tôi còn đi xa hơn, và sẽ nói rằng: tôi không bao giờ kết tội một người mẹ đơn thân chưa kết hôn về việc giết con của cô ta.”

“Thật thú vị khi biết rằng công tố viên hoàn toàn đồng ý với những gì phu nhân Heyerdahl đã nói trước tòa lúc này.”

“Ồ, phu nhân Heyerdahl... Tuy nhiên, theo tôi, có rất nhiều điều trong những gì bà ta nói. Nói cho cùng, đâu là ích lợi của tất cả những lời kết tội này? Những bà mẹ chưa chồng đã chịu đủ bất hạnh trước đó rồi, và đã bị đẩy xuống rất thấp trong con mắt đánh giá của mọi người bởi thái độ tàn bạo và nhẫn tâm của thế giới – sự trừng phạt nên vừa đủ.”

Cuối cùng, Geissler đứng lên và nói:

“Không ngờ gì nữa. Nhưng còn những đứa trẻ thì sao?”

“Đúng,” viên luật sư công tố nói, “về lũ trẻ con, đó là một chuyện buồn. Tuy nhiên, khi xét tới tất cả mọi khía cạnh, có lẽ thế cũng tốt. Những đứa trẻ vô thừa nhận sẽ trải qua một thời kỳ khó khăn và thường trở nên tồi tệ.”

Có lẽ Geissler cảm thấy có chút ác ý ở con người thừa hành luật pháp béo tốt tụt mãi này; ông nói:

“Erasmus từng là con hoang.”

“Erasmus...?”

“Erasmus ở Rotterdam. [\[12\]](#)”

“Ừm.”

“Và Leonardo cũng thế.”

“Leonardo da Vinci? Thật vậy ư? Chà, dĩ nhiên, có những ngoại lệ, nếu không thì sẽ không có quy luật gì cả. Nhưng trên tổng thể...”

“Chúng ta ban hành những biện pháp bảo vệ đối với thú vật và chim muông,” Geissler nói, “có vẻ khá lạ lùng, phải không, chứ không lo lắng về những trẻ con của chính loài người chúng ta?”

Viên luật sư công tố với tay một cách chậm rãi và đầy phẩm giá về phía một số giấy tờ trên bàn, như một gợi ý rằng ông ta không có thời giờ để tiếp tục cuộc thảo luận. “Vâng,” ông ta nói với vẻ lơ đãng, “vâng, không ngờ gì nữa...”

Geissler bày tỏ lời cảm ơn cho một cuộc chuyện trò rất bổ ích và bước đi.

Ông lại vào ngồi trong tòa, có mặt đúng giờ. Không phải ông không thấy hài lòng, có lẽ, khi cảm nhận được quyền lực của mình; ông đã biết về một mảnh vải bọc cụ thể, cắt ra từ một cái áo sơ mi đàn ông, để mang – chúng ta cứ cho là vài nhánh cây để làm chổi; về thi thể của một đứa trẻ sơ sinh trôi dạt dềnh ở cảng Bergen – phải, ông có thể làm cho mọi sự trở nên tệ hại đối với tòa án nếu muốn; một lời nói của ông sẽ có tác động như một ngàn lưỡi kiếm. Nhưng chắc chắn là Geissler không dự định nói ra lời đó vào lúc này trừ phi nó là cần thiết. Mọi chuyện đang diễn ra êm ả mà không cần tới nó; ngay cả viên luật sư công tố cũng đã tuyên bố rằng ông ta đứng về phía bị cáo.

Mọi người vào phòng, và vụ án được tiếp tục xét xử.

Một vở hài kịch thú vị để xem ở một thị trấn nhỏ. Vẻ nghiêm nghị cảnh giác của viên luật sư công tố, lời hùng biện đầy cảm xúc của luật sư biện hộ. Tòa án ngồi lắng nghe những gì đã xảy ra theo đúng bốn phạm của mình đối với vụ án của một cô gái tên là Barbro, và cái chết của con cô ta.

Với tất cả những điều đó, nói cho cùng đây không phải là một vấn đề dễ dàng quyết định. Công tố viên là một người trông rất chính tề, và không ngờ gì cũng là một người có tấm lòng nhân hậu, nhưng mới vừa rồi có điều gì đó đã làm cho ông ta khó chịu, hoặc có lẽ ông ta chợt nhớ ra rằng ông ta nắm giữ một văn phòng của Nhà nước và buộc phải hành xử từ quan điểm đó. Một điều khó hiểu, nhưng lúc này rõ ràng ông ta không sẵn sàng tỏ ra khoan dung hơn ông ta đã tỏ ra trong suốt buổi sáng; nếu tội ác đã được tiến hành, ông ta nói, đó là một vấn đề nghiêm trọng, và mọi sự trông sẽ rất u ám nếu chúng có thể như thế, và chắc chắn là chúng rất đen tối theo như lời chứng thực mọi người đã nghe thấy từ các nhân chứng. Đó là một vấn đề quan trọng mà tòa phải quyết định. Ông ta muốn tập trung chú ý vào ba điểm: trước hết, trước mặt họ có phải là một vụ che giấu việc sinh nở hay không; điều này có rõ ràng đối với tòa án hay chưa. Ông ta đưa ra vài nhận xét cá nhân về chủ đề này. Điểm thứ hai là miếng vải quần, một mảnh áo sơ mi – tại sao bị cáo mang theo nó? Có phải là để dùng nó cho một mục đích đã được tiên liệu trước? Ông ta phát triển đề xuất này xa hơn. Quan điểm thứ ba của ông ta là vụ chôn cất có vẻ vội vã và đáng nghi ngờ, không có một lời khai báo nào về cái chết cho giáo sĩ hoặc ngài Lensmand biết. Ở đây, người đàn ông là kẻ phải chịu trách nhiệm chính, và điều quan trọng nhất là tòa án nên đưa ra một kết luận đúng về khía cạnh này. Vì rõ ràng nếu người đàn ông là một tông phạm, và do đó đã tự mình tiến hành việc chôn cất, khi đó cô gái giúp việc của anh ta ắt đã thực hiện một tội ác trước khi anh ta đồng lõa với nó.

“Hừm,” có ai đó trong tòa thốt lên.

Axel Ström lại cảm thấy mình đang gặp nguy hiểm. Anh ngẩng lên mà không bắt gặp một cái liếc nhìn nào; tất cả mọi con mắt đều gắn vào viên luật sư công tố đang phát biểu. Nhưng, xa xa phía dưới có Geissler đang ngồi, trông rất đổi kiêu kỳ, như thể đang bùng nổ với sự vượt trội của mình, môi dưới của ông trề ra, mặt ông hếch lên trần nhà. Sự thờ ơ cực kỳ này đối với không khí trang nghiêm của tòa án, và cái từ “Hừm” được lớn tiếng thốt ra không chút che đậy đó, đã động viên Axel rất nhiều; anh ta cảm thấy mình không còn đơn độc chống chọi với toàn thế giới.

Và giờ đây mọi chuyện lại chuyển sang tốt đẹp. Cuối cùng dường như viên luật sư công tố này nghĩ rằng ông ta đã thực hiện đủ vai trò, đã đạt được mọi thứ khả dĩ theo cách hướng sự ngờ vực và ác cảm về phía người đàn ông; và ông ta dừng lại. Ông ta còn làm nhiều hơn vậy; có thể nói thế, ông ta gần như nhìn quanh mọi người và không yêu cầu kết án. Ông kết thúc bằng cách nói, rất dài dòng, rằng sau lời chứng thực của các nhân chứng trong vụ án, về phần mình ông ta không kêu gọi tòa án kết tội bị cáo.

Điều này là quá đủ, Axel nghĩ – vụ này thật sự đã kết thúc rồi.

Rồi tới lượt của bào chữa viên, một thanh niên đã học luật, và được giao cho vụ án rất vừa ý này. Tự thân giọng nói cũng đã cho thấy quan điểm của anh ta; chưa từng có người nào tin chắc vào việc bảo vệ một cá nhân vô tội hơn anh ta. Thật ra, trước đó phu nhân Heyerdahl đã nhanh miệng hơn anh ta một bước, đã sử dụng nhiều lập luận theo dự tính của anh ta; anh ta khó chịu vì bà đã khai thác chủ đề “xã hội” trước mình – ồ, nhưng bản thân anh ta cũng có thể nói đôi điều gì đó xuất chúng về xã hội. Anh ta bực tức với sự khoan dung sai lầm của ngài chánh án khi không cắt ngang lời phát biểu của bà; bản thân nó đã là một lời bào chữa, một bản tóm tắt hồ sơ vụ án đã chuẩn bị trước – vậy thì còn lại gì cho anh ta nói nữa?

Anh ta bắt đầu từ buổi đầu câu chuyện đời của cô gái Barbro. Bố mẹ cô không khá giả, dù cần cù và khả kính; cô ta phải ra ngoài giúp việc ở lứa tuổi còn rất trẻ, đầu tiên là ở nhà của ngài Lensmand. Sáng hôm đó, tòa án đã nghe những gì bà chủ của cô ta, phu nhân Heyerdahl, nghĩ về cô ta – không ai có thể mong ước có được một lời giới thiệu tốt đẹp hơn thế. Sau đó Barbro chuyển tới Bergen. Tới đây viên luật sư nhấn mạnh vào một văn bản chứng thực cảm động của hai thương gia trẻ từng thuê mướn Barbro ở Bergen – rõ ràng là ở một vị thế đáng tin cậy. Barbro đã trở về nhà làm việc với tư cách là quản gia cho người đàn ông chưa vợ này trong một huyện ngoại ô. Và nỗi bất hạnh của cô ta bắt đầu từ đây.

Cô ta phát hiện ra mình có mang với người đàn ông này. Lời khuyên đầy hiểu biết của bên công tố đã được đưa ra – theo một cung cách tế nhị và đáng quan tâm nhất, có thể nói thế – về vấn đề che đậy việc sinh con. Barbro có cố tình che giấu tình trạng của mình không; cô ta có chối bỏ việc mang thai đứa bé hay không? Hai nhân chứng, các cô gái đến từ làng của cô ta, đã có ý kiến rằng cô ta đang trong tình trạng có thai; nhưng khi họ hỏi cô ta, cô ta không hề chối bỏ điều đó, cô ta chỉ tránh đề cập tới chuyện này.

Theo lẽ tự nhiên, một thiếu nữ có thể làm gì trong một trường hợp như thế ngoài việc lảng tránh nó? Không ai khác hỏi cô ta về chuyện đó. Tới gặp bà chủ và thú nhận à? Cô ta không có bà chủ; chính cô ta là bà chủ ở đó. Cô ta có một ông chủ, tất nhiên, nhưng người ta không mong

đội một cô gái kể cho một người đàn ông nghe về một vấn đề như thế; cô ta đã tự mình vác lấy cây thập ác của mình; không còn ca hát véo con, không còn huýt sáo, mà chỉ lặng im như một tu sĩ dòng Luyện tâm. Che giấu ư? Không, nhưng cô ta đã giữ kín chuyện đó cho riêng mình.

Đứa trẻ chào đời – một cậu bé xinh xắn và khỏe mạnh; đã sống và thở sau khi lọt lòng, nhưng đã bị chết ngạt. Tòa án đã biết về tình huống liên quan tới vụ sinh nở này: nó đã xảy ra dưới nước; người mẹ bị té xuống suối, và đứa trẻ ra đời, nhưng cô ta không có khả năng cứu nó. Cô ta nằm đó, thậm chí không thể đứng lên cho tới một lúc sau đó. Trên thi hài không có dấu vết bạo hành nào; không có gì chỉ ra rằng nó đã bị giết chết một cách cố ý; nó đã chết đuối do tai nạn trong lúc chào đời, chỉ có thế. Một lý giải tự nhiên nhất trên đời.

Người đồng nghiệp hiểu biết của anh ta đã nhắc tới một tấm vải bọc, cho là nó có tính chất bí ẩn, không rõ lý do vì sao cô ta lại mang theo mảnh áo sơ mi đó theo vào hôm đó. Bí mật này khá rõ ràng; cô ta đã mang theo mảnh áo để bọc những nhánh cây bách xù. Hẳn cô ta cũng có thể – cứ cho là vậy – mang theo một cái áo gối; như chuyện đã xảy ra, cô ta mang theo một mảnh áo sơ mi. Một thứ cô ta phải có, trong bất kỳ trường hợp nào; cô ta không thể tay trần mang những nhánh cây. Không, chắc chắn không có cơ sở nào để xem chuyện này là một bí ẩn.

Tuy nhiên, có một điểm không hoàn toàn rõ ràng: bị cáo có được quan tâm đối xử theo đúng đòi hỏi của điều kiện bản thân vào thời điểm đó hay không? Chủ của cô ta có đối xử tử tế với cô ta hay không? Chuyện này cũng tốt cho bản thân anh ta nếu nó là như thế. Bản thân cô gái, qua thẩm vấn, đã nói về người đàn ông với sự vừa ý; và tự thân điều này một lần nữa là chứng cứ về tính cách cao thượng của cô ta. Tương tự, về phần người đàn ông, Axel Ström cũng cố gắng không trút thêm gánh nặng lên vai cô gái trong những lời khai của mình, hoặc đổ lỗi cho cô ta dưới bất kỳ hình thức nào. Trong chuyện này anh ta đã hành động đúng – không nói là khôn ngoan, khi thấy rằng trường hợp của anh ta phụ thuộc rất lớn vào những vấn đề đi cùng với cô ta. Bằng cách đổ lỗi cho cô ta, nếu cô ta bị kết tội, anh ta cũng chuốc lấy tai ương cho chính mình.

Không thể cân nhắc các hồ sơ và lời khai trong vụ án mà không cảm nhận một mối đồng cảm sâu xa đối với cô gái trẻ đang trong tình cảnh bị bỏ rơi này. Thế nhưng không cần phải van cầu lòng thương hại cho cô ta, chỉ cần sự công chính thấu hiểu của con người. Cô ta và ông chủ của mình đang trong tình trạng hứa hôn với nhau, nhưng một sự bất tương đồng về tính khí và những mối quan tâm đã ngăn cản việc kết hôn giữa họ. Cô gái này không thể giao phó tương lai của mình cho một người đàn ông như thế. Đây không phải là một đề tài vui vẻ, nhưng có thể có ích khi quay lại trong giây lát vấn đề của tấm vải bọc đã nói lúc nãy; nên lưu ý rằng cô gái đã mang theo, không phải là một trong những quần áo lót của mình, mà là một trong những cái áo sơ mi của chủ mình. Vấn đề nảy sinh ngay lập tức: phải chăng chính người đàn ông đã cung cấp chất liệu cho mục đích đó? Ở đây, thoát tiên người ta có khuynh hướng nhìn thấy một khả năng, ở bất cứ giá nào, rằng người đàn ông, Axel Ström, đã đóng một vai trò nào đó trong vụ việc.

“Hừm,” ai đó trong tòa án thốt lên. Rất lớn và gay gắt, thật sự, đến độ diễn giả phải dừng lại, và tất cả ngoảnh lại để nhìn xem ai chịu trách nhiệm cho sự cắt ngang đó. Ngài chánh án cau mày.

Nhưng, viên luật sư biện hộ tiếp tục nói, lấy lại tinh thần, về phương diện này, chúng ta cũng có thể an tâm, nhờ vào chính bản thân bị cáo. Có vẻ như rất có lợi cho cô ta khi phân chia tội lỗi ở đây, nhưng cô ta không hề nỗ lực làm như vậy. Cô ta đã hoàn toàn xóa bỏ bất kỳ tội lỗi đồng lõa nào cho Axel Ström từ thực tế rằng cô ta đã lấy áo sơ mi của anh ta thay vì thứ gì đó của mình trên đường tới con suối – nghĩa là trên đường vào rừng để thu lượm nhánh bách xù. Không có một nguyên do nhỏ nhất nào để nghi ngờ sự quả quyết của bị cáo ở điểm này; những lời khai của cô ta đã được thấy là ăn khớp với những sự kiện, và sự tương đồng là chứng cứ cho vụ án về điều này. Nếu người đàn ông đã trao cho cô ta cái áo, cũng có nghĩa là việc giết đứa bé đã được dự tính sẵn – bị cáo, đáng tin như đã chứng tỏ, thậm chí đã không cố trút lên người đàn ông một tội ác chưa bao giờ được thực hiện. Thái độ từ đầu đến cuối của cô ta đều thẳng thắn và cởi mở một cách đáng khen; cô ta không cố trút tội lên những người khác. Có những ví dụ thường xuyên về cảm xúc tế nhị này ở phía bị cáo trước phiên tòa, ví dụ, thực tế rằng cô ta đã cố hết sức quẩn đứa bé lại khăn hoàng, và chôn cất nó một cách tươm tất, như ngài Lensmand đã tìm thấy.

Tới đây ngài chánh án xen vào, chỉ là vấn đề hình thức, nhận xét rằng cái mộ mà ngài Lensmand tìm thấy là cái mộ thứ hai – cái mộ mà Axel đã chôn xác chết sau khi lấy nó ra khỏi cái mộ đầu tiên.

“Đúng, đúng là như thế. Tôi xin tiếp nhận sự chỉnh lý,” viên luật sư nói, với tất cả sự kính trọng đúng đắn dành cho ngài chủ tọa phiên tòa. Hoàn toàn đúng. Nhưng... chính Axel đã khai rằng anh ta chỉ mang đứa bé ra khỏi cái mộ này và đặt nó vào cái mộ kia. Và không ngờ gì rằng một người phụ nữ có khả năng quẩn bọc một em bé tốt hơn là một người đàn ông – và ai là người giỏi nhất? Chắc chắn là bàn tay dịu dàng của một người mẹ.

Ngài chánh án gật đầu.

Trong bất kỳ trường hợp nào – có khả năng rằng cô gái này – nếu cô ta thuộc dạng người khác – đã chôn đứa bé trần truồng hay chẳng? Thậm chí người ta còn có thể đi xa hơn khi nói rằng hẳn cô ta cũng có thể ném nó vào một cái giỏ đựng rác. Cô ta có thể bỏ mặc nó dưới một gốc cây ngoài đất trống, bị đóng băng cho tới chết – nghĩa là, dĩ nhiên, nếu nó chưa chết. Cô ta có thể bỏ nó vào bếp lò khi ở nhà một mình, và thiêu rụi nó. Cô ta có thể mang nó ra con sông ở Sellanraa và ném nó xuống đó. Nhưng người mẹ này không làm chuyện nào trong những điều trên; cô ta cẩn thận quẩn nó trong một mảnh vải và chôn cất nó. Và nếu cái thi hài được tìm thấy có quẩn bọc cẩn thận khi cái mộ được mở ra, chắc chắn phải là một người đàn bà chứ không phải một người đàn ông đã quẩn nó như thế.

Tới đây, viên luật sư bào chữa tiếp tục, việc xác định hình thức tội lỗi nào có thể áp dụng cho cô gái Barbro có liên quan là tùy thuộc vào tòa án. Không còn lại gì nhiều để có thể kết tội cô ta – thật ra, theo ý kiến tư vấn của anh ta, không hề có chứng cứ gì. Trừ phi tòa án tìm ra lý do để kết tội về việc không khai báo về cái chết. Nhưng một lần nữa, ở đây, đứa bé đã chết, và không thể làm được gì sau đó; nơi đó nằm sâu giữa rừng hoang, cách xa chỗ của giáo sĩ hoặc ngài Lensmand nhiều dặm; khá là tự nhiên, chắc chắn thế, khi để cho nó ngủ giấc ngủ muôn đời trong một cái mộ gọn gàng giữa khu rừng. Và nếu chôn nó như thế là một tội ác, vậy thì kẻ có tội nhiều hơn phải là cha đứa bé – có thể nói, khinh tội này chắc chắn là đủ nhẹ để có thể bỏ qua. Thực hành pháp luật hiện đại đang ngày càng có xu hướng nhấn mạnh vào việc cải tạo tội

ác hơn là trừng phạt nó. Một hệ thống tìm cách áp dụng sự trừng phạt lên mọi con người đã trở nên lỗi thời – nó là thứ pháp luật báo thù của Kinh Cựu ước, mắt trả mắt và răng trả răng. Tinh thần của thứ luật pháp đó không còn nữa vào thời hiện đại. Luật pháp ngày nay nhân đạo hơn, luôn tìm cách tự điều chỉnh nó theo mức độ của dự định và mục đích phạm tội được thể hiện trong từng vụ án.

Không! Tòa án không bao giờ có thể kết tội cô gái này. Đây không phải là đối tượng của một cuộc xét xử để bảo toàn một sự bổ sung cho con số phạm nhân, mà đúng hơn là để giữ lại cho xã hội một thành viên tốt và hữu ích. Cũng nên lưu ý rằng giờ đây bị cáo đã có một viễn cảnh tương lai nơi cô ta sẽ nằm dưới sự giám sát tốt nhất có thể. Phu nhân Heyerdahl, từ sự hiểu biết thân quen về cô gái, và từ kinh nghiệm làm mẹ quý giá của mình, đã mở rộng cửa nhà mình để đón nhận cô gái; tòa án nên lưu tâm tới gánh nặng trách nhiệm gắn liền với quyết định này, và sẽ kết tội hoặc tha bổng bị cáo. Cuối cùng, anh ta muốn bày tỏ lòng biết ơn tới viên luật sư công tố giàu hiểu biết, người đã quảng đại không đưa ra yêu cầu kết tội – một chứng cứ đẹp đẽ của sự thấu hiểu sâu sắc và nhân từ.

Viên luật sư bào chữa ngồi xuống.

Phần còn lại của phiên tòa không kéo dài lắm. Việc tổng kết chỉ là sự lặp lại cùng một số điểm trước đó, nhìn từ các góc độ khác nhau, một bản tóm lược về hành vi, khô khan, khó hiểu và đáng nể. Nó đã được soạn để tất cả đều thấy hài lòng thỏa dạ; cả hai bên công tố và bào chữa đã chỉ ra những gì tòa án nên cân nhắc, và ngài chánh án thấy công việc của ông khá dễ dàng.

Ánh sáng được thả lên trong hai ngọn đèn treo trên trần nhà – một thứ ánh sáng khốn khổ, ngài chánh án hầu như không thể đọc được những ghi chép của mình. Ông nghiêm nghị nhắc lại quan điểm rằng cái chết của đứa bé đã không được thông báo theo đúng thể thức cho những người có thẩm quyền – nhưng điều đó, dưới những hoàn cảnh nhất định, nên được xem là bốn phần của người cha hơn là của người mẹ, dựa vào tình trạng yếu ớt của cô ta lúc đó. Khi đó tòa án sẽ phải xác định có trường hợp bất kỳ nào được chứng minh là có liên quan tới việc che giấu việc sinh nở và giết trẻ sơ sinh hay chẳng. Tới đây các chứng cứ được tóm lược lại từ đầu tới cuối lần nữa. Rồi tới huấn thị của tòa về ý thức trách nhiệm, mà cả tòa đã nghe trước đó, và cuối cùng, lời nhắc nhở thường xuyên rằng trong trường hợp có nghi ngờ, cán cân công lý được phép nghiêng sang phía có lợi cho bị cáo.

Và giờ đây tất cả đã sáng tỏ và sẵn sàng.

Các quan tòa rời phòng xét xử và đi vào một căn phòng khác. Họ sẽ xem lại tờ giấy có những câu hỏi cụ thể mà một trong số họ cầm theo. Họ rời phòng trong năm phút, sau đó quay lại với một câu trả lời “Không” cho tất cả các câu hỏi.

Không, cô gái Barbro không giết con của cô ta.

Sau đó ngài chủ tọa phiên tòa nói thêm vài lời, và tuyên bố rằng giờ đây Barbro được tự do.

Mọi người rời khỏi phòng xét xử, vở hài kịch đã kết thúc....

Có ai đó nắm lấy cánh tay của Axel Ström. Đó là Geissler. “Hừm,” ông nói, “thế là giờ cậu đã qua được vụ này!”

“Phải,” Axel đáp.

“Nhưng họ đã khiến cậu phí mất nhiều thời gian cả vì cái gì cả.”

“Phải,” Axel lại đáp. Nhưng anh đã dần bình thường lại, và sau một lúc anh nói thêm: “Dù sao thì tôi mừng là nó đã không tệ hơn.”

“Không tệ hơn?” Geissler nói. “Ta thích nhìn họ cố gắng xem sao!” Ông nói với sự nhấn mạnh, và Axel nghĩ rằng hẳn Geissler đã làm điều gì đó trong vụ án này; rằng ông ta đã can thiệp vào. Nói cho cùng, có Trời đất biết có phải chính Geissler đã dẫn dắt toàn bộ phiên tòa và đạt được kết quả ông mong muốn hay không. Dù sao thì đó cũng là một bí mật.

Ít nhất Axel cũng hiểu rằng Geissler đã đứng về phía anh từ đầu tới cuối.

Anh nói, giơ tay ra: “Tôi rất cảm ơn ông.”

“Vì cái gì?” Geissler hỏi.

“Sao, vì... vì tất cả những chuyện này.”

Geissler ngắn gọn dập tắt nó. “Ta chẳng làm gì hết. Nếu không có rắc rối, bất kỳ điều gì... thì chẳng đáng công.” Nhưng dù sao đi nữa, không phải Geissler không hài lòng, có lẽ, khi được cảm ơn; như thể ông đã chờ đợi nó, và giờ nó đã tới. “Bây giờ ta không có thời giờ để đứng chuyện trò. Mai hãy quay lại, được không? Tốt. Vậy thì tạm biệt, và chúc cậu may mắn.” Và ông lững thững băng qua đường.

Trên con thuyền quay về nhà, Axel chạm trán ngài Lensmand và vợ của ông ta, Barbro và hai cô gái được mời làm nhân chứng.

“Sao, anh có mừng không khi mọi chuyện hóa ra tốt đẹp như thế?” Phu nhân Heyerdahl hỏi.

Cả ngài Lensmand cũng xen vào một câu: “Đây là vụ án thứ hai loại này mà ta gặp trong lúc ta ở đây – đầu tiên là với Inger ở Sellanraa, và giờ là vụ này. Không, không hay ho gì khi cố ủng hộ loại chuyện thế này – công lý phải ra tay.”

Nhưng chắc chắn là phu nhân Heyerdahl đoán rằng Axel không vui lắm với phát biểu của bà hôm trước, và cố xoa dịu anh, để bù đắp lại chút nào hay chút đó. “Anh có hiểu chứ, dĩ nhiên, vì sao tôi phải nói tất cả những điều đó về anh ngày hôm qua?”

“Ừm, vâng,” Axel đáp.

“Tất nhiên là anh hiểu, tôi biết. Anh không nghĩ là tôi muốn làm cho mọi chuyện thêm khó khăn cho anh chứ. Tôi luôn nghĩ tốt về anh, và tôi không ngại nói ra điều đó.”

“Phải,” Axel đáp, chỉ thế không hơn. Nhưng anh hài lòng và cảm động với những lời nói của bà ta.

“Phải, tôi nghĩ thế đấy,” phu nhân Heyerdahl nói. “Nhưng tôi buộc phải cố gắng chuyển hướng sự buộc tội qua phía anh một chút, không thì Barbro sẽ bị kết án, và cả anh nữa. Tất cả là vì điều tốt nhất, thật sự là vậy.”

“Tôi rất cảm ơn sự tử tế của bà,” Axel nói.

“Và chính là tôi chứ không phải ai khác đã đi gặp hết người này sang kẻ khác ở đó, cố làm những gì tôi có thể cho cả hai người. Và anh thấy đó, dĩ nhiên, rằng tất cả chúng tôi phải làm cùng một việc – làm ra vẻ như anh cũng có một phần trách nhiệm, và do thế mà cứu thoát cả hai vào phút chót.”

“Phải,” Axel nói.

“Chắc chắn là không giây phút nào anh tưởng tượng được rằng tôi có ý định làm hại tới anh đấy chứ? Khi tôi luôn nghĩ rất tốt về anh!”

Phải, thật là tốt khi nghe tất cả những câu xuống nước như thế. Ở bất cứ giá nào, Axel cũng xúc động tới độ anh cảm thấy phải làm một điều gì đó, tặng cho phu nhân Heyerdahl thứ này hay thứ khác, bất cứ thứ gì anh có thể tìm ra – một súc thịt, có lẽ, khi mùa thu đã tới. Anh có một con bò đực trẻ...

Phu nhân Heyerdahl đã giữ lời; và đưa Barbro tới sống với mình. Trên boong của con tàu hơi nước, bà cũng chăm sóc cho cô gái, và lo cho cô không quá lạnh, quá đói, bà cũng lưu tâm tới việc không để cho cô có chuyện không hay với người bạn trai đến từ Bergen. Lần đầu tiên nó xảy ra, bà không nói gì, chỉ gọi Barbro tới gặp bà. Nhưng một lát sau đó Barbro lại cặp kè với anh ta, đầu ngã sang một bên, nói giọng Bergen và mỉm cười. Khi đó bà chủ của cô gọi cô tới và bảo:

“Thật đấy, Barbro, lúc này cô không nên tiếp tục như thế giữa đám đàn ông. Hãy nhớ tới những gì cô vừa trải qua, và cô tới từ đâu.”

“Tôi chỉ nói chuyện với anh ta một phút,” Barbro đáp. “Tôi nghe nói anh ta đến từ Bergen.”

Axel không nói gì với cô. Anh để ý thấy hiện giờ cô xanh xao và da dẻ đã trở nên sạch sẽ, có bộ răng tốt hơn. Cô không đeo chiếc nhẫn nào của anh...

Và giờ đây Axel lại một lần nữa lê bước đi lên mảnh đất của mình. Trời mưa gió, nhưng anh vui tận đáy tim; một cái máy cắt cỏ và một cái máy bừa đang nằm dưới bến cảng; anh đã nhìn thấy chúng. Ôi cái ngài Geissler đó! Lúc ở trong thị trấn ông ta không hề nói lời nào về món quà mà ông ta đã gửi. Phải, Geissler, một con người sâu thẳm khôn dò.

[\[12\]](#) Desiderius Erasmus Roterodamus (1466 – 1536), giáo sĩ, nhà nghiên cứu thần học Hà Lan.

CHƯƠNG VIII

Hóa ra Axel không có nhiều thời gian để ngồi nghỉ ở nhà. Những cơn gió mạnh mùa thu đã mang tới rắc rối và phiền nhiễu mới cho công việc mà anh đã tự chuốc vào mình: cái máy điện thoại trên tường nhà anh thông báo rằng đường dây đã bị đứt.

Ồ, nhưng anh đã suy nghĩ quá nhiều tới tiền, chắc chắn là thế, khi anh nhận vị trí đó. Ngay từ đầu, nó đã là một mối phiền hà. Brede Olsen đã thẳng thừng đe dọa anh khi anh xuống để lấy cái máy điện thoại và các thứ dụng cụ. Phải, y đã nói nhiều lời:

“Có vẻ như cậu không nhớ tôi đã cứu mạng cậu thế nào hồi mùa đông năm ngoái!”

“Oline mới là người cứu mạng tôi,” Axel đáp.

“Thế hử, thật là! Vậy không phải tôi đã cõng cậu trên đôi vai còm cõi của tôi sao? Dù sao đi nữa, cậu khá thông minh khi mua nhà tôi vào mùa hè và mặc cho tôi vô gia cư vào mùa đông.” Phải, Brede đã bị tổn thương sâu sắc; y nói tiếp:

“Nhưng cậu cứ nhận lấy đường dây cho tôi, tất cả mọi thứ vụn vặt của nó. Tôi và người nhà của tôi sẽ chuyển xuống làng và khởi sự một công việc làm ăn gì đó ở dưới – cậu không biết đó là gì đâu, nhưng cứ chờ xem. Một khách sạn nơi mọi người có thể ngồi uống cà phê thì sao nhỉ? Cậu thấy đó, chúng tôi cũng xoay sở tốt. Ở đó vợ tôi có thể bán những thứ đồ ăn thức uống cũng như các thứ khác, và tôi có thể ra ngoài kinh doanh buôn bán, kiếm được nhiều tiền hơn cậu từng làm ra trước giờ. Nhưng tôi không ngại nói với cậu, Axel, tôi có thể làm cho cậu điều đúng theo nhiều cách lạ lùng, với tất cả những gì tôi biết về điện thoại và các thứ; phải, cả việc nhổ mấy cái cột lên lẩn cắt đứt đường dây các thứ là những chuyện khá dễ dàng, và rồi cậu sẽ phải chạy ra ngoài để coi sóc nó vào thời điểm bận bịu. Đó là tất cả những gì tôi định nói với cậu, Axel, và cậu gắng mà nhớ lấy...”

Lẽ ra giờ là lúc Axel xuống bến cảng để đưa những cỗ máy về nhà – tất cả đều mạ vàng và rực rỡ màu sắc, trông như những bức tranh. Và anh có thể ngắm nghía chúng suốt ngày hôm đó, tìm hiểu cách sử dụng chúng – nhưng giờ chúng phải nằm chờ ở đó. Chả vui vẻ gì khi phải gác sang bên tất cả những công việc cần thiết để chạy ra coi sóc một đường dây điện tín. Nhưng đó là tiền...

Anh bắt gặp Aronsen ở đỉnh đồi. Phải, tay nhà buôn Aronsen đang đứng nhìn ra trận bão, bản thân gã cũng giống như một ảo ảnh. Gã muốn gì ở đó? Lúc này đầu óc gã không có chút yên bình, nhưng gã phải đích thân đi lên cao nguyên và tận mắt nhìn khu mỏ. Và bạn thấy đó, Aronsen làm chuyện này là xuất phát từ ý nghĩ thật sự nghiêm chỉnh về tương lai của bản thân và gia đình mình. Gã đứng đó, đối mặt với sự quanh hiu trần trụi trên những ngọn đồi bỏ hoang, những cỗ máy nằm đó chờ han rỉ, những chiếc xe ngựa và mọi thứ vật liệu bị bỏ mặc ngoài trời – thật nản lòng khi trông thấy tình cảnh đó. Đây đó trên những bức vách của mấy túp lều là những tờ áp phích và những thông báo viết tay, ngăn cấm bất kỳ ai phá hỏng hay lấy đi tài sản của công ty – các thứ dụng cụ, những chiếc xe hay các công trình xây dựng.

Axel dừng lại để trao đổi vài lời với tay nhà buôn nổi điên, và hỏi có phải gã ra ngoài săn bắn hay không.

“Bắn à? Phải, giá mà tôi có thể tới gần hắn ta!”

“Hắn ta? Ai vậy?”

“Sao nữa, hắn ta, kẻ đang phá hủy cuộc đời tôi và tất cả những người còn lại quanh đây. Kẻ không chịu bán miếng đất cao nguyên của hắn và cho phép mọi thứ hoạt động trở lại, để việc buôn bán và tiền bạc lại lưu thông hết như hồi trước.”

“Vậy theo ý của anh ông ta là Geissler, phải không?”

“Phải, tôi muốn nói tới hắn. Nên bị bắn bỏ!”

Axel bật cười và nói: “Cách đây vài hôm Geissler ở thị trấn; lẽ ra anh nên nói chuyện với ông ta ở đó. Nhưng nếu tôi bạo gan dám nói, nói cho cùng, tôi ngờ rằng tốt hơn anh nên để cho ông ta yên thân.”

“Tại sao?” Aronsen giận dữ hỏi.

“Tại sao à? Tôi cho rằng rốt cuộc ông ta khôn ngoan hơn anh và rất bí ẩn.”

Họ cãi nhau một lát về chuyện này, và Aronsen trở nên kích động hơn bao giờ hết. Cuối cùng Axel hỏi đùa: “Dù sao thì anh cũng không làm mất giận với tất cả chúng tôi và bỏ đi, mặc cho chúng tôi ở lại vùng hoang vu này chứ?”

“Hừ! Nghĩ là tôi sẽ quanh quẩn một cách ngu ngốc ở đây trong cái đầm lầy của các anh và chẳng bao giờ bán được một cái tàu thuốc à?” Aronsen phẫn nộ la lên. “Tìm cho tôi một người mua và tôi sẽ bán đứt ngay.”

“Bán đứt à?” Axel nói. “Đất này là vùng đất tốt nếu nó được chăm sóc đúng đắn – và những gì anh có đủ để nuôi sống một người.”

“Không phải tôi đã bảo là tôi sẽ không đụng tới nó hay sao?” Aronsen lại la lên trong cơn giận. “Tôi có thể làm tốt hơn chuyện đó!”

Axel nghĩ nếu là vậy, tìm một người mua là chuyện dễ dàng; nhưng Arosen cười khinh miệt với ý nghĩ đó – không có ai ở vùng hoang vu này có đủ tiền để mua lại của gã.

“Không phải ở chốn hoang vu này, có lẽ, nhưng ở nơi khác.”

“Ở đây không có gì ngoài rác rưởi và sự nghèo nàn,” Aronsen cay đắng nói.

“Sao, có thể là vậy,” Axel nói, hơi bị xúc phạm. “Nhưng Isak trên trại Sellanraa có thể mua lại của anh bất kỳ ngày nào.”

“Đừng tin vào điều đó,” Aronsen đáp.

“Với tôi đó là điều duy nhất mà anh phải tin,” Axel đáp và quay đi.

Aronsen gọi với theo: “Nè, chờ chút! Anh vừa nói gì – Isak có thể mua chỗ đó, phải anh đã nói thế không?”

“Phải,” Axel đáp, “nếu chỉ là chuyện tiền nong. Ông ta có đủ để mua năm cái trại như Storborg

của anh!”

Trên đường lên đây, Aronsen đã đi vòng ra xa khỏi Sellanraa, cẩn thận để không bị nhìn thấy; nhưng khi đi xuống, gã ghé vào và nói chuyện với Isak. Nhưng Isak chỉ lắc đầu và nói không, đó là một vấn đề mà anh chưa bao giờ nghĩ tới, và không quan tâm.

Nhưng lễ Giáng sinh năm ấy, khi Eleseus trở về nhà, Isak tỏ ra dễ chịu. Đúng, anh vẫn khư khư cho rằng mua Storborg là một ý tưởng điên rồ, điều đó chưa bao giờ có trong đầu anh; tuy nhiên, nếu Eleseus nghĩ cậu có thể làm được bất cứ điều gì với mảnh đất đó, sao chứ, họ sẽ xem xét lại.

Bản thân Eleseus vẫn lưỡng lự nửa vơi như thường lệ; không chính xác là bồn chồn vì nó; thế nhưng cũng không hoàn toàn thờ ơ. Nếu cậu gầy dựng cơ ngơi ở đó, sự nghiệp của cậu theo hướng khác kể như chấm dứt. Ở đó không giống như trong một thị trấn. Mùa thu ấy, khi nhiều người từ quanh vùng của cậu vào thị trấn để đổi chất ở tòi, cậu thận trọng không lộ mặt ra; cậu không muốn gặp bất kỳ một ai quen biết trong vùng; họ thuộc về một thế giới khác. Và phải chăng giờ đây bản thân cậu đã quay lại chính cái thế giới đó?

Mẹ cậu rất muốn mua chỗ đó; cả Sivert cũng vậy, bảo rằng đó sẽ là điều tốt nhất. Cả hai người đều đeo dính lấy Eleseus, và một hôm cả ba cùng đánh xe xuống Storborg để tận mắt xem qua chỗ đó.

Nhưng khi có một triển vọng bán được, Aronsen trở thành một con người khác; gã không buộc phải tổng khứ nó đi, không hề. Nếu gã ra đi, nơi này có thể đứng vững như trước; nó là một mảnh đất thượng đẳng, một nơi “hái ra tiền” không có khó khăn gì trong việc bán nó vào bất kỳ lúc nào. “Bà sẽ không trả đúng giá của tôi đâu,” gã nói.

Họ đi quanh khắp nhà và cửa tiệm, nhà kho và chuồng gia súc, xem xét những hàng hóa nghèo nàn còn lại, bao gồm vài chiếc khẩu cầm, những sợi dây đồng hồ, những hộp giấy màu thủ công, những cây đèn có treo hình trang trí, tất cả đều không thể bán được cho những thôn dân bần nhạ sinh sống trong vùng. Thêm vài thùng đinh và một số vài hoa, và tất cả chỉ còn có thế.

Eleseus buộc phải khoe mẽ đôi chút, cậu nhìn lướt qua mọi thứ với vẻ hiểu biết và bảo:

“Tôi chẳng dùng những thứ linh tinh đó vào việc gì được.”

“Sao, cậu không buộc phải mua nó,” Aronsen đáp.

“Dù sao, tôi sẽ trả cho ông một ngàn năm trăm Kroner cho chỗ này với những thứ hàng hóa, gia súc và các thứ còn lại,” Eleseus nói.Ồ, cậu quá bất cần; đề nghị của cậu chỉ là một trò khoe khoang, để nói lên điều gì đó.

Và họ đánh xe trở về nhà. Không, không có thỏa thuận nào cả; Eleseus đã đưa ra một đề nghị ngớ ngẩn mà Aronsen xem như một sự sỉ nhục. “Tôi không nghĩ nhiều tới cậu, chàng trai trẻ,” Aronsen nói; phải, gọi cậu là chàng trai trẻ, xem cậu chỉ là một thằng lỏi con tự cao tự đại lớn lên trong thị trấn, và nghĩ là có thể lên lớp cậu, cái gã Aronsen chỉ biết tới giá trị hàng hóa đó.

“Tôi sẽ không cho phép ông gọi tôi là ‘chàng trai trẻ’ thưa ông,” Eleseus nói, tới lượt mình bị xúc phạm. Sau chuyện đó, họ ắt phải là những kẻ tử thù.

Nhưng làm sao Aronsen có thể tỏ ra độc lập và chắc chắn về việc không buộc phải bán nhà đến thế? Có một nguyên do: nói cho cùng, gã có một tia hy vọng nhỏ trong đầu.

Một cuộc họp đã được tổ chức trong làng để xem xét tình hình phát sinh do lời từ chối bán lại khu mỏ của Geissler. Chỉ những cư dân bên ngoài mới thoát khỏi chuyện này, nó là chuyện sống chết đối với toàn huyện.

Giờ đây, làm sao thôn dân có thể sống sung túc hay nghèo túng như trước khi có một cái mỏ xuất hiện? Vâng, họ không thể, và tất cả là thế đó. Họ đã trở nên quen với thực phẩm tốt hơn, bánh mì ngon hơn, những quần áo mua tiệm và những khoản lương cao, nói chung là sự tiêu pha phung phí – phải, thôn dân đã học được cách kiếm ra tiền, và đó là vấn đề. Giờ đây, tiền lại đội nón ra đi, chuồn đi như một bầy cá trích ủa ra biển rộng – đó là một tình cảnh khốn cùng kinh khủng đối với tất cả bọn họ, và họ phải làm gì?

Không còn ngờ gì về chuyện đó: viên cựu Lensmand Geissler đã báo thù cả làng vì họ đã giúp thượng cấp của ông sa thải ông; cũng rõ ràng là lúc ấy họ đã đánh giá ông quá thấp. Ông không đơn giản biến mất và bị bỏ rơi. Bằng thứ phương tiện đơn giản nhất, yêu cầu một cái giá cực kỳ phi lý cho khu mỏ, ông đã thành công trong việc kiểm soát toàn bộ sự phát triển của cả huyện. Phải, một con người mạnh mẽ! Axel Ström ở trại Maaneland có thể xác nhận với họ điều này; anh là người duy nhất đã gặp Geissler lúc gần đây. Cô gái Barbro con của Brede bị xét xử trong thị trấn, và đã được tha bổng về nhà; nhưng Geissler đã có mặt suốt ở tòa án. Và nếu có bất kỳ người nào đề xuất rằng Geissler đã chán nản, trở thành một người bị phá sản, sao chứ, anh ta chỉ việc nhìn những cỗ máy đắt tiền mà chính ngài Geissler đó đã gửi lên cho Axel Ström như một món quà.

Vậy thì người đàn ông này chính là kẻ nắm trong tay mình vận mệnh của toàn huyện; họ sẽ phải đi tới một thỏa thuận nào đó với ông. Rốt cuộc Geissler sẽ chịu chấp nhận cái giá nào cho khu mỏ của ông? Trong bất kỳ trường hợp nào, họ phải biết chắc về điều đó. Những người Thụy Điển đã đề nghị ông hai mươi lăm ngàn, ông đã khước từ. Nhưng giả sử cả làng này, cộng đồng ở đây, sẽ đền bù cho phần còn lại, chỉ để mọi thứ diễn ra như trước thì sao? Nếu đó không phải là một khoản tiền cao tới mức trời ơi đất hỡi, cũng đáng để làm điều đó. Cả tay nhà buôn ở trạm bờ biển và Aronsen ở trại Storborg sẽ sẵn lòng đóng góp một cách riêng tư và bí mật: những khoản tài trợ cống hiến cho một mục đích như vậy về lâu dài sẽ được bồi hoàn.

Kết cục của chuyện đó là có hai người được cử tới gặp Geissler và đặt vấn đề với ông. Và mọi người mong cho họ sớm quay về.

Chuyện là như thế, và Aronsen nuôi dưỡng một tia hy vọng, nghĩ rằng anh ta có thể bảo toàn phẩm giá của mình với bất kỳ một ai tới đề nghị mua đứt Storborg. Nhưng niềm hy vọng đó không kéo dài bao lâu.

Một tuần sau, đoàn đại biểu quay về với một lời từ chối thẳng thừng.Ồ, họ đã làm một chuyện tệ nhất ngay từ lúc khởi đầu, khi chọn Brede Olsen là một trong hai đại diện – họ đã chọn y với tư cách là người có thời gian rảnh rỗi nhất. Họ đã tìm được Geissler, nhưng ông chỉ lắc đầu và cười rộ. “Hãy quay về nhà đi,” ông bảo thế. Nhưng Geissler đã trả tiền cho chuyến trở về của họ.

Vậy là cả huyện đã bị bỏ mặc cho vận mệnh của mình?

Sau một thời gian nổi trận lôi đình và ngày càng trở nên tuyệt vọng, một hôm Aronsen lên trại Sellanraa và gút lại vụ mua bán. Phải, Aronsen đã làm điều đó. Eleseus nhận được nó với cái giá cậu đã đề nghị; đất và nhà và chuồng gia súc; gia súc và hàng hóa, cho một ngàn năm trăm Kroner. Thật sự, khi kiểm tra lại mọi thứ sau đó, người ta phát hiện ra rằng cô vợ của Aronsen đã chuyển phần lớn số vải hoa thành sở hữu riêng của chị ta; nhưng những chuyện vặt vãnh như thế không có nghĩa lý gì đối với một thanh niên như Eleseus. Keo kiệt thì chả làm nên trò trống gì, cậu bảo.

Dù sao đi nữa, Eleseus không thật sự vui mừng với mọi chuyện đã diễn ra – tương lai của cậu giờ đã xác định, cậu sẽ vui mình giữa chốn hoang vu. Cậu phải từ bỏ những kế hoạch lớn lao của mình; cậu không còn là một quý ông trẻ tuổi trong một văn phòng, sẽ không bao giờ trở thành một Lensmand, thậm chí không còn sống trong thị trấn. Với cha mình và những người trong nhà, cậu tỏ ra tự hào vì đã mua được Storborg với chính cái giá mà cậu đã đưa ra – nó cho họ thấy cậu biết mình sẽ làm những điều gì. Nhưng chiến thắng nhỏ nhoi đó không đi xa cho lắm. Cậu cũng hài lòng với việc giữ lại Andresen, tay thư ký, theo thông lệ, được bao gồm trong vụ thương lượng. Aronsen không còn ích lợi gì cho anh ta nữa, cho tới khi anh ta có một nơi mới để đi. Eleseus cảm thấy rất hài lòng khi Andresen lên nài nỉ được cho phép ở lại; ở đây, Eleseus đã là ông chủ và người đứng đầu công việc kinh doanh – lần đầu tiên trong đời cậu.

“Vâng, anh có thể ở lại,” cậu đáp. “Tôi sẽ cần tới một phụ tá để coi sóc nơi này khi tôi đi xa để giao dịch làm ăn – mở ra những giao dịch mới ở Bergen và Trondhjem.”

Và chẳng bao lâu, Andresen đã chứng tỏ việc thu nhận anh ta không phải là một điều sơ suất; anh ta là một người làm việc giỏi, coi sóc mọi thứ rất tốt trong lúc Eleseus đi xa. Chỉ có điều thoát tiên anh ta có khuynh hướng thích khoe mẽ và thủ vai một quý ông, đó là lỗi của ông chủ cũ Aronsen. Giờ thì mọi chuyện khác rồi. Vào mùa xuân, khi những đầm lầy tan băng, Sivert từ Sellanraa xuống để cùng đào mương thoát nước với anh mình, và coi kìa, chính Andresen cũng ra ngoài để đào mương. Có Trời biết cái gì đã ám vào anh ta khi anh ta làm điều đó, vì đây không phải là việc của anh ta, nhưng anh ta là loại người như thế đấy. Nước chưa ngập đủ sâu, và họ không thể làm được nhiều như ý muốn, nhưng đó cũng là một cái gì đó đã hoàn thành, ở bất cứ giá nào. Chính Isak là người đã có ý tưởng thoát nước những đầm lầy ở Storborg và canh tác mảnh đất ở đó một cách đáng hoàng; cái cửa tiệm chỉ là phần phụ trợ, một sự tiện lợi, để giúp những thôn dân không phải đi suốt cả quãng đường xuống làng chỉ để mua một cuộn chỉ.

Thế là Sivert và Andresen đứng đó đào mương, thỉnh thoảng lại trò chuyện với nhau khi họ dừng lại nghỉ tay. Bằng cách nào đó, Andresen đã kiếm được một đồng tiền vàng hai mươi Kroner, và Sivert sẽ vui vẻ nếu có thể sở hữu cái vật sáng lấp lánh đó; nhưng Andresen sẽ không rời khỏi nó – anh ta gói nó trong một mảnh giấy lụa và nhét vào túi ngực. Sivert đề nghị một trận đấu vật cho số tiền đó – để xem ai có thể vật đổ người kia; nhưng Andresen không muốn đánh liều. Sivert đề nghị đặt cược một tờ hai mươi Kroner đáp lại đồng tiền vàng, và sẽ tự thực hiện mọi việc đào mương nếu anh ta thắng; nhưng Andresen xem đó là một sự xúc phạm. “Thế ư, anh ta nói, “và không ngờ gì nữa, cậu muốn trở về nhà và bảo rằng tôi làm lụng trên đất đai không giỏi chút nào!”

Cuối cùng, họ đồng ý đặt cược tờ hai mươi lăm Kroner để đổi lấy đồng tiền vàng hai mươi Kroner, và đêm đó Sivert quay về nhà mình ở Sellanraa để hỏi xin cha cậu số tiền đánh cược.

Một trò đùa nghịch của một thanh niên, một trò chơi thú vị của tuổi trẻ! Vất đi một đêm ngon giấc, đi nhiều dặm đất lên và xuống lại, và ngày hôm sau lại làm việc bình thường – chuyện đó chẳng là gì đối với một thanh niên cường tráng như cậu, và một đồng tiền vàng lấp lánh đáng để làm điều đó. Andresen hay trêu chọc cậu về vụ thỏa thuận, nhưng Sivert không chịu lép vế; cậu chỉ cần buông một lời về Leopoldine: “Nè! Suýt nữa tôi quên mất. Leopoldine nó hỏi thăm anh đó...” Và Andresen đột ngột ngưng tay, mặt đỏ bừng lên như gấc chín.

Những ngày vui thú đối với cả hai, thoát nước và đào mương, gây ra những cuộc cãi cọ kéo dài để làm vui, và làm việc, rồi lại cãi nhau. Thỉnh thoảng, Eleseus ra ngoài và giúp một tay, nhưng chẳng bao lâu cậu đã thấm mệt. Eleseus không mạnh khỏe cả về thân thể lẫn ý chí, nhưng là một gã tốt bụng qua mấy chuyện đó...

“Bà Oline đang tới kìa,” Sivert nói. “Giờ anh phải vào nhà và bán cho bà ấy một gói cà phê đi.” Và Eleseus mừng rỡ đi vào. Bán cho Oline một món vật vĩnh này hay khác cũng có nghĩa là nhiều phút nghỉ ngơi, thoát khỏi việc hắt những thuổng đất nặng nề.

Và Oline, tạo vật khốn khổ đó, thỉnh thoảng bà có thể cần một nhúm cà phê, do bà tình cờ kiếm được chút tiền từ Axel hoặc dùng pho mát sữa dê để trao đổi. Oline không còn hoàn toàn là bà như trước; công việc ở Maaneland quá nặng nhọc đối với bà; giờ bà đã là một cụ già, và tuổi tác đã để lại những dấu vết của nó. Bà chưa bao giờ chịu thú nhận về sự yếu mệt hay già nua của mình. Thế đó! Bà sẽ tìm ra đủ thứ chuyện để nói nếu bà bị đuổi đi. Cứng rắn và không thể kềm chế, đó là Oline; làm công việc của mình, và tìm ra thời gian để la cà tới những người hàng xóm đó đây cho một cuộc cà riềng cà tỏi ra trò. Đó rõ ràng là quyền lợi của bà, và ở Maaneland không hề có ai để ngồi lê đôi mách. Bản thân Axel không thích vụ đó.

Còn về phần vụ án của Barbro, Oline không hài lòng, phải, Oline rất thất vọng. Cả hai đều được tha bổng! Việc con nhỏ Barbro đó được thả ra trong khi Inger ở Sellanraa gánh chịu tám năm tù không phải là điều dễ chịu chút nào đối với Oline; bà cảm thấy một sự bức dọc trái giáo lý đối với một sự thiên vị như thế. Nhưng Đấng Toàn năng sẽ nhìn thấy mọi sự, không ngờ gì nữa, vào lúc Ngài thanh thoi! Và Oline gật đầu, như thể tiên đoán được sự trừng phạt thiêng liêng sẽ xảy đến sau này. Đương nhiên, Oline cũng không hề che giấu sự bất mãn của bà với lời tuyên án của tòa, nhất là khi bà thất bại trong một vụ làm tiền vật vĩnh nào đó với Axel, ông chủ của bà. Khi đó bà sẽ ca cẩm, theo lối nói mềm mỏng cũ, với những lời mỉa mai sâu sắc và cay đắng:

“Phải, thật lạ khi luật pháp ngày nay đã thay đổi đến thế nào, đối với mọi xấu xa tội lỗi của Sodom và Gomorrah: nhưng lời của Chúa Trời sẽ dẫn dắt tôi, như từ trước tới giờ, và một nơi ẩn trú tốt lành cho kẻ ngoan ngoãn.”

Chà, hiện giờ Axel muốn phát ốm và thấy mệt mỏi với người quản gia của anh, chỉ mong cho bà biến tới bất cứ chỗ nào khác. Và lúc này, khi mùa xuân đang quay lại, tất cả công việc đồng áng mùa màng đều phải làm một mình; mùa cắt cỏ khô sắp tới, và anh sẽ làm gì? Thật là một viễn cảnh khốn khổ. Vợ của anh trai anh ở Breidablik đã viết thư gửi về nhà chị ta ở Helgeland, cố tìm một phụ nữ đáng hoàng để giúp đỡ anh, nhưng chưa có chuyện gì xảy ra cả. Và trong bất kỳ trường hợp nào, điều đó có nghĩa là anh phải thanh toán cho chuyến hành trình.

Không, Barbor thật là dễ tiện xấu xa khi rũ bỏ đứa bé rồi cả chính cô ta cũng bỏ đi. Anh buộc

phải giữ lại Oline suốt một mùa hè và hai mùa đông vừa qua, và không thể nói chuyện này có thể kéo dài bao lâu nữa. Còn Barbro, cái sinh vật ấy, cô ta có quan tâm gì hay không? Một hôm trong mùa đông ấy, anh đã nói vài lời với cô ta trong làng, nhưng không hề có tới một giọt nước mắt chảy ra từ mắt của cô ta để đóng băng trên đôi gò má.

“Cô đã làm gì với cặp nhẫn tôi tặng cô?” Anh hỏi.

“Cặp nhẫn?”

“Phải, cặp nhẫn.”

“Hiện giờ tôi không giữ chúng.”

“Thế ư, vậy là hiện giờ cô không giữ chúng?”

“Tất cả những thứ đó là giữa hai chúng ta,” cô ta nói. “Và tôi không thể đeo chúng sau chuyện đó. Đeo những chiếc nhẫn không phải là cách thức khi tất cả đã kết thúc giữa anh và tôi.”

“Được, tôi chỉ muốn biết cô đã làm gì với chúng, thế thôi.”

“Có lẽ muốn tôi trả lại chúng cho anh hả?” Cô ta nói. “Chà, tôi chưa bao giờ nghĩ anh lại đẩy tôi tới việc làm đáng xấu hổ đó.”

Axel suy nghĩ giây lát rồi nói: “Tôi có thể đền bù lại cho cô theo cách khác. Ý tôi là cô sẽ không mất không chúng.”

Nhưng không, Barbro đã tổng khứ cặp nhẫn đi rồi, và không bao giờ cho anh có cơ hội mua lại một chiếc nhẫn vàng và một chiếc nhẫn bạc với một cái giá phải chăng.

Dù sao đi nữa, Barbro không hoàn toàn thô kệch khó thương, không hề. Cô có một cái tạp dề dài buộc qua vai và có những nếp gấp ở hai mép, và một dải vải trắng quấn quanh cổ – phải trông cô khá xinh xắn. Có vài người bảo cô đã tìm được một cu cậu ở dưới làng để hẹn hò, dù nói cho cùng có thể đó chỉ là lời đồn đãi. Ở bất cứ giá nào, phu nhân Heyerdahl đã để mắt trông nom cô, và cẩn thận tới mức không cho phép cô tới dự những cuộc khiêu vũ Giáng sinh.

Phải, phu nhân Heyerdahl rất ư cẩn thận; Axel đang đứng đó trò chuyện với người giúp việc cũ của mình về vấn đề hai chiếc nhẫn, đột nhiên phu nhân Heyerdahl đi tới đứng giữa hai người và nói: “Barbro, tôi nghĩ cô đang tới cửa hàng mà?”

Barbro đi. Và bà chủ của cô quay sang Axel và bảo: “Anh có mang theo xuống đây một ít thịt hay thứ gì đó không?”

“Ừm,” Axel đáp, chỉ có thể và chạm tay vào mũ.

Đó là phu nhân Heyerdahl, người đã khen ngợi anh vào mùa thu trước, bảo rằng anh là một anh chàng tuyệt vời và bà luôn nghĩ tốt về anh; và một lời tốt đẹp như thế đáng được đền đáp lại, không còn ngờ gì nữa. Axel biết cách làm mọi việc; đó là một câu chuyện cũ, khi những người đơn giản giao tiếp với những kẻ cao hơn họ, những kẻ có quyền hành. Và khi đó anh đã nghĩ ngay tới một súc thịt, con bò đực non của anh có thể hữu ích trong chuyện đó. Nhưng thời gian trôi qua, hết tháng này sang tháng nọ, và mùa thu cũng đã trôi qua, nhưng con bò chưa bao giờ bị giết thịt. Và nói cho cùng, có hại gì đâu chứ, nếu anh giữ nó lại cho mình? – Mang nó cho đi, và anh sẽ nghèo thêm rất nhiều. Dù sao, đó là một con thú xinh đẹp.

“Ừm, chúc ngày lành. Không,” Axel đáp, lắc đầu; hôm nay anh không mang theo thịt.

Nhưng hình như phu nhân Heyerdahl đoán được ý nghĩ của anh, vì bà nói:

“Tôi nghe nói anh có một con bò, hay thứ gì khác?”

“Phải, tôi có,” Axel đáp.

“Anh sẽ giữ lại nó chứ?”

“Phải, tôi sẽ giữ lại nó.”

“Tôi hiểu. Anh không có con cừu nào để giết thịt sao?”

“Ngay bây giờ thì không có. Cách thức là như thế. Tôi chưa bao giờ mang theo gì ngoài những thứ đang ở ngay tại nhà.”

“Ồ, tôi hiểu,” phu nhân Heyerdahl nói; “Thôi, chỉ có thế.” Và bà tiếp tục đi.

Axel đánh xe về nhà, nhưng anh không thể ngưng suy nghĩ về những chuyện vừa xảy ra; anh hơi e sợ rằng theo cách nào đó anh đã có một bước đi sai lầm. Vị phu nhân đó từng là một nhân chứng quan trọng; đã ủng hộ và chống lại anh, nhưng dù sao thì cũng quan trọng. Anh đã trải qua một thời gian khó chịu trong vụ đó, nhưng, rốt cuộc cuối cùng anh đã thoát ra khỏi nó, khỏi một vụ việc rất tệ hại dính dáng tới thi hài của một em bé được phát hiện chôn trên mảnh đất của anh. Nói cho cùng, có lẽ tốt hơn anh nên giết con cừu đó.

Và thật lạ lùng, vì nguyên do nào đó ý nghĩ này lại gắn liền với Barbro. Nếu anh mang con cừu xuống đó cho bà chủ của cô, gần như chắc chắn rằng việc đó sẽ tạo một ấn tượng nhất định đối với chính Barbro.

Nhưng rồi những ngày lại trôi qua, và không có điều gì xấu ngăn chúng lại. Lần kế tiếp đánh xe chuẩn bị xuống làng, trong xe của anh vẫn không có con cừu nào, không, vẫn không có cừu. Nhưng vào phút cuối cùng, anh mang theo một con cừu non. Tuy nhiên là một con cừu non lớn; không phải là một con cừu bé tẻo teo, và anh giao nó với những lời sau:

“Nó là thứ thịt không ngon mấy vào thời tiết này, và không phải là một thứ quà để mang tới. Nhưng con cừu non này cũng không tệ lắm.”

Nhưng phu nhân Heyerdahl không muốn nghe tới việc nhận nó như một món quà: “Hãy nói anh muốn bao nhiêu,” bà nói. Chà, một quý bà tốt bụng, bà ta không quen với việc nhận quà của những thôn dân! Và kết cục, Axel nhận được một cái giá khá hời cho con cừu non của mình.

Anh không nhìn thấy bóng dáng Barbro đâu cả. Phu nhân của ngài Lensmand đã nhìn thấy anh, và đã bảo cô tránh mặt. Và sự may mắn đã đi theo cô – cái cô nàng Barbro đã chuẩn đi không giúp đỡ anh suốt một năm rưỡi qua!

CHƯƠNG IX

Mùa xuân ấy một chuyện bất ngờ đã xảy ra – một chuyện thật sự quan trọng. Công việc ở mỏ được khởi động trở lại. Geissler đã bán miếng đất của ông. Thật không thể tưởng tượng nổi! Ô, nhưng Geissler là một bộ óc sâu thẳm khôn dò. Ông có thể mặc cả hay từ chối, lắc đầu để nói “Không” hay gật đầu để nói “Vâng”. Có thể giúp cho cả làng mỉm cười trở lại.

Có lẽ ông đã bị lương tâm cắn rứt; ông không còn tâm trạng bàng quang đứng nhìn cái huyện nơi ông từng làm Lensmand bị chết đói dần mòn do ăn món cháo tự nấu tại nhà và thiếu thốn tiền bạc. Hoặc ông đã bán được mảnh đất của mình với giá một phần tư triệu? Cũng có khả năng rất cuộc chính ông cũng bắt đầu cảm thấy có nhu cầu về tiền bạc, và buộc phải bán với cái giá ông có thể bán. Nói cho cùng, không thể xem thường số tiền hai mươi lăm hay năm mươi ngàn. Thật ra, có những lời đồn rằng chính người con trai cả của ông mới là người đứng ra thay ông xử lý vụ giao dịch.

Dù gì cũng mặc, công việc đã được khởi sự trở lại. Viên kỹ sư cũ quay lại cùng với đội công nhân của mình, và một lần nữa công việc lại được tiếp tục. Phải, vẫn công việc đó, nhưng giờ theo một đường lối khác, như thể đi thụt lùi trở lại.

Tất cả dường như vẫn theo trật tự thông thường: những chủ mỏ người Thụy Điển đã đưa nhân công của họ tới, chất nổ và tiền bạc – dù sao, có thể có điều gì không ổn chứ? Ngay cả Aronsen cũng đã quay lại. Tay nhà buôn đó quyết tâm mua lại Storborg từ tay Eleseus.

“Không,” Eleseus đáp. “Tôi không bán nó.”

“Tôi cho là cậu sẽ bán nếu tôi đưa ra đúng giá?”

“Không.”

Không, Eleseus sẽ không bán Storborg. Sự thật là cậu đã hơi thay đổi quan niệm đối với vị trí này. Nói cho cùng, việc làm ông chủ của một trạm buôn bán trên những ngọn đồi cũng không quá tệ. Cậu có một mái hiên đẹp đẽ với những cửa sổ lắp kính màu, và một viên thư ký đảm nhiệm mọi công việc trong lúc cậu đi đó đi đây. Phải, đi lại trên những chỗ ngồi hạng nhất, với những người cao quý. Có lẽ một ngày nào đó cậu có thể đi xa tận châu Mỹ – cậu thường nghĩ tới điều đó. Ngay cả những chuyến du hành nho nhỏ tới những thị trấn miền nam cũng đã là điều gì đó đáng ghi nhớ mãi về sau. Không phải cậu đã hoàn toàn mất kèm chế để thuê một chiếc tàu hơi nước cho riêng mình và tổ chức những cuộc truy hoan trác táng trên đường – những cuộc truy hoan không có trên đường đi của cậu. Eleseus là một anh chàng kỳ lạ. Cậu không còn quan tâm tới các nàng thiếu nữ, đã hoàn toàn từ bỏ những điều như thế, hoàn toàn mất hứng thú đối với họ. Không, nhưng nói cho cùng, cậu là con trai của ngài Bá tước, đã du lịch trên những chỗ ngồi hạng nhất và đã mua hàng đồng hàng hóa. Và mỗi lần quay về cậu lại đẹp đẽ sang trọng hơn trước đó chút ít, một con người vĩ đại hơn; lần cuối cùng, thậm chí cậu còn mang giày cao su để giữ cho đôi chân khô ráo. “Gì thế, cậu mang tới những hai đôi giày cơ à?” Họ nói.

“Gần đây tôi bị cước ở chân,” Eleseus đáp.

Và mọi người đều cảm thông với Eleseus cùng chứng cước ở chân của cậu.

Những ngày rục rĩ – một cuộc sống lớn lao, với lạc thú vô tận. Không, cậu sẽ không bán Storborg. Sao chứ, quay lại một thị trấn nhỏ xíu và đứng sau quầy tính tiền trong một tiệm tạp hóa tí hon, không có viên thư ký nào của chính mình ư? Ngoài ra, hiện giờ cậu đã quyết định phát triển việc làm ăn lên một quy mô lớn. Những người Thụy Điển đã quay lại và sẽ trút ngập tiền của vào chỗ này; cậu phải là một thằng ngu mới bán nó đi vào lúc này. Mỗi lần tới đó, Aronsen buộc phải trở về với một lời từ khước thẳng thừng, ngày càng cảm phần vì sự thiếu nhìn xa trông rộng của mình khi từ bỏ chốn này.

Ồ, nhưng lẽ ra Aronsen có thể tránh cho mình một thỏa thuận mang lại nhiều ân hận, và Eleseus cùng những kế hoạch và dự tính của cậu cũng vậy. Lẽ ra cậu có thể duy trì ở mức độ khiêm tốn. Và trên hết, lẽ ra cả làng đã sống ổn hơn nếu ít tự tin hơn, thay vì đi lòng vòng mỉm cười và xoa xoa hai tay như những thiên sứ chắc ăn sẽ được ban phúc lành – họ chẳng việc gì làm như thế giá như họ biết. Vì giờ đây sự thất vọng đã nảy sinh, và đó không phải là một thất vọng nhỏ nhoi. Nào có ai ngờ tới điều này. Công việc ở khu mỏ đã bắt đầu trở lại, đúng thế – nhưng ở đầu kia cao nguyên, cách xa tám dặm, ở ranh giới phía nam mảnh đất của Geissler, hoàn toàn nằm trong một huyện khác, một huyện mà họ chưa từng biết tới. Và công việc sẽ từ đó tiến dần lên hướng bắc về phía khu mỏ ban đầu, khu mỏ của Isak, một phúc lành đối với cư dân trong vùng hoang dã và trong làng. Nhưng ít nhất việc này cũng phải mất nhiều năm, bất kỳ con số nào của nhiều năm, cả một thế hệ.

Tin tức đó đến như một cú nổ nặng nề, gây choáng váng ù tai. Cư dân trong làng bị nỗi đau hạ gục. Một số người đổ lỗi cho Geissler. Chính Geissler, gã đàn ông quý sứ đó, đã một lần nữa chơi xỏ họ. Một số khác tập trung lại với nhau trong một cuộc họp và cử một đoàn đại diện mới bao gồm những người đáng tin cậy, lần này tới gặp công ty mỏ và viên kỹ sư. Nhưng chẳng gặt hái được gì; viên kỹ sư giải thích rằng ông ta buộc phải bắt đầu công việc từ phía nam vì chỗ đó gần biển nhất, tiết kiệm được nhu cầu sử dụng cáp treo, giảm thiểu việc vận chuyển gần như xuống con số không. Không, công việc phải bắt đầu theo cách đó; không có gì phải nói thêm.

Thế rồi chính anh chàng Aronsen đã đứng lên ngay lập tức và lên đường tới khu làm việc mới, miền đất hứa mới. Thậm chí gã còn cố rủ rê Andresen cùng đi với mình: “Cậu có điên không mà ở lại cái vùng hoang dã này?” Gã nói. “Đi với tôi thì tốt hơn nhiều.” Nhưng Andresen sẽ không bỏ đi; thật là không thể hiểu nổi, nhưng chuyện là thế, có cái gì đó đã giữ chân anh ta lại chốn này; dường như anh ta đã phát triển, đã mọc rễ ở đây. Hẳn là Anderssen đã đổi thay, vì nơi này vẫn y nguyên như trước. Cư dân và mọi thứ đều không thay đổi. Công việc khai mỏ đã chuyển sang những vùng đất khác, nhưng dân cư trong vùng hoang dã không mất cân bằng vì chuyện đó. Họ có đất đai của mình để canh tác, có mùa màng, gia súc của mình. Không giàu có về tiền bạc, đúng vậy, nhưng giàu có về tất cả những gì cần thiết cho cuộc sống, phải, hoàn toàn có đủ mọi thứ.

Ngay cả Eleseus cũng không thấy khốn khổ vì dòng suối vàng đã chảy sang hướng khác. Điều tệ hại nhất trong chuyện này là trong chuyến hàng đầu tiên cậu đã mua những lượng lớn các

thứ hàng giờ đây không thể bán được. Tốt, chúng có thể nằm đó chờ thời; ở bất cứ giá nào, có nhiều hàng hóa trong một cửa tiệm thì trông vẫn khá hơn.

Không, một người đàn ông của vùng hoang địa sẽ không thoái chí nản lòng. Giờ đây bầu không khí vẫn không kém trong lành hơn trước; có đủ cư dân để tán thưởng những quần áo mới; không cần tới những hạt kim cương. Rượu vang là thứ mà anh ta biết tới trong bữa tiệc ở Cana. Một người trong vùng hoang địa không quy ngã với ý nghĩ về những thứ lớn lao mà anh ta không thể đạt tới: nghệ thuật, báo chí, những thứ xa hoa, chính trị, và những thứ đại loại như thế chỉ đáng giá với cái mà người dân sẵn lòng trả tiền cho chúng, không hơn. Sự tăng trưởng của đất là một điều gì đó hoàn toàn khác, một điều phải được thực hiện với bất cứ giá nào. Nguồn tài nguyên duy nhất, nguồn gốc của mọi thứ. Một sự hiện hữu tối tăm và hiu quạnh? Phải, chỉ là chuyện nhỏ. Một người đàn ông có đủ mọi thứ; những quyền năng ngự trị bên trên hắn, những giấc mơ của hắn, những tình yêu, kho tàng mê tín của hắn. Một đêm nọ, khi Sivert đang bước cạnh dòng sông, cậu chợt dừng phắt lại. Trên mặt nước đằng kia có một cặp vịt trời, một trống và một mái. Chúng đã nhìn thấy cậu. Chúng nhận ra con người, và e sợ. Một trong hai con nói gì đó, thốt ra một âm thanh nho nhỏ, một giai điệu có ba tông, và con kia đáp lại tương tự. Rồi chúng cất cánh bay lên, lượn thành những vòng tròn nhỏ cách mặt sông một tầm ném đá, rồi lại đáp xuống. Rồi, giống như lúc này, một con nói và con kia đáp lại; cùng câu nói như lúc đầu, nhưng đánh dấu một niềm hân hoan mới: nó được cất lên cao hơn hai bát độ! Sivert đứng nhìn hai con chim, nhìn xuyên qua chúng, xa vào một giấc mơ.

Một âm thanh đã bình bồng trôi qua cậu, một cảm xúc ngọt ngào, và bỏ lại cậu đứng đó với một hồi ức dịu nhẹ, mong manh về một điều gì đó hoang dại và tuyệt vời, một điều gì đó cậu từng biết trước kia, rồi lại quên đi. Cậu thả bước về nhà trong thinh lặng, không nói một lời về nó, không khoắc lác về nó. Đó không phải là thứ để diễn tả bằng lời. Và chính Sivert ở Sellanraa, một đêm thả bộ ra ngoài, còn trẻ trung và bình thường như thế, đã bắt gặp điều này.

Đó không phải là thứ duy nhất cậu bắt gặp – còn có những cuộc phiêu lưu khác. Một vấn đề khác đã xảy ra: Jensine sẽ rời khỏi Sellanraa. Và chuyện đó khiến cho tâm trí của Sivert vô cùng xáo trộn.

Phải, chuyện đã tới nước đó: Jensine sẽ rời khỏi, nếu muốn; cô muốn thế.Ồ, Jensine không phải là một trong số những người tầm thường, không ai có thể nói như thế. Đã có lần Sivert đề nghị đánh xe đưa cô trở về nhà ngay, và lần đó cô đã khóc, tội nghiệp cho cô; nhưng sau đó cô hối hận về chuyện đó, và làm rõ rằng cô thấy hối hận, và đã thông báo sẽ rời khỏi. Phải, một cách làm đúng đắn.

Không có gì thích hợp với Inger ở Sellanraa hơn điều này; Inger đã bắt đầu thấy bất mãn với cô hầu gái của mình. Thật lạ; cô bé không nói điều gì chống lại nàng, nhưng cứ nhìn thấy cô bé là nàng lại bực mình, hầu như nàng không chịu nổi khi có mặt cô bé trong trang trại. Không còn ngờ gì nữa, tất cả đều nảy sinh từ tâm trạng của Inger; suốt mùa đông đó tâm trạng nàng trở nên nặng nề và sùng đạo, và nó sẽ không biến mất.

“Cô muốn đi, phải không? Sao, vậy thì rất tốt,” Inger nói. Đó là một phúc lành, sự thành tựu của những lời cầu nguyện đêm đêm. Họ đã có hai phụ nữ trưởng thành, họ cần gì tới cô nàng Jensine tươi hơn hớn và tới tuổi lấy chồng này chứ? Inger nghĩ thầm với một cảm giác không

vui vẻ cùng một tư cách kết hôn đó, suy nghĩ, có lẽ, rằng trước kia nàng cũng đã từng giống vậy thế nào.

Sự sùng đạo sâu sắc của nàng không hề biến mất. Nàng không phải là người hoàn toàn đòi bại; nàng đã nếm trái, đã hưởng thụ, chúng ta có thể nói thế, nhưng ý định của nàng không phải là cứ khư khư theo cách đó suốt tuổi già của nàng, không, ở bất kỳ cách thức nào. Inger quay đi với nỗi kinh hoàng về ý nghĩ đó. Cái mở và tất cả những công nhân của nó không còn ở đó – và xin ngời ca Trời Đất. Đức hạnh không chỉ có thể chịu đựng, mà còn là điều không thể tránh khỏi, nó là một điều cần thiết; phải, một điều tốt cần thiết, một thái độ đặc biệt.

Nhưng thế giới đã hoàn toàn lệch lạc. Hãy nhìn xem, kia là Leopoldine, Leopoldine nhỏ bé, một cây giống con con, một con bé con mảnh khảnh, đang nở bung như hoa với sức khỏe đầy tội lỗi; nhưng nếu có một cánh tay vòng quanh eo nó, nó sẽ quy ngã một cách bất lực – ôi chao, thật là nhục nhã! Giờ trên mặt nó cũng đã có những vết hồng hồng, một dấu hiệu của nhiệt huyết dâng trào; phải, mẹ của nó còn nhớ rất rõ, chính thứ nhiệt huyết dâng trào ấy. Inger không phiền trách con mình vì chuyện những vết hồng trên má; nhưng nó phải dừng lại, nàng phải chấm dứt chuyện này. Và cái anh chàng Andresen đó muốn gì khi cứ lên Sellanraa vào những ngày Chủ nhật, để trao đổi chuyện đồng áng với Isak ư? Hai người đàn ông trong nhà tưởng là con bé bị mù ư? Phải, thanh niên vẫn là thanh niên hết như ba mươi, bốn mươi năm trước, nhưng giờ thì tệ hơn nhiều.

“Sao, nó vẫn thường diễn ra như vậy mà,” Isak nói khi họ trò chuyện về vấn đề đó. “Nhưng mùa xuân sắp tới rồi, còn Jensine thì ra đi, vậy ai sẽ lo toan công việc mùa hè?”

“Leopoldine và tôi có thể phơi cỏ,” Inger nói. “Phải, tôi thà tự mình cào cỏ suốt ngày đêm còn hơn,” nàng cay đắng nói, và sắp khóc òa lên.

Isak không thể hiểu tại sao nàng lại làm ầm ĩ lên về chuyện đó; nhưng anh có những ý định của riêng mình, không còn ngờ gì nữa, và anh đi ra bìa rừng, với xà beng và cuốc chim, và bắt tay vào việc với một tảng đá. Không, thật sự Isak không hiểu vì sao Jensine phải rời khỏi họ; một cô gái tốt, và một người làm lụng giỏi giang. Thật sự, Isak thường thấy lúng túng trong mọi việc trừ những thứ đơn giản nhất – công việc của anh, những việc làm hợp pháp và tự nhiên của anh. Một người đàn ông vai rộng, lực lưỡng, ở anh không có gì là siêu việt; anh ăn như một người đàn ông và phát triển nhờ vào nó, và hiếm khi anh bị mất thăng bằng dù theo bất kỳ cách thức nào.

Vâng, đây là tảng đá. Còn có rất nhiều đá, nhưng đây là tảng đá để bắt đầu. Isak đang nhìn về tương lai, tới thời điểm anh sẽ cần phải dựng một ngôi nhà nhỏ ở đây, một ngôi nhà nhỏ cho chính anh và Inger, và cũng đã làm đôi ba việc ở chỗ này, phát quang nó, trong lúc Sivert đang ở dưới trại Storborg. Không thì thằng bé sẽ hỏi han đủ thứ, và Isak không ưa chuyện đó. Dĩ nhiên, ngày đó sẽ tới, khi Sivert cần tới mọi thứ có ở chốn này cho bản thân nó – những người lớn tuổi sẽ muốn có một ngôi nhà riêng biệt. Phải, không bao giờ có chuyện chấm dứt việc xây cất ở Sellanraa; cái vựa cỏ khô bên trên chuồng bò vẫn chưa làm xong, dù những xà ngang và ván cho nó đã có sẵn cả rồi.

Vâng, còn đây là tảng đá này. Không lớn mấy khi nhìn trên mặt đất, nhưng không dễ nhích nó đi chỉ với một cái chạm tay đâu; nó phải là một anh chàng khá nặng. Isak đào vòng quanh nó,

và thử dùng cái xà beng, nhưng nó không nhúc nhích. Anh lại đào và thử thêm lần nữa, vẫn không xong. Quay trở về nhà lấy thêm một cái mai vậy, để dọn sạch đất, rồi lại đào, lại thử – không được. Một tảng đá rất nặng, khó lay chuyển, dù Isak có thừa kiên nhẫn. Giờ thì anh vẫn đào đều đặn, nhưng dường như tảng đá ngày càng đâm sâu xuống, không thu hoạch được gì từ nó. Nói cho cùng, sẽ rất phiền nếu như anh phải kích nổ nó. Tiếng nổ sẽ rất ồn ào, và kêu gọi mọi người tới chỗ này. Anh lại đào. Lại quay về nhà để lấy thêm một cái đòn bẩy và thử bẩy lên – không được. Anh lại tiếp tục đào.

Isak bắt đầu thấy bức mình với tảng đá này; anh cau mày và nhìn nó, như thể anh vừa tới nơi để xem xét chung những tảng đá lân cận, và phát hiện ra tảng đá này đặc biệt ngu xuẩn. Anh chỉ trích nó; phải, nó là một tảng đá có gương mặt tròn ngốc nghếch, dù sao cũng không chịu nổi nó – anh suýt nói rằng nó đã biến dạng. Cho nổ ư? Cái thứ này không đáng để dùng tới thuốc nổ. Và phải chăng anh sẽ chịu thua nó, phải chăng anh đang nghĩ tới khả năng bị một tảng đá đánh bại?

Anh đào. Đó là một công việc khó khăn, nhưng về vụ chịu thua... Cuối cùng anh chọc mũi cái đòn bẩy xuống và thử bẩy lên; tảng đá không lay chuyển. Về mặt kỹ thuật, phương pháp của anh không có gì sai cả, nhưng nó không hiệu quả. Vậy thì vấn đề là gì? Trong đời, anh đã từng moi nhiều đá lên trước đó. Phải chăng anh đã già? Một chuyện buồn cười, hê hê hê! Thật ngớ ngẩn. Đúng, gần đây anh nhận ra rằng anh không còn khỏe như trước – nghĩa là anh chẳng nhận ra thứ gì như thế cả, không hề lưu tâm tới nó; đó chỉ là sự tưởng tượng. Và anh lao vào tảng đá một lần nữa, với ý chí cao nhất trên trần đời.

Ồ, khi Isak đề cử trọng lượng của anh lên một cái đòn bẩy thì đó không phải là chuyện nhỏ. Hiện giờ anh đang ở đó, nhấc lên, nhấc lên lần nữa, một gã Cyclop khổng lồ, với một thân mình dường như kéo dài tới tận đôi đầu gối. Ở anh có một vẻ uy nghi và chói lọi; hành động của anh thật đáng kinh ngạc.

Nhưng tảng đá không nhúc nhích.

Không có tác dụng gì; anh lại phải đào? Thử dùng thuốc nổ? Đừng nhắc tới! Không, đào thêm nữa. Giờ đây anh dốc hết chú ý vào công việc. Tảng đá sẽ phải trôi lên! Sẽ là sai khi bảo rằng có cái gì đó ngoan cố ở con người của Isak; đó là tình yêu đã đâm chồi mọc rễ trong lòng của một người lao tác trên đất đai, nhưng hoàn toàn không có sự dục dằn. Đó là một cảnh tượng ngốc nghếch; đầu tiên là thu thập mọi điều về tảng đá từ mọi phía, rồi lao vào nó, đào quanh nó và sờ soạng nó, ném đất lên với đôi bàn tay không, phải, anh đã làm như thế. Song không hề có một cử chỉ mơn trớn vuốt ve nào trong đó. Ấm áp, vâng, nhưng chỉ là sự ấm áp của lòng nhiệt huyết.

Thử lại cái đòn bẩy lần nữa? Anh chọc nó xuống chỗ có thể nạy tốt nhất – không được. Tảng đá này là một ví dụ hoàn toàn nổi bật về sự ngoan cố và thách thức. Nhưng có vẻ như nó đang nhượng bộ. Isak lại cố, với một tia hy vọng; giờ đây người vỡ đất hoang có cảm giác rằng tảng đá không còn bất khả chiến bại nữa. Thế rồi cái đòn bẩy trượt ra, hất anh té lăn trên mặt đất. “Đồ quỷ sứ!” Anh chửi. Phải, anh đã nói thế. Cái mũ của anh đã bị lệch, trùm xuống một bên tai khi anh bị ngã, khiến anh trông như một tên kẻ cướp, như một gã Tây Ban Nha. Anh phun nước bọt.

Inger đi tới. “Isak, về nhà dùng bữa đi,” nàng nói, rất tử tế và vui vẻ.

“Ừ,” anh đáp, nhưng không muốn nàng tới gần hơn, và không muốn nghe bất cứ câu hỏi nào.

Chà, nhưng cái cô nàng Inger này, thật không mơ thấy nổi, nàng bước tới gần.

“Anh đang tính toán gì vậy?” Nàng hỏi, để xoa dịu anh với một hàm ý về cách anh nghĩ ra những điều lớn lao trong hầu như mỗi ngày.

Nhưng Isak đang giận dữ, giận dữ kinh khủng và tỏ ra nghiêm khắc, anh bảo: “Không, tôi không biết.”

Còn Inger, hừm, nàng thật là ngốc nghếch – lại tiếp tục nói chuyện và hỏi han chứ không chịu đi về.

“Tôi thấy cô đã tự mình thấy rồi,” cuối cùng anh nói, “tôi đang nạy tảng đá này lên.”

“Thế à, đang nạy nó lên?”

“Phải.”

“Tôi có thể giúp một tay không?” Nàng hỏi.

Isak lắc đầu. Nhưng dù sao, đó là một ý nghĩ tử tế, rằng nàng sẽ giúp anh, và anh hầu như không thể đáp lại với những lời thô lỗ.

“Nếu cô chờ đó thêm chút nữa,” anh nói, và chạy về nhà để lấy mấy cái búa.

Nếu anh có thể đục cho tảng đá nhám hơn chút ít, đục văng ra một mảnh ở ngay đúng chỗ, nó sẽ giúp cái đòn bẩy bám chặt hơn. Inger cầm cái búa đẽo, và Isak gõ mạnh. Gõ mạnh. Gõ mạnh. Phải, chắc như ăn bắp, một mảnh đá đã văng ra. “Cô đã giúp được nhiều,” Isak nói, “và cảm ơn. Nhưng đừng lo về chuyện ăn uống cho tôi vào lúc này, tôi phải nạy tảng đá này lên trước đã.”

Nhưng Inger không chịu đi về. Và nói thật, Isak rất hài lòng khi nàng đứng đó quan sát anh làm việc. Đó là một điều luôn khiến anh thấy hài lòng, từ thời họ còn son trẻ. Và coi kìa, anh đã tìm được một điểm tựa tốt cho cái đòn bẩy, và đè hết sức nặng của mình lên nó – tảng đá nhúc nhích! “Nó đang nhúc nhích đó,” Inger nói.

“Cô chỉ nói vớ vẩn,” Isak đáp.

“Vớ vẩn, đúng thật là! Nhưng nó đang nhúc nhích!”

Đi quá xa – và đó là một điều gì đó có ý nghĩa. Nhưng phải nói giờ thì tảng đá đã chuyển biến, đứng về phía anh; họ cùng nhau làm việc. Isak nạy và đẩy với cái đòn bẩy, và tảng đá di chuyển, nhưng không hơn. Anh bẩy thêm một lúc, không có gì hơn. Đột nhiên anh hiểu ra rằng đây không chỉ là vấn đề trọng lượng, sức kéo của cả thân hình anh; không, thực tế là anh không còn sức khỏe cũ của mình, anh đã mất đi sự lanh lẹ từng tạo ra những khác biệt. Trọng lượng ư? Việc dùng trọng lượng của mình để bẻ gãy một thanh sắt từng là một chuyện khá dễ dàng. Không, anh đã yếu đi, chỉ có thế. Và người đàn ông kiên nhẫn thấy lòng tràn ngập nỗi đắng cay với ý nghĩ đó – ít nhất, lẽ ra anh có thể ngăn được nỗi xấu hổ khi có Inger đứng đó để nhìn thấy điều này!

Đột nhiên anh buông rơi cái đòn bẩy và vớ lấy cái búa tạ. Một cơn thịnh nộ xâm chiếm anh,

lúc này anh quyết định dùng bạo lực với nó. Và nhìn kia, cái mũ của anh vẫn trùm lên một bên tai, theo kiểu kẻ cướp, và lúc này anh bước quanh tảng đá, một cách mạnh mẽ, đe dọa, như thể để cố tìm ra ánh sáng soi đường đúng đắn; chà, anh sẽ để lại tảng đá đã bị đập nát nằm chết đi ở đó như trước. Sao không chứ? Khi cõi lòng của một người đàn ông tràn ngập niềm căm ghét chết người đối với một tảng đá, việc đơn giản nghiền nát nó chỉ là một nghi thức. Và giả sử tảng đá chống lại, giả sử nó khước từ không chịu bị nghiền nát? Sao, cứ để cho nó thử – và để xem ai trong hai bên là kẻ sống sót!

Nhưng chính lúc đó Inger lại lên tiếng, hơi bẽn lễn; chắc chắn là đã nhìn thấy chuyện gì đang làm anh khó xử: “Nếu cả hai chúng ta cùng đu lên cái gậy đó thì sao nhỉ?” Và vật mà nàng gọi là cây gậy chính là cái đòn bẩy chứ còn gì khác nữa.

“Không,” Isak la lên. Nhưng sau một hồi suy nghĩ anh nói: “Tốt, tốt, vì cô đang ở đây, dù đáng lẽ cô phải về nhà rồi, chúng ta cứ thử coi sao.”

Và họ cố nạy rìa tảng đá lên. Phải, họ cố xoay xở làm điều đó. Và “Phù!” Isak thở phào.

Nhưng bấy giờ họ phát hiện ra một chuyện lạ lùng. Mặt bên dưới của tảng đá bằng phẳng, khá rộng, được cắt một cách gọn ghẽ, đều và mịn như một sàn nhà. Tảng đá đó chỉ là nửa phần của một tảng đá lớn, nửa phần kia chắc chắn phải nằm đâu đó gần đấy. Isak biết rất rõ rằng hai nửa của cùng một tảng đá có thể nằm ở hai chỗ khác nhau; không còn ngờ gì nữa, theo thời gian, tuyết giá đã làm chúng trượt khỏi nhau. Nhưng anh hoàn toàn ngạc nhiên và vui sướng với phát hiện này; đó là một tảng đá hữu dụng hàng đầu, một cánh cửa. Một số tiền rất lớn cũng không khiến cho người nông dân này hài lòng đến vậy. “Một cánh cửa đẹp,” anh nói với vẻ tự hào.

Còn Inger là một tạo vật giản đơn: “Sao? Làm sao anh có thể nói trước được chuyện đó vào lúc này?”

“Hừm,” Isak đáp. “Nghĩ là tôi tới đây đào bới để chơi đấy à?”

Họ cùng trở về nhà, Isak tận hưởng sự thán phục mới mẻ này dựa trên những vờ vĩnh không đúng; đó là một điều mà anh không đáng hưởng, nhưng nó có mùi vị hơi khác với thực tế đôi chút. Anh để cho mọi người hiểu rằng anh đã tìm kiếm một cánh cửa thích hợp từ lâu, và rốt cuộc đã tìm ra nó. Dĩ nhiên, sau đó chẳng còn chút ngờ vực nhỏ nào về chuyện anh ra đó làm việc nữa; anh có thể mọc rễ ở ngoài tùy thích với cái cơ tìm nửa tảng đá còn lại. Và khi Sivert về nhà, anh có thể kêu cậu giúp đỡ.

Nhưng chuyện đã đi tới một điểm, rằng anh không thể ra ngoài một mình và moi một tảng đá lên được nữa. Vì sao? – Mọi sự đã đổi thay nhiều; phải, đó là một triển vọng tệ hại, và cần phải dọn quang chỗ đó càng nhanh càng tốt. Tuổi tác đã ập xuống người anh, anh đang tới gần cái tuổi phải ngồi bên góc lò sưởi. Thắng lợi thu lượm được về chuyện cánh cửa phai nhạt đi trong vòng vài hôm; đó là một điều sai lệch, và không thể kéo dài. Giờ đây Isak đã hơi khòm xuống khi bước đi.

Không phải anh đã có một thời đầy bản lĩnh đàn ông khi anh tỉnh táo và tập trung ngay lập tức nếu có ai đó nói một lời về đá tảng, về việc đào hay sao? Và chuyện đó chỉ mới đây thôi. Phải, và trong những ngày đó, những người phải xấu hổ về công việc đào mương thoát nước sẽ

lánh khỏi đường đi của anh. Giờ đây anh đã bắt đầu, dần dà từng chút một, nhìn nhận những chuyện đó một cách điềm đạm hơn; vâng, Trời ạ! Tất cả mọi sự đã đổi thay, bản thân đất đai giờ đây cũng khác, với những con đường rộng kéo dây điện tín xuyên qua cánh rừng, chúng chưa từng có ở đó trước đây, và những tảng đá bị nước xói mòn, phân tách, không như trước đó. Và cả những cư dân cũng đã thay đổi. Họ không chào hỏi khi đến và đi như những ngày xưa, mà chỉ gật đầu, thậm chí có khi không thèm gật.

Nhưng... ngày xưa chưa có Sellanraa mà chỉ có một túp lều cỏ, trong khi bây giờ... Ngày xưa chưa có ngài Bá tước.

Phải, nhưng ngài Bá tước, giờ này ông ta ra sao? Một kẻ đáng thương, không còn gì của một siêu nhân, mà già và suy nhược dần, chân tay teo lại. Ai nghĩ rằng ông ta có bộ đồ lòng tốt và có thể ăn uống ngon lành, khi nó không mang tới cho ông ta sức mạnh? Giờ đây chính Sivert mới là người mạnh khỏe, và thật may khi cậu mạnh khỏe như vậy – nhưng cứ nghĩ coi, Isak cũng đã từng như thế! Một điều đáng tiếc, khi thấy công việc của anh tuột dốc. Anh đã cần lao như một gã đàn ông, vác những gánh nặng đủ làm cho bất cứ con thú nào mệt đứt hơi; giờ đây, anh có thể thực hành lòng nhẫn nại của mình trong sự nghỉ ngơi.

Isak cảm thấy nản lòng, tâm trạng nặng nề.

Có một cái nón cũ nằm ở bìa rừng, một cái nón tai bèo, đang mục nát trên mặt đất. Có lẽ gió lớn đã cuốn nó tới đó, hoặc lũ con trai đã mang nó tới đó từ nhiều năm trước, khi chúng còn là hai đứa nhóc con. Nó nằm đó năm này sang năm khác, mục nát dần; nhưng trước kia nó từng là một cái nón tai bèo mới, vàng tươi. Isak nhớ cái ngày anh từ cửa tiệm tạp hóa trở về nhà cùng với nó, và Inger đã bảo rằng nó là một cái nón đẹp. Khoảng một năm sau, anh đã mang nó tới nhà một họa sĩ dưới làng, nhờ sơn đen và đánh bóng nó và sơn lại vành nón màu lục. Và khi anh về nhà, Inger nghĩ rằng nó còn đẹp hơn trước kia. Inger luôn nghĩ mọi thứ đều đẹp dễ; phải, hồi đó là một cuộc đời tốt đẹp, đi chặt củi, có Inger để ngắm nhìn – những ngày đẹp nhất của anh. Và khi tháng Ba và tháng Tư về, Inger và anh sẽ ân ái mặn nồng với nhau, hết như lũ chim muông trong rừng, và khi tháng Năm tới, anh sẽ gieo lúa và trồng khoai, sống với lửa nhiệt tình hùng hục từ sáng cho tới tối.

Làm việc và ngủ nghỉ, yêu đương và mơ mộng, anh giống như con bò đực lớn đầu tiên, và đó là một con vật trông rất tuyệt vời, to lớn và rực rỡ như một vị vua. Nhưng không còn những tháng Năm như thế nữa từ nhiều năm gần đây. Không còn những điều như thế nữa.

Isak rất chán nản trong vài ba hôm. Chúng là những ngày tăm tối. Anh cảm thấy không còn ý chí hay sức khỏe để khởi sự làm cái vựa cỏ khô – chuyện này có thể bỏ đó cho Sivert thực hiện vào một ngày nào đó. Điều cần làm bây giờ là ngôi nhà cho chính anh – ngôi nhà cuối cùng cần phải cất lên. Anh không còn giấu được với Sivert những việc anh đang làm; anh đang phát quang mảnh đất, và san bằng nó để xem có thể làm gì. Và một hôm anh nói với con mình.

“Có một tảng đá tốt nếu chúng ta cần dùng đến cho công việc xây cất,” anh nói. “Và còn một tảng khác nữa.”

Sivert không tỏ vẻ ngạc nhiên, chỉ đáp: “Phải, những tảng đá loại thượng hạng.”

“Con nghĩ chúng ta sẽ làm gì,” cha cậu hỏi.

“Chúng ta đã đào quanh đây để tìm mảnh đá làm cánh cửa đó; gần như có thể xây dựng ở đây. Con không biết...”

“...Phải, cất nhà ở đây thì không tồi chút nào,” Sivert nói tiếp, đưa mắt nhìn quanh.

“Nghĩ thế hả? Có lẽ không tệ lắm, nên có một nơi để mọi người tạm trú nếu có ai tới đây.”

“Phải.”

“Khoảng hai phòng là tốt rồi. Con đã thấy thế nào khi những quý ông Thụy Điển đến rồi, không có một chỗ dành hoàng cho họ tạm trú. Nhưng con nghĩ sao: có lẽ là một cái nhà bếp nhỏ nữa, nếu cần phải nấu nướng gì đó?”

“Phải, thật đáng tiếc nếu cất nhà mà không có một căn bếp,” Sivert đáp.

“Con nghĩ thế à?”

Isak không nói thêm gì nữa. Nhưng Sivert là một thanh niên nhanh trí, và cậu nhận ra ngay lập tức thứ gì cần có ở một nơi bố trí cho những quý ông Thụy Điển tạm nghỉ nếu có khi nào họ tới đây. Cậu không bao giờ cần phải hỏi một câu hỏi đơn giản, mà chỉ nói: “Vây giờ cứ làm theo cách của con, cha sẽ đặt một cái kho ở vách tường phía bắc. Khi có người tới, sẽ rất hữu ích khi có một cái kho để treo quần áo ướt và mọi thứ.”

Và cha cậu đồng ý ngay: “Phải, chính là thứ đó.”

Họ lại cùng đào đá trong im lặng. Rồi Isak hỏi: “Ta cho là Eleseus nó chưa về nhà?”

Sivert trả lời một cách lảng tránh: “Anh ấy sẽ sớm về nhà.”

Cách của Eleseus là thế: cậu luôn đi xa, sống trong những chuyến hành trình. Cậu không thể viết thư để đặt hàng được hay sao? Nhưng cậu phải đi một vòng và mua chúng ngay tại chỗ. Với giá rẻ hơn nhiều. Phải, có lẽ, nhưng còn chi phí cho những chuyến đi thì sao? Đường như cậu có cách suy nghĩ của riêng mình. Và dù sao đi nữa, cậu muốn gì khi mua thêm vải vóc, những dải băng nhiều màu cho những cái mũ Giáng sinh, những cái nón rơm sơn trắng và đen, và những cái ống tẩu dài? Chưa từng có ai mua những thứ như thế để mang lên những ngọn đồi; và cư dân trong làng chỉ chịu lên Storborg khi họ không có tiền. Eleseus khá thông minh theo cách của cậu – chỉ cần nhìn cậu viết lên một tờ giấy, hay làm toán cộng với một viên phấn! “Phải, với một đầu óc như của cậu,” mấy người dân nói, tán thưởng cậu. Và điều đó khá đúng; nhưng cậu đang tiêu xài quá nhiều. Dân làng không bao giờ trả nợ, thế nhưng ngay cả một gã như Brede Olsen vẫn có thể mò lên Storborg vào mùa đông đó để mua chũm vải hoa, cà phê, mật đường và sáp nến.

Isak đã phải thanh toán khá nhiều tiền cho Eleseus mua lại Storborg, cho cửa tiệm và những chuyến đi dài của cậu; giờ đây không còn lại gì nhiều ở những người giàu lên nhờ cái mỏ – vậy phải làm sao đây?

“Con nghĩ Eleseus nó đang làm ăn như thế nào?” Isak đột nhiên hỏi.

“Đang làm ăn?” Sivert hỏi lại, để câu giờ.

“Đường như không tốt lắm?”

“Ừm, anh ấy nói là mọi chuyện sẽ ổn.”

“Con đã nói với nó về chuyện đó?”

“Không, nhưng Andresen bảo như thế.”

Isak trầm ngâm suy nghĩ, và lắc đầu. “Không, ta ngờ là nó đang xuống dốc, thật đáng tiếc cho thằng nhỏ.”

Và giờ đây Isak càng buồn bã hơn, vì tất cả những gì anh trải qua không còn sáng lạn như trước nữa.

Nhưng rồi Sivert tung ra một tin tức; “Có nhiều người đang tới sống ở đây.”

“Con nói thế là sao?”

“Hai mảnh đất mới. Họ đã mua gần bên đất của chúng ta.”

Isak đứng yên, cái xà beng trong tay; đây là tin tức tốt lành, tin tức tốt đẹp nhất có thể có. “Thế là có mười hộ gia đình chúng ta ở đây,” anh nói. Và Isak biết một cách chính xác nơi những người mới tới đã mua, anh thuộc nằm lòng toàn bộ vùng đất này, và gặt đầu. “Phải, họ sẽ ăn nên làm ra ở đó; có nhiều củi đốt, và đây đó có nhiều cây cho gỗ lớn. Đất thoải dần về hướng tây nam. Phải...”

Những người tới định cư – dù sao đi nữa, không gì có thể đánh bại họ – đây là những cư dân mới tới để sinh sống. Cái mỏ đã không còn ý nghĩa gì nữa, nhưng đất đai thì tốt hơn lên. Một nơi hoang vắng, điều tàn ư? Còn khuya mới thế, tất cả đều tràn trề sức sống; hai người mới, bốn bàn tay mới để lao động, những đồng lúa và đồng cỏ và những ngôi nhà. Ôi chao, những mảnh đất nho nhỏ tươi xanh trong một cánh rừng, một túp lều và nguồn nước, trẻ em và gia súc quần quanh. Lúa vẫy ngọn trên những cánh đồng hoang nơi trước kia không có gì ngoài những cây mộc tặc, những cây hoa chuông gặt gù trên những đầm lầy, và ánh nắng vàng tươi lấp lánh trên những đóa lan tiên hài (lady's slipper) bên ngoài một ngôi nhà. Một con người đang sinh sống ở đó, đi lại, nói cười và suy nghĩ, hiện hữu ở đó cùng bầu trời và quả đất.

Người đầu tiên trong số họ đang đứng tại đây, người đàn ông đầu tiên giữa chốn rừng hoang. Anh đã tới theo cách đó, quỳ gối giữa những cây cỏ đầm lầy và những bụi thạch nam, tìm ra một dốc đồi ngập nắng và định cư tại đó. Nhiều người khác đã tới theo anh, họ đi theo con đường mòn băng qua vùng đất không người Almening; lại thêm những người khác, và đường mòn trở thành một con đường lộ, giờ đây đã có xe ngựa lại qua. Isak có thể thấy hài lòng, có thể bắt đầu với đôi chút tự hào; anh là người sáng lập ra một huyện, là kẻ mở đường.

“Nghe này, chúng ta không thể lãng phí thời gian vào cái nhà này nếu định làm cho xong cái vựa chứa cỏ khô trong năm nay,” anh nói.

Với một nét rạng ngời mới mẻ, một tinh thần mới mẻ; có thể nói thế, một sự can đảm và cuộc sống mới.

CHƯƠNG X

Một người phụ nữ đang lê bước ngược lên con đường. Một cơn mưa hè nho nhỏ đang rơi, khiến cả người cô ta ướt sũng, nhưng cô ta không để ý tới nó; trong đầu cô ta đang có nhiều điều khác – sự lo âu. Đó là Barbro, còn ai khác nữa – Barbro, con gái của Brede. Lo âu, phải, không biết cuộc phiêu lưu sẽ kết thúc ra sao; cô đã từ bỏ việc làm ở nhà của ngài Lensmand và rời khỏi làng. Đó là vấn đề.

Cô tránh xa khỏi tất cả những nông trại trên đường, không muốn gặp những người dân; dễ thấy rằng cô đang đi tới đâu, với một mớ quần áo vác sau lưng. Phải, đang tới Maaneland, để nhận lại công việc ở đó.

Suốt mười tháng qua cô đã sống tại nhà ngài Lensmand, và đó không phải là một khoảng thời gian ngắn, nếu tính theo những ngày đêm, nhưng cũng còn là một sự triền miên vĩnh viễn, nếu tính theo nỗi khát khao và sự áp bức. Thoạt tiên còn có thể chịu đựng được, phu nhân Heyerdahl chăm sóc cô tử tế, cho cô những tấm tạp dề và những thứ xinh xinh để mặc; việc mặc những quần áo xinh xắn đó để đi tới cửa hiệu mua các thứ lặt vặt là một niềm vui. Barbro đã từng sống trong làng khi còn bé; cô biết tất cả mọi thôn dân từ những ngày cô từng chơi đùa ở đó, đi tới trường ở đó, hôn các chàng trai ở đó, và tham gia vào nhiều trò chơi với những hòn đá và những vỏ sò. Có thể chịu đựng trong chừng một tháng. Nhưng sau đó phu nhân Heyerdahl bắt đầu thận trọng hơn đối với cô, và khi những lễ hội Giáng sinh tới, bà trở nên nghiêm khắc. Và đã có bao giờ việc đó mang lại điều gì tốt đẹp? Nó chỉ tổ làm hỏng đi mọi thứ. Barbro không bao giờ có thể chịu đựng được điều đó nhưng cô vẫn có những giờ nhất định của riêng mình vào ban đêm; cô được an toàn ít nhiều từ hai đến sáu giờ sáng, và cũng đã không ít lần lên đi tìm lạc thú. Vậy còn Cook thì sao, tại sao cô ta không báo cáo về cô? Hẳn cô ta phải là một người rất tốt bụng! Ồ, một phụ nữ khá bình thường, như thế giới nhìn nhận họ; bản thân Cook cũng lên ra ngoài chơi. Họ thay phiên nhau. Và chuyện diễn ra như thế suốt một thời gian dài trước khi bị phát hiện. Ở bất kỳ ý nghĩa nào, Barbro cũng không trượt lạc tới mức nó hiện rõ trên nét mặt của cô, không thể buộc cho cô tội vô đạo đức. Vô đạo đức ư? Cô đã thực hiện mọi kháng cự người ta có thể mong đợi. Khi một chàng trai đề nghị cô tới dự một cuộc khiêu vũ Giáng sinh, cô nói “Không” một lần, hai lần, nhưng lần thứ ba cô sẽ đáp: “Tôi sẽ cố và tới đó từ hai tới sáu giờ.” Cũng giống hệt như một người đàn bà đức hạnh, không cố tự làm cho mình trở nên tệ hại hơn, và diễn một màn kịch đánh lừa. Cô là một nàng hầu, phục vụ suốt cả ngày, và không biết tới cách tiêu khiển nào khác ngoài việc gạ gẫm lũ đàn ông. Cô chỉ yêu cầu có thế. Phu nhân Heyerdahl tới và lên lớp cô, cho cô mượn những cuốn sách – chỉ làm chuyện không đâu. Barbro từng sống ở Bergen, từng đọc những tờ báo và đã tới nhà hát! Cô không phải là một con cừu non ngây thơ tới từ chốn thôn quê...

Nhưng hẳn là rốt cuộc phu nhân Heyerdahl đã nẩy dạ nghi ngờ. Một hôm bà tới phòng ngủ của các cô hầu vào lúc ba giờ sáng và gọi:

“Barbro!”

“Dạ,” Cook đáp.

“Tôi muốn gặp Barbro. Cô ta có ở đó không? Mở cửa ra.”

Cook mở cửa và giải thích như đã thỏa thuận trước đó, rằng Barbro đã chạy về nhà giầy lát vì có chuyện gì đó. Chạy về nhà giầy lát vào giờ giấc khuya khoắt thế này sao? Phu nhân Heyerdahl có nhiều điều để nói về chuyện đó. Và sáng hôm sau có một màn kịch. Brede được mời tới, và phu nhân Heyerdahl hỏi: “Đêm qua Barbro có ở nhà với anh không, vào khoảng ba giờ?”

Brede chưa chuẩn bị, nhưng cũng đáp: “Ba giờ? Có, có, hoàn toàn đúng. Chúng tôi ngồi muộn, có đôi chuyện chúng tôi phải bàn bạc với nhau,” Brede nói.

Sau đó vị phu nhân nghiêm trang tuyên bố rằng Barbro không được ra ngoài vào ban đêm nữa.

“Không, không,” Brede nói.

“Không chừng nào cô ta còn sống trong cái nhà này.”

“Không, không; con thấy đó, Barbro, cha đã bảo con thế mà,” cha cô nói.

“Thỉnh thoảng cô có thể về thăm cha mẹ vào ban ngày,” bà chủ của cô nói.

Nhưng phu nhân Heyerdahl rất tỉnh táo, và nỗi ngờ vực của bà còn đó; bà chờ một tuần, và thử lại vào lúc bốn giờ sáng. “Barbro!” Bà gọi. Ồ, nhưng lần này tới lượt của Cook ra ngoài, còn Barbro đang ở nhà; căn phòng của các cô hầu trở thành một cái tổ của sự ngây thơ vô tội. Bà chủ của cô đã phải chạm vào vật gì đó trong lúc vội vã.

“Đêm qua cô giặt đồ à?”

“Vâng.”

“Đó là một việc tốt, gió thổi mạnh quá... Ngủ ngon.”

Nhưng phu nhân Heyerdahl chả vui dạ tí nào khi phải nhờ chồng bà đánh thức bà vào lúc nửa đêm và phải đích thân rón rén đi qua phòng của những người giúp việc để xem họ có ở nhà không. Họ có thể làm gì tùy ý, bà sẽ không tự hành xác mình thêm nữa.

Và nếu không vì xui xẻo, có lẽ Barbro vẫn còn ở lại cho tới sáng năm theo cách đó. Nhưng vài hôm trước, rắc rối đã xảy ra.

Đó là trong nhà bếp, vào lúc sáng sớm. Barbro đang cãi nhau với Cook, và đó không phải là những lời lẽ dịu dàng; họ đã cất cao giọng, quên khuấy mất bà chủ của mình. Cook là một ả ti tiện và gian xảo, đêm qua cô ta đã lén ra ngoài dù không phải là lượt của mình vì đó là đêm Chủ nhật. Và cô ta đã viện cớ gì? Để chia tay với bà chị thân quý nhất sắp lên đường qua Mỹ? Không hề; Cook chả đưa ra cái cớ nào cả, chỉ đơn giản bảo rằng đã từ lâu đêm Chủ nhật là đêm thuộc về cô ả.

“Ồ, trong người chị còn một phen nào của sự thật hay đức hạnh không vậy!” Barbro nói.

Và lúc đó bà chủ đang đứng ở lối ra vào.

Có lẽ bà đã bước ra, không nghĩ gì khác ngoài việc hai cô gái này đã làm ồn quá mức, nhưng lúc này bà đang đứng nhìn, rất chăm chú, vào Barbro, vào ngực áo tạp dề của Barbro; phải, nghiêng người tới trước và nhìn thật sự chăm chú. Đó là một khoảnh khắc đau đớn. Rồi đột nhiên phu nhân Heyerdahl thét lên và lùi ra cửa. Nó có thể là cái quái quỷ gì vậy? Barbro nghĩ bụng và nhìn xuống ngực mình. Ôi Trời! Một con bọ chết, chỉ có thế. Barbro không thể kèm được một nụ cười, và do không phải không quen đóng kịch trong những tình huống nguy nan, cô búng con vật khỏi người ngay lập tức.

“Trên sàn nhà!” Phu nhân Heyerdahl hét lên. “Cô có điên không? Nhặt nó lên ngay!” Barbro bắt đầu tìm kiếm nó, và một lần nữa cố tình đóng kịch: cô làm như thể cô đã bắt được con vật và quăng nó vào bếp lửa.

“Cô lôi nó từ đâu về vậy?” Bà chủ của cô giận dữ hỏi.

“Lôi nó từ đâu về à?”

“Phải, đó là điều tôi muốn biết.”

Nhưng ở đây Barbro đã phạm phải một sai lầm tệ hại. “Ở cửa tiệm,” lẽ ra cô nên nói thế, tất nhiên – và câu đó đã đủ lắt léo rồi. Như chuyện đã diễn ra, cô không biết nó từ đâu ra, nhưng cô nghĩ rằng nó phải đến từ Cook.

Cook nổi cơn tam bành ngay lập tức: “Từ tôi! Xin chị hãy giữ mấy con bọ chết của chị cho chính mình thì hơn!”

“Dù sao, chính chị là người ra ngoài đêm qua.”

Một sai lầm khác – lẽ ra cô không nên nói gì về chuyện đó. Cook không còn lý do gì để giữ im lặng, và lúc này cô ta tuôn ra toàn bộ mọi thứ, kể về tất cả những đêm Barbro đã lên ra ngoài. Phu nhân Heyerdahl cực kỳ phẫn nộ. Bà không quan tâm gì tới Cook. Chính Barbro mới là người bà chăm sóc, người mà bà phải chịu trách nhiệm về tính cách của cô ta. Và ngay cả khi ấy mọi chuyện vẫn có thể ổn thỏa nếu Barbro cúi đầu như một cây sậy, sụp xuống vì hổ thẹn, và hứa hẹn đủ điều cho tương lai – nhưng không. Bà chủ của cô buộc phải nhắc cho cô nhớ tất cả những gì bà đã làm cho cô, và tới đây, nếu bạn vui lòng muốn biết, Barbro buông lời đáp trả, phải, cô thật là ngu xuẩn khi nói những câu xấc xược đó. Hoặc có lẽ cô thông minh hơn về ngoài; cố tình làm thế, có lẽ, để đẩy mọi thứ tới đỉnh điểm, và hoàn toàn thoát khỏi chốn đó? Bà chủ của cô bảo:

“Sau khi tôi đã cứu cô khỏi móng vuốt của Pháp luật.”

“Về chuyện đó,” Barbro đáp, “tôi cũng hài lòng không kém nếu bà không làm gì cả.”

“Và đó là tất cả những lời cảm ơn tôi nhận được,” bà chủ của cô nói.

“Có lẽ càng ít nói tới thì càng tốt,” Barbro nói. “Dù sao, tôi sẽ không ở tù hơn một hoặc hai tháng, và đã xong với nó.”

Phu nhân Heyerdahl lặng thinh một lúc; phải, trong giây lát bà đứng đó không nói được lời nào, chỉ há mồm ra rồi lại khép mồm vào. Điều đầu tiên bà nói là bảo cô gái biến đi; bà sẽ không chứa chấp cô nữa.

“Tùy bà,” Barbro đáp.

Trong vài ngày sau đó, Barbro đã tới sống với cha mẹ mình. Nhưng cô không thể tiếp tục ở lại đó. Đúng thế, mẹ cô bán cà phê, và có nhiều nông dân tới đó, nhưng Barbro không thể sống như thế – và có lẽ cô có những lý do riêng tư khác khi muốn quay trở lại một vị trí ổn định. Và thế là hôm nay cô quàng cái bao đựng quần áo lên lưng, khởi hành ngược lên con đường băng qua những truông hoang. Vấn đề bây giờ là Axel Ström có chấp nhận cô không? Nhưng dù sao cô cũng đã thông báo về cuộc hôn nhân với nhà thờ vào hôm Chủ nhật trước.

Trời đang mưa, và dưới chân toàn những bùn sình, nhưng Barbro vẫn tiếp tục đi. Màn đêm sắp buông, nhưng trời chưa tối hẳn vào mùa đó của năm. Barbro tội nghiệp – cô không hề nương nhẹ bản thân, mà vẫn tiếp tục đi tới mục đích của mình như người khác; cô hướng tới một nơi chốn, bắt đầu một cuộc đấu tranh khác ở đó. Cô chưa hề nương nhẹ bản thân, nếu phải nói sự thật, chưa hề là loại người lười nhát, và đó là lý do vì sao giờ đây cô có thân hình và vóc dáng thon gọn dễ coi. Barbro học hỏi mọi thứ rất nhanh, và đó thường là những thứ khiến cho cô hư hỏng; người ta có thể mong đợi điều gì khác? Cô đã học cách tự cứu mình khi gặp cảnh nguy nan, học cách trượt từ tình trạng khốn khó này sang tình cảnh khác, nhưng vẫn giữ được vài phẩm chất tốt đẹp; cái chết của một em bé chẳng là gì đối với cô, nhưng cô vẫn có thể trao cho một em bé còn sống những sự ngọt ngào. Và cô có một lỗ tai âm nhạc rất khá, có thể vừa đánh đàn ghi ta một cách êm đềm và đúng nhịp, vừa cất giọng hát khàn khàn; nghe thật hay ho và hơi ảo não. Nương nhẹ bản thân? Không; Rất ít, thật sự, cô đã hoàn toàn vứt bỏ bản thân, và không cảm thấy mất mát chút nào. Thỉnh thoảng cô khóc và thấy tan nát con tim vì chuyện này hay chuyện khác trong đời – nhưng đó chỉ là chuyện tự nhiên, nó tới cùng với bài hát mà cô hát, đó là thi ca và sự ngọt ngào thân hữu trong con người cô; cô đã tự lừa dối bản thân và nhiều người khác với cùng điều đó. Giá mà chiều nay cô có thể mang theo cây đàn ghi ta, cô sẽ đánh đàn và hát chút chút cho Axel nghe khi cô tới.

Cô xoay xở để tới muộn vào buổi tối; khi cô tới đó, mọi thứ ở Maaneland hoàn toàn tĩnh lặng. Xem kìa, Axel đã bắt đầu cắt cỏ, cỏ đã cắt chất đống gần nhà, và một số cỏ khô đã được đưa vào trong. Sau đó cô đoán rằng Oline, vì đã già, sẽ ngủ trong căn phòng nhỏ, còn Axel thì nằm bên ngoài trong kho chứa cỏ khô, cũng như cô lúc trước. Cô đi tới cánh cửa mà cô biết rất rõ, nín thở như một tên trộm, và gọi khẽ: “Axel!”

“Gì thế?” Axel hỏi ngay lập tức.

“Không, tôi đây mà,” Barbro đáp và bước vào. “Anh có thể cho tôi ngủ lại đêm nay không?”

Axel nhìn cô và suy nghĩ một cách chậm chạp, chỉ ngồi đó trong bộ đồ ngủ, nhìn cô chăm chăm. “Vậy ra là cô,” anh nói. “Và cô định đi đâu vậy?”

“Sao chứ, tùy thuộc trước nhất vào việc anh có cần người giúp cho công việc mùa hè hay không,” cô đáp.

Axel suy nghĩ về chuyện đó, và bảo: “Cô sẽ không ở nơi cô từng ở nữa sao?”

“Không, tôi đã kết thúc ở nhà ngài Lensmand.”

“Tôi có thể cần tới sự giúp đỡ cho mùa hè, thật thế,” Axel nói. “Nhưng dù sao thì việc này có nghĩa là gì chứ, cô muốn quay trở lại?”

“Không, đừng quan tâm tới tôi,” Barbro đáp, trì hoãn. “Ngày mai tôi sẽ đi tiếp. Lên Sellanraa và băng qua dãy đồi. Tôi có một chỗ ở đó.”

“Cô đã cam kết với một người nào đó ở đó rồi hả?”

“Phải.”

“Bản thân tôi có thể cần người giúp vào mùa hè,” Axel lại nói.

Barbro bị ướt sũng cả người; cô có những quần áo khác trong cái túi, và phải thay đồ. “Đừng để ý tới tôi,” Axel nói, và nhích một chút về phía cửa, chỉ có thể.

Barbro cởi bộ đồ ướt ra, việc này mất một lúc, và Axel quay đầu khá thường xuyên về phía cô. “Giờ thì tốt hơn anh nên đi ra ngoài một lát,” cô nói.

“Ra ngoài?” Anh hỏi. Và thật sự đó không phải là thời tiết để có thể ra ngoài. Anh đứng đó, nhìn cô cởi dần từng thứ ra; khó mà dời mắt đi chỗ khác; và Barbro rất bất cần, cô có thể mặc quần áo khô vào từng thứ một trong lúc cô cởi từng thứ quần áo ướt ra, nhưng không. Áo sơ mi của cô rất mỏng và dính sát vào người cô; cô cởi một cái nút ở vai, và quay sang một bên, việc đó không có gì là mới đối với cô. Lúc đó Axel im như thóc, và anh nhìn thấy nàng đưa tay tuột một hoặc hai cái rồi kéo phần còn lại của chiếc áo ra khỏi người. Việc cởi áo nhìn thật tuyệt, anh nghĩ bụng. Và cô đứng đó, quá là bất cần...

Một lúc sau, họ nằm trò chuyện với nhau. Phải, anh cần có người giúp trong mùa hè, không còn ngờ gì về chuyện đó.

“Họ đã nói đôi điều về chuyện đó,” Barbro nói.

Anh đã phải bắt đầu việc cắt cỏ và phơi cỏ chỉ có một mình; Barbro có thể tự xét đoán việc đó bất tiện cho anh ra sao vào lúc này. Phải, Barbro hiểu. Mặt khác, chính Barbro đã tự rời bỏ anh và ra đi lúc trước, không có ma nào giúp anh cả, anh không thể quên chuyện đó. Và đã mang theo hai chiếc nhẫn để bán đi. Và trên tất cả mọi chuyện đó, thật đáng xấu hổ, tờ báo vẫn tiếp tục tới, có vẻ như anh không bao giờ thoát khỏi cái tờ báo Bergen đó; anh đã phải tiếp tục trả tiền cho nó trọn một năm sau đó.

“Họ thật là đê tiện đáng xấu hổ,” Barbro nói, lúc nào cũng đứng về phía anh.

Nhưng khi thấy cô tỏ ra ngoan ngoãn và dịu dàng, Axel không thể hoàn toàn vô tâm đối với cô; anh đồng ý rằng Barbro có thể có vài lý do để nổi giận với anh để đáp lại cái cách anh giật lấy công việc đường dây điện báo từ tay cha cô. “Nhưng về chuyện đó,” anh nói, “cha em có thể nhận lại công việc đường dây điện báo cho tôi; tôi sẽ không làm nó nữa, chỉ tổ phí thời gian.”

“Phải,” Barbro đáp.

Axel suy nghĩ một lúc rồi hỏi thẳng: “Này, giờ thì sao đây, em chỉ muốn tới giúp vào mùa hè chứ không có gì khác hơn?”

“Không,” Barbro đáp, “mọi chuyện tùy theo ý anh.”

“Em muốn thế, thật lòng?”

“Phải, cứ theo như ý anh, và tôi cũng sẽ vui lòng. Anh không nên nghi ngờ tôi nữa.”

“Hừm.”

“Không, nói thật đấy. Và tôi đã đăng ký với nhà thờ về việc kết hôn.”

Hừm. Chuyện này không tệ lắm. Axel nằm suy nghĩ về nó một lúc lâu. Nếu lần này cô nàng có ý định nghiêm chỉnh, và không lừa dối một cách đáng hổ thẹn lần nữa, vậy thì anh sẽ có một người phụ nữ của riêng mình và sự trợ giúp kéo dài đến chừng nào còn có thể.

“Tôi có thể có một phụ nữ ở vùng quê của chúng tôi,” anh nói, “và cô ta đã viết thư bảo rằng cô ta sẽ đến. Nhưng lúc đó tôi phải trả cho cô ta tiền lộ phí từ Mỹ về đây.”

Barbor nói: “Thế à, cô ta đang ở Mỹ sao?”

“Phải, cô ta đã sang đó hồi năm ngoái, nhưng không định ở lại.”

“Đừng bận tâm tới cô ta,” Barbro nói. “Và khi đó tôi sẽ trở thành thứ gì đây?” Cô nói, và bắt đầu khóc thút thít, thở than.

“Không. Đó là lý do vì sao tôi chưa cam kết chắc chắn với cô ta.”

Và sau đó, Barbro phải có gì đó khoe khoang đáp lại; cô thú nhận về việc cô đã quen với một chàng trai ở Bergen, anh ta là người đánh xe cho một nhà máy bia, một khoản cổ phần lớn, và một địa vị tốt. “Và hiện giờ anh ta đang buồn bã vì tôi, không còn ngờ gì nữa,” Barbro nói, và hơi nức nở một lúc. “Nhưng anh biết chuyện thế nào mà, Axel; khi có hai người gần bó quá nhiều như tôi và anh, điều đó khiến tôi không thể nào quên được. Còn anh thì có thể quên tôi bao nhiêu tùy ý.”

“Cái gì! Tôi?” Axel nói. “Không, không cần phải nằm khóc than về chuyện đó, cô gái của tôi, vì tôi chưa bao giờ quên em.”

“Ồ....”

Barbro thấy khá hơn nhiều sau lời thú nhận đó và nói: “Dù sao, trả tiền lộ phí suốt cả chặng đường từ Mỹ khi không cần thiết...” Cô khuyên anh đừng dính dáng gì tới vụ đó nữa; nó sẽ rất ư tốn kém, và không cần thiết. Có vẻ như Barbro quyết tâm sẽ tự mình xây đắp hạnh phúc cho anh.

Họ thỏa thuận với nhau về mọi thứ suốt cả đêm. Họ không coi nhau như hai người xa lạ; họ đã bàn tới mọi điều trước đó. Ngay cả một lễ cưới cần thiết sẽ diễn ra trước ngày lễ Thánh Olaf và mùa thu hoạch; họ không cần phải che giấu điều gì, và lúc này chính Barbro mới là người nôn nóng nhất, chỉ muốn thực hiện nó ngay lập tức. Axel không dập tắt sự nôn nao của cô, và nó cũng không gọi lên cho anh bất kỳ ngờ vực nào; không hề, anh rất hài lòng và vô cùng an ủi khi thấy cô như thế. Phải, anh là một nông dân cần lao trên những cánh đồng, không còn ngờ gì nữa, một gã da dẻ dày cùi, không quen tô vẽ mọi sự, không chút gì thanh lịch; có nhiều thứ anh buộc phải làm, và anh tìm xem điều gì có ích trước tiên. Ngoài ra, đây là một Barbro hoàn toàn mới mẻ, xinh đẹp, và tử tế với anh, hầu như ngọt ngào hơn trước. Cô giống như một quả táo, và anh đã cắn vào nó. Việc kết hôn ở nhà thờ đã được thông báo.

Còn về đứa bé đã chết và vụ án, không bên nào nói một lời về chuyện đó.

Nhưng họ đã nói về Oline, bàn cách tống khứ bà đi. “Phải, bà ấy phải đi,” Barbro nói. “Dù sao,

chúng ta không phải cảm ơn bà ta về điều gì cả. Bà ta chẳng là gì ngoài một kẻ buôn chuyện và nham hiểm.”

Nhưng thực tế chứng minh rằng tổng khứ Oline không phải là một chuyện dễ dàng.

Ngay từ buổi sáng đầu tiên, khi Barbro xuất hiện, Oline đã thấy rõ, không còn ngờ gì nữa, về số phận của mình. Bà thấy khó chịu ngay lập tức, nhưng cố không để lộ nó ra, và mang ra một cái ghế. Cho tới lúc đó họ đã tìm được cách xoay xở ở Maaneland. Axel mang nước, gỗ đốt về và làm những công việc nặng nhọc, còn Oline làm những thứ còn lại. Và dần dần bà đã nghĩ tới việc ở lại nơi đây hết quãng đời còn lại của mình. Giờ đây Barbro xuất hiện và khuấy động lên mọi thứ.

“Giá mà chúng ta có dù chỉ một hạt cà phê trong nhà, cô sẽ có cà phê uống,” bà nói với Barbro. “Có lẽ cô sẽ đi lên xa nữa?”

“Không,” Barbro đáp.

“Thế ư! Không đi thêm nữa?”

“Không.”

“Sao chứ, đó không phải là việc của tôi, không,” Oline nói. “Có lẽ lại quay trở xuống?”

“Không. Cũng không trở xuống. Từ giờ tôi ở lại đây.”

“Cô ở lại đây, thật chứ?”

“Phải, ở lại đây, tôi ngờ là thế.”

Oline chờ một lúc, sử dụng cái đầu già cả của bà, vốn chứa đầy những cách thức khôn ngoan. “Phải, tốt,” bà nói. “Nó sẽ giúp tôi, không còn ngờ gì nữa. Và tôi cũng mừng không kém.”

“Ôi chu choa,” Barbro nói đùa, “phải chăng Axel đã quá khó khăn với bà trong thời gian qua?”

“Khó khăn với tôi? Axel!Ồ, không gì có thể xoay chuyển những lời của một kẻ già nua, không còn gì khác ngoài việc sống và chờ tới kết cục hạnh phúc. Axel giống như một người cha và vị thiên sứ từ Đấng Tối cao gửi tới tôi từng ngày từng giờ, và kinh Phúc âm cũng tin điều tương tự. Nhưng hãy nhìn xem, tôi không có ai là người thân ở đây, sống một thân một mình và bị bỏ rơi bên dưới mái nhà của một người lạ, với tất cả những người thân của tôi ở mé bên kia những ngọn đồi...”

Nhưng với tất cả những lời đó, Oline vẫn tiếp tục ở lại. Họ không thể tổng khứ bà đi cho tới sau lễ cưới, và Oline thỏa thuận một cách miễn cưỡng, nhưng cuối cùng nói “Được”, và sẽ ở lại tới lúc đó để làm vui lòng họ, sẽ trông nom nhà cửa gia súc trong lúc họ đi xuống nhà thờ. Việc đó mất hai ngày. Nhưng khi họ trở lên, đã kết hôn các thứ, Oline vẫn ở lì như trước. Bà hoãn lại việc lên đường; ngày này thì do bà không được khỏe, bà nói; ngày khác thì có vẻ như trời sẽ mưa to. Bà đền bù lại cho Barbro bằng những lời lẽ êm tai về thực phẩm.Ồ, thật là một khác biệt trong thực phẩm giờ đây ở trại Maaneland; giờ là một cuộc sống khác, và cả một khác biệt trong món cà phê.Ồ, bà không từ bất cứ chuyện gì, Oline đó; hỏi xin lời khuyên của Barbro về những điều bà biết rõ hơn cả cô. “Cô nghĩ sao, tôi có nên vắt sữa bò khi chúng đứng trong chuồng và có trật tự, hay tôi nên vắt sữa con bò Bordelin trước?”

“Bà có thể làm sao tùy ý.”

“Phải, đó chính là điều tôi luôn nói,” Oline cảm thán. “Cô đã ra ngoài thế giới và sống giữa những người cao quý và đẹp đẽ, và học hỏi được tất cả mọi điều. Khác với những kẻ như tôi.”

Phải, Oline không từ bất cứ chuyện gì, bà tìm cách gây niềm thích thú suốt ngày. Ngồi đó chuyện gẫu cà riềng cà tỏi với Barbro rằng bản thân bà từng là bạn thân tình nhất với cha cô, với Brede Olsen! Thế đấy, họ đã có cùng nhau những giờ thú vị, và người đàn ông tử tế và giàu có và vĩ đại từ đầu tới chân chính là Brede, và không bao giờ có một lời nói khó nghe trong miệng ông ta.

Nhưng chuyện này không thể kéo dài mãi thế; cả Axel lẫn Barbro đều không muốn giữ lại Oline thêm ngày nào nữa, và Barbro đã nhận lại toàn bộ công việc của bà. Oline không hề than phiền, nhưng bà ném những tia nhìn nguy hiểm vào bà chủ trẻ tuổi và thay đổi giọng điệu của mình đôi chút.

“Phải, một con người vĩ đại, đúng thế. Axel à, ông ta ở trong thị trấn một thời gian hồi mùa gặt năm ngoái – có lẽ anh đã gặp ông ta ở đó? Không, điều đó đúng, anh đang ở Bergen vào lúc đó. Nhưng ông ta đã vào thị trấn, đã vào; để mua một cái máy cắt cỏ và một cái máy bừa. Và bây giờ có người nào so được với Sellanraa ngoài anh đây? Không gì sánh được!”

Bà bắt đầu bắn ra những mũi kim châm nhỏ, nhưng ngay cả điều đó giờ đây cũng không giúp gì cho bà được; không ai trong hai người sợ bà. Một hôm Axel nói thẳng với bà rằng bà phải ra đi.

“Đi ư?” Oline nói. “Bằng cách nào? Bò đi, có lẽ thế?” Không, bà sẽ không đi, viện cớ rằng bà không khỏe, không thể nhích được đôi chân. Và để làm cho mọi chuyện tệ hết mức, một khi họ đã tước khỏi bà công việc, và bà chẳng còn việc gì để làm, bà lẩn đùng ra ốm suốt. Bà kéo dài suốt một tuần bất chấp việc Axel nhìn bà đầy giận dữ; nhưng bà đã ở lại nhờ sự nham hiểm, và cuối cùng bà phải nằm liệt giường.

Và giờ đây bà nằm đó, không hề chờ đợi kết cục được ban phúc lành của mình mà đếm từng giờ cho tới khi bà có thể đứng dậy đi lại được. Bà yêu cầu có một bác sĩ, một điều vô lý chưa từng nghe tới trong chốn rừng hoang.

“Bác sĩ à?” Axel nói. “Bà đã mất trí rồi sao?”

“Ý của cậu là gì?” Oline nói rất mềm mỏng, như thể có điều gì đó bà không thể hiểu. Phải, bà là người có cái lưỡi rất mềm mỏng dịu dàng; bà rất mừng khi nghĩ bà không cần là một gánh nặng đối với những người khác; bà có thể tự trả tiền cho bác sĩ.

“Thế ư, bà có thể sao?” Axel nói.

“Sao, vậy tôi không thể à?” Oline nói. “Và, dù sao thì cậu sẽ không để tôi nằm đó và chết như một con thú câm trước mặt Thượng đế phải không?”

Tới đây Barbro xen vào một câu, một câu rất thiếu khôn ngoan:

“Tốt, bà còn muốn than phiền về điều gì, tôi muốn biết, khi tôi tự mang thức ăn các thứ vào cho bà? Còn về cà phê, tôi đã nói tốt hơn là bà không có nó, và đó là ý tốt.”

“Có phải Barbro đó không?” Oline nói, chỉ xoay chuyển đôi mắt và không tìm kiếm cô nữa; phải, Oline đã quá kiệt sức rồi, và thật là một cảnh tượng thương tâm khi nhìn thấy đôi mắt bà xoay quanh khóe mắt. “Phải, có lẽ giống như cô đã nói, Barbro, nếu một giọt cà phê nhỏ xíu có thể gây hại cho tôi, thì một muỗng cũng thế, không hơn nữa.”

“Nếu tôi ở vào tình cảnh của bà, tôi sẽ nghĩ tới những thứ khác hơn là cà phê vào giờ này,” Barbro nói.

“Phải, giống như tôi nói,” Oline đáp. “Cách của cô là không bao giờ ước mong tới kết thúc của một con người, mà muốn cho họ cải đạo và sống. Đó... phải, tôi đang nằm đây và thấy mọi thứ... Cô có ở đó với em bé không, Barbro?”

“Đó là những gì bà nói?” Barbro la lên giận dữ; và nói tiếp: “Ồ, cách phục vụ đúng đối với bà là mang bà ra quảng lên trên đồng phân vì cái lưỡi xấu xa của bà.”

Và khi nghe câu nói đó, người bệnh im lặng suy nghĩ giây lát, miệng bà run run như thể cố sức mỉm cười, nhưng không dám.

“Tối qua tôi nghe có người gọi,” bà nói.

“Bà ấy mất trí rồi,” Axel thì thào nói.

“Không, tôi không mất trí. Nó giống như ai đó gọi. Từ trong rừng, hay có lẽ từ dòng suối trên kia. Nghe lạ lắm – như thể đó là tiếng khóc của trẻ con. Barbro đã ra ngoài rồi hả?”

“Phải,” Axel đáp. “Cô ta muốn bệnh vì những lời ngớ ngẩn của bà, chả có gì đáng ngạc nhiên.”

“Cậu bảo đó là ngớ ngẩn hả, và mất trí các thứ? A, nhưng không tới mức như cậu nghĩ đâu,” Oline nói. “Không, Đấng Toàn năng chưa muốn và chưa có lệnh đòi tôi tới trước Ngai và đứng trước Con chiên, với tất cả những gì diễn ra ở trại Maaneland này mà tôi biết. Tôi sẽ trở dậy và tới lui như cũ, đừng lo; nhưng tốt hơn cậu nên cho mời một bác sĩ tới, Axel, làm theo cách đó nhanh hơn. Về chuyện con bò mà cậu sẽ cho tôi thì sao?”

“Bò? Bò nào?”

“Con bò cái cậu đã hứa với tôi. Nó là Bordelin, có lẽ?”

“Bà đang nói quàng xiên,” Axel nói.

“Cậu biết cậu đã hứa cho tôi con bò thể nào cái hôm tôi cứu mạng cậu.”

“Không, tôi chưa bao giờ biết chuyện đó.”

Tới đây Oline ngẩng đầu lên và nhìn anh. Bà xám ngoét và hói trọc, một cái đầu ngóc lên trên một cái cần cổ dài, khằng khiu – xấu xí như một mụn phù thủy, như một con quỷ dạ xoa trong một câu chuyện. Và Axel giật mình với hình ảnh đó, anh thò bàn tay ra sau lưng sờ soạng để tìm cái then cửa.

“Thế ư,” Oline nói, “té ra cậu là loại người đó! Phải, đừng nói gì tới nó nữa. Tôi có thể sống mà không có con bò từ ngày hôm nay trở đi, và tôi không bao giờ nói hay thở ra một lời nào về nó nữa. Nhưng thật hay ho khi hôm nay cậu đã chứng tỏ cậu là loại người gì; giờ tôi đã biết. Phải, và tôi sẽ biết vào một lần khác.”

Nhưng đêm hôm đó Oline chết – ở một thời khắc nào đó trong đêm; dù sao, sáng hôm sau khi họ vào phòng, thân hình của bà đã lạnh.

Oline – một tạo vật già nua. Đã sinh ra và đã chết đi...

Axel và Barbro không buồn phiền gì khi chôn bà và dứt ra khỏi bà mãi mãi; giờ đây không còn gì chống đối họ nữa, họ có thể nghỉ ngơi. Barbro lại gặp rắc rối với những cái răng của mình, ngoài vụ đó, mọi chuyện đều tốt đẹp. Nhưng cái khăn len luôn che kín mặt nàng, và trượt sang một bên mỗi lần có một từ cần phải nói – chuyện đó quá rắc rối và phiền phức, và tất cả chứng đau răng này là một thứ gì đó quá bí ẩn đối với Axel. Anh đã nhận ra, tất nhiên, rằng nàng nhai thức ăn một cách thận trọng, nhưng không hề có cái răng nào mất đi trong miệng nàng.

“Em đã làm răng mới chưa?”

“Phải, tôi đã làm.”

“Và cả chúng cũng bị nhức hả?”

“Chà, anh và những câu ngớ ngẩn của anh!” Barbro bực dọc nói, vì những gì Axel hỏi là quá ngây ngô. Và trong niềm cay đắng của mình, cô buộc miệng thốt ra một điều quan trọng: “Chắc hẳn anh có thể thấy tôi đang bị làm sao mà?”

Cô ta đang bị làm sao? Axel nhìn chăm chú hơn, và nghĩ rằng cô tròn trịa hơn mức cần thiết.

“Sao, không thể như thế được – chắc hẳn là không có một em bé khác nữa đấy chứ?” Anh hỏi.

“Sao, anh biết rồi đó,” cô đáp.

Axel ngơ ngẩn nhìn cô. Anh là người suy nghĩ chậm chạp. Anh ngồi đó tính toán một hồi: một tuần, hai tuần, đang ở tuần thứ ba...

“Không, làm sao tôi biết...” anh nói.

Nhưng Barbro đã mất hết kiên nhẫn với việc tranh cãi này, và bùng nổ, hét toáng lên, khóc như một sinh vật bị thương trầm trọng: “Không, anh có thể mang tôi ra và chôn lấp cả tôi vào lòng đất, rồi anh sẽ rũ bỏ được tôi.”

Thật lạ, những chuyện kỳ quặc mà một phụ nữ có thể nghĩ ra và khóc vì chúng!

Axel chưa bao giờ nghĩ tới chuyện chôn cô xuống đất; anh là một gã da dẻ dày cùi, chỉ nhìn vào những điều ích lợi; một lối mòn trải thảm hoa nằm ngoài những nhu cầu của anh.

“Vậy em sẽ không thích hợp với công việc trên đồng vào hè này phải không?” Anh hỏi.

“Không làm việc?” Barbro nói, một lần nữa hoảng hồn. Và rồi – những điều mà một phụ nữ có thể nghĩ ra và mỉm cười vì chúng cũng thật lạ lùng! Axel, hiểu theo lối đó, gửi một dòng hân hoan diên đại lan tỏa khắp người Barbro, và nàng la lên: “Tôi sẽ làm việc cho cả hai người!Ồ anh đợi mà xem, Axel; tôi sẽ làm tất cả những gì anh giao cho tôi, và thêm nữa. Làm cho tới khi còn da bọc xương, tôi sẽ làm, và rất biết ơn nếu anh chịu đựng tôi như thế!”

Thêm nhiều nước mắt, nhiều nụ cười và sự triu mến thân thương sau đó. Chỉ có hai người

bọn họ giữa rừng, không có ai quấy rầy họ; những cánh cửa để mở và tiếng vo ve của lũ ruồi trong sức nóng mùa hè. Barbro rất dỗi dằn và sẵn lòng; phải, anh có thể làm gì tùy ý với cô, và cô sẵn lòng đón nhận.

Sau khi mặt trời lặn anh tự thắng cương bản thân vào chiếc máy cắt cỏ; anh vẫn có thể làm thêm chút nữa để chuẩn bị cho ngày mai. Barbro vội vã đi ra, như thể cô có điều gì đó quan trọng cần nói:

“Axel, làm sao anh có thể nghĩ tới chuyện đưa một người từ Mỹ về? Cô ta không thể tới đây trước mùa đông, và khi đó thì cô ta có ích lợi gì?”

Đó là điều vừa nảy ra trong đầu của cô, và cô phải chạy ra để nói như thể nó là một điều cần thiết.

Nhưng nó chẳng có gì cần thiết; Axel đã thấy ngay từ đầu rằng nhận lại Barbro có nghĩa là có sự trợ giúp suốt cả năm. Với Axel không hề có chuyện đóng đưa nhún nhảy, anh không đặt đầu mình vào giữa những vì sao để suy nghĩ. Giờ đây, khi đã có một người phụ nữ của riêng mình để coi sóc cái nông trại, anh có thể tiếp tục công việc đường dây điện thoại thêm một thời gian. Nó là một khoản tiền khá lớn trong năm và đáng được cân nhắc tới, miễn là anh kiếm đủ cho những nhu cầu của mình từ mảnh đất, và thêm chút ít để bán. Tất cả đều hoạt động tốt; thực tại tốt đẹp mọi bề. Và không phải lo nhiều từ phía Brede về chuyện đường dây điện thoại nữa, giờ anh đã là con rể của Brede.

Phải, giờ đây xem ra mọi chuyện đều ổn thỏa, đều tốt đẹp với Axel.

CHƯƠNG XI

Thời gian vẫn trôi; đông qua; xuân lại tới.

Một hôm Isak phải xuống làng. Để làm gì? “Không, tôi không biết,” anh nói. Nhưng anh cạo rửa sạch sẽ cỗ xe, gắn cái ghế ngồi vào, rồi đánh xe đi, mang theo nhiều đồ ăn thức uống nữa, sao không chứ? Mang xuống cho Eleseus ở Storborg. Không bao giờ có một con ngựa rời khỏi Sellanraa mà không có thứ gì đó để mang xuống cho Eleseus.

Việc Isak đánh xe xuống qua những truông hoang không phải là một sự kiện bình thường, vì anh hiếm khi đi, đa số là Sivert đi thay cho anh. Ở hai nông trại gần nhất ở mé dưới, những người trong trại ra đứng ở cửa lều và bảo nhau: “Đó chính là Isak; không biết hôm nay ông ta xuống làm gì nhỉ?” Và khi anh xuống tới nông trại Maaneland, Barbro đang ngồi cạnh ô cửa sổ lấp lánh với một em bé trên tay. Cô trông thấy anh và nói: “Đó chính là Isak!”

Anh xuống tới Storborg và dừng xe lại. “Xùy! Có Eleseus ở nhà không?”

Eleseus bước ra. Phải, cậu đang ở nhà; chưa lên đường, nhưng cũng sắp thực hiện một chuyến đi mùa xuân xuống mấy thị trấn miền nam.

“Đây là mấy thứ mẹ con gửi xuống,” cha cậu nói. “Không biết là gì nữa, nhưng ta cho là không có gì nhiều lắm.”

Eleseus nhận chúng, cảm ơn và hỏi:

“Con cho là không có một lá thư hay thứ gì đại loại?”

“Có,” Isak đáp, lần tìm trong mấy cái túi. Ta nghĩ họ nói là của bé Rebecca gửi.”

Eleseus nhận thư, đó là thứ mà cậu mong chờ. Cảm thấy nó khá dày và nói với cha cậu:

“Chà, thật may là cha tới đúng lúc, vì hai hôm nữa là con lên đường. Nếu cha muốn ở lại một ít lâu, cha có thể dùng cái rương của con để xuống làng.”

Isak xuống xe và cột con ngựa, rồi đi dạo một vòng quanh mảnh đất. Anh chàng Andresen nhỏ thó không phải là một người canh tác đất đai tồi khi ở lại giúp việc cho Eleseus; đúng là anh ta có sự trợ giúp của Sivert ở Sellanraa cùng với mấy con ngựa, nhưng anh ta đã tự mình làm được khá nhiều việc, tháo nước các đầm lầy, và tự thuê thêm một người để lát đá những cái mương. Năm đó, và cả năm kế tiếp, có thể Storborg không cần phải mua cỏ khô, nếu Eleseus muốn nuôi một con ngựa cho riêng mình. Nhờ có Andresen và cách thức anh ta làm việc.

Một lúc sau, Eleseus gọi ra rằng cậu đã chuẩn bị xong hành lý. Xong cho cả chính cậu nữa, qua vẻ ngoài của cậu: cậu mặc một bộ vét xanh đẹp đẽ, cổ còng trắng, đi giày cao su, và một cây ba toong. Phải, cậu sẽ phải chờ tàu hai ngày, nhưng không quan trọng, cậu phải chờ khi xuống làng, chờ ở đây hay ở đó thì cũng như nhau cả.

Thế là hai cha con đánh xe đi. Andresen đứng ở cửa tiệm nhìn theo họ và chúc một chuyến đi

thứ vị.

Isak chỉ lo cho cậu con trai và muốn cậu ngồi ở ghế sau. Nhưng Eleseus không chịu và lên ngồi bên cạnh anh. Họ tới Breidablik, và đột nhiên Eleseus chợt nhớ ra đã quên thứ gì đó.

“Xùy! Gì thế?” Isak hỏi.

Ồ, cây dù của cậu! Eleseus đã bỏ quên cây dù; nhưng cậu không thể giải thích mọi thứ về nó nên chỉ nói: “Không sao, cứ đi tiếp thôi cha.”

“Con không muốn quay lại à?”

“Không, đi tiếp đi.”

Nhưng thật là phiền toái, làm thế nào mà cậu bỏ quên nó chứ? Không có gì phải vội, dù cha cậu đang chờ ở đó. Được, tốt hơn hết cậu sẽ mua một cây dù mới ở Trondhjem khi nào tới đó. Việc cậu có một hoặc hai cây dù không quan trọng. Nhưng chỉ vì chuyện đó mà Eleseus thấy không vui; đến độ cậu nháy xuống và đi bộ phía sau.

Họ hầu như không thể trò chuyện nhiều trên đường sau đó, khi mỗi lần như thế Isak phải quay đầu lại và nói qua vai mình. Isak hỏi: “Con sẽ đi bao lâu?”

Eleseus đáp: “Ồ, khoảng ba tuần, có lẽ, hoặc một tháng ở ngoài.”

Cha cậu ngạc nhiên về việc những thị dân làm thế nào để không đi lạc và không bao giờ tìm thấy đường về ở những thị trấn lớn. Nhưng Eleseus đáp, về chuyện đó, cậu đã quen sống trong các thị trấn và chưa bao giờ lạc đường, chưa hề trong đời cậu.

Isak nghĩ thật là tệ hại nếu cứ ngồi đó một mình, và gọi: “Nè, con lên đây và đánh xe một lúc; cha thấy mệt.”

Eleseus không muốn cha cậu bị mệt nên trèo lên ngồi cạnh anh trở lại. Nhưng trước hết họ phải ăn gì đó, từ cái túi nhét đầy thức ăn của Isak. Sau đó họ lại tiếp tục đi.

Họ xuống tới hai mảnh đất xa nhất ở mé dưới; dễ thấy rằng giờ họ đã gần tới làng; cả hai ngôi nhà đều có màn cửa sổ trắng treo trong những ô cửa sổ nhỏ hướng về phía đường cái, và có một cái cột cờ trên nóc vừa cỡ khô để treo cờ vào ngày Quốc khánh. “Đó chính là Isak,” những người dân của hai nông trại mới nói khi chiếc xe đi ngang qua.

Cuối cùng Eleseus cũng dẹp bỏ những suy nghĩ về chuyện riêng của mình và bản thân quý báu của mình để hỏi: “Hôm nay cha đánh xe xuống chi vậy?”

“Ừm,” cha cậu đáp. “Hôm nay không có gì nhiều. Nhưng nói cho cùng, Eleseus sắp đi xa, có lẽ nói cho cậu biết cũng không có hại gì. “Cha xuống là vì Jensine, con gái của ông thợ rèn,” anh nói; phải, anh đã thú nhận khá nhiều.

“Sao cha phải tự đi xuống vì chuyện đó? Sivert không đi được hay sao?” Eleseus hỏi. Phải, Eleseus không biết gì hơn ngoài việc nghĩ rằng Sivert nên xuống nhà ông thợ rèn để đón Jensine, sau khi cô ta đã nghĩ quá nhiều tới bản thân khi rời khỏi Sellanraa!

Không, mọi thứ đều lệch lạc với việc phơi cỏ năm trước. Inger đã làm hết khả năng như lời nàng hứa. Leopoldine cũng góp một tay, chưa kể tới việc có một cái máy cào cỏ dùng ngựa kéo.

Nhưng phơi cở là một công việc nặng nhọc, và các đồng cở quá lớn. Sellanraa giờ là một nông trại lớn, và đám phụ nữ còn có những việc khác phải coi sóc ngoài việc phơi cở: cả một đàn gia súc, các bữa ăn, giặt giũ đồ đạc, nướng bánh mì; cả hai mẹ con đã phải làm hết sức. Isak sẽ không để cho một mùa hè như thế xảy ra nữa; anh quyết định ngay rằng Jensine nên trở lại nếu có thể đón cô bé được. Cả Inger cũng không phản đối lời nào về chuyện đó; nàng đã bình tâm tĩnh trí lại, và bảo: “Phải, cứ làm những gì anh cho là tốt nhất.” Phải, giờ đây Inger đã suy nghĩ hợp tình hợp lý hơn; bình tâm tĩnh trí lại sau một cuộc đam mê không phải là chuyện nhỏ. Inger không còn tràn đầy máu nóng cần được phóng thích, không còn đầy những đam mê cuồng dại cần đặt vào vòng vòng kiểm soát nữa, mùa đông đã làm nàng nguội lại; giờ đây trong nàng không còn gì ngoài sự ấm áp cần phải có. Nàng đã trở nên cứng cáp hơn, tốt đẹp và trang nghiêm. Một phụ nữ tuyệt vời trong việc giữ gìn, tránh khỏi sự tàn tạ dần dà; là vì nàng bùng nổ muộn. Ai có thể nói được mọi sự sẽ tới đâu? Không việc gì xảy đến từ một nguyên do đơn lẻ mà từ rất nhiều nguyên do. Không phải Inger chính là người nổi tiếng nhất đối với vợ của ông thợ rèn hay sao? Bất kỳ bà vợ của một ông thợ rèn nào có thể nói gì chống lại nàng? Với cái môi sứt của mình, nàng từng bị đối xử tệ hại khi còn tuổi thanh xuân, và sau đó, đã bị giam trong bầu không khí giả tạo và đánh mất sáu năm trong lứa tuổi mùa hè của nàng; với sức sống vẫn còn bên trong nàng, làm sao mùa thu của đời nàng không mang tới một sự tăng trưởng sai lầm? Inger tốt hơn hẳn những bà vợ của các ông thợ rèn – hơi hư hỏng chút chút, hơi lệch lạc chút chút, nhưng có bản chất tốt, có bản chất thông minh... phải...

Hai cha con đi xuống, họ tới quán trọ của Brede Olsen và đưa con ngựa vào chuồng. Lúc này trời đã xế. Họ tự bước vào nhà.

Brede Olsen đã thuê lại ngôi nhà này; trước kia nó là một ngôi nhà phụ, thuộc về ông chủ tiệm tạp hóa, nhưng giờ đã được nâng cấp với hai phòng khách và hai phòng ngủ; không có phòng nào quá tệ, và còn trong tình trạng tốt. Những khách tới uống cà phê và thôn dân quanh vùng đáp tàu hơi nước thường ghé vào đó ở trọ.

Dường như Brede đã tới hồi may mắn, đã tìm ra một điều gì đó phù hợp với y, và y nên cảm ơn vợ mình vì điều đó. Chính vợ y là người đã nảy ra ý tưởng về quán cà phê và nhà trọ vào cái hôm chị ta ngồi bán cà phê trong cuộc bán đấu giá ở Breidablik; buôn bán thứ gì đó thật là một việc thú vị, cảm nhận những đồng tiền nằm trong những ngón tay của mình. Từ hồi xuống đây họ đã xoay xở tốt, bán cà phê một cách nghiêm chỉnh, và mang đến một chỗ trọ qua đêm cho nhiều người dân không còn nơi nào khác để đặt đầu lên gối. Vợ của Brede là một phúc lành cho những kẻ du hành. Dĩ nhiên chị ta có một trợ thủ đắc lực, đó là Katrine, con gái chị ta, giờ đã là một cô gái lớn, thông minh trong công việc hầu bàn – dù chuyện đó chỉ kéo dài một thời gian, tất nhiên; chẳng bao lâu nữa cô bé Katrine phải có công việc gì đó tốt hơn là hầu bàn cho mọi người trong nhà cha mẹ mình. Nhưng hiện tại họ kiếm tiền khá ổn, và đó là điều chủ yếu. Khởi đầu đã đầy may mắn, và có thể tốt hơn nữa nếu ông chủ quán không hết bánh ngọt và bánh quy để phục vụ kèm với cà phê; ở đây ngày nào cũng là ngày tiệc khi khách khứa gọi bánh kèm với cà phê, những thứ bánh quy và bánh ngọt! Đó là một bài học cho ông chủ quán để tích trữ đủ nguồn hàng vào lần khác.

Gia đình này, và bản thân Brede, đã xoay xở để sống tốt nhất dựa vào tiền kiếm được. Khá nhiều bữa ăn chẳng có gì ngoài cà phê và bánh cũ còn lại, nhưng chúng giữ cho họ sống sót, và

tạo cho lũ trẻ một vẻ ngoài mảnh dẻ, khá thanh tú. Không phải ai cũng được ăn bánh với cà phê, thôn dân bảo thế. Phải, có vẻ như Brede đang sống ổn; thậm chí họ còn nuôi được một con chó. Nó chạy quanh quần để xin ăn những khách hàng, kiếm được đôi chút ở nơi này nơi khác và trở nên béo tốt. Một con chó béo tốt trong nhà là một cách quảng cáo rất ăn khách cho một căn nhà trọ; nó nói lên sự ăn uống ngon lành ở bất kỳ nơi đâu.

Brede là đức ông chồng, là người cha trong nhà, và ngoài vị trí đó còn có nhiều vị trí khác. Trước kia y từng là trợ lý cho ngài Lensmand, và có nhiều việc để làm trong một thời gian. Không may là cô con gái Barbro của y đã có xích mích với Lensmand phu nhân hồi mùa thu năm ngoái, về một chuyện nhỏ nhặt, không đâu – thật thế, nếu nói ra sự thật: chỉ vì một con bọ chết; và bản thân Brede cũng bị thất sủng từ dạo đó. Nhưng Brede xem chuyện đó không phải là một tổn thất lớn, nói cho cùng; hiện giờ có những gia đình khác tìm công việc cho y để chộc tức bà vợ của ngài Lensmand; y thường được nhờ làm việc này việc khác, chẳng hạn đánh xe cho ông bác sĩ, còn về phần ông cha xứ, họ rất vui lòng cho gọi Brede mỗi khi cần giết thịt một con heo, và còn nhiều nữa – chính Brede nói thế.

Nhưng với tất cả những điều đó, đôi khi cũng có những thời điểm khó khăn trong ngôi nhà của Brede; không phải cả gia đình đều béo tốt và được ăn uống đầy đủ như con chó. Tuy nhiên, xin ngợi ca Trời đất, Brede không phải là một người hay chuốc lấy những phiền não vào lòng. “Lũ trẻ ở đây lớn lên từng ngày,” y nói, dù về vấn đề đó, luôn luôn có những đứa bé mới chào đời để chiếm chỗ của chúng. Những đứa đã trưởng thành và vào đời có thể tự lo cho chúng, và thỉnh thoảng gửi về nhà chút đỉnh. Có Barbro đã lấy chồng ở Maaneland, và Helge đã ra làm việc ở trại cá trích; chúng thường gửi về nhà tiền mặt hoặc những thứ có giá trị tiền bạc khi nào có thể; phải, ngay cả Katrine, đang làm hầu bàn ở nhà, cũng xoay xở cách nào đó, thật lạ lùng, để nhét vào tay cha nó một tờ giấy bạc năm Kroner vào mùa đông năm ngoái, khi mọi chuyện có vẻ cực kỳ tồi tệ. “Con là một cô gái ngoan,” y nói, và không bao giờ hỏi con bé lấy từ đâu ra số tiền đó, hay để làm gì. Phải, cách thức là như thế! Con cái có tấm lòng nghĩ tới cha mẹ chúng và giúp đỡ họ vào những khi túng thiếu!

Brede không hoàn toàn hài lòng với thằng Helge con trai y về chuyện đó; y thường phát biểu khi đứng trong tiệm với một nhóm nhỏ bao quanh, đưa ra những lý thuyết về con cái và bốn phận của chúng đối với cha mẹ. “Nào, cứ nhìn thằng Helge con trai của tôi xem; nếu nó hút vài điếu thuốc, hay thỉnh thoảng nhấp một ngụm rượu, tôi không có gì phản đối về điều đó, tất cả chúng ta đều có một thời tuổi trẻ. Nhưng sẽ không đúng khi cứ gửi hết lá thư này sang lá thư nọ về nhà nhưng chẳng có gì ngoài những câu chữ và lời cầu chúc. Khiến cho mẹ mình phải khóc là điều không đúng. Đó là một con đường sai lầm đối với một cậu con trai. Vào thời trước, mọi chuyện khác hẳn. Con cái vừa lớn lên đã đi làm việc và bắt đầu gửi về nhà một ít để giúp đỡ. Và chuyện đó hoàn toàn đúng đắn. Chẳng phải đầu tiên cha mẹ chúng đã sinh chúng ra dưới ngực họ, và đổ mồ hôi nước mắt để nuôi chúng lớn khôn hay sao? Thế rồi chúng quên hết cả!”

Dường như Helge đã nghe thấy lời diễn thuyết của cha mình, vì sau đó cậu đã gửi về một lá thư có kèm theo tiền bên trong – đúng năm mươi Kroner. Và gia đình Brede trải qua một thời gian vui vẻ; phải, trong cơn tiêu pha bất tận của mình, họ mua cả thịt và cá cho bữa tối, và một cái đèn trần nhiều ngọn để treo trên trần nhà của căn phòng tốt nhất.

Theo cách nào đó, họ đã xoay sở tốt, và họ còn có thể đòi hỏi thêm gì nữa? Gia đình Brede, họ vẫn sống, chỉ vừa đủ sống, nhưng không có những nỗi lo sợ lớn. Họ còn có thể ao ước gì hơn?

“Đây thật sự là những vị khách!” Brede nói, dẫn đường Isak và Eleseus vào căn phòng có cái đèn trần mới. “Và tôi không bao giờ nghĩ sẽ được gặp. Isak, anh chưa bao giờ rời khỏi nhà cả, phải không?”

“Không, chỉ tới nhà ông thợ rèn có chút việc, thế thôi.”

“Thế ư, còn đây là Eleseus, lại đi xuống miền nam à?”

Eleseus đã quen với những khách sạn; cậu tự nhiên như ở nhà, treo áo khoác và gậy lên tường và gọi cà phê; còn về chuyện thức ăn, cha cậu đã có các thứ trong một cái giỏ. Katrine bung cà phê vào.

“Trả tiền à? Tôi không muốn nghe tới chuyện đó,” Brede nói. “Tôi đã ăn ở Sellanraa nhiều lần; còn về phần Eleseus, tôi vẫn còn nợ cậu ấy. Đừng cầm nó, Katrine.” Nhưng Eleseus vẫn trả tiền, moi cái ví ra và thanh toán số tiền, thêm hai mươi hào tiền bo; cậu không thích lời thôi.

Isak đi tới nhà ông thợ rèn, còn Eleseus vẫn ở nguyên tại chỗ.

Cậu nói đôi lời với Katrine theo phép lịch sự, nhưng không nhiều hơn mức cần thiết; thà cậu trò chuyện với cha mình còn hơn. Không, Eleseus không quan tâm tới những người đàn bà; đã một lần bị họ làm cho khiếp hãi, có thể nói thế, và giờ đây không chú ý tới họ nữa. Cậu không còn sở thích gì trong chuyện đó, và thấy giờ đây mình đã hoàn toàn thoát khỏi nó. Một con người lạ lùng không thể sống trong chốn hoang vu; một quý ông với đôi bàn tay thư sinh trắng trẻo, và ý thức được sự lộng lẫy của một người phụ nữ, những chiếc gậy ba toong, những cây dù và những đôi giày cao su. Đã bị làm cho khiếp sợ, và đã đổi thay, không hiểu vì sao vẫn là một người đàn ông chưa vợ. Thậm chí môi trên của cậu chưa có nét hằn thô bạo nào của tuổi trưởng thành. Song có thể chàng trai này đã khởi đầu khá ổn, xuất thân từ thành phần tốt, nhưng rồi sau đó lại bị chìm trong một bầu không khí giả tạo, và bị làm cho méo mó, lệch lạc đi? Giá như cậu làm việc thật chăm chỉ trong một văn phòng, một cửa tiệm, toàn bộ tính cách của cậu có mất đi theo cách đó hay không? Phải, có lẽ là như thế. Dù sao đi nữa, lúc này cậu đang ở đây, dễ dãi và lạnh nhạt, hơi yếu mệt, lơ là, đi càng lúc càng xa khỏi con đường. Cậu có thể ganh tỵ với mọi người quen biết ở chốn rừng hoang, nhưng thậm chí không còn sức để làm điều đó.

Katrine đã quen nói đùa với khách hàng của mình, cô hỏi một cách trêu cợt rằng có phải cậu lại lên đường tới thăm người yêu ở miền nam hay không.

“Tôi có nhiều chuyện khác phải nghĩ tới,” Eleseus đáp. “Tôi đi để làm ăn, mở ra những mối liên hệ mới.”

“Nếu không còn việc gì thì tốt hơn con nên ra ngoài thôi, Katrine,” cha cô quả trách.Ồ, Brede Olsen rất mực tôn trọng Eleseus, vì cậu rất khả kính. Và y có thể yên ổn, nếu khôn ngoan một chút, theo cái cách y nợ tiền ở Storborg, và lúc này vị chủ nợ đang ở trước mặt y. Còn Eleseus? Chà, toàn bộ những vẻ tôn kính chiều chuộng này khiến cậu rất hài lòng, và cậu tỏ ra tử tế hòa nhã để đáp lại; gọi đùa Brede là “ngài thân mến của tôi,” và cứ tiếp tục theo cách đó. Cậu nhắc tới việc đã để quên cây dù: “Đúng lúc chúng tôi đi ngang qua Breidablik, tôi mới nhớ tới cây dù;

đã bỏ quên nó lại.”

Brede hỏi: “Có lẽ tối nay cậu sẽ sang cái quán nhỏ của tôi để uống chút gì chứ?”

Eleseus đáp: “Phải, có thể, nếu chỉ có mình tôi. Nhưng còn có cha tôi ở đây.”

Brede thấy vui vẻ trong bụng nên tiếp tục cà riềng cà tỏi: “Ngày mốt có một anh chàng ghé qua đây trên đường sang Mỹ.”

“Đã về thăm nhà, ý ông là thế?”

“Phải. Anh ta ở mé trên làng. Đã đi xa nhiều năm, và về thăm nhà vào mùa đông. Cái rương của anh ta đã được mang xuống đây trước bằng xe ngựa. Một cái rương cực đẹp.”

“Bản thân tôi từng nghĩ tới việc sang Mỹ một hai lần,” Eleseus thành thật nói.

“Cậu à?” Brede la lên. “Sao, chắc chắn là những người như cậu không cần phải đi theo con đường đó!”

“Chà, tôi không nghĩ tới việc sang đó sống mãi mãi. Nhưng hiện giờ tôi đã đi du lịch rất nhiều nơi rồi, tôi cũng nên làm một chuyến sang đó.”

“Phải, dĩ nhiên, tại sao không? Và họ bảo ở Mỹ có cả đồng tiền của và phương tiện. Cái anh chàng mà tôi nói lúc nãy, anh ta đã trả khối tiền cho những tiệc tùng lễ lạc suốt mùa đông vừa rồi, và tới đây nói với tôi, ‘Hãy cho chúng tôi ít cà phê, một nồi đầy, và tất cả số bánh ông có.’ Cậu muốn xem cái rương của anh ta không?”

Họ cùng ra hành lang để nhìn cái rương. Một vật diệu kỳ để ngắm nhìn trên quả đất, mọi góc cạnh đều sáng chói những kim loại, móc cài và dây buộc, và có tới ba cái nắp, chưa kể tới một cái ổ khóa.

“Để chống trộm,” Brede nói, như thể bản thân y đã thử qua nó.

Họ quay lại phòng, nhưng Eleseus trở nên trầm tư. Cái gã người Mỹ ở mạn trên làng này đã hơn hẳn cậu; cậu chẳng là gì bên cạnh một người như thế. Đi ra ngoài trong những chuyến du hành như bất kỳ một quan chức cấp cao nào; phải, Brede nhặng xị lên về anh ta cũng là lẽ tự nhiên thôi. Eleseus gọi thêm cà phê, và cũng cố sắm vai một người giàu có; gọi bánh kèm theo cà phê và cho con chó ăn – và trong suốt thời gian đó cảm thấy mình chẳng có chút giá trị gì, vô cùng chán nản. Cái rương của cậu có là gì bên cạnh vật kỳ diệu ngoài kia? Nó nằm đó, bằng vải đen với các góc đã xác xơ mòn rách; một cái túi xách, không hơn – chà, nhưng hãy đợi đấy! Cậu sẽ mua một cái rương khi tới các thị trấn, nó phải là một vật tuyệt vời, chỉ cần chờ đấy!

“Thật đáng tiếc khi cho con chó ăn như thế,” Brede nói.

Và Eleseus cảm thấy khá hơn với câu nói đó, lại sẵn sàng khoe mẽ. “Thật đáng ngạc nhiên khi một con vật có thể béo đến thế,” cậu nói.

Ý nghĩ này nối tiếp ý nghĩ kia: Eleseus cắt ngang cuộc chuyện trò với Brede và đi ra chuồng ngựa để thăm con ngựa. Và ở đó, cậu móc ra khỏi túi một lá thư và mở nó ra. Trước đó, cậu đã cất nó ngay vào túi, không bận tâm tới việc xem số tiền trong đó là bao nhiêu; cậu từng nhận nhiều lá thư nhà loại đó trước đây, và luôn có một số giấy bạc bên trong – một thứ giúp cho cậu sống trên đường. Gì thế này? Một tờ giấy xám khổ to nguệch ngoạc đầy những chữ: bé Rebecca

viết cho anh trai Eleseus của nó, và vài câu của mẹ cậu. Còn gì khác không? Không có gì khác. Không một đồng xu.

Mẹ cậu viết rằng bây giờ bà không thể hỏi xin tiền của cha cậu thêm nữa, vì chẳng còn lại gì nhiều lắm từ tất cả khoản tiền họ bán cái mỏ đồng lần đó; tiền đã được dùng để mua Storborg, và trả cho tất cả những thứ hàng hóa sau đó, cả những cuộc du hành của Eleseus nữa. Cậu phải cố tự mà xoay xở lần này, vì số tiền còn lại phải dành cho em trai và hai em gái của cậu, không thể không có chút gì cho chúng. Và một chuyến đi vui thú, và mẹ thương yêu của con.

Không có tiền.

Bản thân Eleseus không đủ tiền chi dụng cho mình; cậu đã vét sạch thùng tiền ở Storborg, và cũng chẳng nhận gì.Ồ, nhưng cậu thật là ngốc khi đã gửi số tiền đó cho những nhà buôn ở Bergen để đặt cọc; không cần phải vội làm chuyện đó; lẽ ra cậu nên gác lại khoản thanh toán đó. Tất nhiên, lẽ ra cậu nên mở lá thư ra trước khi bắt đầu những tiêu xài; lẽ ra cậu có thể tiết kiệm được trong chuyến đi xuống làng với cái rương khốn khổ của cậu các thứ. Và ở đây cậu đã...

Cha cậu quay về từ nhà ông thợ rèn sau khi giải quyết xong công chuyện ở đó; Jensine sẽ quay lại với anh vào sáng hôm sau. Và Jensine, bạn thấy đó, đã từng hoàn toàn trái ngược và khó mà thuyết phục, nhưng lần này đã ngay lập tức nhận ra rằng ở Sellanraa họ đang cần người giúp đỡ trong mùa hè, và sẵn sàng tới đó. Một lần nữa, đó là cách làm đúng đắn.

Trong lúc cha cậu nói, Eleseus ngồi ngẫm nghĩ về những việc của riêng mình. Cậu chỉ cho cha mình thấy cái rương của người Mỹ, và bảo: “Con chỉ ước gì được đi tới nơi mà từ đó cái rương này đã đến.”

Và cha cậu đáp: “Phải, có lẽ việc đó cũng không tệ lắm.”

Sáng hôm sau Isak chuẩn bị lên đường quay trở về nhà; lấy thức ăn, thắng ngựa vào xe và đánh xe qua nhà ông thợ rèn để đón Jensine và hành lý của cô. Eleseus đứng nhìn theo họ khi họ ra đi; và khi họ đã khuất dạng sau rừng, cậu trả tiền ở trọ, và mọi thứ xong xuôi. “Cô có thể để cái rương của tôi ở đây cho tới khi tôi quay lại,” cậu nói với Katrine, rồi rời quán trọ.

Eleseus đi đâu? Chỉ còn một nơi để đi; cậu quay trở lại, trở về nhà. Vì thế cậu lại đi theo con đường ngược lên những ngọn đồi, thận trọng không tới gần cha cậu và Jensine quá để họ không nhìn thấy cậu. Tiếp tục bước đi. Lúc này cậu bắt đầu ghen ghét với mọi người ở chốn rừng hoang.

Eleseus thật đáng thương, cậu đã đổi thay.

Cậu có tiếp tục buôn bán ở Storborg hay không? Nó đã vậy rồi; không có gì để gây dựng sự nghiệp ở đó, và Eleseus đã đi ra ngoài quá nhiều, thực hiện những chuyến đi mua bán thú vị để mở rộng những mối liên hệ, và nó tốn kém quá nhiều; cậu không đi một cách tiết kiệm. “Việc này chả có nghĩa lý gì cả,” Eleseus nói, và đưa ra hai mươi hào khi cậu có thể tiết kiệm được mười hào. Việc buôn bán không thể chống đỡ nổi cho một người có cách tiêu xài phung phí như cậu, cậu phải nhận thêm tiền trợ cấp ở nhà. Ở Storborg cũng có một nông trại, với khoai tây, lúa mạch và cỏ khô đủ dùng cho chính nó, nhưng tất cả những thứ cần dùng khác phải đến từ Sellanraa. Nào phải chỉ thế thôi. Sivert phải chở các thứ hàng hóa từ tàu hơi nước cho anh

cậu miễn phí. Và phải chăng chỉ có thế? Mẹ cậu phải bòn rút tiền của cha cậu để chi trả cho những chuyến đi của cậu. Nhưng phải chăng tất cả chỉ có thế?

Điều tệ hại nhất sắp tới rồi.

Elseus điều hành công việc kinh doanh của mình như một gã ngốc. Cậu thỏa mãn khi dân chúng từ dưới làng lên mua hàng ở Storborg, vì vậy khi được đề nghị cậu sẵn lòng cho họ mua chịu ngay; và khi chuyện này được lan truyền ra, ngày càng có nhiều người tới mua chịu. Toàn bộ đi dần tới chỗ tiêu tan hủy hoại. Elseus là một người dễ tính, và cứ sống theo bản tính đó; cửa tiệm trống rỗng rồi đầy trở lại. Tất cả đều phải tốn tiền. Và ai trả khoản đó? Cha cậu.

Thoạt tiên, mẹ cậu là một phát ngôn viên trung thành của cậu về mọi mặt. Elseus là một bộ óc thông minh của gia đình; họ phải giúp cậu đi lên và cho cậu một bước khởi đầu; rồi cứ nghĩ xem cậu đã mua được Storborg rẻ như thế nào, nói thẳng ngay ra số tiền cậu sẽ trả để có nó! Khi cha cậu nghĩ rằng theo cách nào đó công việc làm ăn đã đi sai đường, chỉ là một sự ngu xuẩn, mẹ cậu bênh vực cậu: “Làm thế nào anh có thể đứng đó và nói một điều như thế chứ?” Phải, bà đã trách móc cha cậu về việc sử dụng những lời lẽ như thế đối với con trai của mình; có lẽ Isak đã quên đi vị trí của mình khi nói thế về Elseus.

Vì bạn thấy đó, bản thân mẹ cậu đã từng ra ngoài thế giới; bà hiểu việc sống trong chốn rừng hoang khó khăn đến thế nào đối với Elseus, vốn đã quen với những thứ tốt đẹp hơn, quen đi lại trong xã hội, và không có ai cùng đẳng cấp gần bên cạnh. Cậu đã liều lĩnh quá mức trong những giao dịch với mọi người, trong số đó chẳng có ai tốt lành cả; nhưng ngay cả khi đó, cậu không hề có toan tính xấu xa nào về việc ăn tàn phá hại cha mẹ mình, mà chỉ đơn thuần do lòng tốt và bản tính cao thượng; cách sống của cậu là giúp cho những người không tốt đẹp và cao quý như cậu. Sao chứ, không phải cậu là người duy nhất trong vùng dùng những chiếc khăn tay trắng được thường xuyên giặt sạch hay sao? Khi mọi người đến với cậu một cách tin tưởng và xin mua chịu, nói cho cùng, nếu cậu nói “Không”, họ có thể hiểu sai về cậu, như thế cậu không phải là con người cao quý mà họ đã nghĩ. Ngoài ra cậu thấy có một bốn phận nhất định đối với những người quen biết, với tư cách là một người lớn lên trong thị trấn, một thiên tài trong tất cả bọn họ.

Phải, mẹ cậu đã in trí tất cả những điều ấy trong đầu.

Nhưng cha cậu, không bao giờ hiểu chút xíu gì về điều đó, một hôm đã làm cho mẹ cậu sáng mắt ra, và bảo:

“Cô nhìn đây. Đây là tất cả những gì còn lại của số tiền bán khu mỏ.”

“Tất cả chỉ có thế sao?” Bà nói. “Thế số kia đi đâu?”

“Elseus, nó đã dùng số còn lại.”

Và bà đã vỗ hai tay vào nhau khi nghe nói thế, tuyên bố rằng đã tới lúc Elseus bắt đầu dùng tới trí thông minh của cậu.

Elseus tội nghiệp, tất cả đã kết thúc và bị tiêu phí hết. Có lẽ sẽ tốt hơn nếu cậu vẫn ở lại làm việc trên mảnh đất trong suốt thời gian đó, nhưng giờ đây cậu là một thanh niên đã học cách viết và sử dụng những ngôn từ; trong cậu không có sự kềm giữ, không một chiều sâu nào. Với

tất cả những điều đó, cậu vẫn không phải là một con quỷ xấu xa. Eleseus là một kẻ không có tình yêu, không tham vọng, hầu như không có gì cả, thậm chí một điều xấu ở bất kỳ chiều kích nào.

Có một vận số không may, tệ hại nào đó ở chàng thanh niên này, như thể một thứ gì đó đã bị thối rửa dần từ bên trong con người cậu. Viên kỹ sư đến từ thị trấn đó, một người tốt – có lẽ sẽ tốt hơn, nếu ông ta không phát hiện ra chàng trai hồi cậu còn bé và mang cậu tới đó để biến cậu thành như thế này; đứa bé đó đã đánh mất cội rễ của mình, và do đó đã gánh chịu khổ đau. Tất cả những gì cậu quay sang bây giờ chỉ dẫn tới một điều gì đó nung nấu trong lòng cậu, một cái gì đó tối tăm chống lại ánh sáng...

Eleseus đi, đi mãi. Hai người trong cỗ xe ngựa ở phía trước đã đi ngang qua Storborg. Eleseus đi vòng một đoạn xa, và cả cậu cũng đi qua nó; cậu sẽ làm gì ở đó, ở nhà cậu, ở cái trạm mua bán và cửa tiệm của cậu? Hai người đi xe ngựa về tới Sellanraa lúc màn đêm vừa buông xuống; Eleseus theo sát gót họ. Thấy Sivert bước ra sân, hoàn toàn kinh ngạc khi gặp lại Jensine, cả hai bắt tay nhau và cười rộ một chút, rồi Sivert tháo dây cương ra và dắt con ngựa vào chuồng.

Eleseus mạo hiểm tới gần hơn; niềm kiêu hãnh của gia đình, cậu tới gần thêm chút nữa. Không đi hiên ngang, mà lén lút; cậu tới gặp Sivert trong chuồng ngựa. “Anh đây mà,” cậu nói.

“Sao, cả anh nữa à?” Sivert nói, một lần nữa cực kỳ kinh ngạc.

Hai anh em bắt đầu lặng lẽ trò chuyện với nhau; về việc Sivert nhờ mẹ cậu tìm giùm một ít tiền; một khoản cuối cùng, khoản tiền cho một chuyến đi. Mọi thứ không thể tiếp diễn theo cách này; Eleseus đã mệt mỏi với nó; đã suy nghĩ về nó khá lâu, và cậu phải lên đường ngay đêm nay; một chuyến đi dài, sang Mỹ, và xuất phát ngay tối nay.

“Sang Mỹ à?” Sivert la lên.

“Suýt! Anh đã nghĩ tới việc này lâu rồi, và em phải nói làm sao để mẹ làm như anh đã bảo; không thể tiếp tục như thế này được nữa, và anh đã nghĩ tới việc đi mãi mãi từ lâu rồi.”

“Nhưng đó là nước Mỹ!” Sivert nói. “Không, anh đừng làm thế.”

“Anh sẽ đi. Anh đã dứt khoát rồi. Giờ phải quay lại để bắt kịp chuyến tàu.”

“Nhưng anh phải ăn gì đó đã.”

“Anh không đói.”

“Thế thì nghỉ một một chút vậy?”

“Không.”

Sivert cố làm điều tốt nhất để giữ chân anh mình lại, nhưng Eleseus đã quyết tâm, phải, cậu đã quyết tâm một lần trong đời. Bản thân Sivert thì rất đổi kinh ngạc; trước tiên là sự ngạc nhiên khi gặp lại Jensine, và giờ thì là việc Eleseus sẽ hoàn toàn rời khỏi nơi này.

“Còn Storborg thì sao?” Eleseus hỏi. “Em sẽ làm gì với nó?”

“Andresen có thể có nó,” Sivert đáp.

“Andersen có nó? Ý của em là sao?”

“Không phải cậu ấy sẽ có Leopoldine hay sao?”

“Không biết về chuyện đó. Phải, có lẽ là thế.”

Họ lặng lẽ nói, tiếp tục câu chuyện. Sivert nghĩ tốt nhất là cha cậu nên ra và Elseus có thể nói chuyện với ông; nhưng “Không, không!” Elseus lại thì thầm; cậu không bao giờ là một người có thể đối đầu với một điều như thế mà luôn cần tới một người đứng giữa.

Sivert nói: “Chà, anh biết chuyện này sẽ thế nào với mẹ rồi đó. Mẹ sẽ khóc lóc và nói mãi không thôi. Mẹ không nên biết chuyện này.”

“Phải,” Elseus đồng ý, “mẹ không nên biết.”

Sivert vào nhà, ở đó hàng thế kỷ, rồi quay ra với số tiền, một khoản tiền to. “Đây, đó là tất cả những gì cha có; anh nghĩ nó có đủ không? Đếm xem, cha không đếm xem nó là bao nhiêu.”

“Cha đã nói gì?”

“Không, cha không nói gì nhiều. Giờ anh phải chờ chút xíu, em sẽ mặc thêm ít quần áo rồi đi xuống cùng với anh.”

“Chẳng đáng đâu; em nên vào nghỉ đi thôi.”

“Thế ư, anh có sợ bóng tối không nếu em không cùng đi?” Sivert nói, cố đùa vui một chút.

Cậu vào nhà giầy lát, rồi trở ra, quần áo chỉnh tề, với một giỏ thức ăn của cha cậu đeo trên vai. Khi họ đi ra, cha họ đang đứng bên ngoài. “Vậy là con sẽ đi suốt chặng đường đó hả?” Isak hỏi.

“Dạ,” Elseus đáp, “nhưng con sẽ trở lại.”

“Ta không giữ con lại vào lúc này, còn rất ít thời gian,” người đàn ông trung niên lẩm bẩm, rồi quay đi. “Chúc con may mắn,” anh thốt lên với một giọng lạ lùng và vội vã bỏ đi.

Hai anh em đi bộ xuôi theo con đường; đi được một quãng ngắn, họ ngồi xuống để ăn. Elseus đang đói, hầu như không ăn đủ no. Đó là một đêm xuân đẹp trời, và những con gà gô trắng nô giỡn trên những ngọn đồi; âm thanh của quê hương khiến kẻ sắp di cư mất hết can đảm trong giầy lát. “Đêm nay thật đẹp trời,” cậu nói. “Tốt hơn em nên quay lại ngay đi, Sivert,” cậu nói.

“Hừm,” Sivert ậm ừ, và đi tiếp với cậu.

Họ đi qua Storborg, qua Breidablik, và âm thanh đó cứ theo sau họ suốt quãng đường từ những ngọn đồi đây đó; nó không phải là thứ âm nhạc quân đội như ở trong các thị trấn, không, mà là những giọng nói – một lời tuyên bố: Mùa xuân đã tới. Rồi đột nhiên tiếng kêu chiêm chiếp đầu tiên của một chú chim phát ra từ một ngọn cây, đánh thức những con chim khác, và tiếng chim đối đáp gọi nhau vang lên từ mọi phía; hơn cả một bài hát, nó là một khúc tụng ca. Kẻ di cư đã thấy nhớ quê nhà, có lẽ, một thứ gì đó yếu mềm và bất lực bên trong cậu; cậu sẽ lên đường sang Mỹ, và không ai có thể thích hợp với việc này hơn cậu.

“Giờ thì em quay về đi, Sivert,” cậu nói.

“Thôi được,” em trai cậu đáp. “Nếu anh muốn thế.”

Họ ngồi xuống ở bìa rừng, nhìn thấy ngôi làng ngay bên dưới chân họ, cửa hàng và bến cảng, cái quán trọ cũ kỹ của Brede Olsen; một vài người đang đi lại cạnh con tàu hơi nước, chuẩn bị xuống tàu.

“Thôi, không còn thì giờ để ngồi đây nữa,” Eleseus nói, đứng lên.

“Cứ hình dung anh đi suốt chặng đường đó,” Sivert nói.

Và Eleseus đáp: “Nhưng anh sẽ quay lại. Và anh sẽ có một cái rương mới tốt hơn trong chuyến đi đó.”

Khi họ nói lời chia tay nhau, Sivert dúi vật gì đó vào tay của anh mình, một vật gì đó bọc trong một mảnh giấy. “Gì vậy?” Eleseus hỏi.

“Đừng quên viết thư thường xuyên,” Sivert nói. Và cậu quay lưng trở về.

Eleseus mở tờ giấy ra và nhìn, đó là một đồng vàng hai mươi lăm Kroner. “Nè, đừng!” Cậu gọi với theo. “Em đừng làm như thế!”

Sivert vẫn đi tiếp.

Đi thêm một lát, rồi quay lại và ngồi xuống lại ở bìa rừng. Giờ đã có thêm nhiều người đi lại xông xáo cạnh con tàu; những hành khách lên tàu, Eleseus lên tàu; con tàu nghiêng sang một bên và lao đi. Và Eleseus đã lên đường sang Mỹ.

Cậu không bao giờ quay lại.

CHƯƠNG XII

Một đám diễu hành trứ danh đang tiến lên Sellanraa. Một sự kiện trông khá buồn cười, có lẽ, nhưng còn hơn thế nữa. Ba người đàn ông với những gánh nặng kinh khủng, những cái bao tời treo lủng lẳng quanh vai họ, cả phía trước ngực lẫn sau lưng. Người này bước sau kẻ nọ, và chuyền cho nhau những câu nói đùa, nhưng chất đầy gánh nặng trên người. Anh chàng nhỏ con Andresen, viên thư ký, là người dẫn đầu đám diễu hành; thật ra, đây là đoàn diễu hành của anh ta; anh ta mang đủ mọi thứ, kể đến là Sivert ở Sellanraa, và một người nữa, Fredrick Ström ở Breidablik, đang thực hiện một cuộc viễn chinh. Andresen là một anh chàng bé nhỏ nhưng đáng chú ý; vai anh ta lệch sang một bên vì sức nặng, và cổ cái áo khoác của anh cũng thế, anh ta đi theo cách đó, nhưng vẫn tiếp tục mang theo gánh nặng của mình.

Storborg và công việc làm ăn mà Eleseus bỏ lại – phải, không mua đứt ngay chỗ đó, có lẽ thế, đó là việc Andresen không thể đảm đương nổi; tốt hơn nên chờ đợi ít lâu và có thể có toàn bộ mọi thứ không tốn xu nào. Andresen không phải là một gã khờ; anh ta đã thuê lại chỗ đó trong thời gian chờ đợi, và tự mình điều hành công việc.

Anh ta đã kiểm tra lại những thứ hàng hóa còn nắm trong tay, và tìm ra những món linh tinh không thể bán được trong cửa tiệm của Eleseus, thậm chí cả những thứ như bàn chải đánh răng và những tấm khăn trải bàn có thêu hình ở giữa; phải, và những con chim nhồi bông gắn lò xo sẵn sàng kêu lên quang quác khi bạn ấn vào đúng chỗ.

Đây là những thứ mà hiện giờ anh ta mang theo, để bán chúng cho những người thợ mỏ ở mé bên kia dãy đồi. Anh ta đã biết từ thời Aronsen rằng những người thợ mỏ có đầy tiền trong túi sẽ mua bất cứ thứ gì trên mặt đất. Chỉ tiếc một cái là anh ta phải bỏ lại sáu con ngựa gỗ bập bênh mà Eleseus đã đặt mua trong chuyến đi cuối cùng của cậu tới Bergen.

Đoàn bán hàng rong quẹo vào sân ở Sellanraa và hạ những đồ đạc xuống. Không chờ đợi lâu ở đây; họ uống một ca sữa và vờ như đang cố bán những hàng hóa đó ngay tại chỗ, rồi lại vác các thứ lên vai và lên đường. Họ không giả vờ bỏ đi. Họ đi thật sự, vác những thứ hàng hóa linh tinh băng qua cánh rừng xuống phía nam.

Họ đi đều đều cho tới trưa, nghỉ ăn trưa và lại tiếp tục đi cho tới chiều tối. Rồi họ dựng trại và đốt một đồng lửa, nằm xuống và đánh một giấc. Sivert nằm ngủ trên một tảng đá mà cậu gọi là một cái ghế bành.Ồ, Sivert biết cậu đang làm gì; mặt trời ở đây đã sưởi ấm tảng đá suốt ngày dài, cho tới khi nó trở thành một chỗ ngồi và nằm ngủ rất tiện nghi. Hai người bạn đồng hành của cậu không khôn ngoan như vậy, và cũng không chịu nghe theo lời khuyên; họ nằm trên lớp thạch nam, và thức giấc vì thấy lạnh, hắt hơi ầm ỹ. Sau đó họ ăn điểm tâm và lại khởi hành.

Giờ thì hãy lắng nghe xem có bất kỳ tiếng nổ mìn nào ở quanh đây hay không; họ đang hy vọng tới được khu mỏ, và gặp những người thợ trong ngày hôm đó. Cho tới giờ này, công việc chưa đi xa cho lắm; cả một chặng đường dài từ nguồn nước ngược lên Sellanraa. Nhưng không hề có một tiếng nổ nào ở bất cứ nơi đâu. Họ đi tiếp cho tới trưa, không gặp một bóng người; nhưng họ bắt gặp nhiều cái lỗ rỗng rác đó đây trên mặt đất, nơi những người thợ đã đào thử.

Điều này có nghĩa là gì? Không còn ngờ gì nữa, nó có nghĩa là cái mỏ phải giàu quặng hơn ở đầu tận cùng của mảnh đất; thợ mỏ đang thu được đồng nặng nguyên chất, và đang làm việc ở mé đó trong suốt thời gian này.

Vào xế trưa họ tới nhiều khu mỏ hơn, nhưng vẫn không gặp một người thợ mỏ nào; họ đi cho tới sẫm tối, và họ đã ra gần tới biển nằm ngay mé dưới kia; băng qua những khu mỏ hoang vắng quanh hiu, vẫn không nghe thấy một âm thanh nào. Điều này nằm ngoài khả năng thấu hiểu, nhưng không quan trọng; họ phải dựng trại và ngủ ngoài trời đêm đó. Họ bàn bạc với nhau về vấn đề này: Có thể nào công việc đã bị ngưng lại? Họ có nên quay trở về không? “Không đời nào,” Andresen nói.

Sáng hôm sau có một người đàn ông bước vào trại của họ – một người đàn ông xanh xao, phờ phạc, cau mày nhìn họ chòng chọc. “Phải cậu đó không, Andresen?” Người đàn ông nói. Đó là Aronsen, tay nhà buôn Aronsen. Gã không từ chối một tách cà phê nóng và thứ gì đó để ăn cùng với đoàn bán hàng rong, và ngồi xuống ngay lập tức.

“Tôi nhìn thấy khói từ ngọn lửa của các cậu, và đi lên để xem đó là gì,” gã nói. “Tôi đã tự nhủ, chắc chắn rồi, họ đã tỉnh táo và bắt đầu làm việc lại. Thế nhưng rốt cuộc lại là các cậu! Các cậu đang đi đâu vậy?”

“Tới đây.”

“Các cậu mang theo những thứ gì?”

“Hàng hóa.”

“Hàng hóa à?” Aronsen kêu lên. “Mò lên đây để bán hàng? Ai mua nó chứ? Không có ma nào ở đây hết. Họ đã bỏ đi từ thứ Bảy trước.”

“Bỏ đi? Ai bỏ đi?”

“Tất cả mọi người. Giờ không có ma nào ở đây cả. Và dù sao thì chính tôi cũng có đủ hàng hóa. Cả một cửa tiệm chất đầy hàng. Tôi sẽ bán cho các cậu bất cứ món gì các cậu thích.”

Chà, tay nhà buôn Aronsen lại lâm vào tình cảnh khó khăn! Cái mỏ đã đóng cửa.

Họ dồn dập rót cà phê cho gã cho tới khi gã trở nên điềm tĩnh hơn, và hỏi tất cả những chuyện này có ý nghĩa gì.

Aronsen lắc đầu tuyệt vọng. “Không sao hiểu nổi, không có lời nào về chuyện đó,” gã nói. Tất cả đã rất tốt đẹp, và gã đã bán được nhiều hàng, tiền liên tục rót vào; cả làng quanh đây đều no ấm, ăn những bữa ăn ngon lành nhất, dựng một ngôi trường mới, treo những ngọn đèn và mang những đôi ủng làm tại thị trấn, mọi thứ! Rồi đột nhiên những người lãnh đạo trên mỏ nói với họ rằng công việc này không đủ bù đắp, và ngưng hoạt động. Không đủ bù đắp? Nhưng trước đó nó đã bù đắp cho họ? Không phải là ở đó có thứ đồng sạch và dễ dàng nhìn thấy mỗi lần cho nổ đá hay sao? Đó chỉ là trò lừa đảo không hơn. “Và không hề nghĩ tới chuyện đó có nghĩa thế nào với một người như tôi. Phải, tôi ngờ là giống như họ bảo; rằng Geissler nằm dưới đáy của tất cả chuyện này, hết như lần trước. Hắn tới chẳng bao lâu thì công việc ngừng lại; như thế bằng cách nào đó hắn đánh hơi được nó.”

“Geissler? Vậy ông ta đang ở đây sao?”

“Còn gì nữa? Hẳn đáng bị bắn bỏ! Một hôm hắn tới cạnh con tàu hơi nước và nói với tay kỹ sư: ‘Chà, mọi việc thế nào?’ – ‘Rất tốt, trong chừng mực tôi có thể thấy,’ tay kỹ sư đáp. Nhưng Geissler chỉ đứng đó, rồi lại hỏi: ‘Thế ư, ổn cả, phải không?’ – ‘Phải, trong chừng mực tôi biết được,’ tay kỹ sư nói. Nhưng cũng thật như tôi đang ở đây, ngay khi bưu điện lên tới con tàu mà Geissler đã tới gần, có cả thư từ và điện tín gửi cho tay kỹ sư nói rằng công việc này không đủ bù đắp, và ông ta phải ngưng hoạt động ngay.”

Các thành viên của đoàn buôn nhìn nhau, nhưng người chỉ huy, chính là Andresen, vẫn chưa mất can đảm.

“Các cậu nên quay trở về nhà đi thôi,” Aronsen khuyên.

“Chúng tôi sẽ không làm như thế,” Andresen nói và gói cái nồi nấu cà phê lại. Aronsen nhìn chăm chú cả ba. “Vậy là ba cậu điên cả rồi,” gã nói.

Bạn thấy đó, hiện giờ Andresen không quan tâm mấy tới những gì ông chủ cũ của anh ta nói; giờ chính anh ta cũng là ông chủ, là chỉ huy của một đoàn bán hàng rong được trang bị bằng chính tiền túi của anh ta cho chuyến du hành tới những vùng xa; nếu quay lại vào lúc này, anh ta có thể bị mất uy tín.

“Tốt, cậu sẽ đi đâu?” Aronsen bực dọc hỏi.

“Không thể nói,” Andresen đáp. Nhưng đồng thời anh ta cũng có một ý tưởng riêng, không còn ngờ gì nữa; có lẽ đang suy nghĩ tới những người dân bản địa, và ba người đàn ông khỏe mạnh, với những hạt thủy tinh và những chiếc nhẫn có thể đi xuống huyện lỵ. “Chúng ta sẽ đi tiếp” anh ta nói với hai người kia.

Lúc này Aronsen nghĩ rằng sáng hôm đó gã cũng có thể đi xa thêm chút nữa, vì đã đi xa tới mức này rồi, có lẽ gã muốn nhìn xem toàn bộ nơi này có hoàn toàn bị bỏ hoang hay chẳng, có phải thật sự mọi người đã rời đi hay chẳng. Nhưng gã cảm thấy mình bị giật mất mối làm ăn khi nhìn thấy ba anh chàng bán rong tiếp tục đi như thế, và gã lập đi lập lại với họ rằng có họa là điên mới cố gắng làm chuyện đó. Aronsen tự giận chính mình, đi xuống phía trước đoàn bán hàng rong, quay lại và hò hét quát tháo với họ, cố tổng khứ họ ra khỏi huyện của mình. Cứ thế, họ đi xuống tới chỗ những túp lều ở giữa khu mỏ.

Một thị trấn nho nhỏ toàn những túp lều, nhưng trống rỗng và hoang vắng. Hầu hết những thứ công cụ thiết bị được cất giấu trong lều, nhưng những cây cọc và những tấm ván, những chiếc xe ngựa bị vỡ, những cái rương và thùng nằm ngổn ngang khắp chốn; đây đó có một thông báo viết trên cửa, tuyên bố rằng “Không phận sự cấm vào.”

“Thấy không,” Aronsen la lớn. “Tôi đã nói gì nào? Không có ma nào ở đây hết.” Và gã đe dọa rằng đoàn buôn sẽ gặp rắc rối – gã sẽ mời ngài Lensmand tới; dù sao, bây giờ gã sẽ đi theo họ sát gót, và nếu gã bắt gặp họ có một hành vi thương mại bất hợp pháp, họ sẽ bị phạt khổ sai chung thân và làm nô lệ, không hề nhầm lẫn!

Vừa hay có ai đó cất tiếng gọi Sivert. Rốt cuộc, nơi này chưa hoàn toàn chết hẳn, chưa tuyệt đối bị bỏ hoang; một người đàn ông đang đứng vẫy tay ở góc một ngôi nhà. Sivert vác mớ hàng

của mình tới đó và nhận ra ngay lập tức đó là ai – Geissler.

“Thật vui khi gặp cháu ở đây,” Geissler bảo. Nét mặt ông hồng hào khỏe mạnh, nhưng rõ ràng đôi mắt của ông không thể chịu được ánh sáng chói chang của mùa xuân, ông đeo một đôi kính ám khói. Ông vẫn nói năng hồ hởi như từ trước tới giờ. “Điều may mắn nhất trên đời,” ông nói. “Giúp ta khỏi phải đi suốt cả chặng đường lên Sellanraa, và ta cũng có nhiều việc phải trông nom. Ở Almening giờ đã có bao nhiêu dân cư ngụ rồi?”

“Mười ạ.”

“Mười mảnh đất mới. Ta đồng ý. Ta thấy hài lòng. Nhưng đất nước này cần có hai trăm ba mươi ngàn người như cha cháu. Phải, đó là những gì ta nói, và ta nói thật lòng; ta đã tính toán rồi.”

“Sivert, cậu có đi tiếp hay không?” Đoàn bán hàng rong đang chờ.

Geissler nghe thấy, và gay gắt la lên đáp lại: “Không.”

“Tôi sẽ theo sau,” Sivert la to, rồi đặt những thứ đang mang vác xuống.

Hai người đàn ông ngồi xuống chuyện trò. Hôm nay Geissler đang trong tâm trạng tốt; ông rất phấn chấn và nói chuyện luôn miệng, chỉ dừng lại khi Sivert chen vào một đôi lời để trả lời, rồi lại nói tiếp. “Một điều cực kỳ may mắn, không thể không nói thế. Mọi thứ đều đúng như ý muốn của ta, và giờ lại gặp cháu ở đây, khỏi phải vất công tới Sellanraa. Mọi chuyện ở nhà đều tốt cả, hử?”

“Mọi chuyện đều tốt đẹp, cảm ơn lòng tốt của ông.”

“Đã dựng cái vựa chứa cỏ khô bên trên chuồng bò chưa?”

“Dạ, đã làm xong.”

“Tốt, tốt. Ta có cả đồng việc phải trông nom, hầu như nhiều hơn sức ta có thể xoay xở. Chẳng hạn, hãy nhìn nơi chúng ta đang ngồi đây này. Cháu sẽ nói gì về điều đó, Sivert? Một thành phố điêu tàn, hả? Mọi người đã xây dựng nên nó hoàn toàn ngược với bản chất và sự yên lành của họ. Nói đúng ra, tất cả là do lỗi của ta ngay từ đầu, ta là một đại diện khiêm tốn trong những chuyển biến của định mệnh. Tất cả bắt đầu khi cha cháu nhặt được một vài mẫu đá trên đồi, và cho các cháu chơi khi các cháu còn bé. Đó là cách mọi chuyện khởi đầu. Ta biết rõ những hòn đá đó có giá trị chính xác như mọi người sẽ trả cho nó, không hơn; được, ta tự ấn định một giá cả cho chúng, và mua chúng. Thế rồi những hòn đá được chuyển từ tay này sang tay khác, và tạo ra những nguy hại vô tận. Thời gian cứ trôi. Và bây giờ, trước đây vài hôm, ta lại trở lên đây, để làm gì, cháu thử nghĩ xem? Để mua lại những hòn đá đó!”

Geissler dừng lại một lúc và nhìn Sivert. Rồi đột nhiên ông liếc qua mấy cái bao tời và hỏi: “Cháu mang theo những thứ gì thế?”

“Hàng hóa,” Sivert đáp. “Bọn cháu đang mang chúng xuống làng.”

Dường như Geissler không chú ý tới câu trả lời; như chưa hề nghe thấy nó. Ông nói tiếp:

“Mua lại chúng, phải. Lần trước, ta để cho con trai ta xử lý việc mua bán; lúc đó nó bán chúng đi. Những thanh niên cỡ tuổi của cháu, nó cũng vậy thôi. Nó là ánh sáng trong gia đình, ta chỉ là

một loại sương mù. Biết đâu là điều đúng để làm, nhưng lại không làm. Nhưng nó là ánh sáng – và lúc đó nó vừa bước vào ngành này. Lần trước nó đã bán thay cho ta. Ta là một cái gì đó, còn nó thì không, nó chỉ là ánh sáng, hành động nhanh nhẹn, theo kiểu hiện đại. Nhưng bản thân ánh sáng chỉ là một thứ vô hiệu quả. Giờ cứ nhìn những người nhà của cháu ở Sellanraa; ngược nhìn lên những chòm sao xanh vào mỗi ngày trong cuộc đời của các cháu; không có những phát minh mới cầu kỳ nào về điều đó, mà chỉ là vùng đất cao nguyên và những chòm sao đá, mọc rễ sâu vào quá khứ – nhưng cháu cần có chúng làm bạn đồng hành. Cháu ở đó, sống gần gũi với đất trời, trở thành một với chúng, trở thành một với tất cả những điều rộng lớn, đã đâm rễ sâu xa đó. Không cần phải cầm một thanh kiếm trong tay, cháu đi qua cuộc đời, đầu trần, tay không, đứng giữa một thiện tâm vĩ đại. Nhìn xem, Thiên nhiên ở đó, mang lại cho cháu và những người nhà của cháu của cải và những niềm vui. Con người và Thiên nhiên không xung đột với nhau, mà thống nhất với nhau; chúng không cạnh tranh nhau, chạy đua với nhau, mà cùng đồng hành với nhau. Những người nhà của cháu ở Sellanraa đang sống ở đó, trong tất cả những thứ này. Cao nguyên và rừng rậm, những trũng hoang và đồng cỏ, bầu trời và những vì sao. Ồ, đó không phải là sự nghèo nàn, mà là nằm ngoài mọi sự đo lường. Nghe ta này, Sivert: cháu thấy hài lòng thỏa mãn! Cháu có mọi thứ để sống tiếp, có mọi thứ để sống vì chúng, mọi thứ để tin tưởng vào; được sinh ra và lại tiếp tục sinh con đẻ cái; cháu là sự cần thiết trên quả đất. Không phải tất cả mọi người đều như thế, nhưng cháu là như thế; sự cần thiết trên quả đất. Chính cháu duy trì cuộc sống này. Hết thế hệ này sang thế hệ khác, sản sinh mãi những con người mới; và khi cháu chết đi, những nguồn sống mới vẫn tiếp diễn. Đó là ý nghĩa của cuộc sống vĩnh cửu. Cháu nhận được gì từ nó? Một sự hiện hữu được tạo dựng một cách ngây thơ và đúng đắn hướng về mọi thứ. Cháu nhận được gì từ nó? Không gì có thể đặt cháu nằm dưới những mệnh lệnh và có thể cai quản những người thân của cháu ở Sellanraa, các cháu có cuộc sống an bình, đầy đủ thẩm quyền và thiện tâm vĩ đại này bao quanh các cháu. Đó là cái mà cháu nhận được từ nó. Cháu nằm trong lòng mẹ và bú sữa, và chơi đùa với bàn tay ấm áp của một bà mẹ. Giờ đã có cha của cháu, ông ta là một trong số hai trăm ba mươi ngàn người đó. Sẽ phải nói gì về nhiều người khác? Ta là một cái gì đó, ta là sương mù, có thể nói thế, quần quanh đây đó, bồng bềnh trôi giạt, đôi khi xuất hiện như một cơn mưa trên vùng đất khô hạn. Nhưng còn những người khác? Có con trai của ta, ánh sáng tự thân nó chẳng là gì hết, chỉ là một chớp lóe của sự vô hiệu quả; nó có thể hành động.

“Phải, con trai của ta, nó là kiểu người hiện đại, một người thuộc thời đại của chúng ta; nó chân thành tin tưởng vào tất cả những gì thời đại đã dạy bảo nó, tất cả những người Do Thái và Hoa Kỳ đã dạy bảo nó; ta lắc đầu với tất cả những thứ đó. Nhưng ở ta không có gì là suy nghĩ hoang đường hết; chỉ trong gia đình, có thể nói thế, ta mới giống như một đám sương mù. Ngồi đó và lắc đầu. Nói thật lòng, ta không có khả năng thực hiện nhiều điều và không hối tiếc gì chuyện đó. Nếu ta có, bản thân ta cũng có thể trở thành ánh sáng. Còn giờ đây ta là một đám sương mù.”

Đột nhiên dường như Geissle chợt nhớ ra, và hỏi: “Đã dựng cái vựa cỏ khô bên trên chuồng bò chưa vậy?”

“Dạ, đã làm xong. Và cha cháu đã dựng thêm một ngôi nhà mới.”

“Một ngôi nhà mới?”

“Để phòng khi có ai đó tới, cha cháu nói, nhớ khi Geissler ông ấy có thể ghé qua.”

Geissler suy nghĩ một lúc về điều này, rồi quyết định: “Tốt, vậy thì tốt hơn ta nên tới đó. Phải, ta sẽ tới; cháu có thể nói với cha cháu như thế. Nhưng ta có cả đồng công việc phải trông nom. Đi tới đây và nói với tay kỹ sư cho những ông chủ của hẻm ở Thụy Điển biết rằng ta đã sẵn sàng mua lại. Và chúng ta sẽ chờ xem điều gì xảy ra. Tất cả với ta đều như trước, không có gì phải vội. Cháu nên gặp cái tay kỹ sư đó, hẻm đã tới đây, mang theo người ngựa, máy móc và đủ thứ ồn ào nhặng xị; nghĩ rằng mọi thứ đều ổn, chẳng biết gì hơn thế. Hẻm càng biến nhiều đá thành tiền thì càng tốt; hẻm nghĩ hẻm đang làm điều gì đó thông minh và xứng đáng; mang tiền của tới cho chốn này, cho đất nước này, và mọi thứ ngày càng tới gần tai họa, và hẻm ta chẳng thông minh hơn chút nào. Đất nước này không cần tiền, nó đã có nhiều hơn mức đủ. Chính những người như cha cháu mới chưa có đủ. Phải, biến phương tiện thành chính bản thân cứu cánh và tự hào về điều đó! Họ thật điên rồ, bệnh hoạn; họ không làm việc, họ không biết gì về cái cày mà chỉ biết về hạt súc sắc. Thật đáng kiếp cho họ, phải không, khi làm việc và lãng phí bản thân chẳng vì cái gì cả theo cách thức điên khùng của họ. Hãy nhìn họ xem – đang đánh cược mọi thứ, có phải không? Tất cả những chuyện đó chỉ là sự sai lầm nghiêm trọng; họ quên rằng cờ bạc không phải là sự can đảm, thậm chí không phải là sự can đảm ngu ngốc, nó là một điều kinh khủng. Cháu có biết cờ bạc là gì hay không? Nó là sự sợ hãi, với mồ hôi trên lông mày của cháu, nó là thế đó. Điều sai lầm ở nó là họ sẽ không đồng hành cùng cuộc sống, mà lại muốn đi nhanh hơn – lao tới trước, lái chính bản thân họ đâm vào cuộc sống như những cái nêm. Thế rồi hai bên sườn của họ bảo rằng: này, dừng lại, có cái gì đó đã bị vỡ, phải tìm cách cứu chữa đi; dừng lại, hai bên sườn nói! Và sau đó cuộc sống nghiền nát họ, một cách lễ độ nhưng chắc chắn. Và rồi họ bắt đầu phàn nàn về cuộc sống, nổi giận với cuộc sống! Mỗi người có một sở thích riêng của mình; một số có thể có lý do để than phiền, số khác thì không, nhưng không ai nên nổi giận với cuộc sống. Đừng tỏ ra nghiêm khắc và công bằng với cuộc sống, mà phải đầy tình thương mến nó, và góp phần cho nó; chỉ nghĩ tới những gã cờ bạc cuộc đời phải gánh chịu mà kinh!”

Geissler lại sức nhớ ra và bảo: “Ờ, tất cả đều có thể xảy ra, mặc kệ nó đi!” Rõ ràng là ông đã mệt, bắt đầu thở hổn hển. “Đang đi xuống dưới hả?” Ông hỏi.

“Phải.”

“Không phải vội. Cháu nợ ta một chuyến đi dài qua những ngọn đồi, Sivert ạ, còn nhớ không? Ta nhớ hết mọi thứ. Ta nhớ từ lúc ta lên một tuổi rưỡi; đứng nghiêng người xuống từ chiếc cầu ở Garmo, và nhận ra một thứ mùi. Giờ ta có thể ngửi thấy lại nó. Nhưng mọi thứ đều có thể xảy ra, cả điều đó nữa; lẽ ra giờ chúng ta có thể tiến hành chuyến đi qua những ngọn đồi nếu cháu không mang theo mấy cái bao tời đó. Thứ gì trong đó vậy?”

“Hàng hóa. Andresen sẽ bán chúng.”

“Tốt, ta là người biết điều gì đúng để làm, nhưng lại không làm,” Geissler nói. “Ta là sương mù. Giờ có lẽ ta sẽ mua lại cái mỏ đó, nếu chuyện đó không phải là điều bất khả thi; nhưng nếu ta mua, sẽ không có chuyện đi quanh quẩn, nhìn lên trời và nói, “đường xe cáp treo trên không! Nam Mỹ!’ Không, hãy để thứ đó cho những tên cờ bạc. Cư dân quanh đây bảo ta phải là quỷ sứ vì ta biết trước điều gì sẽ xảy ra để phá hỏng nó. Nhưng ở ta không có gì là suy nghĩ hoang

đường hết, điều đó khá giản đơn. Những cái mỏ mới ở Montana, chỉ có thể. Bọn người Mỹ thông minh hơn chúng ta trong trò chơi đó; họ đang bóc lột chúng ta cho tới chết ở Nam Mỹ – bảo rằng quặng của chúng ta ở đây quá nghèo. Con trai ta là ánh sáng; nó biết được tin tức đó, và ta trôi giạt lên đây. Đơn giản quá, phải không? Ta sẽ đánh bại mấy gã Thụy Điển đó trong vài giờ, chỉ có thể.”

Geissler lại hực hơi, ông đứng lên và nói: “Nếu cháu đi xuống, chúng ta sẽ cùng đi.”

Họ cùng đi xuống với nhau, Geissler lê bước phía sau, hoàn toàn kiệt sức. Đoàn bán hàng rong đã dừng lại ở bến cảng, và Fredrik Ström, vẫn vui vẻ như từ trước đến giờ, đang trêu chọc Aronsen: “Tôi đã hết sạch thuốc lá rồi; tìm ít thuốc lá đi chứ?”

“Tôi sẽ cho cậu thuốc lá,” Aronsen nói với vẻ đe dọa.

Frederik bật cười và an ủi gã: “Không, anh không việc gì phải nặng nề buồn bã như thế, Aronsen. Chúng tôi sẽ chỉ bán những thứ này ở đây ngay trước mắt anh, rồi chúng tôi sẽ quay trở về nhà.”

“Đi mà rửa cái mồm thối của cậu,” Aronsen giận dữ.

“Ha ha ha! Không, anh không việc gì phải nháy dựng lên như thế, hãy đứng yên và trông giống như một bức tranh!”

Geissler đã mệt, kiệt sức, thậm chí đôi kính ám khói của ông giờ cũng không giúp được gì cho ông, đôi mắt ông nhắm nghiền lại dưới ánh nắng chói chang.

“Tạm biệt, Sivert,” ông nói. “Không, rốt cuộc lần này ta không thể lên Sellanraa được; nói với cha cháu thế. Ta có cả đồng việc phải lo. Nhưng ta sẽ lên đó sau, nói thế nhé...”

Aronsen phun nước bọt sau lưng ông và bảo: “Nên bị bắn bỏ!”

Đoàn bán rong bán hết sạch hàng của họ trong vòng ba ngày, tất cả mọi thứ chứa trong mấy cái bao tời, và thu được một khoản tiền to. Đó là một thương vụ tốt đẹp. Dân làng vẫn còn nhiều tiền sau sự suy sụp của khu mỏ, và khá xuất sắc về mặt màu mè hình thức trong việc tiêu tiền. Những con chim nhồi bông gắn lò xo chính là thứ mà họ muốn; họ đặt chúng trên những cái tủ ngăn trong phòng khách, và cũng mua những con dao rọc giấy xinh xắn, đúng thứ để cắt những tờ niên lịch. Aronsen nổi cơn thịnh nộ. “Làm như thế tôi không có đủ những thứ hàng này trong tiệm của tôi vậy,” gã nói.

Tay nhà buôn Aronsen thật đáng thương; gã đã quyết định bám theo những anh chàng bán rong này và mấy cái bao tời của họ, lúc nào cũng quan sát họ; nhưng họ đi theo những con đường khác nhau khắp trong làng, mỗi người chọn một đường, và Aronsen hầu như xẻ bản thân mình ra thành nhiều mảnh để đi theo tất cả trong cùng một lúc. Đầu tiên, gã từ bỏ Fredrik Ström, kẻ rất nhanh nhay trong việc nói những câu khó nghe; rồi tới Sivert, vì cậu không hề nói lời nào, mà cứ tiếp tục buôn bán; cuối cùng, gã bám theo viên thư ký cũ của mình, và cố kích động dân làng chống lại anh ta bất cứ chỗ nào anh ta tới. Ồ, nhưng Andresen biết khá rõ ông chủ của mình: gã đã già và có rất ít hiểu biết về kinh doanh và thương mại bất hợp pháp.

“Thế ư, cậu định nói là chỉ của Anh không bị cấm?” Aronsen nói, làm ra vẻ khôn ngoan.

“Tôi biết nó bị cấm,” Andresen đáp. “Nhưng tôi không mang theo cuộn nào hết, tôi có thể bán chúng ở nơi khác. Tôi không có cuộn nào trong bao; cứ tự mình xem đi, nếu ông muốn.”

“Có thể là thế,” Aronsen nói. “Dù sao, tôi biết thứ gì bị cấm, và tôi sẽ chỉ cho cậu, vì thế đừng cố dạy khôn tôi.”

Aronsen cố kiên trì suốt một ngày, rồi gã cũng từ bỏ cả Andresen và trở về nhà. Sau đó không còn ai theo dõi những người bán hàng rong nữa.

Và sau đó mọi thứ bắt đầu trôi chảy. Thời đó những phụ nữ trong làng quen cài những bím tóc con lên tóc họ; và Andresen chính là người bán những bím tóc con. Phải, anh ta có thể bán những bím tóc màu sáng cho các cô gái da sẫm màu, và lấy làm tiếc rằng anh ta không có thứ nào sáng màu hơn nữa; không có màu xám, chẳng hạn, vì đó là màu đẹp nhất. Và mỗi chiều ba chàng trai trẻ lại gặp nhau ở một điểm hẹn và kiểm lại một ngày buôn bán, người này mượn của người kia bất cứ thứ gì anh ta đã bán hết; và Andresen sẽ ngồi xuống, tỉ mẩn lột miếng nhãn hiệu Đức ra khỏi một cái còi thể thao, hay chà đi chùi “Faber” trên những cây bút máy và bút chì. Andresen là một kẻ thông thạo đủ điều, và đã luôn là như thế.

Trái lại, Sivert hơi thất vọng. Không phải vì cậu là người chậm chạp và không bán được hàng – thật ra, chính cậu là người bán được nhiều nhất – mà là vì cậu không có đủ để bán cho họ. “Anh không rao hàng gì hết,” Andresen nói.

Không, Sivert không phải là dạng người miệng mồm lạnh lợi; cậu là một nông dân, chắc chắn về những gì mình nói, và nếu có nói gì thì nói một cách điềm tĩnh. Có chuyện gì để nói ở đây chứ? Ngoài ra, Sivert nôn nóng làm cho xong việc và quay trở về nhà, còn có công việc đồng áng phải làm.

“Đó là do Jensine đang gọi cậu ta,” Fredrik Ström giải thích. Nhân tiện, bản thân Fredrik cũng có nhiều việc cần phải hoàn thành trên những cánh đồng của mình, và không có nhiều thời gian để lãng phí; nhưng với tất cả những điều đó, anh ta phải tới gặp Aronsen vào ngày cuối cùng và tranh cãi với gã. “Tôi sẽ bán cho ông ta những cái bao rỗng,” anh nói.

Andresen và Sivert ngồi ở ngoài trong lúc anh ta vào nhà. Họ nghe thấy tiếng cựa cãi bên trong tiệm, cả hai cùng nói một lúc, và thỉnh thoảng Fredrik lại cười phá lên; sau đó Aronsen mở rộng cửa ra để tống người khách của mình ra.Ồ, nhưng Fredrik không chịu ra – không, anh ta nán lại, và nói thêm nhiều điều nữa. Điều cuối cùng họ nghe thấy từ bên ngoài là Fredrik đang cố bán cho Aronsen những con ngựa gỗ bập bênh.

Sau đó đoàn lữ hành quay trở về nhà – ba chàng trai trẻ khỏe mạnh, tràn đầy sức sống. Họ bước đều và hát véo von, ngủ vài giờ ngoài trời, rồi đi tiếp. Khi họ lên tới Sellanraa vào hôm thứ Hai, Isak đã bắt đầu gieo lúa. Thời tiết thích hợp để làm việc này; không khí ẩm ướt, với vàng thái dương thỉnh thoảng lộ khỏi đám mây, và một dải cầu vồng rực rỡ giăng ngang qua bầu trời.

Đoàn lữ hành chia tay nhau – *Farvel, Farvel* [\[13\]](#) ...

Isak đang gieo hạt; một người đàn ông trắng kiện, một người đàn ông vạm vỡ, không hơn. Áo quần tự dệt may lấy tại nhà – len cắt từ đàn cừu của chính anh, đôi ủng may từ da bò và bê của chính anh. Đang gieo hạt – và anh bước những bước đều, đầu để trần trong khi làm việc; đầu anh chỉ bị hói ở trên đỉnh, trên tất cả những phần còn lại tóc vẫn mọc rậm rì; cả một bộ râu tóc xum xuê viền quanh gương mặt của anh. Đó là Isak, ngài Bá tước.

Anh hiếm khi biết ngày nào trong tháng – anh cần gì chuyện đó? Anh không có những tờ hóa đơn cần được thanh toán vào một ngày nhất định; những dấu hiệu trên cuốn niên lịch của anh là để chỉ ra thời gian khi mỗi con bò sắp sinh con. Nhưng anh biết ngày lễ Thánh Olaf thuộc về mùa thu, rằng trước ngày đó phải đưa cỏ khô vào kho chứa, và anh biết lễ Rước nến thuộc về mùa xuân, rằng ba tuần sau đó những con gấu sẽ ra khỏi hang trú đông của chúng; tất cả những thứ hạt giống phải được gieo xuống đất trước lúc đó. Anh biết những gì cần thiết.

Một người nông dân gắn bó với đất đai, cả thân thể lẫn tâm hồn; một kẻ cần lao không hề ngơi nghỉ. Một hồn ma xuất hiện từ quá khứ để chỉ ra tương lai, một con người từ những ngày tháng nguyên sơ nhất của việc canh tác vun trồng, một cư dân trong chốn rừng hoang, già chín trăm tuổi, và đồng thời, một con người của hiện tại.

Không, bây giờ anh không còn lại gì từ khoản tiền bán cái mỏ đồng – số tiền đó đã tan biến vào không khí. Và có người nào còn lại bất cứ thứ gì từ thứ tài sản đó khi công việc đã bị đình chỉ, khi những ngọn đồi nằm chết lặng và bị bỏ hoang? Nhưng vùng đất Almening vẫn còn ở đó, và mười mảnh đất mới đã mọc lên trên đó, ra hiệu cho thêm một trăm mảnh nữa.

Không có gì phát triển ở đó ư? Mọi thứ đều đang phát triển ở đó; những con người và gia súc và quả ngọt của đất đai. Isak đang gieo lúa. Ánh nắng ban chiều đập lên trên những hạt lúa đang tỏa ra thành hình rẽ quạt từ bàn tay của anh và rơi xuống mặt đất như những giọt vàng. Sivert vừa ra tới để bừa đất; sau đó là cái trục lăn, rồi lại cái bừa. Cánh rừng và đồng lúa nhìn theo. Tất cả đều trắng lẹ và tràn trề sinh lực – một chuỗi các sự kiện và mục đích của vạn vật.

Leng keng... leng keng... những cái chuông cổ bò reo lên trên mé sườn đồi, ngày càng tới gần hơn; đàn bò đang trở về nhà để ngủ đêm. Mười lăm con tất cả, ngoài ra còn có bốn mươi lăm con cừu và dê; tổng cộng có sáu mươi đầu gia súc. Những người phụ nữ bước ra khỏi nhà với chiếc đòn gánh trên vai, gánh những thùng đựng sữa: Leopoldine, Jensine và bé Rebecca. Cả ba đều đi chân đất. Inger, Bá tước phu nhân, không cùng đi với họ. Nàng ở trong nhà để chuẩn bị bữa cơm chiều. Cao lớn, nghiêm trang, nàng đi lại quanh nhà, một bà Táo quân chăm nom cho ngọn lửa bếp lò. Inger đã thực hiện chuyến hành trình bão táp của nàng, điều đó đúng, đã sống trong một thành phố một thời gian, nhưng giờ nàng đang ở tại nhà mình; thế giới rộng lớn, nhưng nhúc nhúc hạt bụi li ti – Inger là một trong số chúng. Chẳng là gì trong toàn thể nhân loại, chỉ là một hạt bụi thôi.

Chiều đã buông rồi.

1. Lone Ranger: Nhân vật người hùng miền Viễn Tây trong loạt phim truyền hình cùng tên nổi tiếng của Mỹ. 2. Zoro: Người anh hùng giấu mặt trong bộ phim Huyền thoại Zorro. 3. Người dơi: Siêu anh hùng trong bộ phim Người dơi. 4. Các chàng trai Bonanza: Phim Bonanza kể về cuộc phiêu lưu thú vị của Ben Cartwright và các con trai của ông khi bảo vệ trang trại và giúp đỡ người khác. 5. Peter Gunn: Thám tử tài ba trong bộ phim cùng tên của Mỹ. 1. Viết tắt của Alternative captain: đội trưởng dự bị – (ND) 2. Mùa Thu (tiếng Anh) - ND 3. Nơi trú ẩn (Tiếng Anh) – ND 4. Những người chủ trì hôn lễ ở Las Vegas thường đóng giả làm Elvis Presley – ND 9. Tên nữ nhân vật chính trong bộ phim truyền hình dài tập Leave it to Beaver của Mỹ – ND 10. Một người Mỹ da đen đã bị một nhóm cảnh sát Los Angeles đánh liên tiếp bằng dùi cui, cùng lúc một nhóm cảnh sát khác bàng quan đứng nhìn. Cảnh này đã được một người đi đường ghi lại từ xa và làm dấy lên làn sóng phản nộ trong cộng đồng người Mỹ da đen. Sau đó trong một lần truyền hình, Rodney King đã nói câu “Chúng ta không thể sống hòa thuận được sao?” – ND 11. Một loại axit amin có trong thịt gà tây, L-tryptophan sản sinh ra vitamin B và axit nicotinic trong cơ thể, nhưng nó cũng gây buồn ngủ. – ND 12. Một lễ hội đấu bò kéo dài mười ngày được tổ chức hàng năm ở Calgary, Alberta, Canada. – ND 5. Một loại thuốc nhuận tràng – ND 6. Split-level: ngôi nhà được chia làm hai khu và sàn của khu bên này nằm cao hơn so với khu bên kia. Hai khu được nối với nhau bằng cầu thang – ND 7. Foam finger: một đồ vật có hình bàn tay nắm lại với ngón trỏ giơ lên cao, tượng trưng cho vị trí số một, thường dùng để cổ vũ trong các môn thể thao – ND. 8. Tên một bài hát của Elvis Presley, dịch sang tiếng Việt là Chó Săn – ND 16\.

Tác giả chơi chữ, dùng một từ tiếng lóng vừa chỉ thám tử tư, vừa chỉ bộ phận sinh dục. 17\.

Running Base: thuật ngữ bóng chày, chỉ việc cầu thủ của đội tấn công cố gắng chiếm chốt của đội phòng thủ. 18\.

File rất nhỏ lưu giữ những lần lướt web của người sử dụng trên máy tính. 19\.

Đơn vị đo trọng lượng của Anh Mỹ, một pound xấp xỉ 4,45kg. 3\.

Đơn vị đo chiều dài của Anh: 1foot = 0,3m. 4\.

Vị thần cai quản âm phủ trong thần thoại Hy Lạp. 5\.

Cảm giác đau đớn và khó thở của những người lặn sâu ở biển khi đột ngột ngoi lên mặt nước. 6\.

Ý nói khu sang trọng. 7\.

Abraham Zapruder, người duy nhất quay được đoạn phim chi tiết vụ ám sát tổng thống John Kennedy năm 1963. 20\.

Một nhân vật phản diện trong bộ phim A Christmas Carol, chuyển thể từ truyện ngắn cùng tên của Charles Dickens, được viếng thăm bởi ba hồn ma Giáng Sinh quá khứ, hiện tại và tương lai. 8\.

Đây là những thành tố thường xuất hiện trong tên người Do Thái. 9\.

tên một hiệu quần áo thời trang. 10\.

Một môn thể thao gần giống với bóng chày, nhưng sử dụng bóng to hơn, và bóng được lăn về đĩa nhà thay vì được ném, và các cầu thủ đá bóng thay vì đập. 11\.

Chứng bệnh mà bệnh nhân thường chuyển tiếp giữa trạng thái cực đoan, từ kích động cho tới trầm cảm. 21\.

Kiểu để tóc quen thuộc của những người hói, nuôi dài lọn tóc ở một bên đầu rồi ép nó nằm che phần hói. 22\.

Fonzarelli, nhân vật trong phim hoạt hình những năm 70. 12\.

Hội chứng Stockholm là một hiện tượng tâm lý đôi khi xảy ra với con tin bị bắt cóc, theo đó nạn nhân bị bắt cóc thường tỏ dấu hiệu đồng cảm với kẻ bắt cóc mà không tính đến hoàn cảnh nguy hiểm hay rủi ro mà nạn nhân lâm phải. 23\.

Đồ ăn thanh khiết theo luật Do Thái. 13\.

Với người Do Thái, sinh nhật 15 là một dịp quan trọng, đánh dấu ngưỡng cửa trưởng thành của con trai. 24\.

Những hồ sơ hoàn tất là kết quả của nhiều năm nghiên cứu khoa học kết hợp với kinh nghiệm nhiều năm. 14\.

Con số trung bình của thị dân. 15\.

Nguyên văn là “Dying Nun” - di phước chết, và “Flying Nun” -

dì phước bay. 1\ 90 - 95 điểm. 2\ Nhóm trường danh giá nhất ở Mỹ.

A.A. (Alcoholics Anonymous): Tổ chức hỗ trợ những người nghiện rượu trên toàn thế giới. Hasit: Một loại thuốc lá có khả năng kích thích và gây nghiện giống như cần sa. Aspirin: Tên thuốc "aspirin" chính thức ra đời từ năm 1899 và ban đầu được bào chế dưới dạng bột, dùng để chữa bệnh cúm, cảm sốt. Có hai loại suy nhược, ngoại sinh và nội sinh. Suy nhược ngoại sinh xảy ra khi cơ thể phản ứng lại những sự kiện bên ngoài và thường có liên quan mật thiết đến cảm giác đau buồn. Trong khi đó, suy nhược nội sinh là kết quả của cơ chế sinh hóa sai lệch và thường có liên quan đến yếu tố di truyền, ví dụ như chứng ăn uống vô độ hoặc nghiện rượu hay nghiện ma túy. Trong thực tế, tất cả những điều này chính là những biểu hiện khác nhau của cùng một hoặc các rối loạn sinh hóa tương tự trong cơ thể.

1. Hai nhân vật chính đã bước vào giai đoạn học đại học và đối cách xưng hô, không gọi "cậu" như trước nữa mà gọi là "anh" như cách gọi khi kể chuyện ở hiện tại. Palliative cure - Điều trị xoa dịu: Liệu pháp làm giảm các triệu chứng của rối loạn nhưng không chữa khỏi được nó. Ví dụ, điều trị ung thư ở giai đoạn cuối thường là điều trị xoa dịu. (Theo Từ điển Bách khoa Y học, giáo sư Ngô Gia Hy chủ biên.) 'Mizaru - Mikazaru - Mazaru' - Ba chú khỉ khôn ngoan đến từ Nhật Bản. Thông thường khi đôi tay khỉ che lại một nơi nào đó chính là để tự mình thanh tịnh, cách ly khỏi những điều xấu xa, cảm dỗ. Mizaru với đôi tay bịt tai 'không nghe điều xấu, Mikazaru với đôi tay che mắt 'không nhìn điều xấu' và Mazaru với đôi tay che miệng 'không nói điều xấu'. Đôi khi người ta còn thấy xuất hiện chú khỉ thứ tư mang tên Shizaru với đôi tay khoanh trước ngực, ngụ ý 'không làm điều xấu'.

Nữ bác sĩ người Mỹ gốc Thụy Sĩ, tác giả công trình 'On Death and Dying' (Chết và Chờ chết) rất nổi tiếng trong lĩnh vực tâm thần học.

1. Ngày giải phóng Hải Phòng. 1. Maria Montessori (31/8/1870 - 6/5/1952) là một bác sĩ và cũng là một nhà giáo dục nổi tiếng người Ý. Bà nổi tiếng với phương pháp giáo dục mang tên mình, được sử dụng phổ biến trên toàn thế giới. Montessori chia sự phát triển con người làm bốn giai đoạn; từ sơ sinh đến 6 tuổi; từ 6 - 12 tuổi; từ 12 - 18 tuổi và từ 18 - 24 tuổi. Mỗi giai đoạn có những đặc trưng không giống nhau và tương ứng là các phương pháp tiếp cận giáo dục khác nhau cho từng giai đoạn.

1. Bó hẹp hoạt động là cụm từ được dịch thoát nghĩa từ câu thành ngữ "Họa địa vi lao", có nghĩa là vẽ cái nhà tù trên mặt đất. Ý chỉ phạm vi hoạt động bị bó hẹp, không được vượt ra ngoài khuôn phép.

2. Lawrence Kohlberg (1927 - 1987) là một nhà tâm lý học người Mỹ nổi tiếng với lý thuyết về sáu giai đoạn của sự phát triển đạo đức.

1. Jean Piaget (1896 - 1980) là một nhà tâm lý học và triết học người Thụy Sĩ. Ông nổi tiếng với những nghiên cứu nhận thức luận với trẻ em.

1. Vách đá trực quan hay còn gọi là Visual cliff do hai nhà tâm lý học người Mỹ R.D. Walk và E.J. Gibson thiết kế ra.

1. Abraham (Harold) Maslow (1908 - 1970) là một nhà tâm lý học người Mỹ gốc Nga, ông được biết đến qua mô hình tháp nhu cầu nổi tiếng. Tháp nhu cầu của ông có năm tầng, tầng thứ nhất là các nhu cầu cơ bản; tầng thứ hai là nhu cầu an toàn; tầng thứ ba là nhu cầu được giao lưu tình cảm và được trực thuộc; tầng thứ tư là nhu cầu được kính trọng, quý mến và tầng thứ năm là nhu cầu tự thể hiện bản thân.

2. Trường thiên tiểu thuyết "Jean Christophe" của Romain Rolland (1866-1944) được lấy cảm hứng từ cuộc đời Beethoven. Đây là tác phẩm mang tính tự truyện, trình bày mọi vấn đề liên quan đến chính trị, văn học và nghệ thuật, tác phẩm đã mang lại cho tác giả giải Nobel năm 1915.

3. Tiểu thuyết của nhà văn Mỹ Theodore Dreiser, ra đời vào năm 1900.

1. Édouard Séguin (1812 - 1880) là một

bác sĩ và nhà giáo dục sinh ra ở Clamecy, Nièvre, Pháp. Ông được ghi nhớ bởi những đóng góp cho các trẻ em suy giảm nhận thức ở Pháp và Hoa Kỳ. 2. Nguyên văn tác giả nói là Thiên (Tiền/trời), em bé phát âm ngọng thành Diên (Diàn/Đỉnh), dịch giả dịch thành “Trời” và “Tời” để chuyển tải cách phát âm ngọng của cháu bé. 3. Jean Piaget (1896 - 1980) là một nhà tâm lý học và triết học người Thụy Sĩ. Ông nổi tiếng về những nghiên cứu nhận thức luận về trẻ em. Lý thuyết về phát triển nhận thức và góc nhìn nhận thức luận của Piaget được gọi chung là ‘Nhận thức luận di truyền’ (genetic epistemology). 4. Sách do Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2012. 5. Karl Witte (1800 - 1883) là nhà nghiên cứu về Dante của Đức, người lập kỷ lục tiến sĩ trẻ nhất thế giới ở tuổi mười hai, hiện kỷ lục này vẫn chưa bị phá vỡ. 1. Bertrand Arthur William Russell, Bá tước Russell III (1872 - 1970): một triết gia, nhà logic học, nhà toán học người Anh. 1. Jack London (1876 - 1916), nhà văn Mỹ nổi tiếng với tác phẩm “Tiếng gọi nơi hoang dã”, “Gót sắt”, “Tình yêu cuộc sống”, “Nanh trắng”. 1. Trung Quốc tính thang điểm 100. 1. Nguyên văn dùng một từ “kiêu ngạo”, nhưng do sắc thái biểu đạt và hoàn cảnh áp dụng trong tiếng Việt có đặc thù khác biệt so với tiếng Trung, nên dịch giả lựa chọn dịch thành hai từ “kiêu ngạo” và “kiêu hãnh (BTV). 1. Con lừ trong tiếng Trung phát âm là “lú”, con cá là “yú”. Bởi vậy ở đây bé nghe không rõ nên đã nhầm hai từ này với nhau. 2. Sigmund Freud (tên đầy đủ là Sigmund Schlomo Freud; 1856 - 1939) là một bác sĩ về thần kinh và tâm lý người Áo. Ông được công nhận là người đặt nền móng và phát triển lĩnh vực nghiên cứu phân tâm học. 1. Tam đoạn thức là công thức biện chứng phổ quát của mọi sự tồn tại, vận động và phát triển. Tam đoạn thức có ba thành phần chính: Chính đề, tức luận đề chủ yếu; Phản đề, phủ định của chính đề theo nghĩa phủ định biện chứng; Hợp đề, tổng hợp chính đề và phản đề, là sự thống nhất mâu thuẫn giữa chính đề và phản đề, là sự phủ định của phủ định nguyên đề. 2. Chuỗi thức ăn (quan hệ thức ăn) là một dãy gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau, loài đứng trước là thức ăn của loài đứng sau. 1. “Hoàng tử bé”: Tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Antoine de Saint-Exupéry, xuất bản năm 1943. 2. Để phát triển năng lực tư duy, rèn luyện kỹ năng làm việc và quản lý công việc của trẻ, Montessori dành cho trẻ những khoảng thời gian mở để thực hiện các “dự án” của mình. Dựa trên quan sát, bà đưa ra kết luận rằng, trẻ em thể hiện sự tập trung cao độ khi được tự do khám phá vô số những điều thú vị xung quanh. Do đó các giáo viên Montessori cho phép trẻ tự chọn công việc mà chúng sẽ làm, tự quyết định cách làm và thời gian hoàn tất. Như vậy, học sinh thì được tự do tìm hiểu và trải nghiệm trong khi giáo viên có thời gian để quan sát và giúp đỡ trẻ khi cần. Giáo viên không yêu cầu trẻ bỏ dở công việc của chúng, trừ khi thực sự cần thiết. 3. Montessori phát triển bộ đồ dùng dạy học để phát triển năm lĩnh vực: giác quan, kỹ năng cuộc sống, ngôn ngữ, toán, địa lý và văn hóa. Bộ đồ dùng dạy học này bao gồm 134 trò chơi khác nhau dành cho trẻ. Các trò chơi này được thiết kế để trẻ tự chơi và tự kiểm chứng kết quả công việc của mình (ví dụ bộ xếp hình bản đồ thế giới, nếu các mảnh ghép sẽ chưa khớp lại được với nhau, trẻ tự biết là mình chưa xếp đúng). Giáo viên được đào tạo để hiểu rõ ý nghĩa của mỗi trò chơi, quy trình và cách giải thích cho trẻ. Trong giờ học, trẻ tự lựa chọn trò chơi cho mình - mỗi trò nhằm phát triển một hay một vài trong số năm lĩnh vực trên. Nếu trẻ gặp khó khăn, giáo viên sẽ đưa ra chỉ dẫn hợp lý cho trẻ. Ở đây, tác giả muốn hướng con thao tác các đồ dùng dạy toán. 1. Ở đây nguyên văn là “Hộp thứ ba là sắc thái màu của cả hai hộp đầu tiên”, nhưng trên thực tế không phải

vậy, hộp thứ hai đã bao gồm ba màu của hộp thứ nhất, trong khi hộp thứ ba chỉ có chín màu. Tham khảo thêm tại:

<http://www.infomontessori.com/sensorial/visual-sense-color-tablets.htm> và <http://www.nienhuis.com/en/third-box-of-color-tablets-1-2.html>

2. Paul Cézanne (1839 - 1906) là một họa sĩ người Pháp thuộc trường phái hậu ấn tượng, là người được coi là cây cầu nối giữa trường phái ấn tượng thế kỷ 19 và trường phái lập thể thế kỷ 20. 3. Claude Monet (1840 - 1926) họa sĩ nổi tiếng người Pháp, một trong những người sáng lập ra trường phái ấn tượng. 4. Triết lý loại suy, hay suy luận loại suy xuất phát từ sự giống nhau có thực của hai đối tượng đó để đưa ra kết luận. 1. Erich Seligmann Fromm (1900 - 1980) là nhà tâm lý học xã hội, nhà phân tâm học, nhà xã hội học, triết gia nhân văn và nhà xã hội học dân chủ người Đức. 2. Alfred Adler: Bác sĩ và nhà tâm lý học người Áo, được biết tới nhiều nhất với tư cách người sáng lập ra Tâm lý học cá nhân (Individual psychology). Được tin nhiệm ngang với Carl Jung và Sigmund Freud như một trong những nhà sáng lập có ảnh hưởng nhất tới tâm lý học hiện đại. Trong số những đóng góp chủ yếu của Adler phải kể tới kỳ vọng bẩm sinh (birth order) trong sự hình thành nhân cách, sự ảnh hưởng của việc bỏ bê hoặc nuông chiều trong sự phát triển của trẻ em, khái niệm một động lực về “bản ngã hoàn hảo” (self perfecting) trong sự tồn tại của con người, và ý tưởng rằng người ta cần nghiên cứu và đối xử với bệnh nhân như là “con người toàn thể” (a whole person). Một nguyên lý quan trọng khác trong lý thuyết của Adler đó là những mơ tưởng của con người trong tuổi thơ có thể hướng dẫn cho sự nhận thức và các lựa chọn theo suốt cuộc đời họ, và khả năng cùng làm việc với người khác vì một lợi ích cộng đồng là tiêu chuẩn chính yếu về sức khỏe tâm thần. 3. Trích bài thơ “Lời tự thú” Pushkin, Tạ Phương dịch. 1. CCTV (China Central Television) - Đài truyền hình trung ương Trung Quốc. 1. Giáo dục Waldorf là một phương thức giáo dục dựa vào lý thuyết nuôi dạy trẻ của triết gia người Áo Rudolf Steiner. 1. Anton Pavlovich Chekhov (1860-1904) là nhà viết kịch người Nga nổi tiếng và có ảnh hưởng lớn trên thế giới với thể loại truyện ngắn. 2. “Ruồi trâu” là cuốn tiểu thuyết của nhà văn Ethel Lilian Voynich, xuất bản năm 1897 tại Hoa Kỳ và Anh.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>